Terran Williams

Đức Chúa Trời nhìn **phụ nữ** như thế nào

Hồi kết của chế độ phụ quyền

Đức Chúa Trời nhìn phụ nữ như thế nào

Hồi kết của chế độ phụ quyền

Terran Williams

The Spiritual Bakery Publications

Cape Town, Nam Phi

Copyright © Terran Williams, 2022

Dịch từ tiếng Anh, 2026, với sự cho phép của tác giả – tải miễn phí tại www.hans-joerg-ronsdorf.de

Giữ toàn quyền. Không phần nào của ấn phẩm này được sao chép, lưu trữ trong hệ thống truy xuất dữ liệu hay truyền tải dưới bất kỳ hình thức nào hoặc bằng bất kỳ phương tiện nào – điện tử, cơ học, sao chụp, ghi âm hay cách nào khác – khi chưa có sự cho phép trước bằng văn bản của chủ sở hữu bản quyền.

Các câu Kinh Thánh, nếu không ghi chú khác, được trích từ The Holy Bible, New International Version® NIV®

Copyright © 1973, 1978, 1984, 2011 của Biblica, Inc. TM

Được dùng với sự cho phép. Giữ toàn quyền trên toàn thế giới.

Mọi địa chỉ trang web trong phần chú thích, thường được rút gọn theo dạng www.bit.ly, đã được kiểm tra là truy cập được vào tháng 11 năm 2021.

ISBN của ấn bản bìa mềm trên Amazon (Amazon Paperback): 9798401047878

Người ta nói gì về cuốn sách "Đức Chúa Trời nhìn phụ nữ như thế nào"

Terran Williams đưa ra một cái nhìn trung thực và vững chắc về điều Đức Chúa Trời, trong Kinh Thánh, thật sự nói về phụ nữ và về mối quan hệ giữa nam và nữ. Cuốn sách này sẽ khiến một số người khó chịu – nhưng có lẽ nó nên như vậy, vì Williams xây dựng một lập luận tỉ mỉ rằng chiếc la bàn đạo đức của Đức Chúa Trời luôn chỉ về sự hiệp nhất giữa nam và nữ: trong sự sáng tạo, trong Hội Thánh và trong Đấng Christ. Một nguồn tài liệu tuyệt vời cho bất cứ ai đang trăn trở với đề tài này.

—Tiến sĩ Michael Bird, trưởng khoa học vụ và giảng viên Tân Ước tại Ridley College, Melbourne, Úc; tác giả cuốn Evangelical Theology

Thay vì chỉ trình bày và biện luận cho lập trường của mình về phụ nữ và chức vụ, Terran Williams đưa chúng ta cùng ông bước vào một hành trình. Ông kể lại sự biến đổi của chính mình về thần học, về giải kinh, về đời sống cộng đồng và về cá nhân, và câu chuyện ấy mang lại những nhận xét sắc bén, sự thấu hiểu và những lời cảnh tỉnh thận trọng. Câu chuyện của ông đặc biệt hữu ích vì nó cho thấy quá trình ông phê bình và tổng hợp một khối lượng nghiên cứu rộng lớn, đồng thời giữ vững một sự cam kết không khoan nhượng đối với thẩm quyền của Kinh Thánh. Dẫu vậy, lối viết gần gũi như trò chuyện và cuốn hút của ông làm cho những nghiên cứu và những cách giải nghĩa phức tạp trở nên dễ tiếp cận.

—Tiến sĩ Cynthia Westfall, giáo sư nghiên cứu tại McMaster Divinity College, Ontario, Canada; tác giả cuốn Paul and Gender: Reclaiming the Apostle's Vision for Men and Women in Christ

Với một lối lập luận bền bỉ và trung thực, cùng sự hiểu biết từ bên trong về cả hai lập trường, Terran Williams đưa ra một lập luận được viết cuốn hút và sắp xếp chặt chẽ cho thuyết tương hỗ nam–nữ. Tôi đã có thêm những hiểu biết mới khi đọc những bằng chứng mà, như ông cho thấy, đã buộc ông phải thay đổi quan điểm của chính mình.

—Tiến sĩ Craig Keener, giáo sư Nghiên cứu Kinh Thánh tại Asbury Theological Seminary, Kentucky, Mỹ; biên tập viên của The NIV Cultural Backgrounds Study Bible*; chủ tịch The Evangelical Theological Society giai đoạn 2018–2020*

Trong một cuốn sách mang tính bước ngoặt của thế hệ chúng ta, Terran Williams đào sâu đến tận đáy Kinh Thánh để giành lại những đỉnh cao mà phụ nữ (và nam giới) được kêu gọi vươn tới.

—Starla và Daniel Webster, mục sư của Hội Thánh City Lights Church, Dubai

Đây là một cuốn sách đúng lúc và đáng được nhiều người đọc. Xã hội phần lớn đã đánh mất khả năng thảo luận sôi nổi và tranh luận một cách lịch sự, nhất là khi bàn đến những vấn đề then chốt như giới tính, sự hòa nhập, sự bình đẳng và sắc tộc. Vì thế, thật

tươi mới khi được đọc một cuốn sách viết với ân điển và phẩm giá. Các chương sách để lại cho người đọc ấn tượng rõ rệt rằng người viết không chỉ là một người thật sự dễ mến, mà còn là một người suy nghĩ sáng suốt, quyết tâm trình bày bản văn Kinh Thánh cho đúng đắn. Terran Williams chính là người như vậy – đọc nhiều, diễn đạt lưu loát, cẩn trọng khi xây dựng một ý niệm và đầy ân điển. Tôi đặc biệt mong rằng các anh em nam giới sẽ thấm nhuần sứ điệp của sách và sống một đời sống đầy ân điển trong cộng đồng đức tin, như Đức Chúa Trời vẫn luôn định cho họ.

—Tiến sĩ Paul Alexander, viện trưởng Trinity Bible College and Graduate School, North Dakota, Mỹ; chủ tịch World Alliance for Pentecostal Theological Education

Cuốn sách này trung thực, khiêm nhường, uyên bác và đầy thách thức. Khi đọc, tôi không khỏi nghĩ rằng điều Lee Strobel đã tìm cách làm đối với chủ nghĩa vô thần khi viết *The Case for Christ*, thì Terran Williams làm ở đây đối với thần học theo quan điểm bổ sung (quan điểm cho rằng Đức Chúa Trời ban cho nam và nữ những vai trò khác nhau, trong đó quyền lãnh đạo thuộc về người nam): ông khiến nó ngày càng trở thành một lập trường không thể bênh vực nổi đối với bất cứ ai muốn để cho bằng chứng định hình mình. Tôi vô cùng biết ơn về cuốn sách này – nó sẽ định hình một cách tuyệt vời diện mạo các Hội Thánh của chúng ta. Hãy đọc, hãy trải nghiệm, hãy sống theo nó và hãy thấy Nước Đức Chúa Trời đến qua nó.

—Tiến sĩ Katia Adams, nữ mục sư của The Table, Boston, Mỹ; tác giả cuốn Equal

Công trình toàn diện này về đề tài, với sự cân bằng tốt giữa phân tích và phê bình các học giả nổi tiếng, thể hiện nỗ lực cần mẫn của một người tận tâm theo Chúa Giê-xu nhằm đi đến một sự đánh giá trung thực về một vấn đề đã gây ra biết bao chia rẽ và đau lòng cho các Cơ Đốc nhân, cho Hội Thánh và cho cộng đồng. Chúng ta nên chú tâm lắng nghe!

—Tiến sĩ Quinton Howitt, đồng sáng lập South African Theological Seminary và The School of Leadership

Được viết với sự nhạy bén của người chăn bầy và sự sắc sảo về thần học, cuốn sách này thôi thúc tôi lãnh đạo một tổ chức không phải như thể tôi là một người nam, nhưng như một người cộng sự trọn vẹn trong Tin Lành. Tôi vốn xuất thân từ một hệ phái không cho phụ nữ giảng đạo và lãnh đạo, nên cuốn sách này mang lại cho chồng tôi và tôi một khởi đầu mới khi chúng tôi bắt đầu mở Hội Thánh mới.

—Minah Koela, giám đốc điều hành Beautiful Gates, Cape Town, Nam Phi

Cuốn sách này là sách phải đọc cho mọi tín hữu muốn mở rộng hiểu biết của mình về cách Đức Chúa Trời dựng nên nam và nữ để cùng nhau phục vụ trong Nước Ngài. Terran Williams đã làm điều mà tôi mong mọi Cơ Đốc nhân (và chắc chắn mọi mục sư) sẽ làm – *tự mình* nghiên cứu điều Kinh Thánh nói về giới tính và về sự lãnh đạo của phụ nữ, kể cả tìm hiểu quan điểm của mọi phía. *Đức Chúa Trời nhìn phụ nữ như thế nào* là câu chuyện đầy sức thuyết phục về cuộc tìm kiếm chân lý khiêm nhường của một nhà thần học tận tụy, đồng thời là một nghiên cứu đầy đủ về thần học và thực hành

theo quan điểm bổ sung lẫn theo quan điểm bình đẳng (quan điểm cho rằng nam và nữ bình đẳng và có thể phục vụ trong mọi chức vụ và mọi hình thức lãnh đạo).

—Kadi Cole, giám đốc điều hành Kadi Cole and Company, Florida, Mỹ; cố vấn lãnh đạo; huấn luyện viên điều hành; tác giả cuốn Developing Female Leaders

Bạn có thể nhận ra khi một người yêu mến Kinh Thánh. Lần đầu tiên tôi nghe Terran nói chuyện là với một nhóm thanh niên lướt sóng cách đây 20 năm. Mắt anh sáng lên và anh càng lúc càng hào hứng khi giải thích hết sức rõ ràng rằng Nước Đức Chúa Trời đang tràn vào thế giới chúng ta và đang mở ra cho họ. Đọc cuốn sách này, tôi thấy điều duy nhất đã thay đổi là Terran dường như còn yêu Lời Đức Chúa Trời hơn nữa. Tôi yêu thích từng trang sách và thấy mình cứ thốt lên: Đúng! Đúng! Đúng! Nếu bạn say mê chân lý, sự tự do và tất cả những gì Đức Chúa Trời đã kêu gọi Hội Thánh trở nên, tôi đoán bạn cũng sẽ phản ứng như vậy. Tôi giới thiệu cuốn sách này cho mọi người, bất kể hiện nay bạn đang đứng ở phía nào của hàng rào.

—Paul Van Coller, người lãnh đạo Hope Church tại George, Association of Related Churches tại miền nam châu Phi và Zambia Project

Cuốn sách này mang tính cấp bách cho sứ mạng – đã có những lúc chúng ta làm im tiếng và ngăn cản phần đông nhất của Hội Thánh bước đi trọn vẹn trong sự kêu gọi của mình để thấy thế giới được thay đổi. Lớn lên ở Nam Phi thời *Apartheid* (chế độ phân biệt chủng tộc), tôi biết tận mắt một hệ tư tưởng được thần học sai lầm tán thành đã tạo ra một xã hội nói đầu môi về bình đẳng nhưng vẫn áp bức những người da màu như tôi. Cũng vậy, tôi đã thấy thứ thần học "bình đẳng nhưng khác vai trò" sản sinh ra những người phụ nữ *và* những người đàn ông tan vỡ. Sách của Terran đưa ra một lập luận thần học và học thuật đã giúp tôi đi sâu hơn nữa vào cách tôi phải nhìn và yêu thương vợ tôi cùng những người phụ nữ khác.

—Julian Adams, mục sư tại The Table, Boston, Mỹ; giám đốc Frequentsee; tác giả cuốn Terra Nova

Đây là một hồi chuông thức tỉnh vang rõ. Nếu bạn coi trọng Kinh Thánh, có một trí óc nghiêm cẩn và sẵn lòng làm một công việc sâu sắc, sách sẽ chạm đến bạn. Nhiều người quen thuộc với sự theo đuổi chân lý của Terran, nhưng nơi những chân lý Kinh Thánh này dẫn chúng ta đến có thể là một vùng đất xa lạ. Dù chúng ta rất dễ muốn khăng khăng cố thủ, cuốn sách này có thể chính là điều cần thiết để thay đổi suy nghĩ của chúng ta.

—Jess và Tom Basson, mục sư của Grace Family Church, Durban, Nam Phi

Cũng như trong cuốn sách trước, Terran viết trôi chảy và dễ hiểu, xử lý những lập luận then chốt mà không sa vào chuyện kỹ thuật chuyên môn. Ông nghiên cứu kỹ lưỡng và khảo sát toàn bộ các lập luận của phía bổ sung lẫn phía bình đẳng. Câu chuyện ông chia sẻ về hành trình cùng vợ mình, Julie, đi đến một cuộc hôn nhân và một chức vụ đồng đẳng, khiến lập luận của ông bám rễ trong thực tế. Trong số những tác phẩm tôi đã đọc giúp những người theo quan điểm bổ sung suy nghĩ lại vấn đề, đây là một trong những cuốn có sức thuyết phục hơn cả.

—Tiến sĩ Derek Morphew, người sáng lập Vineyard Bible Institute quốc tế; tác giả cuốn The Kingdom Reformation

Đức Chúa Trời nhìn phụ nữ như thế nào thật mạnh mẽ và tuyệt vời! Sách tôn trọng thẩm quyền của Kinh Thánh và đưa ra một sự phê bình thiết yếu đối với niềm tin rằng đàn ông phải lãnh đạo. Terran Williams sử dụng nhiều ngành khác nhau – chẳng hạn thần học, khoa học phát triển và khoa học xã hội – để thách thức việc thần học theo quan điểm bổ sung cản trở sự phát triển trọn vẹn của con người. Công trình của ông vừa chặt chẽ về lý luận vừa toàn diện. Sách dễ tiếp cận một cách tuyệt vời và đề cập những vấn đề phức tạp bằng ân điển và sự khéo léo.

—Tiến sĩ Mimi Haddad, chủ tịch kiêm giám đốc điều hành CBE International; cố vấn về thần học và giới tính cho World Relief và World Vision International

Theo ý tôi, đây là cuốn sách hay nhất về cuộc tranh luận giữa quan điểm bổ sung và quan điểm bình đẳng trong giới Tin Lành Phúc Âm. Đây là một cuốn sách xuất sắc, hạng nhất, đáng được các tín hữu Tin Lành Phúc Âm đọc rộng rãi. Hãy mua tặng bạn bè, hãy cho mượn rộng rãi. Sách làm nổi bật chân lý rằng Tin Lành giải phóng người bị áp bức. Kinh Thánh từ trang đầu đến trang cuối là tin lành cho cả nam lẫn nữ.

—Tiến sĩ Kevin Giles, tác giả cuốn What the Bible Actually Teaches on Women

Lời đề tặng

Trước hết, tôi đề tặng cuốn sách này cho Julie, người bạn tri kỷ của tôi và người cộng sự đã qua thử thách trận mạc trong cuộc đời, trong việc nuôi dạy con cái và trong việc thay đổi thế giới.

Cũng xin tặng Ivy, con gái của chúng tôi – nữ tính mà mạnh mẽ, còn trẻ nhưng đã thấm đượm ý thức về sự kêu gọi thiêng liêng. Mong con chạy cuộc đua mà con đã được kêu gọi, với niềm vui và sự tự tin, không mang chút nào những hoài nghi và tự vấn mà biết bao phụ nữ đi trước con đã phải chịu đựng.

Trên những đồng cỏ xavan của lục địa chúng tôi, sư tử đực và sư tử cái cùng gầm vang để cho thấy sức mạnh của cả bầy. Trong thiên nhiên hoang dã thế nào, thì trong gia đình chúng tôi cũng thế, trong Hội Thánh chúng tôi cũng thế – và trong thế giới của chúng ta cũng thế.

Sau cùng, tôi dâng cuốn sách này cho mỗi người khao khát trả lời một cách mới mẻ câu hỏi dò xét tâm hồn của Chúa Giê-xu trong Lu-ca 7:44:

"Ngươi thấy người đàn bà này không?"

Mục lục

Lời tựa **11**

Mở đầu: Đức Chúa Trời nhìn phụ nữ như thế nào **15**

1 Tôi đã thay đổi quan điểm **19**

Phần thứ nhất – SỰ SA SÚT VÀ SỰ TRỖI DẬY CỦA PHỤ NỮ **27**

2 Phái thấp kém **28**

3 Sự trỗi dậy (và những cạm bẫy) của thuyết bổ sung **51**

4 Mối quan hệ cộng sự được tạo dựng nơi địa đàng **79**

5 Mối quan hệ nam nữ được cứu chuộc **108**

Phần thứ hai – PHỤ NỮ (KHÔNG) BỊ GIỚI HẠN **129**

6 Những người phụ nữ ở Cô-rinh-tô **130**

7 1 Ti-mô-thê 2:11-15 ..... **162**

8 Hỡi người làm vợ, hãy thuận phục **208**

9 Đức Chúa Trời, Đấng hạ mình thích ứng **248**

Phần thứ ba – CHỨC VỤ CỦA PHỤ NỮ **269**

10 Những người phụ nữ mạnh mẽ trong Cựu Ước **270**

11 Những người phụ nữ mạnh mẽ trong các sách Phúc Âm **289**

12 Những người phụ nữ mạnh mẽ trong Hội Thánh ban đầu **308**

13 Ân tứ (Rô-ma 12) đối lại giới tính (1 Ti-mô-thê 3) **343**

Phần thứ tư – SỰ GIẢI PHÓNG PHỤ NỮ **363**

14 Nữ tính và nam tính theo Kinh Thánh **364**

15 Đưa Ê-va ra khỏi khuôn khổ nội trợ **383**

16 Những hệ quả thực tiễn cho các Hội Thánh **395**

17 Nhân dân kiện chế độ phụ quyền **409**

Lời kết: Chúa Giê-xu nhìn phụ nữ như thế nào **431**

Phụ lục 1: Đức Chúa Trời có phải là nam giới không? **434**

Phụ lục 2: A-đam và Ê-va trước sự sa ngã (tiếp theo) **444**

Phụ lục 3: Ý nghĩa của kephalē **450**

Phụ lục 4: Phụ nữ có được dạy dỗ không? **458**

Phụ lục 5: Thêm hai lập luận từ 1 Ti-mô-thê 3 ..... **464**

Phụ lục 6: Vì sao sự thật có thể không thay đổi được suy nghĩ của chúng ta **473**

Lời cảm ơn chân thành **485**

Tài liệu tham khảo chọn lọc **487**

Sách khác của Terran Williams **490**

LỜI TỰA

Phần lớn cuộc đời mình, tôi là một người theo Đấng Christ.

Trọn cả cuộc đời mình, tôi là một người phụ nữ.

Nơi hai đặc điểm ấy giao nhau là một hành trình buông bỏ và nhặt lên … buông bỏ những kỳ vọng của gia đình, của bản thân, của xã hội và thậm chí của cả Hội Thánh về việc tôi là ai. Và giành lại những điều (có lúc đã bị quên lãng) của tôi: quyền tự chủ, mục đích, thẩm quyền, cùng sự nhận biết Đức Chúa Trời là ai và đến lượt Ngài, Ngài phán tôi là ai.

Cuốn sách này, và cụ thể hơn là người đàn ông đã viết nó, đã đóng một vai trò then chốt trong hành trình ấy. Lần đầu chúng tôi gặp nhau khi tôi mới 17 tuổi – tôi, một cô gái mới đến với đôi mắt mở to ngơ ngác, còn anh, một người lãnh đạo tóc tai bù xù của Hội Thánh mà cả hai chúng tôi sẽ gọi là nhà trong suốt hai mươi năm sau đó.

Năm đứa con, 4 ngôi nhà, 18 năm hôn nhân và 1 lần kiệt sức sau đó, tôi vẫn thấy mắt mình mở to ngơ ngác như xưa, và giờ thì cả hai chúng tôi đều tóc tai bù xù! Thế nhưng bên dưới những nét bề ngoài ấy là hai trái tim mang đầy vết sẹo chiến trận, đã học và đã bỏ đi những điều từng học, để nhìn nhau ngày càng giống cách Đức Chúa Trời nhìn người kia.

Điều thú vị là khi chồng tôi mới bắt đầu hành trình thay đổi thần học của anh về phụ nữ, tôi lại là người phê bình anh gay gắt nhất. Cả hai chúng tôi đều đã học thần học trước đó, và chính tôi đã vật lộn với đề tài này nhiều năm trước – tôi thậm chí đã làm chứng rằng Đức Chúa Trời đã phán với tôi trong quãng thời gian đầy sóng gió ấy của đức tin, và dịu dàng thì thầm với tấm lòng mỏi mệt của tôi: "Sao con phải giành giật vị trí khi con đã được ngồi trên lòng Ta rồi?"

Khoảnh khắc ấy, tôi đã thấy mình đúng như con người thật của mình.

Tôi không phải là một kẻ đầy tớ bị xem nhẹ cần phải đòi quyền lợi cho mình. Tôi là con gái yêu dấu của Đấng Chí Cao. Tôi chẳng cần chen lấn xô đẩy để được đứng cạnh các anh em mình; tôi đã được ngồi với Đức Chúa Trời rồi, gần trái tim Ngài, đúng nơi tôi khao khát nhất – bất kể vai trò và những giới hạn.

Sau cuộc gặp gỡ ấy, tôi vui vẻ chấp nhận vai trò được cho là Đức Chúa Trời ban cho tôi: vai trò người giúp đỡ. Thật lòng mà nói, sau nhiều năm vật lộn với vị trí của mình trong Hội Thánh, đó là một sự nhẹ nhõm.

Và tôi chẳng hề cảm thấy bị áp bức; những cơ hội phục vụ cứ đến dồn dập. Tôi giảng, tôi điều hành các buổi nhóm, tôi tham gia những quyết định lãnh đạo hệ trọng, tôi cùng chồng mở các Hội Thánh mới, tôi đồng tổ chức những sự kiện dành cho phụ nữ tiếp cận hàng ngàn người.

Thế mà giờ đây chồng tôi – sau ngần ấy năm – lại nói với tôi rằng anh nghĩ chúng tôi đã sai! Rằng bằng cách nào đó, với thần học của mình, chúng tôi đang làm tổn hại phụ nữ và làm tổn hại lời chứng của Hội Thánh.

Tôi đã chống lại. Trong một thời gian dài.

Một lẽ là *chính tôi* không cảm thấy mình bị đối xử bất công gì đặc biệt. Và nếu tôi thay đổi lập trường, chẳng phải điều đó, trớ trêu thay, sẽ cho thấy chồng tôi vẫn là đầu của gia đình, với một người vợ chỉ biết đi theo bóng niềm tin của chồng sao? Terran không thúc ép, nhưng theo thời gian, và sau khi suy ngẫm thêm, tôi dần dần nhận ra rằng ngay từ đầu, mối quan hệ (hay Hội Thánh) của chúng tôi chưa bao giờ là một mối quan hệ theo quan điểm bổ sung điển hình.

Tôi lớn lên trong một gia đình có người mẹ cũng giỏi giang và chăm chỉ không kém gì cha tôi. Tôi học ở một trường nữ sinh tuyệt vời – nơi chúng tôi thậm chí không cần ai bảo rằng mình có thể làm bất cứ điều gì với cuộc đời và tiềm năng của mình; chúng tôi đã mặc nhiên cho là thế! Sau đó tôi sớm gặt hái thành công trong việc học đại học, trong sự nghiệp và trong chức vụ – chưa bao giờ cảm thấy mình thua kém những người nam mà tôi cùng làm việc, cùng phục vụ và cùng sống bên cạnh.

Trớ trêu thay, việc tôi khăng khăng giữ lấy thần học theo quan điểm bổ sung của mình (xuất phát từ niềm xác tín rằng tôi nên tự mình quyết định), cùng với phản ứng điềm nhiên của Terran trước điều đó, lại chứng tỏ rằng thật ra trong sự cộng tác với nhau, chúng tôi đã theo quan điểm bình đẳng nhiều hơn điều tôi lúc đầu muốn thừa nhận.

Không chỉ người đàn ông bên cạnh tôi, mà cả cuốn sách này nữa, đã là một trong những món quà lớn nhất Đức Chúa Trời ban cho tôi. Đức Chúa Trời đã dùng nó để định hình lại cách tôi nhìn chính mình như một người phụ nữ, và qua đó, cả cách tôi nhìn Đức Chúa Trời nữa.

Dù tôi chưa bao giờ cảm thấy bị người khác gạt ra bên lề trong Hội Thánh theo quan điểm bổ sung trước đây của chúng tôi, giờ đây tôi nhận ra rằng, theo những cách tinh vi, chính tôi đã tự gạt mình ra bên lề vì quá nhường bước cho người khác – thôi không mơ những giấc mơ lớn hơn, và làm nhỏ đi tiếng nói cùng tiềm năng của chính mình. Nhưng có lẽ đau lòng hơn nữa, giờ đây tôi thấy rằng dù tôi chưa bao giờ bị từ chối một chỗ ngồi bên bàn, thì nhiều chị em có ân tứ tương tự như tôi lại bị từ chối, chỉ vì họ độc thân, hoặc vì chồng họ không phải là người lãnh đạo. Ý nghĩ rằng tôi đã hài lòng với thần học của chúng tôi lâu đến thế vì nó có lợi cho tôi trong khi làm tổn thương biết bao người khác, giờ đây khiến tôi đau buồn. Dẫu vậy, vẫn còn nhiều điều để biết ơn và để hy vọng. Đức Chúa Trời chưa xong việc với bất cứ ai trong chúng ta!

Dù tâm trí và tấm lòng tôi vẫn còn cần được đổi mới rất nhiều, lời thì thầm của Đức Chúa Trời từ hàng chục năm trước ngày nay vẫn đúng như lúc ấy. Tôi *đang* ngồi trên lòng Đức Chúa Trời, và tôi chẳng bao giờ cần giành giật vị trí. Tôi bình đẳng về mọi phương diện với các anh em tôi trong Nước Đức Chúa Trời. Chỉ có điều giờ đây, thần học của tôi đã khớp với thực hành và trải nghiệm sống của tôi.

Tôi cầu nguyện để cuốn sách này cũng trở thành một ân điển tương tự cho bạn, bạn đọc thân mến. Như Lời mà tất cả chúng ta yêu mến, nguyện những lời trong sách soi sáng tâm trí bạn và giúp bạn không chỉ nhìn thấy chính mình rõ hơn, mà còn thấy Đức Chúa Trời – Đấng mà trong mắt Ngài, hình bóng bạn phản chiếu rực cháy bằng một tình yêu mãnh liệt và giải phóng.

—Julie Williams

MỞ ĐẦU: ĐỨC CHÚA TRỜI NHÌN PHỤ NỮ NHƯ THẾ NÀO

Trong phần lớn lịch sử Hội Thánh, người ta đã tin rằng dù phụ nữ là gì đi nữa, họ vẫn thấp kém hơn nam giới. Việc Kinh Thánh nhắc đến phụ nữ ít hơn nam giới rất nhiều (chỉ 200 trong số 3.000 nhân vật có tên) phần nào giải thích vì sao suốt nhiều thế kỷ người ta mặc nhiên cho rằng phụ nữ kém quan trọng hơn nam giới, và không ai chất vấn điều đó. Nhưng Đức Chúa Trời, Đấng đã chọn cung lòng của một người nữ để qua đó đến thăm thế giới của Ngài, chưa bao giờ đặt nặng con số hay tầm vóc. Ngay cả trong những phần Kinh Thánh mà một người nam đóng vai chính, vẫn có những người nữ – dù vai trò của họ nhỏ hơn – bày tỏ khải tượng của Đức Chúa Trời về sự cộng tác giữa nam và nữ nhiều hơn hẳn điều chúng ta có thể nhận ra thoạt nhìn.

Hãy lấy Áp-ra-ham làm ví dụ. Ông là người Do Thái đầu tiên – một người nam, một người tự do, một người có địa vị xã hội và của cải. Đức Chúa Trời hứa với ông rằng con cháu của ông sẽ tạo nên một ảnh hưởng lớn lao. Thế nhưng ông vẫn là con người của thời đại mình: việc được chọn không xóa đi cách ông đối xử tệ hại với A-ga, người nữ nô lệ Ai Cập của ông. Theo lời yêu cầu của người vợ hiếm muộn, ông dùng A-ga để có một đứa con. Khi A-ga đã có thai, ông lại để mặc cho người vợ đầy ghen tuông của mình ngược đãi bà, cho đến khi A-ga bỏ trốn vào đồng vắng.

Câu chuyện của bà thật bi thảm: nếu không ai giải cứu bà và đứa con trong bụng, cả hai sẽ chết. Rồi Đức Chúa Trời bước vào. Ngài can thiệp để giải cứu bà, sai bà trở về với lời bảo đảm rằng Ngài sẽ bảo vệ cả bà lẫn con trai bà. Đó là một lời hứa vang vọng lời hứa Ngài đã ban cho Áp-ra-ham trước đó: "Ta sẽ thêm dòng dõi ngươi nhiều, đông đúc đến nỗi người ta đếm không được."[1]

1. Sáng Thế Ký 16:10

Chúng ta hãy suy ngẫm ý nghĩa của điều này: giữa một thế giới do nam giới thống trị, Đức Chúa Trời bắt đầu bày tỏ chương trình cứu chuộc vĩ đại của Ngài cho Áp-ra-ham, người đầu tiên trong các tộc trưởng của Kinh Thánh. Thế nhưng ngay trong lúc làm điều đó, Ngài cũng đến bên một người nữ. Và không phải bất cứ người nữ nào, mà là một người ở tận đáy nấc thang xã hội – một nô lệ. Lạc lối giữa sa mạc hoang vu, với tấm lòng tan vỡ, tâm thần tuyệt vọng và thân thể bị xâm phạm – chính lúc ấy Đức Chúa Trời nhìn thấy A-ga và gọi ra qua bà một sự vĩ đại trong tương lai, điều mà hoàn cảnh xã hội đương thời lẽ ra đã khiến cho gần như không thể.

Bà đáp lại sự khẳng định của Đức Chúa Trời bằng cách trở thành người duy nhất trong toàn bộ Kinh Thánh đặt tên cho Đấng Tạo Hóa của mình là "Đức Chúa Trời là Đấng thấy tôi."[2] Bước đột phá của bà đến từ một thần học tốt hơn. Lần đầu tiên, bà nhìn thấy chính mình không phải như Áp-ra-ham, Sa-ra hay xã hội thời ấy nhìn bà, mà như Đức Chúa Trời nhìn bà. Bà là một hạt giống được gieo sớm trong câu chuyện dài của Kinh Thánh, một ngày kia sẽ kết quả trong Đấng Christ, Đấng sẽ nâng lên sự vĩ đại trong Nước Ngài không chỉ người Do Thái mà cả dân ngoại, không chỉ người tự do mà cả nô lệ, không chỉ người giàu mà cả người nghèo, *và không chỉ nam giới mà cả phụ nữ*.

VÌ SAO (VÀ CHO AI) TÔI VIẾT

Tôi viết cho phụ nữ. Bạn có khao khát tôn trọng Kinh Thánh và dâng hiến tất cả cho Đức Chúa Trời và Hội Thánh của Ngài không? Vậy thì chúng ta hãy phá tung những cánh cửa của giáo lý hạn hẹp, thiếu căn cứ; đập vỡ những trần kính; và mở khóa những chiếc lồng hoài nghi bản thân mà quá nhiều người đã sống bên trong quá lâu. Hãy làm điều đó bằng cách nhìn vào Kinh Thánh để khám phá lại Đức Chúa Trời thật sự nhìn bạn như thế nào.

Tôi viết cho nam giới. Dù bạn có ý thức hay không, bạn đã có sẵn một thần học về phụ nữ. Nó chi phối cách bạn nhìn một nửa nhân loại, và hơn một nửa cô dâu của Đấng Christ. Vì vậy, nó không thể tách rời khỏi nhân tính và đời sống môn đồ của chính bạn. Nhìn phụ nữ theo cách Đức Chúa Trời nhìn họ

2. Sáng Thế Ký 16:13

sẽ không chỉ là một món quà cho những người phụ nữ mà bạn cùng làm việc, cùng phục vụ và cùng sống bên cạnh, mà còn là một phần không thể thiếu trong chính trải nghiệm tự do và nên thánh của bạn. Ít nhất, đó là trải nghiệm của tôi.

Tôi viết cho những người hoài nghi chân thành. Bạn có những nghi ngờ thật sự về việc phụ nữ có thể và có được phép hoàn toàn ngang hàng với nam giới hay không, nhất là khi nói đến sự lãnh đạo trong Hội Thánh? Tôi hy vọng khiêm nhường mở Kinh Thánh ra theo một cách giúp bạn chú ý đến những định kiến và những niềm tin bạn đã thừa hưởng. Điều này đòi hỏi một sự phân tích chi tiết, từng điểm một, về nhiều cách giải nghĩa Kinh Thánh đã được phổ biến qua vô số trang web, tổ chức, sách vở và thậm chí cả một cuốn Kinh Thánh nghiên cứu (Study Bible).

Tôi viết cho những người lãnh đạo Hội Thánh. Nếu bạn là một người lãnh đạo Hội Thánh theo quan điểm bổ sung, như tôi đã từng là trong phần lớn đời trưởng thành của mình, bạn phải chắc chắn rằng những gì bạn tin, thực hành và ngăn cấm liên quan đến phụ nữ trong Hội Thánh của bạn đều dựa trên một thần học được suy xét cẩn thận và dựa trên toàn bộ Kinh Thánh. Bởi lẽ, lập trường thần học của bạn không chỉ ảnh hưởng đến bạn – nó tác động đến vô số người khác, và trong một số trường hợp, làm thay đổi hướng đi của cả một cuộc đời.

Dù tôi buộc phải thách thức nhiều giả định đã tồn tại lâu đời, tôi không hề muốn chia rẽ Hội Thánh. Như Phao-lô khi viết cho người Cô-rinh-tô, cuốn sách này ra đời từ "nỗi khốn khổ và lòng đau đớn, với nhiều nước mắt – chẳng phải để anh em buồn rầu, nhưng vì lòng yêu thương sâu đậm của tôi đối với Hội Thánh."[3] Tôi hy vọng rằng khi đọc sách, bạn sẽ trải nghiệm phần nào điều tôi đã trải nghiệm – niềm rung động và ân điển không xứng đáng khi những cái vảy rơi khỏi đôi mắt mỏi mệt.

Tôi khó mà là một nhà cách mạng đứng lên bênh vực phụ nữ. Nói thật, tôi cảm thấy mình đến bữa tiệc trễ một cách đáng tiếc – như một cậu bé đánh trống góp phần mình khi trận chiến đã gần kết thúc – lúc sự tự do cho các chị em tôi đã gần trong tầm mắt. Thế nhưng tôi vẫn cảm thấy một sự thôi thúc gần như thánh khiết phải cất tiếng, phải gióng trống của mình, ngay cả vào

3. 2 Cô-rinh-tô 2:4

giờ này. Vì trong những năm gần đây, dù nhiều Hội Thánh đã có những bước tiến lớn, tôi đã chứng kiến những hậu quả đáng lo ngại sâu sắc và "số thương vong" ngày càng tăng (dù không ai nói ra) do những Hội Thánh có thiện ý nhưng giữ một thần học phụ quyền gây ra. Phía sau họ là những A-ga. Đó là vô số phụ nữ đã bị đẩy vào đồng vắng, với tâm thần tan vỡ, tiềm năng chưa được sinh ra và những ước mơ bị sẩy. Theo một nghĩa nào đó, cuốn sách này là hành trình của tôi đi vào chính đồng vắng ấy – không phải với tư cách nạn nhân, mà với tư cách một người từng gây ra tổn thương. Đó là một cuộc hành hương từ sự tự tin thô thiển, ngạo mạn, qua sự phức tạp làm rối trí, rồi đến sự kính sợ khiêm nhường, khi tôi thấy điều vẫn luôn có trong Kinh Thánh: điều Đức Chúa Trời thấy khi Ngài nhìn một người phụ nữ.

Dù tôi viết chủ yếu với cái nhìn đầy hy vọng hướng về một Hội Thánh tương lai hữu hiệu hơn và tôn vinh Đấng Christ hơn, tôi cũng viết với cái nhìn nặng lòng về quá khứ, khi thừa nhận những cách mà tôi đã vô tình làm suy yếu chính những Hội Thánh tôi từng góp phần lãnh đạo. Vì vậy, cuốn sách này là lời xin lỗi của tôi gửi đến tất cả những người phụ nữ mà thế giới của họ có lẽ đã bị tôi vô tình thu hẹp lại, và là nỗ lực của tôi để sửa lại những sai trái mà tôi đã góp phần gây ra.

1

TÔI ĐÃ THAY ĐỔI QUAN ĐIỂM

"Thay đổi quan điểm không có nghĩa là chúng ta đã từ bỏ các nguyên tắc của mình. Có thể nó có nghĩa là chúng ta đã học được điều gì đó." Adam Grant

Bộ từ điển *Oxford Dictionary* định nghĩa chế độ phụ quyền là "bất kỳ hình thức tổ chức xã hội nào trong đó nam giới nắm quyền lực chi phối." Theo định nghĩa này, tôi từng là người chủ yếu trình bày một giáo lý phụ quyền trong Hội Thánh của tôi.[4] Là mục sư chính phụ trách giảng dạy, mỗi năm vài lần tôi đứng trước hàng trăm thành viên mới và giải thích vì sao, theo ý muốn của Đức Chúa Trời, việc nam giới gánh trách nhiệm lớn hơn trong Hội Thánh và trong hôn nhân là đúng với Kinh Thánh. Tôi giải thích:

Theo Kinh Thánh, Đức Chúa Trời dựng nên A-đam và Ê-va để bổ sung cho nhau trong những vai trò bình đẳng nhưng khác biệt. Hơn thế nữa, Đức Chúa Trời đã đem sự bổ sung cho nhau ấy vào Hội Thánh, nên dù phần lớn các vai trò đều mở ra cho phụ nữ, Đức Chúa Trời đã chỉ định riêng nam giới làm trưởng lão và mục sư. Dù có áp lực văn hóa rất lớn đòi xét lại điều này, chúng ta quyết tâm lấy Kinh Thánh chứ không phải văn hóa làm kim chỉ nam.

Và chỉ thế thôi, phần lớn mọi người chấp nhận lập trường của chúng tôi. Khi một số người không chấp nhận và chọn rời đi, tôi tự an ủi rằng trung tín với Chúa Giê-xu là điều quan trọng nhất.

4. Dù tôi chưa bao giờ dùng chữ "chế độ phụ quyền" (patriarchy) để định nghĩa lập trường trước đây của mình, tôi không tìm được chữ nào khác trong tiếng Anh gần với điều tôi đã dạy hơn chữ này.

Rồi vài năm trước, sau khi vấn đề này lại một lần nữa nổi lên và chúng tôi nhận ra những lý lẽ trước đây của mình hơi mỏng, nhóm lãnh đạo nòng cốt của chúng tôi quyết định xem xét lại giáo lý này và soạn ra một bản trình bày cùng biện hộ thấu đáo cho nó. Dù chúng tôi nói chuyện cởi mở về vấn đề, không ai trong chúng tôi thật sự nghĩ rằng mình có thể đã sai trong cách giải nghĩa Kinh Thánh trước đây. Bởi lẽ, chúng tôi có những lãnh đạo Cơ Đốc được kính trọng như John Piper và Timothy Keller, những người đã bênh vực cách đọc Kinh Thánh của chúng tôi trong đủ mọi vấn đề – kể cả giới tính và sự lãnh đạo. Và Đức Chúa Trời đã ban phước cho Hội Thánh chúng tôi tăng trưởng về số lượng trong khi giáo lý này được áp dụng.

Là một trong những người lãnh đạo được đào tạo thần học bài bản nhất, tôi được giao cùng với những người khác viết một bản tham luận về đề tài này. Tôi lao vào đề tài với sự nhiệt tình và hết mình, sẵn sàng đưa ra một sự biện hộ rõ ràng và chín chắn cho lập trường của chúng tôi. Dù đã được đào tạo thần học, đây là lần đầu tiên tôi tìm hiểu sâu các lập luận phản đối *và ủng hộ* việc phụ nữ lãnh đạo trong Hội Thánh. Chưa bao giờ ngại sự thật, tôi đọc mọi thứ có thể tìm được về đề tài này.

Trong lúc làm thế – và tôi chưa bao giờ tưởng tượng điều này có thể xảy ra – sự tự tin của tôi tan thành tro bụi. Càng hiểu điều mình tin, và càng hiểu cách nhiều người ủng hộ nổi tiếng và lên tiếng mạnh mẽ nhất cho niềm tin này đã bênh vực lập trường của họ, tôi càng vỡ lẽ rằng mình đã sai biết bao khi cho rằng những xác tín của mình được xây dựng trên sự giải kinh vững như bàn thạch.[5] Sao lại có thể như vậy? Làm sao biết bao tác giả và học giả mà tôi kính trọng, những người tôi tưởng là miễn nhiễm với cạm bẫy văn hóa, lại chính họ bị một nền văn hóa lỗi thời, mà cũng chẳng kém phần trái Kinh Thánh, cầm giữ? Hành trình đi tìm câu trả lời cho câu hỏi này được trình bày trong cuốn sách này.

Tôi không thay đổi quan điểm một cách cẩu thả. Tôi đặc biệt áp dụng lời khuyên của sách Châm Ngôn: "Người trình bày trước nghe như phải lẽ, cho

5. Trải nghiệm này rất phổ biến. Chẳng hạn, Andrew Bartlett viết trong "Men and Women in Christ": "Khi bắt đầu viết, tôi không chắc mình sẽ đi đến đâu. … Về chức vụ của phụ nữ, tôi nghĩ mình có thể sẽ tìm thấy những lập luận khá mạnh và cân bằng tinh tế ở cả hai phía, nghĩa là bất cứ kết luận nào về vấn đề ấy cũng chỉ có thể là tạm thời. Tôi đã sai ..." (tr. 15)

đến khi có người khác đến tra vấn."[6] Để chắc chắn gấp đôi, gấp ba, tôi lật từng hòn đá – từng bản văn và từng lập luận – xem xét nó từ mọi phía, đi đi lại lại nhiều lần. Nhìn lại, đó hóa ra là một trong những hành trình giải phóng nhất.

ĐỊNH NGHĨA VÀ NHỮNG THỜI KHẮC QUYẾT ĐỊNH

Cho phép tôi định nghĩa một số thuật ngữ tôi dùng trong sách này. Khi nói *chế độ phụ quyền* hay *thứ bậc giới tính*, tôi muốn nói đến giả định rằng trong bất cứ lĩnh vực nào được đề cập – dù là gia đình, Hội Thánh hay xã hội – nam giới được ủy nhiệm để nắm thẩm quyền cao nhất. Trái với những hàm ý của văn hóa thế tục ngày nay vốn miêu tả đàn ông như những kẻ bắt nạt, kẻ săn mồi, kẻ trốn tránh trách nhiệm và kẻ ham quyền lực, khi tôi dùng các thuật ngữ này, tôi không có ý nói rằng đàn ông luôn là kẻ áp bức, hay nam tính của họ tất yếu là độc hại. Điều đáng khích lệ là ngày càng nhiều Hội Thánh phụ quyền đang khám phá sự khôn ngoan của việc lắng nghe tiếng nói của phụ nữ. Tuy nhiên, dù những Hội Thánh này cho phụ nữ *có tiếng nói*, người ta vẫn hiểu rằng đàn ông mới có *tiếng nói sau cùng*.

Trong sách này, tôi chủ yếu sẽ nói đến một hình thức cụ thể của chế độ phụ quyền được gọi là *thuyết bổ sung*. Đây là một dạng chế độ phụ quyền được sửa đổi, mới xuất hiện gần đây và có ảnh hưởng rất lớn, được hình thành trong giới Hội Thánh Mỹ vào một phần tư cuối của thế kỷ trước. Dù tuyên bố đặt hai giới ngang bằng nhau, nó loại trừ phụ nữ khỏi việc giảng đạo và lãnh đạo mục vụ trong Hội Thánh; đề cao sự thuận phục của người vợ trong hôn nhân; và ở mức độ thấp hơn, đặt nghi vấn về sự lãnh đạo của phụ nữ trong xã hội. Nó cũng có xu hướng trước hết đề cao vai trò gia đình của phụ nữ: người hỗ trợ chồng, người nội trợ và người nuôi dạy con cái.

Khiến cho lịch sử còn non trẻ của thuyết bổ sung thêm phần phức tạp, gần đây một tỷ lệ nhỏ các Hội Thánh đã cố gắng *làm dịu* những hệ quả khắt khe hơn của nó – cho phép phụ nữ giảng đạo (nhưng không có thẩm quyền). Phụ nữ cũng có thể lãnh đạo nam giới trong Hội Thánh (nhưng chỉ ở những cấp lãnh đạo thấp hơn). Họ có thể là những người lãnh đạo hàng đầu trong xã

6. Châm Ngôn 18:17

hội (nhưng không được làm lãnh đạo cấp cao trong Hội Thánh). Họ có thể cùng chồng đưa ra quyết định (nhưng khi bất đồng, người chồng là người nắm lá phiếu quyết định). Điều này được gọi là *thuyết bổ sung ôn hòa*.

Suốt hai thập kỷ, tôi hẳn đã tự mô tả mình là một người theo quan điểm bổ sung ôn hòa. Giống như nhiều lãnh đạo khác ở trong những giới Hội Thánh tương tự, tôi quý trọng và làm việc bên cạnh nhiều phụ nữ có ân tứ – biết ơn vì được thuộc về một Hội Thánh lành mạnh, dường như không giới hạn, không bịt miệng hay đè nén sự kêu gọi hay sự đóng góp của họ.

Thế nhưng khi nghiên cứu Kinh Thánh một cách mới mẻ, tôi phải thừa nhận rằng nếu các phương pháp giải nghĩa Kinh Thánh nguyên thủy của thuyết bổ sung là đúng, thì thuyết bổ sung ôn hòa khó bênh vực hơn nhiều so với tôi từng hy vọng. Đơn giản là nó không còn có một lập luận Kinh Thánh vững chắc nào cho những thực hành cởi mở hơn của nó. Tôi đi đến kết luận rằng hoặc chúng tôi nên thực hành điều mình tin – và không cho phụ nữ giảng đạo, lãnh đạo hay thậm chí đồng lãnh đạo với nam giới – hoặc chúng tôi nên xem xét kỹ hơn điều mình tin, và vì sao mình tin. (Suy cho cùng, nếu thuyết bổ sung là sai, thì ngay cả một dạng ôn hòa của nó cũng chẳng thể chấp nhận được hơn một dạng ôn hòa của chủ nghĩa phân biệt chủng tộc.)

Sau khi làm đúng như thế, xem xét kỹ hơn từng nguồn tư liệu sơ cấp và thứ cấp, điều tôi khám phá đã làm tôi bất an sâu sắc. Khi khảo sát kỹ hơn, tôi sửng sốt phát hiện rằng những nhà thần học được kính trọng (như Wayne Grudem, Tom Schreiner và Andreas Köstenberger), cũng như những mục sư được yêu mến (như John Piper và Timothy Keller), đều đã đưa ra những phân tích Kinh Thánh thiếu vững chắc một cách nghiêm trọng và những lập luận thiếu cân bằng để đi đến kết luận loại trừ phụ nữ khỏi nhiều vai trò có ảnh hưởng lớn. Thật vậy, *tôi không tìm được một lập luận Kinh Thánh kín kẽ nào cho việc loại trừ phụ nữ khỏi sự lãnh đạo cấp cao*. Dù có thể đưa ra bao nhiêu lập luận đi nữa, mỗi lập luận đều có khiếm khuyết đáng kể. Và chỉ gom chúng lại với nhau thì cũng chẳng khiến chúng vững chắc hơn, cũng như chồng nhiều lá bài mỏng manh lên nhau chỉ tạo thành một tòa lâu đài bằng bài.

Ngược lại, tôi cũng kinh ngạc không kém khi tìm thấy những lập luận Kinh Thánh vững vàng, thậm chí đầy sức thuyết phục, cho thấy vì sao phụ nữ *nên*

được tham gia. Sự cam kết của tôi đối với một cách tiếp cận đề tài dựa trên toàn bộ Kinh Thánh là lý do sau cùng tôi dừng lại ở một thần học về *thuyết tương hỗ nam–nữ*.[7] Tôi trân trọng thuật ngữ đồng nghĩa *thuyết bình đẳng*, và sát cánh với phần lớn các học giả Kinh Thánh đã công khai đứng về lập trường này – họ đúng khi nói rằng Kinh Thánh ủng hộ ý niệm nam và nữ bình đẳng và xứng đáng được hưởng quyền lợi và cơ hội như nhau. Tuy nhiên, tôi không muốn dùng thuật ngữ này trong sách vì ba lý do: thứ nhất, những người theo quan điểm bổ sung cũng tuyên bố tin vào sự bình đẳng giới; thứ hai, khi áp dụng cho giới tính, thuật ngữ này đôi khi bị gắn với việc xóa bỏ mọi sự khác biệt giữa nam và nữ; và thứ ba, bình đẳng không phải là ý niệm thiết yếu duy nhất – sự cộng tác qua lại và sự hiệp nhất trong cộng tác cũng quan trọng không kém. Với điều đó trong tâm trí, đây là định nghĩa làm việc của tôi và là lập trường tôi sẽ trình bày thêm trong sách này:

Thuyết tương hỗ nam–nữ là lập trường thần học, dựa trên Kinh Thánh, cho rằng nam và nữ khác biệt nhưng bình đẳng, được dựng nên để phục vụ và cộng tác bên cạnh nhau trong mọi lĩnh vực của đời sống. Thẩm quyền, ân tứ và chuyên môn mà Đức Chúa Trời ban cho mỗi người có thể và cần được công nhận và tôn vinh, bất kể giới tính của người đó.

Và sau cùng, một lưu ý về chữ *thần học*. Ở trạng thái đơn giản và thuần khiết nhất, thần học của chúng ta cần được định hình bởi một nỗ lực không ngừng để đến gần nhất có thể với quan điểm của Đức Chúa Trời về bất cứ vấn đề nào. Vì vậy, *Đức Chúa Trời nhìn phụ nữ như thế nào* là *một thần học về phụ nữ – điều Kinh Thánh, khi được xem như một tổng thể và được ghép nối đúng đắn, dạy về phụ nữ*.

LUÔN LUÔN CẢI CÁCH

Cuộc Cải cách Tin Lành vào thế kỷ 16 đã mở ra một cuộc xem xét lại rất cần thiết đối với các giáo huấn của giáo hội. Tuy nhiên, chính cuộc Cải cách này cũng chủ trương nguyên tắc "Hội Thánh luôn luôn cải cách" (theo câu tiếng

7. Ban đầu tôi chọn "gender mutualism" ("thuyết tương hỗ giới"), nhưng rồi nhận ra rằng trong văn hóa phương Tây, chữ "gender" (giới) khi dùng như tính từ không còn chỉ nói đến nam và nữ nữa. "Sex mutualism" ("thuyết tương hỗ giới tính") cũng có vẻ không ổn, nên tôi dừng lại ở cái tên "male–female mutualism" ("thuyết tương hỗ nam–nữ"), nghe chẳng có chút gì hấp dẫn.

La-tinh *ecclesia semper reformanda*). Chẳng hạn, Calvin và Luther không hề nghĩ rằng họ đã nói lời sau cùng về bất cứ vấn đề hệ trọng nào của Kinh Thánh, nhưng trái lại đã trao cho các thế hệ kế tiếp nhiệm vụ liên tục, cần mẫn suy xét các giáo lý của chúng ta và sự phù hợp của chúng với Kinh Thánh. Họ biết quá rõ rằng trong một Hội Thánh đã tồn tại nhiều thế kỷ, rất dễ nhặt nhạnh những thứ kỳ quặc – những di vật cũ kỹ, không còn phù hợp từ những thời đã qua – cần phải bỏ đi chứ không phải ôm lấy, nếu Hội Thánh muốn được tự do tiến lên từ vinh hiển qua vinh hiển.

Tôi tin rằng đây là một trong những cuộc cải cách quan trọng của thế hệ chúng ta. Đọc lịch sử Hội Thánh, tôi đã kinh ngạc trước cách Đức Thánh Linh tiếp tục dẫn dắt Hội Thánh đến sự sáng tỏ ngày càng lớn hơn về các giáo huấn và thực hành của mình trong rất nhiều vấn đề. Nếu cuộc cải cách đầu tiên tìm cách trao *Lời Đức Chúa Trời* trở lại cho những người bình thường, vốn từ lâu đã bị tước mất quyền năng biến đổi đời sống của Lời ấy, thì những cuộc cải cách tiếp theo đã chậm rãi nhưng vững vàng khôi phục *công việc của Đức Chúa Trời* trở lại cho *toàn thể* dân sự Đức Chúa Trời – bất kể tuổi tác, chủng tộc, giai cấp hay giới tính.

Các cuộc cải cách đòi hỏi nỗ lực. Trong phần lớn lịch sử Hội Thánh, Cơ Đốc nhân phó mặc cho một số ít người học thức tìm ra điều mà tất cả chúng ta tin. Thật vậy, trước cuộc Cải cách Tin Lành và sự ra đời của máy in năm 1436, phần đông người ta xem thần học và phần lớn Kinh Thánh như những điều cao xa khó hiểu – chỉ dành cho các linh mục biết đọc và nói tiếng La-tinh, và có được một bản Kinh Thánh hiếm hoi. Dù từ đó đến nay đã có quá nhiều thay đổi, nhiều tín hữu (và thật ra nhiều lãnh đạo Hội Thánh) vẫn "giao khoán" việc đánh giá đề tài then chốt này, bằng cách trông cậy vào người khác làm thay họ công việc giải kinh vất vả. Khi tôi kể với một mục sư đồng nghiệp về việc tôi thay đổi lập trường, ông than thở: "Là một mục sư bận rộn, tôi không biết mình phải tìm đâu ra thời gian để suy ngẫm về thần học của mình." Ông nói đúng: cần có thời gian và công sức! Tuy nhiên, đó là một nỗ lực đáng để đầu tư như thế.

Các cuộc cải cách không cần phải làm mất danh dự. Vượt lên trên những phe phái gây chia rẽ và những hình ảnh biếm họa miệt thị nhau – có một con đường tốt hơn. Tôi không chỉ nói đến hai "phe" hiển nhiên trong cuộc tranh luận

này, mà còn nói đến hai giới của chúng ta – vốn quá thường xuyên bị đặt vào thế đối đầu nhau, như thể hoặc đàn ông đều là rác rưởi, hoặc phụ nữ đều là *Giê-sa-bên*. Theo tinh thần đó, tôi rất tự hào về nhiều người nam và người nữ tôi quen biết (ở cả hai phía của cuộc đối thoại này), những người làm mọi điều có thể để gây dựng thân thể Đấng Christ và tôn trọng lẫn nhau. Một nữ mục sư đã nói với tôi: "Tôi bước đi theo con đường của Chúa Giê-xu, Đấng đã nâng phụ nữ lên mà không hạ thấp đàn ông." Cũng với tinh thần ấy, tôi muốn tôn trọng những nhà lãnh đạo và những nhà thần học (một lần nữa, ở cả hai phía) đã hiến dâng đời mình để chân thành theo đuổi chân lý và công lý. Dù có thể tôi không đồng ý với những người như Tim Keller và John Piper về vấn đề cụ thể này, tôi không xem họ như những gương mặt biểu tượng phẳng lì của chế độ phụ quyền. Phần lớn con người tôi ngày nay đã được họ định hình, và tôi vẫn tiếp tục học hỏi từ họ về nhiều mặt.

Các Hội Thánh đang đánh giá thần học của mình cần nói không với những "cuộc chiến văn hóa" của các thập kỷ qua, cũng như với những phương pháp làm cho người khác xấu hổ nhằm buộc họ thay đổi giá trị. Trong khi lắng nghe với lòng cảm thông những tiếng nói của xã hội và nỗi đau mà phụ nữ đã trải qua, động lực chính của chúng ta trong cuộc đối thoại này phải là sự hiểu biết đúng đắn và sự áp dụng mang tính cứu chuộc của thần học Kinh Thánh.

Các cuộc cải cách đòi hỏi sự khiêm nhường. Có thể làm điều đúng nhưng làm theo cách gây hại nhiều hơn lợi. Dù bạn đi đến kết luận nào, hãy chắc chắn thêm vào những xác tín của mình sự nhân từ, sự mềm mại và sự kiên nhẫn.

Tôi không lấy làm vui khi có tranh cãi, và bạn cũng không nên như vậy. Dù giờ đây tôi tin khác, tôi vẫn hết sức kính trọng nhiều lãnh đạo theo quan điểm bổ sung và Hội Thánh của họ như những anh chị em của tôi trong Đấng Christ – dù chúng ta khác nhau thế nào trong sự hiểu biết, những điểm chung của chúng ta còn lớn hơn rất nhiều. Vì đã theo quan điểm bổ sung trong phần lớn thời gian phục vụ trong vai trò lãnh đạo Cơ Đốc, tôi sẽ thật sai lầm nếu ngụ ý rằng những người vẫn giữ quan điểm ấy kém cỏi về thuộc linh hay trí tuệ theo cách nào đó.

Như sau này tôi sẽ trình bày chi tiết hơn, có lẽ việc Hội Thánh đối diện với hiện tượng văn hóa tương đối mới là sự bình đẳng của phụ nữ chính là trường hợp điển hình lớn nhất mà chúng ta từng có để chất vấn cho đúng đắn câu hỏi: Hội Thánh trong lịch sử đã thấm nhiễm những giả định văn hóa vào cách đọc chính các bản văn của mình như thế nào. Tim Keller diễn tả điều này một cách tài tình:

Sự hiểu biết [của chúng ta] về Kinh Thánh chắc chắn có thể sai – thật ra, luôn luôn sai một phần – và vì vậy phải luôn sẵn sàng để được sửa chữa. … Vì những tấm che mắt văn hóa của mình, chúng ta không chỉ phải nói với [một nền văn hóa mới]; chúng ta còn phải lắng nghe [những con người của nền văn hóa ấy] nữa. Chúng ta cần lắng nghe điều họ đang nói và nghiêm túc xem xét những câu hỏi của họ, những phản bác của họ đối với điều chúng ta đang nói, cùng những hy vọng và khát vọng của họ. Thường thì sự tương tác này với một nền văn hóa mới cho chúng ta thấy nhiều điều được dạy trong Kinh Thánh – những điều chúng ta hoặc đã hoàn toàn bỏ sót hoặc cho là không quan trọng, thậm chí có thể cả những cách mà chúng ta đã đọc sai Kinh Thánh qua lăng kính các giả định văn hóa của chính mình.[8]

Theo sứ đồ Phao-lô, trong Ê-phê-sô 5, Chúa Giê-xu luôn hành động để làm đẹp Hội Thánh Ngài qua "sự rửa sạch bằng lời Ngài", làm cho Hội Thánh ngày càng rực rỡ và không tì vết. Chính trong ánh sáng ân điển của Ngài mà tôi trao cuốn sách này; dù chắc chắn nó còn có khiếm khuyết ở đủ mọi chỗ mà hiện giờ tôi chưa nhận ra, tôi cầu nguyện rằng nó vẫn có thể góp một phần nhỏ trong công việc đổi mới của Đức Thánh Linh nhằm làm đẹp Hội Thánh của Chúa Giê-xu.

8. Timothy Keller, Center Church, chương 8.

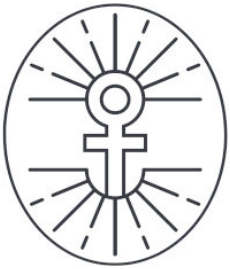

PHẦN THỨ NHẤT

SỰ SA SÚT VÀ SỰ TRỖI DẬY CỦA PHỤ NỮ

2

PHÁI THẤP KÉM

"Người nữ là kẻ gây ra sự sa ngã của loài người … dù chỉ bằng đầu ngón tay, làm sao chúng ta có thể muốn ôm lấy một bao phân như thế?" Odo thành Cluny, 936 SCN[9]

Chúng ta ngây thơ cho rằng điều Hội Thánh ngày nay tin về phụ nữ cũng là điều Hội Thánh vẫn luôn tin. Như bạn sắp khám phá, sự thật không phải vậy! Trong chương này, chúng ta hãy tìm hiểu vì sao câu trả lời ngày nay của chúng ta cho câu hỏi "Đức Chúa Trời nhìn phụ nữ như thế nào?" vượt trội hơn hẳn câu trả lời mà phần lớn Cơ Đốc nhân trong lịch sử hẳn đã đưa ra.

Dù trong suốt sách này chúng ta chủ yếu sẽ nghiên cứu Kinh Thánh, nhưng trong chương này và chương kế tiếp, tôi muốn tìm hiểu *hoàn cảnh mà chúng ta đang ở trong đó*. Biết được chúng ta đã đi sai ở đâu trong lịch sử Hội Thánh, từ xa xưa cho đến gần đây, khi thiếu khôn ngoan mà ôm lấy chế độ phụ quyền như là "thiết kế tốt lành của Đức Chúa Trời", là điều vừa thú vị vừa đáng sợ.

Cho đến rất gần đây trong lịch sử, việc nam giới cai trị nữ giới "vì lợi ích của chính họ" là một nguyên lý được chấp nhận ở khắp nơi và không ai nghi vấn. Mọi tôn giáo lớn nhất đều dạy như vậy, và phần lớn vẫn còn dạy. Cách giải thích một tôn giáo càng bảo thủ, nam giới càng có khuynh hướng giam hãm phụ nữ trong một số lĩnh vực nhất định. Đáng buồn thay, dù có sẵn những nguồn lực nội tại và tiềm năng đang ngủ yên để lật đổ sự áp bức như thế, thế giới Cơ Đốc giáo phần lớn vẫn giữ ý niệm về sự ưu việt của nam giới – giải

9. Trích dẫn từ Patralogia Latina trong Christine Klapish-Zuber (chủ biên), A History of Women, chương 1.

nghĩa chính Kinh Thánh của mình theo cách bênh vực ý niệm về một chế độ phụ quyền "Cơ Đốc".

Đó là vì trong phần lớn lịch sử của mình, Hội Thánh đã tin vào sự thấp kém bẩm sinh của phái nữ. Một cuốn sách đồ sộ và phức tạp như Kinh Thánh, nói đại khái, có thể bị bắt phải ủng hộ bất kỳ kết luận định sẵn nào mà người ta đưa ra về thực tại. Là một Cơ Đốc nhân da trắng người Nam Phi, tôi biết rõ điều này. Ở đất nước tôi, chỉ vài thập kỷ trước, một số nhà thần học "Kinh Thánh" uyên bác nhất của chúng tôi đã đọc chủ nghĩa phân biệt chủng tộc của họ vào trong Kinh Thánh, thay vì để Kinh Thánh vạch trần chủ nghĩa phân biệt chủng tộc của họ. Họ sử dụng các bản văn theo cách bóp méo ý nghĩa của chúng – tạo ra một quan điểm "tách biệt nhưng bình đẳng" về các chủng tộc, gọi là *Apartheid*. Các Cơ Đốc nhân Mỹ đã ủng hộ một điều tương tự trong các chính sách phân biệt chủng tộc của họ vào đầu thế kỷ 20, bất chấp những lập luận rõ ràng và thuyết phục của những người bất đồng như John Marshall Harlan, một cựu chủ nô đã nhận ra lỗi lầm của mình. Là tiếng nói đơn độc trong giới thần học của mình thời bấy giờ, ông khẳng định: "Sự phân cách tùy tiện các công dân trên cơ sở chủng tộc là một dấu hiệu của thân phận nô lệ, không phù hợp với sự bình đẳng."[10] Dù các Cơ Đốc nhân thời ấy có thể ngả mũ chào ý niệm về sự bình đẳng giữa người da đen và người da trắng, khi dồn người da đen vào những khu vực chỉ định và từ chối quyền bầu cử của họ, họ đã phá hoại sự bình đẳng của những người ấy và tước đi nhân phẩm của họ.

Là một Cơ Đốc nhân ngày nay, tôi có thể nói điều tương tự về sự phân biệt đối xử theo giới tính trong Hội Thánh, điều có lẽ còn ăn sâu và lan rộng hơn nữa. Gần như toàn thể Hội Thánh, trên gần như mọi châu lục và trong mọi thế kỷ, đã chấp nhận sự dạy dỗ của các lãnh đạo mình rằng phái nữ là "khác biệt và thấp kém hơn". Dù những nỗ lực gần đây của giới Hội Thánh theo quan điểm bổ sung nhằm sửa điều này thành "bình đẳng nhưng khác vai trò" có thể đáng trân trọng, tôi muốn lặp lại cảm nghĩ của Harlan và áp dụng nó cho giới tính: sự phân cách các thành viên Hội Thánh trên cơ sở giới tính là một dấu hiệu của thân phận nô lệ, không phù hợp với sự bình đẳng.

10. https://bit.ly/3mzfAEq

Dù tôi sẽ trình bày đầy đủ hơn điểm này trong chương kế tiếp, việc những người theo quan điểm bổ sung khẳng định lập trường của họ là lập trường lịch sử của Hội Thánh cho thấy một sự quên lãng lịch sử nghiêm trọng. Dù mọi Cơ Đốc nhân và Hội Thánh ngày nay đều tuyên bố dứt khoát rằng phụ nữ bình đẳng với nam giới, hầu như chẳng ai có vẻ nhớ rằng *chỉ mới rất gần đây* ý niệm về sự *bình đẳng* nam–nữ mới trở thành giáo lý được chấp nhận trong Hội Thánh.[11]

Có lẽ đây là tội lỗi lan tràn và dai dẳng nhất của Hội Thánh trong lịch sử: cho đến những năm 1960, niềm tin rằng phụ nữ về bản chất thấp kém hơn nam giới hầu như không bị thách thức. Chỉ đến lúc ấy, sau thành công của Phong trào Giải phóng Phụ nữ (Women's Liberation Movement), xã hội mới "khám phá" ra rằng phụ nữ thật sự có trí thông minh ngang với nam giới và cũng có khả năng đảm đương sự lãnh đạo quan trọng không kém. *Chỉ đến lúc ấy Hội Thánh trên toàn thế giới mới bắt đầu nhanh chóng xét lại các giáo lý của chính mình về phụ nữ.* Trong gần hai thiên niên kỷ, hầu hết các giáo sư lớn của Hội Thánh đều có một cái nhìn thấp kém và hạn chế về phụ nữ. Như tôi sẽ cho bạn thấy, họ thừa hưởng quan điểm này từ các nền văn hóa xung quanh, và thay vì dùng Kinh Thánh để thách thức quan điểm ấy, họ đã để thói khinh miệt phụ nữ của nền văn hóa mình chi phối cách họ đọc Kinh Thánh.

Lý do tôi phải nhấn mạnh điểm này là để làm nổi bật rằng thuyết bổ sung, với sự dạy dỗ "bình đẳng nhưng khác vai trò", cũng là một sự rời bỏ lập trường lịch sử của Hội Thánh chẳng kém gì thuyết tương hỗ nam–nữ.[12] *Cả hai lập trường đều chưa tồn tại chỉ 60 năm trước! Chúng chỉ là những đứa trẻ sơ sinh trong lịch sử giải nghĩa Kinh Thánh, và vì vậy, thuyết bổ sung chẳng có quyền viện dẫn sự có mặt từ trước nào hơn thuyết tương hỗ nam–nữ.* Thật ra, lập trường trước đây của tôi, thuyết bổ sung ôn hòa, còn non trẻ hơn *rất nhiều* so với cả hai – là lập trường ít tiền lệ lịch sử nhất trong số các lập trường này.

11. Xin ghi công William Witt, người trong "Icons of Christ" (chương 3) đã giúp tôi lần đầu tiên thấy rõ điều này – nghiên cứu của ông về thần học về sự thấp kém của phụ nữ như một giáo lý của Hội Thánh trong phần lớn lịch sử đã là điểm khởi đầu cho tôi khi viết chương này.
12. Andrew Bartlett, trong "Men and Women in Christ" (tr. 6-10), cũng đi đến kết luận tương tự: "Khi những người theo quan điểm bổ sung cho rằng lập trường của họ là 'lịch sử', đó là một sự hiểu lầm."

SỰ THẤP KÉM CỦA PHỤ NỮ – GIÁO HUẤN CHUẨN MỰC CỦA GIÁO HỘI

Đúng là trong những thế kỷ đầu tiên, Cơ Đốc giáo đã thu hút đông đảo phụ nữ vào các Hội Thánh. Cách đối xử đột phá của Chúa Giê-xu với phụ nữ, những người nữ giữ vai trò lãnh đạo trong các Hội Thánh ban đầu, địa vị bình đẳng của nam và nữ trong Đấng Christ theo các thư tín của Phao-lô – tất cả những điều này đã đưa Hội Thánh đi theo một hướng mang lại cho phụ nữ một địa vị mới mà họ chưa từng biết ở bất cứ nơi nào khác, hay trong bất cứ thời kỳ văn minh nào trước đó. Thế nhưng, dù Hội Thánh ban đầu có cái nhìn và cách đối xử nâng cao phụ nữ, không phải mọi sự đều tốt đẹp trong Hội Thánh thời hậu sứ đồ. Dù nhìn phụ nữ dưới ánh sáng tích cực hơn (đôi chút) so với những người láng giềng Hy Lạp – La Mã, *ý niệm về sự thấp kém của người nữ đã nhanh chóng bén rễ.*

Sau đây là một số trích đoạn từ các tác phẩm của một vài lãnh đạo và nhà tư tưởng "vĩ đại" của Hội Thánh trong lịch sử, giúp ta hiểu quan điểm phổ biến rộng rãi này.

Giáo phụ Origen (184–253 SCN) áp dụng lời dạy của Phao-lô "đàn bà nói trong Hội Thánh là điều đáng hổ thẹn"[13] bằng cách đòi phụ nữ phải hoàn toàn im lặng, ngay cả khi họ muốn nói điều gì xuất sắc hay thánh khiết, chỉ vì lời họ "phát ra từ miệng một người đàn bà."[14] Tương tự, giáo phụ John Chrysostom (347–407 SCN) cấm phụ nữ dạy bất cứ điều gì, vì "người nữ đã dạy A-đam một lần và dạy sai. … Vậy hãy để người nữ bước xuống khỏi ghế giáo sư! Giờ đây người nữ phải khuất phục người nam, vì tội lỗi."[15] Ông đặc biệt cảnh báo các mục sư nam về khả năng quyến rũ của người nữ, khuyên những người này phải "lo liệu trước cách đặc biệt hơn, vì khuynh hướng phạm tội của phái nữ … vì con mắt, không chỉ của người đàn bà lẳng lơ, mà cả của người đàn bà nết na, cũng xuyên thấu và khuấy động tâm trí."[16]

13. 1 Cô-rinh-tô 14:35
14. Trích dẫn trong Patricia Cox Miller (chủ biên), Women in Early Christianity
15. Trích dẫn trong Elizabeth A. Clark, Women in the Early Church
16. Trích dẫn trong Philip Schaff (chủ biên), St. Chrysostom

Tertullian, cha đẻ của Cơ Đốc giáo La-tinh (160-225 SCN), còn khắc nghiệt hơn: "Người nữ là một đền thờ xây trên cống rãnh." Ông nói thẳng với phái nữ:

Các người không biết rằng (mỗi người trong) các người là một Ê-va sao? Bản án của Đức Chúa Trời trên giới tính này của các người vẫn còn sống trong thời đại này: nên tội lỗi tất yếu cũng phải còn sống. Các người là cửa ngõ của ma quỷ. Các người là kẻ đầu tiên đào ngũ khỏi luật pháp thiên thượng. Các người là kẻ đã thuyết phục người mà ma quỷ không đủ can đảm tấn công. Các người đã dễ dàng hủy hoại hình ảnh của Đức Chúa Trời là người nam. Vì điều các người đáng phải chịu, ngay cả Con Đức Chúa Trời cũng đã phải chết.[17]

Đằng sau những lời lên án đầy nọc độc của ông là những phụ nữ trong các hội chúng mà ông biết, đang dạy dỗ và làm phép báp-têm cho người khác. Ông hoàn toàn không hài lòng về điều này: "Người nữ không được phép nói trong Hội Thánh, nhưng cũng không được phép dạy dỗ, làm phép báp-têm, dâng lễ, hay giành cho mình một phần nào trong bất cứ chức năng nào của nam giới [hay] chức vụ tế lễ nào."[18] Tertullian, khi đưa các phương pháp chính trị La Mã vào cơ cấu Hội Thánh, đã chuyển Hội Thánh thời ông từ một cộng đồng sống động thành một tổ chức chính trị, trong đó chỉ nam giới mới có thể đóng góp trọn vẹn trong bất cứ hình thức lãnh đạo nào. Ông cũng thúc giục phụ nữ giữ sự trinh khiết. Theo ông, phụ nữ không chỉ chịu trách nhiệm về sự trong sạch tình dục của chính mình, mà còn của nam giới. Ông viết những luận văn dài về việc phụ nữ phải tránh trở nên hấp dẫn – họ không được tắm rửa thân thể dơ bẩn của mình mà phải che phủ nó từ đầu đến chân bằng y phục tối màu, không hình dáng, và phải tránh xa nơi công cộng để khỏi cám dỗ người nam. Dù họ có thể được Đấng Christ cứu chuộc, họ vẫn đặc biệt bị trói buộc trong tội lỗi, và tốt nhất là cách ly họ và đặt họ ở vị trí lệ thuộc.

Cũng vậy, giáo phụ Augustine (354–430 SCN) tin rằng người nữ không có phẩm giá nội tại nào ngoài người nam: "Với tư cách người phụ giúp, một chức năng chỉ thuộc riêng về người nữ, người nữ không phải là hình ảnh của Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, [người nam] tự một mình vẫn là hình ảnh của

17. Trích dẫn trong Alexander Roberts (chủ biên), Tertullian, Minicius Felix, Commodian, Origen
18. Trích dẫn trong Karen Jo Torjesen, When Women Were Priests

Đức Chúa Trời cách trọn vẹn và đầy đủ như khi người nam và người nữ được kết hợp làm một."[19] Khi các thế kỷ trôi qua, cái nhìn thấp kém về phụ nữ này không hề được cải thiện. Dù nổi danh là bộ óc lớn kế tiếp của Hội Thánh sau Augustine, Thomas Aquinas (1225–1274 SCN) đã không thể nhận thấy trí thông minh nào sánh được nơi những phụ nữ ông quen biết. Ông góp vào thần học của Hội Thánh về giới tính bằng cách làm sống lại ý tưởng phi lý của Aristotle rằng phụ nữ là những con người khiếm khuyết, kết quả của một sự cố xảy ra với tinh trùng của người nam, mà trong hoàn cảnh bình thường lẽ ra đã sinh ra một người nam khác. Hệ quả của điều này là "phụ nữ tự nhiên ở dưới quyền nam giới, vì nơi nam giới lý trí chiếm ưu thế."[20]

Aquinas thừa nhận rằng người nữ có chung bản tính con người với người nam (đó là một sự đổi mới đáng hoan nghênh trong tư tưởng) và là "người phụ giúp" của người nam, nhưng rồi ông nhanh chóng giới hạn điều đó bằng cách nói rằng, ngoài việc sinh sản, "một người nam khác luôn luôn giúp ích hơn." Người nam đáp lại chút ít sự giúp đỡ mà mình nhận được từ người nữ bằng cách lãnh đạo người nữ: "Người bề trên dùng những người dưới quyền mình vì lợi ích và điều tốt cho chính họ. … Vì gia đình loài người hẳn đã thiếu trật tự tốt đẹp nếu một số người không được cai quản bởi những người khôn ngoan hơn mình."[21]

Dù Aquinas có thể có một trí tuệ vĩ đại về Đức Chúa Trời, đáng tiếc là trí tuệ ấy đã bị thầy ông, Albert Cả (Albert the Great), nhà thần học dòng Đa Minh, lấp đầy bằng những ý tưởng tồi tệ về phụ nữ. Albert viết:

Người nữ là một người nam bị sinh hỏng, có một bản tính lầm lạc và khiếm khuyết so với bản tính của người nam. Vì thế, người nữ không vững vàng trong chính mình. Điều gì không đạt được, người nữ tìm cách có cho bằng được qua sự dối trá và những mưu lừa ma quỷ. Và vì vậy, phải đề phòng mọi người nữ như thể đó là một con rắn độc và con quỷ có sừng … Trong những việc xấu xa và đồi bại, người nữ có thể khôn hơn, nghĩa là xảo quyệt hơn người nam. Cảm xúc thúc đẩy người nữ đến mọi điều ác, cũng như lý trí

19. Augustine, De Genesis ad litteram, tập 9.
20. Aquinas, Summa Theologica, 1.92.1. www.bit.ly/3CD8B2V
21. Ở chỗ khác, Aquinas đưa ra điều này làm lý do khiến người nữ không được nhận chức thánh trong Hội Thánh, hay không được đóng một vai trò quan trọng: "Người nữ ở trong tình trạng lệ thuộc, vì vậy không thể nhận bí tích Truyền Chức Thánh."

thúc giục người nam đến mọi điều thiện.[22]

Martin Luther, nhà Cải cách Tin Lành (1483–1546 SCN), người luôn ưa tranh luận, đã có vài bước tiến tích cực trong việc nhìn nhận nhân phẩm của phụ nữ. Nhưng những ý tưởng cũ vẫn bám dai dẳng: "Lời và công việc của Đức Chúa Trời đã rất rõ ràng: phụ nữ được dựng nên hoặc để làm vợ, hoặc để làm gái mại dâm." "Không chiếc áo nào kém hợp với người nữ bằng ước muốn trở nên khôn ngoan." "Đàn ông có ngực rộng và lớn, hông nhỏ và hẹp, và hiểu biết nhiều hơn phụ nữ; còn phụ nữ chỉ có ngực nhỏ và hẹp, và hông rộng, để họ ở nhà, ngồi yên, lo việc nhà, sinh và nuôi dạy con cái." Bình luận về một câu Kinh Thánh cảnh báo về những người đàn bà ngoại tình, Luther đã dùng nó làm cơ hội để trút ra những ý tưởng của mình về đàn ông và đàn bà:

Người nữ được dựng nên để ở bên người nam, để chăm sóc con cái và nuôi dạy chúng … và để ở dưới quyền người nam. Còn người nam thì được truyền phải cai quản và cai trị người nữ cùng phần còn lại của gia đình. Nhưng nếu người nữ bỏ chức phận của mình và chiếm lấy thẩm quyền trên chồng, thì người nữ đang làm một việc xuất phát từ lỗi của chính mình và từ điều ác. Vì Đức Chúa Trời không dựng nên giới này để cai trị, và do đó họ chẳng bao giờ cai trị thành công.[23]

Dù những ý tưởng này của các lãnh đạo lớn trong lịch sử Hội Thánh đã gây tác hại đến đâu, John Knox, nhà Cải cách người Scotland và người sáng lập *Giáo hội Trưởng Lão*, mới là người đoạt giải quán quân về thói khinh miệt phụ nữ trong Hội Thánh. Trong bài đả kích nhắm vào các nữ hoàng Công giáo – Mary of Guise của Scotland và Mary Tudor của Anh – ông nói rằng ông dựa các lập luận của mình trên Kinh Thánh: "Đức Chúa Trời đã bày tỏ rằng việc một người nữ trị vì và nắm quyền thống trị trên người nam còn hơn cả một điều quái gở trong tự nhiên."[24] Theo Knox, tự bản chất phụ nữ yếu đuối, mỏng manh, nóng nảy, nhu nhược, hay thay đổi, tàn nhẫn và thiếu sự khôn ngoan. Đó là lý do họ không được lãnh đạo, và thật ra, những người nam

22. Filthaut Ephrem (chủ biên), Albertus Magnus: Quaestiones Super De Animalibus, tập 15, q. 11.
23. *Luther's Works*, tập 15, chú giải Truyền Đạo 7:26, tr. 130.
24. John Knox, First Blast of the Trumpet Against the Monstrous Regiment of Women. www.bit.ly/3EG88xc

chịu nghe theo lời khuyên và sự lãnh đạo của họ cũng vì thế mà nên bị loại khỏi chức vụ công quyền. Viện dẫn Phao-lô, ông nói rằng người nữ, ngay cả ở mức hoàn hảo nhất, vẫn được dựng nên để ở dưới quyền người nam. Không hề có lòng thương xót nào dành cho những phụ nữ có thể phải chịu khổ trong lúc sinh nở và trong sự khuất phục người nam – đó là hình phạt đích đáng người nữ phải chịu trong Ê-va. Vì vậy, người nữ phải đầu phục mọi ham muốn và ý chí của mình cho chồng và cho ý muốn của chồng. Knox nói rằng tất cả những điều này có hệ quả cho vai trò của phụ nữ không chỉ trong gia đình và Hội Thánh, mà cả trong xã hội: "Một người nữ được đưa lên để dạy dỗ, xét đoán hay trị vì trên người nam là điều cực kỳ trái nghịch với ý muốn và mạng lệnh của Đức Chúa Trời."

Một nhà Cải cách khác, Calvin, viết: "Không có gì phi lý khi người nam vừa ra lệnh vừa vâng lời cùng một lúc trong những mối quan hệ khác nhau với những người nam khác. Nhưng điều này không áp dụng cho phụ nữ, là những người tự bản chất (tức là theo luật thông thường của Đức Chúa Trời) sinh ra chỉ để vâng lời, vì mọi người khôn ngoan luôn luôn bác bỏ *gynaikokratian*, sự cai trị của phụ nữ, như một điều quái gở trái tự nhiên."[25]

Nhà Thanh giáo John Dod, trong phần giải thích Mười Điều Răn năm 1603, viết: "Như Hội Thánh phải kính sợ Đấng Christ Giê-xu thể nào, thì vợ cũng phải kính sợ chồng thể ấy. Và sự kính sợ bề trong này phải được bày tỏ ra bằng sự nhu mì và khiêm hạ bề ngoài. Vì nếu kẻ dưới không có sự kính sợ và tôn kính, thì không thể có sự tôn trọng vững vàng và bền lâu nào dành cho người trên."[26]

Một trong những nhà thần học Anh giáo hàng đầu, Richard Hooker (1554–1600 SCN), tiếp nối truyền thống đáng buồn và dai dẳng này là coi thường phụ nữ. Trong tác phẩm *The Laws of Ecclesiastical Polity* của mình, ông nói rằng phụ nữ "thường có sự phán đoán yếu kém nhất vì giới tính của họ."[27] Ông giải thích vì sao trong lễ cưới người cha trao cô dâu cho chồng cô: "Chính sự yếu đuối (imbecility) trong bản tính và giới tính của người nữ buộc người nữ phải luôn được người khác hướng dẫn, dìu dắt và sắp

25. John Calvin, *The Second Epistle of Paul the Apostle to the Corinthians and the Epistles to Timothy, Titus and Philemon. (Trong phần chú giải của ông về 1 Ti-mô-thê 2:12.)*
26. John Dod, A Plaine and Familiar Exposition of the Ten Commandements
27. Richard Hooker, The Laws of Ecclesiastical Polity, Lời nói đầu 3.13.

đặt."[28]

John Wesley, người sáng lập phong trào Giám Lý (1703–1791 SCN), đã tạo ra một số cơ hội đáng kể cho phụ nữ phục vụ trong các Hội Thánh của ông, nhưng ông vẫn xem chức vụ chính của người nữ là ở trong gia đình. Viết cho vợ trong một chuyến đi phục vụ dồn dập của mình, ông khuyên bà chấp nhận thân phận một người phụ nữ chỉ ở trong nhà: "Đừng tranh giành quyền làm chủ, quyền lực, tiền bạc hay lời khen nữa. Hãy bằng lòng làm một người kín đáo, tầm thường, được Đức Chúa Trời và anh biết đến và yêu thương. … Nhân cách của em có tầm quan trọng gì đối với nhân loại nếu em bị chôn ngay bây giờ? Hay nếu em chưa từng sống, thì công việc của Đức Chúa Trời sẽ mất mát gì?"[29]

Tôi đưa ra tất cả những trích dẫn này để nêu lên một điểm: lập trường lịch sử của giáo hội – dù là các giáo phụ, thời Trung cổ, Công giáo, Tin Lành, Thanh giáo, Anh giáo hay Giám Lý – vẫn luôn là phụ nữ "khác biệt và thấp kém hơn", và vì vậy phần lớn không thích hợp để có đóng góp đáng kể nào ngoài việc sinh sản và việc nội trợ.

Mọi phân đoạn Kinh Thánh có thể bị bẻ cong một cách nghe có vẻ hợp lý để ủng hộ sự thấp kém và sự lệ thuộc của phụ nữ đều đã bị dùng vào mục đích ấy. Trong phần lớn lịch sử Hội Thánh, nếu một người phụ nữ hỏi các lãnh đạo Hội Thánh của mình rằng Đức Chúa Trời nhìn bà như thế nào, bà hẳn đã nhận được một câu trả lời hạ thấp và sỉ nhục. *Sự lệ thuộc của phụ nữ vào nam giới không bị ai tranh cãi, vì nó dựa trên một giả định không bị ai nghi vấn: phụ nữ tự bản chất thấp kém hơn nam giới.* Việc cho rằng phụ nữ vốn dĩ và về bản chất kém thông minh hơn, tội lỗi hơn, dễ bị cám dỗ hơn và bất ổn về cảm xúc hơn, đã dẫn đến kết luận không thể lay chuyển rằng họ cũng không có khả năng thực thi sự lãnh đạo trong gia đình, Hội Thánh và xã hội.

Rốt cuộc những ý tưởng khủng khiếp này đến từ đâu?

28. Richard Hooker, The Laws of Ecclesiastical Polity, quyển 5, 43.5. Trong tiếng Anh cổ, chữ imbecility chỉ một người yếu đuối hoặc chưa phát triển đầy đủ.
29. www.bit.ly/3nQszRt

VĂN HÓA LẤN ÁT KINH THÁNH

Một trong những sai lầm phổ biến nhất mà Hội Thánh vẫn tiếp tục mắc phải là đọc Kinh Thánh qua lăng kính văn hóa thay vì đọc văn hóa qua lăng kính Kinh Thánh. Điều này giải thích sự phân biệt giới tính và thói khinh miệt phụ nữ trong lịch sử Hội Thánh. Đặc biệt, các tác phẩm của Aristotle (384–322 TCN) đã định hình những giả định văn hóa nằm ở gốc rễ của thế giới Hy Lạp – La Mã, và đến lượt mình, những giả định ấy đã thấm vào cách hiểu của Cơ Đốc giáo ban đầu về sự khác biệt giới tính. Aristotle đã nói rõ rằng phụ nữ là những người nam dị dạng, và vai trò của họ trong xã hội do đó đã được định sẵn. Aristotle mô tả phụ nữ là "tối tăm, bí ẩn, luôn chuyển động, không tự chủ và thiếu ranh giới", trái với nam giới là "sáng sủa, trung thực, tốt lành, vững vàng, tự chủ và có ranh giới vững chắc."[30]

Những ý tưởng này chi phối thái độ và hành động văn hóa trong suốt nền văn minh Hy Lạp – La Mã. Chế độ phụ quyền được cài sẵn trong DNA của Đế quốc La Mã. Các giáo phụ đầu tiên, dù bày tỏ vài quan điểm tích cực về phụ nữ, *vẫn trộn lẫn chúng với những ý tưởng cũ kỹ, xấu xa*. Trong khi các sách giáo khoa về lịch sử Hội Thánh mô tả giai đoạn đầu này của lịch sử Hội Thánh như một "cuộc tìm kiếm chân lý", đặc biệt liên quan đến thân vị và bản tính của Chúa Giê-xu, thì điều hiếm khi được nhắc đến là những sự dối trá cùng lúc đang len lỏi một cách tinh vi vào giáo lý của Hội Thánh về bản chất của người nữ.

Ngoài ra, một khía cạnh của triết học Plato, gọi là thuyết nhị nguyên, là một thách thức sớm đối với Hội Thánh và đã củng cố sự hạ thấp phụ nữ. Trong tà thuyết này, thực tại bị chia thành thân thể hay vật chất (được cho là vốn xấu xa) và tâm linh hay trí óc (vốn tốt lành). Cách nhìn thế giới lầm lạc này còn bị phủ thêm các phạm trù giới tính: nam giới, vốn được xem là có lý trí hơn, thì vốn tốt lành và được dựng nên theo hình ảnh Đức Chúa Trời, còn phụ nữ, vốn được định nghĩa bởi thân thể chứ không phải trí óc, thì bị xem là thuộc về xác thịt và chỉ được dựng nên theo hình ảnh của người nam. Khi sự phân

30. Kayla Huber, "Everybody's a Little Bit Sexist." Trích dẫn trong Mathews, "Gender Roles and the People of God," chương 10.

đôi trái Kinh Thánh này len vào tư tưởng Cơ Đốc, phụ nữ bị đồng hóa với sự phi lý trí, với xác thịt và với những ham muốn tội lỗi của nó. Ý tưởng tà giáo về tính tội lỗi bẩm sinh trong tính dục của người nữ đã đưa Hội Thánh vào một hướng đi khủng khiếp. Chính tình dục giờ đây bị xem là hậu quả của sự sa ngã. John Chrysostom dẫn độc giả của ông hình dung vườn Ê-đen trước sự sa ngã như một nơi mà "ham muốn quan hệ tình dục … đã bị cất khỏi linh hồn họ."[31] Tuy nhiên, sau sự sa ngã, tình dục trở thành một điều ác cần thiết. Cần thiết để sinh con, nhưng nó cũng trở thành con đường truyền "nguyên tội" sang những đứa con ấy. Tội lỗi là một loại bệnh lây qua đường tình dục. Cách hiểu đáng buồn này về tình dục, đặc biệt nơi phụ nữ – những người mà toàn bộ bản sắc xoay quanh việc sinh sản – đã dẫn đến sự tôn sùng thái quá đối với sự đồng trinh, sự khổ hạnh tránh quan hệ vợ chồng trong hôn nhân, sự ám ảnh về sự đồng trinh của Mẹ Ma-ri, và về sau là luật độc thân của giới linh mục.

Người nam phải tránh người nữ, còn người nữ phải tránh chính mình. Sử gia thời cổ Palladius (386–430 SCN) kể về 20.000 phụ nữ sống trong nghèo khó, khiết tịnh và cô độc như những ẩn sĩ trong các sa mạc quanh Ai Cập, dường như đang vật lộn dưới gánh nặng của giới tính bị lên án của mình. Lối sống ẩn tu này, được cả nam lẫn nữ chấp nhận, về sau sẽ phát triển thành những cộng đồng tu viện riêng cho từng giới, được tổ chức quanh các lời khấn độc thân, khó nghèo và phục vụ trong tu viện. Trong nền văn hóa này, những phụ nữ "tin kính nhất" tránh hôn nhân; nếu có thể, tránh cả quan hệ vợ chồng trong hôn nhân; và làm cho mình càng kém hấp dẫn càng tốt. Sử gia Elizabeth Clark nói:

Chữ thích hợp nhất để mô tả thái độ của các giáo phụ đối với phụ nữ là thái độ nước đôi. Phụ nữ là tạo vật của Đức Chúa Trời, món quà tốt lành Ngài ban cho người nam – và là sự rủa sả của thế gian. Họ yếu đuối cả về trí óc lẫn tính cách – và đã bày tỏ lòng can đảm không nao núng, thực hiện những công trình học thuật phi thường. Hão huyền, dối trá, đầy dục vọng – họ đã dẫn người nam đến với Đấng Christ, trốn chạy những cuộc gặp gỡ tình dục, không hề run sợ trước lời đe dọa của đao phủ, tô điểm mình bằng bao gai và tro bụi.[32]

31. Elizabeth A. Clark, Women in the Early Church, tr. 122-23.
32. Elizabeth A. Clark, Women in the Early Church, tr. 15.

Khi Đế quốc La Mã dần dần sụp đổ, những ý tưởng Hy Lạp – La Mã này, giờ đã hòa vào thần học của Hội Thánh, được truyền sang giáo hội thời Trung cổ. Như trước, thái độ nước đôi đối với phụ nữ vẫn còn: một mặt, phụ nữ bị vẽ nên như xấu xa và thấp kém; mặt khác, họ được ca ngợi như những gương mẫu về nhân đức và thánh khiết (nếu bằng cách nào đó họ có thể xóa bỏ tính dục của mình).

Rồi đến các cuộc săn phù thủy. Với thái độ nước đôi về phụ nữ đã ăn sâu như thế, không có gì ngạc nhiên khi xã hội và Hội Thánh bắt tay vào việc tách trấu khỏi lúa mì. Để nhận diện và kết án một phù thủy, tất cả những gì cần làm là tìm ra một người phụ nữ không khiêm nhường nhận lấy địa vị lệ thuộc của mình; để các quan tòa dị giáo tra tấn bà cho đến khi bà "thú nhận" bất cứ điều gì bà bị cáo buộc; rồi lập tức thiêu sống bà. Một viện phụ của một tu viện nam đã chẳng mấy cảm thông với những phụ nữ quá dễ bị quỷ hóa: "Sự gian ác của đàn bà lớn hơn mọi sự gian ác khác trên thế gian. Nọc độc của rồng còn dễ chữa và ít nguy hiểm cho đàn ông hơn sự gần gũi với đàn bà. Vì sự an toàn của linh hồn mình, chúng tôi sẽ tránh họ như tránh những con vật độc."[33]

Cho đến Cuộc Cải cách Tin Lành, hy vọng lớn nhất của một người phụ nữ để được xem là tin kính là hoàn toàn tránh xa tình dục và các vai trò trong gia đình. Khi làm nữ tu, họ có thể được học hành và nếm trải phần nào sự độc lập. Một số ít còn được đề bạt làm nữ viện trưởng của một tu viện nữ. Lịch sử thời Trung Cổ kể về những người nam đã lắng nghe một số phụ nữ như thế về phương diện thuộc linh. Chẳng hạn, sau khi từ bỏ các vai trò gia đình vì có Đấng Christ, Hildegard thành Bingen và Catherine thành Siena đã lên tiếng cho Đấng Christ bằng một giọng nói vang lên với thẩm quyền thuộc linh mà trước đó chỉ người nam mới có.

Ngoài những vai trò thuộc linh đòi phải chối bỏ giới tính của mình như thế, phụ nữ chỉ còn lại thân phận tôi đòi và sự hổ thẹn. Vào thế kỷ 2, Clement nói: "Đối với phụ nữ, chính ý thức về bản chất của mình hẳn phải khơi lên cảm giác hổ thẹn"[34] – tất cả chỉ vì các giáo phụ đã trả lời sai câu hỏi Đức Chúa Trời nhìn phụ nữ như thế nào, khi đọc những giả định phân biệt giới tính của nền

33. Trích dẫn trong Karen Jo Torjesen, When Women Were Priests, tr. 223.
34. St. Clement, Pedagogues II, 33, 2.

văn hóa mình vào các bản văn Kinh Thánh. Tuy nhiên, vào thế kỷ 15 đã le lói một tia hy vọng.

Cuộc Cải cách Tin Lành và thời Khai sáng

Cuộc Cải cách Tin Lành, nhờ việc dịch Kinh Thánh ra các ngôn ngữ thông dụng và in ấn, đã cho Hội Thánh một cơ hội để ăn năn về sự khinh miệt phụ nữ trong giáo lý của mình và bắt đầu lại từ đầu. Người khởi xướng nó, Martin Luther, được mở mắt không chỉ về Tin Lành của Kinh Thánh mà còn về sự tốt đẹp của hôn nhân và tình dục. Bằng cách làm lung lay cái gọi là giá trị thuộc linh của đời sống độc thân, và tôn vinh hôn nhân cùng tình dục, Luther và Calvin đã đảo ngược 1400 năm giáo huấn của Hội Thánh, đến nỗi các cựu linh mục và các mục sư lập gia đình, và "vợ mục sư" trở thành một sự kêu gọi mới mang phẩm giá thuộc linh. Phụ nữ Cơ Đốc được ban cho một vinh dự mới với tư cách là người vợ, người mẹ và người điều hành gia đình. Vợ của Luther, Katherine von Bora, đã làm mẹ sáu đứa con của ông và "cai quản sân trại, ao cá, vườn cây ăn trái, một đoàn người giúp việc, con cái, khách đau ốm, sinh viên ở trọ và các lãnh đạo Hội Thánh trong tu viện dòng Augustine rộng lớn của họ, chỉ riêng tầng đầu tiên đã có bốn mươi phòng."[35]

Tuy nhiên, bất chấp tất cả những bước tiến này, những giáo huấn phân biệt giới tính dai dẳng của Luther, Calvin và Knox đã khiến chế độ phụ quyền vẫn không hề bị thách thức. Trong suy nghĩ của Luther, tội của Ê-va vẫn khiến vai trò của phụ nữ là một vai trò lệ thuộc. Mọi lãnh thổ Tin Lành đều ban hành một quy chế hôn nhân nhấn mạnh sự vâng lời của người vợ.[36] Ngoài ra, Luther buộc chặt sự kêu gọi của phụ nữ vào gia đình, chứ không vào Hội Thánh, cũng không vào xã hội rộng lớn hơn: "Vì như con ốc sên mang nhà theo mình, thì người vợ cũng nên ở nhà và chăm lo công việc trong nhà, như một người đã bị lấy mất khả năng quản lý những việc ở bên ngoài và liên quan đến nhà nước."[37]

"Di sản của đạo Tin Lành đối với phụ nữ hết sức nước đôi," Lyndal Roper viết. "Một phần sự hổ thẹn vốn gắn liền với thân phận người nữ đã giảm bớt,

35. Barbara MacHaffie, Her Story, tr. 63.
36. Beth Allison Barr, The Making of Biblical Womanhood, chương 4.
37. Susan C. Karant-Nunn và Merry E. Wiesner-Hanks, Luther on Women

nhưng sự lệ thuộc vẫn còn, và việc giam họ trong khuôn khổ gia đình lại tăng lên. Lẽ ra Cuộc Cải cách có thể khẳng định sự bình đẳng thuộc linh của phụ nữ với người nam, nhưng thay vào đó, nó lại mở ra một 'chủ nghĩa phụ quyền được đổi mới', đặt những phụ nữ có chồng hoàn toàn dưới vai trò làm đầu của chồng mình."[38] Thay vì Ma-ri, người được phụ nữ Công giáo quý trọng vì đã ngồi dưới chân Chúa Giê-xu, Luther dường như đề cao Ma-thê, người làm việc trong bếp. Khi các tu viện bị Luther và Calvin đóng cửa, bất cứ sự độc lập và cơ hội phục vụ nào mà những nơi này từng mang lại cho một số ít phụ nữ nay cũng không còn nữa.

Ngay cả sau Cuộc Cải cách, ý tưởng về sự thấp kém của phụ nữ vẫn còn nguyên vẹn: những cuộc săn phù thủy tàn bạo lan khắp châu Âu và châu Mỹ từ thế kỷ 15 đến thế kỷ 17 là bằng chứng cho thấy Hội Thánh đã không cải cách cái nhìn thấp kém của mình về phụ nữ. Một sắc lệnh của Giáo hoàng Innocent VIII năm 1484 nhằm truy tố phù thủy đã dẫn đến việc xử tử khoảng 200.000 phụ nữ bị cáo buộc oan trong những thập niên sau đó. Các nhà thần học ủng hộ mệnh lệnh này đã viết một văn kiện, *Cây búa trừng trị phù thủy*, để giải thích vì sao phụ nữ lại dễ phó mình cho ma quỷ đến thế: họ dễ bị ảnh hưởng, ăn nói trơn tru, và rốt cuộc được làm ra từ "một cái xương sườn cong". Ê-va là người đầu tiên bị Sa-tan cám dỗ, và vì tình dục là phương tiện truyền nguyên tội, nên người ta tưởng tượng rằng mỗi phù thủy đã kết ước với ma quỷ để dụ người vô tội vào tội lỗi. "Vì do khuyết tật này (cái xương sườn cong), người đàn bà là một con vật bất toàn, nên nó luôn lừa dối … Đàn bà tìm kiếm, ấp ủ và thực hiện đủ loại báo thù, hoặc bằng phép phù thủy, hoặc bằng cách nào khác. Chẳng lạ gì khi có biết bao nhiêu phù thủy thuộc giới này … Mọi phép phù thủy đều đến từ dục vọng xác thịt, là điều mà nơi đàn bà không bao giờ thỏa mãn."[39] Chỉ 6% số cái chết này xảy ra tại các nước Công giáo như Tây Ban Nha, Ý, Bồ Đào Nha và Ai-len, nên con cái của Cuộc Cải cách, vẫn còn khinh miệt phụ nữ sâu sắc, đã vượt qua người Công giáo trong việc thiêu sống phù thủy – riêng nước Đức của Luther đã chiếm 40% số vụ hành quyết. Các nước chủ yếu theo Tin Lành khác như Thụy Sĩ, Anh và Hà Lan chiếm 35%.

38. Lyndal Roper, The Holy Household, tr. 1-2, trích dẫn trong Barr, chương 4.
39. H. Kramer và J. Sprenger, Malleus Maleficarum

Người ta những tưởng rằng ở chỗ các nhà lãnh đạo Cải cách đã thất bại trong việc nâng cao vị trí của phụ nữ trong Hội Thánh, thì các nhà tư tưởng thời Khai sáng có thể thành công trong xã hội rộng lớn hơn. Tuy nhiên, dù đưa ra ý tưởng mới về sự bình đẳng phổ quát của mọi người, các trí thức thời Khai sáng vẫn bám lấy thái độ phân biệt giới tính của mình.[40] Jean-Jacques Rousseau (1712–1778 SCN), người có những ý tưởng về bình đẳng về sau góp phần vào việc giải phóng nô lệ, đã chẳng giúp gì cho cảnh ngộ của phụ nữ: "Toàn bộ việc giáo dục phụ nữ phải được hoạch định trong tương quan với người nam. Làm vừa lòng người nam, hữu ích cho họ, chiếm được tình yêu và sự kính trọng của họ … Đó là những bổn phận của phụ nữ trong mọi thời đại, và đó là những điều họ phải được dạy từ thuở nhỏ." Tương tự, quan điểm của Immanuel Kant (1724–1804 SCN) về các quyền phổ quát và việc xóa bỏ các thứ bậc xã hội cũng không bao gồm phụ nữ. Ông nói rõ rằng người chồng có "quyền sở hữu [vợ mình], và bổn phận vâng lời chồng của người vợ là một đòi hỏi của luật tự nhiên cũng như một nghĩa vụ đạo đức." Ngay cả bộ *Encyclopédie* của Denis Diderot (1713–1778 SCN), vốn nổi tiếng thời bấy giờ vì những quan điểm tiến bộ, cũng mô tả phụ nữ là "yếu đuối, nhút nhát, xảo quyệt, độc ác, hay thù hằn, nông cạn và gian dối" – về cơ bản là thấp kém và tồn tại để phục vụ những người nam bên cạnh mình.[41]

Tôi đau buồn khi viết chương này. Suốt thời gian ấy – như cuốn sách này sẽ cho thấy – Hội Thánh vẫn ngồi trên một mỏ vàng chứa sức mạnh đem lại bình đẳng, ngay trong chính Kinh Thánh của mình. Cuối cùng, sau nhiều thế kỷ phụ nữ bị khuất phục, một số ý tưởng về bình đẳng giới của Kinh Thánh đã đi vào ý thức văn hóa rộng lớn hơn. Thế nhưng, khi nền văn hóa chung bắt đầu áp dụng những hệ quả của các ý tưởng được Đức Chúa Trời soi dẫn này, thì phần lớn Hội Thánh lại chọn bám chặt lấy chủ nghĩa phụ quyền như thể sự cứu rỗi của mình phụ thuộc vào đó – trớ trêu thay, Hội Thánh trở

40. Phần viết về các nhà tư tưởng thời Khai sáng này là nhờ Alice Mathews, Gender Roles and the People of God, chương 11.

41. May mắn thay, những hạt giống cho sự giải phóng phụ nữ về sau đã được gieo, dù bị tiếng nói của số đông che khuất: Hầu tước de Condorcet (1743–1794) đã viết một tiểu luận chủ trương cho phụ nữ được tham gia trọn vẹn vào đời sống công cộng, kể cả quyền bầu cử và quyền giữ chức vụ công. Còn Olympe de Gouges (1748–1793) thì chỉ ra sự mâu thuẫn của một hệ thống thứ bậc giới tính bên trong một hệ thống được cho là bình đẳng phổ quát: "Tự do và công lý là trả lại cho người khác mọi điều thuộc về họ; vì vậy, giới hạn duy nhất đối với việc thực thi các quyền tự nhiên của phụ nữ là sự chuyên chế không dứt của người nam; những giới hạn này phải được cải tổ bởi các luật của tự nhiên và của lý trí."

thành pháo đài cuối cùng của một nguyên tắc lỗi thời và không theo Kinh Thánh.

Sự trỗi dậy của phụ nữ

Như bất cứ sử gia hiện đại nào cũng sẽ xác nhận, trong hai thế kỷ qua, phụ nữ trên khắp thế giới đã chống lại sự thấp kém, sự lệ thuộc và những vai trò chỉ quanh quẩn trong nhà vốn là thân phận của họ từ thuở khai thiên lập địa. Sự kháng cự này diễn ra chậm nhưng chắc, và không phải không có những bước thụt lùi. Thành công của nó thể hiện ở chỗ phần lớn xã hội ngày nay thừa nhận rằng lạm dụng tình dục, hiếp dâm, bạo lực đối với phụ nữ, sự bất bình đẳng về cơ hội học tập và việc làm, sự bất bình đẳng về tiền lương, và những luật lệ phân biệt giới tính đều là sai trái.

Dù trong lịch sử, Hội Thánh đã giới hạn những ý tưởng về "tự do" của Kinh Thánh vào sự cứu rỗi cá nhân, những bước phát triển thần học trong mấy thế kỷ gần đây bắt đầu áp dụng điều này rộng hơn cho tự do xã hội, chính trị và kinh tế. Được trang bị một sự hiểu biết mới về mối quan tâm của Đức Chúa Trời đối với sự giải phóng, nhiều Cơ Đốc nhân đã đi tiên phong trong một số phong trào xã hội lớn, như dân chủ, bãi bỏ chế độ nô lệ, quyền của người lao động, phúc lợi xã hội, bình đẳng chủng tộc, quyền bầu cử phổ thông, và bình đẳng cho phụ nữ nơi làm việc. Hãy lấy quyền bầu cử của phụ nữ làm một ví dụ cho thấy những tiến bộ đạt được trong việc tôn trọng phẩm giá phụ nữ. Những người phụ nữ đầu tiên đấu tranh cho quyền bầu cử phần lớn là Cơ Đốc nhân. Dù chưa có quốc gia dân chủ nào cho phụ nữ bỏ phiếu trước khi quần đảo Pitcairn làm điều đó vào năm 1838, nhưng kể từ khi Ả Rập Xê Út cuối cùng cho phép phụ nữ bỏ phiếu trong các cuộc bầu cử địa phương vào năm 2015, mọi quốc gia trên thế giới có bầu cử dân chủ nay đều cho phụ nữ bỏ phiếu.

Dĩ nhiên, dù những hạt giống ban đầu của cuộc cách mạng này bắt nguồn từ cách Chúa Giê-xu đối xử với phụ nữ và *Đại Hiến chương cho nhân loại* của Phao-lô trong Ga-la-ti 3:28, còn có nhiều yếu tố khác góp phần vào sự giải phóng phụ nữ ngày càng tiến triển. Trong thế kỷ 19, phụ nữ, phần lớn là Cơ Đốc nhân, bắt đầu thành lập và lãnh đạo đủ loại tổ chức hoạt động xã hội –

một niềm hứng khởi mà trước đây chỉ có trong các tu viện và dòng tu nữ – để giải quyết đủ loại tệ nạn xã hội. Phụ nữ mở các trường Chúa nhật để dạy trẻ em về Đức Chúa Trời và dạy chúng đọc. Họ chăm sóc trẻ mồ côi và những người góa bụa. Họ dạy những phụ nữ khác đọc, viết, làm toán, và dạy về tôn giáo. Họ vận động cho hòa bình, cho sự tiết độ, cho cải cách nhà tù, và cho việc đóng cửa các nhà chứa. Trong tất cả những điều này, một điều sâu xa hơn đang diễn ra: *phụ nữ đang khám phá ra sức mạnh của mình để thay đổi thế giới*.

Vì thế, họ cũng bắt đầu vận động cho quyền phụ nữ, một phong trào trong đó phụ nữ thuộc mọi tín ngưỡng, nền văn hóa và chủng tộc cùng nhau đề xuất rằng tự do về kinh tế, tâm lý và xã hội là cần thiết để phụ nữ thoát khỏi thân phận công dân hạng hai trong xã hội của mình. Họ tìm cách thay đổi cách phụ nữ được nhìn nhận trong nền văn hóa của mình, và qua đó định nghĩa lại vai trò kinh tế, xã hội và chính trị của phụ nữ trong xã hội. Nhiều nhà lãnh đạo và học giả Cơ Đốc đã đi tiên phong trong những ngày đầu của phong trào này – đến nỗi có thể nói rằng "Phong trào Giải phóng Phụ nữ, khi nở rộ vào những năm 1960, có gốc rễ sâu xa trong phái Tin Lành Phúc Âm và trong Kinh Thánh."[42]

Đặc biệt trong những năm 1960 và 1970, trong một trong những cuộc cách mạng xã hội lớn nhất từng có, cuối cùng cũng đến lượt phụ nữ giành được những quyền tự do lớn nhất của mình. Sự nghiệp của họ được nhiều yếu tố khác hỗ trợ.

Sự trỗi dậy của nền công nghiệp hóa hiện đại khiến phụ nữ tìm được việc làm bên ngoài gia đình. Dù những công việc và mức lương tốt nhất được dành cho người nam, phụ nữ đã bắt đầu nếm trải công việc ngoài việc nhà. Trong Thế chiến thứ hai, vì hoàn cảnh bắt buộc, từng đoàn phụ nữ đã được đẩy vào công việc của những người nam đang vắng mặt vì ra trận: họ quản lý công ty, học nghề, điều hành nhà máy, lái xe tải và chế tạo vũ khí. Sau chiến tranh, bản chất của công việc cũng bắt đầu thay đổi. Khu vực công việc

42. Kevin Giles, What the Bible Actually Teaches on Women, tr. 39: "Đây là một phong trào do những người Tin Lành Phúc Âm lãnh đạo, những người tin rằng sự bình đẳng của nam và nữ trong Đấng Christ được Kinh Thánh dạy rõ ràng. Họ chống lại cả chế độ nô lệ lẫn sự khuất phục phụ nữ. Trong số những người lãnh đạo của 'những nhà nữ quyền làn sóng thứ nhất' có những người Tin Lành Phúc Âm William và Catherine Booth, những người sáng lập Đội Quân Cứu Thế, Sojourner Truth, Amanda Berry Smith, Katherine Bushnell, A. J. Gordon và Fredrik Franson."

văn phòng phát triển khi trí óc trở nên quan trọng hơn cơ bắp. Tính trung bình, phụ nữ có thể gặp khó khăn với những công việc nặng nhọc hơn về thể lực, nhưng chắc chắn họ có thể làm công việc trí óc. Việc ngày nay số phụ nữ tốt nghiệp đại học nhiều hơn nam giới là bằng chứng cho điều đó.

Ngoài ra, việc phát minh thuốc tránh thai dạng uống vào những năm 1950 giúp phụ nữ làm chủ việc khi nào sinh con và sinh bao nhiêu con – với ít con hơn, họ có nhiều thời gian hơn. Đến những năm 1960, các phong trào giải phóng và các cuộc biểu tình công khai lan khắp hành tinh. Các phong trào dân quyền giành được những chiến thắng lớn, và theo sau đó là thời điểm lý tưởng để phong trào phụ nữ cũng nở rộ. Vào những năm 1860, khi chế độ nô lệ đang bị bãi bỏ, phụ nữ, phần lớn thuộc phái Tin Lành Phúc Âm, bắt đầu thách thức địa vị lệ thuộc của mình. Lúc đầu, họ không được coi trọng. Những ý tưởng làm chuyển dịch xã hội thường cần thời gian mới có chỗ đứng. Nhưng cuối cùng, một thế kỷ sau, khi các dân tộc không phải da trắng đang giành được dân quyền tại những quốc gia do người da trắng thống trị, phụ nữ đã tận dụng đà xã hội ấy để lật đổ thành công địa vị thấp kém của mình. Chúng ta mắc nợ rất nhiều những người phụ nữ can đảm đã đi trước chúng ta. Phần lớn là nhờ họ mà ngày nay phụ nữ được hưởng địa vị bình đẳng.

Thật khó nói quá về mức độ sâu xa của sự chuyển biến đã diễn ra. Chỉ trong vài thập niên, những giả định kéo dài hàng thiên niên kỷ, chưa từng bị chất vấn, về sự thấp kém của phụ nữ đã nhường chỗ cho một thế giới trong đó nữ thẩm phán, nữ lập trình viên, nữ bác sĩ phẫu thuật, nữ chính trị gia, nữ tổng thống, nữ giáo sư, nữ tướng lĩnh và nữ giám đốc điều hành đều có vẻ hoàn toàn bình thường.

Vì trong lịch sử, Hội Thánh đã dính líu cả vào việc khuất phục phụ nữ lẫn vào việc giải phóng họ, giờ đây Hội Thánh sẽ phản ứng thế nào trước những thay đổi xã hội như động đất này?

THẾ GIỚI CƠ ĐỐC GIÁO VA CHẠM VỚI PHONG TRÀO GIẢI PHÓNG PHỤ NỮ

Lập trường của Hội Thánh trong lịch sử là phụ nữ không thể lãnh đạo trong Hội Thánh, gia đình hay nơi làm việc *vì họ thấp kém*. Trong mọi thế kỷ trước thế kỷ 20 và 21, nền văn hóa phụ quyền đã đồng ý với Hội Thánh về điều này. Giờ đây, một nền văn hóa mới đã đến để thách thức những giả định này. Hội Thánh đã phản ứng ra sao lúc đầu nay đã là lịch sử – dù là lịch sử rất gần đây – với nhiều nhà tư tưởng và người có ảnh hưởng lớn của nó vẫn còn sống và vẫn lên tiếng mạnh mẽ như thế cho đến ngày nay.

Đáng buồn thay, phản ứng ban đầu của Hội Thánh trước thành công của Phong trào Giải phóng Phụ nữ phần lớn mang tính phản kháng. Bám chặt ý tưởng về sự thấp kém của phụ nữ, nhóm giáo hội lớn nhất – người Công giáo La Mã – cùng các Hội Thánh Tin Lành Phúc Âm bảo thủ và các Hội Thánh Cải chánh là những nơi thù nghịch nhất với sự thay đổi. Đáp lại những tiếng kêu đầu tiên đòi chấm dứt sự khuất phục phụ nữ và đòi bình đẳng cho họ, các Cơ Đốc nhân đọc và chấp nhận những câu trả lời do các tác giả như John Rice đưa ra. Trong *Bobbed Hair, Bossy Wives, and Women Preachers* (Tóc cắt ngắn, vợ hống hách và nữ giảng đạo, 1942), ông cố làm phụ nữ dịu xuống bằng cách tuyên bố rằng "sẽ giải quyết các thắc mắc của họ bằng Lời Đức Chúa Trời":

Người nam được dựng nên theo hình ảnh Đức Chúa Trời. Đức Chúa Trời là một Đức Chúa Trời nam tính. Đại từ giống đực được dùng cho Đức Chúa Trời ở khắp nơi trong Kinh Thánh … Đức Chúa Trời không ẻo lả. Và người nam được dựng nên theo hình ảnh Đức Chúa Trời. Mặt khác, người nữ thì mang hình ảnh của người nam và là bạn đời của người nam … Phước cho người nữ nào nhớ điều này; vinh quang của nàng là làm người giúp đỡ cho một người nam, và thuận phục chồng mình hoặc cha mình.[43]

Ít phổ biến hơn nhưng mang tính học thuật hơn, mãi đến năm 1957, nhà giải kinh thuộc phái Tin Lành Phúc Âm Donald Guthrie, trong sách giải nghĩa 1 Ti-mô-thê thuộc bộ Tyndale, vẫn cho rằng: "Việc người nam được dựng nên

43. John Rice, Bobbed Hair, Bossy Wives, and Women Preachers, tr. 68.

trước đặt người nam vào vị trí cao trọng hơn người nữ."[44] Học giả Kinh Thánh nổi tiếng Charles Ryrie cũng đi đến một kết luận tương tự vào năm 1958: "Ý muốn của Đức Chúa Trời về phụ nữ … sẽ có nghĩa là sự lệ thuộc và sự tôn trọng trong gia đình, sự im lặng và sự giúp đỡ trong Hội Thánh."[45]

Dù được trang bị những lý lẽ "thần học" ban đầu này để tự vệ, phần lớn sự kháng cự của các Cơ Đốc nhân trước những thay đổi đang diễn ra trong xã hội được tiếp sức bởi một nhận thức sai lầm rằng "gia đình Cơ Đốc" đang bị tấn công. Dù những giáo huấn nữ quyền về sau có thể là một mối đe dọa thật sự cho gia đình Cơ Đốc, trên thực tế, Phong trào Giải phóng Phụ nữ trong hình thức ban đầu của nó chỉ là một mối đe dọa cho một hiện tượng mang tính xã hội và tôn giáo, trong đó, do cuộc cách mạng công nghiệp, người nam làm việc bên ngoài cả ngày, còn người vợ được trông đợi ở nhà lo việc nhà và con cái. Điều mà các Cơ Đốc nhân lúc ấy dường như đã quên là trong những nền văn hóa Cơ Đốc trước đó, người cha phần lớn cũng ở nhà: chính gia đình là một đơn vị kinh tế, trong đó cả gia đình là lực lượng lao động, chăm sóc gia súc và đồng ruộng, và làm những nghề thủ công nhỏ như kéo sợi, dệt vải và làm mộc.

Ngoài ra, những cuộc hôn nhân "bình đẳng" mới mà xã hội đang cổ xúy – nay được thực hành phổ biến ngay cả bởi những Cơ Đốc nhân ở phương Tây tự nhận là theo quan điểm bổ sung – vào thời ấy dường như là sự lật đổ hôn nhân "Cơ Đốc", vì người ta tin rằng giáo huấn chính của Kinh Thánh về hôn nhân là thẩm quyền và sự thuận phục.

Một sự đồng thuận và một ngã rẽ

44. Kevin Giles, What the Bible Actually Teaches on Women, tr. 175.
45. Charles Ryrie, The Place of Women in the Church, tr. 146. Khi xem xét các bản văn then chốt, ông nhất loạt chọn những cách giải thích bảo thủ nhất. Chẳng hạn, trong phần nghiên cứu về 1 Cô-rinh-tô, nơi phụ nữ được cho thấy là nói tiên tri và cầu nguyện trong chương 11, trong khi lại bị truyền phải im lặng trong chương 14, ông lập luận rằng im lặng là chuẩn mực, dù trong những hoàn cảnh ngoại lệ, phụ nữ có thể nói hoặc cầu nguyện điều gì đó trước mặt người nam. Tuy nhiên, phải công nhận rằng ông đã bắt đầu diễn đạt thành lời một giáo huấn mới mà chẳng bao lâu sau sẽ được Hội Thánh chấp nhận. Trong chương nói về thái độ của Chúa Giê-xu đối với phụ nữ, ông chỉ ra rằng trong mắt Chúa Giê-xu, phụ nữ có năng lực về thuộc linh và trí tuệ, cũng như có khả năng phục vụ. Là một trong những nhà thần học đầu tiên thừa nhận rằng nam và nữ "bình đẳng" về các đặc ân thuộc linh và trong hôn nhân, ông liền nói thêm cho rõ rằng họ phải hoạt động trong những lãnh vực khác nhau.

Theo học giả theo quan điểm bổ sung Daniel Doriani, cho đến những năm 1960, các nhà thần học vẫn mặc nhiên cho rằng phụ nữ "thấp kém về bản thể."[46] Cho đến thời điểm này, các nhà thần học, giới giáo sĩ và mọi người khác nói chung đều xem phụ nữ là "thấp kém" và người nam là "cao trọng hơn". Họ lập luận rằng Kinh Thánh cũng nói như vậy.

Nhưng rồi một câu hỏi mới bị đặt ra cho Hội Thánh: "Đức Chúa Trời phán gì về sự trỗi dậy chưa từng có này của phụ nữ trong xã hội, một phong trào xã hội đòi sự bình đẳng trọn vẹn của phụ nữ với người nam?" Trong một thời gian ngắn, Hội Thánh co cụm lại để bảo vệ giáo lý truyền thống của mình. Thế nhưng, bất chấp cuộc va chạm ban đầu với văn hóa về vấn đề bình đẳng giới, từ những năm 1960 đến những năm 1990, một nhận thức tuyệt vời đã đến với phần lớn Hội Thánh: "Khoan đã, chúng ta đã sai … phụ nữ *thật sự* bình đẳng với người nam."

Đây vẫn là một trong những chuyển biến ngoạn mục nhất trong lịch sử thần học Cơ Đốc. Suốt nhiều thế kỷ, Hội Thánh đã lặp lại tiếng nói của các nền văn hóa phụ quyền và khinh miệt phụ nữ, khi đọc những thái độ và ý tưởng đó vào bản văn Kinh Thánh. *Nhưng giờ đây, nhờ một chuyển biến văn hóa lớn, và nhờ những Cơ Đốc nhân tiên phong, kiên trì ở giữa họ, Hội Thánh đã quay trở lại với bản văn Kinh Thánh và nhận ra rằng thật ra trong Kinh Thánh có rất nhiều điều khẳng định sự bình đẳng thiết yếu của phụ nữ.*

Như tôi đã trích dẫn trước đó, Tim Keller nói: "Thường thì … sự tiếp xúc với một nền văn hóa mới cho chúng ta thấy nhiều điều được Kinh Thánh dạy – những điều mà chúng ta hoặc đã hoàn toàn bỏ sót, hoặc cho là không quan trọng, có khi còn cho thấy những cách chúng ta đã đọc sai Kinh Thánh qua lăng kính các giả định văn hóa của chính mình."[47] Và như vậy, khi được đọc kỹ hơn, rốt cuộc Kinh Thánh đã không dạy rằng phụ nữ kém lý trí hơn, hoặc dễ phạm tội hơn, hoặc không có khả năng lãnh đạo, hoặc không thể làm việc bên ngoài gia đình. Dù những hạt giống về sự bình đẳng của người nữ đã có trong Kinh Thánh, và chỉ thoáng hiện lên trong lịch sử Hội Thánh, *nhưng phải đến gần đây Hội Thánh mới cuối cùng chính thức bắt đầu đón nhận sự bình đẳng này một cách rộng rãi và hãnh diện như một vấn đề giáo lý của Hội Thánh*. Bất cứ ai lấy điều này làm điểm khởi đầu thì giờ đây thuộc về một ngày hoàn toàn

46. Kevin Giles, What the Bible Actually Teaches on Women, tr. 176.
47. Timothy Keller, Center Church, chương 8.

mới trong thần học Cơ Đốc về phụ nữ – một sự đoạn tuyệt với nền thần học kéo dài hàng thiên niên kỷ của Hội Thánh.

Nếu bạn ngạc nhiên khi đọc rằng Hội Thánh đi đến một sự sáng tỏ mới về điều Kinh Thánh dạy, hàng thiên niên kỷ sau khi Hội Thánh ra đời, thì hãy yên tâm: mọi chuyện vẫn luôn như thế. Khi văn hóa tin rằng trái đất phẳng, các nhà thần học đã dạy điều này từ Kinh Thánh. Khi người ta nghĩ rằng mặt trời quay quanh trái đất, các bản văn Kinh Thánh đã chứng minh như thế. Cho đến khi các nhà khoa học học được cách xác định tuổi trái đất, người ta tin rằng Đức Chúa Trời đã tạo dựng nó trong bảy ngày theo nghĩa đen, chỉ cách đây vài ngàn năm. Tương tự, việc xã hội bãi bỏ chế độ nô lệ và vượt qua chủ nghĩa bài Do Thái đã kéo theo việc Hội Thánh đọc các bản văn Kinh Thánh theo một cách mới (và tốt hơn). Những khám phá mới trong văn hóa có thể soi ánh sáng mới vào điều thật sự có (và không có) trong Kinh Thánh. Cũng có thể nói như vậy về khám phá trong xã hội rộng lớn hơn rằng phụ nữ về bản chất bình đẳng với người nam. Kìa xem, Kinh Thánh *quả thật đã* nói về sự bình đẳng thực chất của hai giới trong sự sáng tạo và trong Đấng Christ! Điều đó vẫn luôn ở đó.

Giáo hội Công giáo, dù ban đầu liên kết lại để chống sự bình đẳng của phụ nữ, cũng đã thay đổi thần học của mình. Năm 1987, Giáo hoàng Gioan Phaolô II đã nói lên tiếng nói của các nhà thần học Công giáo hàng đầu thời đó bằng cách ban hành một giáo huấn có tính ràng buộc đối với giáo hội[48], bác bỏ quan điểm được giữ suốt nhiều thế kỷ – rằng trong sự sáng tạo, Đức Chúa Trời đã đặt phụ nữ lệ thuộc người nam – và thay vào đó khẳng định "sự bình đẳng thiết yếu" của họ.

Còn các Hội Thánh Tin Lành Phúc Âm thì sao? Song song với gương của Công giáo, một vài người can đảm đã mạnh dạn lên tiếng ủng hộ sự giải phóng phụ nữ, lập luận rằng sự bình đẳng trọn vẹn và tính tương hỗ của nam và nữ trong Hội Thánh, gia đình và xã hội là điều Kinh Thánh vẫn luôn hướng đến. *Tuy nhiên – và đây là lý do cuốn sách này phải được viết ra – họ đã bị những người Tin Lành Phúc Âm khác chống đối; những người này, dù cũng bác bỏ giáo huấn lịch sử của Hội Thánh về sự thấp kém của phụ nữ, vẫn tìm cách duy trì một hình thức lệ thuộc của phụ nữ.*

48. John Paul II, Mulieris Dignitatem: On the Dignity and Vocation of Women.

Tiếp theo đó là một cuộc tranh luận kéo dài hàng thập niên giữa hai nhóm này, những người theo thuyết thứ bậc và những người theo quan điểm tương hỗ, cả hai đều tận hiến như nhau cho Kinh Thánh, bằng chứng là vô số sách mà các tác giả nam lẫn nữ của cả hai phía đã viết để đáp lại nhau. Sau khi đã đồng ý loại bỏ ý tưởng về sự thấp kém của phụ nữ khỏi giáo lý của mình, hai nhóm này đi theo hai con đường khác nhau, đến nỗi ngày nay, một số hệ phái theo quan điểm thứ nhất, trong khi những hệ phái khác chọn quan điểm thứ hai. Đây là điểm mấu chốt: *cả hai quan điểm đều hoàn toàn mới trong lịch sử Hội Thánh*. Những người chủ trương phụ quyền đã thay giáo lý trước đây – "phụ nữ thấp kém, vì thế phải lệ thuộc người nam" – bằng "phụ nữ bình đẳng, nhưng dù vậy vẫn phải lệ thuộc người nam", còn những người theo quan điểm tương hỗ thì chọn "phụ nữ bình đẳng, vì thế không lệ thuộc người nam".

Cuộc trò chuyện, có lúc gay gắt, có lúc thân tình, tiếp diễn cho đến năm 1987. Rồi một điều đã xảy ra tại Mỹ mà tôi tin là đã chấm dứt cuộc trò chuyện ấy một cách không chính đáng và quá sớm: *Tuyên bố Danvers* (*The Danvers Statement*), với giáo huấn mới gọi là "thuyết bổ sung", đã được soạn thảo. Giáo huấn này trở nên phổ biến đến mức nhiều người Tin Lành Phúc Âm cho rằng nó là bên thắng cuộc trong cuộc tranh luận. Dĩ nhiên, quan điểm này có thể đã thắng thế vì nó đúng. Nhưng nếu chúng ta biết chút gì về lịch sử Hội Thánh, thì chúng ta cũng biết rằng người ta có thể thắng vì những lý do khác. Xin cho phép tôi chia sẻ sự hiểu biết của tôi về "chiến thắng" của thuyết bổ sung.

3

SỰ TRỖI DẬY (VÀ NHỮNG CẠM BẪY) CỦA THUYẾT BỔ SUNG

"Chúng tôi tin chắc rằng việc chối bỏ hoặc xem nhẹ [thẩm quyền của người nam và sự thuận phục của người nữ] sẽ dẫn đến những hậu quả ngày càng tàn phá trong gia đình chúng ta, trong các Hội Thánh chúng ta và trong nền văn hóa nói chung." John Piper[49]

Bạn đã nghe câu chuyện về người mẹ thường nhào bột làm bánh mì, nặn bột thành ổ, rồi cắt bỏ hai đầu và vứt đi trước khi cho phần bột còn lại vào lò chưa? Khi các con hỏi lý do, người mẹ giải thích rằng mẹ của mình đã làm như vậy, và bà ngoại của mình trước đó cũng làm như vậy. "Nhà mình làm bánh mì như thế đó – đó là truyền thống của nhà mình." Chưa hoàn toàn thỏa mãn với câu trả lời của mẹ, bọn trẻ liền gặng hỏi bà ngoại lý do. Bà lục lại trí nhớ và nhớ ra rằng ngày xưa bà của bà làm bánh mì bằng một cái khuôn nhỏ – nhỏ đến nỗi bà cụ phải cắt bỏ hai đầu ổ bột mới cho vừa khuôn. Bọn trẻ chạy về với mẹ: "Mẹ ơi, bây giờ mình không còn dùng cái khuôn bánh nhỏ ấy nữa, thì mình đâu cần cắt bỏ hai đầu nữa!"[50]

Câu chuyện nhỏ này nhắc tôi nhớ đến sự khác biệt giữa thuyết bổ sung và thuyết tương hỗ. Thuyết thứ nhất bám vào "lập luận từ lịch sử Hội Thánh" và cho rằng sự lệ thuộc của phụ nữ là thiết kế tốt lành của Đức Chúa Trời, vì xét cho cùng, "Hội Thánh xưa nay vẫn luôn dạy và làm như thế". Thuyết thứ hai đáp lại rằng việc bắt phụ nữ lệ thuộc tự nó chẳng có gì hợp lý hay tốt đẹp, vì những lý do lịch sử khiến Hội Thánh đón nhận giáo lý này không còn đúng nữa. Trong hàng thiên niên kỷ mà sự thấp kém của phụ nữ được xã hội và Hội Thánh mặc nhiên thừa nhận và không ai chất vấn, sự lệ thuộc của phụ

49. The Danvers Statement, www.bit.ly/2Y6Xhgg

50. Cảm ơn William Witt trong "Icons of Christ", chương 3, về hình ảnh minh họa dễ thương này.

nữ có lẽ còn có lý. Nhưng trong thế giới chúng ta đang sống ngày nay, và trong một Hội Thánh không còn giữ ý tưởng về sự thấp kém của phụ nữ, điều đó hoàn toàn vô lý.

Dầu vậy, khi chứng kiến các Hội Thánh bênh vực thuyết bổ sung, tôi để ý thấy biết bao Hội Thánh viện dẫn ý tưởng về "lịch sử Hội Thánh" này. Họ lập luận rằng vì đây là giáo huấn lịch sử của Hội Thánh, nên đi ra khỏi nó hẳn là nguy hiểm và gây chia rẽ. Thế nhưng điều mà phần lớn họ không nhận thức được là cho đến những năm 1960, giáo huấn lịch sử của Hội Thánh là phụ nữ phải lệ thuộc người nam *vì họ thấp kém hơn người nam*.

Thành công sau đó của Phong trào Giải phóng Phụ nữ là một chất xúc tác lớn giúp Hội Thánh, lần đầu tiên trong lịch sử của mình, quay trở lại với Kinh Thánh và chất vấn ý tưởng về sự thấp kém của phụ nữ. Khi làm điều đó, Hội Thánh đã thay đổi suy nghĩ một cách đúng đắn. *Vào thời điểm đó, Hội Thánh đã vứt bỏ cái khuôn bánh của mình! Kể từ đó, phần lớn các Hội Thánh ngày nay "nướng" giáo lý của mình về giới tính và sự lãnh đạo với cùng một giả định khởi đầu: rằng phụ nữ bình đẳng và không thấp kém hơn người nam. Khi làm như vậy, các Hội Thánh này đã đón nhận một giáo huấn hoàn toàn mới về vấn đề này – chưa quá 50 hay 60 năm tuổi.*

Rồi các nhà thần học, nhiều người trong số họ vẫn còn sống ngày nay, đưa ra hai giáo lý xét lại cạnh tranh nhau, cả hai nay đều mặc nhiên thừa nhận sự bình đẳng vốn có của nam và nữ. Giáo lý thứ nhất, về sau được gọi là *thuyết bổ sung*, là một hình thức chế độ phụ quyền đã được sửa đổi. Nó chọn giữ lại sự lệ thuộc của phụ nữ nhưng bác bỏ lý do thật sự có tính lịch sử của việc đó. Thay vào đó, những người sáng lập nó đã tìm ra những lập luận mới từ Kinh Thánh để ủng hộ quan điểm của mình. Lập trường thứ hai, thường được gọi là *thuyết bình đẳng*, nhưng tôi thích gọi là *thuyết tương hỗ* hơn, đã loại bỏ hoàn toàn thứ bậc giới tính. Khi ý tưởng về sự thấp kém của phụ nữ nay đã bị bác bỏ rộng rãi, họ lập luận rằng ý tưởng về sự lệ thuộc của phụ nữ cũng không còn cơ sở đáng tin cậy nào nữa.

Đây là một hình minh họa các quan điểm khác nhau:

	Phụ nữ thấp kém?	*Phụ nữ lệ thuộc?*
Thuyết thứ bậc truyền thống (năm 100 – những năm 1960)	Có	Có, vì phụ nữ thấp kém
Thuyết bổ sung (từ những năm 1960 trở đi)	Không	Có, vì những lý do mới
Thuyết tương hỗ (từ những năm 1960 trở đi)	Không	Không

Trong chương này, tôi sẽ khảo sát sự trỗi dậy (và những cạm bẫy) của hệ thống thứ bậc giới tính đã được sửa đổi, được tạo ra vào những năm 1970 và đóng gói thành thuyết bổ sung vào những năm 1980 tại Mỹ, rồi đã chi phối biết bao Hội Thánh và hệ phái trên khắp thế giới.

Là một người sống ở tận cùng phía nam châu Phi, tôi có thể xác nhận rằng khi nước Mỹ hắt hơi, phần còn lại của chúng ta bị cảm lạnh. Điều này đúng về chính trị và kinh tế của nước Mỹ, nhưng cũng đúng về các giáo lý của nước này. Do số lượng Cơ Đốc nhân đông đảo ở đó, nguồn lực trong tay họ, và sự thống trị của họ trên truyền thông và trên mạng, những nền thần học sinh ra tại Mỹ nhanh chóng có chỗ đứng trên khắp phần còn lại của thế giới. Vì họ cam kết với thẩm quyền của Kinh Thánh, phần lớn đây là điều tốt, nhưng thỉnh thoảng có điều gì đó bấp bênh hơn được xuất khẩu. Hãy xem Thần học Thịnh vượng của họ: trên lục địa của tôi, nhiều Hội Thánh tin rằng sự giàu có và sức khỏe có thể được đòi lấy bằng đức tin, và bằng cách gieo "hạt giống tài chính" cho "người của Đức Chúa Trời". Kết quả là: một số mục sư rất giàu có lãnh đạo các Hội Thánh tại một số cộng đồng nghèo khó nhất của châu Phi. Cũng thế, nước Mỹ đã thực sự xuất khẩu cả thần học bổ sung của mình. Thần học Thịnh vượng nảy sinh khi những người dạy Kinh Thánh theo đuổi "sự tăng trưởng Hội Thánh" tìm cách kết hợp Cơ Đốc giáo với chủ nghĩa vật chất. Đến lượt những người theo quan điểm bổ sung nảy sinh khi những người dạy Kinh Thánh theo đuổi "sự thanh sạch của Hội Thánh" tìm cách kết hợp Cơ Đốc giáo với một chế độ phụ quyền nhân từ. Thần học thứ nhất khá dễ bác bỏ bằng Kinh Thánh; thần học thứ hai được gắn kết bởi một mạng lưới tinh vi các lập luận Kinh Thánh, vì thế cuốn sách này mới dài như vậy.

Điểm chung của cả hai nền thần học là chúng đều là những giáo lý tương đối mới. Thuyết bổ sung là một phong trào mang tính xã hội và tôn giáo, được John Piper, Wayne Grudem và những người khác khởi xướng tại Mỹ vào cuối thế kỷ trước, chủ trương một cách riêng để xâu chuỗi những câu Kinh Thánh được chọn lọc với nhau. Nó bác bỏ giáo huấn lịch sử về sự thấp kém của phụ nữ, nhưng dù vậy vẫn tìm ra những lý do mới để duy trì vai trò làm đầu của người nam và sự thuận phục của người nữ, đặc biệt trong gia đình và Hội Thánh. Những người chuốt chữ của nó về cơ bản đã tái dựng thứ bậc giới tính theo một cách khiến ít người theo quan điểm bổ sung nhận ra rằng niềm tin của mình thực chất là như vậy. Tuy nhiên, công bằng mà nói, không phải mọi người ủng hộ nó đều cùng quyết tâm làm cho thuyết bổ sung nghe êm tai đối với người hiện đại: chẳng hạn, Russell Moore, nguyên chủ tịch Ủy ban Đạo đức và Tự do Tôn giáo của Hội đồng Báp-tít Miền Nam, thích dùng từ chế độ phụ quyền hơn từ thuyết bổ sung.[51]

NHỮNG NGƯỜI TẠO RA THUYẾT BỔ SUNG

Như mọi giáo lý khác, hình thức phụ quyền đã được sửa đổi này có một nhóm người khai sinh cụ thể. Ban đầu, cách riêng của thuyết bổ sung trong việc xâu chuỗi một số câu Kinh Thánh với nhau được George Knight III phát minh trong cuốn sách ngắn năm 1977 của ông, *The New Testament Teaching on the Role Relationship of Men and Women* (Sự dạy dỗ của Tân Ước về quan hệ vai trò giữa nam và nữ). Trong đó, ông từ bỏ quan điểm lịch sử của Hội Thánh về sự thấp kém của phụ nữ và chọn cụm từ "bình đẳng nhưng khác vai trò".

Knight nói rằng trong sự sáng tạo, Đức Chúa Trời đã giao cho mỗi giới những "vai trò" khác nhau và ràng buộc vĩnh viễn. Ông thừa nhận rằng Ga-la-ti 3:28 nói về sự bình đẳng giữa các giới trong Đấng Christ, nhưng khẳng định rằng câu này không có hệ quả xã hội nào đối với thứ bậc giới tính trong xã hội và Hội Thánh. Ông bỏ qua mọi sự dạy dỗ về Chúa Giê-xu hay của Chúa Giê-xu về vấn đề này. Sau khi lập luận rằng sự lệ thuộc đã có trước sự sa ngã, ông lập luận rằng ba bản văn (1 Ti-mô-thê 2:11-14; 1 Cô-rinh-tô 11:3;

51. Xem www.bit.ly/2ZUrOPf

và 1 Cô-rinh-tô 14:33-35) cho thấy Phao-lô tán thành điều mà ông gọi là "trật tự sáng tạo" trong các Hội Thánh.

Ông lập luận rằng lời Phao-lô nói "người đàn ông là đầu người đàn bà" trong 1 Cô-rinh-tô 11:3 nói đến "địa vị cao hơn" của người nam, và rằng từ *authentein* (mà theo ông nên dịch là "thực thi thẩm quyền") trong 1 Ti-mô-thê 2:12 là một từ tích cực, nói đến thẩm quyền mà các mục sư nam thực thi. Ông cũng đưa ra một cách giải thích lại đầy sáng tạo cho câu "Không phải A-đam bị dỗ dành, mà là người đàn bà" (câu 14), là câu suốt nhiều thế kỷ đã được đọc như bằng chứng về sự thấp kém của phụ nữ về đạo đức và trí tuệ. Ông nói rằng Ê-va, trong một hành động "đảo ngược vai trò", đã phớt lờ và qua mặt thẩm quyền của A-đam, dẫn đến những hậu quả thảm khốc. Ông gọi tất cả những điều này là "sự dạy dỗ rõ ràng của Kinh Thánh".

Quan điểm của Knight bị các nhà thần học khác phản bác, và cuộc tranh luận tiếp tục sôi nổi khi một vài hệ phái bắt đầu tấn phong nữ lãnh đạo, trong khi phần lớn vẫn tiếp tục thảo luận vấn đề này.

Vào cuối những năm 1980, Knight thúc giục hai ngôi sao đang lên trong giới Hội Thánh và thần học, John Piper và Wayne Grudem, nhảy vào cuộc và đối phó với cái gọi là "giáo lý sai lạc" đang lan rộng trong Hội Thánh. Qua hai cuộc họp vào năm 1987, họ triệu tập một nhóm nhỏ các mục sư khác, họp lần đầu ở Dallas, rồi ở Danvers, để thảo luận vấn đề và thông qua một bản tuyên bố giáo lý về vai trò giới tính mà họ gọi là *Tuyên bố Danvers.* Họ cũng thành lập một tổ chức gọi là *Council of Biblical Manhood and Womanhood* (Hội đồng về Nam tính và Nữ tính theo Kinh Thánh). Một năm sau, trong một bữa điểm tâm, Hội đồng quyết định đặt tên cho quan điểm được trình bày trong Tuyên bố Danvers: họ chọn không dùng những từ chế độ phụ quyền hay thứ bậc, mà dùng từ thuyết bổ sung, vì nó nhấn mạnh "sự bình đẳng và những khác biệt đem lại lợi ích cho nhau".[52]

Năm 1989, họ ra mắt sáng kiến của mình bằng cách tổ chức một cuộc họp báo, phát tờ rơi và đăng Tuyên bố Danvers trên *Christianity Today* – tất cả với hy vọng rằng nó sẽ "được sự tán thành rộng rãi". Để truyền bá quan điểm này rộng hơn nữa, Hội đồng quyết định "xuất bản sách, bài viết và tập sách

52. John Piper và Grudem, Wayne (chủ biên), Recovering Biblical Manhood and Womanhood, tr. 11.

nhỏ, tổ chức các hội thảo cho giới học giả cũng như những hội nghị lớn cho tín hữu bình thường".[53] Công trình lớn đầu tiên ra đời từ những nỗ lực của Hội đồng là tuyển tập tiểu luận năm 1991 mang tên *Recovering Biblical Manhood and Womanhood* (Khôi phục nam tính và nữ tính theo Kinh Thánh), do John Piper và Wayne Grudem chủ biên.[54]

Quan điểm của họ được đón nhận rộng rãi và được nhiều nhà lãnh đạo hệ phái dùng để chấm dứt mọi cuộc tranh luận. Vào cuối thiên niên kỷ, những hệ phái như Giáo hội Trưởng Lão tại Mỹ (Presbyterian Church of America) và hệ phái lớn nhất là Hội đồng Báp-tít Miền Nam đã thông qua Tuyên bố Danvers, quyết tâm không bao giờ đùa với ý tưởng về hôn nhân bình đẳng, việc tấn phong nữ mục sư, hay phụ nữ đứng trên tòa giảng nữa.

Vì bản văn then chốt nhất của thuyết bổ sung là 1 Ti-mô-thê 2:12-15, nên Andreas Köstenberger và Thomas Schreiner, những học giả Kinh Thánh được kính trọng tại các chủng viện Báp-tít Miền Nam, đã xuất bản công trình học thuật *Women in the Church* (Phụ nữ trong Hội Thánh) nhằm bác bỏ mọi nỗ lực đọc phân đoạn này theo cách khác với thuyết bổ sung. Những công trình quan trọng khác ủng hộ thuyết bổ sung gồm có cuốn sách phổ thông của Wayne Grudem, *Evangelical Feminism* (Nữ quyền trong phái Tin Lành Phúc Âm), trong đó ông tuyên bố bác bỏ hơn một trăm phản biện do những người không theo thuyết bổ sung đưa ra. Andreas Köstenberger cũng xuất bản cuốn *God's Design for Man and Woman* (Thiết kế của Đức Chúa Trời cho người nam và người nữ) vào năm 2014.

Tuy nhiên, những sản phẩm có ảnh hưởng nhất của phe bổ sung là bản dịch Kinh Thánh ESV năm 2001, bộ *ESV Study Bible* (phần chú giải do Wayne Grudem biên tập), cũng như cổng nội dung trực tuyến *the Gospel Coalition* (Liên minh Tin Lành), do John Piper, D.A. Carson và Tim Keller sáng lập. Thay vì là một diễn đàn chung cho các hệ phái, liên minh này đưa thuyết bổ sung vào ngay trong bản tuyên xưng đức tin của mình. Cùng với tạp chí học thuật *Themelios* của mình, nó thường xuyên phê bình hầu như mọi công trình lớn thách thức thuyết bổ sung. Nhà xuất bản khổng lồ *Crossway* cũng góp sức – hầu như mọi công trình lớn theo thuyết bổ sung đều do nhà này xuất

53. Như Piper và Grudem đã tuyên bố trong một mục quảng cáo trên Christianity Today, ngày 13 tháng 1 năm 1989.
54. Christianity Today đã bình chọn đây là sách của năm 1992.

bản.[55]

Thật vậy, thuyết bổ sung đã là một phong trào mạnh mẽ và hiệu quả đến nỗi đối với phần lớn các Hội Thánh chịu ảnh hưởng của nó, ngay cả việc cân nhắc những quan điểm khác về vấn đề này cũng có vẻ là điều dại dột hiển nhiên hoặc là tà giáo. Tôi biết rõ điều đó – dù tưởng mình am hiểu thần học đến thế, suốt gần 20 năm tôi thậm chí không hề nghĩ đến việc chất vấn lập trường này. Dầu vậy, nếu đó là một lập trường sai sót, thì tại sao nó vẫn chiếm được ưu thế như thế?

BÌNH ĐẲNG NHƯNG KHÁC "VAI TRÒ"

Cụm từ tài tình "bình đẳng nhưng khác vai trò" của George Knight lập tức được người hiện đại đón nhận. Nó tốt hơn nhiều so với quan niệm lâu đời "thấp kém, vì thế phải lệ thuộc". Từ "thấp kém" được thay bằng "bình đẳng" – một sự cải thiện đáng kể – còn ý tưởng về sự lệ thuộc được thay bằng "khác vai trò". Thế nhưng khi xem xét kỹ hơn, cụm từ này hóa ra là một kiểu trò ảo thuật. Đó là vì, trong phần lớn trường hợp, những người truyền bá nó thậm chí không cần giải thích những vai trò khác nhau đó là gì. Chỉ cần nói mấy chữ "bình đẳng nhưng khác vai trò" là đủ làm hài lòng phần lớn những người lần đầu nghe ý tưởng này, nhất là nếu người ta thêm lời lưu ý rằng xét cho cùng, nam và nữ được Đức Chúa Trời dựng nên khác nhau.

Tuy nhiên, vấn đề là những gì được ghi *trên* cái lon của thuyết bổ sung lại không có trong lon! Ý tưởng về "vai trò" là một khái niệm xã hội học hiện đại, chỉ trở nên phổ biến vào những năm 1960 khi những lĩnh vực hoạt động mà người ta trông đợi nơi phụ nữ bắt đầu thay đổi nhanh chóng. Từ này nói đến một sự phân công lao động, trong đó một người lo một số việc, và người khác lo những việc khác. Chẳng hạn, nếu vào ngày làm việc nhà tôi nói với các con rằng tôi sẽ phân chia những vai trò khác nhau, tất cả chúng sẽ trông đợi tôi giao cho chúng những trách nhiệm khác nhau.

Tuy nhiên, trong thuyết bổ sung, nếu bạn đặt câu hỏi (mà dường như không nhiều người đặt ra): "*Chính xác* thì những vai trò khác nhau đó là gì?", câu trả

55. Để có một bản lịch sử chi tiết theo thứ tự thời gian và một cái nhìn tổng quan về các công trình thần học, xem chương 2 trong luận án tiến sĩ xuất sắc của Jamin Hübner: www.bit.ly/3BNaSY8

lời (khi rút gọn đến cốt lõi) sẽ là: trong gia đình và Hội Thánh, người nam lãnh đạo, còn ở cả hai nơi, người nữ thuận phục và phụ giúp. *Nhưng hãy xem, đây không phải là sự phân chia vai trò. Đây đơn giản là một chuỗi mệnh lệnh.* Một tù trưởng đi lại cùng với người phụ tá của mình không ở trong một "sự phụ thuộc lẫn nhau tuyệt đẹp" – ông ta ở trong một hệ thống thứ bậc gồm hai người.

Ý tưởng về "vai trò" mang theo ý tưởng về *khả năng hoán đổi*. Một đứa con có thể lau hồ bơi và đứa khác dọn phòng khách, và tuần sau những vai trò này có thể được đổi cho nhau. Ngược lại, "vai trò" theo thuyết bổ sung là *một quan hệ quyền lực vĩnh viễn, không thể đảo ngược, dựa trên giới tính của một người*. Trong thuyết bổ sung, phụ nữ bị loại khỏi một số vai trò trong Hội Thánh chỉ vì họ là phụ nữ, trong khi người nam không bị loại khỏi vai trò nào chỉ vì họ là người nam. Chẳng có gì là bổ sung cho nhau trong sự sắp đặt này.

Dù ý tưởng về vai trò phù hợp với sự bình đẳng, ý tưởng về những quan hệ quyền lực vĩnh viễn được ấn định từ lúc sinh ra là một lời khẳng định sự bất bình đẳng. Thách thức đối với những người theo quan điểm bổ sung vẫn luôn là chứng minh làm sao hai người có thể thật sự bình đẳng, trong khi chỉ dựa trên nhiễm sắc thể của mình, họ đã bị định sẵn một cách bất biến là người lãnh đạo hoặc người theo sau. Những người biện hộ cho thuyết bổ sung trả lời bằng cách so sánh với các mối quan hệ trong Ba Ngôi (điều chúng ta sẽ bàn chi tiết sau). Họ cũng cẩn thận chọn những phép so sánh, như một sĩ quan và một binh nhì trong quân đội, một người quản lý và một công nhân, một tổng thống và một công dân, hoặc một mục sư và một tín hữu trong Hội Thánh. Họ lập luận rằng không ví dụ nào trong số này ngụ ý sự cao trọng vốn có, và điều đó đúng. Nhưng đó không phải là những phép so sánh công bằng hay thích hợp[56] – trong mọi trường hợp, vai trò có thể thay đổi, và người có thẩm quyền có được thẩm quyền đó nhờ năng lực hoặc kinh nghiệm đặc biệt. Sự lãnh đạo của họ không được ấn định từ lúc sinh ra dựa trên thân thể của họ. Chẳng hạn, một mục sư có thể lãnh đạo nhờ phẩm chất, sự kêu gọi, sự đào tạo và ân tứ đặc biệt của mình – nhưng có thể một ngày nào đó mục sư sẽ thôi chức, và tín hữu kia có thể trở thành mục sư.

56. Cảm ơn Kevin Giles, What the Bible Actually Teaches on Women, chương 3, về những phản biện sau đây.

Tôi chưa tìm được một phép so sánh nào đáng mong muốn để cho thấy thẩm quyền hay sự lệ thuộc được nạp sẵn trong nhiễm sắc thể hay thân thể của một người. Những phép so sánh gần nhất là chế độ đẳng cấp của Ấn Độ giáo, trong đó địa vị quyền lực của một người được xác định bởi giai cấp hay gia đình mà người ấy sinh ra, hoặc chế độ phân biệt chủng tộc Apartheid, trong đó màu da của một người quyết định các quyền chính trị của người ấy. Cả hai hệ thống ấn định vai trò và thứ hạng từ lúc sinh ra này – như mọi người theo quan điểm bổ sung chắc chắn sẽ đồng ý – đều là những ví dụ về *sự bất bình đẳng*. Thế nhưng, chính xác thì thuyết bổ sung khác gì với chế độ đẳng cấp hay chế độ Apartheid?

THỎA HIỆP VÀ ĐẦU HÀNG

Những người theo quan điểm bổ sung thường lập luận rằng những người theo quan điểm tương hỗ thỏa hiệp về Kinh Thánh. Điều họ không nhận ra hoặc không thừa nhận là, dù họ đúng khi đề cao thẩm quyền thiên thượng của Kinh Thánh, họ lại đồng hóa sự giải nghĩa Kinh Thánh của mình với chính Kinh Thánh. Lời Đức Chúa Trời *là* chân lý, nhưng chúng ta cần khiêm nhường để thừa nhận rằng những cách giải nghĩa của chúng ta về lời ấy có thể không phải lúc nào cũng đúng. Lời Đức Chúa Trời quả thật không thể sai lầm. Còn chúng ta thì có thể sai lầm.

Trong một video,[57] trong đó Piper, Grudem và Keller giải thích vì sao thuyết bổ sung là một phần của bản tuyên bố giáo lý của tổ chức họ, Piper cảnh báo rằng việc xử lý Kinh Thánh theo cách "né tránh vai trò làm đầu và sự thuận phục … là điểm xấu cho Tin Lành." Carson phụ họa: "Lách qua những gì Kinh Thánh nói một cách không mơ hồ, lặp đi lặp lại và rõ ràng … là không lắng nghe điều Đức Chúa Trời phán. Đó là một cách không run sợ trước Lời Đức Chúa Trời." Keller, dùng lời lẽ ôn hòa hơn, nhưng dù vậy vẫn nhắc lại cùng một điều: thuyết bình đẳng "ảnh hưởng đến cách chúng ta đọc Kinh Thánh. Nó làm lỏng lẻo sự hiểu biết của chúng ta về Kinh Thánh."

Đối với những người theo quan điểm tương hỗ thuộc phái Tin Lành Phúc Âm, lời khẳng định này thật phi lý. Thật hoàn toàn bất công khi ngụ ý rằng

57. www.vimeo.com/44525286

hàng trăm học giả Kinh Thánh suốt đời, mà sự kêu gọi là giải nghĩa đúng đắn Lời Đức Chúa Trời năm này qua năm khác, lại có cái nhìn thấp kém về Kinh Thánh. Nhiều học giả Kinh Thánh bảo thủ giỏi nhất thế giới – từng theo quan điểm bổ sung và nay không còn nữa – có được những kết luận mới của mình không phải nhờ xem nhẹ Lời Đức Chúa Trời, nhưng nhờ nghiên cứu lời ấy cẩn thận hơn. Có F.F. Bruce, Leon Morris, N.T. Wright, Gordon Fee, Richard Bauckham, Philip Payne, Walter Kaiser, Ben Witherington, Stanley Gundry, Kenneth Bailey, Aida Spencer, Walter Liefeld, Joel Green, Cynthia Westfall, Miriam Adney, Cornelius Plantinga, John Stackhouse, Michael Bird và nhiều người khác nữa.[58] Thật vậy, trong những năm gần đây, có không dưới bảy người theo quan điểm tương hỗ đã được bầu làm chủ tịch Hội Thần học Tin Lành Phúc Âm (Evangelical Theological Society), một hội mà người ta chỉ có thể gia nhập nếu hằng năm ký một bản tuyên bố tin rằng Kinh Thánh không sai lầm.[59] Ý của tôi chỉ đơn giản là, trái với nhiều lời khẳng định của những người theo quan điểm bổ sung, cuộc tranh luận này xoay quanh sự giải nghĩa Kinh Thánh, *chứ không phải* thẩm quyền của Kinh Thánh.[60]

Những người theo quan điểm bổ sung thường mô tả những người theo quan điểm tương hỗ là những người đầu hàng văn hóa. Sau khi lên án các phong trào nữ quyền trong xã hội là mối đe dọa cho gia đình Cơ Đốc, các nhà thần học theo quan điểm bổ sung thường xuyên cáo buộc các nhà thần học khác là thông đồng với nữ quyền. Đây là phản ứng của J.I. Packer đối với những người đề nghị chấm dứt chủ trương bắt phụ nữ lệ thuộc trong Hội Thánh: "Áp lực ngày nay đòi đưa phụ nữ lên làm [mục sư] bắt nguồn từ những yếu tố thế tục, thực dụng và xã hội nhiều hơn là từ bất cứ sự tôn trọng nào đối với thẩm quyền Kinh Thánh. Các thế hệ tương lai có lẽ sẽ xem sự khuấy động của họ chỉ là thêm một nỗ lực nữa nhằm làm phép báp-têm cho văn hóa thế tục vào trong Đấng Christ, như giáo hội theo khuynh hướng tự do xưa nay vẫn tìm cách làm."[61]

58. Cảm ơn Kevin Giles, What the Bible Actually Teaches on Women, chương 2, về danh sách này.
59. Không dưới bảy chủ tịch của Evangelical Theological Society – Roger Nicole, Kenneth Kantzer, Walter Kaiser, Stanley Gundry, Alan F. Johnson, Millard Erickson và Craig Keener – đều là những người theo quan điểm tương hỗ.
60. Kevin Giles, What the Bible Actually Teaches on Women, chương 9.
61. J. I. Packer, "Let's Stop Making Women Presbyters", Christianity Today, ngày 11 tháng 2 năm 1991

Đây là những lời mạnh mẽ và gây hiểu lầm, nhưng chúng gây được tiếng vang nơi những người đã chán ngán "những kẻ thỏa hiệp". Andreas Köstenberger tung hô những người theo quan điểm bổ sung như những anh hùng của thời đại trước một giáo huấn không theo Kinh Thánh mà theo lời ông cảnh báo, sẽ "chắc chắn làm giảm hiệu quả của Hội Thánh và dần dần làm xói mòn sự tiến triển của sứ mạng Đức Chúa Trời trong thế giới chúng ta. Thuyết bổ sung, sự dạy dỗ đúng thật của Kinh Thánh, đi ngược văn hóa một cách sâu sắc, nếu không muốn nói là không được văn hóa chấp nhận. Nếu chúng ta chối bỏ thực tại này của sự sáng tạo, chúng ta chắc chắn sẽ trở thành đồng lõa trong việc phá hoại thẩm quyền của Lời Đức Chúa Trời và của Đấng đã ban lời ấy cho chúng ta."[62]

Dù tất cả chúng ta nên lưu tâm đến mối lo ngại của ông về việc đầu hàng văn hóa, Köstenberger nên áp dụng chính lời mình cho chính quan điểm của mình. Thay vào đó, ông dường như hoàn toàn không nhận biết sự thật rằng thuyết bổ sung là một quan điểm thần học tương đối mới, nảy sinh trực tiếp từ việc nó đồng ý với văn hóa trong việc bác bỏ sự thấp kém của phụ nữ. Ngoài ra, ông dường như không hề nhận ra khả năng chính thuyết bổ sung có thể là một sự đầu hàng trước một nền văn hóa thật sự không theo Kinh Thánh: nền văn hóa phụ quyền siêu bảo thủ tôn vinh những khuôn mẫu giới tính của nước Mỹ hậu chiến những năm 1950 – nơi phụ nữ ở trạng thái tốt nhất là những bà hoàng thuận phục trong nhà, nuôi dạy con cái trong khi hỗ trợ người chồng đi làm. Tóm lại, những người theo quan điểm bổ sung đã cáo buộc sai những người thách thức họ về thần học là thỏa hiệp về Kinh Thánh và đầu hàng văn hóa. Đáng tiếc, sự xuyên tạc của họ không dừng lại ở đó.

SỰ KHÁC BIỆT "TUYỆT ĐẸP"

Mỗi năm vài lần, trong khoảng một thập niên, tôi giải thích cho hàng trăm người tham dự khóa học dành cho thành viên của Hội Thánh chúng tôi vì sao chúng tôi theo quan điểm bổ sung trong thần học. Tôi giải thích:

62. www.bit.ly/3bAU0ZG

Có bốn cách sống hôn nhân. Trong hôn nhân trọng nam khinh nữ, người chồng thống trị, còn người vợ khúm núm làm theo. Trong hôn nhân nữ quyền cực đoan, người vợ thống trị, còn người chồng thụ động tuân theo mọi mệnh lệnh của vợ. Không lựa chọn nào trong hai lựa chọn này thể hiện sự bình đẳng thật sự. Trong hôn nhân theo quan điểm bình đẳng, hai người bình đẳng nhưng không có khác biệt nào giữa người nam và người nữ. Tuy nhiên, trong hôn nhân theo quan điểm bổ sung, hai người bình đẳng và những khác biệt do Đức Chúa Trời định được tôn vinh và quý trọng.

Hầu như mọi người trong buổi học đều chấp nhận lập trường này, như tôi đã từng chấp nhận. Thế nhưng khi tôi bắt đầu suy nghĩ kỹ hơn về niềm tin và lập trường của mình, tôi nhận ra rằng tôi đã thuyết phục được người ta bằng cách trình bày sai lập trường bình đẳng. Đó không phải là một cuộc đấu công bằng. *Trên thực tế, thuyết bình đẳng (hay thuyết tương hỗ) hết lòng đồng ý với thuyết bổ sung rằng nam và nữ được dựng nên khác biệt và để bổ sung cho nhau.* Tôi chưa từng gặp một nhà thần học theo quan điểm tương hỗ nào cho rằng nam và nữ, theo thiết kế của Đức Chúa Trời hoặc xét trung bình, là giống nhau về thân thể hay về các đặc điểm tâm lý. Thế nhưng đây lại là cách mà nhiều người theo quan điểm bổ sung hàng đầu tiếp tục mô tả sai về những đối thủ thần học của họ. Trong sách của họ về thuyết bổ sung, vợ chồng Köstenberger lập luận rằng những người theo quan điểm tương hỗ chủ trương ý tưởng về "sự bình đẳng không phân biệt".[63] Trên thực tế, những người theo quan điểm tương hỗ không xem giới tính nam và nữ là thứ có thể biến đổi hay hoán đổi cho nhau. Chẳng hạn, họ không phản đối sự hiểu biết rằng chỉ người nam mới có thể là cha, là con trai và là anh em trai; và chỉ người nữ mới có thể là mẹ, là con gái và là chị em gái.

Xét từ góc độ tạo thương hiệu, nếu tài năng của Knight là tạo ra cụm từ "bình đẳng nhưng khác vai trò", thì tài năng của Piper là nghĩ ra cái tên "thuyết bổ sung" cho quan điểm này – theo chính lời ông, cái tên ấy bắt nguồn "từ sự bổ sung cho nhau trong Sáng Thế Ký 2:18, nơi Đức Chúa Trời ban Ê-va cho A-đam làm người giúp đỡ thích hợp với ông". Thế nhưng, sau khi nghiên cứu sự khác biệt thật sự giữa thuyết bổ sung và thuyết tương hỗ, tôi nghĩ rằng một định nghĩa công bằng hơn cho thuyết thứ nhất sẽ là "sự bổ sung cho nhau *có* thứ bậc", còn cho thuyết thứ hai là "sự bổ sung cho nhau *không có*

63. Andreas và Margaret Köstenberger nói điều này trong "God's Design for Man and Woman".

thứ bậc".[64] Giá như tôi trình bày như thế cho những người tham dự khóa học dành cho thành viên mới của chúng tôi, tôi nghĩ sẽ có nhiều người hơn dừng lại suy nghĩ trước khi gia nhập Hội Thánh chúng tôi.

Trong các cuộc trò chuyện giữa những người theo quan điểm tương hỗ và những người theo quan điểm bổ sung, tôi đề nghị rằng cách tốt hơn để nói về những khác biệt giữa chúng ta là trước hết đồng ý rằng Đức Chúa Trời đã dựng nên nam và nữ có chủ đích, bình đẳng và theo cách bổ sung cho nhau. Điều này cho chúng ta một nền tảng chung rộng đến ngạc nhiên. Sự bất đồng thật sự nằm ở chỗ định nghĩa chính xác những khác biệt mà Đức Chúa Trời định giữa nam và nữ là gì, và vì thế chúng dẫn đến những hệ quả nào. Phải chăng những khác biệt giữa chúng ta thật sự lớn đến mức đòi hỏi những lĩnh vực hoàn toàn tách biệt, với người nam luôn nắm thẩm quyền? Hay chúng ta có thể xem sự bổ sung cho nhau là một lời kêu gọi cùng làm việc, sát cánh bên nhau trong gia đình, xã hội và Hội Thánh?

Trong chức vụ Hội Thánh, sự dạy dỗ của thuyết bổ sung về sự bổ sung cho nhau ngụ ý rằng những vai trò khác nhau được giao cho những giới tính khác nhau, nhưng đó không phải là điều diễn ra trong các Hội Thánh theo thuyết bổ sung, nơi phụ nữ bị loại khỏi một số chức vụ, còn người nam thì không bị loại khỏi chức vụ nào! *Bất cứ người nam nào cũng có thể làm chức vụ của bất cứ người nữ nào, nhưng không có chiều ngược lại.* Đó không phải là sự bổ sung cho nhau – đó là sự loại trừ.

Sự suy tàn của xã hội

Những người theo quan điểm bổ sung không chỉ mô tả sai những người theo quan điểm tương hỗ là những kẻ thỏa hiệp, những kẻ đầu hàng và những kẻ xóa nhòa ranh giới giới tính, mà còn đổ một phần trách nhiệm cho họ về sự suy tàn của chính nền văn hóa.

64. Ấn bản năm 2005 của "Discovering Biblical Equality" do Groothuis, Pierce và Fee chủ biên đã dùng "complementarity without hierarchy" (sự bổ sung cho nhau không có thứ bậc) làm phụ đề. Tôi buồn khi thấy ấn bản năm 2021 bỏ thuật ngữ này, rõ ràng là vì thuyết bổ sung đã mô tả rất hiệu quả, dù gây hiểu lầm, rằng sự bổ sung cho nhau là điều loại trừ thuyết bình đẳng.

Nếu đổ lỗi cho những quan điểm đối lập về sự suy tàn của xã hội là một chiến thuật chính trị quen thuộc, thì Piper và Grudem sử dụng chiến thuật này rất hiệu quả. Chẳng hạn, với Keller và Carson gật gù bên cạnh, Piper giải thích vì sao Liên minh Tin Lành (The Gospel Coalition) bác bỏ thuyết bình đẳng bằng cách gắn việc không để người nam làm những người lãnh đạo phục vụ trong gia đình và xã hội với "một xã hội nam tính tàn bạo", "sự thụ động", "sự lẫn lộn về nam tính", "những người nam bộc phát cơn thịnh nộ", "toàn bộ chuyện đồng tính", "sự ngược đãi phụ nữ" và "sự bỏ bê con cái".[65] Dĩ nhiên, phần lớn những điều này hoàn toàn không phải là lý tưởng của Đức Chúa Trời. Nhưng Piper có thể thật sự chứng minh rằng việc bảo người nam làm những người lãnh đạo phục vụ và bảo người nữ đón nhận sự lãnh đạo của người nam là giải pháp cho mọi nỗi khốn khổ của xã hội không?

Tương tự, Grudem than vãn về những thảm họa sẽ xảy ra nếu Hội Thánh chấp nhận sự bình đẳng thật sự của nam và nữ trong gia đình, Hội Thánh và xã hội, cùng điều ông gọi là "sự xóa bỏ các khác biệt".[66] Ông nói rằng trong hôn nhân, điều đó sẽ biến "người chồng thành kẻ nhu nhược và người vợ thành kẻ tiếm quyền". Trong việc nuôi dạy con cái, "con cái sẽ được nuôi dạy với quá ít kỷ luật và quá ít sự tôn trọng thẩm quyền". Trong gia đình, "mọi trách nhiệm sẽ được phân chia theo ân tứ và sở thích chứ không theo những vai trò được Kinh Thánh quy định". Trong lĩnh vực tính dục của con người, người nam sẽ trở nên "thiếu nam tính và không hấp dẫn đối với phụ nữ" và người nữ sẽ trở nên "thiếu nữ tính và không hấp dẫn đối với nam giới", và cả hai sẽ "thờ ơ với chuyện tình dục". Trong thể thao, người ta sẽ "chống lại sự cạnh tranh và xem nó là điều xấu chứ không phải điều tốt". Trong kinh tế, "không ai được phép giàu lắm, và sẽ có sự phụ thuộc trên diện rộng vào nhà nước phúc lợi và vào chính phủ". Trong giáo dục, họ sẽ "cưỡng ép xóa bỏ mọi khuynh hướng tự nhiên về sở thích và năng khiếu của con trai đối với một số loại hoạt động, và của con gái đối với một số loại khác".

Tôi không bịa ra điều này. Đó là những lời của Grudem trong cuốn sách bênh vực thuyết bổ sung phổ biến nhất của ông. Dù xã hội hiện đại của chúng ta chắc chắn đang đối diện những thách thức rất thật, việc đổ hết cho quan

65. https://vimeo.com/44525286
66. Câu trích dẫn này và những câu trích tiếp theo trong đoạn này đều lấy từ Wayne Grudem, Evangelical Feminism, chương 1.

điểm của đối thủ mình là thiếu thành thật và không trung thực. Có lẽ bằng chứng mạnh nhất cho thấy Tuyên bố Danvers là một văn bản chính trị là câu cuối cùng của nó: "Chúng tôi tin chắc rằng việc chối bỏ hoặc xem nhẹ những nguyên tắc này sẽ dẫn đến những hậu quả ngày càng tàn phá trong gia đình chúng ta, trong các Hội Thánh chúng ta và trong nền văn hóa nói chung."[67]

Nhà phân tích xã hội và tôn giáo Kristin Du Mez, trong *Jesus and John Wayne* (Chúa Giê-xu và John Wayne), cho biết vì sao những lời khẳng định như thế lại có sức hút lớn trong giới Tin Lành Phúc Âm tại Mỹ vào cuối một thế kỷ được đánh dấu bởi sự trỗi dậy của nữ quyền, chủ nghĩa thế tục và chủ nghĩa hậu hiện đại; sự đánh mất ý nghĩa và bản sắc; và thành công của cuộc cách mạng tình dục: "Những nỗi sợ hãi này được các nhà lãnh đạo Tin Lành Phúc Âm tích cực khơi lên, những người có lợi ích trực tiếp trong việc khơi lên nỗi sợ hãi để củng cố quyền lực của chính mình, và chúng ta thấy điều đó trong lịch sử của phái Tin Lành Phúc Âm bảo thủ."[68]

Còn một lý do nữa khiến biết bao Cơ Đốc nhân chín chắn và tận hiến giữ thuyết bổ sung mà không chất vấn. Tất cả là nhờ một phép so sánh tài tình nhưng rốt cuộc gây hiểu lầm.

Sự lệ thuộc trong Ba Ngôi

Nhiều năm trước, vợ tôi được nhờ viết một bài cho các bà vợ mục sư khác, những người có thể đang vật lộn để chấp nhận sự lãnh đạo của người nam trong gia đình và Hội Thánh. Như tôi đã trình bày, ý tưởng cơ bản của thuyết bổ sung là một ý tưởng khó nắm bắt: làm sao một người có thể bình đẳng nhưng đồng thời lại lệ thuộc. Vợ tôi đã vật lộn để hiểu lý do đằng sau cái gọi là những vai trò khác nhau của chúng tôi, cho đến khi cô ấy đọc phép so sánh tài tình của Kathy Keller, mà sau đó cô ấy đưa vào như cao điểm trong bài viết của mình. Theo Keller, người vợ mục sư chọn thuận phục chồng mình cả trong gia đình lẫn trong Hội Thánh được đặt dưới ánh sáng của sự lệ thuộc của Chúa Giê-xu đối với Cha Ngài:

67. www.bit.ly/3CFM0CC
68. Từ tập 5 (ở phút thứ 13) của podcast "The Rise and Fall of Mars Hill", có tại đây: www.bit.ly/3CEBjAm.

Chúa Giê-xu, trong sự phục vụ với tinh thần thuận phục, đã nhận lấy vai trò của một đầy tớ để đem lại sự cứu rỗi cho chúng ta (Phi-líp 2:5-11), cho thấy rằng sự thuận phục của Ngài đối với Cha là một món quà, chứ không phải điều bị ép buộc. Không bao giờ có lúc nào sự bình đẳng của Ngài với Cha bị đặt thành vấn đề … Sự bình đẳng [về bản thể] của Con với Cha, nhưng đồng thời sự thuận phục [về chức năng] của Ngài vì mục đích cứu rỗi khi nhận lấy vai trò của một đầy tớ, dẫn chúng ta vào tận trung tâm của sự mầu nhiệm của Ba Ngôi. Còn cách nào khác để có thể bắt đầu truyền đạt điều này, nếu không có những con người diễn lại cùng những chân lý ấy, cùng những vai trò ấy?[69]

Keller lập luận rằng Chúa Giê-xu bình đẳng với Cha, nhưng lại lệ thuộc Cha. Sau khi đọc điều này, vợ tôi và nhiều bà vợ mục sư khác vui mừng vì đã giải quyết xong vấn đề trong lòng mình. Họ quyết định rằng bằng cách nhận lấy vai trò thuận phục do Đức Chúa Trời ban, thuận phục một người "bình đẳng" với mình, họ đang bày tỏ cho thế giới thấy sự sống tuyệt đẹp và mầu nhiệm của Ba Ngôi.

Nhưng phép so sánh này có một sai sót chết người. *Không nơi nào Kinh Thánh dạy chúng ta phải lấy sự thuận phục của Chúa Giê-xu đối với Cha làm khuôn mẫu cho sự thuận phục của chúng ta đối với bất cứ con người nào (dù là mục sư, vua, vợ hay chồng, hay cha mẹ).* Bản văn mà Keller nhắc đến trong Phi-líp 2, trong đó Đấng Christ, dù bình đẳng với Đức Chúa Trời, đã trở nên một đầy tớ chết trên thập tự giá, chủ yếu mô tả sự khiêm nhường của Chúa Giê-xu và sự phục vụ của Ngài *dành cho người khác*, là điều mà *mọi* người đều có thể noi theo trong quan hệ với *mọi* người.[70]

Lời Keller cho rằng Ba Ngôi là điều không thể hiểu được trừ khi "con người diễn lại cùng những vai trò ấy" là điều nguy hiểm. Bất chấp nhiều nỗ lực gần đây của người ta nhằm đọc các mối quan hệ xã hội lý tưởng của mình vào Ba Ngôi, *không có mối quan hệ nào trên đất có thể mô tả đúng đắn các mối quan hệ trong Ba Ngôi*. Michael Bird nửa đùa nửa thật gợi ý rằng, nếu buộc phải tìm

69. Kathy Keller, Jesus, Justice, and Gender Roles, chương 2.

70. Điều này được nói rõ trong câu mở đầu của phân đoạn, là câu tuyên bố: "hãy khiêm nhường, coi người khác trọng hơn mình, mỗi người chớ chăm về lợi riêng mình, nhưng hãy chăm về lợi của người khác. Trong mối quan hệ với nhau, hãy có cùng một tâm tình như Đấng Christ Giê-xu…" (Phi-líp 2:3-5)

một mối quan hệ như thế, thì đó sẽ là một cuộc hôn nhân ba người giữa một người nam lớn tuổi, một người nam trẻ tuổi và một hoạn quan. Ý của Bird là việc gắn vai trò chồng – vợ với vai trò Cha – Con là một sai lầm nghiêm trọng.[71]

Nếu nước đi bậc thầy của Knight là cụm từ *bình đẳng nhưng khác biệt* và của Piper là thuật ngữ *bổ sung*, thì đóng góp của Grudem là sự dạy dỗ này về phép so sánh giữa Ba Ngôi và hôn nhân. Chính ông, trong cuốn *Systematic Theology* (Thần học hệ thống) năm 1994 của mình, là người đầu tiên đưa vào dòng chính ý tưởng năm 1977 của Knight rằng Ba Ngôi từ cõi đời đời là một ví dụ theo Kinh Thánh về sự bình đẳng thật sự giữa các ngôi vị và sự khác biệt về vai trò.[72] Phản ứng lại những người lập luận rằng Ba Ngôi là một ví dụ tuyệt vời về loại thuận phục lẫn nhau mà họ hình dung giữa nam và nữ, Grudem dốc toàn lực theo hướng ngược lại, lập luận rằng những vai trò riêng biệt thật ra nằm ở trung tâm của các mối quan hệ *đời đời* trong Ba Ngôi. Ông đưa ra thuật ngữ *Eternal Functional Subordination* (sự lệ thuộc đời đời về chức năng) để lập luận rằng từ muôn đời trước khi Con bắt đầu sứ mạng của Ngài trên đất, Ngài đã lệ thuộc Cha rồi. Đối với Grudem, điều quan trọng là chứng minh rằng sự lệ thuộc của Con đối với Cha không phải là tạm thời. Ông lập luận: "Con có nói với Cha rằng: 'Thật không công bằng khi Cha nắm quyền chỉ vì Cha là Cha' không? Con có nói với Cha rằng: 'Cha đã nắm quyền mười lăm tỷ năm rồi, giờ đến lượt Con trong mười lăm tỷ năm tới' không? Không! Tuyệt đối không!"[73]

Tim và Kathy Keller dường như dừng lại trước việc tin vào sự lệ thuộc *đời đời* của Con, nhưng dù vậy đã trở thành những người cổ xúy phổ biến nhất cho ý tưởng rằng Ba Ngôi là khuôn mẫu của hôn nhân theo thuyết bổ sung, thậm chí còn lập luận trong một cuốn sách bán chạy nhất rằng: "vì những vai trò [trong hôn nhân] được giao cho chúng ta bắt rễ trong bản chất của các mối quan hệ trong Ba Ngôi, nên chắc chắn chúng ta không có quyền xáo trộn [trật

71. Xem video ngắn này để biết thêm: www.bit.ly/3waFKAs
72. Thật ra George Knight III, trong cuốn sách ngắn năm 1977 của ông, "The New Testament Teaching on the Role of Women", là người đầu tiên nghĩ ra phép so sánh này, nhưng Grudem đã phát triển nó và phổ biến nó như một nền thần học được hệ thống hóa trong cuốn "Systematic Theology" của ông, là sách giáo khoa được dùng rộng rãi nhất trong các trường Kinh Thánh trên khắp thế giới để tóm lược sự dạy dỗ của Kinh Thánh.
73. Wayne Grudem, Evangelical Feminism and Biblical Truth, chương 1.

tự thẩm quyền và thuận phục] mà Đức Chúa Trời định cho hôn nhân."[74] Nhưng nếu không có lập luận chồng thêm của Grudem rằng sự lệ thuộc của Con là *đời đời*, thì phép so sánh giữa Ba Ngôi và hôn nhân của vợ chồng Keller không đứng vững. Trong sự nhập thể của Con, một ngôi vị trong Ba Ngôi trở thành người trong 33 năm, và trong suốt thời gian đó tình nguyện nhận mệnh lệnh từ Cha và Đức Thánh Linh. Khi chúng ta đặt điều này trên nền của sự bình đẳng và tính tương hỗ đời đời giữa các ngôi vị, chúng ta thấy sự nhập thể đúng như bản chất của nó: một biến cố không thể lặp lại trong lịch sử của toàn bộ thực tại. Thật thiếu trách nhiệm và không thích đáng khi lấy khoảnh khắc này trong sự hiện hữu đời đời của Đức Chúa Trời làm chuẩn mực vĩnh viễn, không thể thay đổi cho vai trò giới tính trong hôn nhân giữa con người. Khác với thời gian Con ở trên đất trong khi Cha Ngài ở trên trời, cả vợ lẫn chồng đều đứng chân trên cùng một mặt đất.

Đây là lý do Grudem gia cố thêm cho lập luận. Theo chân ông, phần lớn các nhà thần học theo quan điểm bổ sung bắt đầu nói về các mối quan hệ *đời đời* trong Ba Ngôi như là những mối quan hệ bình đẳng *và có "vai trò"*. Những nhà thần học theo quan điểm bổ sung khác như John Starke, Bruce Ware, Rodrick Durst, Malcolm Yarnell và Michael Ovey đưa ra những mô hình về Ba Ngôi nhấn mạnh thứ bậc thay vì sự bình đẳng như đặc điểm xác định của Ba Ngôi. "Cha là thẩm quyền của Đấng Christ, và xưa nay vẫn luôn là như vậy … Không có Ba Ngôi nếu không có trật tự thẩm quyền và thuận phục,"[75] Owen Strachan nói trong cuốn sách năm 2016 của ông, *The Grand Design: Male and Female He Made Them* (Thiết kế vĩ đại: Ngài dựng nên người nam và người nữ), cuốn sách mà ông đề tặng "cho Wayne Grudem … người đã cho chúng tôi và biết bao người khác thấy thiết kế vĩ đại của Đức Chúa Trời trong Đấng Christ."

Tự tin vào lập luận mới của mình cho sự lệ thuộc của phụ nữ, Grudem thậm chí đặt cược tất cả vào đó, khi nói rằng "một sự hiểu biết đúng đắn về Ba Ngôi rất có thể sẽ hóa ra là yếu tố quyết định nhất để cuối cùng phân định" về địa vị và vai trò của phụ nữ.[76] Tuy nhiên, vào năm 2016, những nhà thần học theo quan điểm bổ sung khác được tin cậy đã hợp sức để đối diện với

74. Timothy và Kathy Keller, The Meaning of Marriage, chương 6.
75. Owen Strachan và Gavin Peacock, The Grand Design: Male and Female He Made Them
76. Wayne Grudem, Evangelical Feminism and Biblical Truth, tr. 411, chú thích 12.

những cạm bẫy nghiêm trọng trong phiên bản Ba Ngôi của Grudem. Công bằng mà nói, nhà thần học đầu tiên phê bình nó là Kevin Giles, một người theo quan điểm tương hỗ, trong công trình năm 2002 của ông, *The Trinity and Subordinationism* (Ba Ngôi và thuyết lệ thuộc).[77] Nhưng chỉ đến khi đủ số nhà thần học theo quan điểm bổ sung thách thức tà thuyết này qua một loạt bài blog và những cuộc tranh luận trực tuyến sau đó vào năm 2016, thì giáo lý ấy mới cuối cùng sụp đổ một cách dứt khoát. Điều này dẫn đến một sự ăn năn rộng rãi, từ bỏ ý tưởng không chính thống mà những người theo quan điểm bổ sung đã hưởng lợi một cách sai trái suốt bao năm qua để bênh vực lập trường của họ về thứ bậc giới tính. Và quả thật điều đó đòi hỏi sự ăn năn: thuyết *Eternal Functional Subordination* của Grudem đi theo hướng tương tự – dù không đi xa bằng – tà thuyết cổ xưa là *thuyết Arius*, trong đó Con *về bản thể đời đời* thấp kém hơn Cha.[78] Tà thuyết này lần đầu bị Hội Thánh ban đầu bác bỏ tại một công đồng đã khẳng định sự hiệp nhất và bình đẳng về bản thể trong các mối quan hệ đời đời của Ba Ngôi. Như Liam Goligher đã nói trong một bài đăng giữa cuộc tranh luận: "Nói rằng có một quyền ưu tiên

77. Kevin Giles, The Trinity and Subordinationism: The Doctrine of God and the Contemporary Gender Debate

78. "Eternal Functional Subordination" giống một dạng của thuyết bán Arius, gọi là "homoianism", xét theo ba điều: 1) quá dựa vào Ba Ngôi kinh luân (Ba Ngôi trong công cuộc cứu rỗi) trong Kinh Thánh để trình bày các mối quan hệ nội tại của Ba Ngôi, 2) dẫn đến một thuyết lệ thuộc mạnh mẽ, đặc trưng bởi một thứ bậc bên trong Thần Tánh, 3) do đó xem Con là Đấng có vinh quang và uy nghi kém hơn Cha." (Michael F. Bird và Scott Harrower, chủ biên, 2009: "Trinity without Hierarchy: Reclaiming Nicene Orthodoxy in Evangelical Theology", chương 1.) Matthew Tinkham gọi tà thuyết này là "thuyết tân lệ thuộc" (neo-subordinationism) – xem www.bit.ly/3PXG1jT

thật sự của Cha hay một sự lệ thuộc của Con bên trong Ba Ngôi đời đời là đã bước ra khỏi chính thống Cơ Đốc."[79] Ngay cả Liên minh Tin Lành sau đó cũng đăng một bài viết xem xét lại sự dạy dỗ của Augustine về Ba Ngôi và cho thấy ông phủ nhận rằng thẩm quyền và sự thuận phục là một đặc điểm của các mối quan hệ đời đời trong Ba Ngôi.[80] Sự chuyển hướng quan điểm trong giới thần học triệt để và đột ngột đến nỗi ngày nay trong các giới bảo thủ theo quan điểm bổ sung, người ta nhìn nhận rộng rãi rằng không nên đọc những mối quan hệ xã hội cụ thể, kể cả hôn nhân, vào đời sống nội tại của Ba Ngôi.[81] Sau khi đã bị Knight và Grudem đưa đi chệch hướng, nhiều học giả Tin Lành Phúc Âm đã nói rõ rằng họ bác bỏ "câu chuyện của thuyết

79. Nguồn: www.bit.ly/3wdix0I Các học giả khác đã nhận thấy Grudem đã gộp ngôn ngữ "những vai trò khác nhau" với thẩm quyền và sự thuận phục như thế nào. Nhưng lần này, ông đã đọc giáo lý "bình đẳng nhưng khác vai trò (giới tính)" của mình vào Ba Ngôi. Tuy nhiên, dù việc nghiên cứu Tân Ước cho thấy Chúa Giê-xu, Đức Thánh Linh và Đức Chúa Cha "làm những việc khác nhau", không nên chỉ đơn giản gộp điều này chung với những ý tưởng về thẩm quyền và sự thuận phục. Những lập luận của Grudem rằng, nếu không có một thứ bậc đời đời, chúng ta không có cách nào để phân biệt Cha, Con và Thánh Linh, bắt đầu có vẻ rất mỏng manh. Đúng là Cha đứng hàng đầu trong việc hoạch định sự cứu chuộc, trong khi Chúa Giê-xu đứng hàng đầu trong việc hoàn thành sự cứu rỗi, và Thánh Linh trong việc áp dụng sự cứu rỗi. Thế nhưng những "vai trò" khác nhau này không nói lên thứ bậc, dù chúng có nói lên trật tự. Khi Chúa Giê-xu ở trên đất, Ngài nhận chỉ thị từ Cha và Thánh Linh. Khi Chúa Giê-xu trở về trời, Thánh Linh được Cha và Con sai đến. Nhưng sự "thuận phục" này của một ngôi đối với các ngôi kia là do sự cộng tác hoàn toàn độc nhất của các ngôi trong sứ mạng đòi hỏi; đó không phải là dấu hiệu của một thứ bậc đời đời trong các mối quan hệ giữa Cha, Con và Thánh Linh. Dù Cha điều hướng các công việc, đồng thời Cha – vì Đức Chúa Trời cùng lúc là Cha, Con và Thánh Linh, chung một ý chí – cũng đang thực hiện chính các công việc của Ngài trong Con và trong Thánh Linh. Vì có một bản thể, Thần Tánh có chung một ý chí – một sự thật không cho phép bất cứ cách nói có ý nghĩa nào về thẩm quyền và sự thuận phục theo nghĩa đời đời. Có lẽ lời phủ nhận rõ ràng nhất về sự lệ thuộc hiện nay của Chúa Giê-xu đối với Cha nằm trong lời Phao-lô, khi ông nói trong 1 Cô-rinh-tô 15:28 rằng "chính Con cũng sẽ thuận phục Đấng đã bắt muôn vật phục dưới Ngài, hầu cho Đức Chúa Trời làm muôn sự trong muôn sự." Theo câu này, Chúa Giê-xu Christ không thuận phục Cha trong thời đại hiện nay, vì vậy không thể đúng khi nói rằng Ngài lệ thuộc Cha đời đời. Chính xác thì sự "thuận phục" trong tương lai này, vào cuối thời đại, sẽ là gì, là điều khiến các học giả chia rẽ. Tôi đề nghị rằng khi xem xét ngữ cảnh trong các câu 24-27, nơi Thi Thiên 8 được trích dẫn, câu này nói đến Chúa Giê-xu trong vai trò độc nhất của Ngài là A-đam thật, chứ không phải bản chất của Ngài là Con đời đời của Đức Chúa Trời. Là Đấng vừa là Đức Chúa Trời vừa là người, thần tính mang lấy nhân tính vào trong chính Ngài, Ngài sẽ cuối cùng hoàn tất sự hiệp nhất cánh chung của muôn vật. Khi ấy, nhân loại được cứu chuộc mà Ngài đại diện sẽ hoàn toàn đảm nhận vị trí của mình là những vị vua và nữ hoàng của cõi sáng tạo được đổi mới, trong sự thuận phục, và không còn nổi loạn chống lại Đức Chúa Trời của họ – một Đức Chúa Trời Ba Ngôi, vào lúc ấy, sẽ tỏ mình ra một cách tuyệt diệu mà không còn bị tội lỗi, Sa-tan hay sự chết ngăn trở trong mọi việc của loài người và cả vũ trụ.

80. Xem www.bit.ly/3x2GWX6

81. Xem bản tóm tắt của Wyatt Graham về năm lý do khiến giáo lý về sự lệ thuộc đời đời của Con (Eternal Subordination of the Son) bị bác bỏ vào thời điểm này: www.bit.ly/3mCmusv

bổ sung [về Ba Ngôi], được một nhóm nhỏ các nhà thần học ghép vào nhằm củng cố những lời khẳng định của họ về vai trò giới tính", và tái cam kết với "đức tin của các sứ đồ và của Tin Lành, là đức tin xưng nhận một Đức Chúa Trời và ba ngôi vị bình đẳng, [không] phân biệt … bởi các cấp độ thẩm quyền."[82]

Thật là một bước đột phá tuyệt vời! Thật vậy, cách áp dụng chính đáng duy nhất các mối quan hệ trong Ba Ngôi cho một cộng đồng con người là điều Chúa Giê-xu nói đến trong lời cầu nguyện của Ngài, rằng những người theo Ngài sẽ hiệp một với nhau giống như Ngài và Cha là một.[83] Khi chúng ta kinh nghiệm sự tuôn tràn của niềm vui thỏa vô bờ, sự tôn trọng và tình yêu thương mà Cha và Con dành cho nhau,[84] chúng ta nhận ra rằng *cách tốt nhất để mô tả mối quan hệ giữa Cha và Con trong các cộng đồng trên đất của chúng ta (và trong hôn nhân) không phải là qua những chuỗi mệnh lệnh, mà qua những mối dây của niềm vui, sự tôn trọng và tình yêu thương lẫn nhau*.[85]

Thế nhưng, dù tôi hoan nghênh những nhà lãnh đạo đã công khai thừa nhận sai lầm của mình, thiệt hại đã gây ra thì quá nhiều. Nhiều người bình thường, kể cả nhiều nhà lãnh đạo mà tôi biết, đã bị thuyết phục theo thuyết bổ sung một cách *không chính đáng* qua những cuốn sách trước năm 2016 của Grudem và vợ chồng Keller, là những sách chủ trương một sự song song đáng ngờ giữa Ba Ngôi và hôn nhân.[86]

SỨC HÚT CỦA THUYẾT BỔ SUNG ÔN HÒA

Một số Hội Thánh là những Hội Thánh theo thuyết bổ sung một cách tận tâm vì họ hiểu rõ và hoàn toàn đồng ý với thuyết bổ sung nguyên thủy và chính thức do Piper, Grudem và những người khác đưa ra. Có lẽ những văn kiện lập trường theo thuyết bổ sung, các chủng viện thần học và sự trung thành với hệ phái đã củng cố niềm xác tín của họ. Tuy nhiên, những Hội Thánh

82. Michael F. Bird và Scott Harrower, chủ biên, 2009: "Trinity without Hierarchy: Reclaiming Nicene Orthodoxy in Evangelical Theology", chương 1, 2.
83. Giăng 17:21-23
84. Ma-thi-ơ 3:16-17; Giăng 14:31; Lu-ca 10:21; Rô-ma 5:5
85. Giăng 13:34
86. Như cuốn "Systematic Theology" của Grudem và các sách của vợ chồng Keller, "The Meaning of Marriage" và "Jesus, Gender and Justice".

khác, như Hội Thánh mà tôi đã góp phần lãnh đạo, lúc đầu tự nhận là theo thuyết bổ sung, bởi vì, nói thật, tôi không nghĩ là chúng tôi thật sự hiểu thấu nó!

Tôi muốn nghĩ rằng tôi sẽ không bao giờ chấp nhận trọn gói thuyết bổ sung của Grudem mà tôi phản bác trong cuốn sách này. Trước khi tìm hiểu vấn đề một cách đúng đắn, chừng nào tôi còn tin rằng thuyết bổ sung ôn hòa của Hội Thánh tôi ít nhiều cũng giống như phiên bản nguyên thủy, thì tôi vẫn vui lòng tự gọi mình là người theo quan điểm bổ sung.

Nhưng hãy xem, điều này đặt những người theo thuyết bổ sung ôn hòa vào một vị trí bấp bênh. Họ có những cách thực hành theo quan điểm tương hỗ nhưng lại tự nhận là theo thuyết bổ sung về thần học. Chẳng lạ gì khi những người tạo ra thuyết bổ sung – như Piper, Grudem, Schreiner và Köstenberger – tiếp tục bác bỏ những hình thức ôn hòa hơn này. Chẳng hạn, trong một bài viết, Russell Moore than phiền về những xu hướng trong các cộng đồng Hội Thánh theo thuyết bổ sung, những nơi được cho là đã bị văn hóa nữ quyền gài bẫy, đến nỗi "những quyết định thực tế trong phần lớn các gia đình Tin Lành Phúc Âm được đưa ra qua một tiến trình thương lượng, thuận phục lẫn nhau và đồng thuận." Ông kể về một Hội Thánh trong đó một phụ nữ mà ông quen "không nhớ được mục sư của bà đã từng dạy về vai trò làm đầu của người nam." Ông sợ rằng "nền thần học bị nữ tính hóa từ dưới cơ sở này có thể đang sủi bọt lên tới giới học thuật và giới lãnh đạo hệ phái."[87] Tương tự, Köstenberger cảnh báo về chính điều đó đang xảy ra trong giới lãnh đạo của Hội Thánh:

Nôn nóng muốn cho thấy thuyết bổ sung không xúc phạm văn hóa, thậm chí còn hợp thời, họ có thể cố điều chỉnh sự dạy dỗ và thực hành của mình cho hợp với văn hóa đến mức gần như không còn phân biệt được với thuyết bình đẳng. Những người theo quan điểm bổ sung có thể đặt những phụ nữ ít hiếu chiến hơn vào vị trí lãnh đạo để tránh cảm giác về kiểu lãnh đạo nữ ồn ào, hung hăng, hoặc có lẽ gây khó chịu hơn, theo kiểu nữ quyền.[88]

Đọc những lời này, giờ đây tôi nhận ra mình đã là một người theo quan điểm bổ sung tồi tệ biết bao! Thật vậy, khi tự hỏi vì sao mình đã chấp nhận thuyết

87. Nguồn: www.bit.ly/3GL5lom
88. Nguồn: www.bit.ly/3CIkVyG

bổ sung lâu như thế trong Hội Thánh mà tôi góp phần lãnh đạo, tôi nhận ra phần lớn là vì chúng tôi thật sự chỉ là những người theo thuyết bổ sung *thiếu nhất quán*. Chúng tôi không thực hành điều chúng tôi nói là mình tin. Chúng tôi cho phép phụ nữ giảng. Chúng tôi không chỉ bổ nhiệm các trưởng lão: chúng tôi nói về *các cặp vợ chồng trưởng lão*, và giải thích rằng dù về mặt hình thức chỉ người chồng là trưởng lão, nhưng vì người chồng và vợ mình là một thịt, nên khi Đức Chúa Trời kêu gọi người chồng, Ngài cũng ban một ân điển tương ứng cho người vợ. Các bà vợ tham dự các buổi họp ban trưởng lão của chúng tôi, và tiếng nói của họ được hoan nghênh trong một số quyết định của chúng tôi.

Dù tôi không thể nói thay cho các cặp vợ chồng khác, chính cuộc hôn nhân của tôi cũng bình đẳng hơn nhiều so với mức Grudem hay Piper mong muốn. Thần học của chúng tôi về nữ chấp sự có nghĩa là chúng tôi thấy thoải mái khi phụ nữ lãnh đạo người nam trong nhiều chức vụ và nhóm nhỏ khác nhau. Các nữ lãnh đạo đặc biệt phát triển mạnh trong các chức vụ công bằng xã hội của chúng tôi. (Nếu Hội Thánh của bạn theo thuyết bổ sung, chưa sẵn sàng từ bỏ thuyết bổ sung nhưng tận trong xương tủy biết rằng có điều gì đó không ổn về nó, tôi hết lòng khuyên bạn hãy cân nhắc cũng "thỏa hiệp" theo một vài cách như thế!)

Thế nhưng, khi nhìn lại hành trình của chính mình, việc sống trong sự phân đôi như thế giữa lập trường được cho là của mình và cách thực hành thật sự không bao giờ là lý tưởng. Nếu điều chúng ta "biết tận trong xương tủy" khác với điều chúng ta nói là mình tin, và điều đó lại khác với cách chúng ta thực hành, thì chúng ta có vấn đề. Chúng ta nợ chính mình một nền thần học và một cách thực hành nhất quán với nhau.

Có lẽ tôi đã không cảm thấy bị thúc giục xem xét lại lập trường của mình nếu ba điều sau không xảy ra. Điều thứ nhất là nhiều mục sư và người giảng của chúng tôi bắt đầu dùng bản ESV và *ESV Study Bible*. Dù tôi yêu thích phần lớn bản dịch ấy, tôi thấy mình nhăn mặt mỗi khi họ đọc bất cứ phân đoạn nào trong số nhiều phân đoạn của Tân Ước trong đó một sứ đồ chỉ nói với "anh em" (brothers) chứ không, như trong bản NIV, với "anh chị em" (brothers and sisters). Khi bản ESV mới ra đời, tôi đã giới thiệu bộ Kinh Thánh nghiên cứu của nó – rồi nhiều người đọc bắt đầu hỏi tôi vì sao chúng

tôi cho phép phụ nữ giảng, khi phần chú giải nghiên cứu của họ phản bác điều này một cách dữ dội!

Điều thứ hai là một số trưởng lão trẻ hơn và vợ của họ tiếp thu phần lớn sự giáo dục thần học của mình qua trang mạng cá nhân của Piper và từ Liên minh Tin Lành. Nhiều người trong số họ, dù cố gắng tôn trọng các trưởng lão thâm niên hơn, đã can đảm thừa nhận rằng giờ đây họ không tin phụ nữ nên giảng. Thật vậy, một trong mười điểm nhóm của chúng tôi đã được phép không cho phụ nữ giảng trong Hội Thánh của họ.

Thứ ba và cuối cùng, trong nhiều năm, chúng tôi đã gia nhập một phong trào ngày càng lớn mạnh gồm nhiều Hội Thánh và ngày càng tham gia sâu hơn vào trong đó. Phong trào này ngay từ những ngày đầu đã hoàn toàn đón nhận thuyết bổ sung. Tuy nhiên, khác với Hội Thánh chúng tôi, phần lớn các Hội Thánh trong phong trào này *thật sự* thực hành điều họ giảng. Không có nữ giảng đạo. Chỉ người nam mới được tấn phong làm trưởng lão. Không có chuyện nói về "các cặp vợ chồng trưởng lão". Nhiều nhà lãnh đạo trong phong trào này bày tỏ mối lo ngại về những cách thực hành có vẻ theo thuyết bình đẳng của Hội Thánh chúng tôi – điều này cũng dễ hiểu: chúng tôi đã tự nhận là theo thuyết bổ sung.

Có lần, một trong những bà vợ mục sư thâm niên nhất trong cả phong trào đến thăm Hội Thánh chúng tôi và khích lệ các bà vợ mục sư của chúng tôi hãy ở yên trong làn đường của mình; bà giải thích cách tiếp cận của bà: "Ông ấy được kêu gọi để lãnh đạo Hội Thánh, tôi được kêu gọi để phục vụ ông ấy." Dù tôi chắc rằng một số bà vợ trong buổi họp ấy cảm thấy rất được khích lệ bởi điều này, tôi biết rằng nhiều người đã choáng váng. Đã đứng bên cạnh, kề vai sát cánh với chúng tôi suốt hàng chục năm, các bà vợ của chúng tôi chưa bao giờ bị xem chỉ như người hỗ trợ cho chồng. Mỗi người, theo cách riêng của mình, đã dâng hiến một số năm tháng tốt đẹp nhất của đời mình để xây dựng và củng cố Hội Thánh chúng tôi trên tuyến đầu của đời sống chức vụ. Đồng thời, tôi cứ gặp những phụ nữ bị tổn thương đã rời bỏ hoặc đang rời bỏ các Hội Thánh của họ trong phong trào này, vì họ cảm thấy phụ nữ bị hạn chế trong chức vụ hoặc không được các nhà lãnh đạo nam của họ lắng nghe.

Rồi giữa tất cả những điều đó, Hội Thánh chúng tôi quyết định xem xét lại nền tảng giáo lý cho sự hiểu biết của chúng tôi về giới tính và chức trưởng lão, và tôi bắt đầu đọc lại một cách mới mẻ những lập luận thần học và Kinh Thánh của Piper, Grudem và Schreiner.

Giống như một tín đồ Khoa học luận (Scientology) vui thích với tôn giáo của mình cho đến ngày cô được mời mở phong bì bí mật và phát hiện rằng thật ra mình là một Thetan bị mắc kẹt trong vũ trụ này, tôi thích thuyết bổ sung cho đến khi tôi thật sự hiểu một số giáo huấn bên trong của nó. Dù thuyết bổ sung có thành công đến đâu trong việc lan rộng qua các Hội Thánh khắp thế giới, khi xem xét kỹ hơn, nó trông ít giống mặc khải thiên thượng mà giống nhiều hơn một cấu trúc thần học tinh vi che giấu một hình thức áp bức khác.

NỖI SỢ BỊ LOẠI TRỪ

Còn một lý do khác khiến thuyết bổ sung giành phần thắng trong rất nhiều hệ phái và Hội Thánh như Hội Thánh của tôi. Một nghiên cứu gần đây của ngành khoa học hành vi về *thiên kiến* đã cho thấy rằng, phần lớn, *chúng ta không tin điều gì là đúng; chúng ta tin điều gì không làm chúng ta mất đi những mối liên minh của mình.*[89] Điều này nghe có vẻ đáng ngại, nhưng thật ra đó là một thiên kiến *tiềm thức*. Là con người, dù là Cơ Đốc nhân hay không, chúng ta phản ứng với mọi ý tưởng mới bằng cùng một câu hỏi theo bản năng: "Nếu tôi chấp nhận điều này, địa vị xã hội và chỗ đứng của tôi trong thế giới này sẽ ra sao?" Không phải "Điều này có đúng không?" mà là "Điều này sẽ làm gì với cuộc đời tôi?" (Tôi bàn về điều này sâu hơn nhiều trong *Phụ lục 6: Vì sao sự thật có thể không thay đổi được suy nghĩ của chúng ta.*)

Hãy thử nghĩ điều này có thể diễn ra thế nào trong những Hội Thánh có thể quyết định xem xét lại giáo lý của họ về sự lệ thuộc của phụ nữ. Trước những năm 1960, các Hội Thánh và hệ phái thường do những người nam hưởng lương lãnh đạo – người ta tin rằng phụ nữ không đủ khả năng cho công việc ấy. Gần như mọi Hội Thánh đều có quan điểm này. Rồi phần lớn các Hội Thánh và hệ phái đổi ý khá đột ngột, khẳng định rằng phụ nữ và nam giới có năng lực ngang nhau. Giờ đây cuộc tranh luận xoay quanh việc mỗi Hội

89. Tôi dành Phụ lục 6 cho đề tài thiên kiến nhận thức.

Thánh hay hệ phái sẽ dừng lại ở đâu: cho phụ nữ tham gia hay loại họ ra khỏi sự lãnh đạo và bục giảng.

Dĩ nhiên, giữa tất cả những điều đó vẫn có sự tìm kiếm chân lý thật lòng, nhưng chúng ta đừng ngây thơ về bản chất con người. Chủ yếu là các mục sư hưởng lương phải quyết định vấn đề này, chứ không phải những người ngồi ở hàng ghế tín hữu. Hãy đặt mình vào vị trí của một người lãnh đạo Hội Thánh thời ấy, đang cố đưa ra quyết định. Điều gì ngầm ẩn đằng sau mỗi ý nghĩ của bạn? Tôi biết rõ điều này, vì cả đời tôi đã là một mục sư hưởng lương: "Tôi không muốn mất chỗ đứng của mình trong Hội Thánh này, hay mất việc." Một lần nữa, tôi không buộc tội ai. Hoàn toàn không nghĩ gì đến tác động và hệ quả cá nhân của những quyết định tập thể của chúng ta là điều đơn giản không thể.

Theo các chuyên gia khoa học hành vi, điều xảy ra tiếp theo là xuất hiện một số *người chấp nhận sớm*. Trong trường hợp này, đó là những người bắt đầu khẳng định rằng họ đã được Kinh Thánh thuyết phục rằng phụ nữ cũng có thể lãnh đạo. Những người lãnh đạo còn lại lúc ấy nghĩ gì? "Chà, tôi khâm phục lòng can đảm của anh, nhưng tôi sẽ đứng chờ cho đến khi thấy số đông ngả về đâu." Dĩ nhiên họ không nói ra điều này – nhưng theo trực giác, họ hiểu rằng thiểu số sẽ mất chỗ đứng, và có lẽ mất cả việc làm.

Giữa tình trạng bất định ấy, khi phần đông không thể đổi ý cho đến khi biết chắc số đông cũng sẽ đổi, vang lên một tiếng nói rõ ràng, trong trẻo từ hai ngôi sao đang lên trong giới Tin Lành Phúc Âm: "Đừng nghe những người theo nữ quyền trong giới Tin Lành Phúc Âm. Họ là những kẻ thỏa hiệp với Kinh Thánh, những kẻ đầu hàng văn hóa, những kẻ phá hoại văn hóa và những kẻ xóa nhòa khác biệt giới tính. Hơn nữa: chúng ta bình đẳng nhưng khác biệt; chúng ta khẳng định sự bổ sung cho nhau; quan hệ thẩm quyền – thuận phục giữa nam và nữ được phản chiếu trong Ba Ngôi; lập trường của chúng ta là lập trường lịch sử; và đây là một trang web, một bản dịch Kinh Thánh, một Hội đồng, một hội nghị, những nhà giảng đạo mạnh mẽ, cuốn hút, và những công trình nền tảng nếu bạn vẫn còn nghi ngờ."

Thật khó tin, từ giữa những năm 1960 đến cuối những năm 1980 đã có một cuộc tranh luận lành mạnh và cởi mở, trong đó cả hai bên tranh luận về cách

giải thích khả dĩ nhất của số ít bản văn còn gây tranh cãi. Rồi đến những người, qua *Tuyên bố Danvers*, cho rằng những người theo quan điểm tương hỗ chối bỏ thẩm quyền của Kinh Thánh và thay vào đó chọn cách bóp méo Kinh Thánh cho hợp với chương trình nữ quyền của họ. Những người phản đối lập trường của thuyết bổ sung nói rằng: "Đó là dấu chấm hết cho mọi cuộc tranh luận và đối thoại về điều Kinh Thánh thật sự nói."[90]

Những nỗ lực và thông điệp của phe bổ sung khôn khéo và tài tình về mặt chính trị đến nỗi họ dễ dàng thu phục những người còn lưỡng lự. Trong cuộc tranh luận, những người kiên quyết chống lại việc cho phụ nữ tham gia giờ đây hoàn toàn tin chắc. Những người ở giữa, vốn muốn giữ chỗ đứng của mình trong thế giới, thì được người khác quyết định thay. Còn những mục sư không theo quan điểm bổ sung, trừ khi may mắn ở trong một Hội Thánh hay hệ phái theo quan điểm bình đẳng, thì hoặc phải hoạt động âm thầm, hoặc phải ra đi và bắt đầu lại ở nơi khác – đằng nào cũng là một thử thách đau đớn.

Nỗi sợ bị loại trừ mạnh đến nỗi nó có thể làm người ta điếc và mù. Khi tôi đọc số rất ít học giả theo quan điểm bổ sung được giao nhiệm vụ điểm sách của những người ngoài phe mình, tôi cứ kinh ngạc mãi trước giọng điệu gạt phăng của họ, trước việc họ điếc đặc trước những gì người khác nói, trước việc lập luận của họ có vẻ khiếm khuyết đến thế. Thế nhưng chính những người được giao nhiệm vụ phê bình các công trình thách thức quan điểm của họ lại thường giữ những vị trí lãnh đạo học thuật cao nhất trong các hệ phái, chủng viện thần học và tổ chức theo quan điểm bổ sung của họ. Hãy xem cả sáu chủng viện của Báp-tít Miền Nam tại Mỹ: mỗi năm, *các giáo sư phải ký Tuyên bố Danvers để giữ được việc làm*. Mỗi. Năm. Không có chỗ cho sự nghi ngờ về vấn đề này. Đó là cách thuyết bổ sung, khi những người tạo ra nó vẫn còn sống, đã vươn lên trở thành một chân lý không thể bàn cãi như chính Phúc Âm.

Dù vậy, các nhà lãnh đạo và nhà thần học vẫn tiếp tục rời khỏi hàng ngũ thuyết bổ sung. Nếu im lặng là cái giá để có một chỗ ngồi bên bàn, thì có lẽ cái giá ấy quá đắt. Beth Moore, bản thân là gương mặt nữ hàng đầu lâu năm trong hệ phái Báp-tít Miền Nam, gần đây đã nhận ra sự đánh đồng đáng tiếc

90. Xem Kevin Giles, What the Bible Actually Teaches on Women, chương 2. Giles, người đã đứng ở tuyến đầu của cuộc tranh luận từ giữa những năm 70, kể lại câu chuyện này.

giữa thuyết bổ sung với thẩm quyền của Kinh Thánh trong hệ phái của bà, và đã công khai rời khỏi hệ phái ấy. Gần đây bà thách thức những người đã tạo ra hệ thống đó: "Chúng ta không thể góp phần xây dựng một hệ thống rồi ngồi ở bàn làm việc mà không hay biết nhiều người đang làm gì nhân danh nó. Nếu anh đã góp tay xây nên một thứ biến thành Frankenstein, thì hãy lấy dây thòng lọng của anh đi, Victor, và kéo con quái vật ấy về."[91] Những cuốn sách bán chạy của các chuyên gia trong lĩnh vực học thuật của họ, những người trước đây theo quan điểm bổ sung, vẫn tiếp tục được xuất bản và nêu lên cùng một điểm ấy.[92] Nếu có lúc nào cần rời bỏ nền thần học đã sa ngã và đang thất bại này, thì đó chính là bây giờ.

Gác lại lịch sử của thuyết bổ sung, đã đến lúc chúng ta đi sâu vào các bản văn Kinh Thánh then chốt. Khi làm điều đó trong chương tiếp theo, chúng ta sẽ nhanh chóng khám phá thuyết bổ sung sai lầm ở đâu – nó sai ngay từ lúc khởi đầu …

91. Xem các dòng tweet của Beth Moore ngày 8 tháng 4 năm 2020.
92. Gần đây nhất là Beth Allison Barr với "The Making of Biblical Womanhood" và Kristin Du Mez với "Jesus and John Wayne: How White Evangelicals Corrupted a Faith and Fractured a Nation."

4

MỐI QUAN HỆ CỘNG SỰ ĐƯỢC TẠO DỰNG NƠI ĐỊA ĐÀNG

"Ê-va không ở trên cũng không ở dưới, nhưng ngang hàng với A-đam. Bà là một nửa của một cặp đối cực, là Nam Cực đối với Bắc Cực. Bà là đồng minh mạnh mẽ nhất của ông trong việc theo đuổi các mục đích của Đức Chúa Trời, là rào chắn đầu tiên khi ông đi chệch hướng." Victor Hamilton[93]

Trong phim *Happy Feet*, khi chú chim cánh cụt Mumble gặp nhà tiên tri Lovelace, Mumble để ý thấy một vòng nhựa quấn quanh cổ Lovelace. Lovelace quả quyết rằng đó là "lá bùa thiêng" của mình do "những đấng huyền bí" ban cho,[94] và vì thế là nguồn sức mạnh của nó. Dĩ nhiên, chúng ta biết điều Mumble chỉ mới ngờ ngợ: thứ trên cổ Lovelace là một mẩu rác mà hẳn nó đã bơi vướng vào khi còn là một chú chim cánh cụt nhỏ. Khi Mumble và những người bạn kỳ quặc của mình gặp lại Lovelace, nó đang khó khăn lắm mới thở và nói được.[95] Mumble kết luận: "Cái thứ trên cổ ông ấy chặt quá. Nó đang làm ông ấy nghẹt thở!" Lúc đầu Lovelace rút ra được một thứ sức mạnh nào đó từ mẩu nhựa, nhưng chỉ khi chấp nhận rằng nó tàn phá và trói buộc mình đến mức nào thì cuối cùng Lovelace mới có thể thoát khỏi nó. Nó không phải là phước lành, mà là sự rủa sả.

Tương tự như vậy, chế độ phụ quyền "Cơ Đốc" – mà thuyết bổ sung cho là kết quả của "thiết kế tốt lành của Đức Chúa Trời" trong Sáng Thế Ký 2-3 – tự xưng là một lá bùa của chân lý, một nguyên tắc thiêng liêng về quan hệ thẩm quyền – thuận phục giữa nam và nữ, mà khi được áp dụng trong gia đình và trong Hội Thánh sẽ đem lại phước lành của Đức Chúa Trời. Như tôi sẽ cho

93. Victor Hamilton, The Book of Genesis: Chapters 1–17, tr. 181.
94. Xem đoạn phim của cảnh này: www.bit.ly/3BzJGvK
95. Xem đoạn phim của cảnh này: www.bit.ly/3mCpcyb

bạn thấy trong chương này, nó hoàn toàn không thuộc về ý định cao nhất của Đức Chúa Trời cho mối quan hệ nam nữ – dù ở gia đình, trong Hội Thánh hay bất cứ nơi nào khác. Trái lại, nó là kết quả của những mối quan hệ nam nữ đã bị bại hoại và bóp nghẹt trong một thế giới sa ngã.

Mạch câu chuyện của Kinh Thánh bắt đầu trong một khu vườn, nơi các mục đích của Đức Chúa Trời dành cho loài người và cõi tạo vật được bày tỏ cách vinh hiển. Rồi hỗn loạn xảy đến. Sa-tan cám dỗ Ê-va và A-đam đánh mất phẩm giá cao quý của họ là những người mang hình ảnh Đức Chúa Trời. Tạ ơn Chúa, về sau sự cứu chuộc đến trong Chúa Giê-xu, hình ảnh thật của Đức Chúa Trời, Đấng đối diện với sự cám dỗ của Sa-tan, cũng trong một khu vườn, nhưng lần này đứng vững trước những lời dối trá của hắn. Câu chuyện kết thúc khi điều Chúa Giê-xu đã khởi sự trong lần đến thứ nhất được Ngài hoàn tất trong lần đến thứ hai – đem đến một thành-vườn tuyệt mỹ, nơi các mục đích ban đầu của Ngài cho loài người và cõi tạo vật đã toàn thắng. Thần học Cơ Đốc không thể tách rời khỏi câu chuyện lớn của thế giới. Nếu sự cứu chuộc sau cùng là sự phục hồi cõi sáng tạo ban đầu, thì chúng ta phải hiểu đúng khởi đầu của mọi sự. Đó là lý do việc nghiên cứu thần học đặt nặng đến thế các chương mở đầu (và kết thúc) của Kinh Thánh. Đó cũng là lý do Tuyên bố Danvers, bản tuyên ngôn của thuyết bổ sung, bắt đầu từ nơi Kinh Thánh bắt đầu, bằng cách đưa ra những khẳng định sau:

Cả A-đam và Ê-va đều được dựng nên theo hình ảnh Đức Chúa Trời, bình đẳng trước mặt Đức Chúa Trời với tư cách là những nhân vị, và khác biệt trong tư cách là người nam và người nữ. … Những khác biệt giữa vai trò nam tính và nữ tính được Đức Chúa Trời định ra như một phần của trật tự sáng tạo, và phải tìm được tiếng vang trong mọi tấm lòng con người. ... Vai trò làm đầu của A-đam trong hôn nhân đã được Đức Chúa Trời thiết lập trước sự sa ngã, và không phải là hậu quả của tội lỗi.

Sau mỗi câu như vậy, bản Tuyên bố đưa ra các câu Kinh Thánh làm bằng chứng, mà thường xuyên và nổi bật nhất là những câu trong Sáng Thế Ký 1-3. Thật vậy, một câu duy nhất được dùng để hỗ trợ cả ba khẳng định – nếu có câu nào gánh cả sức nặng giáo lý thì chính là câu này: "CHÚA Đức Chúa Trời phán: 'Người nam ở một mình thì không tốt; Ta sẽ làm nên một người giúp đỡ thích hợp với nó'" (Sáng Thế Ký 2:18).

Dựa trên cách đọc này về Sáng Thế Ký 1-3, đặc biệt là 2:18, những người theo quan điểm bổ sung đã đi xa hơn để lập luận cho "vai trò làm đầu của người nam" trong gia đình, trong Hội Thánh và cả trong xã hội rộng lớn hơn,[96] trong đó phụ nữ, dù "bình đẳng về phẩm giá và giá trị", *vẫn cần phải thuận phục những người nam có thẩm quyền.*[97] Thật vậy, mười chín trong số hai mươi hai tác giả của cuốn *Recovering Biblical Manhood and Womanhood* đặt lập luận của họ về sự lệ thuộc của phụ nữ trên sự sáng tạo hoặc trật tự sáng tạo.

Dù ngày nay ít ai trong chúng ta phản đối rằng Kinh Thánh dạy về phẩm giá bình đẳng giữa nam và nữ, câu hỏi đặt ra là liệu chúng ta có nên chất vấn ý tưởng cho rằng quan hệ thẩm quyền – thuận phục giữa nam và nữ là một phần của cõi sáng tạo trước sự sa ngã hay không. Chúng ta sẽ dành trọn chương này để tìm ra câu trả lời.

SÁNG THẾ KÝ 1 – VUA VÀ HOÀNG HẬU CỦA CÕI SÁNG TẠO

Sách Sáng Thế Ký có hai bản tường thuật về sự sáng tạo, một trong Sáng Thế Ký 1 và một trong Sáng Thế Ký 2. Mỗi bản đưa ra một thứ tự sự kiện khác nhau và những điểm nhấn chủ đề khác nhau, thế nhưng chúng được gắn kết với nhau bởi một số ý tưởng chung. Trong chương thứ nhất, loài người là công trình sáng tạo của Đức Chúa Trời trong ngày thứ sáu: "Đức Chúa Trời phán rằng: 'Chúng ta hãy làm nên loài người như hình Ta và theo tượng Ta. …' Vậy Đức Chúa Trời dựng nên loài người như hình Ngài; Ngài dựng nên loài người giống như hình Đức Chúa Trời; Ngài dựng nên người nam cùng người nữ."

Trong năm ngày đầu của cuộc sáng tạo, Đức Chúa Trời truyền lệnh: "Phải có …", nhưng ở đây Ngài phán: "Chúng ta hãy làm nên … như hình Ta." Trong

96. Không phải mọi người theo quan điểm bổ sung đều nói rằng thẩm quyền của người nam mở rộng ra xã hội nói chung, dù những người hàng đầu như John Piper và Andreas Köstenberger chắc chắn nói vậy. Như Köstenberger nói: "Khăng khăng rằng phụ nữ có thể tham gia bất kỳ hoạt động nào bên ngoài gia đình mà hầu như không hoặc chỉ rất ít quan tâm đến mục đích sáng tạo riêng của Đức Chúa Trời cho mỗi giới. Điều này trái với sự dạy dỗ của Kinh Thánh và hết sức có vấn đề." (Nguồn: www.bit.ly/3by3zsy)

97. Vợ chồng Keller khẳng định như vậy: "Thẩm quyền dịu dàng, phục vụ trong vai trò làm đầu của người chồng và ân tứ mạnh mẽ, nhân hậu trong sự thuận phục của người vợ phục hồi chúng ta trở lại con người mà chúng ta được định để trở thành lúc sáng tạo." (Tim và Kathy Keller, The Meaning of Marriage, chương 6.)

hành động sáng tạo sau cùng này, loài người chắc chắn là đỉnh cao của công trình sáng tạo của Ngài. Cả thiên sứ, cả các thiên hà, lẫn bất cứ sinh vật có cảm giác nào đi lại trên hành tinh của chúng ta đều không mang hình ảnh của Ngài. Mang hình ảnh ấy có nghĩa là gì?

Điều đó có nghĩa là chúng ta được dựng nên để biểu thị Đức Chúa Trời. Vì chúng ta có một mối quan hệ độc nhất với Đức Chúa Trời, và một mối quan hệ độc nhất với thế giới kỳ diệu mà chúng ta đang sống, nên chúng ta đứng giữa Đức Chúa Trời và cõi tạo vật của Ngài như những người đại diện cho cả hai. Chúng ta đại diện cho cõi tạo vật với tư cách là những thầy tế lễ của cõi tạo vật, cất tiếng thay cho sự thờ phượng không lời mà phần còn lại của cõi tạo vật dâng lên Đấng Tạo Hóa. Chúng ta đại diện cho Đức Chúa Trời với tư cách là những người thay mặt Ngài cai quản cõi tạo vật, phản chiếu bản tính tốt lành của Đức Chúa Trời cho toàn thể cõi tạo vật. Không chỉ một mình Ngài, mà cùng với và qua loài người, Đức Chúa Trời định chăm sóc và lãnh đạo cõi tạo vật. Đó là lý do "sự cai trị" của chúng ta phải phản chiếu bản tính của Đức Chúa Trời. Sẽ hữu ích hơn nếu xem hình ảnh chúng ta mang như một nhiệm vụ được giao riêng cho chúng ta, thay vì một dấu ấn bẩm sinh nào đó ẩn giấu sâu trong linh hồn. N.T. Wright diễn tả ý này rất hay khi ông nói rằng chúng ta phải là một "tấm gương đặt nghiêng: đặt đúng góc, bạn sẽ thấy những điều mà nếu không thì bạn không thấy được. Ơn gọi của chúng ta với tư cách là những người mang hình ảnh là phản chiếu thông tin về Đức Chúa Trời cho những người chung quanh qua cách chúng ta sống và hành động."[98]

Đặc biệt hãy lưu ý sự bình đẳng nền tảng giữa nam và nữ, giữa người nam và người nữ. Trong một thế giới mà đàn ông đã hạ thấp giá trị của phụ nữ, phân đoạn này đem đến một lời điều chỉnh, bằng cách nối kết giá trị của Đức Chúa Trời – Đấng mà người nữ được dựng nên theo hình ảnh Ngài – với giá trị của chính người nữ. Không chỉ người nam, mà *cả hai* đều được dựng nên theo hình ảnh Đức Chúa Trời, để *cả hai* đại diện cho tình yêu, sự khôn ngoan và quyền năng của Đức Chúa Trời trước mọi vật tay Ngài đã làm nên.

Đức Chúa Trời phán: "Chúng ta hãy làm nên loài người theo hình ảnh Chúng ta, giống như Chúng ta, để họ cai trị cá dưới biển và chim trên trời,

98. Trích dẫn trong Alice Mathews, Gender Roles and the People of God, chương 13.

các loài súc vật và mọi loài thú hoang. …" Đức Chúa Trời ban phước cho họ và phán với họ: "Hãy sinh sản, thêm nhiều, làm cho đầy dẫy đất và làm cho đất phục tùng. Hãy cai trị cá dưới biển, chim trên trời và mọi sinh vật cử động trên mặt đất." (Sáng Thế Ký 1:26-28)

Hai cách chúng ta ban phước cho thế giới là sinh con cái và quản lý trái đất. Cùng nhau, cả nam lẫn nữ, chúng ta được dựng nên để phản chiếu hình ảnh giống Đức Chúa Trời, được ban thẩm quyền trên giới loài vật, và được giao phó việc làm cho hành tinh đầy dẫy thêm những con người sẽ cùng chúng ta *Ê-đen hóa* ngày càng nhiều hơn cõi tạo vật tốt lành của Đức Chúa Trời.

Đặc biệt hãy để ý rằng, dù nam và nữ có thể trông khác nhau, và một bên có khả năng sinh con và cho con bú còn bên kia thì không, *phân đoạn này không đặt ra hai bộ chỉ dẫn khác nhau cho nam và nữ*. Không chỉ người nam, mà cả người nữ cũng được ban thẩm quyền với tư cách là những người thay mặt Đức Chúa Trời cai quản, và đó là một phương diện của nhân tính trọn vẹn của chúng ta. *Phải có cả nam lẫn nữ cùng nhau mới phản chiếu được trọn vẹn hình ảnh của Đức Chúa Trời. Đây chính là phước lành của một liên minh.* Dù mỗi giới có điều gì độc đáo về sinh học hay tâm lý, điểm chính là mỗi người chúng ta đem trọn con người mình vào trọn ơn gọi mà Đức Chúa Trời dành cho chúng ta là loài người. Đức Chúa Trời không đặt ra một sự cai trị "nam tính" làm chuẩn mực và kế hoạch của Ngài cho loài người. Không, người nam và người nữ cùng nhau mang hình ảnh Đức Chúa Trời. "Chỉ kiểu cùng chung tham dự vào việc đại diện cho quyền trị vì của Đức Chúa Trời trước thế giới như thế mới có thể tôn vinh xứng đáng Đức Chúa Trời mà chúng ta mang hình ảnh Ngài."[99]

Thật ra, ý định của Đức Chúa Trời tạo nên một sự *hiệp nhất* trọn vẹn giữa người nam và người nữ là một điều bất ngờ trong mạch văn của chương này. Trong những ngày sáng tạo trước đó, Đức Chúa Trời đặt trật tự vào một thế giới hỗn mang bằng cách *phân rẽ* khoảng không, các vùng nước và đất. Ngay cả các vì sao cũng đánh dấu những mùa, những ngày và những năm *riêng biệt*, mặt trời cai quản ban ngày, còn mặt trăng là lính canh của ban đêm. Khi loài người được giao quyền lãnh đạo phần còn lại của cõi tạo vật, mọi người và mọi vật đều "biết vị trí của mình". Nhưng khi đến việc dựng nên người

99. Sarah Bessey trích lời J. R. Daniel Kirk nói câu này trong "Jesus Feminist", chương 5.

nam và người nữ, Ngài ngừng vạch ranh giới mà thay vào đó gắn kết họ lại với nhau như những người cộng sự trọn vẹn, *không hề có chút dấu hiệu nào về vai trò hay thứ bậc dựa trên giới tính*. Đức Chúa Trời đã có thể phán với A-đam: "Ngươi hãy làm cho đất phục tùng," và với Ê-va: "Ngươi hãy nuôi dạy con cái." Thay vào đó, Ngài nhấn mạnh sự cộng tác trọn vẹn của họ với tư cách là những người cùng làm cha mẹ, cùng làm thầy tế lễ và cùng cai trị. Về sau trong lịch sử, loài người chúng ta sẽ lập một số ít người làm vua và hoàng hậu, nhưng sự chỉ định ban đầu của Đức Chúa Trời là mỗi người nữ và mỗi người nam đều là hoàng hậu và vua.

Chương mở đầu này trong Quyển Sách Tốt Lành của Đức Chúa Trời đặt khung cho mọi chương về sau và cho phần còn lại của câu chuyện. Ít nhất cho đến đây, không có vai trò giới tính nào được Đức Chúa Trời mặc khải. Chưa hề có chuyện một giới có thẩm quyền trên giới kia. Người nam và người nữ cùng nhau cai quản trái đất của Đức Chúa Trời – một liên minh mà C.S. Lewis miêu tả thật đẹp khi Edmund, Susan, Peter và Lucy ngồi trên bốn ngai vàng của Narnia.

"Cho đến đây thì mọi sự đều rất tốt," một người theo quan điểm bổ sung nói. "Hãy đợi đến khi chúng ta vào chương hai và chương ba, bản tường thuật thứ hai." Trong nhiều thập niên qua, những người theo quan điểm bổ sung đã gom góp được cả một danh sách lập luận cho cái gọi là vai trò lãnh đạo của A-đam trên Ê-va trước sự sa ngã. Tôi sẽ trình bày rõ các lập luận này và lần lượt trả lời từng lập luận, cho thấy rằng không lập luận nào được bản văn nói ra rõ ràng. Dù vậy, danh sách này thuyết phục người mới nghe lần đầu đến nỗi họ cho rằng vấn đề đã được khép lại. Tôi biết sức mạnh của danh sách này: được truyền cảm hứng từ một loạt bài giảng của Mark Driscoll – mục sư kiêm nhà thần học và nhà giảng đạo của một siêu Hội Thánh, rất nổi tiếng thời ấy – tôi thậm chí đã từng giảng một vài điểm trong chính danh sách này. Là một người dạy Kinh Thánh tự nhận mình "dạy sự thật, toàn bộ sự thật và không gì khác ngoài sự thật", giờ đây nhìn lại, tôi khá hối tiếc vì đã bị cuốn vào cách tiếp cận gượng ép này đối với những chương mở đầu của Kinh Thánh.

Trong chương này, tôi sẽ liệt kê năm suy luận nổi bật nhất mà nhiều nhà giảng đạo và học giả theo quan điểm bổ sung dùng để cố chứng minh vai trò

lãnh đạo của A-đam trên Ê-va trước sự sa ngã. Trong Phụ lục 2, tôi phản bác sáu lập luận khác.

Lập luận thứ nhất: A-đam được dựng nên trước, rồi mới đến Ê-va

Người theo quan điểm bổ sung lập luận rằng *trong Sáng Thế Ký 2, A-đam được dựng nên trước và Ê-va sau, và điều này cho thấy người nam là người lãnh đạo của người nữ. Thật vậy, Phao-lô trong 1 Ti-mô-thê 2:13 đã lưu ý đến sự kiện này: "A-đam được dựng nên trước nhất, rồi mới tới Ê-va."*

Tôi sẽ khảo sát đầy đủ lời Phao-lô viết cho Ti-mô-thê trong chương 7. Bây giờ, hãy lưu ý rằng Phao-lô không nói: "A-đam nắm quyền trên Ê-va"; đó chỉ là một cách hiểu ý của Phao-lô. Dựa trên việc đọc kỹ 1 Ti-mô-thê 2, tôi sẽ đưa ra thêm hai cách hiểu nữa trong chương 7. Bất kể Phao-lô muốn nói gì trong 1 Ti-mô-thê 2, trước hết Sáng Thế Ký 2 phải được đọc dưới ánh sáng của chính nó. Ngay cả khi chúng ta giả định rằng Phao-lô đã dùng Sáng Thế Ký 2 để ủng hộ sự lệ thuộc của phụ nữ (tôi chắc chắn rằng ông không làm vậy), điều đó cũng không nhất thiết có nghĩa là bản thân Sáng Thế Ký 2 dạy điều này. Douglas Moo giải thích rằng đôi khi các trước giả Tân Ước dùng những phân đoạn Cựu Ước không phải như những cách đọc dứt khoát hay những bằng chứng, mà như những lập luận tùy tình huống, hay những phương tiện diễn đạt, để làm chỗ dựa cho bất cứ điểm nào họ đang trình bày.[100]

Đức Chúa Trời đã có thể dựng nên hai giới cùng một lúc, nhưng Ngài đã không làm vậy. Tại sao? Có một câu trả lời nổi bật: A-đam được dựng nên trước rồi mới đến Ê-va, vì *Đức Chúa Trời muốn cho A-đam (và các con trai ông) thấy ông cô đơn, thiếu trọn vẹn và không đủ đến mức nào khi không có Ê-va (và các con gái bà) – công trình sáng tạo sau cùng của Đức Chúa Trời*. Trong Sáng Thế Ký 1, sau khi biển và hạt giống, các vì sao và sinh vật dưới biển, chim chóc và muông thú được dựng nên, thì đến công trình sáng tạo tột đỉnh của Đức Chúa Trời: "loài người … người nam cùng người nữ". Hãy để ý rằng cũng chính cảm giác mong đợi ngày càng tăng ấy xuất hiện trong chương kế tiếp, khi hành động sáng tạo thiên tài sau cùng của Đức Chúa Trời ban cho vườn Ê-đen – với đủ cây cỏ, muông thú và người nam duy nhất của nó đã ở sẵn đó – một người nữ tuyệt đẹp. Song song với cao trào sáng tạo đang dâng lên trong Sáng Thế Ký 2 là nỗi khao khát ngày càng sâu đậm của A-đam dành

100. D.A. Carson (chủ biên), Hermeneutics, Authority and Canon, tr. 188

cho người đối diện tương xứng với mình. Không một con vật nào (và ông đã đi qua hết thảy chúng!) hóa ra là tri kỷ của ông. Nhưng khi gặp món quà lớn nhất của Đức Chúa Trời, tạo vật duy nhất được làm nên từ chất liệu vốn đã sống, ông bật lên một bài ca tình yêu bắt đầu bằng những lời cao trào: "Cuối cùng thì đây rồi …!" (*Zōthappa'am … !*)

Như vậy, một cách đọc thẳng thắn Sáng Thế Ký 2 không đi từ thẩm quyền của người nam đến sự thuận phục của người nữ, mà đi từ sự thiếu trọn vẹn của con người đến một sự hiệp nhất và mối quan hệ cộng sự sâu xa. Dù vậy, dường như những người theo quan điểm bổ sung quyết tâm đọc *thêm* vào phân đoạn này. Chẳng hạn như James Hurley, người vào năm 1981 đã đưa ra lập luận rằng những độc giả đầu tiên hẳn đã hiểu việc A-đam có trước là thẩm quyền của ông, do quan niệm cổ xưa về *quyền trưởng nam*, theo đó con trai cả trong gia đình sẽ thừa hưởng gấp đôi phần gia sản mà các em trai nhận được, và sẽ đảm nhận vai trò lãnh đạo gia đình.[101] Nhưng A-đam không được "sinh ra", và Ê-va không phải là em gái ông. Và không ở đâu trong Kinh Thánh quyền trưởng nam được áp dụng cho trật tự sáng tạo hay cho mối quan hệ vợ chồng.

Những nền văn hóa nặng tính phụ quyền bao quanh Y-sơ-ra-ên có những câu chuyện sáng tạo riêng, chẳng hạn câu chuyện sáng tạo Atrahasis của vùng Lưỡng Hà, trong đó Tiamat được mô tả và đã hiện hữu trước Marduk, thế nhưng chế độ phụ quyền vẫn được bênh vực trong nền văn hóa ấy.[102] Rõ ràng, đối với các độc giả cổ xưa của những câu chuyện sáng tạo khác nhau, việc người nam hay người nữ có trước không hề ảnh hưởng đến các giả định của họ về thứ bậc. Hơn nữa, phần còn lại của sách Sáng Thế Ký cho thấy Đức Chúa Trời cố ý đảo ngược quyền trưởng nam vốn có trong văn hóa cổ đại, và thay vào đó ban phước cho những người sinh sau bằng thẩm quyền lãnh đạo (Gia-cốp trên Ê-sau, Giô-sép trên các anh mình).

101. Man and Woman in Biblical Perspective, Zondervan, tr. 207
102. Như Richard Hess lập luận trong "Discovering Biblical Equality", chương 4.

LẬP LUẬN THỨ HAI: NGƯỜI NỮ ĐƯỢC DỰNG NÊN "TỪ NGƯỜI NAM" VÀ "VÌ NGƯỜI NAM"

Phao-lô cũng nói như vậy trong 1 Cô-rinh-tô 11:8-9. Dù chúng ta sẽ khảo sát sâu 1 Cô-rinh-tô 11 trong chương 6, nhưng bây giờ hãy nhớ rằng ông giới hạn câu 8-9 bằng câu 11-12: "Song trong Chúa thì chẳng phải người đàn bà ở ngoài người đàn ông, cũng chẳng phải người đàn ông ở ngoài người đàn bà; vì như người đàn bà đã ra từ người đàn ông, thì người đàn ông cũng sinh bởi người đàn bà."

Trong 1 Cô-rinh-tô 11, dù vẫn giữ sự bổ sung cho nhau giữa nam và nữ, *Phao-lô không lập luận cho sự lệ thuộc của phụ nữ dưới nam giới. Trái lại, ông nhấn mạnh sự tôn trọng lẫn nhau mà phụ nữ và nam giới phải dành cho nhau.* Và quả đúng như vậy – việc Ê-va ra "từ" A-đam cho thấy người nam là nguồn đáng tôn trọng của người nữ; việc Ê-va được dựng nên "vì" A-đam có nghĩa là người nữ là sự hoàn tất đáng tôn trọng của người nam. Bài học cho độc giả nam và độc giả nữ là như nhau: Đức Chúa Trời đã dựng nên mỗi giới để trân quý giới kia và nương tựa lẫn nhau.

Ê-va được dựng nên "vì" A-đam, người tự mình thì không đủ. Điều này không có nghĩa là ông có thẩm quyền trên bà, cũng như khi tôi thuê một gia sư "vì" con trai tôi – tức là cho con tôi – thì người gia sư ấy đâu vì thế mà trở thành kẻ dưới quyền của con tôi.[103]

Đấng Tạo Hóa, Đấng dựng nên Ê-va "từ" A-đam, là Đấng duy nhất có thẩm quyền trên bà. Việc dựng nên Ê-va không giống như việc sinh ra một đứa con. Một đứa trẻ có thể ra từ thân thể chúng ta theo nghĩa là nó "thuộc về" chúng ta và, lúc ban đầu, ở dưới thẩm quyền của chúng ta. Sự ra đời của Ê-va thì khác. Sự tiếp xúc đầu tiên của bà là với Đấng Tạo Hóa của bà. Bà biết Đức Chúa Trời trước khi biết người đối diện tương xứng với mình. Người nam không tham gia cũng không góp ý gì vào việc dựng nên bà. Ông ngủ trong khi bà được tạo thành. Bà được đem đến cho ông khi đã được làm nên trọn vẹn.

103. Tôi cảm ơn bạn tôi là Andrew Bartlett về hình ảnh so sánh này – ông dùng nó trong một bài phê bình Mike Winger.

Nếu xem người nam là thẩm quyền trên bà chỉ vì bà được làm nên từ một phần thân thể ông, thì A-đam cũng phải gọi đất là chủ mình, vì ông được làm nên từ bụi đất. Ngoài ra, nếu cả người nam lẫn người nữ đều là những hành động trực tiếp, riêng tư và có mục đích của Đấng Tạo Hóa, thì chúng ta có thể hỏi Sáng Thế Ký 2 nói gì về *lý do bà được làm nên từ ông chứ không phải từ đất*. Trước đó trong chương này, Đức Chúa Trời không chỉ dựng nên A-đam mà còn dựng nên muông thú và chim chóc từ đất. Nếu Đức Chúa Trời đã dựng nên Ê-va theo cùng một cách, thì điều gì sẽ nối kết bà cách đặc biệt với A-đam? Việc bà được làm nên từ ông chính là điều khiến A-đam sững sờ về Ê-va khi ông tuyên bố rằng bà là xương bởi xương ông, thịt bởi thịt ông.

Nói đến cạnh sườn của ông, những dịch giả chọn chữ "xương sườn" gần như chắc chắn là sai. Gần như mọi chỗ khác dùng từ Hê-bơ-rơ *tsela* đều chỉ về "cạnh bên" của một vật gì đó, thường là một nửa của nó.[104] Bà được làm nên từ cạnh sườn của ông. Năm 1157, ngay trước khi trở thành tổng giám mục tại Paris, Peter Lombard – một người cực kỳ hiếm hoi dám bất đồng với chế độ phụ quyền cổ xưa – đã bình luận đúng đắn về câu này: "Ê-va không được lấy ra từ chân A-đam để làm kẻ dưới quyền ông, cũng không từ đầu ông để làm chủ ông, nhưng từ cạnh sườn ông để làm người cộng sự của ông."[105]

LẬP LUẬN THỨ BA: "NÀNG SẼ ĐƯỢC GỌI LÀ NGƯỜI NỮ"

Grudem lập luận rằng khi A-đam gặp Ê-va và nói: "người này sẽ được gọi là 'người nữ', vì đã được lấy ra từ người nam", thì ông đang đặt tên cho bà; theo Grudem, điều này quan trọng, vì cũng như Đức Chúa Trời thực thi quyền cai trị trên cõi tạo vật bằng cách đặt tên cho nó, A-đam cho thấy quyền lãnh đạo của mình trên loài vật bằng cách đặt tên cho chúng, và như vậy A-đam bày tỏ thẩm quyền của mình trên người nữ bằng cách đặt tên cho bà.

Đừng vội như thế. Đúng là cùng một từ cho "gọi" hay "đặt tên" (*kara*) được dùng cho việc Đức Chúa Trời đặt tên các vật trong Sáng Thế Ký 1 ("ngày", "đêm", "trời", "đất" và "biển") và việc A-đam đặt tên cho muông thú và chim chóc (Sáng Thế Ký 2:19-20). Nhưng hành động phân loại một vật hay

104. Xem www.bit.ly/3mH7w4E
105. Peter Lombard, The Sentences

một loài không tự động là một biểu hiện của thẩm quyền – trừ khi đã được xác lập từ trước rằng người đặt tên có thẩm quyền trên vật ấy.[106] Chẳng hạn, chỉ 13 chương sau,[107] A-ga, một cô tớ gái, *đặt cho Đức Chúa Trời một danh khi bà khám phá ra một điều về Ngài.* Chắc chắn bà không có thẩm quyền trên Đức Chúa Trời. Vì vậy, việc A-đam gọi người nữ là "người nữ" không nhất thiết là bằng chứng của thứ bậc.

Điều nó thật sự chứng minh là ông nhận ra loại đặc biệt của bà – một người giống như chính mình. Trong các ngôn ngữ cổ, tên gọi là sự mô tả về vật, người hay loài được đặt tên. Việc người nam (*ish*) trong Sáng Thế Ký 2 gọi bà là "người nữ" (*ishsha*) đặc biệt khiến cho khó có khả năng ông đang thực thi thẩm quyền. *Hãy để ý sự giống nhau giữa hai danh từ* – A-đam đang nhận ra rằng bà, khác với loài vật, là một người giống như ông và là một người bạn đời thích hợp. *Điều được nhấn mạnh là sự giống nhau của bà, chứ không phải sự thuận phục của bà.* Nói rằng "Em là người giống anh và em làm cho anh trọn vẹn" hầu như không giống với việc nói "Anh nắm quyền trên em". Khó có khả năng chúng ta được chủ ý cho nhận thấy một chuỗi mệnh lệnh giữa nam và nữ trong phân đoạn này, nhất là ngay tại thời điểm A-đam đang ngây ngất – sau khi đi qua cả một đoàn diễu hành dài như rạp xiếc của các loài vật, giờ đây ông đã tìm được người ấy.

Hơn nữa, ngay từ đầu đã ít có dịch giả nào xem chữ "người nữ" là một danh xưng riêng. Trái lại, đó là một danh từ chung mà mọi độc giả cổ xưa đều biết, một cách gọi đơn giản chỉ giới tính nữ. Mãi đến Sáng Thế Ký 3:20, A-đam mới "đặt tên" (một từ khác: *vaiyokra*) cho vợ mình là Ê-va. Việc đặt tên này xảy ra sau sự sa ngã có nghĩa là chúng ta không thể rút ra từ đó bất cứ kết luận nào về cái gọi là thứ bậc trong các mối quan hệ trước sự sa ngã.

106. "Khi Đức Chúa Trời ban một tên cho vật gì, Ngài làm vậy với tư cách là Đấng cai trị tối cao, nhưng bản thân *qārā'* không hàm ý sự vượt trội. Vì vậy, thật là gượng ép khi cho rằng trong việc đặt tên cho loài vật, con người thực thi quyền tối thượng trên chúng. Để điều đó được rõ ràng, người ta cần một sự tương ứng với các chữ 'làm cho phục tùng' và 'quản trị' của chương 1. … Khi đóng vai trò người đặt tên, con người bày tỏ một phẩm chất biết phân biện." (Victor Hamilton, New International Commentary on the Old Testament)

107. Bà gọi danh CHÚA, Đấng đã phán với mình, là: "Ngài là Đức Chúa Trời thấy tôi." (Sáng Thế Ký 16:13)

LẬP LUẬN THỨ TƯ: "NGƯƠI Ở ĐÂU?"

Sau khi đôi vợ chồng đã ăn trái cấm, họ trốn trong vườn, và lúc ấy Đức Chúa Trời gọi người nam: "Ngươi ở đâu?" (Sáng Thế Ký 3:9) Nhưng tại sao Đức Chúa Trời chỉ đến với người nam, mà không đến với cả người nữ? Những người theo quan điểm bổ sung suy luận rằng Đức Chúa Trời, vì biết tội lỗi đã xảy ra, bắt A-đam chịu trách nhiệm. Rốt cuộc, theo lập luận ấy, Đức Chúa Trời chỉ giao quyền cho một mình A-đam.

Nhưng cuộc đối thoại hoàn toàn không diễn ra như thế. Ngài không nói: "Ngươi đã làm gì vậy!" mà nói: "Ngươi ở đâu?" Trong chương hai và chương ba của Sáng Thế Ký, trước giả trình bày Đức Chúa Trời theo lối nhân hình hóa. Đức Chúa Trời đi dạo trong vườn. Ngài nắn nên A-đam bằng tay Ngài. Và ở đây Ngài thật sự muốn biết vì sao Ngài không tìm thấy họ. Dĩ nhiên, về mặt thần học, chúng ta có thể khẳng định rằng Đức Chúa Trời siêu việt và biết mọi sự, nhưng trong bản tường thuật này, khả năng của Đức Chúa Trời trong việc có mối quan hệ thật với chúng ta được làm nổi bật, và điều đó đòi hỏi Ngài đặt câu hỏi như một người thật sự muốn tìm hiểu. Thật vậy, sau câu trả lời của A-đam, Ngài hỏi tiếp hai câu nữa: "Ai đã chỉ cho ngươi biết rằng mình lõa lồ? Ngươi có ăn trái cây mà Ta đã dặn không nên ăn đó chăng?" (câu 11). Cuộc tìm hiểu sự việc của Ngài tiếp tục khi Ngài hỏi Ê-va một điều (câu 13).

Câu hỏi vẫn còn đó: tại sao Đức Chúa Trời nói với A-đam trước, và chỉ với một mình A-đam? Câu trả lời có thể đến khi chúng ta nhận ra một thủ pháp văn chương mà người kể chuyện sử dụng cách tài tình suốt câu chuyện trong vườn: *Đức Chúa Trời chỉ nói chuyện với A-đam, Ê-va và Sa-tan mỗi lần một người.* Có một thứ tự cụ thể cho mọi cuộc tương tác này trong Sáng Thế Ký 3: con rắn lừa dối người nữ, người nữ dẫn người nam đi sai đường. Rồi đến lượt Đức Chúa Trời nói với người nam, người nam đổ lỗi cho người nữ, rồi Ngài nói với người nữ, người nữ đổ lỗi cho con rắn. Sau cùng, Đức Chúa Trời công bố hậu quả cho con rắn, rồi cho người nữ, rồi cho người nam. Thứ tự là: con rắn, người nữ, người nam; người nam, người nữ, con rắn; và con rắn, người nữ, người nam. Nếu Đức Chúa Trời đã nói với người nữ trước, hoặc với cả người nam và người nữ, thì thủ pháp văn chương ấy đã bị phá vỡ.

Việc Đức Chúa Trời chất vấn A-đam rồi đến Ê-va cũng cho phép phản ứng dây chuyền đổ lỗi cho nhau diễn ra – qua đó bày tỏ sự thiếu ăn năn của họ, cũng như tác hại của tội lỗi trên mối quan hệ của đôi vợ chồng.

Sau cùng, mọi lập luận cho rằng thứ tự những người được Đức Chúa Trời nói chuyện cho thấy Ngài thừa nhận một chuỗi thẩm quyền đều sụp đổ khi đặt hai vòng tương tác của Đức Chúa Trời với ba nhân vật cạnh nhau. Sau những cuộc chất vấn đầu tiên của Đức Chúa Trời với người nam – người chỉ tay vào người nữ – rồi với người nữ – người tố cáo Sa-tan – Ngài công bố hậu quả cho từng người trong ba nhân vật, nhưng lần này Ngài đảo ngược thứ tự và nói với A-đam sau cùng. Những ai lập luận rằng việc Đức Chúa Trời nói với A-đam trước tiên (hay sau cùng) nói lên điều gì đó về một thứ bậc được cho là có, thì phải giải thích vì sao điều đó chẳng mang ý nghĩa nào như thế khi Ngài cũng nói với ông sau cùng (hay trước tiên).

Lập luận thứ năm: Ezer kenegdo

"CHÚA Đức Chúa Trời phán: 'Người nam ở một mình thì không tốt; Ta sẽ làm nên một người giúp đỡ thích hợp với nó.'"[108] Câu này là lập luận hàng đầu mà nhiều người dùng để lập luận rằng phụ nữ được định để ở dưới sự lãnh đạo của người nam như một phần của thiết kế tốt lành và ban đầu của Đức Chúa Trời. Như tôi đã nói ở trên, Tuyên bố Danvers, mà ấn bản đầu tiên do John Piper soạn thảo, đưa ra mười khẳng định "giáo lý" về vai trò của nam và nữ, và dùng chỉ một câu này làm câu chứng cho *không dưới bốn* khẳng định trong số đó. John Piper giải thích cách ông hiểu câu này: "Đức Chúa Trời dạy chúng ta rằng người nữ là 'người giúp đỡ' của người nam theo nghĩa là một trợ thủ trung thành và thích hợp trong đời sống nơi vườn."[109] Tương tự, George Knight nói: "Thật hoàn toàn đúng đắn … khi khẳng định rằng nếu một con người được dựng nên để làm người giúp đỡ cho một con người khác, thì người nhận sự giúp đỡ ấy có một thẩm quyền nhất định trên người giúp đỡ mình."[110]

108. Sáng Thế Ký 2:18

109. John Piper và Wayne Grudem (chủ biên), Recovering Biblical Manhood and Womanhood, tr. 79

110. George Knight, The New Testament Teaching on the Role Relationship of Men and Women, tr. 43

Nhưng Knight và Piper đã sai khi kết luận như vậy. Dĩ nhiên một người giúp đỡ có thể là người ở bậc thấp hơn, *nhưng cũng có thể là người ngang hàng hoặc thậm chí ở bậc cao hơn*. Con cái sẽ ra sao nếu không có sự "giúp đỡ" của mẹ chúng, hay học trò sẽ ra sao nếu không có sự "giúp đỡ" của thầy cô? Tuy nhiên, điều đặc biệt thú vị là *từ này không bao giờ chỉ về sự lệ thuộc trong Cựu Ước.* Thật vậy, từ được dịch là "người giúp đỡ" (tiếng Hê-bơ-rơ: *ezer*) chủ yếu được dùng trong Kinh Thánh cho chính *Đức Chúa Trời* giúp đỡ dân Ngài. Trong 19 lần *ezer* xuất hiện trong Cựu Ước ngoài Sáng Thế Ký 2, có 16 lần từ này được dùng cho Đức Chúa Trời[111] trong mối quan hệ của Ngài với Y-sơ-ra-ên như là "Đấng giúp đỡ", và ba lần để chỉ sự trợ giúp quân sự, chẳng hạn quân tiếp viện, mà nếu không có thì trận chiến sẽ thua. *Trong 18 trên 19 trường hợp, người được giúp đỡ không phải là người lãnh đạo của người giúp đỡ.*[112] Trong tám lần dùng như vậy, "người giúp đỡ" là một "cứu tinh", "người bảo vệ" hay "người giải cứu". Trong những lần còn lại, bản chất của sự giúp đỡ là việc góp sức mạnh, thường mang tính quân sự. Vậy, *ezer* cho một người là bù đắp điều người ấy còn thiếu bằng cách góp sức mạnh hay can thiệp của mình.

Vì lý do này, chữ tiếng Anh "helper" (người giúp đỡ) hoàn toàn không đủ để truyền đạt ý nghĩa thật của từ *ezer*. Ngày nay, ý niệm "người giúp đỡ" thường gợi đến một người phụ việc kém năng lực hơn, như người thợ học việc của một nữ thợ điện, đưa cho cô cái tua vít phù hợp. Có lẽ cô ấy tự làm cũng được, nhưng có người giúp những việc nhỏ hơn thì có lợi. Không! *Ezer* phải được dịch là "người giúp đỡ mạnh mẽ", hay tốt hơn nữa là "người cộng sự" – như nhiều bản dịch đã làm, chẳng hạn REB, NAB, NRSV và CEV.

Vậy thì Ê-va giúp đỡ A-đam theo cách nào? Một số người theo quan điểm bổ sung dùng câu này để nói rằng bà giúp ông bằng cách làm mẹ của các con ông và cũng làm người nội trợ nữa. Nhưng đó hoàn toàn không phải là cách chính yếu bà giúp đỡ A-đam trong Sáng Thế Ký 2, nơi ý nghĩa hàng đầu được nêu ra: "Người nam ở một mình thì không tốt; Ta sẽ làm nên một người

111. Xem Xuất Ê-díp-tô Ký 18:4; Phục Truyền Luật Lệ Ký 33:7, 26, 29; Thi Thiên 20:2; 33:20; 70:5; 89:19; 115:9, 10, 11; 121:1, 2; 124:8; 146:5; và Ô-sê 13:9.

112. Ngoại lệ duy nhất có thể là Ê-xê-chi-ên 12:14, nơi nói đến vua xứ Canh-đê không có ai chung quanh giúp đỡ mình trong trận chiến. Dù vậy, điều được nhấn mạnh trong phân đoạn ấy không phải là thẩm quyền của nhà vua trên những người giúp đỡ này, mà là sự hoàn toàn bơ vơ của ông khi không có họ.

giúp đỡ thích hợp với nó." *Bà giúp ông bằng cách giải cứu ông khỏi sự cô đơn.* Bà là bạn đời của ông. Ngoài ra, suy ngẫm rộng hơn một chút cho thấy bà cộng tác với ông trong việc làm điều chúng ta đã biết từ Sáng Thế Ký 1: cả hai người mang hình ảnh Đức Chúa Trời đều được giao sứ mạng phản chiếu Đức Chúa Trời cho thế giới, làm cho hành tinh đầy dẫy người và Ê-đen hóa nó.[113] Ê-va cũng phải cộng tác với A-đam trong nhiệm vụ chăm sóc khu vườn đã được giao cho ông.

Về cốt lõi, bà không được dựng nên để phục vụ ông, nhưng để phục vụ bên cạnh ông. Nếu còn nghi ngờ, hãy xem xét từ được dịch là "thích hợp" (tiếng Hê-bơ-rơ: *kenegdo*). Bà không chỉ là *ezer* của ông, bà là *ezer kenegdo* của ông. Từ này có nghĩa gì? Hóa ra chữ tiếng Anh "suitable" (thích hợp) cũng không đủ để dịch *kenegdo*, y như "helper" không đủ để dịch *ezer*. *Kenegdo* là một cụm từ ghép có nghĩa là *giống như đối diện với ông*. Kathy Keller nói: "Nam và nữ giống như hai mảnh ghép vừa khít với nhau, vì họ không hoàn toàn giống nhau cũng không khác nhau một cách ngẫu nhiên, nhưng được phân biệt sao cho khi ở cùng nhau, họ có thể tạo nên một tổng thể trọn vẹn."[114]

Bà là người cộng sự và đồng minh không thể thiếu của ông. Điều người nam thiếu, người nữ có và bù đắp. Bà không chỉ là một ý nghĩ chợt đến sau, hay một trợ thủ tùy chọn cho một người nam độc lập, tự mình đầy đủ. Bà là bạn đời, là phần bổ sung, là người đối diện tương xứng và là người cộng tác của ông.

Nếu ông ra trận, bà là người cùng chiến đấu với ông. Nếu ông *Ê-đen hóa* thế giới, bà là người cộng tác với ông. Nếu ông nuôi dạy con cái, bà là người cùng làm cha mẹ với ông.[115] Mối quan hệ giữa người nam và người nữ đầu tiên này được định nghĩa bởi sự nâng đỡ lẫn nhau, sự trân trọng lẫn nhau, việc chia sẻ sức mạnh của mình để bổ sung cho người kia, và việc nhận ra

113. Một số học giả chỉ ra rằng từ *ezer* báo trước sự giúp đỡ tối hậu mà bà sẽ đem đến cho người nam: trong chương kế tiếp, chúng ta được cho biết rằng "dòng dõi" của Ê-va sẽ giải cứu loài người, kể cả mọi người nam. Trong một lối chơi chữ thú vị, từ Hê-bơ-rơ cho "dòng dõi" trong Sáng Thế Ký 3:15 có âm gần giống ezer. Theo nghĩa này, bà là cứu tinh của ông, vì bà sẽ sinh ra Cứu Chúa của thế gian.

114. Tim và Kathy Keller, The Meaning of Marriage, chương 6.

115. Thật ra, làm *ezer kenegdo* của một người hàm ý rằng người ấy cũng là như vậy đối với bạn. Người mà bạn giúp đỡ cũng là người giống-như-đối-diện với bạn, là người cùng Ê-đen hóa, cùng mang hình ảnh Đức Chúa Trời, cùng làm cha mẹ và cùng chiến đấu với bạn, y như bạn đối với người ấy, đem đến bất cứ sức mạnh nào anh ấy có mà cô ấy cũng cần để được trọn vẹn.

những điểm giống và khác nơi người bạn thân thiết nhất của mình. Đức Chúa Trời biết rằng chúng tôi – những người con trai, anh em, người chồng và bạn bè – ở một mình thì không tốt, nên Ngài ban cho chúng tôi những đồng minh tốt nhất bằng cách ban cho chúng tôi những người con gái, chị em, người vợ, những người bạn nữ và đồng nghiệp nữ. Không còn bị bỏ lại để làm công việc của Đức Chúa Trời một mình – trong gia đình, trong Hội Thánh hay ngoài thế giới – những người nam như tôi giờ đây có thể vui vẻ, khiêm nhường và biết ơn đứng bên cạnh những người cộng sự và đồng đội chiến đấu của mình. Đó là ý nghĩa của Sáng Thế Ký 2:18.

Bạn có thấy điều này làm lung lay thuyết bổ sung thế nào không? Bốn trong số các khẳng định "giáo lý" của Tuyên bố Danvers bị chao đảo nếu chúng (như tôi tin) được xây dựng trên một cách giải thích sai lầm về Sáng Thế Ký 2:18 như câu chứng được dùng đi dùng lại. Có lẽ Sáng Thế Ký 2:18 là "một người giúp đỡ không thích hợp" cho thuyết bổ sung! Gác lại những câu đùa giải kinh vụng về, tôi hy vọng bạn có thể thấy vì sao việc tìm kiếm dấu hiệu về sự lãnh đạo của người nam trên người nữ trong thế giới chưa sa ngã của Sáng Thế Ký hóa ra là một cuộc săn tìm vô vọng.

NHỮNG VÍ DỤ VỀ EISEGESIS (LỐI GIẢI NGHĨA ÁP ĐẶT)

Khi giải nghĩa, phải tránh *eisegesis* (lối giải nghĩa áp đặt). Chúng ta không được đưa vào một phân đoạn ý nghĩa mà cả tác giả con người lẫn tác giả thiên thượng đều không đặt vào đó. Trái lại, chúng ta phải giải kinh (*exegesis*) cho tốt và nhận ra ý nghĩa đúng của nó.

Khi lần đầu đọc Sáng Thế Ký thời niên thiếu, tôi không để ý thấy điều gì về thẩm quyền của A-đam trên Ê-va cho đến Sáng Thế Ký 3:16. Nhưng khi tôi nghe một vài trong năm suy luận mà tôi đã xử lý trong chương này (và sáu suy luận trong Phụ lục 2), tôi ngày càng thấy hiển nhiên rằng A-đam là người nắm quyền. Tuy nhiên, Walter Brueggemann, trong *Genesis: A Bible Commentary for Teachers and Preachers,* nói rằng: "lối giải kinh như vậy phản bội bản văn và là một ví dụ điển hình cho những cách mà các … tiền giả định của chúng ta chi phối việc giải kinh của chúng ta."

Để minh họa sức mạnh có thể gây lầm lạc của các suy luận, hãy tưởng tượng tôi đã được dạy rằng trước sự sa ngã, Ê-va ở trên A-đam và là chủ của ông, dựa trên những lập luận sau: 1) Trong Sáng Thế Ký 1, loài được dựng nên sau cùng thì cai trị, vậy Ê-va, người được dựng nên sau cùng trong Sáng Thế Ký 2, cũng cai trị. 2) Ê-va được gọi là "người giúp đỡ" – một từ phần lớn được dùng cho Đức Chúa Trời, Đấng đến giải cứu người yếu đuối. 3) A-đam được làm nên từ bụi đất, Ê-va từ xác thịt. 4) Trong những nền văn hóa theo tập quán cư trú bên nhà chồng, phụ nữ rời cha mẹ để được ghép vào gia đình chồng, nhưng Sáng Thế Ký 2:24 nói rằng người nam lìa gia đình mình để gắn bó với vợ. 5) Sa-tan biết rằng muốn làm tan bầy chiên thì phải đánh người chăn – và hắn đã làm như vậy. 6) Phải có quyền lực siêu nhiên mới lật đổ được Ê-va, còn chỉ cần một chút áp lực của con người là đủ lật đổ A-đam. 7) Đức Chúa Trời tuyên án Ê-va trước rồi mới đến A-đam, vì bà là người lãnh đạo nên chịu trách nhiệm nhiều nhất. 8) Hậu quả của tội lỗi đối với Ê-va là bà sẽ không còn cai trị nữa; giờ đây ông sẽ cai trị bà.

Nếu đây là sự dạy dỗ lâu đời của giáo hội, có lẽ nhiều hệ phái, từ trên xuống dưới, sẽ tin điều đó. Chồng chất các lập luận và lặp đi lặp lại chúng dường như làm cho chúng có vẻ chính đáng. Tuy nhiên, cả danh sách lập luận của thuyết bổ sung lẫn danh sách tám điểm này đều là ví dụ của cùng một sai lầm: *eisegesis*. Khi chúng ta nối những dấu chấm không được định để nối với nhau, một bức tranh méo mó sẽ hiện ra.

"TRẬT TỰ SÁNG TẠO" ÁP DỤNG CHO TOÀN BỘ CÕI SÁNG TẠO

Nếu người theo quan điểm bổ sung dùng "trật tự sáng tạo" làm cơ sở để cấm phụ nữ lãnh đạo, hay đồng lãnh đạo với người nam, trong Hội Thánh và gia đình – thì điều này cũng áp dụng cho cả xã hội. *Về mặt thần học, sự sáng tạo bao trùm mọi lĩnh vực*. A-đam và Ê-va không chỉ là gia đình đầu tiên và Hội Thánh đầu tiên, họ còn là cộng đồng loài người đầu tiên, hạt giống của chính xã hội. Phần lớn các công trình nghiên cứu về 1 Cô-rinh-tô 11 và 1 Ti-mô-thê 2 đều kết luận rằng Phao-lô dùng A-đam và Ê-va trước sự sa ngã làm nguyên mẫu cho mối quan hệ nam nữ *nói chung*.

Dù không đồng ý với quan điểm của John Piper, tôi khen ông vì sự *nhất quán:* theo ông, sự sáng tạo giới hạn phụ nữ trong các cơ cấu của Hội Thánh *và* của xã hội. Ông trích dẫn một nhà thần học khác với sự tán thành: "Sáng Thế Ký 2 … thuyết phục tôi rằng mối quan hệ nam – nữ tự bản chất là không thể đảo ngược. … [Một] nữ thủ trưởng [có] một nam thư ký … sẽ gây căng thẳng cho nhân tính của cả hai bên … Đây là một phần của … sự sáng tạo, một thực tại sẵn có mà không gì thay đổi được."[116]

Trong một bài viết, How Should Women Lead?[117] Piper lập luận rằng phụ nữ chỉ có thể lãnh đạo người nam một cách "phi cá nhân". Họ có thể ảnh hưởng trên người nam từ xa – chẳng hạn như một nhà quy hoạch đô thị hay một kiến trúc sư thiết kế những con đường hay tòa nhà mà người nam đi qua – nhưng không phải như một trung sĩ huấn luyện. Họ có thể lãnh đạo người nam một cách "không chỉ đạo trực tiếp", như A-bi-ga-in, người đã "thuyết phục Đa-vít đừng giết Na-banh" với "sự tự chế và sự thuận phục đáng kinh ngạc". (Tương tự, một phụ nữ không được trực tiếp dạy giáo lý cho một người nam, mà chỉ qua một cuốn sách bà viết, vì trong trường hợp đó "bà ấy không nhìn tôi và … chỉ đạo tôi cách có thẩm quyền với tư cách một người nữ".[118])

Cũng vậy, Kevin De Young lập luận rằng thiết kế của sự sáng tạo ủng hộ lý tưởng về sự lãnh đạo của người nam trong xã hội.[119] Nếu cách đọc Sáng Thế Ký 2-3 của thuyết bổ sung là đúng, thì chúng ta không dám khuyến khích con gái mình khao khát vươn lên lãnh đạo người nam một cách trực tiếp và cá nhân – không chỉ trong Hội Thánh, mà cả nơi làm việc và trong chính quyền nữa. De Young thậm chí còn khuyên các con gái mình, những người có thể ở bất cứ cấp nào trong "sơ đồ tổ chức của một công ty", chấp nhận rằng kế hoạch của Đức Chúa Trời là "nam lãnh đạo và nữ giúp đỡ". Họ cần đón nhận "nữ tính" và để người nam "lãnh đạo trong tình yêu thương", còn họ thì "khiêm nhường giúp đỡ".[120]

116. John Piper, Recovering Biblical Manhood and Womanhood, tr. 37
117. www.bit.ly/3LPBXQV
118. John Piper trả lời câu hỏi "Ông có dùng những sách giải nghĩa Kinh Thánh do phụ nữ viết không?" ("Do You Use Bible Commentaries Written by Women?") bằng cách nói: "Có sự xen vào của một hiện tượng gọi là *sách* và *chữ viết*, đặt người phụ nữ là tác giả ra ngoài tầm mắt của người đọc và, theo một nghĩa nào đó, lấy đi chiều kích nhân vị nữ của bà ấy."
119. Tôi phê bình bài viết của Kevin De Young, "*Death to the Patriarchy?*", tại đây: www.bit.ly/3LQLN4W.

Cách giải thích này áp đặt một sự hạn chế nặng nề biết bao trên những lựa chọn nghề nghiệp của con gái chúng ta! Thật nhẹ nhõm, tôi tin chắc rằng Piper và De Young đã đọc sai Sáng Thế Ký 2. Dù chỉ vì sự phát triển nghề nghiệp của phụ nữ, tôi cũng tha thiết xin những người bạn theo quan điểm bổ sung của tôi ít nhất hãy xem xét khả năng rằng thứ bậc giới tính có thể không hề có trong Sáng Thế Ký 2. Chuyển sang Sáng Thế Ký 3 sẽ giúp chúng ta cuối cùng đi đến kết luận ấy.

NGUỒN GỐC CỦA CHẾ ĐỘ PHỤ QUYỀN

Nếu chế độ phụ quyền không phải là một phần trong thiết kế mà Đức Chúa Trời đã định, thì tại sao gần như mọi nền văn hóa trong lịch sử đều thực hành nó? Sáng Thế Ký 3 đưa ra một câu trả lời thần học.

Trong khi nước trái cây còn nhỏ giọt trên cằm A-đam và Ê-va, Đức Chúa Trời phán với con rắn, với người nữ và với người nam. Ngài cảnh báo họ về hậu quả của những hành động của họ và chuẩn bị cho họ đối diện với những hậu quả ấy. Ngài phán với người nữ: "Sự khao khát của ngươi sẽ hướng về chồng ngươi, và chồng sẽ cai trị ngươi."[121] Điều gì đang xảy ra ở đây?

Những người theo quan điểm bổ sung nói rằng, vì sự sa ngã, sự cai trị nhân từ của người nam trên vợ mình trước sự sa ngã giờ đây biến thành sự bạo ngược. Theo quan điểm này, từ "cai trị" (tiếng Hê-bơ-rơ: *mashal*) ở đây có nghĩa là *sự cai trị áp bức*. Thay vì lãnh đạo theo cách tin kính, ông sẽ thống trị bà. Điều từng tốt đẹp (sự lãnh đạo đầy yêu thương của ông trên bà) đã biến thành một điều tàn bạo và bóc lột.

120. Trong "Men and Women in the Church", chương 9, De Young cho biết điều ông dạy các con mình: "Nam lãnh đạo và nữ giúp đỡ là điều mà người nam và người nữ phải chủ ý tìm kiếm và sẵn lòng chấp nhận. Ngay cả ở nơi làm việc, nơi sơ đồ tổ chức của một công ty có thể đặt nam và nữ ở mọi cấp bậc, tôi tin rằng vẫn có cách để Cơ Đốc nhân đón nhận nam tính và nữ tính một cách thích hợp. … Một người nam lãnh đạo trong tình yêu thương sẽ giúp người nữ dễ dàng khiêm nhường giúp đỡ hơn nhiều." Đây là một thông điệp lẫn lộn, trong đó nhận xét này bị nhận xét kia vô hiệu hóa: 1) Phụ nữ có thể thấy mình đang lãnh đạo người nam trong xã hội. 2) Nhưng *thật ra* phụ nữ nên khuyến khích người nam lãnh đạo. (Sau đó ông còn đọc sai nghiêm trọng câu chuyện về Đê-bô-ra, cho rằng bà đang cố trao quyền lãnh đạo của mình cho Ba-rác – tôi sẽ phản bác cách giải thích sai này trong chương 10.)
121. Sáng Thế Ký 3:16

Nhưng có thật đó là điều Đức Chúa Trời đang phán không? Điều được truyền đạt rõ ràng là A-đam, do hậu quả của sự sa ngã, giờ đây sẽ nắm quyền lãnh đạo trên Ê-va (và, suy rộng ra, người nam sẽ nắm quyền lãnh đạo trên người nữ). Sáng Thế Ký 1:26-28 đã bày tỏ lý tưởng của Đức Chúa Trời là người nam cai trị *bên cạnh* người nữ. Thật u tối biết bao khi trong cõi sáng tạo đã sa ngã, người nam lại cai trị *trên* người nữ.

Từ Hê-bơ-rơ *mashal* không có nghĩa là áp bức như một số người theo quan điểm bổ sung lập luận. Trái lại, nó có nghĩa là trị vì, cai trị, cai quản, làm chủ hay lãnh đạo. Trong 81 lần xuất hiện trong Cựu Ước, nó đơn giản có nghĩa là sự lãnh đạo hay sự cai trị: trong lần xuất hiện đầu tiên, mặt trời "cai quản" ban đêm và ban ngày; trong lần cuối cùng, một vua-thầy tế lễ "cai trị" dân của Đức Chúa Trời.[122] Cả hai bộ từ điển lớn về tiếng Hê-bơ-rơ Kinh Thánh, vốn phân tích mọi lần từ này xuất hiện trong Cựu Ước, đều không liệt kê một nghĩa tiêu cực nào cho nó. Trừ khi được gắn với một từ bổ nghĩa như "khắc nghiệt", khái niệm ngữ nghĩa cốt lõi của nó không bao hàm sự áp bức hay bạo ngược. Đức Chúa Trời phán rằng một dấu hiệu cho thấy thế giới đã đi sai đường là người nam sẽ nắm quyền cai trị người nữ chỉ vì họ là phụ nữ. Dù sự cai trị lạm quyền của người nam tệ hơn sự cai trị nhân từ của người nam, cả hai đều không phải là lý tưởng của Đức Chúa Trời. Chỉ riêng sự kiện mối quan hệ giữa nam và nữ, do hậu quả của sự sa ngã, đã trở nên bất bình đẳng và dựa trên quyền lực cũng đã đủ khủng khiếp rồi.

Trong hai câu tiếp theo, hậu quả A-đam phải đối diện là chính đất mà từ đó ông đã được lấy ra lúc ban đầu, giờ đây chỉ sinh ra lương thực với cái giá là máu ông rỉ ra vì gai đâm và mồ hôi trên trán ông. Đặt cạnh nhau, hậu quả của Ê-va và của A-đam song song với nhau: A-đam giờ đây sẽ bị lệ thuộc vào nguồn của mình (đất), còn Ê-va giờ đây sẽ bị lệ thuộc vào nguồn của mình (A-đam). Đây là nguồn gốc thật sự của chế độ phụ quyền – một tình trạng mặc định tai hại, diễn ra trong mọi xã hội sa ngã, nơi người nam nắm quyền kiểm soát người nữ.

122. Hãy tự kiểm chứng: www.bit.ly/3nVjfvA.

"Sự khao khát" của Ê-va là gì?

Việc Ê-va sẽ "khao khát" (tiếng Hê-bơ-rơ: teshuqah) A-đam có nghĩa là gì? Các học giả Kinh Thánh đề xuất ba khả năng chính. Chúng ta hãy lần lượt khảo sát từng khả năng.

Sự khao khát tự nhiên. Quan điểm này xem sự khao khát hay lòng gắn bó của Ê-va đối với người nam của bà là tự nhiên, thậm chí do Đức Chúa Trời định. Ngữ cảnh của các câu 16-19 cho thấy đó là một sự khao khát tự nhiên, dù bị cản trở: người nữ sinh con cái ra đời, một điều tốt đẹp, nhưng sau sự sa ngã thì có sự đau đớn khủng khiếp. Tương tự, người nam lấy lương thực từ đất như trước, nhưng giờ đây gai góc của đất cản trở ông – thật vậy, giờ đây đất sẽ nuốt ông trong sự chết. *Mỗi điều này đều báo trước rằng một sự theo đuổi do Đức Chúa Trời ban sẽ bị trật hướng.* Vậy theo cùng hướng ấy, sự khao khát của bà đối với người bạn đời là tự nhiên, nhưng đáng tiếc lại bị ngăn trở bởi quyết tâm cai trị bà của ông.

Sự khao khát thái quá. Quan điểm này điều chỉnh quan điểm trước, cho rằng sự khao khát hay lòng gắn bó mà Đức Chúa Trời ban cho người nữ đối với người nam của mình trở thành sự thờ thần tượng sau sự sa ngã. Giống như nàng công chúa của Disney chờ được tình yêu đích thực của lòng mình giải cứu, quan điểm này cho rằng đó là lý do một người nữ thường tự quấn chặt mình vào một người nam về mặt xã hội, tìm căn tính chủ yếu của mình trong sự chấp nhận và vòng tay của người ấy thay vì của Đức Chúa Trời. Điều này sẽ hoặc khiến bà trở nên đòi hỏi, hoặc, như Calvin gợi ý, trở nên quỵ lụy: buông xuôi không chút khí phách trước mọi ý muốn của chồng.

Sự khao khát nổi loạn. Theo cách giải thích này, bà khao khát thống trị ông và ông đáp trả tương tự – và một cuộc chiến giữa hai giới bắt đầu. Những người không theo quan điểm bổ sung mà giữ quan điểm này nói rằng "hai người từng cùng trị vì như một [giờ đây] cố cai trị lẫn nhau",[123] dù người nam sẽ thắng thế. Những người theo quan điểm bổ sung đọc câu này như sự nổi loạn của Ê-va chống lại sự cai trị của A-đam vốn đã có trước đó và do Đức

123. Victor Hamilton, New International Commentary on the Old Testament.

Chúa Trời định – sự cai trị mà giờ đây trở nên bạo ngược. Grudem nói: "Sự méo mó nằm ở chỗ giờ đây Ê-va sẽ nổi loạn chống lại thẩm quyền của chồng mình. Bà có một sự thôi thúc và xung lực bên trong để chống đối A-đam, để kháng cự sự lãnh đạo của A-đam. Xung lực, sự khao khát và ý chí của bà đều chống lại chồng mình." Vì Grudem là một thành viên trong ủy ban phiên dịch của bản ESV, nên không có gì ngạc nhiên khi bản ESV dịch câu này là: "Sự khao khát của ngươi sẽ *chống lại* chồng ngươi."

Quan điểm nào đúng? Tôi đã dao động giữa quan điểm thứ nhất và thứ hai, tuy nhiên tôi thật sự nghi ngờ quan điểm thứ ba, nhất là phiên bản của thuyết bổ sung. Vì sáu lý do mà tôi sắp xếp theo mức độ nặng ký gần như tăng dần:

Thứ nhất, những hàm ý của cách giải thích này độc hại một cách tinh vi. Nó ngụ ý rằng lý do A-đam kiểm soát Ê-va là vì bà cứ gây chuyện với ông. Theo quan điểm này, dù sự cai trị của ông có thể khắc nghiệt, nhưng vẫn có thể hiểu được – còn cách nào khác để đối phó với một kẻ dưới quyền ngang ngạnh?

Thứ hai, trong câu trước đó, nơi mô tả một cuộc chiến giành quyền thống trị hai chiều, Đức Chúa Trời đã nói rõ điều đó: "Ta sẽ làm cho [con rắn] cùng người nữ nghịch thù nhau." Nếu Sáng Thế Ký 3:16 mô tả một "cuộc chiến giữa hai giới" hai chiều song song như thế, thì tại sao Đức Chúa Trời không phán thêm: "Người nữ và người nam sẽ nghịch thù nhau"? Trong phân đoạn này, quyền thống trị dường như chỉ chảy theo một chiều.

Thứ ba, "khao khát kiểm soát" là một cách dịch mới. Số ít bản dịch gần đây (chẳng hạn NLT) chọn "khao khát kiểm soát" đều đi theo một bài viết năm 1975 có tựa đề *What is Woman's Desire?*[124] Bài viết này ghi nhận rằng cùng một từ hiếm gặp cho sự khao khát trong Sáng Thế Ký 3:16 lại được dùng trong Sáng Thế Ký 4:7, khi Ca-in được bảo rằng tội lỗi đang rình chực trước cửa và *khao khát* Ca-in, nhưng Ca-in phải cai trị nó. Bài viết kết luận rằng trong cả hai trường hợp, từ này phải có nghĩa là "khao khát kiểm soát". Tuy nhiên, ngữ cảnh của hai phân đoạn này khá khác nhau.[125] Chẳng hạn, trong phân đoạn thứ nhất, Ê-va được cảnh báo rằng một người khác sẽ cai trị bà do hậu quả

124. Xem www.bit.ly/3mHetTi
125. Xem www.bit.ly/2YguUMU

tội lỗi của bà. Trong phân đoạn thứ hai, Ca-in được truyền lệnh phải cai trị, để ngăn ngừa tội lỗi. Thật là bấp bênh khi dùng ngữ cảnh để đọc một ý nghĩa vào một từ trong một phân đoạn, rồi đem ý nghĩa ấy sang một phân đoạn khác có ngữ cảnh khác.[126]

Thứ tư, việc bản ESV chọn "khao khát … chống lại" không chỉ kỳ lạ và có lẽ sai,[127] mà còn đảo ngược ý nghĩa: sự chống đối nằm nơi người nam đối với người nữ. Như cơn đau sinh nở làm cho việc bà sinh con ra đời thêm khó khăn, thì vai trò làm chủ bà mà ông tự áp đặt cũng đi ngược lại sự khao khát hay lòng gắn bó của bà đối với ông, dù là tự nhiên hay mang tính thờ thần tượng. Nỗi thống khổ trong trường hợp sau không đến từ cơn đau sinh nở, mà từ sự cai trị ông áp đặt.

Thứ năm, dù có thể xảy ra, nhưng khó có khả năng từ này mang một nghĩa đối với tác giả sách Sáng Thế Ký và một nghĩa khác hẳn đối với tác giả sách Nhã Ca. Nếu chúng ta cố hài hòa ý nghĩa cốt lõi của *teshuqah* trong Sáng Thế Ký 4:7 và trong Nhã Ca 7:10 – "Tôi thuộc về người yêu dấu tôi, và [*teshuqah*] của chàng hướng về tôi" – chúng ta sẽ kết luận rằng có lẽ nó chỉ về hoặc một sự khao khát tự nhiên mạnh mẽ, hoặc một lòng gắn bó trọn vẹn, chứ không phải một sự khao khát thống trị (trừ khi chúng ta nghĩ rằng sách Nhã Ca ca ngợi một hình thức tình dục hay tình yêu dựa trên quyền lực). Ngoài ra, dù ngữ cảnh của Sáng Thế Ký 3:16 và Nhã Ca 7:10 khác nhau, cả hai đều nói về mối quan hệ giữa người nữ và người nam.

Thứ sáu, gần như mọi nhà giải kinh và dịch giả trong quá khứ và hiện tại đều hiểu từ *teshuqah* có nghĩa là "quay về" hoặc "khao khát".[128] Walter Kaiser chỉ ra rằng trước khi tu sĩ người Ý Pagnino năm 1528 dịch từ này với nghĩa "khao khát", thì *cả* mười hai bản dịch cổ được biết đến đều chọn nghĩa "quay về".[129] Dù ảnh hưởng của Pagnino vẫn chiếm ưu thế trong các bản dịch hiện nay, một học giả hàng đầu về tiếng Hê-bơ-rơ Kinh Thánh là Andrew

126. Thế nhưng Wayne Grudem biết điều này: về một phân đoạn khác, ông viết rằng "đó là một sai lầm căn bản trong việc giải nghĩa" khi "đem ngữ cảnh của một từ được dùng trong trường hợp này vào cách dùng từ ấy trong một trường hợp khác." (Evangelical Feminism, 5.10)
127. Việc thay chữ "for" (hướng về) bằng chữ "contrary" (chống lại) trong trường hợp này là dịch sai giới từ Hê-bơ-rơ *el*. Mary Convoy và Matt Lynch phê bình rất hay sai lầm này – xem www.bit.ly/3T8fjGz và www.bit.ly/3MNDPdz
128. Xem hai bài viết của Marg Mowczko: www.bit.ly/3ghuPAZ và www.bit.ly/3yW4kI3
129. Hard Sayings of the Bible, tr. 98.

Macintosh lập luận rằng nó có nghĩa là "gắn bó trọn vẹn" (theo nghĩa hướng sự chú ý về một điều gì với một tâm trí duy nhất).[130] Điều này hoàn tất ẩn dụ đáng sợ trong Sáng Thế Ký 4:7: tội lỗi, như một con thú săn mồi đang rình chực, "đã khóa chặt mục tiêu", và Ca-in, giờ đã được cảnh báo, phải làm chủ kẻ đang chực tấn công mình. Nó cũng hợp với sách Nhã Ca – "chàng gắn bó trọn vẹn với riêng tôi". Về Sáng Thế Ký 3:16, nó làm cho quan điểm thứ hai thêm đáng tin: "ngươi sẽ quay khỏi [Đức Chúa Trời] mà hướng về chồng ngươi."[131] Đọc theo cách này, không phân đoạn nào trong số này hàm ý sự thống trị.

Há đây chẳng phải là bi kịch thật sự của quyền lực tội lỗi trong mối quan hệ nam nữ sao? Theo quan điểm thứ hai – lựa chọn của tôi – vẻ đẹp của cuộc gặp gỡ đầu tiên của đôi vợ chồng đã bị đảo ngược cách khủng khiếp: người nam từng vui mừng vì tìm được người cộng sự ngang hàng mà ông đã tìm kiếm như món quà của Đức Chúa Trời, thì giờ đây bà sẽ đau đớn khi thấy một ông chủ nơi người nam mà bà trông cậy như một kẻ thay thế Đức Chúa Trời. Thay vì cùng cai trị với người cùng mang hình ảnh Đức Chúa Trời với mình (Sáng Thế Ký 1) và cộng tác với người đối diện tương xứng ngang hàng với mình (Sáng Thế Ký 2), người nam sa ngã giờ đây sẽ kiểm soát người nữ, là người khao khát ông như sự trọn vẹn của mình (Sáng Thế Ký 3:16). Bị tội lỗi làm bại hoại, cả người nữ lẫn người nam đều sẽ mất đi một phần mối quan hệ cộng sự thân mật mà Đức Chúa Trời đã định từ ban đầu.

Một câu hỏi sau cùng về Sáng Thế Ký 3:16. Đây là một lời rủa sả, một mệnh lệnh, hay một sự mô tả? Đây không phải là lời rủa sả. Con rắn và đất bị rủa sả vì tội lỗi của loài người, nhưng người nam và người nữ thì không. Đây cũng không phải là một mệnh lệnh. Đức Chúa Trời không truyền lệnh cho người nam áp bức người nữ, hay cho người nữ phải đau đớn khi sinh con. Trái lại, đó là một sự mô tả. Do hậu quả của sự đổ vỡ trong mối quan hệ giữa loài người

130. "The Meaning of Hebrew תְּשׁוּקָה," *Journal of Semitic Studies* LXI/2 (2016), tr. 365-87.
131. Katharine Bushnell, một nữ giáo sĩ truyền giáo tại Trung Quốc vào khoảng đầu thế kỷ 20, giữ quan điểm này. Thay vì "khao khát", bà thích dịch từ này là "quay về". Bà dịch câu này như sau: "Ngươi đang quay đi hướng về chồng ngươi, và chồng sẽ cai trị ngươi." Trước sự sa ngã, cả A-đam và Ê-va đều thuận phục thẩm quyền của Đức Chúa Trời. Sau sự sa ngã, vì tội lỗi, người nữ giờ đây sẽ quay về chồng mình trước tiên. (Nguồn: Kristen Du Mez, A New Gospel for Women, tr. 121)

với Đức Chúa Trời trong vườn, đây là một sự méo mó cụ thể sẽ trở nên phổ biến trong các mối quan hệ giữa con người.

Dù mối quan hệ đổ vỡ giữa hai giới khủng khiếp đến đâu, chúng ta vẫn có thể và phải chống lại nó. Chúng ta nên làm những gì có thể để loại bỏ sự thống trị, cảm giác thấp kém đè nén, sự tự tôn độc hại và sự thờ thần tượng ra khỏi các mối quan hệ của mình, y như chúng ta tìm cách làm cho việc sinh con bớt nguy hiểm và đau đớn, và như chúng ta bón phân và diệt cỏ dại khi canh tác đất đai.

NGƯỜI NAM VÀ NGƯỜI NỮ

Rốt cuộc, phải có "dòng dõi" của Ê-va mới phục hồi được mối quan hệ nam nữ. Chúng ta sẽ đến với điều đó trong chương 5. Cho đến lúc ấy, đừng quên lý tưởng của Đức Chúa Trời: trong cuộc chiến chống lại thứ bậc giới tính, chúng ta có một tấm gương đầy cảm hứng để hướng tới: cuộc gặp gỡ đầu tiên tuyệt vời của A-đam và Ê-va. Richard Davidson, trong công trình nghiên cứu đồ sộ của ông về giới tính và tính dục trong Cựu Ước, nhận xét:

Sự sáng tạo người nam ở đầu câu chuyện và sự sáng tạo người nữ ở cuối câu chuyện cân bằng nhau một cách hoàn hảo. Người kể chuyện dùng đúng cùng một số lượng chữ (trong tiếng Hê-bơ-rơ) để mô tả sự sáng tạo người nam như để mô tả sự sáng tạo người nữ. Chuyển động trong Sáng Thế Ký 2 không đi từ bậc trên xuống bậc dưới, hay từ sự lãnh đạo đến sự thuận phục, mà từ sự chưa trọn vẹn đến sự trọn vẹn. Người nữ được dựng nên như cao điểm, như đỉnh cao của câu chuyện, và như người hoàn toàn ngang hàng với A-đam.[132]

Không ở đâu trong Sáng Thế Ký 2 người nam được ban thẩm quyền trên bà, cũng không có chỗ nào bảo ông lãnh đạo bà, hay bảo bà vâng lời ông. Điều rõ ràng là đến cuối Sáng Thế Ký 2, ông có một người cộng sự để giải thoát ông khỏi sự cô đơn và cộng tác với ông trong cùng một ơn gọi mà ông đã nhận trước đó.

132. Richard Davidson, Flame of Yahweh, chương 2.

Hãy xem lời kết thần học ở cuối Sáng Thế Ký 2. Nếu cách đọc chương này của thuyết bổ sung là đúng, thì nhiều khả năng câu ấy sẽ nói: "Bởi vậy cho nên người nam … sẽ nắm quyền trên vợ mình." Thay vào đó, câu chốt lại là câu được trích dẫn trong mọi đám cưới Cơ Đốc: "Bởi vậy cho nên người nam … sẽ gắn bó với vợ mình, và cả hai sẽ trở nên một thịt." Những chữ "gắn bó" và "một thịt" xác nhận rằng chương này dạy về sự tương hỗ và sự trọn vẹn, chứ không phải sự cai trị hay quyền chỉ huy.

Phao-lô dường như xác nhận nhận thức này: sau khi nhắc đến Sáng Thế Ký 2:24 trong 1 Cô-rinh-tô 6, chỉ vài câu sau, trong 1 Cô-rinh-tô 7, ông nói rõ: "Người vợ không có thẩm quyền trên thân thể mình, nhưng nhường nó cho chồng. … Người chồng không có thẩm quyền trên thân thể mình, nhưng nhường nó cho vợ." Theo cách Phao-lô đọc Sáng Thế Ký 2, vì hai vợ chồng là một thịt, nên cả hai đều có cùng quyền tiếp cận và cùng thẩm quyền trên một thịt ấy.[133]

Như vậy, Sáng Thế Ký 2 không dạy rằng sự lãnh đạo là điều vốn có nơi nam tính, còn sự thuận phục là điều vốn có nơi nữ tính. Trái lại, điều nó khẳng định là sự hiệp nhất, sự tương hỗ và sự bình đẳng giữa nam và nữ – chứ không phải thứ bậc.

Lần đầu tiên có nhắc đến bất kỳ sự lệ thuộc nào của phụ nữ dưới nam giới là trong Sáng Thế Ký 3:16, khi người nam được nói là sẽ "cai trị" người nữ *như một hậu quả của tội lỗi*. Nếu Đức Chúa Trời đã hoạch định cho người nam lãnh đạo người nữ, thì há Ngài lại không đưa điều đó vào những bản văn này, với ít nhất một nửa sự rõ ràng mà Ngài dành cho hai lần nhắc đến thẩm quyền khác sao: thẩm quyền nhân từ của loài người chưa sa ngã trên cõi tạo vật, và thẩm quyền tự áp đặt của người nam sa ngã trên người nữ? Việc không có điều gì khác về thẩm quyền cho thấy rõ rằng, theo lý tưởng của Đức Chúa Trời, chỉ một mình Đức Chúa Trời có thẩm quyền trên loài người; còn người nam và người nữ có một quyền đồng cai quản do Đức Chúa Trời ban để phục vụ chứ không bóc lột lẫn nhau, và để cùng nhau cộng sự mà phục vụ phần còn lại của cõi tạo vật.

Thôi thấy điều không có, rồi mới thấy

133. Cảm ơn Andrew Bartlett, người trong lúc trao đổi trực tiếp với tôi đã giúp tôi thấy mối liên hệ này giữa 1 Cô-rinh-tô 6:16 và 7:4.

Khi đã bắt đầu *thấy* một điều không hề có trong một bản văn Kinh Thánh, chúng ta cần Đức Chúa Trời giúp để *thôi thấy* điều đó. Do giáo hội trong lịch sử đã dạy rằng "phụ nữ ở vị trí lệ thuộc vì họ thấp kém hơn", phần lớn các nhà giải kinh thời cổ đã đọc sự thấp kém của phụ nữ vào những bản tường thuật trước sự sa ngã này, nhằm khẳng định việc họ khước từ sự lãnh đạo của phụ nữ trong Hội Thánh và xã hội. Tuy nhiên, từ vị trí quan sát đầy đặc ân của mình, ngày nay chúng ta biết rằng các thế hệ trước chỉ đơn giản đang đọc bản văn qua đôi mắt của chính những nền văn hóa phụ quyền, khinh miệt phụ nữ của họ. Thay vì đứng lên chống lại nền văn hóa đang tràn ngập chung quanh, họ đã đầu hàng nó.

Thế nhưng, bởi ân điển của Đức Chúa Trời, không chỉ giáo phụ Chrysostom[134] mà cả Luther, người sáng lập đạo Tin Lành, cũng đã thấy Sáng Thế Ký 2-3 đủ rõ. Dù Luther nhìn chung có cái nhìn thấp kém về phụ nữ, theo thời gian ông đã có thể "thôi thấy" điều không có trong Sáng Thế Ký 2-3 và trân trọng trọn vẹn điều thật sự có ở đó. Khi còn trẻ và chưa lập gia đình, năm 1523 ông giảng qua sách Sáng Thế Ký, chấp nhận không chút nghi vấn quan điểm lâu đời rằng Ê-va được dựng nên để thuận phục chồng. Ông giải thích việc A-đam đặt tên cho Ê-va là dấu hiệu cho thấy bà lệ thuộc vào ông. Ông viết về bà như "một người đàn bà nhỏ bé yếu đuối" bị trí tuệ của chồng làm lu mờ, và quy sự sa ngã của A-đam cho việc bà dễ bị tà thuyết của Sa-tan dụ dỗ.

Nhưng khi đã lớn tuổi hơn nhiều và đã lập gia đình, ông lại giảng cùng phân đoạn ấy một lần nữa. Lần này ông thấy nó khác đi. Như một sử gia tóm tắt sứ điệp của ông: "Ê-va đã trở thành một người phụ nữ anh hùng, một triết gia xuất sắc, giữ một vai trò ngang hàng trong gia đình, và cai trị cõi tạo vật trong mối quan hệ cộng sự bình đẳng với chồng mình. Khi nhấn mạnh những phương diện mà Ê-va ngang hàng với A-đam trước sự sa ngã, những suy tưởng của Luther đã vượt xa mọi nhà thần học đi trước ông."[135]

134. Chẳng hạn, Chrysostom nhận xét về Sáng Thế Ký 2 rằng "Ê-va không bị đặt dưới quyền ngay khi vừa được dựng nên; và khi Đức Chúa Trời đem bà đến với người nam, bà cũng không nghe điều gì như thế từ Đức Chúa Trời, và người nam cũng không nói với bà lời nào như thế: ông nói rằng bà là xương bởi xương ông, thịt bởi thịt ông." (1 Corinthians, Homily 26)
135. Mickey Mattox, Defender of the Most Holy Matriarchs: Martin Luther's Interpretation of the Women of Genesis, tr. 252-53 (Trích dẫn trong Davidson, Flame of Yahweh, chương 2, chú thích 23.)

Bởi ân điển của Đức Chúa Trời, điều mà Luther – người ngập đến cổ trong nền văn hóa khinh miệt phụ nữ của mình – đã có thể thoáng thấy trong Sáng Thế Ký 2, thì tôi cũng đã được ban cho để thấy. Trong rất nhiều chặng hành trình thần học của tôi, sự hiểu biết Kinh Thánh của tôi được cải thiện khi tôi thừa nhận rằng mình đã đọc vào Kinh Thánh một điều đơn giản là không có ở đó.

Tôi có thể nhớ rõ mồn một cái đêm cuối cùng tôi đã thấy điều Sáng Thế Ký 2 thật sự dạy. Tôi đã từng rất chắc chắn rằng sự lãnh đạo của người nam có trong khu vườn chưa sa ngã, nhưng (lần đầu tiên) tôi sẵn lòng ít nhất là lắng nghe vì sao điều đó có thể không đúng. Khi đã bắt đầu viết một phần bản nghiên cứu của Hội Thánh chúng tôi về đề tài này, tôi bắt tay lập một bảng liệt kê các lập luận ủng hộ và phản đối – hoàn toàn không chuẩn bị cho điều xảy ra tiếp theo. Khi suy ngẫm về từng lập luận, một sự nhận biết dần dần bắt đầu thành hình, và tôi buột miệng thốt lên: "Trời ơi – nó không có ở đây. Ê-va ngang hàng với A-đam về mọi mặt!"[136] Đúng lúc ấy, vợ tôi đi ngang qua, hơi bối rối trước tiếng thốt lên bất ngờ của tôi. Tôi muốn giải thích cho cô ấy điều tôi đang trải qua, và điều tôi vừa (thôi) thấy trong Kinh Thánh, nhưng trước khi lời nói kịp thốt ra khỏi miệng, nước mắt đã lăn dài trên má tôi. Vì đứng trước mặt tôi là người mà tôi đã thấy không biết bao nhiêu lần, thế nhưng lúc ấy tôi đang *thấy* cô ấy như thể lần đầu. "Em là *ezer kenegdo* của anh – người giúp đỡ mạnh mẽ và người tương xứng trọn vẹn của anh. Em là xương bởi xương anh và thịt bởi thịt anh," tôi nói với cô ấy. "Em mạnh mẽ ở chỗ anh yếu đuối." Khi cây đà hiểu lầm về lý tưởng của Đức Chúa Trời đã được lấy ra khỏi con mắt tâm trí tôi, tôi thoáng thấy vợ mình như Đức Chúa Trời nhìn thấy cô ấy.

Phải chăng ở đây tôi đang liều lĩnh đưa ra những cách giải thích quái lạ về Sáng Thế Ký 1-2 mà Chrysostom, Luther và giờ đây là tôi đã chấp nhận cách không chính đáng? Hoàn toàn không – trong cuốn sách có lẽ là uy tín nhất của một học giả bảo thủ về thần học bàn về giới tính và tính dục trong Cựu Ước, Richard Davidson giữ chính xác cùng quan điểm mà tôi đã trình bày

136. Làm thế nào mà một văn kiện như Sáng Thế Ký 1-3 lại có thể được viết ra trong một thế giới phụ quyền triệt để như vậy, mà vẫn không vướng chút phụ quyền nào – điều đó thật sự khiến tôi choáng ngợp. Chẳng hạn, hãy so sánh nó với câu chuyện nguồn gốc Atrahasis vào cùng thời kỳ, trong đó cõi sáng tạo hình thành khi nam thần Marduk xé nữ thần Tiamat ra từng mảnh, và các phần thân thể bà trở thành vũ trụ vật chất của chúng ta.

trong chương này, và ông dẫn ra năm mươi công trình nghiên cứu học thuật lớn về Sáng Thế Ký 2 đi đến cùng một kết luận.[137] Thật vậy, "phần lớn các nhà giải kinh ngày nay bác bỏ ý cho rằng Sáng Thế Ký 1-2 đặt người nữ ở vị trí lệ thuộc trước sự sa ngã."[138] Chẳng hạn, bộ *The Book of Genesis: New International Commentary On The Old Testament* mô tả mối quan hệ của đôi vợ chồng cho đến Sáng Thế Ký 3:16 là "một sự trị vì của những người đồng đẳng …", những người "cai trị như một". Cũng vậy, bộ *Genesis: NIV Application Commentary* nhận định rằng "Sáng Thế Ký 2 ... không thiết lập hay trình bày các vai trò giới tính nào. Bất kể có thể rút ra kết luận gì về toàn bộ vấn đề khi xét đến các bản văn Tân Ước, bản văn này quan tâm đến vai trò của con người, chứ không phải vai trò giới tính. Người nam và người nữ cùng nhau phục vụ."

Ngay cả Giáo hội Công giáo La Mã, bộ phận lớn nhất của Hội Thánh trên thế giới, ngày nay cũng dạy về sự bình đẳng "thiết yếu" và "nền tảng" giữa hai giới, và quy sự lệ thuộc của phụ nữ dưới nam giới *hoàn toàn cho sự sa ngã*. Giáo hoàng Gioan Phaolô II nói: "Việc vượt qua di sản xấu xa này" – được nói đến trong Sáng Thế Ký 3:16 – "là nhiệm vụ của mọi Cơ Đốc nhân."[139] Chế độ phụ quyền không phải là một lá bùa của chân lý; trái lại, nó đã tròng vào cổ loài người khi kẻ ác lần đầu tiên trườn vào giữa chúng ta. Nhưng ngợi khen Đức Chúa Trời, Đấng ngay sau sự sa ngã đã hứa rằng một dòng dõi của Ê-va[140] một ngày kia sẽ đến để tháo ách cho dân sự của Đức Chúa Trời, cởi bỏ và phá hủy những xiềng xích áp bức vốn hủy hoại các mối quan hệ, trói buộc biết bao người, và làm méo mó cách chúng ta nhìn nhau.

137. Từ khi ông viết cuốn "Flame of Yahweh", con số đó đã tăng lên. Bên ngoài các trường Kinh Thánh theo quan điểm bổ sung, đây là đồng thuận được chấp nhận của phần lớn các học giả Cựu Ước.
138. Kevin Giles nói như vậy trong What the Bible Actually Teaches on Women, chương 2.
139. John Paul II, Mulieris Dignitatem, tr. 36-41
140. Xem Sáng Thế Ký 3:15.

5

MỐI QUAN HỆ NAM NỮ ĐƯỢC CỨU CHUỘC

"Không ồn ào hay phô trương, Chúa Giê-xu đã chấm dứt sự rủa sả của sự sa ngã, trả lại cho người phụ nữ phẩm giá cao quý mà họ đã phần nào đánh mất, và giành lại cho cộng đồng thuộc Nước Trời mới của Ngài phước lành ban đầu của sự sáng tạo: sự bình đẳng giữa hai giới." John Stott[141]

Tôi sống ở Cape Town, một thành phố cảng lớn ở mũi cực nam châu Phi. Bây giờ, hãy hình dung các con tàu phải định hướng đi ngay lúc rời bến cảng của thành phố – không được phép đổi hướng nữa, chúng buộc phải đến bất cứ nơi nào mà hướng đi ban đầu sau cùng dẫn tới. Chỉ chênh lệch vài độ thôi cũng có thể quyết định con tàu cập bến Rio de Janeiro hay Miami.

Trong chương trước, chúng ta đã so sánh cách đọc Sáng Thế Ký 2 và 3 theo quan điểm bổ sung và theo quan điểm tương hỗ, và nhận ra rằng những người theo quan điểm bổ sung cho rằng quan hệ thẩm quyền – thuận phục giữa nam và nữ vốn luôn là một phần trong công trình sáng tạo tốt lành của Đức Chúa Trời, còn những người theo quan điểm tương hỗ lập luận rằng loại thứ bậc này chỉ xuất hiện lần đầu sau sự sa ngã. Chắc chắn bạn nhận ra đây là những điểm xuất phát *rất* khác nhau. Tùy theo bạn chọn đứng về phía nào, toàn bộ cách bạn nhìn câu chuyện lớn xuyên suốt Kinh Thánh, và quả thật cả những kết luận mà sau cùng bạn đi đến, sẽ chịu ảnh hưởng rất lớn. Nếu xác định sai hướng đi ban đầu của mối quan hệ nam nữ, bạn sẽ không chỉ đến Rio, mà đến tận Nam Cực (dĩ nhiên là nói theo nghĩa bóng)! Đó là điều (theo tôi) thật bi thảm nơi thuyết bổ sung: *điều Đức Chúa Trời đau buồn, thì nhiều bộ phận lớn của Hội Thánh lại lý tưởng hóa*.

141. John Stott, Issues Facing Christians Today, chương 13.

Làm sao chúng ta có thể chắc chắn rằng kế hoạch tốt lành của Đức Chúa Trời cho mối quan hệ nam nữ là đi về phương Bắc, hướng tới thuyết tương hỗ, chứ không phải về phương Nam, hướng tới thuyết bổ sung? May thay, trong câu chuyện Kinh Thánh còn có rất nhiều điều khác, đặc biệt khi sự cứu chuộc hiện ra trọn vẹn, xác nhận hướng đi ban đầu này.

Khi rút ra thần học từ Kinh Thánh, điều then chốt chủ yếu không phải là có bao nhiêu bản văn bàn về một đề tài, mà là nhận ra những phần Kinh Thánh chủ chốt, giống như những cột chịu lực. Chẳng hạn, chúng ta đã thấy ba chương mở đầu của Kinh Thánh quan trọng và phong phú về thần học đến mức nào. Tương tự, khi xây dựng một thần học toàn diện về giới tính trong Tân Ước, có một vài phân đoạn lớn khác mang sức nặng to lớn.

Theo tôi, những phân đoạn ấy gồm: cách Chúa Giê-xu đối xử với phụ nữ; việc Thánh Linh được đổ xuống trên phụ nữ vào Lễ Ngũ Tuần; khải tượng của Phao-lô về nhân loại được cứu chuộc trong Ga-la-ti 3:28; và chỗ đứng của phụ nữ trong sự sáng tạo mới.

MỘT NGƯỜI BẠN CỦA PHỤ NỮ

Trong chương 11, chúng ta sẽ xem xét chức vụ của phụ nữ trong các sách Phúc Âm. Còn bây giờ, hãy xem cụ thể cách Chúa Giê-xu đối xử với phụ nữ. Một trong những khía cạnh đáng kinh ngạc nhất của chức vụ Ngài trên đất là cách Ngài đảo ngược thứ bậc giữa hai giới và phá đổ sự phân biệt giới tính. Thật vậy, phẩm giá triệt để mà Ngài ban cho phụ nữ là điều chưa từng có nơi một nhà lãnh đạo tôn giáo trong thế giới cổ đại. Tôi có một người bạn đã đến với đức tin khi khám phá ra điều này về Chúa Giê-xu. Là một nhà nữ quyền cấp tiến, chị nghiên cứu chế độ phụ quyền trong lịch sử và tò mò muốn biết mỗi vị sáng lập tôn giáo đã cổ xúy sự thống trị của nam giới ra sao – chị sững sờ khi khám phá trong các sách Phúc Âm rằng Chúa Giê-xu là người đầu tiên có tầm ảnh hưởng lớn trong lịch sử đã giải phóng phụ nữ. "Người này là ai?", chị tự hỏi; và bây giờ chị hát ngợi khen Ngài bên cạnh tôi trong Hội Thánh, yêu Ngài sâu đậm.

Hãy so sánh cách Chúa Giê-xu đối xử với phụ nữ với ra-bi Eliezer ở thế kỷ 1, người đã cảnh báo: "Thà đốt các lời của Torah còn hơn giao chúng cho một người đàn bà. Ai dạy Torah cho con gái mình thì như dạy nó sự dâm đãng."[142] Là người hiện đại, chúng ta có thể nghĩ Chúa Giê-xu chỉ tử tế với phụ nữ, nhưng Ngài còn hơn thế nhiều – Ngài là một nhà cách mạng. Do cách đọc sai lầm những chương đầu của Sáng Thế Ký, cộng với chế độ phụ quyền theo sau đã bao trùm mọi ngõ ngách của thế giới thời ấy, các thầy thông giáo và người Pha-ri-si phần lớn quy trách nhiệm cho phụ nữ về điều ác trong thế gian, và tách biệt họ nghiêm ngặt khỏi phần lớn đời sống xã hội và tôn giáo mà chồng, cha và anh em trai của họ được tự do tham dự. Ben Sirach cũng khinh miệt phụ nữ như Eliezer: "Đừng ngồi giữa đám đàn bà; vì mối mọt sinh ra từ áo quần, và sự độc ác của đàn bà sinh ra từ đàn bà. Sự độc ác của đàn ông còn hơn lòng tốt của đàn bà; đàn bà gây ra nỗi xấu hổ và sự sỉ nhục."[143]

Thế nhưng trong các sách Phúc Âm, phụ nữ ở trong số những bạn hữu và môn đồ thân cận nhất của Chúa Giê-xu. Ít nhất trong một chuyến đi chức vụ, cùng với mười hai môn đồ, có Gian-nơ, Su-xan-nơ và Ma-ri Ma-đơ-len đi theo Ngài. Ngài đã giải thoát người sau cùng này khỏi một cuộc đời đầy giày vò. Được nhắc đến không dưới 14 lần trong các sách Phúc Âm, bà là người đầu tiên gặp Chúa Giê-xu vừa sống lại. Khi Ngài gặp bà vào ngày Ngài sống lại, bà nghe lời đầu tiên phát ra từ miệng Chúa phục sinh: "Hỡi người nữ …" Lúc đầu bà không chắc đó là Ngài, nhưng khi Ngài gọi tên bà, theo cách chỉ một mình Ngài có thể gọi, bà nhận ra rằng sự chết không phải là kết thúc, và rằng hẳn bà là một trong những người bạn thân thiết nhất của Ngài.

Chúa Giê-xu người Na-xa-rét là người mở đường trong việc tôn trọng phẩm giá phụ nữ. Trong các sách Phúc Âm, giống như tiên tri Ê-li đã từng làm, Ngài khiến đứa con trai duy nhất của một bà góa sống lại từ cõi chết, vì Ngài thấu hiểu nỗi đau tột cùng của bà khi mất con, cũng như cảnh bơ vơ trong xã hội mà bà sẽ phải chịu sau đó.[144] Một lần khác, Ngài gặp một người phụ nữ đã khổ sở 12 năm vì bệnh rong huyết kinh niên. Bất chấp các luật về sự tinh sạch xem bà là ô uế, bà lén chạm vào gấu áo Ngài. Chúa Giê-xu không màng

142. Mishnah, Sotah 3:4, 19a; 21b

143. Sirach 42:12-14. Ở chỗ khác, Sirach nói rằng con gái là một sự mất mát hoàn toàn và là mối nguy thường trực có thể đem lại nỗi xấu hổ.

144. Lu-ca 7:11-15

đến niềm tin cho rằng điều này nay khiến Ngài bị "ô uế", trái lại Ngài khen ngợi đức tin can đảm đã dám vươn tay tới Ngài và rút lấy quyền năng chữa lành từ Ngài. Rồi vào ngày thứ Sáu khủng khiếp nhất ấy, Chúa Giê-xu nhờ người bạn thân nhất của Ngài chăm sóc chính mẹ Ngài, đúng vào lúc lòng bà đang bị đâm thấu vì con trai bà bị hành hình.

Trái với các ra-bi, những người tránh cả việc nhắc đến phụ nữ, Chúa Giê-xu đưa nhiều nhân vật nữ vào các bài giảng của Ngài. Thật gây sốc, Ngài so sánh niềm vui của Đức Chúa Trời khi chúng ta được cứu với niềm vui của một bà góa tìm lại được đồng bạc bị mất.[145] Ở chỗ khác, Ngài khẳng định rằng sự dạn dĩ chúng ta cần có trong sự cầu nguyện là sự dạn dĩ của một bà góa đi đòi công lý.[146]

Ngài cũng làm nổi bật một số phụ nữ là gương mẫu cho cách đáp ứng đúng đắn với sứ điệp của Ngài. Ngài dùng hành động đầy yêu thương của một kỹ nữ đã được tha thứ để làm hổ thẹn thái độ thiếu hiếu khách của một người Pha-ri-si.[147] Ngài chỉ ra lòng rộng rãi của một bà góa nghèo[148] và khẳng định những người mẹ đem con mình đến để được chúc phước, bất chấp phản ứng của các môn đồ thiếu kiên nhẫn.

Chúa Giê-xu thậm chí còn thách thức những chuẩn mực và luật lệ chưa ai dám chất vấn, vốn khiến phụ nữ phải phó mặc cho ý thích thất thường của đàn ông**.** Một nhóm tôn giáo khắt khe tìm cách gài bẫy Chúa Giê-xu: "Người nam có được phép ly dị vợ mình vì bất cứ lý do gì không?" Chúa Giê-xu đáp lại luật thiên vị giới tính này bằng cách trích dẫn ý định ban đầu của Đức Chúa Trời về hôn nhân: "Người nam sẽ gắn bó với vợ mình, và cả hai sẽ nên một thịt." Họ hỏi tại sao Môi-se lại truyền rằng người nam có thể cho vợ mình tờ ly dị rồi đuổi đi. Câu trả lời của Chúa Giê-xu như một luồng điện: "Vì lòng các ngươi cứng cỏi, nên Môi-se cho phép các ngươi để vợ; *nhưng lúc ban đầu không có như vậy đâu*."[149] Trong hoàn cảnh mà người vợ bị xem là tài sản của người chồng, đàn ông có thể ly dị vợ vì vợ làm hỏng bữa tối hay vì không đủ xinh đẹp, và người vợ bị ly dị phải chịu cảnh khốn khổ trong xã

145. Lu-ca 15:3-10
146. Lu-ca 18:1-8
147. Lu-ca 7:36-50
148. Mác 12:41-44
149. Ma-thi-ơ 19:1-8

hội, Chúa Giê-xu thách thức những người đàn ông nhìn vợ mình như Ngài nhìn họ: là những người có giá trị nội tại, không thể tách rời và không thể thay thế. Điều mà Ê-va là đối với A-đam trước sự sa ngã – một người đối diện tương xứng được trân quý và một người bạn đồng hành ngang hàng – thì vợ họ cũng phải là như vậy đối với họ. Trong tất cả những điều này, Chúa Giê-xu không để cho nền văn hóa sa ngã mà họ đang sống thay đổi định nghĩa của hôn nhân, cũng không ban cho đàn ông đặc quyền cứ thế vứt bỏ những *ezer kenegdos* của mình.

PHỤ NỮ CŨNG LÀ CON NGƯỜI

Về bản chất, phụ nữ không phải là "khác loài" so với đàn ông. Họ có trọn vẹn nhân tính như đàn ông. Họ không cần được đối xử đặc biệt, mà đúng hơn cần được đối xử như con người. Chúa Giê-xu đã làm gương điều này bằng cách không làm ầm ĩ khi tiếp xúc với phụ nữ. Trong các sách Phúc Âm, phụ nữ đơn giản là có mặt ở đó. Đôi khi họ được nêu tên, đôi khi họ ở hậu cảnh. Đôi khi họ nhận. Lúc khác họ cho. Chúa Giê-xu đối xử với họ ngang hàng với đàn ông. Thật phi thường so với thời của Ngài, không có chỗ nào trong các sách Phúc Âm Chúa Giê-xu nói với đàn ông với tư cách là phái nam hay với phụ nữ với tư cách là phái nữ. Ngài cũng không hề dạy gì về vai trò giới tính hay về việc phải ở trong những phạm vi phù hợp với giới tính. Tác giả người Canada Sarah Bessey nói:

Xuyên suốt các ghi chép của các sách Phúc Âm, tôi thấy Chúa Giê-xu không đối xử với phụ nữ khác gì đàn ông, và tôi thích điều đó. Chúng tôi không quý giá đến mức không lời nào tả xiết, mỏng manh như đồ sứ thượng hạng. Chúng tôi không được miễn trừ điều gì, cũng không bị lo lắng một cách tế nhị về khả năng hiểu biết, đóng góp hay làm việc của mình. Phụ nữ không quá dịu ngọt hay yếu đuối đến nỗi không chịu nổi sự cáo trách của Đức Thánh Linh, cũng không quá thích thao túng và dễ ghen tị, bất an và dối trá đến nỗi không thể đẩy lùi vương quốc của bóng tối. Chúa Giê-xu không kẻ cả, và Ngài không hạ mình ban ơn.[150]

150. Sarah Bessey, Jesus Feminist, chương 1.

Bessey nói lên một số cảm nghĩ giống như Dorothy Sayers, một nữ học giả ở Oxford:

Có lẽ cũng chẳng lạ gì khi phụ nữ là những người đầu tiên có mặt bên máng cỏ và sau cùng còn ở lại bên thập tự giá. Họ chưa bao giờ biết một người đàn ông nào như Người này – chưa từng có ai khác như thế. Một nhà tiên tri và thầy dạy chưa bao giờ cằn nhằn họ, chưa bao giờ tâng bốc, dỗ ngọt hay kẻ cả với họ … một người xem trọng những câu hỏi và lý lẽ của họ, chưa bao giờ vạch sẵn phạm vi cho họ, chưa bao giờ giục họ phải nữ tính hay chế giễu họ vì là phụ nữ; một người không có mưu đồ riêng và không có thể diện đàn ông bấp bênh nào phải bảo vệ; một người chấp nhận họ đúng như họ là và hoàn toàn không bận tâm về chính mình.[151]

Những người viết sách Phúc Âm không chỉ xem sự hiện diện của phụ nữ trong xã hội và trong chức vụ là điều bình thường, mà còn khắc họa họ trong ánh sáng tích cực nhất có thể. *Hãy lấy sách Phúc Âm Giăng làm ví dụ.* Khi chúng ta xem xét sự tương tác của Chúa Giê-xu với phụ nữ trong các chương của sách này, có một người phụ nữ (Ma-thê) thất vọng về Ngài, nhưng Ngài đối xử với bà thật dịu dàng, và như chúng ta sẽ thấy trong chương 11, Ngài đáp lại nỗi đau lòng sau đó của bà bằng sự tôn trọng cao nhất. Trái với xã hội chê bai và đổ lỗi cho phụ nữ mà họ đắm chìm trong đó, không người phụ nữ nào được mô tả là chống lại sáng kiến của Chúa Giê-xu, hay không chịu tin, hay bỏ rơi hoặc phản bội Ngài. Hãy đối chiếu điều đó với cách Giăng trình bày sự giả hình, tính kiêu căng, sự hay thay đổi, sự chậm hiểu, sự cố ý không tin và sự gian ác triệt để nơi các môn đồ nam của Chúa Giê-xu.[152]

Hoặc hãy lấy sách Phúc Âm Lu-ca. Có 27 chỗ trong tiểu sử Chúa Giê-xu do Lu-ca viết, nơi người nam và người nữ được *đặt thành cặp*, bắt đầu từ việc thiên sứ hiện ra với người nam Xa-cha-ri *rồi với Ma-ri*, cho đến tận sự hiện diện của những người nam *và những người nữ* chứng kiến và gắn bó với sự chết và sự sống lại của Chúa Giê-xu. Xét đến công phu lớn lao mà Lu-ca bỏ vào cấu trúc của kiệt tác mình, thật đáng tiếc nếu bỏ lỡ điều ông muốn nói: *cùng với sự đến của Chúa Giê-xu là phẩm giá trọn vẹn của phụ nữ*. Có lẽ điều này được tiếp nhận rõ nhất khi chúng ta quan sát cách Chúa Giê-xu đối xử với ba người phụ nữ nói riêng:

151. Dorothy Sayers, Are Women Human? Essays on the Role of Women in Society, tr. 68.
152. Xem Giăng 12:4-5; 13:2, 27-40, 37-38; 9:24-35; và 16:18, 31-32.

Người phụ nữ bên giếng nước. Trong một thế giới mà việc dạy thần học cho phụ nữ bị xem không chỉ là không cần thiết mà còn là trái đạo đức, trong Giăng 4, chúng ta thấy Chúa Giê-xu chủ ý sắp xếp hành trình của Ngài để gặp một người phụ nữ bị khinh ghét bên một giếng nước ở Sa-ma-ri. Vì các ra-bi không nói chuyện nơi công cộng với những người nữ trong chính gia đình mình, huống chi là với phụ nữ xa lạ, nên bà bối rối trước việc Ngài công khai nhờ bà giúp và trò chuyện với bà. Điều này nhanh chóng dẫn đến một cuộc trò chuyện riêng tư và thần học về quá khứ các mối quan hệ của người phụ nữ này và nhu cầu của bà về Đức Chúa Trời. Là người đã bị nhiều người đàn ông ngược đãi, câu chuyện của bà cho thấy bà chưa từng được một người đàn ông nào đối xử như thế. Trong cuộc trò chuyện của họ, cuộc trò chuyện dài nhất được ghi lại giữa Chúa Giê-xu và bất kỳ cá nhân nào, Ngài đi sâu vào những câu hỏi thần học của bà. Khi Ngài bảo bà đi gọi chồng mình, chúng ta nhận thấy Ngài dường như khéo léo không màng đến quan niệm thời ấy rằng người vợ phải đi theo, chứ không dẫn dắt, chồng mình. Kết quả của cuộc trò chuyện này là bà trở thành người đầu tiên trong sách Phúc Âm Giăng khám phá ra rằng Chúa Giê-xu là Đấng Mê-si-a, và là người truyền giảng Tin Lành đầu tiên của Ngài trên quy mô lớn.

Người phụ nữ bị bắt quả tang phạm tội ngoại tình. Một nhóm đàn ông ném một người phụ nữ bị bắt gặp nằm cùng một người không phải chồng mình xuống dưới chân Chúa Giê-xu. Dù luật pháp Môi-se cũng buộc tội người đàn ông ngoại tình, ông ta lại vắng mặt trong câu chuyện này – có lẽ đã được tha cho. Đám đông tìm cách dùng nỗi nhục và tội lỗi hiển nhiên của bà để gài bẫy Chúa Giê-xu. Bà nằm đó, mặt úp xuống bụi đất, bị phơi bày và bị si nhục, chờ hòn đá đầu tiên ném tới. Nhưng Chúa Giê-xu vẽ một vòng tròn che chở quanh bà.[153] Sự im lặng bao trùm, căng thẳng lên đến đỉnh điểm. Rồi Ngài lên tiếng. Nhưng khác với mọi tiếng nói khác, tiếng của Ngài không đầy giận dữ và căm ghét. Lời thách thức của Ngài – ai chưa từng phạm tội thì hãy ném đá trước – đánh trúng ngay giữa hai mắt những người đàn ông, chứ không phải người phụ nữ. Từng người một, những nắm tay siết chặt buông rơi những hòn đá nặng. Người phụ nữ ngẩng dậy, và Ngài đang chờ đợi – dịu dàng phủ lấy bà bằng ân điển biến đổi, chưa từng nghe thấy.

153. Cảm ơn Sarah Bessey, một cây bút bậc thầy, về câu này.

Ma-ri ở Bê-tha-ni. Ở Trung Đông, đàn ông và phụ nữ không giao du với nhau. Jose ben Johanan ở Giê-ru-sa-lem đã dạy: "Ai nói chuyện nhiều với đàn bà là chuốc lấy tai họa cho mình, và cuối cùng sẽ thừa hưởng địa ngục."[154] Nhưng Chúa Giê-xu làm những người theo Ngài sửng sốt khi cho phép Ma-ri "ngồi dưới chân Ngài", một thuật ngữ chỉ việc làm môn đồ của một người. Là ra-bi đầu tiên làm như vậy, Chúa Giê-xu một lần nữa đi ngược lại những chuẩn mực về giới tính. Vai trò của phụ nữ là làm việc nhà, còn vai trò của đàn ông là trò chuyện với vị ra-bi khách quý và ngồi nghe ông dạy dỗ. Hơn nữa, làm học trò của một ra-bi là bước vào con đường đào tạo có thể dẫn đến việc trở thành ra-bi. Thế nhưng khi Chúa Giê-xu bị chất vấn vì cho Ma-ri chỗ đứng danh dự này, Ngài cho thấy Ngài không chỉ dung thứ việc bà ngồi dưới chân Ngài. Ngài khuyến khích điều đó. Ngài còn trách nhẹ Ma-thê, người đang cọ rửa nồi niêu: "[N]gươi lo lắng và bối rối về nhiều việc, nhưng chỉ cần ít việc thôi – hay thật ra chỉ một việc. Ma-ri đã chọn phần tốt hơn."[155]

Chúng ta gặp Ma-ri ở Bê-tha-ni thêm một lần nữa trong các sách Phúc Âm. Chỉ sáu ngày trước khi Ngài bị bắt, khi bóng thập tự giá đã phủ trên đầu Ngài, Chúa Giê-xu đang là khách dự một bữa tối thì người phụ nữ trước kia đã ngồi dưới chân Ngài nay bước vào với một bình ngọc đựng đầy dầu thơm quý giá. Bà lặng lẽ đi vòng quanh phòng cho đến khi đứng sau lưng Chúa Giê-xu, đập vỡ bình và đổ thứ dầu vô giá ấy lên đầu và chân Ngài.

Những vị khách nam không đánh giá cao cử chỉ ấy, cũng không thích hương thơm tuyệt đẹp lúc này lan tỏa khắp phòng. Trái lại, họ lên án sự hy sinh của Ma-ri là một sự lãng phí vô lý: "Hãy để mặc bà ấy!" Chúa Giê-xu phán, "Sao các ngươi làm phiền bà ấy? Bà ấy đã làm một việc tốt đẹp cho Ta! Bà ấy đã đổ dầu thơm trên thân thể Ta trước để chuẩn bị cho sự chôn cất Ta. … [K]hắp cả thế gian, hễ nơi nào Tin Lành được giảng ra, việc bà ấy làm cũng sẽ được thuật lại."[156] Trong sách Phúc Âm Mác, không ai nhận được sự tôn trọng cao hơn, và Chúa Giê-xu ban sự tôn trọng ấy bất chấp nguy cơ cho danh tiếng của chính Ngài, khi Ngài không màng đến sự phẫn nộ của những người đàn ông ngồi cùng bàn. Và thật là một khoảnh khắc thánh cho mỗi chúng ta ngay lúc này: khi đọc những câu này, *chúng ta* trở thành sự ứng nghiệm lời hứa

154. Pirkei Avot 1:5
155. Lu-ca 10:42
156. Mác 14:1-9

của Chúa Giê-xu – nhận biết và tôn trọng chính người phụ nữ mà Chúa Giê-xu đã tôn trọng.

Phụ nữ và Thánh Linh của sứ mạng

Vào Ngày Lễ Ngũ Tuần, Phi-e-rơ giải thích cho đám đông đang ngơ ngác ý nghĩa của việc Thánh Linh được đổ xuống trên 120 người nam và nữ. Ông khẳng định điều đó làm ứng nghiệm lời tiên tri mà Giô-ên đã công bố nhiều thế kỷ trước: "Đức Chúa Trời phán: Trong những ngày sau rốt, Ta sẽ đổ Thần Ta trên mọi người. Con trai và con gái các ngươi sẽ nói tiên tri, thanh niên các ngươi sẽ thấy khải tượng, người già cả các ngươi sẽ thấy chiêm bao. Ngay cả trên các đầy tớ Ta, cả nam lẫn nữ, trong những ngày ấy Ta cũng sẽ đổ Thần Ta, và họ sẽ nói tiên tri."[157]

Trong toàn bộ Kinh Thánh Hê-bơ-rơ, không có ghi chép nào về việc Thánh Linh được đổ xuống trên một nô lệ, một người dân ngoại hay một phụ nữ – chỉ trên những người nam Do Thái tự do. Cụ thể hơn, chỉ các vua và các tiên tri mới nhận được loại phước lành này. Thế mà lời tiên tri của Giô-ên, có thể nói là lời tiên báo táo bạo nhất mà một tiên tri Do Thái từng nói ra, tuyên bố rằng sẽ đến lúc Thánh Linh được ban không chỉ cho các vua và các tiên tri Do Thái, mà cho "mọi người", kể cả dân ngoại, những "đầy tớ" hay nô lệ có địa vị thấp, và ngay cả "con gái" và "nữ".

Sau đó, sách Công Vụ ghi lại việc Thánh Linh của Đức Chúa Trời lan ra như lửa rừng từ phòng cao ở Giê-ru-sa-lem, khi Ngài làm điều Ngài đã hứa: đổ đầy và ban quyền năng cho cả phụ nữ, nô lệ và dân ngoại nữa. Ngay cả Phi-e-rơ, vốn mang nặng tư tưởng vị chủng của người Do Thái từ thuở được nuôi dạy, về sau cũng sửng sốt trong nhà Cọt-nây khi thấy Thánh Linh được đổ xuống trên dân ngoại. Chỉ đến lúc ấy ông mới cuối cùng có thể tin rằng dân ngoại cũng có thể được đưa vào dân của Đức Chúa Trời.[158] Khi đọc Kinh Thánh từ đầu đến cuối, chúng ta nên cảm nhận một sự kinh ngạc tương tự như điều Phi-e-rơ trải qua trong nhà Cọt-nây, khi chứng kiến điều trước kia

157. Công Vụ Các Sứ Đồ 2:17-18; Giô-ên 2:28-29
158. Công Vụ Các Sứ Đồ 10:44-48

chỉ ban cho người nam nay vào Ngày Lễ Ngũ Tuần cũng được ban cho phụ nữ nữa!

Thế nhưng đây chính là hướng mà Chúa Giê-xu đang dẫn mọi sự đến. Chẳng hạn, cách Ngài gắn bó một cách triệt để với phụ nữ trong cuộc đời trên đất được hoàn tất bởi sự chết của Ngài trên thập tự giá, cũng là lúc bức màn trong Đền Thờ bị xé làm đôi,[159] và Sự Hiện Diện Thánh của Đức Chúa Trời, từng ngự trong Nơi Chí Thánh, tràn ra ngoài đường phố. Vào thời Ngài chịu chết, khu Đền Thờ Do Thái gồm những khu vực đồng tâm, từ trong ra ngoài chỉ cho phép người nam Do Thái vào Sân Trong, dân ngoại vào Sân Dân Ngoại, và sau đó, phụ nữ ở Sân Phụ Nữ. Ý nghĩa biểu tượng khá rõ ràng: các sân tượng trưng cho mức gần nhất mà từng loại người có thể đến gần sự hiện diện của Đức Chúa Trời. Chỉ người nam Hê-bơ-rơ mới được vào chính đền thờ, và chỉ một người nam Do Thái, mỗi năm một lần, được phép vào bên trong Nơi Chí Thánh.

Vậy hãy cảm nhận điều kỳ diệu rằng khi máu tuôn ra từ cạnh sườn Chúa Giê-xu, Thánh Linh của Đức Chúa Trời đã tràn ra từ Nơi Chí Thánh – vỡ bờ, xé bức màn ngăn cách làm đôi, và có thể đưa mọi người vào ngay chính giữa! *Từ nay sẽ không còn bất kỳ lĩnh vực nào "chỉ dành cho nam giới" hay "chỉ dành cho người Do Thái" trong các cơ cấu của dân Đức Chúa Trời.*

Thánh Linh được ban cho không chỉ như một khía cạnh của sự cứu rỗi trọn vẹn và của việc được hoàn toàn thuộc về dân Đức Chúa Trời, mà còn để mỗi người được tham gia trọn vẹn vào sứ mạng của Đức Chúa Trời. Cả Giô-ên trong lời tiên tri của ông lẫn Phi-e-rơ trong bài giảng của ông đều liên kết Thánh Linh với lời mời gọi được gửi đến thế gian: "ai cầu khẩn danh Chúa thì sẽ được cứu."[160] Điều Giô-ên và Phi-e-rơ muốn nói là khi Đấng Mê-si-a đến, người tự do và nô lệ, người già và người trẻ, người giàu và người nghèo, người Do Thái và dân ngoại, người nam và người nữ, đều sẽ được cứu như nhau *và được sai đi như nhau trong quyền năng của Thánh Linh để thi hành sứ mạng*. Trong Đấng Christ, tất cả chúng ta, cả nam lẫn nữ, sẽ là vua, tiên tri, thầy tế lễ, sứ giả và nhà truyền giáo.

159. Ma-thi-ơ 27:5
160. Công Vụ Các Sứ Đồ 2:21, Giô-ên 2:32

Lời tiên tri của Giô-ên bắt đầu thành hiện thực khi Hội Thánh ban đầu ra đời. Trong Công Vụ 1, trước khi Thánh Linh được ban xuống, chúng ta được biết rằng "[h]ết thảy những người đó bền lòng đồng một ý mà cầu nguyện, *cùng với các người phụ nữ và Ma-ri, mẹ của Chúa Giê-xu*, và với các em trai Ngài. Trong những ngày ấy, Phi-e-rơ đứng dậy giữa các tín hữu (cả nhóm ước chừng một trăm hai mươi người) và nói: 'Thưa anh chị em …'"[161] Tại sao các phụ nữ, chứ không chỉ những người nam, cũng chuẩn bị sẵn sàng? Rất đơn giản, họ cũng đã được Chúa Giê-xu phục sinh ủy thác. Công Vụ 1 nối tiếp ngay sau Lu-ca 24, trong đó, vài ngày trước khi thăng thiên, Chúa Giê-xu dùng bữa với các môn đồ – gồm các sứ đồ "và những người ở với họ"[162] – và truyền cho họ làm chứng nhân của Ngài cho mọi dân tộc, nhưng chỉ sau khi họ nhận được quyền năng từ trên cao. "Những người ở với họ" là ai? Trong đó có nhiều phụ nữ – ở câu 10, "they" (họ) là những phụ nữ, và "they" ấy trở thành "them" (họ) trong các câu 33, 50-53 và trong Công Vụ 1:14. Điều gì xảy ra khi "họ" (gồm nhiều phụ nữ) nhận lãnh Thánh Linh? "Hết thảy" họ bắt đầu "rao truyền những việc lớn lao của Đức Chúa Trời"[163] trước mặt những người chứng kiến – *không chỉ người nam, mà phụ nữ cũng ở tuyến đầu của sứ mạng Đức Chúa Trời.*[164]

Nếu phước lành cao nhất được ban cho Hội Thánh là Thánh Linh, và công việc quan trọng nhất của Hội Thánh là rao giảng Chúa Giê-xu cho một thế giới hư mất và đang chết dần, thì chúng ta phải lưu ý rằng phụ nữ trong Hội Thánh ban đầu – hoàn toàn trái với khuynh hướng của Cựu Ước – đã tham gia trọn vẹn vào quyền năng và sứ mạng cùng với nam giới. Chúng ta đừng bỏ lỡ điểm then chốt này: dù người Do Thái, người nam và người chủ chiếm lĩnh đường chân trời của câu chuyện Kinh Thánh, lời tiên tri của Giô-ên và

161. Công Vụ Các Sứ Đồ 1:15-16
162. Lu-ca 24:33
163. Công Vụ Các Sứ Đồ 2:11
164. Tương tự, trong Công Vụ Các Sứ Đồ 4, ở cùng Hội Thánh Giê-ru-sa-lem ấy, chúng ta lại thấy phụ nữ ở mũi nhọn của sứ mạng Tin Lành. Sau khi Phi-e-rơ và Giăng được thả ra khỏi ngục, họ đến với bạn hữu mình và dẫn họ vào một thời gian cầu nguyện. "Khi họ đã cầu nguyện, thì nơi họ nhóm lại rúng động; ai nấy đều được đầy dẫy Đức Thánh Linh và tiếp tục rao giảng lời Đức Chúa Trời cách dạn dĩ." (Công Vụ Các Sứ Đồ 4:31) "Họ" – những người cầu nguyện và rao giảng – là ai? Không có lý do gì để cho rằng những phụ nữ được nhắc đến trong Công Vụ Các Sứ Đồ 1 và 2 lại bị loại ra. Điều này trở nên rõ ràng khi chúng ta thấy kết quả của việc cả nam lẫn nữ rao truyền sự tốt lành của Đức Chúa Trời: "Số người tin Chúa càng ngày càng thêm lên, cả nam lẫn nữ đều đông lắm." (Công Vụ Các Sứ Đồ 5:14)

việc Phi-e-rơ trích dẫn nó cho thấy dân ngoại, nô lệ *và phụ nữ* được ban cho một chỗ đứng ngang bằng trong chương trình của Đức Chúa Trời. Đây là một phân đoạn khác, nhỏ nhưng mang sức nặng như một cột chịu lực, nói một điều rất giống như vậy.

KHÔNG CÒN NGƯỜI DO THÁI HAY DÂN NGOẠI

Trước khi gặp Chúa Giê-xu, giống như mọi người Do Thái, có lẽ Phao-lô đã đọc lời cầu nguyện buổi sáng, trong đó ông ca ngợi Đức Chúa Trời vì đã không dựng nên ông là một người dân ngoại, một nô lệ hay một người đàn bà. Khi lời cầu nguyện này được đọc trong nhà hội có phụ nữ hiện diện, đến lượt các phụ nữ cảm tạ Đức Chúa Trời "vì Ngài đã dựng nên con theo ý muốn Ngài" – và làm như vậy, họ thừa nhận sự thấp kém của mình trước mắt Đức Chúa Trời, và chấp nhận những đặc quyền ít ỏi hơn của mình trong đời sống Do Thái thời xưa.

Chúng ta có thể nghĩ phép cắt bì, dấu hiệu của giao ước trong Cựu Ước, là điều rất đau đớn mà người nam Do Thái phải chịu. Trên thực tế, đó là một biểu tượng địa vị mà họ mang trên thân thể, đánh dấu họ thuộc tầng lớp tôn giáo cao nhất – tầng lớp loại trừ cả dân ngoại lẫn phụ nữ. Bây giờ hãy hình dung niềm hân hoan về sự bình đẳng mà dấu hiệu giao ước của Tân Ước mang lại. Không còn là phép cắt bì của người nam (vốn tự bản chất đã loại trừ), mà phép báp-têm là nghi thức của mọi tín hữu, được ban cho người Do Thái *và* dân ngoại, người nam *và* người nữ.

Nhiều học giả cho chúng ta biết rằng những lời sau đây trong Ga-la-ti 3:28, đối lại một cách khéo léo với lời cầu nguyện buổi sáng mà Phao-lô từng đọc trước khi tin Chúa, đã được dùng như một công thức xưng nhận khi chịu phép báp-têm: "Không còn người Do Thái hay dân ngoại, nô lệ hay người tự do, cũng không còn nam và nữ, vì trong Đấng Christ Giê-xu, anh em thảy đều làm một."[165] Cụm từ then chốt của câu này là "trong Đấng Christ Giê-xu." Dù Chúa Giê-xu người Na-xa-rét thuộc về hạng người mà người Do

165. Văn mạch ngay trước đó cho thấy rõ mối liên hệ này: "Vì anh em thảy đều đã chịu phép báp-têm trong Đấng Christ, đều đã mặc lấy Đấng Christ" (Ga-la-ti 3:27). Là những tín hữu mới, khi bước xuống nước báp-têm, họ nói lên bản thân mới và sự hiệp nhất mới tìm thấy của mình trong Đấng Christ.

Thái tin là có địa vị cao nhất trong dân Đức Chúa Trời – người nam Do Thái tự do – nhưng tất cả những ai chịu phép báp-têm nhân danh Ngài đều thừa hưởng trong Ngài cùng một địa vị quý báu ấy. Câu này không kéo toàn thể nhân loại xuống cùng một mức thấp. Trái lại, nó nâng nhân loại được cứu chuộc lên cùng một độ cao. Không lạ gì câu này đã được gọi là bản văn có sức bùng nổ xã hội mạnh nhất trong Kinh Thánh, và là *Đại Hiến chương (Magna Carta) của Phao-lô cho nhân loại*. Nếu đọc Ga-la-ti 3:28 trong văn mạch của cả bức thư, chúng ta thấy điều Phao-lô muốn nói là Đức Chúa Trời có một gia đình, chứ không phải hai. Gia đình mà Đức Chúa Trời đã hứa với Áp-ra-ham gồm tất cả những ai tin Chúa Giê-xu – cả con trai lẫn con gái của Áp-ra-ham, cả những người thừa hưởng dòng máu của ông, tức là người Do Thái tin Chúa, lẫn những người noi theo đức tin của ông, tức là dân ngoại tin Chúa. Phao-lô viết điều này để giải quyết mối quan hệ căng thẳng giữa người Do Thái và dân ngoại. Người Do Thái từ lâu đã cho mình là cao hơn dân ngoại, và dù nay họ có cùng một Cứu Chúa, họ vẫn cho rằng mình là những người được Đức Chúa Trời ưu ái. Nhiều Cơ Đốc nhân gốc Do Thái tin rằng nếu dân ngoại muốn đứng ngang hàng thật sự với họ trước mặt Đức Chúa Trời, thì trước hết dân ngoại phải chịu cắt bì. Phao-lô hoàn toàn bác bỏ điều đó. Ông tuyên bố rằng sự phân biệt giữa người chịu cắt bì và người không chịu cắt bì là không còn quan trọng. Cả người Do Thái lẫn dân ngoại đều được vào trọn vẹn vòng thân cận nhất của Áp-ra-ham: "Không còn người Do Thái hay dân ngoại," ông nói. Theo Phao-lô, bất cứ sự chênh lệch nào về sắc tộc và xã hội tồn tại "ngoài kia, trong thế gian" đều không còn quan trọng "ở đây, trong Hội Thánh."

Dù trọng tâm của thư Ga-la-ti là việc người Do Thái xem dân ngoại là thấp kém hơn, Phao-lô cũng nhắc qua rằng cùng một nguyên tắc ấy áp dụng cho các thứ bậc giữa "người tự do và nô lệ" và giữa "nam và nữ." *Điểm then chốt của ông là Tin Lành xóa bỏ những hệ thống thứ bậc về giá trị và đặc quyền dựa trên sắc tộc, địa vị xã hội và giới tính.*

KHÔNG CÒN NÔ LỆ HAY NGƯỜI TỰ DO

Trong thư Ga-la-ti, Phao-lô trình bày một thần học triệt để, tạo ra một cơn địa chấn văn hóa, dù lúc đầu nó chỉ được cảm nhận như một cơn rung chấn ban đầu. Tương tự, thư ông gửi Phi-lê-môn cũng hướng dẫn một người chủ Cơ Đốc cách thay đổi lối đối xử với người nô lệ đang trở về của mình. Phao-lô khích lệ người lãnh đạo Hội Thánh tại gia ở Cô-lô-se này đón nhận lại người nô lệ đã bỏ trốn của mình là Ô-nê-sim. Từ khi bỏ trốn, Ô-nê-sim đã tin Chúa, và vì vậy bây giờ, cùng với bức thư này, Phao-lô sai anh trở về với "chủ" mình, nhưng với sự hiểu biết rằng hiện trạng mối quan hệ giữa họ sẽ bị xáo trộn. Ông thách thức Phi-lê-môn tiếp nhận Ô-nê-sim "không còn như một nô lệ nữa, nhưng hơn một nô lệ, như một anh em yêu dấu. Anh ấy rất yêu dấu đối với tôi, huống chi đối với anh, cả với tư cách một con người lẫn với tư cách một anh em trong Chúa."[166] Đặt thư Ga-la-ti và thư Phi-lê-môn cạnh nhau, chúng ta nhận thấy Phao-lô xử lý căng thẳng giữa người Do Thái và dân ngoại cũng như giữa người tự do và nô lệ theo cùng một cách: *không chối bỏ những khác biệt xã hội, ông tìm cách xóa bỏ thứ bậc càng nhiều càng tốt, bằng cách áp dụng quyền năng hiệp nhất và đem lại bình đẳng của Tin Lành.*[167]

Trong tất cả những ví dụ này, *Phao-lô đảo ngược triệt để các thứ bậc xã hội* trong cách các tín hữu nhìn và đối xử với nhau: người Do Thái với người Hy Lạp trong Hội Thánh Ga-la-ti, và chủ với nô lệ trong Hội Thánh Cô-lô-se. Có thể Phao-lô không xóa sạch những khác biệt xã hội của họ,[168] nhưng thập tự giá

166. Phi-lê-môn 1:16

167. Tương tự, khi giải quyết căng thẳng giàu – nghèo trong Hội Thánh Cô-rinh-tô, trong 1 Cô-rinh-tô 11:17-34, Phao-lô chất vấn cách đối xử tội lỗi của những người giàu trong cộng đồng đối với người nghèo. Ông quở trách họ vì đã ăn uống no nê và say sưa tại bàn Tiệc Thánh của Chúa trong khi để người nghèo chịu đói. Ông hỏi họ: "Anh em khinh bỉ Hội Thánh của Đức Chúa Trời và làm hổ thẹn những người không có gì sao?" Trong Tin Lành, nơi người giàu và người nghèo được kết hiệp làm một thân thể của Đấng Christ, cách tốt hơn là "anh chị em, khi (họ) nhóm lại để ăn, hãy chờ đợi nhau."

168. Đó là lý do tại sao, ở cấp độ mục vụ và truyền giáo, Phao-lô vẫn chọn cách tiếp cận khác khi truyền giảng Tin Lành cho người Do Thái và dân ngoại, và khi chăm sóc mục vụ cho họ về vấn đề luật pháp Môi-se mà người Do Thái giữ theo. (Xem 1 Cô-rinh-tô 9:17-23, Rô-ma 14-15) Người Do Thái và dân ngoại có thể đã đến "cùng một đích đến, nhưng họ đã đến bằng những con đường rất khác nhau và vẫn giữ những ký ức và trí tưởng tượng văn hóa rất khác nhau." (N.T. Wright – nguồn: www.bit.ly/3q7vQid)

của Đấng Christ và sự ban cho Thánh Linh đã bắt đầu làm tan biến những sự phân biệt đối xử, thù địch, loại trừ và những chuẩn mực thứ bậc vốn đã được chấp nhận và coi trọng từ rất lâu.

Trong mọi thư tín của mình, Phao-lô đặc biệt quan tâm đến sự khác biệt mà Tin Lành thực sự tạo ra cho đời sống thực tế của cộng đồng. Hội Thánh không chỉ để tin Tin Lành. Hội Thánh tồn tại để, trong và qua cộng đồng của mình, thực thi cách tốt nhất để con người liên hệ với nhau và làm việc bên cạnh nhau. Đó là nơi duy nhất trên thế giới mà mọi người đều được định để tham gia trên cùng một nền tảng bình đẳng.

Hoàn toàn bỏ lỡ điểm này, nhiều học giả theo quan điểm bổ sung chỉ đọc Ga-la-ti 3:28 như một tuyên bố chung về địa vị của con người trước mặt Đức Chúa Trời, đồng thời phủ nhận sự thật rằng Phao-lô đặc biệt quan tâm đến việc thần học then chốt này được thực hiện cách thực tế và trong cộng đồng. Thế nhưng trong tâm trí Phao-lô, địa vị của chúng ta trước mặt Đức Chúa Trời sẽ định hình các mối quan hệ cụ thể của chúng ta và hình thức của Hội Thánh. Tin Lành của Đấng Christ mở ra không chỉ một cách mới để liên hệ với Đức Chúa Trời mà còn với nhau. Thế giới Do Thái mang tính thứ bậc rất cao, nơi Phao-lô lớn lên, đã bị đảo ngược trong Đấng Christ. Ga-la-ti 3:28 nói rằng sự hiện hữu mới này trong Đấng Christ phải dẫn đến một trải nghiệm mới về cộng đồng.

Điều này có ý nghĩa gì đối với nam và nữ?

KHÔNG CÒN NAM HAY NỮ

Sau khi liệt kê sự hiệp nhất và bình đẳng giữa "người Do Thái và dân ngoại" và giữa "người sinh ra tự do và nô lệ", Phao-lô thêm vào cặp thứ ba: "nam và nữ." Điều này không có nghĩa Phao-lô nói rằng chúng ta trở thành những hữu thể vô giới tính, không nam không nữ khi chịu phép báp-têm. Đúng hơn, chính những quan hệ quyền lực căng thẳng phải chấm dứt – "ngoài kia, trong thế gian", thứ bậc và hiện trạng giữa nam và nữ có thể rất khắc nghiệt, nhưng "ở đây, trong Hội Thánh", một trật tự mới đang bắt đầu được tỏ ra.

Còn sự lãnh đạo trong Hội Thánh thì sao? Đây là đề tài chúng ta sẽ bàn chi tiết hơn về sau, nhưng bây giờ, hãy lưu ý nhận xét sắc sảo này của học giả Tân Ước F.F. Bruce:

Việc Phao-lô làm cho địa vị của nam và nữ trong Đấng Christ trở nên bình đẳng không hàm ý một sự hạn chế nào nhiều hơn việc ông làm cho địa vị của người Do Thái và dân ngoại, hay của nô lệ và người tự do, trở nên bình đẳng. Nếu trong đời sống thường ngày, sự hiện hữu trong Đấng Christ được bày tỏ công khai trong sự thông công của Hội Thánh, thì nếu một người dân ngoại có thể đảm nhận sự lãnh đạo thuộc linh trong Hội Thánh cách tự do như một người Do Thái, hay một nô lệ cách tự do như một công dân, tại sao một người nữ lại không thể cách tự do như một người nam?[169]

Dù một số người trong chúng ta có thể thấy khó chấp nhận quan điểm của Bruce, theo tôi, nó khớp với nhận xét mà Phao-lô đưa ra – bác bỏ mọi nỗ lực duy trì đặc quyền, quyền lực hay thứ hạng dựa trên lý lẽ về giới tính, địa vị xã hội hay sắc tộc. Bruce cố gắng làm nổi bật một sự thiếu nhất quán thấy rõ nơi rất nhiều học giả Kinh Thánh, những người sẵn lòng bàn đến hệ quả của thần học Phao-lô đối với các mối quan hệ sắc tộc (Do Thái – dân ngoại) và kinh tế xã hội (nô lệ – tự do), nhưng lại bỏ qua việc áp dụng nó cho mối quan hệ nam nữ. Nhưng trong tuyên bố thần học ngắn gọn của Phao-lô, ba cặp này song song với nhau.

Ít nhất chúng ta có thể nói rằng, dù trong thư Ga-la-ti Phao-lô không suy ra những điều này có ý nghĩa gì cho phụ nữ và nô lệ như ông làm đối với dân ngoại, nhưng rõ ràng Phao-lô đang phá bỏ những rào cản vốn ưu đãi một số người và gây thiệt thòi bất công cho những người khác. Ông hình dung phụ nữ, nô lệ và dân ngoại được trải nghiệm sự tự do khỏi những thứ bậc văn hóa, cùng sự hiệp nhất và bình đẳng trong thân thể Đấng Christ, nơi những khác biệt, dù không bị xóa bỏ hoàn toàn, phải được giảm thiểu đến mức sâu xa. *Đây thật là một ý tưởng triệt để.*

Nhưng tất cả những điều này dẫn đến đâu? Chúng ta sẽ tìm hiểu các vai trò chức vụ của phụ nữ trong Hội Thánh ban đầu trong chương 12, còn bây giờ hãy nhảy đến phần kết của câu chuyện.

169. F.F. Bruce. The Epistle to the Galatians

NHƯ Ở TRÊN TRỜI

Hiện nay, chúng ta sống trong thời kỳ mà những lời tiên báo u tối của Sáng Thế Ký 3:16 đang được ứng nghiệm, khi đàn ông dễ dàng thống trị phụ nữ, nhưng chế độ phụ quyền cuối cùng sẽ bị nuốt mất bởi *Parousia* (sự tái lâm) của Chúa Giê-xu. Ở cuối thư gửi người Ga-la-ti, trong đó Phao-lô tìm cách cho thấy Tin Lành xóa bỏ sự chia rẽ và thứ bậc trong dân Đức Chúa Trời như thế nào, ông nói: "Cắt bì hay không cắt bì đều chẳng ra gì; điều quan trọng là sự sáng tạo mới."[170] Sự sáng tạo mới nói đến lời hứa của Đức Chúa Trời rằng Ngài sẽ tạo dựng lại loài người và vũ trụ. Khi Đức Chúa Trời làm mới lại thế giới trong tương lai, sự chia rẽ và thứ bậc sẽ không còn nữa, thế nhưng ngay từ bây giờ, tương lai ấy đã được đem vào Hội Thánh nhờ công việc của Đấng Christ và sự hiện diện của Thánh Linh, Đấng ban ân tứ lãnh đạo và dạy dỗ cho mọi người, để một lần nữa người nam và người nữ cùng nhau cai trị bên cạnh nhau (Lu-ca 22:30).[171]

Tuy nhiên, một số học giả theo quan điểm bổ sung khẳng định rằng ngay cả trong thế giới tương lai, người nam chứ không phải người nữ sẽ cai trị. Đúng là Chúa Giê-xu đã hứa mười hai ngôi trong tương lai cho các sứ đồ nam của Ngài, một ngày kia ban thưởng cho họ vinh dự lớn vì những hy sinh của họ,[172] nhưng khi đọc những phân đoạn chứa các lời hứa ấy, chúng ta thấy Chúa Giê-xu ban một lời hứa tương tự cho *mọi người theo Ngài*, chứ không chỉ mười hai sứ đồ.[173] Còn về 24 trưởng lão trong khải tượng khải huyền của

170. Ga-la-ti 6:15

171. Theo lời tiên tri của Giô-ên về vương quốc sắp đến, khi Thánh Linh được đổ xuống như mưa lũ và vô số người từ mọi dân tộc kêu cầu danh của Chúa là Đấng Mê-si-a, cả người nam *và người nữ* đều sẽ là những người tham gia chủ chốt.

172. Ma-thi-ơ 19:28 và Lu-ca 22:30

173. Trong Ma-thi-ơ 19, sau lời hứa rõ ràng mang tính ẩn dụ dành cho mười hai sứ đồ rằng họ sẽ ngồi trên mười hai ngôi, để đền đáp những hy sinh của họ vì Ngài, Ngài liền nói rằng "mọi người" hy sinh vì Ngài đều sẽ được ban thưởng trong đời này và đời sau, đến nỗi nhiều người sau chót trên đất sẽ nên đầu nhất trên trời. Tương tự, trong Lu-ca 22, ngay trước khi Chúa Giê-xu nhắc đến việc các môn đồ Ngài ngồi trên mười hai ngôi để xét đoán Y-sơ-ra-ên (một lần nữa, mang tính biểu tượng cao), Chúa Giê-xu nói rằng trong vương quốc Ngài, người phục vụ mọi người sẽ là người lớn nhất – điều này không chỉ nói về mười hai sứ đồ, mà có thể về bất kỳ ai. Trong cả hai trường hợp, mười hai ngôi đều mang tính biểu tượng, và có hàm ý rằng trên trời có thể có những người được ban thưởng với vinh dự còn cao hơn cả các sứ đồ.

Giăng, chúng ta không được đẩy biểu tượng khải huyền đi quá xa – ngay cả nếu 24 vị ấy gồm 12 con trai của Y-sơ-ra-ên và 12 sứ đồ, điều họ đại diện là *toàn thể dân Đức Chúa Trời*. Vả lại, vấn đề của việc khẳng định rằng vinh dự cao nhất được dành cho 24 người nam Do Thái tự do cho đến đời đời là điều đó không chỉ có hệ quả cho phụ nữ, mà cả cho nô lệ và dân ngoại nữa: chẳng lẽ họ phải ở dưới đáy mãi mãi sao? Chắc chắn là không – chúng ta chỉ đi đến kết luận như vậy nếu phạm phải lỗi giải nghĩa quá phổ biến là đọc những lời mang tính biểu tượng trong Kinh Thánh theo nghĩa đen.

Điều rõ ràng trong sự dạy dỗ của Chúa Giê-xu là những ai ở bậc thấp nhất trong thế giới sa ngã sẽ được ban những địa vị cao nhất trong thế giới được cứu chuộc. Trong dụ ngôn về các ta-lâng, Chúa Giê-xu liên kết sự trung tín ở đời này với phần thưởng và thẩm quyền trên trời. Nữ tử đạo Cơ Đốc ở thế kỷ 4 là Blandina, "một nữ nô lệ nhỏ bé, yếu ớt, bị khinh rẻ", đã đúng khi tin rằng sự trung tín cho đến chết của mình có thể có nghĩa là bà sẽ "được đặt giữa hàng tinh hoa của thiên đàng, ngồi ngay trong sự huy hoàng của cung điện rực rỡ của Đức Chúa Trời, trước cả những người mà trong thế giới sa ngã đã từng ở trên bà không biết bao nhiêu bậc."[174]

Làm sao chúng ta biết rằng trong trời mới đất mới, cả người nam lẫn người nữ sẽ là những người đồng thừa kế bình đẳng? Trong Cựu Ước, có ba chức năng "lãnh đạo" được Đức Chúa Trời chỉ định để nhận sự xức dầu đặc biệt: tiên tri, thầy tế lễ và vua. Tân Ước tiếp nhận ba vai trò này và phóng chiếu chúng – dù dưới một hình thức đã phát triển – vào cõi đời đời.

Phụ nữ đang là và sẽ là tiên tri. Chúng ta đã thấy các phụ nữ vào Lễ Ngũ Tuần nói tiên tri cùng với những người nam. Dù sự nói tiên tri như chúng ta biết sẽ chấm dứt, rất có thể dân Đức Chúa Trời sẽ tiếp tục công bố lời phán của Đức Chúa Trời cho đến đời đời. *Tương tự, phụ nữ đang là và sẽ là vua và thầy tế lễ.* Phi-e-rơ bao gồm cả phụ nữ trong Hội Thánh mà ông viết thư cho, khi ông nói với họ rằng họ "là dòng giống được lựa chọn, là chức thầy tế lễ nhà vua."[175] Giăng, cũng bao gồm cả phụ nữ, ca ngợi Đức Chúa Trời vì những vai trò này sẽ còn mãi mãi: "Ngài đã làm cho họ nên một nước và nên thầy tế lễ để phục vụ Đức Chúa Trời chúng ta, và họ sẽ trị vì trên mặt đất."[176]

174. Tom Holland, Dominion: The Making of the Western Mind, chương 4
175. 1 Phi-e-rơ 2:9
176. Khải Huyền 5:10

Hãy phóng trí tưởng tượng của bạn đến những chân trời xa nhất của thời gian, và bạn sẽ nhận thấy rằng, khi chúng ta thấy sự ứng nghiệm trọn vẹn của Ga-la-ti 3:28 trong trời mới đất mới, các thứ bậc giới tính vốn đã thống trị lịch sử loài người cho đến nay sẽ hoàn tất màn biến mất sau cùng. Mọi sự ganh đua giữa hai giới, mọi sự hạ thấp của giới này đối với giới kia, cuối cùng sẽ nhường chỗ cho sự trân trọng và cộng tác trọn vẹn với nhau.

Điều này không nên làm chúng ta ngạc nhiên: sự sáng tạo mới là sự phục hồi và nở rộ trọn vẹn của sự sáng tạo ban đầu. Thiết kế ban đầu của Đức Chúa Trời là cả A-đam lẫn Ê-va đều là những người gìn giữ lời Đức Chúa Trời, cả hai sẽ cai trị đất như vua và hoàng hậu, và cả hai sẽ làm việc trong khu vườn đền thờ như những thầy tế lễ. *Cho đến đời đời, những người nam và người nữ được cứu chuộc sẽ cùng nhau lao động bên cạnh nhau trong sự hiện thực hóa sau cùng của sự sáng tạo đầu tiên, với tư cách là những người cùng làm tiên tri, cùng cai trị và cùng làm thầy tế lễ.* Nếu đó là nơi mọi sự đang hướng tới đối với Hội Thánh của Chúa Giê-xu, thì tại sao bây giờ chúng ta lại chấp nhận điều gì kém hơn?

Những điều lớn lao xảy ra trong những câu Kinh Thánh nhỏ

Trong số hàng ngàn người có tên trong Kinh Thánh, tuyệt đại đa số là người nam Do Thái tự do – thật ra chỉ có 200 phụ nữ được nêu tên trong toàn bộ Kinh Thánh. Sau một khởi đầu tuyệt vời như thế dành cho phụ nữ trong câu chuyện Kinh Thánh, và trong câu chuyện của nhân loại, sự sa ngã của thủy tổ loài người đã đẩy chúng ta vào một hướng đi đầy tai họa. Hầu hết các nhân vật chính trong Kinh Thánh là người tự do, không phải nô lệ; là người Do Thái, không phải dân ngoại; và là nam, không phải nữ. Chúng ta hiểu điều này thế nào? Phải chăng chúng ta kết luận rằng, chỉ dựa vào thống kê Kinh Thánh, Đức Chúa Trời ưa chuộng những người nam Do Thái tự do?

Chắc chắn là không. Lý do chúng ta chủ yếu thấy những câu chuyện về người Do Thái là vì họ là dân được Đức Chúa Trời kêu gọi cách đặc biệt để trông đợi, tiếp đón và chia sẻ Đấng Mê-si-a với thế giới. Tương tự, người nam tự do xuất hiện ở khắp nơi vì những điều kiện xã hội cổ xưa của thế giới

Địa Trung Hải đã khiến nô lệ và phụ nữ gần như vô hình, bị đẩy ra khỏi lĩnh vực công cộng – vốn là nơi phần lớn câu chuyện Kinh Thánh diễn ra.

Vì vậy, sự mất cân đối về thống kê thấy rõ trong Kinh Thánh *không* phải là kết quả của việc Đức Chúa Trời ưu tiên chọn người nam để đối xử đặc biệt hay để giao những công việc đặc biệt trong vương quốc Ngài, mà đúng hơn là kết quả của một thế giới sa ngã do nam giới thống trị (như Đức Chúa Trời đã báo trước trong Sáng Thế Ký 3), là thế giới mà Đức Chúa Trời đã thương xót và kiên nhẫn hạ mình cho các mục đích mặc khải và cứu chuộc của Ngài thích ứng với nó.

Hơn nữa, nếu nhìn vào sự nhấn mạnh rất lớn về người Do Thái, không chỉ trong Cựu Ước mà cả trong Tân Ước, chúng ta không thể kết luận rằng người Do Thái ở địa vị cao hơn trong chương trình của Đức Chúa Trời, nếu chúng ta xét đến những tuyên bố then chốt của Kinh Thánh mang tầm quan trọng thần học vô cùng lớn – chẳng hạn lời hứa với Áp-ra-ham rằng dòng dõi ông sẽ "ban phước cho các dân tộc trên thế giới", hay lời tuyên bố về Hội Thánh rằng "trong Đấng Christ không còn người Do Thái hay dân ngoại." Dù những tuyên bố này ít ỏi và thưa thớt, chúng là những yếu tố quyết định trong việc giải nghĩa Kinh Thánh, cũng như trong niềm tin và sự thực hành được chấp nhận của Hội Thánh.

Câu chuyện Kinh Thánh, dù bị chi phối bởi những người nam Do Thái tự do, không chỉ nói về những người nam Do Thái tự do. Xét về thần học, những điều lớn lao xảy ra trong những câu Kinh Thánh nhỏ. Không phải mọi bản văn đều có sức nặng như nhau. Dù đá quý có thể rải rác khắp mặt đất, có những nơi chúng xuất hiện với số lượng rất lớn. Dù cả Kinh Thánh đều được thần cảm, chúng ta nhận thấy có những khối giáo lý quan trọng rất lớn tập trung ở một số chỗ nhất định: khi muốn khám phá chỗ đứng của người phụ nữ trong lòng Đức Chúa Trời, trong Hội Thánh, trong tương lai của thế giới và sự hoàn tất của lịch sử, thì những phần Kinh Thánh lên tiếng mạnh mẽ nhất thường là: chính phần khởi đầu và chính phần kết thúc của câu chuyện Kinh Thánh, và ở giữa hai phần ấy, cách Chúa Giê-xu đối xử với phụ nữ, việc Thánh Linh, Đấng không phân biệt giới tính, được đổ xuống để làm ứng nghiệm Giô-ên 2, và khải tượng triệt để của Phao-lô trong Ga-la-ti 3:28 về một sự bình đẳng thuộc linh dần dần nhưng chắc chắn bắt đầu được tỏ ra

thành sự bình đẳng về xã hội và chức năng trong Hội Thánh – một sự thật đặc biệt hiển nhiên trong Rô-ma 16 (mà chúng ta sẽ phân tích trong chương 12) và trong Rô-ma 12 (mà chúng ta sẽ tìm hiểu trong chương 13).

Với những tọa độ này, chúng ta có thể dễ dàng hơn nhiều để đi về phương Bắc thay vì phương Nam trong cách đánh giá phụ nữ, cũng như hiểu được nói riêng ba phân đoạn Kinh Thánh giống như gió ngược, mà khi đọc lướt qua, dường như hàm ý phụ nữ thấp kém hơn hay phải ở địa vị lệ thuộc. Tiếp theo, chúng ta sẽ bàn đến những phân đoạn đang bị tranh cãi gay gắt này.

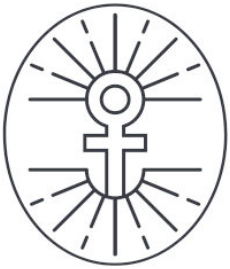

PHẦN THỨ HAI

PHỤ NỮ (KHÔNG) BỊ GIỚI HẠN

6

NHỮNG NGƯỜI PHỤ NỮ Ở CÔ-RINH-TÔ

"Song trong Chúa, người nữ không độc lập với người nam, và người nam cũng không độc lập với người nữ." 1 Cô-rinh-tô 11:11

Đây là một lời khuyên: *nếu công việc chuyên môn nhằm hiểu những phân đoạn Kinh Thánh khó thật sự không phải là sở thích của bạn, hãy bỏ qua chương này và chương sau, rồi quay lại đọc chúng vào lúc cuối*. Vợ tôi, người đọc đầu tiên bản thảo đầu tiên của tôi, đã nói với tôi: "Chương nào trong cuốn sách này đọc cũng thích thú," ngoại trừ chương này và chương sau, vốn "đọc rất vất vả." Vì người đọc, tôi ước gì hai chương này bớt phức tạp hơn – tuy nhiên, vì thuyết bổ sung là một mạng lưới rất tinh vi gồm những lập luận "theo Kinh Thánh", nếu chúng ta muốn thấy con người và các Hội Thánh được giải thoát khỏi nó, chúng ta phải gỡ mạng lưới này ra từng sợi một.

Tóm lược ngắn gọn, điểm chính được trình bày trong chương này và chương sau, nói thẳng ra, là: *những người theo quan điểm bổ sung đã đọc sai ba phân đoạn trong các thư tín của Phao-lô (1 Cô-rinh-tô 11:3-16, 1 Cô-rinh-tô 14:33-35 và 1 Ti-mô-thê 2:11-15). Họ kết luận rằng Phao-lô dạy về địa vị lệ thuộc của người nữ trong mọi Hội Thánh, cho mọi thời đại. Nhưng trong những phân đoạn này, Phao-lô đang giải quyết một tình huống lịch sử cụ thể hoặc một sự nhạy cảm riêng của một nền văn hóa. Dù chứa đựng những mảnh thần học về giới tính có thể giúp ích cho chúng ta ngày nay, không bản văn nào trong số này ủng hộ một thứ bậc giới tính áp dụng cho mọi nơi mọi thời.*

Chúng ta sẽ bàn hai phân đoạn đầu trong chương này và phân đoạn thứ ba trong chương sau, mỗi lần đều cố gắng hiểu và phê bình cách giải nghĩa của thuyết bổ sung, rồi tiến đến một cách giải nghĩa tốt hơn. Phi-e-rơ nhận xét

rằng trong các thư của Phao-lô "có *những điều khó* mà *hiểu được*."[177] Ba phân đoạn này hẳn đứng đầu danh sách. (Thêm một điều nữa trước khi chúng ta đi sâu vào: để tránh làm chương này và chương sau quá tải, tôi đặt rất nhiều nội dung rất quan trọng vào phần chú thích cuối sách, vậy bạn cũng cứ tự nhiên tìm tòi ở đó.)

1 Cô-rinh-tô 11:3-16

Phân đoạn đầu tiên liên quan đến *việc trùm đầu* – vâng, với phân đoạn này, bạn cứ việc "vắt óc" suy nghĩ. Đã nhiều lần trong đời, mỗi lần kéo dài nhiều ngày, tôi cố gắng hiểu cho ra đầu ra đuôi phân đoạn này, và rồi bỏ đi với một chút hiểu biết thêm, nhưng cũng với nhiều câu hỏi hơn lúc ban đầu. Hãy để tôi cho bạn biết tôi đã đi đến đâu với phân đoạn này.

Hãy đọc nhanh phân đoạn này (có thể bạn sẽ cần quay lại xem khi đọc tiếp chương này) và đừng ngạc nhiên nếu, khi đọc, đầu bạn bắt đầu quay cuồng:

3 Nhưng tôi muốn anh em biết rằng Đấng Christ là đầu của mọi người nam, người nam là đầu của người nữ, và Đức Chúa Trời là đầu của Đấng Christ. 4 Mọi người nam cầu nguyện hoặc nói tiên tri mà trùm đầu là làm nhục đầu mình. 5 Nhưng mọi người nữ cầu nguyện hoặc nói tiên tri mà không trùm đầu là làm nhục đầu mình – điều đó cũng như bị cạo đầu vậy. 6 Vì nếu người nữ không trùm đầu, thì cũng nên cắt tóc đi; nhưng nếu việc cắt tóc hoặc cạo đầu là điều hổ thẹn cho người nữ, thì người ấy hãy trùm đầu lại.

7 Người nam không nên trùm đầu, vì là hình ảnh và vinh hiển của Đức Chúa Trời; còn người nữ là vinh hiển của người nam. 8 Vì người nam không ra từ người nữ, nhưng người nữ ra từ người nam; 9 người nam cũng không được dựng nên vì người nữ, nhưng người nữ được dựng nên vì người nam. 10 Vì lẽ đó, người nữ phải có thẩm quyền trên đầu mình, vì cớ các thiên sứ. 11 Song trong Chúa, người nữ không độc lập với người nam, và người nam cũng không độc lập với người nữ. 12 Vì như người nữ đã ra từ người nam, thì người nam cũng sinh bởi người nữ. Nhưng mọi sự đều ra từ Đức Chúa Trời.

177. 2 Phi-e-rơ 3:16

13 Chính anh em hãy xét đoán: người nữ cầu nguyện Đức Chúa Trời mà không trùm đầu thì có xứng đáng không? 14 Chính bản tính tự nhiên chẳng dạy anh em rằng nếu người nam để tóc dài thì đó là điều hổ thẹn cho mình sao, 15 còn nếu người nữ để tóc dài thì đó là vinh hiển cho mình? Vì tóc dài đã được ban cho người nữ để làm khăn trùm. 16 Nếu có ai muốn tranh cãi về điều này, thì chúng tôi không có thói quen nào khác – các Hội Thánh của Đức Chúa Trời cũng vậy.

Hãy để tôi nói ngay điểm gây tranh cãi nhất của tôi trước: nếu cách giải nghĩa phân đoạn này của thuyết bổ sung là đúng, thì – dù một số người theo quan điểm bổ sung phủ nhận điều này – nó có nghĩa là, thứ nhất, mọi phụ nữ trưởng thành đều phải sống dưới thẩm quyền của một người nam, thường là cha hoặc chồng mình; thứ hai, phụ nữ không được làm người lãnh đạo cấp cao nhất của người nam trong Hội Thánh *và cả trong xã hội nữa*, và rất có thể cũng không được làm người lãnh đạo cấp thấp hơn của người nam; và thứ ba, nói chung, mọi phụ nữ đều phải thuận phục mọi người nam, dù là chị em đối với anh em, hay đồng nghiệp nữ đối với đồng nghiệp nam. Ngay cả khi còn theo quan điểm bổ sung, tôi cũng không chủ trương như vậy, nhưng khi xem xét kỹ hơn, tôi nhận ra rằng thật ra đây là kết quả của một cách giải nghĩa phân đoạn này theo thuyết bổ sung một cách *nhất quán*. Vì vậy, nếu đó *là* điều Đức Chúa Trời đang phán trong phân đoạn này, chúng ta cần biết chắc chắn. Nhưng nếu đó *không phải* là điều Ngài đang phán, tôi chắc rằng chúng ta cũng muốn biết điều đó cách chắc chắn. Chúng ta hãy đi vào vấn đề.

Trong sự dạy dỗ duy nhất về việc trùm đầu trong Kinh Thánh, Phao-lô lo ngại về những phụ nữ để xõa tóc trong buổi thờ phượng chung hoặc không đội khăn trùm,[178] cũng như những người nam để tóc dài. Trong văn hóa phương Tây hiện đại, không điều nào trong hai điều này là vấn đề, nhưng trong nền văn hóa ấy, chúng gửi đi một thông điệp mà Phao-lô cho là không khôn ngoan. Vì vậy, ông dành một đoạn dài trong thư của mình cho vấn đề này. Như ông làm ở những chỗ khác trong thư, thay vì chỉ ra lệnh phải cư xử tốt hơn, Phao-lô đưa ra nhiều lý do chồng chất lên nhau. Nhưng ngay khi

178. Cuộc tranh luận học thuật về việc Phao-lô nói đến cái đầu được che bởi 1) mũ trùm hay khăn trùm, hay bởi 2) tóc dài hoặc tóc buông xõa thật là tẻ nhạt. Sách giải kinh đồ sộ của Anthony Thiselton về 1 Cô-rinh-tô khảo sát các lý lẽ của cả hai bên và nghiêng, dù chỉ hơn chút ít, về phía cho rằng đó là một vật trùm đầu, khăn trùm hay mũ trùm. Tôi cũng theo quan điểm đó.

chúng ta sắp đưa chiếc máy bay giải nghĩa cất cánh khỏi đường băng, chúng ta va phải nhiều gờ giảm tốc khiến các học giả giỏi nhất bất đồng với nhau.[179] Chúng ta hãy bắt đầu với tình huống mà Phao-lô đang giải quyết.

TÌNH HÌNH VÀ LÝ DO PHAO-LÔ LO NGẠI

Dường như một số phụ nữ không đội khăn trùm trong các buổi nhóm của Hội Thánh, mà để lộ tóc cho mọi người thấy, và một số người nam lại để tóc dài. Vì vậy, Phao-lô yêu cầu phụ nữ trùm đầu bằng khăn, và người nam giữ tóc ngắn khi tham gia cầu nguyện và nói tiên tri trong các buổi nhóm thờ phượng của Hội Thánh. Phao-lô không đi đến chỗ ban ra một mệnh lệnh nào – ông đưa ra một lời kêu gọi dựa trên nhiều lý lẽ, kể cả sự nhạy cảm văn hóa.

Tại sao phụ nữ lại bỏ khăn trùm, và tại sao người nam lại để tóc dài? Có thể họ đang nổi loạn, dù nhiều khả năng hơn là họ đã cho rằng sự bình đẳng Cơ Đốc giữa hai giới mà Phao-lô rao giảng (như trong Ga-la-ti 3:28) có nghĩa là không có khác biệt nào giữa nam và nữ, và do đó họ phớt lờ những phép tắc về giới tính của nền văn hóa mình. Một động cơ khả dĩ khác của các phụ nữ là muốn vượt qua địa vị hạng hai của mình trong xã hội bằng cách cư xử như đàn ông. Còn về việc các phụ nữ bỏ khăn trùm, ai là người thúc đẩy việc này, đàn ông hay phụ nữ? Hầu hết các nhà giải kinh nói rằng các phụ nữ tự ý bỏ khăn trùm. Gần đây, Cynthia Westfall, dựa trên câu 10 mà chúng ta sẽ bàn đến ngay sau đây, đã lập luận rằng thật ra các phụ nữ bị đàn ông gây áp lực để làm như vậy. Dù chúng ta theo quan điểm nào, Phao-lô không xử lý những thái độ tội lỗi trong phân đoạn này – ông chỉ đưa ra những lý lẽ để giữ gìn những sự nhạy cảm văn hóa của thời ấy. Bất kể động cơ của họ là gì,

179. William Witt, trong Icons of Christ, chương 8, liệt kê những câu hỏi mà các học giả đưa ra những câu trả lời khác nhau: Phao-lô đang nói về một loại vật trùm đầu hay đồ đội đầu nào đó (khăn choàng, mũ trùm, áo trùm hay khăn trùm) hay về kiểu tóc (tóc dài hoặc tóc buông xõa)? Từ Hy Lạp cho "đầu" (kephalē) có nghĩa là gì? Làm sao Phao-lô có thể so sánh song song những cặp khác nhau như thế: Đức Chúa Trời là đầu của Đấng Christ; Đấng Christ là đầu của người nam; và người nam là đầu của người nữ? "Người nam" và "người nữ" nói đến nam và nữ nói chung, hay riêng chồng và vợ? Việc người nam là vinh hiển của Đức Chúa Trời, còn người nữ là vinh hiển của người nam, có nghĩa là gì? Phao-lô muốn nói gì khi viết rằng người nữ phải có "thẩm quyền" trên đầu mình? Việc nhắc đến các thiên sứ có ý nghĩa gì? Chúng ta hiểu thế nào về lời Phao-lô rằng "bản tính tự nhiên dạy" người nam không nên để tóc dài? Khi Phao-lô nói rằng "chúng tôi không có thói quen như thế", ông đang nói đến thói quen nào?

Phao-lô không nghĩ rằng việc phụ nữ bỏ khăn trùm hay người nam để tóc dài là ý hay. Ông có một vài mối lo ngại.

Mối lo ngại thứ nhất của ông, dựa trên bản tường thuật trong Sáng Thế Ký 1 và 2, là Đức Chúa Trời đã dựng nên người nam và người nữ có giá trị ngang nhau, nhưng Ngài không dựng nên họ giống hệt nhau. Vì "Đức Chúa Trời đã dựng nên họ là nam và nữ", Phao-lô cho rằng thật không khôn ngoan khi gộp họ lại thành một khối không hình dạng rõ ràng.

Mối lo ngại thứ hai là trong nền văn hóa của họ, khi một người phụ nữ để mái tóc dài xõa xuống bên ngoài nhà mình, điều đó báo hiệu địa vị thấp kém và sự sẵn sàng về tình dục. Cynthia Westfall ghi nhận sự kiện rằng trong thế giới Hy Lạp – La Mã, nữ nô lệ và kỹ nữ bị cấm đội khăn trùm.[180] Phụ nữ có chồng trùm đầu như một biểu tượng cho địa vị đáng kính của người đã kết hôn, cho sự khiêm tốn và trong trắng. Khăn trùm đầu của họ nói lên địa vị được tôn trọng của họ.[181] Vậy trong tâm trí Phao-lô, khi mọi phụ nữ đều trùm đầu trong buổi nhóm của Hội Thánh, điều đó truyền đạt cách tuyệt đẹp rằng *mọi phụ nữ – dù độc thân hay đã kết hôn, nô lệ hay tự do – đều được tôn trọng trong Đấng Christ và trong Hội Thánh, ngay cả những người không được tôn trọng bên ngoài Hội Thánh.* Khi ghi nhớ rằng Hội Thánh Cô-rinh-tô phần lớn gồm những phụ nữ có địa vị thấp trong xã hội – "không khôn ngoan, không quyền thế và không thuộc dòng dõi sang trọng"[182] – chúng ta mới thấy rằng việc Phao-lô nhấn mạnh đến khăn trùm đầu thật ra đã ban cho mọi phụ nữ trong Đấng Christ một cái nhìn cao quý, đi ngược lại văn hóa.

Mối lo ngại thứ ba, liên quan đến điều trước, là trong nền văn hóa ấy, một người phụ nữ để lộ tóc nơi công cộng là một việc đáng xấu hổ. Thật vậy, trong các câu 4-6, Phao-lô dùng từ "làm nhục" hai lần và từ "hổ thẹn" – cả hai đều có thể dịch là "xấu hổ". Trong một nền văn hóa đặt nặng danh dự và sự xấu hổ, một cái đầu không trùm khăn sẽ thu hút sự chú ý đến người phụ nữ theo cách làm suy giảm lòng tự trọng của bà, sự tôn trọng của cộng đồng đối với bà, và – trong mắt những người chứng kiến – sự tôn kính đối với Đức Chúa Trời đang được thờ phượng.

180. Cynthia Westfall, Paul and Gender, 25.
181. Cynthia Westfall, Paul and Gender, 27.
182. 1 Cô-rinh-tô 1:26

Mối lo ngại sau cùng là tất cả những điều trên sẽ làm suy yếu "trật tự" của Hội Thánh. Phần dạy dỗ này nằm trong một phần lớn hơn của thư gửi người Cô-rinh-tô, đặc biệt dành cho việc lập lại trật tự cho một Hội Thánh đã trở nên mất trật tự,[183] một phần kết thúc bằng những lời: "mọi việc đều phải làm cho phải phép và theo thứ tự."[184] Trước khuynh hướng dường như nghiêng về sự tự do và tự thể hiện của Hội Thánh Cô-rinh-tô, Phao-lô tìm cách giúp họ suy nghĩ lại cách họ làm một số việc (kể cả việc đội gì trên đầu, Tiệc Thánh và các ân tứ thuộc linh) để mọi tín hữu đều được gây dựng; mọi khách đến thăm đều được thu hút cách dễ mến; và trên hết, Đấng Christ được tôn vinh.

NHỮNG CHÂN LÝ VƯỢT THỜI GIAN

Ngày nay, hầu như không Hội Thánh nào đòi hỏi phải trùm tóc. Các học giả đồng ý rằng lời khuyên của Phao-lô áp dụng cho một nền văn hóa không còn tồn tại. Vậy trong phân đoạn này có điều gì mà chúng ta có thể xem là chân lý vượt thời gian cho mọi Hội Thánh ở khắp nơi không?

Để trả lời, trước hết chúng ta phải thừa nhận rằng trong phân đoạn này, Phao-lô chủ yếu không nhằm cung cấp cho chúng ta một thần học được phát triển cao về giới tính. Đúng hơn, ông tập trung giải quyết một tập tục mang tính văn hóa đặc thù. *Thế nhưng vẫn có những dấu hiệu của một thần học về giới tính tỏa sáng qua đó.* Đây là một danh sách ngắn những chân lý mà chúng ta vẫn có thể nắm giữ ngày nay.

Cả phụ nữ lẫn nam giới đều phải tham gia vào các chức vụ bằng lời nói hướng về Đức Chúa Trời (khi họ "cầu nguyện") và hướng về nhau (khi họ "nói tiên tri"). Trong phân đoạn này, Phao-lô vui mừng vì đây là sự thực hành của Hội Thánh, ngay cả khi ông cảnh báo về cách trình diện không thích hợp của phụ nữ và nam giới lúc họ làm như vậy. Nếu bất kỳ Hội Thánh nào ngày nay muốn trở nên trọn vẹn như mình có thể, thì Hội Thánh ấy cần sự đóng góp bằng lời nói tích cực và bình đẳng của cả phụ nữ lẫn nam giới.

183. 1 Cô-rinh-tô 11-14
184. 1 Cô-rinh-tô 14:40

Người nam và người nữ, dù bình đẳng trong Đấng Christ, vẫn khác nhau trong sự sáng tạo. Đức Chúa Trời đã dựng nên hai giới: nam và nữ. Họ không giống nhau; họ được định để bổ sung cho nhau. Phải có cả hai mới bày tỏ trọn vẹn hình ảnh của Đức Chúa Trời.

Phụ nữ cần được ban cho địa vị cao nhất có thể. Nếu xã hội có cái nhìn thấp kém hay méo mó về phụ nữ, thì Hội Thánh phải là nơi họ được ban cho phẩm giá cao nhất, bất kể địa vị trong quá khứ hay hiện tại của họ trong xã hội rộng lớn hơn.

Chúng ta cần chú ý đến thông điệp được gửi đi qua hành động của mình. Trong bất kỳ nền văn hóa và thế hệ nào, có thể có những cách cư xử mà, dù chúng ta có những lý do chính đáng riêng để bỏ qua hay thực hiện chúng, sẽ gửi một thông điệp sai cho người khác và không giúp ích cho lời chứng của Hội Thánh.

CÁCH HIỂU CỦA THUYẾT BỔ SUNG

Những người theo quan điểm bổ sung nhìn phân đoạn này thế nào? Không phải tất cả họ đều dùng phân đoạn này làm nền tảng cho giáo lý của mình. Khi các nhà thần học theo quan điểm bổ sung của *Village Church* nghiên cứu phân đoạn này (và phân đoạn tiếp theo) như một phần trong cuộc khảo sát các bản văn về giới tính, họ làm điều đó theo cách không ủng hộ bất kỳ sự dạy dỗ nào về thẩm quyền của người nam.[185] Họ làm vậy là đúng – các sách giải kinh về 1 Cô-rinh-tô được đánh giá cao nhất không thấy thẩm quyền của người nam trong 1 Cô-rinh-tô 11.[186]

Tuy nhiên, nhiều người theo quan điểm bổ sung lập luận rằng phân đoạn này dạy rằng *theo thiết kế của Đức Chúa Trời, phụ nữ ở dưới thẩm quyền của người nam*. Dù tôi vừa cố gắng đơn giản hóa ý nghĩa của phân đoạn, hãy để

185. www.bit.ly/3CFKgJO. Xem các trang 33-37.

186. www.bestcommentaries.com xếp hạng các sách giải kinh về 1 Cô-rinh-tô của Gordon Fee (NICNT), Anthony Thiselton (NIGTC) và David Garland (BECNT) là tốt nhất, lần lượt cho điểm 4,91; 4,88 và 4,88 trên 5,0. "Ẩn dụ trong 11:3 thường được hiểu là thiết lập các cơ cấu thẩm quyền. Nhưng không có gì trong phân đoạn này gợi ý như vậy" (Fee) "Trái với Grudem, nó dường như không biểu thị một quan hệ 'lệ thuộc' hay 'thẩm quyền trên'." (Thiselton) "Phao-lô không cố thiết lập một thứ bậc giới tính đặt phụ nữ vào vai trò lệ thuộc." (Garland)

tôi nhắc lại rằng phân đoạn này rất phức tạp và vẫn tiếp tục làm các nhà giải nghĩa hiện đại bối rối. Sự phức tạp của nó còn tăng thêm khi các nhà giải nghĩa trở thành những nhà gán nghĩa – đọc thêm những ý nghĩa khác vào phân đoạn. Tôi tin rằng đây là điều các học giả theo quan điểm bổ sung đã làm khi họ khẳng định: "Nguyên tắc lâu bền của 1 Cô-rinh-tô 11:2-16 là sự thuận phục của người nữ đối với thẩm quyền của người nam. Phân đoạn này dạy rằng người nữ có thể tham gia cầu nguyện và nói tiên tri trong Hội Thánh dưới sự lãnh đạo và thẩm quyền thuộc linh của người nam."[187] Họ dựa điều này trên một vài hoặc cả bốn luận điểm sau: 1) từ *đầu* có nghĩa là *đứng đầu (cai quản)*, tức là thẩm quyền; 2) Phao-lô thấy có thứ bậc trong hôn nhân của A-đam và Ê-va trước sự sa ngã; 3) phụ nữ phần nào mang hình ảnh của Đức Chúa Trời ít hơn đàn ông; và 4) các phụ nữ Cô-rinh-tô phải mang trên đầu mình một biểu tượng về thẩm quyền của người nam. Bây giờ tôi sẽ đáp lại từng luận điểm này, dù sẽ dành nhiều thời gian nhất cho luận điểm thứ nhất.

"ĐẦU" CÓ NGHĨA LÀ THẨM QUYỀN KHÔNG?

"Đầu" có nghĩa là "đứng đầu (cai quản)" không? Trong tiếng Anh hiện đại, "head" (đầu) được dùng theo nghĩa bóng để chỉ ông chủ, người nắm quyền điều hành. Nhưng những người nói tiếng Hy Lạp bản ngữ nhận thư của Phao-lô có hiểu ẩn dụ "đầu" theo cách đó không? Hầu hết những người theo quan điểm bổ sung nói là có. Họ nói Đức Chúa Trời muốn mọi phụ nữ thuận phục một người nam làm đầu – và vì thế vợ phải thuận phục chồng, và phụ nữ không thể lãnh đạo trong Hội Thánh.

Câu 3 là then chốt đối với cách giải nghĩa của thuyết bổ sung. Vậy Phao-lô muốn nói gì qua câu: "Đấng Christ là đầu của mọi người nam, người nam là đầu của người nữ, và Đức Chúa Trời là đầu của Đấng Christ"?

Nhiều người theo quan điểm bổ sung, khi đọc "đầu" (*kephalē*) theo nghĩa "đứng đầu" (như "có thẩm quyền trên"), hiểu rằng người nam (với tư cách là "đầu") phải thực thi thẩm quyền trên người nữ, cũng như Đức Chúa Trời (với tư cách là "đầu") thực thi thẩm quyền trên Đấng Christ, và Đấng Christ

187. Köstenberger và Köstenberger, God's Design for Man and Woman, tr. 160.

(với tư cách là "đầu") thực thi thẩm quyền trên người nam. Đọc theo cách này, dường như Phao-lô đánh đồng thẩm quyền của Đức Chúa Cha trên Đấng Christ với thẩm quyền của người nam trên người nữ. Bằng cách gắn phép so sánh này với sự mô tả về đời sống bên trong của Đức Chúa Trời Ba Ngôi, họ kết luận rằng thứ bậc giới tính hẳn phải mang tính phổ quát, chứ không chỉ mang tính văn hóa hay là hậu quả của sự sa ngã.

Nhưng như tôi sẽ chỉ cho bạn thấy, khi được xác định bởi văn mạch của những câu tiếp theo, "đầu" trong trường hợp này không có nghĩa là *thẩm quyền*, mà là điều gì đó như *nguồn sự sống được tôn trọng – người mà từ đó một người nhận lấy sự sống hay bản sắc của mình*. Thật vậy, vào thời Phao-lô, ý tưởng cho rằng *kephalē* có nghĩa là *thẩm quyền* rất hiếm, nếu không muốn nói là không có – tôi khuyên bạn đọc Phụ lục 3: Ý nghĩa của *kephalē*, nơi tôi trình bày lập luận cho điều này.

Các học giả theo quan điểm bổ sung thường tham chiếu chéo đến Ê-phê-sô 5 ("chồng là đầu vợ"), là chỗ duy nhất khác mà Phao-lô dùng từ *kephalē* để nói về mối quan hệ nam nữ. Rồi họ lập luận rằng vì đầu có nghĩa là thẩm quyền trong Ê-phê-sô 5, thì nó cũng phải có nghĩa là thẩm quyền trong 1 Cô-rinh-tô 11.[188] Nhưng như chúng ta sẽ phân tích trong chương 8, có lẽ ở đó nó cũng không có nghĩa là thẩm quyền.[189] Trái với lời cáo buộc của thuyết bổ sung rằng hiểu *kephalē* là nguồn sự sống là một sự đổi mới gần đây trong các nghiên cứu từ ngữ, các giáo phụ nói tiếng Hy Lạp như Cyril thành Alexandria, Theodore thành Mopsuestia, Athanasius và Eusebius đều hiểu

188. Chẳng hạn, Schreiner nói: "Vì Phao-lô dùng 'kephalē' để chỉ thẩm quyền khi nói về chồng và vợ trong Ê-phê-sô 5:22-24, nên có lẽ ông cũng có cùng ý ấy trong 1 Cô-rinh-tô 11:3." (Nguồn: www.bit.ly/31rylBA)

189. Nhiều lập luận của thuyết bổ sung mà tôi đã đọc, cho rằng "đầu" trong Ê-phê-sô 5 có nghĩa là "thẩm quyền", khẳng định như vậy dựa trên cách họ giải nghĩa từ này trong 1 Cô-rinh-tô 11:3. Trong một trường hợp điển hình của chuyện con gà hay quả trứng, một cách giải nghĩa yếu được dùng để củng cố cách giải nghĩa yếu kia, đến nỗi chúng ta không còn chắc cái nào có trước. Một lý do khiến chúng ta nên cẩn thận khi chuyển nghĩa từ chỗ này sang chỗ kia là Phao-lô dùng từ "đầu" khá khác nhau: trong 1 Cô-rinh-tô 11, ông nói về A-đam như đầu của Ê-va, người không được mô tả là thân thể của A-đam, còn trong Ê-phê-sô 5, ông nói về người chồng như đầu của vợ mình, người là thân thể của ông.

kephalē ở đây có nghĩa là *nguồn*.[190] Vì vậy, không lạ gì khi rất nhiều học giả kết luận rằng Phao-lô muốn nói *nguồn* chứ không phải *thẩm quyền* trong 1 Cô-rinh-tô 11:3.[191]

Dù vậy, dù khó xảy ra, vẫn có thể hình dung rằng Phao-lô muốn nói *thẩm quyền* ở đây. Làm sao chúng ta có thể biết chắc? Cách để xác định ý của Phao-lô trong mỗi trường hợp là văn mạch.[192] Chúng ta sẽ xem xét kỹ các câu 4-16, nhưng trước hết hãy tìm hiểu ba câu song song về "đầu" trong 1 Cô-rinh-tô 11:3.

CÂU CHUYỆN VỀ BA CÁI ĐẦU

Phao-lô viết rằng "Đấng Christ là đầu của mọi người nam, người nam là đầu của người nữ, và Đức Chúa Trời là đầu của Đấng Christ." Chìa khóa để hiểu đúng ba vế này nằm ở thứ tự mà Phao-lô nêu ra. Thoạt nhìn, người ta có thể nghĩ lẽ ra Phao-lô nên đặt vế cuối lên đầu, để câu văn thành ra: "Đức Chúa Trời là đầu của Đấng Christ, Đấng là đầu của người nam, người là đầu của người nữ." Nhưng ông không làm vậy. Vậy tại sao lại theo thứ tự này? Câu trả lời là *Phao-lô đang đi theo một trình tự thời gian*.

Dù ý nghĩa của câu "*kephalē* của mọi người nam là Đấng Christ" không quan trọng cho cuộc thảo luận của chúng ta, dường như nó tiếp nối thần học của Phao-lô về Đấng Christ là Đấng mà qua Ngài mọi sự được tạo dựng. Theo nghĩa này, trong Sáng Thế Ký 2, Đức Chúa Trời *qua Đấng Christ* đã dựng nên A-đam, và theo nghĩa phái sinh, mọi người nam về sau.

190. Payne, Man and Woman, One in Christ, chương 7. Chẳng hạn, Cyril thành Alexandria (qua đời năm 444 SCN) đã viết: "Lu-ca [3:38, 'A-đam bởi Đức Chúa Trời'] … giải thích nguồn của con người, là Đức Chúa Trời Đấng Tạo Hóa. Vì vậy chúng ta nói rằng 'đầu (kephalē) của mọi người nam là Đấng Christ', vì người nam được làm nên qua Ngài và được đưa vào sự hiện hữu … 'Và đầu (kephalē) của người nữ là người nam', vì bà đã được lấy ra từ thịt của ông và vì vậy thật sự có ông là nguồn của mình. Tương tự, 'đầu (kephalē) của Đấng Christ là Đức Chúa Trời', vì Ngài từ Đức Chúa Trời mà ra theo bản tính: vì Ngôi Lời đã được sinh ra từ Đức Chúa Cha."
191. Payne, Man and Woman, One in Christ, chương 7, chú thích 7, liệt kê bốn mươi công trình học thuật lập luận rằng kephalē có nghĩa là "nguồn" trong 1 Cô-rinh-tô 11:3. Sách này được xuất bản năm 2009; danh sách ngày nay đã dài hơn nhiều.
192. Chẳng hạn, Alan Johnson thực hiện một nghiên cứu tổng hợp 17 công trình nghiên cứu lớn, thuộc mọi phía, về từ kephalē và kết luận: "Dường như ngày càng có sự đồng thuận rằng kephalē, như một ẩn dụ, có thể mang một nghĩa khác trong một văn mạch khác." (Nguồn: www.bit.ly/3GJ9Vnc)

Vế tiếp theo, "*kephalē* của người nữ là người nam", nói đến điều đã xảy ra kế tiếp trong vườn Ê-đen: từ cạnh sườn A-đam, Đức Chúa Trời làm nên Ê-va. Chúng ta biết Phao-lô đang nói đến A-đam và Ê-va vì ông dùng số ít "người nữ" chứ không phải "những người nữ", và "người nam" chứ không phải "những người nam", rồi trở lại, trong câu 8 và câu 12a, để nhắc rằng Ê-va (mà ông gọi là "người nữ") đã ra từ A-đam ("người nam"). Xác nhận cách giải nghĩa rằng câu 3 nói về A-đam như *nguồn* của Ê-va, cuối cùng Phao-lô nhắc rằng theo một nghĩa khác, mỗi người con trai của A-đam đều *ra từ* một người con gái của Ê-va – tức là mẹ mình (c. 12b), và theo một nghĩa khác nữa, mọi người đều *ra từ* Đấng Tạo Hóa của mình (c. 12c).

Vế cuối, "*kephalē* của Đấng Christ là Đức Chúa Trời", nhiều khả năng nói đến sự nhập thể của Đấng Christ. Trong chức vụ trên đất, Ngài là "hình ảnh của Đức Chúa Trời không thấy được", bày tỏ cho một thế giới đang dõi theo Đức Chúa Cha là nguồn của Ngài.[193]

Chúng ta có thể hỏi: tại sao Phao-lô không nói rằng Đấng Christ cũng là *kephalē* của mọi người nữ? Câu trả lời nằm ở một câu hỏi khác: ngay từ đầu, tại sao Phao-lô lại gom những tuyên bố thần học lạ lùng và dường như rời rạc này lại với nhau? Các câu 4-5 cung cấp một số câu trả lời thuyết phục: *dùng một phương pháp giảng dạy sáng tạo, Phao-lô liên kết cách người nữ và người nam đối xử với cái đầu thân thể của mỗi người với cách mỗi người đối xử với cái đầu theo nghĩa bóng của mình*. Nói cách khác, trong câu 3, Phao-lô đặt tiền đề rằng

193. Cô-lô-se 1:15 và Hê-bơ-rơ 1:3. Để hiểu vế thứ ba này, chúng ta phải hiểu rằng ba vế trong c. 3 là những phép so sánh gần như song song. Chúng không tương đương chính xác với nhau. Trong Sáng Thế Ký 2, Đức Chúa Trời dựng nên A-đam theo nghĩa đen. Có thể nói A-đam "ra từ" Đức Chúa Trời. Ê-va cũng "ra từ" A-đam, nhưng không theo cùng cách A-đam ra từ Đức Chúa Trời. Sau cùng, Đức Chúa Con "đã ra từ" (hay "ra từ") Đức Chúa Cha. Như Phao-lô đã nói trước đó trong thư gửi người Cô-rinh-tô: "Đấng Christ đã trở nên sự khôn ngoan từ Đức Chúa Trời cho chúng ta . . . sự cứu chuộc của chúng ta" (1 Cô-rinh-tô 1:30). Nhưng điều này hoàn toàn không nói đến việc Ngài được Đức Chúa Cha dựng nên – đúng hơn, có lẽ nó nói đến cách Ngài nhận lấy sự sống và bản sắc của Ngài từ Đức Chúa Cha. Chúa Giê-xu tuyên bố: "Vì như Cha có sự sống trong mình, thì Cha cũng đã ban cho Con có sự sống trong mình vậy" (Giăng 5:26 NIV). Những học giả tin rằng vế cuối của Phao-lô có thể nói đến mối quan hệ *đời đời* của Đức Chúa Con với Đức Chúa Cha, chứ không chỉ mối quan hệ *trong sự nhập thể* của Ngài, có thể là đúng. Nhưng dù hiểu theo cách nào, *kephalē* khi áp dụng cho mối quan hệ Cha – Con cũng không biểu thị thẩm quyền. Để đưa ra một phép so sánh: dù trong cõi đời đời hay trong sự nhập thể, Đức Chúa Cha là *kephalē* của Đức Chúa Con – cũng như mặt trời là *kephalē* của một tia nắng. Chưa bao giờ có mặt trời mà không có tia nắng, cũng chưa bao giờ có tia nắng mà không có mặt trời. Đấng Christ (tia nắng) có thể được phân biệt với Đức Chúa Trời (mặt trời) về chức năng, nhưng điều này không có nghĩa là Ngài bị đặt ở địa vị lệ thuộc Đức Chúa Cha đời đời.

mỗi người đều có một cái đầu theo nghĩa bóng, để lập luận trong các câu 4-5 rằng điều người nam và người nữ làm với cái đầu thân thể của mình trong sự thờ phượng phản ánh lên *kephalē* theo nghĩa bóng được nhắc đến trong câu 3 – đối với "mọi người nam" (c. 4) đó là "Đấng Christ" (c. 3); đối với "mọi người nữ" (c. 5) đó là "người nam" (c. 3).

Dù điều này nghe có vẻ lạ tai đối với người hiện đại, Phao-lô chuyển qua lại giữa cách dùng từ *kephalē* theo nghĩa đen và theo nghĩa bóng. Ê-va tôn trọng A-đam như *kephalē* của mình, và vì vậy mỗi người con gái của Ê-va phải tôn trọng các con trai của A-đam bằng cách tôn trọng cái đầu thân thể của mình (thể hiện qua việc trùm đầu). Cũng vậy, A-đam tôn trọng Đấng Christ như *kephalē* của mình, nên mỗi người con trai của A-đam phải tôn trọng Đấng Christ bằng cách tôn trọng cái đầu thân thể của mình (thể hiện qua việc giữ tóc ngắn).

Dù ba câu tuyên bố trong câu 3 mạnh mẽ đến đâu, rõ ràng các câu 4-5 không phải là thần học tinh vi. Đây là Phao-lô, một nhà tư tưởng độc đáo thiên tài, đang tạo ra những mối liên kết để tăng thêm sức mạnh cho lập luận của mình. Ông chủ yếu không cố dạy họ (hay chúng ta) một thần học phát triển về giới tính, mà đúng hơn là cố tăng thêm sự hỗ trợ cho lập luận của mình rằng phụ nữ nên trùm đầu trong sự thờ phượng.

Bây giờ, khi suy ngẫm những câu theo sau câu 3, chúng ta sẽ nhận ra rằng Phao-lô không thể có ý nói "thẩm quyền" trong câu 3 – chúng ta biết điều này vì từ đầu đến cuối, ý tưởng xuyên suốt là tôn trọng nguồn của mình, chứ không phải thuận phục một người lãnh đạo: chẳng hạn, tiếp theo việc nói "người nam là *kephalē* của người nữ" (c. 3), Phao-lô dường như diễn đạt lại cùng điểm ấy trong câu 8 khi nói "người nữ ra từ người nam" – nói đến A-đam như nguồn của Ê-va chứ không phải thẩm quyền của bà.[194] Ngoài ra, chuyển từ việc nói về Đấng Christ là Đấng Tạo Hóa ("*kephalē* của mọi người nam là Đấng Christ"), Phao-lô sau đó nói về Đức Chúa Trời là Đấng Tạo Hóa trong câu 12, khi ông nói: "mọi sự [hay mọi người] đều ra từ Đức Chúa

194. Cynthia Westfall nói trong "Paul and Gender" (chương 1): "Những chỗ nhắc đến bản tường thuật sáng tạo trong phân đoạn này, và đặc biệt như trong 11:8, được Phao-lô dùng để nhắc lại, giải thích và mở rộng tuyên bố thần học của ông trong 11:3. Trong văn mạch gần, lời tuyên bố rằng người nữ ra từ người nam và người nữ được dựng nên vì người nam gợi ý rằng nguồn gốc sự sống của người nam và người nữ là điều được nói đến trong 11:3."

Trời." Ở đây một lần nữa, Phao-lô tập trung vào Đức Chúa Trời không phải như thẩm quyền mà như nguồn của những ai Ngài tạo dựng.[195] Điều này cũng giúp chúng ta hiểu tại sao Đấng Christ được gọi là *kephalē* của "mọi người nam" trong câu 3 – không phải mọi người nam đều có Ngài làm thẩm quyền của mình, nhưng tất cả đều có Ngài là Đấng Tạo Hóa – nguồn của họ.

Thêm sức nặng cho điều này là: theo giáo lý chính thống, cách nói "Đức Chúa Trời là *kephalē* của Đấng Christ" chưa bao giờ được hiểu là Đức Chúa Cha là thẩm quyền trên Đấng Christ. Như tôi đã trình bày trong chương 3, chính các nhà thần học theo quan điểm bổ sung là những người đã nhiều lần cố gắng gắn thêm một thứ bậc giả định vào các mối quan hệ đời đời trong Ba Ngôi, để hỗ trợ cho ý tưởng của họ về một thứ bậc vĩnh viễn trong mối quan hệ nam–nữ. Những mô tả chính thống về mối quan hệ giữa Con và Cha, ngay cả khi Con ở trên đất, *không* nói nhiều về việc Đức Chúa Cha khẳng định "thẩm quyền" của Ngài trên Con, mà nói về việc Con, trong tình yêu hiến dâng chính mình, thuận phục ý muốn của Cha – ý muốn mà thật ra cũng là ý muốn của chính Ngài.[196]

Kathy Keller thừa nhận rằng dù "lần đầu tiên bà tiếp xúc với những ý tưởng về vai trò làm đầu và sự thuận phục [trong hôn nhân] là một cú sốc cả về trí tuệ lẫn đạo đức", nhưng khi một số "người dạy dỗ có ân tứ đã hướng dẫn [bà] [nhận ra cách] Ngôi Hai của Đức Chúa Trời [đã thuận phục] và nhận lấy

195. So sánh 1 Cô-rinh-tô 8:6 với 1 Cô-rinh-tô 11:12 xác nhận điều này. "Chỉ có một Đức Chúa Trời, là Đức Chúa Cha, muôn vật đều từ Ngài mà ra … và chỉ có một Chúa, là Đức Chúa Giê-xu Christ, muôn vật đều bởi Ngài mà có." (1 Cô-rinh-tô 8:6). "Vì như người nữ đã ra từ người nam … Nhưng mọi sự đều ra từ Đức Chúa Trời." (1 Cô-rinh-tô 11:12) Trong câu trước, Đức Chúa Trời là Đấng Tạo Hóa tối hậu và Chúa Giê-xu là Đấng mà qua Ngài Đức Chúa Trời dựng nên muôn vật. Trong câu sau, Đức Chúa Trời là Đấng Tạo Hóa tối hậu và A-đam là người mà qua ông Đức Chúa Trời dựng nên Ê-va. Theo nghĩa này, cả Đức Chúa Trời lẫn người mà qua đó Đức Chúa Trời tạo dựng đều có thể được gọi là *kephale.* Cả hai đều đóng vai trò là nguồn, dù khác loại: Đức Chúa Trời là nguồn tối hậu, còn Chúa Giê-xu hay A-đam là nguồn trung gian. Cả hai loại nguồn đều đáng được tôn trọng.

196. Giáo phụ John Chrysostom đã bác bỏ quan điểm cho rằng trong Ba Ngôi, Con ở địa vị phụ thuộc Cha, khi giải thích phân đoạn này: "Đức Chúa Cha sinh ra Con, không phải như một nô lệ dưới quyền sai khiến của Ngài, nhưng như một người tự do, tự nguyện vâng lời. [Con] không phải là nô lệ; Ngài có cùng một sự tôn kính như Đấng đã sinh ra Ngài." Theo cách hiểu truyền thống, Ba Ngôi nhấn mạnh những mối quan hệ của tình yêu thương lẫn nhau, chứ không phải những mối quan hệ của thẩm quyền. Các nhà thần học Đông phương thời đầu nói về Đức Chúa Cha như "cội nguồn của thần tính". Đức Chúa Cha đời đời sinh ra Con, và Đức Thánh Linh phát xuất từ Đức Chúa Cha. Các nhà thần học Tây phương thích dùng ngôn ngữ về Ngôi Lời (Logos) mà Đức Chúa Cha sinh ra, và về Đức Thánh Linh như tình yêu thương lẫn nhau phát xuất từ cả Đức Chúa Cha lẫn Đức Chúa Con.

vai trò của một đầy tớ", thì bà chấp nhận rằng mình có thể đóng "vai trò của Chúa Giê-xu" trong hôn nhân. Bà đưa ra nền tảng Kinh Thánh cho mối liên hệ này: "Trong 1 Cô-rinh-tô 11:3, Phao-lô nói … rằng mối quan hệ giữa Cha và Con là khuôn mẫu cho mối quan hệ giữa chồng và vợ", trong đó "nam và nữ được mời gọi phản chiếu và phản ánh … thẩm quyền yêu thương và sự thuận phục yêu thương."[197] Đáng tiếc là, dù phần lớn cuốn sách bán chạy về hôn nhân của vợ chồng Keller thật xuất sắc, nó đã góp phần lan truyền không chỉ một cách giải thích sai mà còn một cách áp dụng sai 1 Cô-rinh-tô 11:3, khiến các người vợ nghĩ rằng họ được giao một nhiệm vụ đặc biệt: phản chiếu sự thuận phục của Con đối với Cha qua sự thuận phục của họ đối với chồng.

Không có câu Kinh Thánh nào đặt nền cho các "vai trò được phân định" của chúng ta trong Ba Ngôi, chắc chắn không phải 1 Cô-rinh-tô 11:3. Điều này thấy rõ nhất ở chỗ Phao-lô không chỉ đưa ra hai vế song song, mà là ba. Những người theo quan điểm bổ sung thích so sánh việc người nam làm đầu người nữ với việc Đức Chúa Trời làm đầu Đấng Christ dường như quên mất vế thứ nhất: Đấng Christ là đầu của người nam. Người ta có thể cố gắng vắt ra một điểm tương đồng nào đó giữa Đức Chúa Trời và Đấng Christ, và giữa người nam và người nữ ("bình đẳng về bản thể nhưng phụ thuộc về chức năng" là điều mà quan điểm bổ sung đưa ra), nhưng nếu đó là điều Phao-lô muốn dạy, thì ông đã không thêm vế thứ nhất về Đấng Christ và người nam, vì không người nam nào ngang hàng với Đấng Christ.

Còn một câu hỏi nữa về điểm này, liên quan đến đầu của Ê-va. Trong câu 5, Phao-lô nói rằng người nữ nào làm nhục cái đầu thể chất của mình thì cũng làm nhục cái đầu theo nghĩa ẩn dụ của mình, mà theo câu 3 là "người nam". Vậy câu hỏi là: Phao-lô có thể đang nói đến người nam nào, hay những người nam nào? Những người theo quan điểm bổ sung, như Köstenberger, thường trả lời rằng điều đó chỉ về *sự lãnh đạo thuộc linh của người nam*. Nhiều mục sư theo quan điểm bổ sung còn khuếch đại điều này và nói rằng mọi người nữ đều phải ở dưới một người nam làm đầu, dù đó là chồng, cha, hay một ban mục vụ gồm toàn nam giới.

197. Tim và Kathy Keller, The Meaning of Marriage, chương 6.

Nhưng manh mối cho một câu trả lời vững vàng hơn nằm ở câu trước đó: "mọi người nam" phải tôn trọng "đầu mình" (câu 4). Cách diễn đạt này đưa chúng ta trở lại câu 3, nơi câu trả lời đã có sẵn: "Đấng Christ" là đầu của mọi người nam. Tương tự, "mọi người nữ" phải tôn trọng đầu mình (câu 5), và điều này cũng đưa chúng ta trở lại câu 3, nơi chúng ta thấy rằng "người nam" được nói đến là A-đam, người theo nghĩa điển hình tượng trưng cho mọi người nam. Nói cách khác, Phao-lô khó có thể đang nói về một người nam cụ thể nào, mà đúng hơn là về tất cả con trai của A-đam.

Dù tất cả những lời bàn về danh dự này có thể không gây được nhiều đồng cảm nơi những người trong chúng ta không còn sống trong một nền văn hóa hổ thẹn – danh dự, thì độc giả của bức thư Phao-lô hẳn đã hoàn toàn hiểu được. Trong phân đoạn này, ông kết hợp hai khái niệm *kephalē* và danh dự. Nói cách khác, cách Phao-lô dùng *kephalē* trong câu 3 dường như gom lại hai khái niệm nguồn và danh dự vốn xuyên suốt phân đoạn này.

Vậy chúng ta hãy trả lời câu hỏi then chốt đã đặt ra trước đây: *câu 3 có nghĩa là gì?* Câu ấy có nghĩa là Đấng Christ là nguồn đáng được tôn trọng của người nam (vì Ngài là Đấng Tạo Hóa của người nam); người nam (A-đam) là nguồn đáng được tôn trọng của người nữ (Ê-va); và Đức Chúa Trời là nguồn đáng được tôn trọng của Đấng Christ (trong sự nhập thể của Ngài).[198]

Tôi kết luận: *câu 3 hoàn toàn không nói gì về địa vị phụ thuộc của Đấng Christ hay của người nữ.*

198. Một câu trả lời dài hơn có thể là câu 3 có nghĩa như sau: Trong Sáng Thế Ký 2, A-đam (và mọi người nam) nhận căn tính hay sự hiện hữu của mình từ Đấng Christ, nên Ngài đáng được người nam tôn trọng. Về sau trong Sáng Thế Ký 2, Ê-va (và mọi người nữ) nhận căn tính hay sự hiện hữu của mình từ A-đam, nên ông (và mọi người nam) đáng được người nữ tôn trọng. Cuối cùng, trong sự nhập thể (hoặc có lẽ trong cõi đời đời), Đấng Christ nhận/đã nhận căn tính hay sự hiện hữu của Ngài từ Đức Chúa Cha, nên Đức Chúa Cha đáng được Ngài tôn trọng. Chúng ta cũng có thể hỏi: nếu người A là *kephale* của người B, thì người B là gì đối với người A? Nếu người B nhận sự hiện hữu hay căn tính của mình từ người A, thì một cách nói khác là người B là *hình ảnh* của người A. Việc Phao-lô ngay sau đó nói rằng "người nam là hình ảnh và sự vinh hiển của Đức Chúa Trời; nhưng người nữ là sự vinh hiển của người nam" (1 Cô-rinh-tô 11:7) có thể cho thấy Phao-lô đã ngụ ý điều này. Nói cách khác, một hệ quả thần học gọn gàng của câu 3 là: người nam được dựng nên theo hình ảnh và sự giống Đấng Christ; Ê-va được dựng nên theo hình ảnh và sự giống A-đam; và Đấng Christ là hình ảnh và sự giống của Đức Chúa Trời. Một lần nữa, không điều nào trong những điều này ngụ ý địa vị phụ thuộc của người nữ hay của Đấng Christ.

PHAO-LÔ CÓ THẤY THỨ BẬC TRONG VƯỜN Ê-ĐEN KHÔNG?

Trong chương 4, tôi đã lập luận rằng khi nghiên cứu cẩn thận Sáng Thế Ký 1-3, chúng ta thấy thứ bậc giới tính đến từ sự sa ngã, chứ không phải từ thiết kế tốt lành của Đức Chúa Trời trong sự sáng tạo. Trái với quan điểm này, những người theo quan điểm bổ sung dùng các câu sau đây để lập luận rằng Phao-lô đã nhận thấy có thứ bậc trước sự sa ngã: "Vì không phải người nam ra từ người nữ, nhưng người nữ ra từ người nam; cũng không phải người nam được dựng nên vì người nữ, nhưng người nữ được dựng nên vì người nam" (câu 8-9). Bàn về những câu này, Schreiner nói: "Rõ ràng Phao-lô đã giải thích Sáng Thế Ký 2 là bày tỏ một sự phân biệt về vai trò giữa người nam và người nữ" – ý ông là vai trò thẩm quyền và vai trò thuận phục.[199]

Nhưng bạn có thấy vì sao điều này hoàn toàn không rõ ràng chút nào không? Chỉ khi chúng ta giả định rằng trong câu 3 Phao-lô đang nói về địa vị phụ thuộc của người nữ, thì chúng ta mới kết luận rằng Phao-lô thấy có thứ bậc trước sự sa ngã. Nhưng trong những câu này, ông chỉ triển khai thêm điều ông đã nói trong câu 3 về Sáng Thế Ký 2: "*Kephalē* của [Ê-va] là [A-đam]" – ông nêu ra hai điểm nổi bật nhất. Thứ nhất, Ê-va được dựng nên từ A-đam, theo nghĩa đen là được tạo ra từ cạnh sườn của ông – đó là lý do các phụ nữ ở Cô-rinh-tô nên tôn trọng những người nam trong Hội Thánh, là những người, nếu trở về với vườn Ê-đen, là nguồn của họ.[200] Thứ hai, Ê-va được dựng nên cho A-đam, để làm người giúp đỡ và cộng sự của ông, *ezer kenegdo* của ông, để làm cho ông trọn vẹn và đứng bên cạnh ông – đó là lý do các phụ nữ ở Cô-rinh-tô, khi nhớ lại vườn Ê-đen, không nên làm nhục những người nam mà họ được dựng nên để cùng cộng tác. (Nhưng mặt khác, những người nam ở Cô-rinh-tô cũng không nên làm nhục những người nữ, vì thiếu họ thì chính mình không trọn vẹn.)

Tóm lại, cả Sáng Thế Ký lẫn Phao-lô đều nêu bật cả sự khác biệt giữa hai giới lẫn nhu cầu về sự nương tựa lẫn nhau trong sự tôn trọng nhau – nhưng

199. Tom Schreiner nói như vậy trong "Recovering Biblical Manhood and Womanhood", tr. 133.
200. "Người nam không ra từ người nữ" (câu 8) – từ Sáng Thế Ký 2 có thể lập luận rằng A-đam cũng phải tôn trọng Ê-va, nhưng Phao-lô chỉ ra rằng không thể nói bà là nguồn của ông.

không bên nào nói gì về những "vai trò" theo thứ bậc mà Schreiner cho rằng mình tìm thấy trong phân đoạn này.

PHỤ NỮ CÓ MANG HÌNH ẢNH CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI NGANG BẰNG NAM GIỚI KHÔNG?

Còn câu "Người nam … là hình ảnh và sự vinh hiển của Đức Chúa Trời; nhưng người nữ là sự vinh hiển của người nam" (câu 7) thì sao? Công bằng mà nói, hầu như không có người theo quan điểm bổ sung nào dùng câu này để củng cố lập luận của mình. Lý do Grudem không dùng câu này để lập luận cho địa vị phụ thuộc của người nữ là vì, nhìn bề ngoài, nó dường như đi ngược lại xác tín chung của chúng ta rằng hai giới không chỉ khác nhau mà còn "bình đẳng". Thật ra, đây là một câu làm bằng chứng được dùng trong phần lớn lịch sử giáo hội để bênh vực sự dạy dỗ không hề bị thách thức rằng phụ nữ tự bản chất thấp kém hơn nam giới.

Phải chăng Phao-lô đang nói rằng người nữ mang hình ảnh của Đức Chúa Trời ít hơn người nam? Không.[201] Nói như giáo hội đã nói trong phần lớn lịch sử của mình, rằng Ê-va chỉ nhận được một phần hình ảnh của Đức Chúa Trời qua A-đam, là mâu thuẫn với Sáng Thế Ký 1, vốn công nhận hình ảnh của Đức Chúa Trời nơi cả hai giới một cách ngang bằng. Điều mà Phao-lô – người hiểu rõ Sáng Thế Ký 1 – dường như đang làm là tiếp tục lập luận của ông rằng Đức Chúa Trời/Đấng Christ là nguồn được tôn trọng của A-đam, và A-đam là nguồn được tôn trọng của Ê-va. Bà nhận sự hiện hữu và căn tính của mình không chỉ từ Đức Chúa Trời, mà cũng từ A-đam. Khi đội khăn trùm đầu trong lúc thờ phượng, các phụ nữ tôn trọng những người nam.

Phao-lô cũng có thể đang ngầm chỉ ra sự đảo chiều của dòng chảy danh dự – A-đam là sự vinh hiển và hình ảnh (tức là hình ảnh vinh hiển) của Đức Chúa Trời. Tương tự, Ê-va là hình ảnh vinh hiển của A-đam. Điều này rất phù hợp với lời reo vui của A-đam khi lần đầu tiên ông thấy chính mình được phản

201. Lucy Peppiatt (trong "Women and Worship at Corinth") và một số học giả Kinh Thánh khác đưa ra luận điểm rằng Phao-lô có viết như vậy, nhưng thật ra ở chỗ này ông đang trích lời các giáo sư giả trong Hội Thánh, như ông làm ở những chỗ khác trong 1 Cô-rinh-tô. Để giữ cho chương này có độ dài vừa phải, tôi quyết định không giải thích quan điểm đó, mà dựa vào cách giải thích của Cynthia Westfall mà tôi thấy thuyết phục hơn.

chiếu nơi Ê-va: "Cuối cùng! Đây là xương bởi xương tôi, thịt bởi thịt tôi." *Nếu người nữ phải tôn trọng nguồn của mình nơi A-đam, thì người nam phải tôn trọng hình ảnh của chính mình nơi người nữ.*

Thay vì đọc lời Phao-lô như mô tả một sự giảm dần về giá trị (từ A-đam đến Ê-va), có lẽ chúng ta nên đọc chúng như một cao trào vinh hiển dâng lên dần. A-đam *chỉ* là hình ảnh và sự vinh hiển của Đức Chúa Trời, còn Ê-va là hình ảnh và sự vinh hiển của *cả Đức Chúa Trời lẫn A-đam*. Chẳng phải Sáng Thế Ký 1 và 2 cũng được đọc như thế sao? Trong cả hai chương, tạo vật tột đỉnh của Đức Chúa Trời đều xuất hiện sau cùng. Trong chương 1, đó là loài người. Trong chương 2, đó là người nữ. A-đam được dựng nên từ bụi đất, nhưng Ê-va được dựng nên từ thịt.[202] Giữa một thế giới mà phụ nữ đã bị xem rẻ đến thế, những lời này của Sáng Thế Ký và của Phao-lô ở đây đi ngược văn hóa đến mức không thể hơn được nữa.

NGƯỜI NỮ CÓ PHẢI MANG MỘT "BIỂU TƯỢNG" CỦA THẨM QUYỀN KHÔNG?

Bây giờ đến câu tôi yêu thích nhất trong phân đoạn này: "Vì lẽ đó, người nữ phải có thẩm quyền trên đầu mình, vì có các thiên sứ" (câu 10). Theo cách dịch mới lạ của bản RV năm 1881, bản ESV dịch câu này là: "Đó là lý do người vợ phải có *một biểu tượng* của thẩm quyền trên đầu mình, vì có các thiên sứ." Vì ESV tự nhận là một bản dịch sát chữ, chứ không phải một bản dịch linh động theo nghĩa như bản NIV được trích ở trên, nên bạn sẽ nghĩ rằng trong hai bản, bản dịch ESV hẳn là sát chữ hơn. Nhưng bạn đã nhầm. *Nguyên văn tiếng Hy Lạp không hề nhắc đến bất kỳ dấu hiệu hay biểu tượng nào.*

Tại sao ESV lại làm như vậy? Vì điều đó có lợi cho những người theo quan điểm bổ sung khi lập luận rằng khăn trùm đầu của người nữ là biểu tượng cho "thẩm quyền" (tiếng Hy Lạp: *exousia*) của nam giới, hoặc có lẽ của chồng, trên bà. Nhưng Phao-lô chưa bao giờ nói như vậy. Dù các học giả Kinh Thánh tranh luận về nhiều khía cạnh của câu này, khía cạnh quyết định mà chúng ta cần hỏi là: ai có "thẩm quyền" mà Phao-lô nói đến ở đây? Nếu bà

202. Nếu theo sát lập luận của Phao-lô ở đây, chúng ta càng có khuynh hướng nói rằng A-đam thấp kém hơn Ê-va chứ không phải ngược lại. Dĩ nhiên, để tránh sai lầm ngược lại với sai lầm của giáo hội trong phần lớn lịch sử đầy tư tưởng khinh miệt phụ nữ của mình, chúng ta sẽ không làm thế.

chỉ có "một biểu tượng của thẩm quyền", thì điều đó có nghĩa là nam giới nói chung, hoặc có lẽ một số người nam cụ thể, có thẩm quyền trên bà. Nhưng tiếng Hy Lạp nói rằng chính người nữ "có thẩm quyền trên" đầu mình. Cùng một cách diễn đạt ấy xuất hiện khi Chúa Giê-xu ban cho các môn đồ "quyền trên" (*exousian … epi*) Sa-tan. Trong tất cả 102 lần khác mà từ *exousia* được dùng trong Tân Ước, kể cả chín lần trong 1 Cô-rinh-tô, từ này đều chỉ về thẩm quyền mà chính người đó nắm giữ.[203] Ý của Phao-lô là: nếu trong sự sáng tạo Đức Chúa Trời đã ban cho Ê-va và các con gái của bà một loại thẩm quyền nào đó, thì không người nam nào (cũng không dịch giả Kinh Thánh nào) được tước nó khỏi bà. *Nhưng đây lại chính là điều ngược hẳn với điều mà bản dịch ESV gợi ý*. Đây chính là điểm yếu lớn nhất trong cách đọc 1 Cô-rinh-tô 11 theo quan điểm bổ sung: *chỗ duy nhất thật sự nhắc đến một loại thẩm quyền nào đó lại nói về thẩm quyền của người nữ*. Đúng là thẩm quyền của bà có liên quan đến khăn trùm đầu, nhưng điều dường như được nhấn mạnh là đặc quyền tự do, không bị ép buộc, của bà trong việc đội khăn ngay từ đầu. Tại sao Phao-lô lại thêm điểm này về quyền đội khăn trùm đầu của bà? Các học giả không chắc chắn, dù Cynthia Westfall lập luận rằng chính một số người nam, chứ không phải bản thân các phụ nữ, đã gây áp lực buộc các phụ nữ ở Cô-rinh-tô bỏ khăn trùm. Dù chúng ta không thể chắc chắn, nhưng nếu đúng là như vậy, thì Phao-lô đang khích lệ các phụ nữ *chống lại* những người nam đang tìm cách đặt họ vào một tình thế khó xử.

Phao-lô đưa ra hai lý do cho thẩm quyền tự thân của người nữ. Lý do thứ nhất, được báo hiệu bằng những chữ ở đầu câu 10 ("vì lẽ đó"), đưa chúng ta trở lại câu 8 và 9, trong đó bà – đỉnh cao của sự sáng tạo – đến bên cạnh A-đam như người cộng sự của ông, và vì thế không nên làm ông hổ thẹn. Ông lập luận: chẳng lẽ người là tột đỉnh của sự sáng tạo và ngang hàng với A-đam lại không thể tự đứng vững trên đôi chân của mình sao? Lý do thứ hai là "vì có các thiên sứ". Điều đó có nghĩa là gì? Các học giả đưa ra nhiều đề nghị. Tôi thấy có hai đề nghị thuyết phục nhất: hoặc đây là sự ám chỉ đến các thiên sứ đã có mặt trong sự sáng tạo (đã ở đó khi Ê-va xuất hiện trong tất cả vinh quang của bà), hoặc, có lẽ hợp lý hơn, nó liên quan đến lời Phao-lô đã nói trước đó trong cùng bức thư về các thiên sứ, trong một đoạn mà ông nói

203. Philip Payne, Man and Woman, One in Christ, chương 10.

rằng một ngày kia các thánh đồ sẽ xét đoán các thiên sứ[204] – trong trường hợp đó, việc người nữ tự quyết định về trang phục của mình là hoàn toàn hợp lý, vì *Ê-va và các con gái của bà thuộc dòng hoàng tộc, là những người cùng với nam giới một ngày kia sẽ cai trị cả vũ trụ*.

Chính thẩm quyền do Đức Chúa Trời ban này là lý do không chỉ người nam, mà cả người nữ, cũng có thể góp phần qua sự cầu nguyện và nói tiên tri, như câu 4-5 nhắc đến cách thoáng qua.

Song trong Chúa

Cho đến đây trong phân đoạn này, Phao-lô đã nói những điều có thể được – và đã được – giải thích là ông đang đề cao người nam (câu 3-6) và cũng đề cao người nữ (câu 7, 10). Tuy nhiên, ở phần cuối, ông nói rất rõ rằng trong Tin Lành và trong Hội Thánh, cả hai giới đều bình đẳng và đều nương tựa vào nhau như nhau: "Song trong Chúa, người nữ không độc lập với người nam, và người nam cũng không độc lập với người nữ" (câu 11). Trong câu 3, ông đã nói A-đam là nguồn sinh học của Ê-va (và vì thế mọi người nữ nên tôn trọng mọi người nam), nhưng bây giờ ông cũng nêu bật rằng mọi người nam đều có khởi nguồn sinh học từ một người mẹ: "Vì như người nữ đã ra từ người nam, thì người nam cũng sinh bởi người nữ" (câu 12), và vì thế mọi người nam nên tôn trọng mọi người nữ. *Bằng cách kết hợp một nhận xét về việc Ê-va ra đời thế nào trong Sáng Thế Ký 2 với một nhận xét về việc mọi người nam ra đời thế nào trong thế gian này, Phao-lô làm rõ rằng sự tôn trọng phải đi theo cả hai chiều* – khiến chúng ta càng ít có cơ sở để cổ xúy cho thứ bậc giới tính dựa trên trật tự sáng tạo. Sự tương hỗ, sự bình đẳng, sự hiệp một – tất cả trong khi vẫn phân biệt hai giới: đó dường như là điều Đức Chúa Trời đã hình dung từ ban đầu.

Một số học giả lập luận rằng trong phân đoạn này Phao-lô chỉ bàn về chồng và vợ, chứ không phải về mối quan hệ nam–nữ nói chung. Điều này có thể đúng, dù khả năng rất thấp. Từ Hy Lạp cho "người nam" và "người nữ" cũng có thể được dịch là "chồng" và "vợ", nếu phân đoạn đang nói về điều đó. Tuy nhiên, phần lớn học giả lập luận rằng, nếu đọc toàn bộ phân đoạn,

204. 1 Cô-rinh-tô 6:1-2

Phao-lô đang nói về cách mọi người nam và mọi người nữ liên hệ với nhau – bao gồm các cặp vợ chồng nhưng cũng vượt ra ngoài phạm vi đó.[205]

Dù vậy, nếu số ít học giả đúng khi cho rằng Phao-lô chỉ nói với các cặp vợ chồng, thì chúng ta có thể kết luận rằng cái đầu theo nghĩa ẩn dụ của người nữ trong câu 5 có thể chỉ về *paterfamilias* của bà, tức người nam "nắm quyền" trên bà theo văn hóa Hy Lạp – La Mã. Nếu vậy, Phao-lô bảo bà hãy tôn trọng người ấy, nhưng không hề ủng hộ việc bà phải ở địa vị phụ thuộc người ấy – thật ra cả phân đoạn đang tiến tới sự bình đẳng hóa giữa hai giới. Điều đáng chú ý là ở chỗ khác mà Phao-lô nói về người chồng như *kephalē* (trong Ê-phê-sô 5), ông đặt mối quan hệ vợ chồng trong khuôn khổ bao trùm của khái niệm *sự thuận phục lẫn nhau*. Tương tự, ở đây trong 1 Cô-rinh-tô 11, ông kết thúc bằng một sự dạy dỗ về *sự nương tựa lẫn nhau*.

Dù phân đoạn này nói về mối quan hệ giữa mọi người nam và người nữ, hay (ít khả năng hơn) chỉ giữa chồng và vợ, tôi nghĩ chúng ta có thể tự tin loại bỏ khẳng định của quan điểm bổ sung rằng: "Phao-lô muốn phụ nữ trùm đầu để cho thấy họ thuận phục vai trò làm đầu của người nam."[206] Đối với phần đông chúng ta, đây là một tin tuyệt vời! Hãy tưởng tượng Đức Chúa Trời muốn mọi người nữ thuận phục mọi người nam – đó chính là điều Phao-lô sẽ ngụ ý khi đặt nền lập luận của mình trên sự sáng tạo. Điều đó sẽ bao gồm việc người nữ thuận phục người nam trong hôn nhân, trong các mối quan hệ gia đình, trong các nhóm bạn bè, trong các mối quan hệ công việc, trong xã hội và trong Hội Thánh. Tôi rùng mình khi nghĩ đến tác hại làm tê liệt mà sự dạy dỗ sai lầm này đã gây ra qua các thời đại cho những phụ nữ đã hiểu sai phân đoạn này như thể nó dạy họ phải có một thái độ thuận phục đối với nam giới. Đáng buồn thay, đó vẫn là điều Piper dạy trong chương mở đầu của *Recovering Biblical Manhood and Womanhood*: "Người phụ nữ trưởng thành … sẽ khẳng định sức mạnh và sự lãnh đạo của người nam dưới một hình thức nào đó *trong mọi mối quan hệ của mình* với những người nam xứng

205. Trừ khi chúng ta hình dung rằng những phụ nữ chưa kết hôn và các góa phụ giờ đây phải cởi bỏ khăn trùm đầu – chính là điều đem lại phẩm giá cho họ. Tuy nhiên, lập luận mạnh nhất là trong câu 12 Phao-lô nói: "mọi người nam đều sinh bởi người nữ" – điều này sẽ vô nghĩa nếu đọc là: "mọi người chồng đều sinh bởi vợ mình". Thiselton nhận xét rằng "tuyệt đại đa số các tác giả đã lập luận một cách thuyết phục rằng vấn đề liên quan đến các mối quan hệ giữa hai giới nói chung, chứ không chỉ những mối quan hệ trong phạm vi gia đình hẹp hơn" trong "1 Corinthians (NIGTC)."

206. Schreiner nói như vậy trong "Recovering Biblical Manhood and Womanhood", tr. 132, 135.

đáng."[207] Tạ ơn Chúa, Chúa Giê-xu, cùng với một sự nghiên cứu nghiêm túc về phân đoạn này, đã chấm dứt dứt khoát việc cách hiểu sai này làm tổn thương phụ nữ.

Càng xem xét từng lập luận mà những người theo quan điểm bổ sung đưa ra cho cách đọc phân đoạn này theo kiểu thẩm quyền – thuận phục, chúng ta càng thấy vì sao mỗi lập luận đều phải bị bác bỏ như một sự bóp méo thảm hại đối với một phân đoạn mà thật ra nâng cao người nữ một cách tuyệt vời, chứ không hạ thấp hay đặt họ vào địa vị phụ thuộc.

Bây giờ chúng ta hãy khảo sát phân đoạn thứ hai trong ba phân đoạn của Phao-lô mà thoạt nhìn dường như ủng hộ các kết luận của quan điểm bổ sung.

1 Cô-rinh-tô 14:33-35

Như chúng ta vừa thấy trong 1 Cô-rinh-tô 11, Phao-lô ban cho phụ nữ phẩm giá lớn lao. Ông không chỉ khen ngợi việc phụ nữ tham gia cầu nguyện và nói tiên tri, mà những lời ông nói về việc trùm đầu còn bắt nguồn từ mong muốn thấy mọi người nữ được tôn trọng đúng mức. Về sau trong cùng bức thư này, có một phân đoạn khác mà, ít nhất khi đọc lần đầu, dường như mâu thuẫn với phân đoạn trước:

33 Vì Đức Chúa Trời chẳng phải là Đức Chúa Trời của sự hỗn loạn, nhưng của sự bình an – như trong mọi Hội Thánh của các thánh đồ. 34 Đàn bà phải nín lặng trong các Hội Thánh. Họ không được phép nói, nhưng phải thuận phục, như luật pháp dạy. 35 Nếu họ muốn học hỏi điều gì, thì hãy hỏi chồng mình ở nhà; vì đàn bà nói trong Hội Thánh là điều hổ thẹn.

Vì các học giả tranh luận không dứt về phân đoạn này, tôi sẽ trình bày năm quan điểm chính mà nhiều học giả khác nhau đã đưa ra. (Thật ra có sáu quan điểm, nhưng tôi sẽ cho thấy một trong số đó là sự phát triển từ một quan điểm khác, nên tôi sẽ xem nó như một quan điểm phụ.) Tôi cũng tự cho phép mình, dựa trên sự cân nhắc riêng các lập luận, sắp xếp chúng theo thứ tự từ quan điểm tôi cho là yếu nhất đến quan điểm mạnh nhất.

207. John Piper nói như vậy trong "Recovering Biblical Manhood and Womanhood", tr. 21.

QUAN ĐIỂM 1: PHỤ NỮ PHẢI IM LẶNG TRONG CÁC BUỔI NHÓM THỜ PHƯỢNG

Các học giả đã vật lộn để hiểu làm sao Phao-lô có thể cho phép phụ nữ nói trong các buổi nhóm của Hội Thánh ở chương 11, rồi sau đó dường như lại cấm chính hoạt động ấy trong chương 14. Cho đến những năm 1960, khi sự thấp kém và địa vị phụ thuộc của phụ nữ nói chung vẫn chưa bị chất vấn, các học giả – từ thời xa xưa như giáo phụ Origen cho đến nhà chú giải Charles Ryrie – đều tin rằng Phao-lô muốn phụ nữ im lặng *như một quy tắc chung*. Ít ra thì Ryrie, vào năm 1958, đã nói thêm rằng có thể có những ngoại lệ khi phụ nữ được phép nói.

Nhưng nếu phần còn lại của Kinh Thánh luôn là người giải nghĩa tốt nhất cho một đoạn Kinh Thánh cụ thể, thì quan điểm lịch sử này phải bị bác bỏ. Trong chương 11 và trong phần lớn chương 14, Phao-lô đã khẳng định việc phụ nữ phát biểu trong Hội Thánh. Vì vậy, chúng ta không thể hiểu những chỉ dẫn của ông trong các câu này là mọi phụ nữ phải im lặng trong mọi Hội Thánh.

Tính thiếu hợp lý của quan điểm này, càng lộ rõ hơn bởi sự khám phá về sự bình đẳng của phụ nữ sau những năm 1960, đã dẫn đến nhiều nỗ lực khác để hiểu phân đoạn này.

QUAN ĐIỂM 2: PHỤ NỮ KHÔNG ĐƯỢC THẨM ĐỊNH CÁC LỜI TIÊN TRI

Quan điểm này nối việc Phao-lô bảo phụ nữ im lặng với chỉ dẫn của ông vài câu trước đó: "Người nói tiên tri chỉ nên có hai hoặc ba người nói, còn những người khác thì phải thẩm định kỹ điều được nói" (câu 29). Quan điểm này lập luận rằng Phao-lô chỉ buộc phụ nữ im lặng một phần. Dù cả nam lẫn nữ tiên tri đều có thể nói, quan điểm này kết luận rằng phụ nữ không được *thẩm định* các sứ điệp tiên tri.[208]

208. Phao-lô muốn nói chính xác điều gì khi nói "thẩm định" các lời tiên tri thì không chắc chắn. Đó là việc phân biện về mặt thuộc linh nguồn gốc của một lời tiên tri, hay việc phê bình nội dung

Dựa trên việc nhắc đến các người chồng (câu 35), quan điểm này cho rằng trong thế giới cổ đại, việc một người phụ nữ công khai thẩm định lời tiên tri của chính chồng mình hay của những người nam khác sẽ là điều khó xử về mặt văn hóa, và do đó vi phạm "trật tự" mà Phao-lô ám chỉ.

Quan điểm này có nhiều điểm yếu. Thứ nhất, "những người khác" được nhắc đến trong câu 29 chỉ về mọi người có mặt đang nghe một người nói tiên tri. Chính những người này phải thẩm định, và nhóm ấy bao gồm cả những phụ nữ khác. Thứ hai, câu 29 cách khá xa câu 34 và 35. Các câu ở giữa chuyển đề tài từ việc thẩm định các lời tiên tri sang việc các tiên tri tự kiềm chế bằng cách chờ đến lượt mình (câu 30-32). Không có gì trong cụm từ ở câu 29 được lặp lại trong câu 34-35, và không có mối liên hệ nào giữa cụm từ nói về việc thẩm định lời tiên tri với những chỉ dẫn của Phao-lô bảo phụ nữ im lặng. Đề nghị của Phao-lô rằng phụ nữ hãy học hỏi và đặt câu hỏi ở nhà cũng không liên quan gì đến việc thẩm định các lời tiên tri. Cuối cùng, việc thẩm định các lời tiên tri đòi hỏi ân tứ phân biệt, là ân tứ Đức Chúa Trời ban cho cả nam lẫn nữ (12:10).

Dù quan điểm này rất khó đứng vững, nhiều học giả theo quan điểm bổ sung vẫn tiếp tục cổ vũ và phát triển nó thêm.

Quan điểm 2a: Phụ nữ không được chiếm đoạt vai trò của các trưởng lão nam

Tôi đặt tên cho quan điểm này là 2a vì nó là một nhánh mới hơn mọc ra từ quan điểm trước. Đây cũng là quan điểm chiếm ưu thế trong số những người theo quan điểm bổ sung, được Grudem, Carson và vợ chồng Keller ủng hộ. Quan điểm này, dù không buộc phụ nữ im lặng, lại tìm ra cách đặt họ vào địa vị phụ thuộc một cách phổ quát. Nó đồng ý với Quan điểm 2 rằng Phao-lô đang cấm phụ nữ thẩm định các lời tiên tri, *rồi đưa thêm lý do này: những người duy nhất có thể thẩm định lời tiên tri là các trưởng lão của Hội Thánh, và đó là lý do Phao-lô không muốn phụ nữ làm điều đó.*

của nó về mặt giáo lý, hay có lẽ là việc suy xét điều Đức Chúa Trời có thể đang phán qua sự kết hợp nhiều lời tiên tri, hay việc quyết định cách áp dụng điều được nói ra?

Theo tôi, quan điểm này còn yếu hơn cả quan điểm gốc vì nó thực hiện một cú nhảy kép. Nó không chỉ nhảy qua câu 30-32 để đến câu 29, mà *còn nhảy đến một lý do không hề được nêu ra ở bất cứ đâu trong cả bức thư*. Lý lẽ mà Grudem đưa ra là phụ nữ có thể nói tiên tri, tức là chia sẻ một sự mặc khải tự phát, nhưng việc thẩm định các lời tiên tri đòi hỏi thẩm quyền về giáo lý, vốn là lãnh vực chỉ dành cho các trưởng lão nam. Rồi quan điểm này lại nhảy thêm một lần nữa, đến tận 1 Ti-mô-thê 2:12, câu nói rằng phụ nữ không được phép dạy dỗ người nam. Khi đối chiếu câu này với câu trước, lời nhắc đến việc phụ nữ cần phải "thuận phục, như luật pháp dạy" được hiểu là thuận phục các trưởng lão nam, theo các vai trò giới tính mà Sáng Thế Ký 2 dạy.

Tất cả những điểm yếu đã nêu ở Quan điểm 2 cũng áp dụng ở đây, nhưng quan điểm này còn bị phê phán nhiều hơn vì một số lý do. Trong cả bức thư này, Phao-lô không hề nhắc đến trưởng lão. Nếu không dùng đến những màn "nhào lộn" đáng kể của quan điểm bổ sung, thì không có điều gì trong 1 Cô-rinh-tô ngụ ý thẩm quyền của nam giới, hay ám chỉ rằng việc dạy dỗ là một chức năng dành riêng cho nam giới.

Dù các Hội Thánh thuộc phong trào ân tứ ngày nay có thể chỉ cho phép các trưởng lão thẩm định lời tiên tri, nhưng trong 1 Cô-rinh-tô 14, Phao-lô tin cậy sự trưởng thành của *cả Hội Thánh* trong việc vừa đưa ra vừa thẩm định các lời tiên tri. Thật ra, sự lãnh đạo duy nhất trong bức thư mà có thể nói là người ta cần thuận phục chính là *cả* "nhà Sê-pha-na" – những người mà tín hữu Cô-rinh-tô phải "thuận phục". Thật vậy, gia đình này, như mọi gia đình khác, hẳn đã bao gồm một số phụ nữ, nên có lẽ có nhiều cơ sở để nói rằng những người nam ở Cô-rinh-tô được khẩn khoản kêu gọi thuận phục các phụ nữ nhà Sê-pha-na, hơn là nói rằng chỉ các trưởng lão mới được phép thẩm định lời tiên tri![209]

Còn về việc đối chiếu từ 1 Cô-rinh-tô 14 sang 1 Ti-mô-thê 2:12, câu sau được viết muộn hơn nhiều, nên không ai trong số độc giả của bức thư này biết đến nó. Vào thời đó nó chưa tồn tại. Hơn nữa, những người theo quan điểm bổ sung giải thích sai 1 Ti-mô-thê 2:12 (như tôi sẽ trình bày trong chương sau),

209. Tuy nhiên, trong 1 Cô-rinh-tô 16:15-16, có thể Phao-lô không nói về gia đình Sê-pha-na như những trưởng lão, mà chỉ như những người phục vụ (*diakonia*) và cùng làm việc (*sunergeo*) đầy cảm hứng, xứng đáng được chính dân sự của Đức Chúa Trời khiêm nhường phục vụ lại.

điều này bảo đảm rằng mọi sự đối chiếu sẽ chỉ thêm bóng tối chứ không thêm ánh sáng cho việc giải nghĩa phân đoạn này.

Còn về chữ "thuận phục", hãy lưu ý rằng nó không có đối tượng là một người nào. Giả định rằng nó có nghĩa là phụ nữ phải thuận phục các trưởng lão nam là đọc vào bản văn một điều không có ở đó. Tốt hơn là dựa vào phân đoạn rộng hơn và giả định rằng sự thuận phục ở đây là đối với nguyên tắc "trật tự", nguyên tắc dẫn dắt mọi chỉ dẫn của Phao-lô trong chương 11-14. Và ngay cả nếu "luật pháp" là chỉ về Sáng Thế Ký 2 (điều khó có thể xảy ra, vì Sáng Thế Ký 2 không dạy về sự thuận phục của người nữ), thì luật duy nhất trong Sáng Thế Ký 2 là luật cấm ăn trái cây ấy. Một lần nữa, một cách giải thích sai về một phân đoạn khác bị dùng để bóp méo cách đọc phân đoạn này.

Có lẽ khiếm khuyết rõ ràng nhất của Quan điểm 2 và Quan điểm 2a là câu 35 không hề nhắc đến việc nói tiên tri hay việc thẩm định lời tiên tri. Đúng hơn, câu ấy cấm phụ nữ đặt câu hỏi vì muốn học hỏi – một đề tài hoàn toàn khác.[210]

QUAN ĐIỂM 3: PHAO-LÔ BÁC BỎ NHỮNG NGƯỜI NÓI RẰNG PHỤ NỮ KHÔNG ĐƯỢC NÓI

Nhiều học giả lập luận rằng ở Cô-rinh-tô có một nhóm theo chủ nghĩa luật pháp chống đối Phao-lô, và thật ra Phao-lô đang trích lời họ trong câu 34-35 rồi bác bỏ họ trong câu 36-38. Qua đó, Phao-lô đang thách thức cách Hội Thánh này áp đặt những giới hạn văn hóa riêng của mình lên phụ nữ. Nói cách khác, chúng ta nên hình dung có dấu ngoặc kép ở hai bên câu 34-35, khi Phao-lô chèn vào những lời của nhóm theo chủ nghĩa luật pháp này.

Điều làm cho quan điểm này hợp lý là ở những chỗ khác trong bức thư, Phao-lô quả thật có trích lời những người chống đối quan điểm của ông, rồi sau đó sửa lại họ. Chẳng hạn, trong 1 Cô-rinh-tô 6 ông viết: "Anh em nói: 'Tôi có quyền làm mọi điều' – nhưng không phải mọi điều đều có ích. 'Tôi có

210. Để đọc một sự phê bình kỹ lưỡng hơn về quan điểm này, xem J. Greenbury, "1 Corinthians 14:34-35: Evaluation of Prophecy Revisited," Journal of the Evangelical Theological Society 51 (2008): 721–31

quyền làm mọi điều' – nhưng tôi sẽ không để điều gì cai trị tôi.'"[211]

Theo quan điểm này, sự sửa lại của Phao-lô theo ngay sau khi ông trích lời những người theo chủ nghĩa luật pháp ấy. Với suy nghĩ đó, câu 36 có thể được dịch như sau: "Sao! Lời Đức Chúa Trời đã ra từ anh em sao, hay chỉ một mình anh em đã nhận được lời ấy?" Sau câu hỏi phản bác này, ông nói rõ rằng không chỉ người nam mà mọi người đều có thể cầu nguyện bằng tiếng lạ và nói tiên tri (tức là "nói"), miễn là điều đó được thực hiện cách có trật tự (câu 37-40).

Việc câu 34-35 nghe rất giống cách đối xử phổ biến với phụ nữ trong Đế quốc La Mã cũng làm cho quan điểm này thêm đáng tin. Chẳng hạn, sử gia La Mã thế kỷ 1 Livy ghi lại một bài diễn văn của Cicero: "Tôi đã đỏ mặt khi, cách đây ít lâu, tôi đi ngang qua giữa một đám phụ nữ … chạy khắp nơi giữa chốn công cộng, chặn các đường phố, và nói chuyện với chồng của những phụ nữ khác! Chẳng lẽ các bà không thể hỏi chính chồng mình cùng điều ấy ở nhà sao? Phải chăng các bà ở chốn công cộng với chồng của người khác thì duyên dáng hơn là ở nhà với chồng của chính mình?"[212]

Dù quan điểm này có thể đúng, điểm yếu chính của nó là trong bức thư không có lời trích dẫn nào khác của những người theo chủ nghĩa luật pháp hay các giáo sư giả này dài đến như vậy.

QUAN ĐIỂM 4: PHAO-LÔ CHƯA BAO GIỜ VIẾT ĐIỀU NÀY

Nhiều học giả nghiên cứu văn bản lập luận rằng những câu nói về việc phụ nữ buộc phải im lặng này không có trong bức thư nguyên thủy của Phao-lô.[213] Đúng hơn, một độc giả hay một người sao chép thời đầu – có lẽ mang quan điểm đặt phụ nữ vào địa vị phụ thuộc – đã ghi chúng vào lề. Về sau, những người sao chép khác đã đưa chúng vào chính bức thư.

211. 1 Cô-rinh-tô 6:12. Xem thêm 1 Cô-rinh-tô 6:13 và 7:1.
212. Trích dẫn trong M. Lefkowitz và M. Fant, Women's Life in Greece and Rome, tr. 171.
213. Các học giả như Gordon Fee trong "The First Epistle to the Corinthians", Richard Hays trong "First Corinthians, Interpretation", và Philip Payne trong "Man and Woman: One in Christ", đều giữ quan điểm này.

Các học giả nghiên cứu những bản sao sớm nhất đã nhiều lần nhận ra những khác biệt giữa các bản chép tay, khiến họ đặt câu hỏi về tính xác thực của một số đoạn văn và gọi chúng là *đoạn chèn thêm* (interpolation). Nếu bạn chưa bao giờ nghe về những điều này, có thể bạn sẽ thấy bất an. Bạn có thể tự hỏi liệu chúng ta có thể tin cậy Kinh Thánh như chúng ta đang có hay không. Nhưng nhờ công trình kéo dài hàng thế kỷ của các nhà phê bình văn bản, chúng ta có thể biết với độ chắc chắn 99,9% rằng chúng ta có nguyên văn của 99,9% các bản văn Kinh Thánh. Tuy nhiên, phân đoạn này có thể thuộc về 0,1% chưa chắc chắn ấy.

Hãy xem xét ba bằng chứng ủng hộ quan điểm này. Thứ nhất, không ai biết chắc phân đoạn này thật sự thuộc về chỗ nào trong bức thư – thật ra, câu 34-35 chỉ xuất hiện ở vị trí hiện tại trong chương này trong các bản chép tay Đông phương. Các bản Tây phương sớm nhất đặt chính những câu này *sau* câu 40. Hãy nghĩ xem: cho đến khi Jerome thay đổi điều đó vào thế kỷ 4, giáo hội nói tiếng La-tinh đã đọc nhảy từ câu mà nay là câu 33 sang câu 36. Theo quan điểm này, sau khi một người chép sách thời đầu viết vào lề điều mà nay là câu 34-35, hai người sao chép về sau, khi sao lại bản sao ấy, đã chèn nó vào lời của Phao-lô – một người chèn ở chỗ này, một người chèn ở chỗ khác.

Thứ hai, điều này giải thích những mâu thuẫn. Tại sao Phao-lô lại thẳng thừng mâu thuẫn với điều ông đã nói trong phân đoạn về việc trùm đầu, nơi phụ nữ vui mừng cầu nguyện và nói tiên tri cùng với người nam? Tại sao ông lại dùng cùng một chữ "im lặng" đã xuất hiện trước đó trong chương, rồi đột nhiên gán cho nó một ý nghĩa rất khác? Trong câu 28 và 30, sự im lặng là tạm thời và không ngăn cản ai thi hành các ân tứ, trong khi ở câu 34, sự im lặng dường như mang tính nhấn mạnh và vĩnh viễn. Như đã nói ở trên, Phao-lô nói "mọi người" và "mỗi người trong anh em"[214] và qua đó mời gọi phụ nữ lên tiếng. Ngoài ra, dòng tư tưởng của chương này dường như trôi chảy hơn nhiều khi không có câu 34-35. Dù vậy, cũng phải nói rằng đặt sau câu 40 thì chúng cũng chẳng phù hợp hơn.

Thứ ba, việc dùng cụm từ "cũng như luật pháp dạy" không mang phong cách của Phao-lô lắm. Không có luật nào trong Cựu Ước truyền lệnh cho phụ nữ phải im lặng hay thuận phục. Và Phao-lô thường dùng "có lời chép rằng"

214. Xem câu 23-24, 36 và 31.

để chỉ về những câu Kinh Thánh cụ thể. Trong hai lần ông dùng "như luật pháp nói" để chỉ về một luật, ông dùng một động từ khác (legō) và trích dẫn luật ấy.

Dù có những lập luận này và những lập luận nặng ký khác,[215] không phải mọi học giả đều chấp nhận quan điểm này. Các chữ "nói" và "im lặng" *quả thật* được dùng trong chương 14 (dù được dùng theo một cách khác), và những câu này *quả thật* xuất hiện trong mọi bản chép tay sớm mà chúng ta có, dù vị trí của chúng không chắc chắn. Ai trong chúng ta muốn mắc tội gạt bỏ một điều mà Đức Chúa Trời có thể đã soi dẫn? Dù tôi nghiêng về quan điểm này, tôi vẫn phải tự hỏi liệu có thể có một cách giải quyết khác cho những khó khăn mà chúng ta gặp trong đó hay không.

QUAN ĐIỂM 5: NHỮNG NGƯỜI HỌC GÂY RỐI LÀM TỔN HẠI TRẬT TỰ

Quan điểm này giả định rằng Phao-lô đang giải quyết một vấn đề đặc thù, rất riêng của Hội Thánh Cô-rinh-tô, và vì thế đây không phải là một mệnh lệnh cho mọi Hội Thánh, dù có một số bài học lâu bền cho mọi Hội Thánh.[216]

Chìa khóa của quan điểm này là chương 11-14 tập trung vào trật tự đúng đắn trong sự thờ phượng. Trong 11:3-16, Phao-lô tập trung vào trang phục thích hợp. Trong 11:17-34, Phao-lô sửa lại những thực hành sai lầm liên quan đến Tiệc Thánh. Trong 14:11-32, ông xử lý việc sử dụng các ân tứ thuộc linh cách thiếu trật tự – cụ thể là ông sửa lại ba nhóm người đang nói *không đúng lúc*: người nói tiếng lạ trước Hội Thánh mà không có người thông giải (câu 28), người có lời tiên tri mà không chịu chờ đến lượt mình (câu 30-32), và cuối

215. Chẳng hạn, ở không chỗ nào khác Phao-lô viện dẫn luật pháp để thiết lập một quy tắc cho sự thờ phượng Cơ Đốc, vốn là sự bày tỏ việc chúng ta ở trong Thánh Linh, chứ không ở dưới luật pháp. Ngoài ra, mọi mệnh lệnh khác trong bức thư đều nhắm vào Hội Thánh Cô-rinh-tô. Nhưng câu 34 đưa ra một mệnh lệnh cho "đàn bà trong các Hội Thánh", mà vì nó theo ngay sau cụm từ "mọi Hội Thánh của các thánh đồ", nên có thể chỉ về phụ nữ trong mọi Hội Thánh. Mệnh lệnh này rõ ràng là lạc chỗ. Hơn nữa, không có đoạn văn dài nào khác xuất hiện ở hai vị trí hoàn toàn khác nhau trong các bản chép tay sớm mà không có lý do rõ ràng. Tất cả những điều này làm cho giả thuyết rằng đây là một đoạn được chèn vào về sau trở nên hợp lý.

216. Dù một số bản dịch gắn cụm từ "như trong mọi Hội Thánh của các thánh đồ" vào đầu chỉ dẫn buộc phụ nữ im lặng này, quan điểm này cho rằng cụm từ ấy hợp với phần cuối của câu trước, nói về sự ưu tiên của trật tự, hơn. Hai mươi chín bản dịch tiếng Anh chia gần như đều nhau về điểm này. Xem www.bit.ly/3mGpFPT

cùng là những phụ nữ nói không đúng lúc hoặc không đúng cách (câu 34-35). Trong cả ba trường hợp, mối quan tâm của Phao-lô không phải là nội dung của lời nói cho bằng cách thức thiếu trật tự mà lời ấy được nói ra.

Dù chúng ta không thể chắc chắn chính xác Phao-lô đang sửa lại hành vi nào của các phụ nữ Cô-rinh-tô nhóm lại trong các buổi thờ phượng, chúng ta vẫn có thể suy đoán, dựa trên hiểu biết về các nền văn hóa cổ đại, rằng các phụ nữ đã "nói chuyện riêng trong Hội Thánh" theo cách gây rối. Trong một nền văn hóa chung, nơi hầu như không phụ nữ nào được học hành, nơi việc học diễn ra bằng lời nói chứ không bằng việc đọc, và nơi phụ nữ thường không được phép tham gia các buổi nhóm tôn giáo, những phụ nữ Cơ Đốc này – có lẽ đã có lượt mình để chia sẻ một lời tiên tri – giờ đây lại lên tiếng không đúng lượt. Thay vì lắng nghe, họ hào hứng hỏi những người xung quanh xem điều gì đang được nói hoặc điều đó có nghĩa là gì. Vì vậy, Phao-lô bảo họ đừng làm gián đoạn buổi nhóm nữa, và hãy để dành cuộc trò chuyện cho chồng mình ở nhà. Phao-lô nói: "Nếu họ muốn học hỏi điều gì, thì hãy hỏi chồng mình ở nhà" – vì các người chồng của họ, có lẽ trong hầu hết các trường hợp đều được học hành nhiều hơn họ, có thể trả lời nhiều câu hỏi của họ.

Nói cách khác, chỉ dẫn về sự im lặng này không được xây dựng trên một "trật tự sáng tạo" gắn liền với bản chất của phụ nữ hay trên một giáo lý về thẩm quyền – thuận phục giữa nam và nữ, mà nhằm khôi phục trật tự cho một buổi nhóm của Hội Thánh vốn hỗn loạn và bị gián đoạn. Theo quan điểm này, trái với các lập luận của quan điểm bổ sung, mối quan tâm của Phao-lô không phải là việc phụ nữ đang dạy dỗ, mà là họ đang học theo một cách không có ích cho trật tự của buổi nhóm.[217] Bản diễn ý *The Message* của Eugene Peterson nắm bắt được ý này: "Các người vợ không được làm gián đoạn sự thờ phượng, nói chuyện khi đáng lẽ phải lắng nghe, đặt những câu hỏi mà hỏi chồng mình ở nhà thì thích hợp hơn."

217. John Chrysostom, 3 thế kỷ sau, cũng có cùng quan điểm với Phao-lô: "Thuở ấy, quả thật các phụ nữ, nhờ sự dạy dỗ như thế, đã giữ im lặng; nhưng nay giữa họ thường có nhiều ồn ào, nhiều tiếng la và chuyện trò, và không nơi nào nhiều bằng ở chốn này [nhà thờ chính tòa] . . . Vì vậy mọi sự đều hỗn loạn, và họ dường như không hiểu rằng nếu không im lặng, họ không thể học được điều gì hữu ích. Vì khi lời giảng [bài giảng] của chúng tôi phải gắng sức át tiếng chuyện trò, và không ai để ý đến điều được nói, thì nó có ích gì cho họ?" (Trích dẫn trong Homily IX, Nicene and Post-Nicene Fathers.)

Đối với Phao-lô, việc giữ gìn trật tự trong Hội Thánh bao gồm việc lưu tâm đến những cảm nhận văn hóa của địa phương. Cũng như việc phụ nữ không trùm đầu là "điều hổ thẹn" (11:6), thì trong nền văn hóa ấy, việc người ta – nhất là phụ nữ – gây rối trong một môi trường học tập có thể cũng là "điều hổ thẹn" (14:35).

Đối với những ai trong chúng ta có thể buộc tội Phao-lô là phân biệt giới tính ở đây, hãy nhớ rằng Phao-lô đang cố gắng thành lập những Hội Thánh giữ vững các giá trị của Tin Lành, đồng thời "trở nên mọi cách cho mọi người" để cứu được một vài người.[218] Phao-lô không lý tưởng hóa nền văn hóa mà Hội Thánh đang tìm cách tiếp cận, nhưng vì mục đích truyền giảng Tin Lành, ông cố gắng thích nghi với những phép lịch sự xã hội của nó mà không thỏa hiệp các giá trị then chốt. Và dĩ nhiên ông biết rằng ở nơi việc học là quan trọng, những người học gây rối cần có một số hướng dẫn vì lợi ích của mọi người.

Điều thú vị là, nếu chúng ta áp dụng mối quan tâm đến sự nhạy cảm văn hóa này vào bối cảnh phương Tây hiện đại, thì điều khôn ngoan là bảo đảm rằng phụ nữ *được đóng góp và học hỏi giống như nam giới*. Thật ra, không làm như vậy mới là "điều hổ thẹn".

Quan điểm này có phải là quan điểm đúng không? Tôi nghĩ có thể là như vậy.[219] Nhưng chúng ta không thể chắc chắn tuyệt đối, và điều đó dẫn đến một nhận xét cuối cùng.

MỘT PHÂN ĐOẠN KHÔNG RÕ RÀNG

Dù Hội Thánh phải tiếp tục chất vấn những cách giải nghĩa Kinh Thánh của mình và tiến tới mức độ ngày càng rõ ràng và xác tín hơn, điều quan trọng là phải thừa nhận rằng phân đoạn này vẫn đặt ra nhiều câu hỏi hơn là câu trả lời. Ngay cả những quan điểm mạnh hơn cũng chỉ mang tính thăm dò. Vì vậy, sự khiêm nhường là điều cần thiết.

218. 1 Cô-rinh-tô 9:23

219. Dù tôi phải thừa nhận, cùng với những người thích Quan điểm 4 hơn quan điểm này, rằng lời kêu gọi phụ nữ im lặng, được nhắc đến không dưới ba lần mà không kèm điều kiện nào, có thể là một lệnh cấm tuyệt đối (chứ không chỉ gắn với một tình huống cụ thể) đối với mọi sự đóng góp bằng lời nói của phụ nữ trong các buổi nhóm.

Nếu vì sợ bất tuân lời Đức Chúa Trời mà chúng ta chọn cách giải thích bảo thủ nhất (Quan điểm 1), thì việc buộc phụ nữ im lặng hoàn toàn cũng phải bao gồm việc không cho họ hát, vì Phao-lô nhắc đến việc hát như một hình thức nói.[220] Tự nhận là bảo thủ, nhưng rồi chỉ ngăn phụ nữ thẩm định lời tiên tri hay giảng đạo, đối với tôi có vẻ khá tùy tiện và thiếu nhất quán. Và nhân nói về sự nhất quán, nếu chúng ta chọn cách tiếp cận bảo thủ, thì hãy thật sự nhất quán và hướng dẫn mọi phụ nữ chuẩn bị sẵn khăn trùm đầu cho buổi nhóm tới của Hội Thánh! Khi các học giả đáng kính đi đến những kết luận khác nhau như vậy trong việc nghiên cứu phân đoạn này, thì điều duy nhất mà chắc chắn tất cả chúng ta đều có thể đồng ý là: đây là một phân đoạn không rõ ràng. Do đó – theo bất kỳ phương pháp giải nghĩa đúng đắn nào – nó không nên trở thành nền tảng cho một kết luận giáo lý hay một mệnh lệnh phổ quát trong thực hành của mọi Hội Thánh ở khắp mọi nơi.

Cả 1 Cô-rinh-tô 11 lẫn 1 Cô-rinh-tô 14 đều không loại trừ khả năng phụ nữ lãnh đạo trong Hội Thánh và trong xã hội, hay đứng bên cạnh chồng mình như những người cộng sự, hay giảng một bài giảng cho nam giới. Tất cả những điều này vẫn đúng, dù chính những câu Kinh Thánh này đã được những người theo quan điểm bổ sung đưa ra để bênh vực lập trường của họ. Vẫn còn một phân đoạn then chốt nữa cần khảo sát.

220. Xem Cô-lô-se 3:16-17

7

1 TI-MÔ-THÊ 2:11-15

"Sự chống đối phụ nữ phục vụ trong chức vụ thường được dựng lên hầu như chỉ dựa trên một bản văn của Phao-lô – 1 Ti-mô-thê 2:11-12. Dù bản văn và bối cảnh khó hiểu này có nghĩa gì đi nữa, nó cũng phải được đặt trong thế cân bằng với tất cả các bản văn Kinh Thánh khác liên quan đến cùng vấn đề. Theo nhận định của tôi, điều này cho thấy bản văn 1 Ti-mô-thê nói về một hoàn cảnh giới hạn." David Scholer[221]

Gần cuối cuốn *Harry Potter và Hoàng tử lai*, cụ Dumbledore bị kẻ thù vây quanh. Cụ van nài giáo sư Snape: "Severus … làm ơn!" Trong nỗi đau xé lòng của chúng ta, Snape giết Dumbledore, và chúng ta kết luận rằng từ đầu đến cuối Snape vẫn là một tay sai phản trắc của Voldemort.

Nhưng khoan đã. Chỉ đến cuốn cuối cùng, chúng ta mới khám phá ra (cùng với Harry) rằng mọi sự không như vẻ bề ngoài. Khi Harry khám phá những ký ức của Snape (được đổ vào một Chậu Tưởng Ký thần kỳ), hóa ra lúc còn trẻ Snape đã yêu mẹ của Harry, và dù có khó ưa đến đâu, ông vẫn luôn tận tụy với Dumbledore và Harry từ đầu đến cuối.

Thật ra, Dumbledore, biết mình đang chết dần vì một lời nguyền không thể đảo ngược, đã từ trước thúc giục Severus lấy mạng mình để củng cố lòng tin của Voldemort đối với Snape, điều mà sau đó Snape có thể dùng để giúp Harry.

Giờ đây khi đã biết mạch truyện, những lời "Severus … làm ơn!" mang một ý nghĩa hoàn toàn khác. Đó không phải, như chúng ta từng nghĩ, là lời Dumbledore tuyệt vọng van nài Snape tha mạng cho mình, mà đúng hơn là

221. https://www.fuller.edu/womeninministry/

van nài Snape giết mình. Khoảnh khắc ấy không hề là một chiến thắng của cái ác, mà thật ra sẽ dẫn đến chiến thắng cuối cùng trên bóng tối.

Tôi kể ra sự so sánh này[222] để minh họa tầm quan trọng của việc thấm nhuần mạch truyện trước khi chúng ta cố gắng hiểu đúng một dòng hay một câu ở đây đó – là những điều mà nếu tách khỏi ngữ cảnh có thể bị hiểu sai hoàn toàn.

Các học giả theo quan điểm bổ sung phạm sai lầm khi lấy ba dòng nhỏ trong một câu chuyện rất dài (ba phân đoạn Kinh Thánh mà chúng ta đang lần lượt xem xét) và xé chúng ra khỏi ngữ cảnh. Vì cam kết với thẩm quyền của Kinh Thánh (một điều tốt), họ sẵn sàng bám lấy một cách giải thích cho một phân đoạn, dù toàn bộ Kinh Thánh không ủng hộ cách giải thích đó. Đi ngược lại mạch truyện chính về chương trình phục hồi của Đức Chúa Trời, họ lý tưởng hóa và tìm cách làm cho bất tử chế độ phụ quyền mà, trong câu chuyện lớn hơn, chính Tác Giả của câu chuyện đang dự định loại bỏ.

Thật vậy, không có phân đoạn nào khác được viện dẫn thường xuyên và mạnh mẽ hơn để chứng minh vì sao một sự sắp đặt theo thứ bậc là ý muốn của Đức Chúa Trời, cho bằng những lời Phao-lô viết cho người học trò của mình trong 1 Ti-mô-thê 2:8-15. Khi mọi lập luận Kinh Thánh khác thất bại, đây là phân đoạn dự phòng của những người theo quan điểm bổ sung. Một số học giả theo quan điểm bổ sung thậm chí còn xem đây là phân đoạn *duy nhất* đáng tin cậy còn ngăn cách phụ nữ với việc được tấn phong vào chức vụ lãnh đạo Hội Thánh.[223]

Một lời cảnh báo nhanh trước khi chúng ta đi tiếp: phần còn lại của chương này là phần chuyên môn nhất và dài nhất trong cuốn sách này. Nếu bạn không theo nổi mức độ phức tạp này trong việc giải nghĩa, thì cứ tự nhiên nhảy thẳng sang chương sau, nhưng hãy biết rằng tôi sẽ chứng minh rằng *1 Ti-mô-thê 2:11-15, bản văn làm thành lũy chính của thuyết bổ sung, thật ra không hề ủng hộ thuyết bổ sung*.

Đây là phân đoạn ấy, cùng với những câu lân cận giúp đặt nó vào ngữ cảnh:

222. Xin ghi nhận công của Rebecca McLaughlin, trong "Confronting Christianity" (chương 8), về minh họa này.
223. "Chỉ có một lập luận hợp lệ chống lại việc tấn phong phụ nữ … đó là lệnh cấm trong 1 Ti-mô-thê 2:12", Susan Foh nói như vậy trong "Women in Ministry: Four Views" (1989), chương 2.

8 Vậy, ta muốn đàn ông ở khắp mọi nơi đều giơ tay thánh sạch lên mà cầu nguyện, không giận dữ và không cãi cọ. 9 Ta cũng muốn đàn bà ăn mặc khiêm nhường, đứng đắn và đoan trang, không trang sức bằng tóc kiểu cách, vàng, ngọc trai hay áo quần quý giá, 10 nhưng bằng việc lành, là điều xứng hợp với đàn bà xưng mình là tin kính Đức Chúa Trời.

11 Đàn bà phải học trong yên lặng và hết lòng thuận phục. 12 Ta không cho phép đàn bà dạy dỗ hay giành lấy quyền trên đàn ông; nhưng phải ở yên lặng. 13 Vì A-đam được dựng nên trước nhất, rồi mới tới Ê-va. 14 Lại không phải A-đam bị dỗ dành, bèn là người đàn bà bị dỗ dành mà sa vào tội lỗi. 15 Nhưng đàn bà sẽ nhờ sinh con mà được cứu rỗi – nếu họ bền đỗ trong đức tin, sự yêu thương và sự nên thánh, với sự đoan trang.

3:1 Đây là lời chắc chắn: Ai mong được làm giám mục (người coi sóc), ấy là ưa muốn một việc tốt lành.

CÁCH HIỂU CỦA THUYẾT BỔ SUNG

Những câu chính được dùng để ủng hộ thần học của quan điểm bổ sung là: "Ta không cho phép đàn bà dạy dỗ hay [thực thi] thẩm quyền trên đàn ông … Vì A-đam được dựng nên trước nhất, rồi mới tới Ê-va." Những người theo quan điểm bổ sung giải thích những câu này về cơ bản có nghĩa là:

Với tư cách là một sứ đồ, ta ban lệnh rằng trong mọi Hội Thánh, trong mọi hoàn cảnh, người nữ không được dạy dỗ hay thực thi thẩm quyền mục vụ trên người nam, vì chỉ người nam mới thích hợp để dạy dỗ hay thực thi thẩm quyền trên một người nam khác. Lý do là A-đam được dựng nên trước Ê-va, và vì thế việc ông lãnh đạo Ê-va là đúng. "Trật tự sáng tạo" này áp dụng cho mọi cộng đồng tin kính về sau – thẩm quyền thuộc linh của người nam là chuẩn mực mà Đức Chúa Trời ưa chuộng.

Nói cách khác, khi một người nữ dạy dỗ người nam trong Hội Thánh hay có thẩm quyền trên một người nam, người nữ ấy chống lại *cả* một chỉ thị sứ đồ vĩnh viễn và phổ quát *lẫn* "trật tự sáng tạo".

Điều quan trọng cần lưu ý là những người theo quan điểm bổ sung chia rẽ nhau ở ba vấn đề: nguyên tắc thứ bậc này chỉ áp dụng trong gia đình và Hội Thánh hay cả trong xã hội; "dạy dỗ hay thực thi thẩm quyền" chỉ về hai hoạt động (dạy dỗ *và* lãnh đạo) hay một (dạy dỗ theo kiểu của người lãnh đạo); và phụ nữ chỉ bị loại khỏi chức vụ lãnh đạo cao nhất trong Hội Thánh, hay khỏi mọi cấp lãnh đạo trong một Hội Thánh nơi nam giới là người đi theo. Trên cả ba điểm, phần lớn các học giả kỳ cựu theo quan điểm bổ sung (như Köstenberger và Schreiner) đều chọn những cách giải thích khắt khe hơn. Chẳng hạn, Köstenberger viết: "Phao-lô đã có thể dễ dàng nói: 'Ta không cho phép đàn bà làm trưởng lão', nhưng thay vào đó ông nói: 'Ta không cho phép đàn bà dạy dỗ hay thực thi thẩm quyền trên đàn ông', cho thấy chính những chức năng này là điều người nữ không nên làm, chứ không chỉ là chức vụ trong đó việc dạy dỗ và thực thi thẩm quyền ấy diễn ra."[224]

Dạy dỗ (tiếng Hy Lạp: *didaskein*) có nghĩa là gì? Schreiner nói đó là "sự truyền đạt những tài liệu có thẩm quyền". Vì vậy, mối quan tâm của Phao-lô không chỉ là phụ nữ sẽ dạy người nam điều sai lạc, mà là họ dạy người nam dưới bất cứ hình thức nào. Ngay cả việc phụ nữ dạy chân lý cho người nam cũng là không thích hợp. Phụ nữ trong Hội Thánh có thể dạy những phụ nữ khác và trẻ em,[225] nhưng không được dạy nam giới trưởng thành. Có một câu, Công Vụ Các Sứ Đồ 18:26, được giải thích theo cách cho phép một ngoại lệ về việc phụ nữ dạy người nam: bên ngoài buổi nhóm chính thức của Hội Thánh, và khi chỉ có hai người với nhau, một người nữ có thể được phép dạy một người nam.

Theo lập luận của quan điểm bổ sung, việc thực thi thẩm quyền trong 1 Ti-mô-thê 2:12 (tiếng Hy Lạp: *authentein*) không chỉ về một sự dùng thẩm quyền cách tiêu cực, mà chỉ về một loại tích cực mà các mục sư nam trong Hội Thánh sẽ thực thi.

Phao-lô đưa ra lý lẽ cho chỉ thị sứ đồ của mình: "Vì A-đam …" Các học giả theo quan điểm bổ sung nói rằng liên từ "vì" (tiếng Hy Lạp: *gar*) có nghĩa là *bởi vì*. Lý do của Phao-lô là "A-đam được dựng nên trước nhất, rồi mới tới Ê-va." Các chữ "trước nhất" và "rồi mới" ngụ ý thứ hạng. Họ nói điều này

224. Nguồn: www.bit.ly/3mG7n13
225. Xem Tít 2:3-4 và 2 Ti-mô-thê 1:5; 3:15 để có những ví dụ về điều này.

chứng minh rằng Phao-lô đọc Sáng Thế Ký 2 như một sự dạy dỗ về thẩm quyền của A-đam trên Ê-va trước sự sa ngã.

Phao-lô tiếp tục: "Lại không phải A-đam bị dỗ dành, bèn là người đàn bà bị dỗ dành mà sa vào tội lỗi" (câu 14). Những người theo quan điểm bổ sung thường giải thích câu này là chỉ về việc Ê-va hợp tác với những nỗ lực của Sa-tan nhằm đảo ngược trật tự sáng tạo (vì, dù A-đam là người nắm quyền, Sa-tan đã bỏ qua thẩm quyền của ông bằng cách nói chuyện với Ê-va, và Ê-va, bỏ qua thẩm quyền của A-đam, đã đối phó với sự cám dỗ mà không hỏi ý A-đam).

Những người theo quan điểm bổ sung có lý khi nhắc chúng ta rằng việc chia chương như chúng ta có ngày nay không có trong bức thư nguyên thủy của Phao-lô. Thật ra, dòng tư tưởng vẫn tiếp tục. Phao-lô lập tức chuyển sang đề tài ai có thể làm giám mục trong Hội Thánh (3:1). Những người theo quan điểm bổ sung hình dung rằng như vậy Phao-lô đang ngụ ý: "Ta đã nói rằng phụ nữ không được dạy dỗ hay thực thi thẩm quyền trên người nam, nên hẳn con đang tự hỏi ai có thể làm điều này. Câu trả lời là … các giám mục *nam*."

Ngoài việc đây hầu như là một cách giải thích hoàn toàn mới, được sáng chế từng mảnh một kể từ những năm 1970,[226] xin cho phép tôi nêu ra một số mối lo ngại mà tôi có về cách giải thích của quan điểm bổ sung (như đã phác họa ở trên).

226. Những cách giải thích 1 Ti-mô-thê 2:11-14 theo quan điểm tương hỗ thường bị những người theo quan điểm bổ sung chất vấn vì cho là mới lạ. Nhưng lời cáo buộc ấy có hai lưỡi. Vì phần lớn những người dạy Kinh Thánh trong lịch sử giáo hội, cho đến nửa sau thế kỷ 20, đều tự động đọc các bản văn Kinh Thánh về phụ nữ qua lăng kính của chế độ phụ quyền hay sự khinh miệt phụ nữ trong nền văn hóa của họ, nên việc họ hiểu sai một phân đoạn như thế này là điều dễ hiểu. Tóm lại, họ đọc nó như sự lệ thuộc phổ quát của người nữ trong mọi lĩnh vực của xã hội, dựa trên sự thấp kém về phẩm chất của người nữ. Người nam phải dạy dỗ và lãnh đạo vì người nữ không có khả năng làm điều đó. Vì vậy, khi những người theo quan điểm bổ sung khẳng định rằng quan điểm của họ là quan điểm lịch sử, họ cho thấy mình không biết cách giải thích của mình mới mẻ đến mức nào. Đi qua từng cụm từ của phân đoạn, đây là sự khác biệt giữa quan điểm bổ sung và quan điểm lịch sử (thông thường): *"Ta không cho phép đàn bà dạy dỗ."* Những người theo quan điểm bổ sung xem đây là việc Phao-lô chỉ cấm việc dạy Kinh Thánh hay việc dạy các người nam Cơ Đốc. Nhưng trong lịch sử, câu này thường được hiểu là mọi loại dạy dỗ. Phụ nữ trong xã hội không được dạy bất cứ ai, kể cả nam giới. *"hay giành lấy quyền trên đàn ông."* Những người theo quan điểm bổ sung phần lớn nói rằng điều này chỉ về sự lãnh đạo mục vụ vốn chỉ thích hợp với các trưởng lão nam. Nhưng trong lịch sử, câu này được hiểu là phụ nữ bị cấm "chiếm đoạt" (tức là cưỡng đoạt thẩm quyền) từ những người nam, là những người duy nhất được lãnh đạo ở mọi nơi trong xã hội, chứ không chỉ trong Hội Thánh. *"đàn bà dạy dỗ … đàn ông."* Những người theo quan điểm bổ sung, khi vụng về tìm cách dung hòa cách hiểu của mình về phân đoạn này với việc Bê-rít-sin dạy A-bô-lô một cách chính đáng, đã giải thích điều này là một người nữ có thể dạy một người nam riêng lẻ cách không chính thức, nhưng không được dạy nam giới thành nhóm hay cách chính thức. Nhưng trong lịch sử, câu này được hiểu là ngăn cấm người nữ dạy một nhóm người nam, *cũng như* một người nam riêng lẻ. *"Vì A-đam được dựng nên trước nhất, rồi mới tới Ê-va."* Những người theo quan điểm bổ sung xem đây là thẩm quyền của A-đam trên Ê-va, chỉ áp dụng cho sự lãnh đạo thuộc linh của người nam trong Hội Thánh và trong hôn nhân Cơ Đốc. Nhưng trong lịch sử, câu này được hiểu là quy luật phổ quát, dựa trên sự sáng tạo, về việc người nam cai trị người nữ trong mọi phương diện của xã hội, kể cả Hội Thánh, bởi vì người nữ không thích hợp để cai trị. *"Lại không phải A-đam bị dỗ dành, bèn là người đàn bà bị dỗ dành mà sa vào tội lỗi."* Những người theo quan điểm bổ sung nói rằng điều này chỉ về việc Sa-tan đảo ngược thẩm quyền của A-đam trên Ê-va và việc bà chịu thua trước sự đảo ngược này. Nhưng trong lịch sử, câu này được hiểu là người nữ dễ bị lừa dối và cám dỗ hơn về mặt trí tuệ và đạo đức. Để nghiên cứu thêm về sự khác biệt giữa cách giải thích của quan điểm bổ sung và cách giải thích lịch sử, xem www.bit.ly/3Q4TWo4 và www.bit.ly/3xlOXIj. Câu hỏi người ta nên đặt ra là: trừ khi chúng ta chấp nhận cách giải thích lịch sử rằng sự thấp kém về phẩm chất của người nữ khiến họ không đủ tư cách dạy bất cứ ai hay lãnh đạo người nam ở bất cứ đâu trong xã hội, thì trong các cách giải thích gần đây hơn (quan điểm bổ sung hay quan điểm tương hỗ), cách nào đúng hơn? Cuốn sách này là câu trả lời của tôi cho câu hỏi đó.

MỘT HỘI THÁNH BỊ TỔN HẠI NGHIÊM TRỌNG

Bức thư này không được viết gửi cho chúng ta, nhưng được viết vì chúng ta. Dĩ nhiên, đó là Kinh Thánh được soi dẫn, và vì thế chứa đựng chân lý vượt thời gian cho mọi Hội Thánh, nhưng những chân lý ấy phải được khai quật cách cẩn thận dựa trên hoàn cảnh đặc thù mà bức thư nhắm đến. Khi chúng ta không xem xét hoàn cảnh lịch sử cụ thể này, mà chỉ giả định rằng những lời ấy đang nói với chúng ta, thì chúng ta dễ hiểu sai ý nghĩa và cách áp dụng của chúng hơn. Vậy Phao-lô có thể đang giải quyết hoàn cảnh nào trong 2:11-15?

Chúng ta chỉ cần đọc phân đoạn của chúng ta dưới ánh sáng của tất cả những câu đi trước nó. Sau lời chào đầu thư, Phao-lô đi thẳng vào bức thư bằng cách giao trách nhiệm cho Ti-mô-thê: "Hãy ở lại Ê-phê-sô để răn bảo một số người đừng dạy giáo lý sai lạc nữa, và đừng chuyên tâm vào những chuyện huyễn và gia phả vô cùng" (1:3-4). Rồi "một số người" này vẫn hiện diện suốt phần còn lại của bức thư, khi Phao-lô viết rằng "có vài người đã lìa bỏ" "lòng tinh sạch, lương tâm tốt và đức tin thật" và đã "xây về những lời vô ích" (1:5-6). Những người như "Hy-mê-nê và A-léc-xan-đơ" đã "bị chìm đắm về đức tin". Những người này đã đi xa đến mức Phao-lô đã "phó họ cho Sa-tan, để họ học biết đừng phạm thượng nữa" (1:19-20).

Ngay sau phần mô tả về các giáo sư giả này, Phao-lô nói: "*Vậy*, ta khuyên …" (2:1) – "vậy" ở đây có nghĩa là "vì thế" – rồi đưa ra những chỉ dẫn về việc cầu nguyện để giành lại ý thức về sứ mạng của Hội Thánh (2:1-7); người nam tránh giận dữ và cãi cọ (2:8); người nữ tránh vẻ bề ngoài phô trương và quyến rũ (2:9-10); và một người nữ (số ít) học hỏi trong sự thuận phục (2:11), và không dạy dỗ hay giành lấy quyền trên một người nam (2:12).

Khi giải nghĩa các thư của Phao-lô, chúng ta phải nhớ rằng mình chỉ đang nghe một đầu của cuộc điện thoại, trong đó Phao-lô đang nói với một người khác, chứ không phải với chúng ta. Đôi khi chúng ta phải suy đoán, dựa vào bằng chứng trong chính bức thư, xem mỗi chỉ dẫn trong 1 Ti-mô-thê 2 sẽ phục hồi Hội Thánh và xử lý hậu quả của các giáo sư giả như thế nào. Khi

làm như vậy, chẳng hạn, chúng ta nhận ra rằng vì một Hội Thánh bị giáo lý sai lạc xâu xé có thể đánh mất ý thức về sứ mạng, nên chúng ta có thể hiểu được chỉ dẫn về việc cầu nguyện để giành lại ý thức ấy. Tà giáo và sự chia rẽ có thể đã khiến những người nam phản ứng giận dữ với những người nam khác, hoặc với những phụ nữ bị lừa dối hay thiếu tôn trọng; vì thế Phao-lô chỉ dẫn người nam giơ tay thánh sạch lên mà cầu nguyện "không giận dữ và không cãi cọ". Tương tự, tà giáo bằng cách nào đó có thể đã khuyến khích những thái độ và hành vi phô trương, kiêu ngạo, không chịu học hỏi và tự tung tự tác, nhất là nơi một số phụ nữ giàu có, đặc biệt đối với nam giới; vì thế mới có những chỉ dẫn cho phụ nữ hãy học hỏi Lời Đức Chúa Trời trong sự thuận phục, và cư xử với nam giới cách đáng tôn trọng hơn. *Điểm tôi muốn nói là Phao-lô đang đưa ra những chỉ thị để xử lý một hoàn cảnh khó khăn cụ thể mà ông biết rõ hơn chúng ta, dù trong bức thư có một số bằng chứng về việc hoàn cảnh đó có thể là gì.* Nếu không thì tại sao chỉ người nam được khuyến khích cầu nguyện? Và tại sao chỉ người nữ được bảo phải học?

Đến đây, từ 1 Ti-mô-thê 1 chúng ta thấy rõ là một số người nam đang cư xử tệ, nhưng ngoài 2:9-15 ra, chúng ta có thể chắc chắn đến mức nào rằng có những phụ nữ đang đi sai đường? 1 Ti-mô-thê 5 đưa ra câu trả lời: một số phụ nữ đã từ bỏ "sự dâng mình cho Đấng Christ" vì "những ham muốn xác thịt" (câu 11). Nhiều người trong số họ "ăn không ngồi rồi, đi từ nhà này sang nhà khác", như "những người thày lay thóc mách, nói chuyện phù phiếm, nói những điều không đáng nói" (câu 13). Họ cho kẻ thù "cơ hội để gièm chê" (câu 14). "Thật ra đã có mấy người trở lại mà theo Sa-tan" (câu 15) – ám chỉ việc đầu hàng tà giáo.[227] Những lời cuối cùng của Phao-lô trong bức thư cho thấy giáo lý sai lạc là vấn đề gốc rễ: "Hãy tránh những lời hư không phàm tục và những sự cãi lẽ của điều mà người ta gọi sai là tri thức; có vài người đã theo điều đó mà lìa bỏ đức tin" (6:20-21). *Chúng ta không biết chính xác giáo lý sai lạc đã dẫn đến hành vi sai trái của một số phụ nữ như thế nào, nhưng chắc chắn có một mối liên hệ, thấy rõ nhất ở cách Phao-lô so sánh những phụ nữ Ê-phê-sô này với Ê-va, người đã "bị dỗ dành" bởi Sa-tan.*[228]

227. Trong hai thư của Phao-lô gửi Ti-mô-thê, những lần nhắc đến Sa-tan phần lớn liên quan đến giáo lý sai lạc và lối sống bại hoại mà nó cổ xúy – xem 1 Ti-mô-thê 1:20; 2:14; 4:1; 2 Ti-mô-thê 2:23-25.
228. 1 Ti-mô-thê 2:14

Vậy điều đáng chú ý là trong phần lớn các học giả theo quan điểm bổ sung viết về 1 Ti-mô-thê 2:11-15, có rất ít người thừa nhận rằng ảnh hưởng của giáo lý sai lạc là mối quan tâm cấp bách của *toàn bộ* bức thư Phao-lô, *kể cả phân đoạn này*. Chẳng hạn, Kathy Keller trích lời Phao-lô: "Ta viết những điều này cho con, để nếu ta chậm đến, thì con biết người ta phải ăn ở thế nào trong nhà Đức Chúa Trời", rồi kết luận: "Toàn bộ bức thư … có thể được xem như một cẩm nang thành lập Hội Thánh – cách lập một Hội Thánh … theo các nguyên tắc của nhà Đức Chúa Trời."[229] Điều này không đúng, như ngay cả Schreiner cũng ghi nhận.[230] Bà cũng dường như bỏ qua một mệnh đề – "nếu ta chậm đến" – vốn cho thấy, cùng với những dấu hiệu khác trong *mọi* phần chính của bức thư, những nỗ lực khẩn cấp của Phao-lô nhằm phục hồi một Hội Thánh bị các giáo sư giả cướp phá. Köstenberger và Grudem, dù thừa nhận rằng Phao-lô viết bức thư để chống lại tà giáo và các hậu quả của nó, lại kỳ lạ xem phân đoạn này như một *đoạn lạc đề* khỏi ưu tiên ấy[231] – như thể Phao-lô tạm gác gánh nặng chính và mạch tư tưởng trước đó của mình, để giờ đây đối chất với một số phụ nữ, những người giữa lúc giáo lý sai lạc đang lan tràn lại cố gắng dạy chân lý cho nam giới. Tuy nhiên, không chỉ các phân đoạn trước và sau, mà chính câu 12 cũng chứa những dấu hiệu cho thấy Phao-lô đang sửa lại một hoàn cảnh trong đó một số phụ nữ đang phạm tội.

229. Kathy Keller trong "Jesus, Gender and Justice." 1 Ti-mô-thê 3:15.
230. Những sách giải nghĩa rất cũ về 1 Ti-mô-thê, như sách của J.N.D. Kelly năm 1963 và của Donald Guthrie năm 1957, đã đi theo hướng này, nhưng những sách giải nghĩa đương đại mà tôi đã đọc đều thừa nhận rằng không chỉ một phần ba thư 1 Ti-mô-thê trực tiếp đề cập đến các giáo sư giả/giáo lý sai lạc, mà hai phần ba còn lại của bức thư cũng chịu ảnh hưởng của điều này. Đó là lý do Tom Schreiner thừa nhận: "Mô tả 1 Ti-mô-thê như một cẩm nang về trật tự Hội Thánh … không hoàn toàn phù hợp với mục đích của bức thư … Phao-lô tập trung vào những phụ nữ bị các giáo sư giả lừa gạt và dỗ dành (so sánh 1 Ti-mô-thê 2:14; 2 Ti-mô-thê 3:6-9)" (Nguồn: www.bit.ly/3BN3tYQ) Tuy nhiên, một lập luận phản bác thường gặp đối với sự thật là 1 Ti-mô-thê 2 đề cập đến giáo lý sai lạc là việc Phao-lô muốn người nam "khắp mọi nơi" (NIV) hay "ở mọi chỗ" (ESV) (câu 8) cầu nguyện theo một cách nhất định. Nhưng xét theo ngữ cảnh của 1 Ti-mô-thê 1, điều này có lẽ chỉ về *mọi chỗ* mà các tín hữu Ê-phê-sô nhóm lại để cầu nguyện, rõ ràng nhất là nhiều ngôi nhà ở Ê-phê-sô làm nơi nhóm họp của các Hội Thánh.
231. Köstenberger trong "Women in The Church," tr. 152-155, và Grudem, Evangelical Feminism and the Biblical Truth, tr. 280-284. Xin ghi nhận công của Andrew Bartlett trong "Men and Women in Christ." (tr. 390).

HIỆN NAY TA KHÔNG CHO PHÉP

Chúng ta hãy khảo sát chữ *epitrepō* của Phao-lô, được dịch trong tiếng Anh bằng một cụm bốn chữ để mô tả hành vi đang bị sửa lại: "'*I do not permit*' (Ta không cho phép) [*epitrepō*] đàn bà dạy dỗ hay giành lấy quyền …"

Trước hết, hãy lưu ý rằng động từ này ở thì hiện tại, khiến luận điểm cho rằng Phao-lô đang đưa ra lệnh cấm này cho hoàn cảnh này trở nên khá hợp lý. Dù vậy, Grudem khẳng định rằng "sức nặng của tiếng Hy Lạp" cho thấy đây là một trong những "mệnh lệnh áp dụng cho mọi Cơ Đốc nhân ở mọi thời đại."[232] Sự khẳng định này là quá mức. Như một học giả cũng theo quan điểm bổ sung là Douglas Moo nói: "Xét riêng về thì hiện tại của động từ, điều này chỉ cho phép chúng ta kết luận rằng *vào thời điểm viết thư*, Phao-lô đang đòi hỏi những lệnh cấm này."[233] Chỉ riêng sự thừa nhận đó cũng đủ làm suy yếu mọi tuyên bố cho rằng Phao-lô đang ban ra một sắc lệnh phổ quát. Vì những chữ tiếng Anh "I do not permit" (Ta không cho phép) tạo ấn tượng rằng một sắc lệnh phổ quát, vượt thời gian đang được ban ra, chính Moo đề nghị một cách dịch tốt hơn là "I am not permitting …" (Hiện nay ta không cho phép …).[234]

Ngoài ra, việc nghiên cứu cách dùng chữ này ở những chỗ khác trong Kinh Thánh xác nhận rằng đây có lẽ là một lệnh cấm dành cho một hoàn cảnh cụ thể. Trong mọi lần *epitrepō* được dùng trong bản dịch tiếng Hy Lạp của Cựu Ước, cũng như trong phần lớn 17 chỗ khác mà nó được dùng trong Tân Ước, *nó chỉ về một quyết định được đưa ra cho một hoàn cảnh cụ thể.*[235] Moo thừa nhận:

232. Wayne Grudem, Evangelical Feminism and the Biblical Truth, tr. 301

233. Douglas Moo nói như vậy trong "Recovering Biblical Manhood and Womanhood," chương 9.

234. "Một bản dịch tiếng Anh trung thành hơn với cách dùng từ này trong tiếng Hy Lạp là 'I am not permitting' (Hiện nay ta không cho phép), cho thấy một lệnh truyền mới dành riêng cho một trường hợp, để đáp lại một vấn đề ở Ê-phê-sô, và không mang sức nặng của truyền thống Hội Thánh." Moo, 202

235. Xem Philip Payne, Man and Woman, One in Christ, tr. 201-202. Xem thêm https://biblehub.com/greek/strongs_2010.htm. Hai ngoại lệ duy nhất là 1 Cô-rinh-tô 14:34 "họ không được phép" và Mác 10:4 "Môi-se đã cho phép". Tôi bàn về trường hợp thứ nhất trong chương 6 và kết luận rằng rất có thể những lời ấy là một đoạn chèn thêm, hoặc thật ra Phao-lô đang đưa ra lời khuyên cho một hoàn cảnh rất cụ thể trong Hội Thánh Cô-rinh-tô. Trong trường

"Phải công nhận rằng động từ này không thường được dùng trong Kinh Thánh cho những mệnh lệnh áp dụng phổ quát."[236] Nếu Phao-lô muốn nêu lên một lý tưởng phổ quát cho mọi Hội Thánh ở khắp mọi nơi, thì tại sao ông không đơn giản viết: "Phụ nữ không bao giờ được dạy dỗ"? Chẳng hạn, ông sẽ không bao giờ viết: "Hiện nay ta không cho phép anh em gian dâm." Không, ông sẽ nói thẳng hơn: "Chớ gian dâm!" Vậy tại sao ở đây ông lại dùng cách diễn đạt mềm mỏng và trái với điều người ta chờ đợi như thế?

Tóm lại, việc Phao-lô mở đầu lệnh cấm bằng chữ *epitrepō* cho chúng ta lý do để tin rằng Phao-lô có thể đang nói về một hoàn cảnh địa phương.

AUTHENTEIN

Cốt lõi của cách giải thích theo quan điểm bổ sung là Phao-lô đang bảo phụ nữ đừng làm điều mà chỉ (một số) người nam mới được phép làm: dạy dỗ và thực thi thẩm quyền mục vụ trên người khác. Nói cách khác, việc dạy dỗ và thực thi thẩm quyền, như được nói đến ở đây, là những hoạt động do Đức Chúa Trời chỉ định – miễn là đúng người làm. *Tuy nhiên, cách đọc này sụp đổ khi có thể chứng minh rằng Phao-lô đang cấm phụ nữ làm một điều mà ông cũng không muốn người nam làm.* Nói cách khác, nếu một hoặc cả hai hoạt động này được chứng minh là tội lỗi, thì cách đọc của quan điểm bổ sung là sai.

Vậy lĩnh vực tranh luận cụ thể là động từ "*authentein*". Cuộc tranh luận này thể hiện qua nhiều bản dịch tiếng Anh khác nhau: "to exercise authority" (thực thi thẩm quyền, ESV) là một điều chính đáng, trong khi "to assume authority" (tự giành lấy thẩm quyền, NIV) có thể là một hành động tiêu cực. Chẳng hạn, nếu một cô giáo điều khiển học sinh trong lớp, cô ấy "*thực thi* thẩm quyền", còn nếu một học sinh tìm cách chiếm quyền điều khiển bài học, cậu ta "*tự giành lấy* thẩm quyền" cách sai trái. Những bản dịch khác gồm có "to have dominion" (có quyền thống trị, ASV), "to control" (kiểm soát, CEB), "to domineer" (áp chế, NEB), và "to lord it over" (làm chủ trên, TLB).

hợp thứ hai, câu trả lời của Chúa Giê-xu trong Mác 10:5-12 cho thấy Ngài xem sắc lệnh của Môi-se là một sự tạm thời đi chệch khỏi một lý tưởng lâu bền.
236. Nguồn: https://bit.ly/3mExipX (tr. 199)

Một vấn đề khiến từ này khó dịch hơn là *authentein* là một từ *chỉ được dùng một lần duy nhất* trong cả Kinh Thánh.[237] Vì vậy, chúng ta không thể thấy Phao-lô hay bất kỳ tác giả Kinh Thánh nào khác đã dùng từ này theo cách nào khác. Dù nó đã được các tác giả trong văn chương Hy Lạp cổ dùng trong những thế kỷ trước và sau khi Phao-lô dùng nó ở đây vào năm 62 SCN, nó vẫn là một từ *cực kỳ* hiếm. Thật ra, trong 100 năm trước và 100 năm sau chức vụ của Phao-lô, chúng ta chỉ có năm mẫu dùng từ này trong văn chương cổ còn lưu lại. Vậy làm sao chúng ta có thể hy vọng tìm ra sắc thái của nó là tích cực hay tiêu cực?

Những người theo quan điểm bổ sung đưa ra hai lý do cho cách dịch tích cực của họ. Thứ nhất, họ cho rằng từ *didaskein* (dạy dỗ) là tích cực, do đó đòi hỏi *authentein* cũng phải có nghĩa tích cực. Köstenberger lập luận rằng, dựa trên những trường hợp hai động từ nguyên mẫu đứng cạnh nhau trong văn chương Hy Lạp cổ, hai động từ *didaskein* và *authentein* hoặc cả hai đều tích cực, hoặc cả hai đều tiêu cực. Những người theo quan điểm bổ sung khẳng định rằng *didaskein* luôn là một từ tích cực. Chẳng hạn, Schreiner khẳng định rằng trong các thư Mục vụ của Phao-lô gửi Ti-mô-thê và Tít, *didaskein* luôn có nghĩa là "sự truyền đạt truyền thống có thẩm quyền trong [sự thờ phượng chung, công khai], chứ không phải sự chia sẻ không chính thức."[238] Họ nói ngoại lệ duy nhất là khi có thêm những từ tiêu cực khác được dùng để cho biết đó là sự dạy dỗ sai lạc. Vì thế, họ kết luận rằng trong 1 Ti-mô-thê 2:12, nghĩa tích cực của *authentein* được suy ra từ việc nó gắn liền với *didaskein*.

Thứ hai, các nhà ngôn ngữ học theo quan điểm bổ sung như Henry Baldwin lập luận rằng trong văn chương cổ, từ này rất thường được dùng theo nghĩa tích cực, còn Al Wolters lập luận rằng nó hầu như không bao giờ được dùng theo nghĩa tiêu cực.

Vì ý nghĩa của từ này đã tỏ ra có tính quyết định như vậy trong việc giải nghĩa 1 Ti-mô-thê 2:12, chúng ta phải chấp nhận rằng có thể chúng ta sẽ không bao giờ đạt được sự đồng thuận học thuật về ý nghĩa của nó. Khi theo dõi các nghiên cứu học thuật về từ cổ này trong những thập niên gần đây, tôi nhận thấy các học giả hàng đầu thế giới vẫn tiếp tục bác bỏ khẳng định của nhau. Tuy vậy, sau khi dành nhiều ngày đọc đi đọc lại các công trình học

237. Thuật ngữ chuyên môn là: đây là một hapax legomenon.
238. Women in the Church, 3rd Edition, tr. 175

thuật gần đây về từ này, tôi kết luận rằng trong văn chương cổ, từ này đôi khi được dùng theo nghĩa tích cực, và đôi khi theo nghĩa tiêu cực. *Dù vậy, đây làtám lý do cho thấy "thực thi thẩm quyền" trong câu này có lẽ không đúng, và một cách dịch mang sắc thái tiêu cực hơn sẽ chính xác hơn:*

Thứ nhất, "dạy dỗ" (*didaskein*) rất có thể là một loại dạy dỗ tiêu cực trong phân đoạn này, và có thể không chỉ về sự dạy dỗ tích cực hay chính thức. Schreiner lập luận *vượt quá bằng chứng Kinh Thánh* rằng trong các thư của Phao-lô gửi Ti-mô-thê và Tít, đó luôn là một hành động tích cực, cụ thể và chính thức được thực hiện trong các buổi nhóm thờ phượng hằng tuần. Trong các thư Mục vụ, từ này không nhất thiết chỉ giới hạn ở sự dạy dỗ giáo lý có thẩm quyền trong buổi nhóm thờ phượng, và *đôi khi* nó được xem là một loại *didaskein* tội lỗi.[239]

Dù sao đi nữa, thật thiếu nhất quán khi lập luận rằng *didaskein* có một ý nghĩa cố định (là sự dạy dỗ chính thức, tích cực), còn *authentein* có ý nghĩa do ngữ cảnh quyết định – thật ra, nguyên tắc giải nghĩa căn bản nhất là để cho

239. Từ "dạy dỗ" được dùng khác nhau trong những phân đoạn khác nhau. Schreiner không có lập luận vững chắc nào để khẳng định rằng trong các thư Mục vụ, từ *didaskein* phải *luôn luôn* được hiểu là sự giảng dạy giáo lý chính thức do các lãnh đạo thuộc linh thực hiện trong buổi thờ phượng, hay rằng nó luôn nhất thiết chỉ về việc dạy những nội dung lành mạnh. Dù didaskein có thể mang nghĩa mà Schreiner nói ở những chỗ khác trong các thư Mục vụ, đôi khi nó mang những nghĩa khác: *Trái với Schreiner, đôi khi nó chỉ về sự chia sẻ không chính thức bên ngoài buổi nhóm thờ phượng.* Khi dùng *didaskein* trong 1 Ti-mô-thê 2:12, Phao-lô có thể muốn nói đến điều gì đó như việc nói với người khác để định hình điều họ tin hay cách họ sống. Điều này bao gồm cả sự chia sẻ không chính thức lẫn sự giảng dạy chính thức hơn. Nếu theo tiêu chuẩn của quan điểm bổ sung phụ nữ không được dạy người nam, thì khi nào và ở đâu phụ nữ sẽ dạy dỗ những phụ nữ khác, nếu trong buổi thờ phượng hằng tuần luôn luôn có người nam (Tít 2:3-5)? Và phải chăng người ta chỉ có thể dạy dỗ và chỉ bảo "những kẻ chống trả" trong các buổi thờ phượng (2 Ti-mô-thê 2:24-25)? Làm sao có thể nói rằng trong buổi nhóm thờ phượng chỉ có một người ("đàn bà") đang tìm cách dạy chỉ một người khác ("đàn ông") (1 Ti-mô-thê 2:12)? Làm sao có thể có một dòng chảy dạy dỗ, trong đó người được dạy lại dạy những người khác, và những người này lại dạy những người khác nữa, nếu chỉ nói đến sự dạy dỗ trong buổi thờ phượng (2 Ti-mô-thê 2:2)? Và còn sự dạy dỗ đang ảnh hưởng đến cả từng nhà thì sao (Tít 1:10-11)? *Cũng trái với Schreiner, nó có thể chỉ về một loại dạy dỗ tội lỗi.* Chẳng hạn, Phao-lô dùng chính từ *didaskein* để mô tả lời nói của những người đang truyền bá không phải truyền thống sứ đồ có thẩm quyền, mà là nội dung tà giáo (Tít 1:11).

ngữ cảnh bày tỏ ý nghĩa của cả hai từ.[240] Chẳng hạn, khi một số người trong Hội Thánh bị *cấmdidaskein*, chúng ta có thể giả định rằng điều đó chỉ về một lỗi nghiêm trọng nơi những người dạy ấy hoặc trong sự dạy dỗ của họ.[241] Dù có những ví dụ khác về những hình thức dạy dỗ không được phép,[242] hãy xem xét chỗ khác trong các thư Mục vụ nơi *didaskein* bị cấm, và vì thế là một chỗ song song gần gũi với 1 Ti-mô-thê 2:12. Phao-lô bảo Tít rằng một nhóm mà ông gọi là "những người chịu cắt bì", những người mà ông mô tả là "nói hư không và phỉnh dỗ", "phải bị bịt miệng, vì họ làm đảo lộn cả từng nhà, *dạy* những điều không nên dạy."[243] Theo đánh giá của Phao-lô, có điều gì đó sai trái nơi những người dạy này và trong sự dạy dỗ của họ – vì thế họ và kiểu nói của họ phải bị chặn lại. Tương tự, khi tiếp tục nghiên cứu phân đoạn 1 Ti-mô-thê 2, chúng ta sẽ khám phá rằng rõ ràng có điều gì đó không tin kính nơi một nhóm phụ nữ trong Hội Thánh, đáng chú ý là thái độ và hành động của họ đối với nam giới, điều đã khiến Phao-lô có lý do để sửa lại *cách* họ nói với nam giới về những điều phải tin và cách phải sống.[244]

240. *Didaskein* tự nó không tiêu cực cũng không tích cực. Ý nghĩa trong mỗi trường hợp được quyết định bởi ngữ cảnh – chẳng hạn, người ta có thể dạy cách kiêu ngạo hay cưỡng ép, hoặc người ta có thể dạy điều sai lạc. Tóm lại, thay vì giả định, như các học giả theo quan điểm bổ sung làm, rằng nó tự bản chất là tích cực và vì thế phải chi phối từ đi cặp với nó là *authentein*, thì hợp lý hơn là để cho những từ đi cặp và ngữ cảnh rộng hơn quyết định ý nghĩa của nó. Những học giả theo quan điểm bổ sung nói rằng *didaskein* "luôn mang nghĩa tích cực, trừ khi có một từ bổ nghĩa cho biết đó là sự dạy dỗ sai lạc" đã tạo ra một quy tắc giải nghĩa giả tạo – không, *ngữ cảnh luôn quyết định ý nghĩa.*

241. Xem Ma-thi-ơ 5:19a, Tít 1:11 và Khải Huyền 2:14, 20, nơi từ này được dùng trong một ngữ cảnh tiêu cực.

242. Đặc biệt trong ngữ cảnh những hành động bị Chúa Giê-xu hay các sứ đồ cấm, một động từ đi cặp mang nghĩa tiêu cực với chữ "dạy" có thể hướng dẫn chúng ta giả định rằng đó là một loại dạy dỗ tội lỗi. Chẳng hạn, trong Khải Huyền 2:20, Chúa Giê-xu quở trách Hội Thánh Thi-a-ti-rơ vì đã dung túng một người nữ giống như Giê-sa-bên trong Hội Thánh "dạy dỗ" (*didaskein*) "và phỉnh phờ" (*kai plana*) các đầy tớ của Ngài. Nếu tín hữu Thi-a-ti-rơ đã dung túng sự dạy dỗ tội lỗi của một người nữ, thì Phao-lô sẽ không làm như vậy trong Hội Thánh Ê-phê-sô – "Hiện nay ta không cho phép …" Tuy nhiên, điều quan trọng cần nhận thấy là ở cả hai nơi, chỉ một loại dạy dỗ tội lỗi của phụ nữ mới bị cấm. Ngữ cảnh sửa sai và động từ đi cặp "phỉnh phờ" cho thấy Chúa Giê-xu không cấm người nữ ở Thi-a-ti-rơ dạy dỗ điều tốt, nhưng cấm một loại dạy dỗ lừa dối và tà giáo. Tương tự, ngữ cảnh sửa sai và động từ đi cặp *authentein* (có thể có nghĩa là "áp chế") cho thấy Phao-lô không cấm phụ nữ Ê-phê-sô dạy dỗ điều tốt, nhưng cấm một loại dạy dỗ thiếu tôn trọng và hung hăng.

243. Tít 1:10-11

244. Thật ra có thể chứng minh rằng cả ba điều khiến Phao-lô lo ngại về những người mà Tít phải bịt miệng (sự bất phục, nội dung vô ích, sự lừa dối) đều có thể liên quan đến những mối lo ngại của ông về những phụ nữ đang bị sửa lại trong 1 Ti-mô-thê 2:12-14.

Thứ hai, giới học giả không hề có sự đồng thuận rằng thời cổ từ *authentein* luôn được dùng cho một hành động tích cực. Trong ấn bản thứ nhất và thứ hai của cuốn sách chủ chốt của những người theo quan điểm bổ sung về ý nghĩa của 1 Ti-mô-thê 2:12, cuốn *Women in the Church*, Baldwin được giao viết chương về nghĩa của từ này, và ông kết luận rằng, tùy theo ngữ cảnh, từ ấy có thể có nghĩa là "cai trị hay trị vì, hoặc kiểm soát hay thống trị, hoặc hành động độc lập, hoặc xúi giục."[245] Về 1 Ti-mô-thê 2:12, ông nói thêm rằng "các nghĩa kiểm soát hay thống trị … hoàn toàn có thể," và "tự giành lấy thẩm quyền trên" ("to assume authority over") "có thể là thích hợp." Điều thú vị là chương sách của ông nay đã bị loại bỏ trong ấn bản thứ ba và được thay bằng công trình của Wolters, người khẳng định rằng *authentein* hầu như *không bao giờ* mang nghĩa tiêu cực[246] – một kết luận ủng hộ những gì những người theo quan điểm bổ sung mong muốn hơn nhiều. Tuy vậy, Schreiner thừa nhận rằng đôi khi từ này có thể được dùng theo nghĩa tiêu cực.[247] Ptolemy dùng từ này trong tác phẩm *Tetrabiblos* của ông (127–148 SCN) để nói về một hành tinh *khống chế* một hành tinh khác – ở đây có một sắc thái tiêu cực không thể chối cãi: phần lớn các học giả tôi đã đọc, kể cả Baldwin và Grudem, đều dịch từ này ở chỗ ấy là "thống trị" ("dominate").[248]

245. Grudem, Evangelical Feminism, Phụ lục 7

246. Albert Wolters, "A Semantic Study of Αὐθέντης and its Derivatives," Journal for Biblical Manhood and Womanhood 1.11 (Spring 2006): tr. 44-65, 45.

247. Trong "Two Views on Women in Ministry", Schreiner nói: "Chắc chắn trong một số ngữ cảnh nhất định, thuật ngữ này có thể có một sắc thái tiêu cực."

248. Wolters đứng một mình khi ông dịch từ này nơi Ptolemy là "gain mastery" ("giành quyền làm chủ") hoặc "assume authority" ("tự giành lấy thẩm quyền"). Dù vậy, khi làm như thế, ông thừa nhận sắc thái tiêu cực mà Baldwin và Grudem nhận ra khi họ dịch nó là "dominate" ("thống trị"). Tuy nhiên, Wolters quá nhấn mạnh việc động từ của Ptolemy ở thì aorist và vì thế chỉ diễn tả lúc khởi đầu của sự chi phối. Nhưng chính ngữ cảnh của câu mới là yếu tố thực sự quyết định nghĩa của nó: như Wolters cho thấy, *authentein* được dùng song song với việc sao Thổ "nắm toàn bộ … quyền kiểm soát" linh hồn con người và khiến các hành tinh khác "làm cho" con người trở thành kẻ yêu xác thịt. Dù thì aorist có thể diễn tả khía cạnh "khởi sự" (tức là sự bắt đầu của một hành động), như trong "assume authority" ("tự giành lấy thẩm quyền"), điều này không có nghĩa là hành động tiếp diễn được biểu thị bằng thì hiện tại – tức là việc kiểm soát điều mà chủ thể trước đó đã nắm quyền kiểm soát – nay trở thành một hành động trung tính hay tích cực. Ngoài ra, với quá ít mẫu cổ của từ này, và với việc Wolters sẵn sàng đưa nghĩa của dạng danh từ của authentein vào nghiên cứu của ông về từ này, thì điều đó dường như tùy tiện phủ nhận sắc thái của một từ cùng gốc gần gũi hơn nhiều, lại được dùng vào thời điểm gần với cách Phao-lô dùng. Theo chỗ tôi biết, không có học giả nào khác, thuộc bất kỳ trường phái nào, cố tạo ra khoảng cách về nghĩa như thế giữa thì aorist và thì hiện tại khi giải thích các mẫu cổ khác nhau của *authentein*.

Dù đúng là giáo hội trong thời kỳ hậu Constantine (từ thế kỷ 4 trở đi) thường dùng từ *authentein* theo nghĩa tích cực, nhưng các nghĩa của *authentein* từ nhiều thế kỷ sau như vậy không hoàn toàn liên quan đến cuộc thảo luận này.[249] Thật vậy, một vấn đề trong các nghiên cứu của Baldwin và Wolters (cũng như trong các nghiên cứu từ ngữ của Grudem về *kephalē*) là hầu hết các ví dụ được khảo sát đều xuất hiện nhiều thế kỷ sau thời Tân Ước, và vì vậy ít có giá trị khi đánh giá nghĩa của từ này vào lúc thư 1 Ti-mô-thê được viết ra.[250]

Philip Payne tóm tắt những gì ông tìm thấy về sự phát triển lịch sử của từ này: "Nghĩa duy nhất của *authentein* vừa phù hợp với 1 Ti-mô-thê 2:12 vừa được xác lập là đã có trước thời Phao-lô là 'tự giành lấy thẩm quyền'. 'Thống trị' xuất hiện như một nghĩa ít lâu sau thời Phao-lô, còn 'thực thi thẩm quyền' là một nghĩa chỉ có thể được xác nhận muộn hơn nhiều."[251] Theo Payne, những ví dụ đầu tiên được xác nhận cho nghĩa sau này xuất hiện vào thế kỷ 4, trong thời kỳ hậu Constantine. Tuy vậy, cách dùng tiêu cực của từ này cũng vẫn tiếp tục – giáo phụ Chrysostom đã cấm các người chồng hành xử *authentein* đối với vợ mình.[252]

Vì nghĩa của từ ngữ thay đổi theo thời gian, chúng ta phải tìm cách dùng trong thời kỳ gần nhất. Vì thế, hai cách dùng đã được xác nhận của từ này mà chúng ta có từ *trước* thời Phao-lô là quan trọng nhất cho việc nghiên cứu của chúng ta, vì chúng phản ánh rõ nhất cách hiểu vào thời Phao-lô. Cách dùng sớm nhất mà chúng ta có nằm trong một bản *apologia* (thư biện bạch) năm 27 TCN.[253] Văn bản này nổi tiếng là khó dịch, nhưng dường như kể về

249. Đặc biệt khi chúng ta xét rằng trong vài thế kỷ đầu tồn tại, giáo hội, vốn chịu ảnh hưởng của tư tưởng khinh miệt phụ nữ của Aristotle, đã đọc 1 Ti-mô-thê 2:12-14 như một lệnh cấm chung, không cho phụ nữ bao giờ lãnh đạo người nam trong bất cứ lĩnh vực nào, trên cơ sở sự thấp kém của Ê-va. Vì thế, rất có thể nhiều người trong giáo hội đã mặc nhiên cho rằng authentein có nghĩa là một sự thi hành quyền lãnh đạo tích cực – điều này cũng soi sáng hai chỗ trong các văn bản của giáo hội vào thế kỷ 4, nơi Đức Chúa Trời được nói là hành xử authentein với tư cách là Chúa.
250. Wolters thẳng thắn về vấn đề này: "Nghĩa 'thực thi thẩm quyền' chủ yếu dựa trên cách dùng về sau của động từ này. … Thật đáng tiếc là không có thêm những chứng cứ về authentes từ khoảng thời gian chuyển giao giữa hai kỷ nguyên."
251. Philip Payne, Man and Woman, One in Christ, chương 20
252. John Chrysostom, Hom. Col. tr. 27-31.
253. Papyrus BGU 1208. Xem www.bit.ly/3BKHl0Q. Tôi sẽ không đề cập đến cách dùng thứ hai từng được biết đến, vì nó dường như có nghĩa hoàn toàn khác với nghĩa trong 1 Ti-mô-thê 2:12. Trong một tác phẩm của nhà ngữ pháp Aristonicus, ông bình luận một đoạn trong Iliad của Homer và nói đến "authentein" (theo nghĩa "tác giả" hay "người khởi xướng") của bài diễn từ.

một người tên là Tryphon, người trong một lá thư gửi người anh em của mình là Asklepiades đã giải thích việc ông đã hành xử *authentein* đối với Antilochus, người dường như là thuộc hạ hoặc nô lệ của Asklepiades. Tryphon và Antilochus ở trên một chiếc phà, và khi Antilochus từ chối trả tiền đò cho người lái đò, Tryphon đã hành xử *authentein* đối với anh ta để buộc anh ta trả. Nói cách khác, ông đã ép anh ta phải trả tiền.[254] Đối với tai người hiện đại, điều này nghe có vẻ là cách cư xử đúng mực, nhưng trong nền văn hóa đó, ra lệnh cho thuộc hạ của người khác là điều không thể chấp nhận, cũng như ngày nay ra lệnh cho con của người khác là điều không thể chấp nhận – *vì thế Tryphon mới cần viết một lá thư để giải thích*. Điều duy nhất mà *authentein* ở đây không thể có nghĩa là "thực thi thẩm quyền," vì lá thư là một nỗ lực giải thích tại sao ông đã tự ý làm một việc rõ ràng không thuộc quyền của mình. Do đó, mọi khẳng định rằng từ này thời cổ "luôn được dùng theo nghĩa tích cực" để diễn đạt "thực thi thẩm quyền" đều gây hiểu lầm.[255]

Thứ ba, *authentein* có thể được hiểu là một hành động tiêu cực khi xét đến các thành phần cấu tạo nên nó. Dù các hình vị của một từ không phải là cách tốt nhất để xác định nghĩa của nó, nhưng khi có rất ít sự đồng thuận, như trường hợp ở đây, thì đó vẫn là một việc đáng làm.[256] Trong trường hợp này, phần đầu của từ *authentein* ("*aut*") có nghĩa là *tự mình*, và trong các từ ngữ Kinh Thánh, phần lớn nó được dùng để chỉ những hành động hướng về chính mình hoặc lấy mình làm trung tâm.[257] Ngay cả khi có thể chứng minh rằng

254. Đáp lại những học giả cho rằng ngay từ đầu Antilochus thực ra đã ở dưới thẩm quyền chính đáng của Tryphon: thật khó hiểu làm sao hay tại sao Tryphon, trong một nền văn hóa trọng danh dự và sợ sỉ nhục, lại dành phần lớn lá thư của mình để biện hộ cho hành động của mình – chính hành động của ông sẽ để lộ sự yếu kém và điều nhục nhã, vì ông đã không kiểm soát được đầy tớ hay nô lệ của mình, và chính ông sẽ phải chịu trách nhiệm về sự xúc phạm đối với người lái đò.
255. Schreiner, trong Two Views of Ministry (tr. 108), nói rằng "Các nghiên cứu gần đây của H. Scott Baldwin và Al Wolters cho thấy thuật ngữ này biểu thị một cách dùng thẩm quyền tích cực." Hãy đọc nghiên cứu của Jamin Hübner về việc các học giả theo quan điểm bổ sung hiểu sai chính các nghiên cứu từ ngữ của họ: "Ít nhất thì tất cả những điều này cho thấy những người theo quan điểm bổ sung rõ ràng là lúng túng về những gì các nghiên cứu theo quan điểm bổ sung (cùng những nghiên cứu khác) về authenteō đã cho thấy." Xem www.bit.ly/3EKqWM8 (tr. 17)
256. D.A. Carson nói như vậy trong "Exegetical Fallacies": "Dù từ nguyên là một 'công cụ hơi vụng về để phân định ý nghĩa', nó vẫn hữu ích, 'đặc biệt trong những nỗ lực tìm hiểu nghĩa của các hapax legomena (những từ chỉ xuất hiện một lần).'" (tr. 33)
257. Chẳng hạn như authadēs = "tự mãn", authairetos = "tự ý", autarkeia = "sự tự túc", autarkēs = "tự túc", autokatakritos = "tự kết án mình", autocheir = "bằng chính tay mình", aucheō = "tôi khoe khoang." Nguồn: www.bit.ly/3EKqWM8 (tr. 18)

authentein là một cách dùng quyền lực tích cực của những nhà cai trị không phải Cơ Đốc nhân, thì vẫn hợp lý hơn nhiều khi cho rằng Phao-lô – người thích nói về mình như một người không cai trị người khác và là đầy tớ của mọi người vì có Đấng Christ[258] – đã chọn từ này, một từ chỉ mới du nhập vào tiếng Hy Lạp không lâu trước đó, để mô tả những kiểu hành xử quyền hành mang tính tội lỗi, nghiêng về sự kiêu ngạo (hướng về mình thay vì hướng về Đức Chúa Trời) và/hoặc sự ích kỷ (lấy mình làm trung tâm thay vì lấy người khác làm trung tâm).

Ngay cả khi chúng ta chấp nhận khẳng định của Wolters rằng từ này có nghĩa là *làm chủ*, thì đó là một hành động tích cực hay tiêu cực vẫn tùy thuộc trong từng trường hợp vào việc ai là người làm chủ. Nếu Đức Chúa Trời, một vị vua thời cổ hay một chủ nô thời cổ "làm chủ" người của mình, điều đó có thể không sao, nhưng nói chung, mọi người theo Chúa Giê-xu, kể cả một mục sư, đều bị cấm tìm cách làm chúa hay làm chủ bất kỳ một người theo Chúa Giê-xu nào khác.

Thứ tư, toàn bộ chương này mang tính sửa sai. Các nhà ngôn ngữ học giải thích rằng nếu một từ đôi khi có thể được dùng theo nghĩa tích cực và đôi khi theo nghĩa tiêu cực, thì ngữ cảnh sẽ quyết định điều được hàm ý. Vì Phao-lô muốn phục hồi một Hội Thánh bị các giáo sư giả tàn phá – một bối cảnh mà 1 Ti-mô-thê 1 xác lập rõ ràng – nên rất có thể trong chương 2 ông tiếp tục sửa lại những hành vi sai trái.

Trong các mệnh lệnh trước đó, Phao-lô sửa lại những hành động tội lỗi cụ thể của những người nam Ê-phê-sô hay giận dữ, cãi cọ và không cầu nguyện, có bàn tay không thánh sạch (câu 8), và của những người nữ Ê-phê-sô thiếu đoan trang, với kiểu tóc cầu kỳ và quần áo đắt tiền, thiếu sự đứng đắn và việc lành, là những người cần thôi gây rối và lại chịu thuận phục để được dạy dỗ (câu 9-11). Việc Phao-lô chỉ nói với một giới mỗi lần trong các mệnh lệnh này là bằng chứng cho thấy ông chỉ ra những thất bại riêng của họ trong hoàn cảnh cụ thể này. Theo nghĩa đó, việc một người nam hành xử *authentein* đối với một người nữ cũng không thể chấp nhận được, chẳng khác gì việc anh ta ăn mặc phô trương, hay việc một người nữ không cầu nguyện, hay giận dữ hoặc hay cãi cọ.

258. Xem 2 Cô-rinh-tô 4:5.

Ngoài ra, cách hiểu *authentein* theo sắc thái tiêu cực rất phù hợp khi chúng ta nhớ rằng mệnh lệnh đi trước trong câu 11 là *phản đề* của điều Phao-lô ngăn cấm trong câu 12. Phao-lô muốn những người nữ Ê-phê-sô này, giống như Ma-ri ở Bê-tha-ni, người từng ngồi dưới chân Chúa Giê-xu, học trong yên lặng (tiếng Hy Lạp là *hesychia*, ở đây có nghĩa là *cách ôn hòa*) và với lòng thuận phục (câu 11), và *không* dạy dỗ theo lối tự đề cao mình hay áp chế (câu 12a),[259] là điều chỉ đem lại chính điều trái ngược với sự "yên lặng" (lại là *hesychia*) (câu 12b).[260]

Thứ năm, câu 12 là một lệnh cấm. Ngay cả cách diễn đạt trong câu 12 cũng hàm ý một nghĩa tiêu cực. Nếu thay "người nữ" bằng *người A*, thay "người nam" bằng *người B*, và dùng chữ *x* cho *didaskein* và chữ *y* cho *authentein*, câu ấy sẽ là: "Ta không cho phép *người A* làm *x*, cũng không cho phép làm *y* đối với người B."[261] Chỉ cần đọc như vậy, người ta sẽ kết luận rằng nhiều khả năng *x* và *y* là những hành động tiêu cực. Bằng cách này, ngữ cảnh tạo nên ý nghĩa – dù một từ có thể được dùng theo nghĩa tích cực ở chỗ khác, trong ngữ cảnh này nó có lẽ mang nghĩa tiêu cực.[262] Lạ thay, nghiên cứu của Wolters không xét đến điều này: trong tất cả những lần xuất hiện đầu tiên của từ này trong văn chương cổ, *chỉ trong thư của Phao-lô nó mới được dùng trong ngữ cảnh của một lệnh cấm*.

Hơn nữa, Wolters dịch lời Phao-lô là cấm người nữ *"làm chủ người nam"* – nhưng điều này không phù hợp với mệnh lệnh sau đó của Phao-lô bảo các nô lệ phải tôn trọng chủ mình[263] (và chúng ta biết rằng nhiều nô lệ là nam, và

259. Liên từ "de", dù vắng mặt trong phần lớn các bản dịch, nối hai câu lại với nhau, nối mạch tư tưởng giữa câu 11 và câu 12. Nhiều khả năng nó có nghĩa là "và" hơn là "nhưng" – đặc biệt vì ngay trong cùng câu ấy, Phao-lô dùng "alla" khi ông muốn nói "nhưng."

260. Xét một cách diễn đạt song song trước đó trong 1 Ti-mô-thê, đây là cách đọc tự nhiên: "Hãy lưu ý rằng mạch tư tưởng của Phao-lô trong câu 12 (*không* dạy dỗ *và không* áp đảo người nam *nhưng* phải ở trong sự yên lặng) không khác mấy so với mạch tư tưởng của ông về cùng đề tài dạy dỗ trong 1:3-4 (*không* dạy khác đi *và không* chú ý đến những chuyện huyễn và gia phả vô cùng, là những điều sinh ra sự bàn cãi *thay vì* sự quản trị của Đức Chúa Trời trong đức tin). Hai điều đầu trong mỗi chuỗi được nhìn cách tiêu cực, điều sau cùng được nhìn cách tích cực." (Andrew Bartlett, Men and Women in Christ, tr. 340)

261. Cảm ơn Jamin Hübner về nhận định sâu sắc này.

262. Nói cách khác, nếu Phao-lô đang khen ngợi hành vi tích cực, và việc dạy dỗ là một trong những điều được khen, thì không thể nào việc dạy dỗ được nói đến lại là một hình thức dạy dỗ tiêu cực. Nhưng vì Phao-lô đang sửa lại hành vi tiêu cực, nên có khả năng đây là một hình thức dạy dỗ tiêu cực

263. 1 Ti-mô-thê 6:2

nhiều người chủ là nữ). Vì trong một gia đình rất có thể có những nô lệ nam, Phao-lô dạy một số người nữ hãy làm chủ (*oikodespotein*) những người nam.[264]

Thứ sáu, khi chúng ta mở rộng việc tìm kiếm cách dùng thời cổ của từ này để bao gồm cả dạng danh từ (*authentein* là dạng động từ của danh từ *authentas*), chúng ta thấy những liên tưởng tiêu cực của nó là không thể chối cãi. Trong cách dùng danh từ này thời cổ, đầy dẫy những nghĩa tiêu cực ở mức mạnh nhất – cách dùng xưa nhất của từ này chỉ về việc *giết người*. Wolters ghi lại bốn mươi lần danh từ này được dùng thời cổ với nghĩa đó, nhưng rồi cũng cho thấy rằng đến thời Phao-lô, nghĩa này phần lớn đã phai nhạt. Nó đã bị các nghĩa khác lấn át, đáng chú ý nhất là nghĩa "người chủ." Dù vậy, ý niệm này vẫn tiếp tục đến thời Phao-lô và có thể có cả trong những sách ông đọc: sách *Khôn Ngoan của Sa-lô-môn* (*Wisdom of Solomon*)[265] nói về việc Đức Chúa Trời hủy diệt những cha mẹ "giết" (*authentas*) con cái mình.[266] Dù nghĩa "giết người" trước kia của danh từ này gần như đã phai nhạt, vẫn có thể – dù không chắc chắn – một sắc thái tiêu cực đã bám theo khi nghĩa của nó phát triển[267] – suy cho cùng, ít nhất có một sự trùng lặp về mặt khái niệm giữa "lấy mạng sống của người khác" và "nắm quyền kiểm soát đời sống của người khác."[268]

Thứ bảy, nếu Phao-lô nghĩ đến việc thực thi thẩm quyền theo nghĩa tích cực, ông đã có thể dùng những từ Hy Lạp phổ biến diễn đạt đúng điều đó –

264. Trong 1 Ti-mô-thê 5:14, ông bảo những phụ nữ mới lấy chồng hãy "quản lý gia đình mình" – từ chỉ việc quản lý ở đây theo nghĩa đen là "chủ tể của ngôi nhà."
265. Có lẽ được viết hai hoặc ba thập niên trước thời điểm chuyển giao giữa hai kỷ nguyên, và là một phần của bản dịch Kinh Thánh Hê-bơ-rơ sang tiếng Hy Lạp, nên rất có thể Phao-lô quen thuộc với văn phẩm này (Xem www.bit.ly/3EKKrE4 để biết thêm về vấn đề này.)
266. Khôn Ngoan của Sa-lô-môn 12:6. Tôi thấy lập luận của Wolters rằng từ này trong sách Khôn Ngoan của Sa-lô-môn chỉ có nghĩa là "kẻ giết người thân" chứ không phải kẻ giết người nói chung chẳng thay đổi được gì – dù hiểu cách nào, nó vẫn hàm ý một hành động tiêu cực nghiêm trọng.
267. Baldwin đã sai khi cố tách dạng động từ khỏi danh từ của nó, với lý lẽ rằng trong phần lớn các ngôn ngữ, nghĩa tổng thể của dạng danh từ một từ có thể thay đổi khi từ ấy được dùng ở dạng động từ. Tuy nhiên, phần lớn các nhà ngôn ngữ học cho rằng vẫn có thể còn lại một kiểu *sắc thái* tương ứng nào đó. Chẳng hạn, động từ "adulterate" (pha tạp, làm giả) có nghĩa khác với danh từ "adultery" (tội ngoại tình), nhưng sắc thái tiêu cực vẫn được chuyển qua cả hai từ.
268. Wolters cho rằng từ "authentēs" với nghĩa "kẻ giết người" và cùng từ ấy với nghĩa "người chủ" có thể có từ nguyên khác nhau. Nhưng cũng có thể là không. Điều nhiều nhất ông có thể nói là "các học giả đã nhiều lần cho rằng chúng có từ nguyên khác nhau" – nhưng những học giả khác lại cho rằng không phải vậy. Ý tưởng chung giữa hai nghĩa dường như là việc dùng quyền lực mình có để áp đặt bản thân lên người khác.

chẳng hạn như từ ông dùng 10 câu trước đó cho những người có chức quyền (*hyperochē*)? Cuốn *Louw and Nida's Lexicon for the New Testament* đưa ra 12 từ có nghĩa "thực thi thẩm quyền" và 47 từ có nghĩa "cai trị" hoặc "cai quản," nhưng Phao-lô không dùng từ nào trong số đó. Trong 1 Cô-rinh-tô 7, khi nói về thẩm quyền *chính đáng* mà một giới có thể có trên giới kia, ông chọn từ *exousia*, một từ ông dùng 28 lần trong các thư của mình.[269] Nếu ông đặc biệt nói về sự lãnh đạo *mục vụ*, như các học giả theo quan điểm bổ sung khẳng định, thì tại sao ông không dùng từ mà về sau trong thư này ông dùng cho sự lãnh đạo mục vụ (*proestōtes*) (5:17); hoặc từ chỉ việc chăn dắt một Hội Thánh (*poimainō*);[270] hoặc từ mà tác giả thư Hê-bơ-rơ dùng cho những người lãnh đạo Hội Thánh (*hegoumenōn*)?[271]

Việc ông lại chọn một từ *hiếm* như vậy, một từ mang sắc thái rất riêng biệt,[272] khiến nhiều khả năng *ông muốn chỉ đích danh và sửa lại một hành vi tội lỗi cụ thể thường thấy nơi những người nữ trong Hội Thánh Ê-phê-sô.*

Thứ tám, những học giả khác phản bác mạnh mẽ các kết luận của những học giả đã cam kết trước với quan điểm bổ sung. Trong ít nhất bảy công trình tham khảo chuẩn mà các học giả Kinh Thánh sử dụng, phần lớn đưa ra một bản dịch rõ ràng mang nghĩa tiêu cực (chẳng hạn áp chế, áp đặt), và ngay cả những bản dịch có nghĩa tích cực hơn thì, từ góc nhìn Cơ Đốc, vẫn mang hàm ý tiêu cực (chẳng hạn thẩm quyền độc lập, hướng về bản thân). Chẳng hạn, cuốn *Analytical Lexicon of the Greek NT* định nghĩa từ này là: "[N]ói về một người hành động theo thẩm quyền của riêng mình; do đó là kiểm soát, áp chế, làm chủ người khác." Cuốn *Nida and Louw* định nghĩa là "kiểm soát, kiềm chế, áp chế," như trong "quát tháo ra lệnh cho ai," "hành xử như thủ

269. Có lẽ một khác biệt quan trọng giữa exousia và cách Phao-lô dùng authentein là: từ thứ nhất chỉ việc sử dụng thẩm quyền mà người ta thật sự có, chẳng hạn exousia của một người vợ được ăn ở với chính chồng mình (1 Cô-rinh-tô 7:4), còn từ thứ hai (như chúng ta thấy trong lá thư của Tryphon) có thể biểu thị việc giành lấy một thẩm quyền mà người ta không có cách chính đáng, chẳng hạn một người phụ nữ ăn nằm với chồng của người khác.

270. Xem Giăng 21:16, Công Vụ Các Sứ Đồ 20:28 và 1 Phi-e-rơ 5:2.

271. Xem Hê-bơ-rơ 13:7, 17, 24.

272. Để hiểu tôi muốn nói gì khi bảo từ này có "một sắc thái riêng biệt," hãy so sánh động từ tiếng Anh "to teach" (dạy) với "to pontificate" (lên giọng dạy đời) hoặc "to harangue" (lên lớp dài dòng). Hoặc so sánh "to lead" (dẫn dắt) với "to drive" (lùa đi) hoặc "to compel" (ép buộc). Trong cả hai trường hợp, các động từ sau có cùng ý cốt lõi với "to teach" hay "to lead," nhưng chúng thêm một sắc thái khác. Tôi đã tìm cách xác lập rằng "authentein," dù có chứa ý "dẫn dắt" ai đó, là một từ mang thêm sắc thái – nó bắt nguồn từ một từ có trước với nghĩa "giết người" và nó có hình vị "aut" (tự mình).

lĩnh đối với ai" hay "sủa vào mặt ai." Tương tự, *BDAG*[273] dịch là "đặt mình vào vị thế của một thẩm quyền độc lập, ra lệnh cho, áp đặt lên."

Vậy thì không có gì ngạc nhiên khi Cynthia Westfall, sau khi hoàn tất nghiên cứu riêng của bà về từ này,[274] sử dụng cùng một cơ sở dữ liệu[275] mà Wolters dùng, và nhận thấy rằng "khi *authentein* được dùng với một chủ thể là người và một [người nhận] là người, thì hành động ấy bị đánh giá tiêu cực, trừ khi chủ thể có thẩm quyền thần thượng hay tối thượng."[276] Dù các học giả theo quan điểm bổ sung khẳng định rằng từ này có nghĩa là *thực thi thẩm quyền mục vụ*, Westfall cho thấy rằng trong mọi lần từ này được dùng trong cơ sở dữ liệu, *không một lần nào nói về bất kỳ sự chăm sóc mục vụ nhân từ nào mà một mục sư hay một chức sắc Hội Thánh dành cho một cá nhân hay một nhóm*.[277] Bà kết thúc nghiên cứu của mình như sau:

Vì từ "authentein" là nguồn chính được dùng để loại trừ phụ nữ khỏi … sự lãnh đạo trong Hội Thánh, nên việc chọn nghĩa cho nó là điều hệ trọng. … [Hiểu] nó chỉ đơn thuần là "có thẩm quyền" rồi giải thích như thể nó mô tả sự lãnh đạo của người đầy tớ hay sự chăm sóc mục vụ là điều gây hiểu lầm đến cực độ. Công việc của Hội Thánh phải là xây dựng một cách hiểu về từ này dựa trên từ điển học vững chắc và phương pháp ngôn ngữ học đúng đắn, để thận trọng tiến hành cuộc thảo luận này. … Hội Thánh đã đến tuổi phải chịu trách nhiệm; đã đến lúc nhận lấy trách nhiệm (hay trách nhiệm pháp lý) về việc loại trừ phụ nữ khỏi các vị trí lãnh đạo trong Hội Thánh dựa trên từ authentein.

Điều tôi thấy đáng lo ngại nhất là khi những người theo quan điểm bổ sung hàng đầu được giao việc điểm sách về công trình ngôn ngữ học của Westfall, họ chỉ đơn giản lảng tránh kết quả nghiên cứu sâu rộng của bà bằng cách khẳng định rằng công trình của Wolters vượt trội hơn.[278] Ngược lại, Jamin

273. Viết tắt của The Bauer, Danker, Arndt, and Gingrich Greek-English Lexicon of the New Testament.
274. www.bit.ly/2prxkqm
275. Cơ sở dữ liệu Thesaurus Linguae Graecae có hơn 300 lần dùng từ này, trải dài suốt 1.200 năm.
276. Westfall, Paul and Gender, chương 9
277. Westfall, Paul and Gender, chương 9
278. Bài phê bình của Tom Schreiner về sách của Westfall không thật sự đối thoại với những khẳng định của bà về nghiên cứu authentein, mà chỉ khẳng định rằng "bà dường như không giải kinh cẩn thận ở mức độ như Wolters về từ 'authentein'." Thực ra, bà đưa ra một sự phê bình rất

Hübner điểm công trình của bà một cách tôn trọng, kết hợp với nghiên cứu riêng của ông về *authentein*, và kết luận rằng sắc thái tiêu cực của từ này khi được dùng trong 1 Ti-mô-thê 2:12 là "gần như chắc chắn." [279]

Về nghĩa của từ này, theo Westfall: "Trong kho văn bản tiếng Hy Lạp, động từ này chỉ một loạt hành động [mà trong đó] những người là đối tượng của các hành động ấy bị tổn hại, bị ép buộc trái ý mình (bị cưỡng bách), hoặc ít nhất là quyền lợi riêng của họ bị gạt sang một bên, vì các hành động ấy bao hàm việc chủ thể áp đặt ý muốn của mình, từ mức làm nhục cho đến bạo lực gây chết người."

Kết luận của bà ăn khớp với sự kiện rằng Jerome, trong bản dịch Vulgate tiếng La-tinh vào thế kỷ 4, đã dịch *authentein* trong 1 Ti-mô-thê 2:12 là *dominari* – cùng họ từ mà ông dùng ở một chỗ khác, nơi Phao-lô, dù có thẩm quyền thuộc linh chính đáng, nói rằng kiểu lãnh đạo mà ông *không bao giờ* dùng là *làm chủ* những người ông dẫn dắt.[280]

Dù từ này có nghĩa là *tự giành lấy thẩm quyền trên* (bản dịch của Payne), *làm chủ* (bản dịch của Wolters), hay *áp đặt chính mình lên người khác và gạt họ sang một bên* (bản dịch của Westfall), thì cả phụ nữ Cơ Đốc *lẫn đàn ông Cơ Đốc* đều không nên làm như vậy – *và vì thế cách đọc 1 Ti-mô-thê 2:12 theo quan điểm bổ sung không đứng vững*.

vững chắc, dù tôn trọng, đối với công trình của Wolters. Tương tự như Schreiner, www.cbmw.org đã nhờ Casey Haugh điểm sách của Westfall, và ông so sánh nghiên cứu giải kinh của bà với Wolters và nói: "Westfall không cho thấy sự quan tâm tương xứng đối với cách hiểu của bà về authentein." Ít ra Wolters có một giọng điệu khác: "Dù tôi không đồng ý với phần lớn phân tích của Westfall, tôi khen ngợi bà vì đã đưa các vấn đề của ngôn ngữ học lý thuyết vào cuộc thảo luận, và tôi mong được thấy các lập luận của bà sẽ được những người am hiểu ngôn ngữ học hơn tôi đón nhận ra sao."

279. www.bit.ly/340JLIS

280. 2 Cô-rinh-tô 1:24: tiếng Anh: "lord it over" (làm chủ, cai trị); bản Vulgate tiếng La-tinh: "dominamur." Dù Jerome dùng từ *dominari* ở những chỗ khác trong bản Vulgate cho sự cai trị tuyệt đối của Đức Chúa Trời và của Chúa Giê-xu, ông dường như ý thức rằng đó không phải là một từ thích hợp cho sự lãnh đạo mục vụ. Thực ra, ông dùng cùng từ này để dịch lời cảnh báo của cả Chúa Giê-xu lẫn Phi-e-rơ đối với những người lãnh đạo Cơ Đốc là đừng "làm chủ" (hay "cai trị") người khác – xem Mác 10:42-43; 1 Phi-e-rơ 5:3. Với những hàm ý về quyền lực chuyên chế hiển nhiên ấy trong cách hiểu của Jerome, khó có thể nào ông dùng từ này trong 1 Ti-mô-thê 2:12 chỉ để nói về một thẩm quyền mục vụ tin kính. Đúng là trong một lá thư riêng, Jerome đã đối chiếu quyền cai trị (dominari) của một giám mục với quyền của một vị vua, nhưng sự so sánh ấy cho thấy quyền lực giáo hội và quyền lực chính trị đã đi vào vai trò của một giám mục tại Rô-ma cuối thế kỷ 4 như thế nào.

Dù chỉ một mình Đức Chúa Trời biết chính xác Phao-lô muốn nói gì qua *authentein*, nhưng xét sức nặng của tất cả những lập luận này cho một sắc thái tiêu cực, tôi kết luận rằng cách đọc theo quan điểm bổ sung và bản dịch thường được dùng của nó ("thực thi thẩm quyền," "exercise authority") có lẽ là không đúng. Bản dịch NIV cập nhật ("tự giành lấy thẩm quyền," "assume authority")[281] và, ít nhất trong trường hợp này, các bản dịch tiếng Anh cũ hơn ("chiếm đoạt thẩm quyền," "usurp authority")[282] đáng được ưu tiên hơn, dù tôi ngờ rằng "kiểm soát" ("to control," CEB), "áp chế" ("to domineer," NEB) hay "làm chủ, đè đầu người khác" ("to lord it over," TLB) có thể chính xác hơn.

MỌI LĨNH VỰC CỦA ĐỜI SỐNG

Có lẽ điểm yếu lớn nhất của ý cho rằng Phao-lô giới hạn lệnh cấm trong các buổi nhóm của Hội Thánh là ông đặt lập luận của mình, như mọi người theo quan điểm bổ sung đều nói, trên "trật tự sáng tạo." Tuy nhiên, người ta không thể nói rằng Phao-lô đặt lệnh cấm phụ nữ lãnh đạo trong Hội Thánh trên nền "trật tự sáng tạo" rồi lại phủ nhận hệ quả của "trật tự sáng tạo" *đối với mọi mối quan hệ và mọi lĩnh vực*. Đơn giản là không có cách nào giải thích phân đoạn này là cấm phụ nữ lãnh đạo người nam trong Hội Thánh (bằng cách lập luận dựa trên trật tự sáng tạo) mà lại không phủ một bóng mờ của sự không chấp thuận từ Đức Chúa Trời lên những phụ nữ lãnh đạo người nam bên ngoài Hội Thánh – trong các lĩnh vực chính quyền, kinh doanh hay công vụ.

Một số người theo quan điểm bổ sung làm sao thoát khỏi những hệ quả hạn chế mà niềm tin của họ vào "trật tự sáng tạo" đặt lên tiềm năng nghề nghiệp của con gái họ – những người mà, vì công việc là một phương diện của sự sáng tạo, sẽ không được lãnh đạo người nam? Họ lập luận rằng phân đoạn

281. Khi dịch theo cách này, bản NIV để người đọc tự quyết định xem nó nói về việc khẳng định một thẩm quyền chính đáng theo nghĩa tích cực, hay theo nghĩa tiêu cực, tức là thẩm quyền bị chiếm đoạt cách bất chính. Việc tôi tán thành bản dịch này là dựa trên nghĩa tiêu cực.
282. Xem chẳng hạn: Geneva (ấn bản 1560): "I permit not a woman to … vsurpe authoritie ouer the man." Bishop (1589): "I suffer not a woman to … vsurpe auctoritie ouer ye man." KJV (1611): "I suffer not a woman to … usurp authority over the man." (Cả ba đều có nghĩa: "Ta không cho phép người nữ … chiếm đoạt thẩm quyền trên người nam.")

này chỉ áp dụng cho lĩnh vực Hội Thánh, cụ thể là cho các buổi nhóm chính thức của Hội Thánh. Họ đọc câu "ta muốn người nam cầu nguyện khắp mọi nơi" thành "ta muốn người nam cầu nguyện *trong mọi buổi nhóm của Hội Thánh*." Họ chỉ ra rằng 1 Ti-mô-thê 2:1 nói về sự cầu nguyện, câu này cũng vậy. Câu 11 nói về việc người nữ học dưới lời được giảng dạy. Tương tự, chương kế tiếp nói về những người lãnh đạo Hội Thánh (3:1-12), và về việc thư này dạy người ta phải ăn ở thế nào trong nhà Đức Chúa Trời (3:15). Họ nói rằng tất cả những điều này giới hạn việc áp dụng lệnh cấm phụ nữ dạy dỗ và lãnh đạo vào những buổi nhóm công cộng hằng tuần của Hội Thánh, nơi có mặt người nam.

Tôi đáp lại, trước hết, rằng các buổi nhóm cầu nguyện không chỉ giới hạn trong các buổi nhóm thờ phượng hằng tuần của Hội Thánh. Sách Công Vụ Các Sứ Đồ kể chi tiết những buổi nhóm cầu nguyện diễn ra trong các phòng cao sau những cánh cửa đóng kín, trên bãi biển và trong ngục tù. Chắc chắn các buổi nhóm của Hội Thánh được bao gồm trong điều Phao-lô nói ở chương 2, nhưng đời sống hằng ngày của Hội Thánh, cả khi nhóm lại lẫn khi tản ra, cũng nằm trong tầm nhìn: với tất cả những lời về bàn tay thánh sạch, về việc không giận dữ và cãi cọ, về vẻ bề ngoài của mỗi người;[283] về việc lành, việc học, việc sinh con; và về đức tin, tình yêu thương và sự thánh khiết, Phao-lô có cả đời sống trong tầm nhìn của mình. Nếu, như những người theo quan điểm bổ sung nói, Phao-lô cấm phụ nữ lãnh đạo và dạy dỗ người nam, thì điều đó áp dụng cho mọi nơi và mọi diễn đàn.

Phản hồi thứ hai của tôi là để Michael Bird đánh thẳng vào trọng tâm vấn đề:

Tôi nghĩ cũng đáng chỉ ra rằng chính những người theo quan điểm bổ sung đã giới hạn hoặc làm nhẹ bớt toàn bộ các hệ quả của quan điểm mình, và chính ở đó là điểm yếu trong lập trường của họ. Chẳng hạn, một số người theo quan điểm bổ sung cho phép phụ nữ dạy người nam một cách gián tiếp qua sách, đài phát thanh và các trang mạng, nhưng không cho phép họ trực tiếp dạy người nam. Một người phụ nữ có thể viết một sách giải nghĩa thư Hê-bơ-rơ cho người nam đọc, nhưng không được giảng hay dạy người nam về thư Hê-bơ-rơ. Một người phụ nữ có thể làm tổng thống, thủ tướng, giám

283. Vì đã nghiên cứu 1 Cô-rinh-tô 11, chúng ta biết Phao-lô muốn phụ nữ trùm đầu trong các buổi nhóm của Hội Thánh, nhưng việc ông nói về kiểu tóc ở đây cho thấy ông cũng đang nói về vẻ bề ngoài của phụ nữ trong đời sống hằng ngày.

đốc điều hành, tướng lĩnh hay cảnh sát, nhưng không thể làm mục sư. Một người phụ nữ có thể dạy người nam tiếng Pháp hay dạy đàn piano, nhưng không được dạy Kinh Thánh hay thần học. Một người phụ nữ có thể dạy Kinh Thánh và giáo lý cho những người nam chưa tin, nhưng không được dạy cho những người nam Cơ Đốc.

Vấn đề tôi thấy ở đây là một số người theo quan điểm bổ sung viện dẫn sách Sáng Thế Ký và trật tự sáng tạo để cho thấy rằng việc một người phụ nữ ở vị trí có thẩm quyền trên một người nam tự bản chất là sai trái, nhưng rồi họ chỉ áp dụng sự hạn chế ấy cho đời sống Hội Thánh hay buổi thờ phượng Chúa Nhật. Nhưng như thế chẳng khác gì nói rằng ngoại tình cũng được, miễn là đừng làm điều đó vào Chúa Nhật hay trong hội trường nhà thờ. Hoặc chẳng khác gì nói rằng ngoại tình cũng được, miễn là bạn làm điều đó với một người chưa tin. Nếu việc một người phụ nữ có thẩm quyền trên một người nam là một sự vi phạm rõ ràng như thế đối với trật tự mà Đức Chúa Trời đã đặt trong sự sáng tạo, thì điều này phải áp dụng cho mọi lĩnh vực của đời sống, dù là kinh doanh, chính quyền, chính trị, công vụ hay Hội Thánh, vì Đức Chúa Trời là Đấng tể trị trên mọi thể chế, và toàn bộ đời sống đều được sống trước mặt Đức Chúa Trời và dưới quyền Đức Chúa Trời.[284]

Nếu chúng ta giữ cách đọc theo quan điểm bổ sung nhưng lại không sẵn lòng cấm hẳn phụ nữ lãnh đạo người nam ở khắp mọi nơi, thì tôi đề nghị chúng ta cần thừa nhận sự thiếu nhất quán của mình khi chỉ siết chặt những phụ nữ Cơ Đốc lãnh đạo trong Hội Thánh. Tôi đề nghị một giải pháp tốt hơn: xem xét lại cách chúng ta đọc những câu này.

Vì A-đam được dựng nên trước nhất, rồi mới tới Ê-va

Ngoài 1 Ti-mô-thê 2:12, câu Kinh Thánh làm bằng chứng chính mà những người theo quan điểm bổ sung đưa ra cho "trật tự sáng tạo" là câu tiếp theo: "Vì A-đam được dựng nên trước nhất, rồi mới tới Ê-va." Họ nói đây là bằng chứng cho thấy Phao-lô đã đọc thấy thẩm quyền của người nam trong mối quan hệ A-đam – Ê-va trước sự sa ngã. Đây có phải là một lập luận kín kẽ không?

284. Mike Bird, Bourgeois Babes, Bossy Wives and Bobby Haircuts: A Case for Gender Equality

Hãy bắt đầu với chữ "vì" (*gar*). Các học giả theo quan điểm bổ sung nói rằng ở đây nó có nghĩa là *bởi vì*. Nói cách khác, Phao-lô cấm phụ nữ lãnh đạo "bởi vì" A-đam được dựng nên trước. Tuy nhiên, chữ *gar* không phải lúc nào cũng có nghĩa là "bởi vì." Điều nó thực sự cho biết là sắp có một phần giải thích hoặc hỗ trợ cho lời tuyên bố trước đó.[285] Phao-lô đặc biệt hay đưa ra đủ loại tư liệu hỗ trợ trong các thư của ông, kể cả những ví dụ minh họa, như dường như ông làm ở đây. Với điều này trong trí, câu ấy có thể được đọc là: "Hiện nay ta không cho phép người nữ tự giành lấy thẩm quyền trên người nam; *xét cho cùng*, A-đam được dựng nên trước nhất …" (Một số dịch giả chọn từ tiếng Anh *indeed* (thật vậy) cho *gar* – có nghĩa là *xét cho cùng* hay *trên thực tế*.) Dù điều này không mang tính quyết định cho lập luận của tôi,[286] ở đây *gar* có lẽ không nối lệnh cấm của ông với một nguyên nhân, mà với một tiền lệ lịch sử.[287]

Trong các thư của mình, Phao-lô đặc biệt hay dùng những câu chuyện và hình ảnh Cựu Ước để minh họa, nhằm hỗ trợ cho một điểm ông muốn nói. Ông dùng câu chuyện về A-ga và Sa-ra để minh họa sự xung đột giữa Giao ước Cũ và Giao ước Mới – đó là kinh nghiệm sống của các tín hữu không phải người Do Thái ở Ga-la-ti, những người đang bị chế nhạo vì không chịu phép cắt bì theo kiểu Do Thái.[288] Ở chỗ khác, ông dùng hình ảnh cuộc vượt qua Biển Đỏ, ma-na, đám mây, hòn đá và tai vạ giáng trên những người Y-sơ-ra-ên thỏa hiệp trong đồng vắng làm ví dụ cho mối nguy của Hội Thánh Cô-rinh-tô: được Chúa Giê-xu cứu và chăm sóc, rồi lại mất phần thưởng vì sa

285. "Phần thảo luận của Mounce về *gar* trong Pastoral Epistles, 131–35, nơi ông điểm qua các cách Phao-lô dùng gar và kết luận: bằng chứng cho thấy nó dẫn vào một lý do trong 1 Ti-mô-thê 2:13 là áp đảo, vì cách dùng thường gặp nhất của nó là 'diễn tả nguyên nhân hay lý do' (131). Tuy nhiên, trong mọi trường hợp, mối quan hệ lô-gích phải được suy ra từ ngữ cảnh, và bản thân *gar* không 'diễn tả nguyên nhân hay lý do'. Đóng góp ngữ nghĩa tối thiểu của nó là báo hiệu tư liệu hỗ trợ, có thể bao gồm ví dụ, hình bóng, trích dẫn và những hình thức hỗ trợ khác cũng như nguyên nhân; … Không thể xác định cách giải thích những bản văn cụ thể bằng 'cách dùng thường gặp nhất'." (Cynthia Westfall, Paul and Gender, chương 4)

286. Nhưng ngay cả nếu ở đây *gar* có nghĩa là "bởi vì," cả hai cách giải thích câu 13-14 mà tôi sắp đưa ra vẫn hợp lý. Chẳng hạn, việc phụ nữ, theo câu chuyện nguyên mẫu ở Ê-đen, được định để tôn trọng (câu 13) và không độc lập khỏi người nam (câu 14) là một nền tảng thần học cho việc Phao-lô ngăn cấm cách một số phụ nữ Ê-phê-sô đã làm mất danh dự người nam (câu 12).

287. Nhưng ngay cả nếu ở đây *gar* có nghĩa là "bởi vì," cả hai cách giải thích câu 13-14 mà tôi sắp đưa ra vẫn hợp lý. Chẳng hạn, việc phụ nữ, theo câu chuyện nguyên mẫu ở Ê-đen, được định để tôn trọng (câu 13) và không độc lập khỏi người nam (câu 14) là một nền tảng thần học cho việc Phao-lô ngăn cấm cách một số phụ nữ Ê-phê-sô đã làm mất danh dự người nam (câu 12).

288. Ga-la-ti 4:22-24

ngã về đạo đức và thờ hình tượng.[289] Sau đó, ông dùng hình ảnh Sa-tan dụ dỗ Ê-va như một tiền lệ cho mối nguy mà chính Hội Thánh ấy đang đối diện: lìa bỏ lòng tận hiến trong sạch và chân thành đối với Chúa Giê-xu.[290] Trong tất cả những ví dụ này, Phao-lô dùng một ví dụ Cựu Ước như một sự so sánh với hoàn cảnh mà ông đang đề cập đến.

Tương tự, sau khi đã nêu rõ lệnh cấm của mình đối với những người nữ Ê-phê-sô, và đối với mọi người nữ có hành vi tương tự trong các Hội Thánh khác, ông hỗ trợ lệnh cấm ấy bằng một sự so sánh. Sự song song mà ông vạch ra là giữa hoàn cảnh của Hội Thánh Ê-phê-sô và câu chuyện A-đam và Ê-va trong Sáng Thế Ký 2-3. Nhưng chính xác thì Phao-lô đang muốn làm nổi bật điều gì trong câu chuyện A-đam và Ê-va?

Nhiều người theo quan điểm bổ sung tin rằng chữ "trước nhất" (tiếng Hy Lạp: *protos*) hàm ý *đứng đầu về thứ bậc*, nhưng nếu ở đây Phao-lô nói về *trước nhất theo trình tự, không hề hàm ý thứ bậc* thì sao? Cùng một từ này được dùng để mô tả Giăng, người đã đến ngôi mộ trống của Chúa Giê-xu "trước," và để nói về sự kiện Đức Chúa Trời đã yêu chúng ta "trước," rồi sau đó chúng ta yêu Ngài để đáp lại.[291] Thật ra, một dạng của cùng từ này được dùng hai lần trong đoạn văn xung quanh, mười câu trước và cũng mười câu sau, để chỉ thứ tự trước sau: "Vậy, *trước hết* ta khuyên … phải cầu nguyện cho mọi người," và "phải chịu thử thách *trước* đã, *rồi* mới được làm chức chấp sự."[292]

Ngay cả John Calvin cũng đặt câu hỏi về lô-gích của cách giải thích theo thứ bậc: "Lập luận cho rằng người nữ phải ở dưới quyền vì được dựng nên sau dường như không vững lắm, vì Giăng Báp-tít đã đi trước Đấng Christ … nhưng lại thấp kém hơn Ngài rất nhiều."[293] (Tương tự, trong Sáng Thế Ký 1, loài người được dựng nên sau cùng, nhưng lại được nói là cai trị mọi vật đã được dựng nên trước mình.) Liệu một thiên tài như Phao-lô có đưa ra một lập luận như thế không?

289. 1 Cô-rinh-tô 9:24-10:14
290. 2 Cô-rinh-tô 11:3-4
291. Giăng 20:8, 1 Giăng 4:18
292. 1 Ti-mô-thê 1:2 và 3:10
293. John Calvin, The Epistles of Timothy, Titus and Philemon. Calvin, người trong cùng đoạn văn ấy gọi Ê-va là "một thứ phần phụ thêm" và "một sự trợ giúp thấp kém hơn," dù vậy vẫn chấp nhận cách giải thích này.

Nếu Phao-lô không ngụ ý rằng A-đam có thứ bậc cao hơn Ê-va, thì tại sao ông chỉ nhắc đến thứ tự? Một câu trả lời thuyết phục là trong câu 13, ông đang chuẩn bị cho điều ông sẽ nói trong câu 14 (và hãy nhớ rằng Phao-lô không dùng số câu, nên ngay cả khuynh hướng của chúng ta tách câu 13 khỏi câu 14 ngay từ đầu đã là sai lầm). Tôi không thể hình dung một bản tóm tắt Sáng Thế Ký 2 nào đơn giản hơn bản Phao-lô đưa ra ở đây: "A-đam được dựng nên trước nhất (như Sáng Thế Ký 2:4-20 nói), rồi mới tới Ê-va (như Sáng Thế Ký 2:21-25 nói)." Vậy có thể trong câu 13, Phao-lô đang nhắc lại một khía cạnh nào đó của việc dựng nên A-đam và Ê-va, cần được đọc chung với câu 14.

Ê-va bị lừa dối, chứ không phải A-đam

Khi đọc nhiều học giả theo quan điểm bổ sung, tôi nhận thấy họ đặt sức nặng của lập luận cho "trật tự sáng tạo" vào câu 13 (mà tôi cho là họ đã đọc sai thành thứ bậc của A-đam trên Ê-va), nhưng rồi thường thừa nhận rằng họ kém chắc chắn hơn về câu 14.

Họ giải thích câu này theo một trong hai cách. Cách thứ nhất cho rằng Ê-va (cũng như các con gái của bà) dễ bị lừa dối hơn A-đam (và các con trai của ông), và vì vậy phụ nữ không thích hợp làm người lãnh đạo và người dạy dỗ thuộc linh. Cách thứ hai, do George Knight đề xướng đầu tiên vào năm 1977,[294] cho rằng Ê-va đã hợp tác với Sa-tan bằng cách bỏ qua thẩm quyền chính đáng của A-đam trên Ê-va.

Lừa dối một người phụ nữ có dễ hơn lừa dối một người đàn ông không? Trong gần hai thiên niên kỷ, cho đến tận những năm 1960, đây là câu Kinh Thánh mà giáo hội dùng làm bằng chứng cho sự thấp kém của phụ nữ, kể cả việc phụ nữ thiếu năng lực trí tuệ. Nhưng Phong trào Giải phóng Phụ nữ đã lật đổ giả định văn hóa đó – và hầu như mọi Cơ Đốc nhân biết suy nghĩ cũng đã từ bỏ nó. Đó là lý do hầu như không có học giả nào theo quan điểm bổ sung – những người đã đúng khi thay ý tưởng phụ nữ thấp kém bằng ý tưởng phụ nữ bình đẳng – chọn cách giải thích này.[295] Tuy vậy, điều đó không ngăn được một vài người can đảm cố bám lấy nó. "Phao-lô thấy nơi Ê-va một

294. George Knight, The New Testament Teaching on the Role Relationship of Men and Women
295. Trong "Women in the Church" (chương 6), Schreiner nói: "cách giải thích này nên bị bác bỏ, vì nó hàm ý rằng phụ nữ thấp kém hơn về bản thể và về trí tuệ."

điều gì đó tiêu biểu cho nữ giới nói chung," Grudem nói, và ông tán thành trích dẫn lời của một học giả khác: "Nói chung, phụ nữ thiên về các mối quan hệ và sự chăm sóc nuôi dưỡng hơn, còn đàn ông thiên về phân tích lý trí và tính khách quan hơn. Việc bổ nhiệm phụ nữ vào chức vụ dạy dỗ bị cấm vì họ ít có khả năng vạch ra ranh giới đối với những điều không thể thương lượng về giáo lý, và vì thế sự lừa dối và giáo lý sai lạc sẽ dễ len vào Hội Thánh hơn."[296]

Nhưng về căn bản, lời trích dẫn này kết luận rằng phụ nữ *thật sự* kém hơn về trí tuệ. Nó cũng phủ nhận sự thật rằng nhiều phụ nữ có óc phân tích và lý trí hơn nhiều đàn ông, và nhiều đàn ông dễ bị lừa dối hơn nhiều phụ nữ. Nghiêm trọng nhất, nó quên rằng Kinh Thánh dứt khoát khen ngợi việc phụ nữ dạy những phụ nữ khác và cả trẻ em. Nếu một người phụ nữ không được dạy dỗ vì dễ bị lừa dối hơn, thì người ấy không nên dạy bất cứ ai, nhất là trẻ em!

Vì vậy, quan điểm có từ lâu trong lịch sử này đã bị phần lớn các học giả theo quan điểm bổ sung từ bỏ một cách đúng đắn.[297] Bây giờ chúng ta hãy đánh giá quan điểm mới của Knight, mà Schreiner trình bày như sau:

Phao-lô tập trung vào con rắn, kẻ đã đến gần và lừa dối Ê-va, chứ không phải A-đam. [Làm như vậy, nó đã] phá vỡ khuôn mẫu lãnh đạo của người nam và chỉ tiếp xúc với Ê-va trong lúc cám dỗ. Ê-va chủ động đáp lời con rắn, và A-đam để mặc bà làm vậy. Như vậy, việc viện dẫn Sáng Thế Ký 3 nhắc chúng ta nhớ điều gì xảy ra khi khuôn mẫu mà Đức Chúa Trời đã định bị phá đổ.[298]

Vấn đề của quan điểm này là không có điều gì trong bản tường thuật Sáng Thế Ký hay trong lập luận của Phao-lô cho thấy bản chất của việc Ê-va bị lừa

296. Wayne Grudem, Evangelical Feminism, chương 2
297. Những người theo quan điểm bổ sung không xét đến các hệ quả của điều này. Trong ấn bản đầu tiên của Women In The Church, công trình bênh vực cách đọc 1 Ti-mô-thê 2 theo quan điểm bổ sung toàn diện nhất, Daniel Doriani viết một phụ lục về lịch sử giải thích phân đoạn này. Ông cho thấy rằng cho đến những năm 1960, giáo hội đã mặc nhiên cho rằng lệnh cấm đối với phụ nữ dựa trên sự thấp kém tự bản chất của nữ giới. Vậy, hãy lưu ý rằng không chỉ những người theo quan điểm tương hỗ, mà cả những người theo quan điểm bổ sung cũng đưa ra điều mà Doriani gọi là sự "giải thích lại" phân đoạn này. Không bên nào có thể tuyên bố rằng quan điểm của mình là quan điểm lịch sử. Đáng lo ngại là ấn bản thứ hai đã bỏ phụ lục của Doriani, có vẻ như một sự ngầm thừa nhận rằng họ đã để lộ quá nhiều. Gây hiểu lầm hơn nữa, trong chương 5, quan điểm bổ sung được gọi là "quan điểm lịch sử."
298. Tom Schreiner. Women in the Church, chương 6

dối có liên quan bằng cách nào đó đến việc bà bước ra khỏi thứ bậc và phá đổ "khuôn mẫu mà Đức Chúa Trời đã định." Trái lại, cả hai phân đoạn đều làm nổi bật việc Ê-va đã không tin cậy sự tốt lành của Đức Chúa Trời và vì thế không vâng lời mệnh lệnh của *Đức Chúa Trời*. Những người theo quan điểm bổ sung đọc vào cả hai phân đoạn những điều không có ở đó. Trong Sáng Thế Ký 3, bản chất của sự cám dỗ của Sa-tan không phải là phá đổ thẩm quyền của A-đam trên Ê-va, mà là phá đổ thẩm quyền của Đức Chúa Trời trên bà. Và rồi *cả* Ê-va lẫn A-đam đều bị phạt vì cùng một tội: tội ấy không bao giờ được nói là "bước ra khỏi thẩm quyền của A-đam" hay "thoái thác sự lãnh đạo đối với Ê-va," mà là "ăn trái cây." Đúng là A-đam đã "nghe lời vợ [mình]," nhưng tội lỗi không nằm ở hành động nghe lời vợ (điều mà mọi người chồng nên làm), mà ở chỗ chấp nhận lời đề nghị tội lỗi của bà là ăn trái cây. Tương tự, con rắn bị rủa sả không phải vì nó đã phá đổ trật tự sáng tạo, mà vì nó đã lừa dối Ê-va (câu 13-14). Hậu quả của việc Ê-va để mình bị lừa dối là bà đã trở thành "người phạm tội" – theo nghĩa đen là "kẻ vi phạm," điều này không nói về việc đảo ngược vai trò vợ chồng, mà nói về mệnh lệnh Đức Chúa Trời đã ban cho đôi vợ chồng là không được ăn trái của cây bị cấm. Sự đảo ngược vai trò duy nhất trong Sáng Thế Ký 3 là việc họ tìm cách leo lên ngai của Đức Chúa Trời và tự làm chúa của chính mình.

Khi cả hai cách giải thích câu 14 của những người theo quan điểm bổ sung đều rất đáng ngờ, chúng ta phải hỏi Phao-lô còn có thể muốn nói điều gì khác qua câu: "[V]à A-đam không phải là người bị lừa dối; chính người nữ đã bị lừa dối và trở thành người phạm tội." Đây có lẽ là một trong những câu mà Phi-e-rơ nhắc đến khi ông nói rằng Phao-lô viết một số điều "khó hiểu." Như Westfall nói: "Phao-lô chỉ đơn giản kể vắn tắt về sự sa ngã mà không giải thích thêm về thần học của ông hay về sự liên quan giữa câu chuyện ấy với các lệnh cấm."[299] Dù những độc giả đầu tiên có thể đã biết chính xác Phao-lô đang nói về điều gì, chúng ta – những người cầm lên cùng lá thư ấy nhiều thế kỷ sau – không được biết mọi điều Phao-lô biết về độc giả của ông, và vì thế có thể đang thiếu một số mảnh thông tin quan trọng. Dù vậy, tôi xin đưa ra hai nghĩa khả dĩ, cả hai đều dựa trên ý tưởng rằng Phao-lô đang khiển trách nhiều người nữ Ê-phê-sô *bằng cách so sánh hành vi tội lỗi của họ với hành vi của mẹ họ là Ê-va*, dựa trên cách Ê-va được dựng nên sau A-đam.

299. Cynthia Westfall, Paul and Gender, chương 4

Nghĩa khả dĩ thứ nhất là trong câu 13, Phao-lô có thể đang ám chỉ việc Đức Chúa Trời đã truyền dạy A-đam trước khi Ê-va có mặt. Phải chăng bà đã nhận lời dạy ấy qua A-đam chứ không trực tiếp từ Đức Chúa Trời? Nếu vậy, phải chăng đó là lý do Sa-tan nhắm vào bà? Điều này sẽ giải thích tại sao Kinh Thánh nói rằng Ê-va bị lừa dối, còn A-đam thì không. Đọc theo cách này, tội của Ê-va xuất phát từ một cuộc tấn công vào mức xác tín tương đối nông cạn của bà, vì thế đó là một sự lừa dối, còn A-đam phạm tội với đôi mắt mở to, vì thế đó là một sự phản nghịch, chứ không phải một sự lừa dối.[300] Trong trường hợp đó, có thể Phao-lô đang làm nổi bật nhu cầu của những người nữ Ê-phê-sô là phải nắm vững hơn Tin Lành và lời kêu gọi sống tin kính của Tin Lành. Dù những người nam như "Hy-mê-nê và A-léc-xan-đơ" (là tay sai của Sa-tan) trước đó đã đem giáo lý sai lạc vào, nhiều người nữ Ê-phê-sô (là những người giống như Ê-va) đã sa vào nó nặng nề nhất, và vì thế không ở vị trí để dạy người khác (câu 12), mà trái lại cần phải với lòng thuận phục và trong yên lặng học lại lời Đức Chúa Trời (câu 11). Ngược lại, những người nam còn lại trong Hội Thánh đã đứng vững nên không cần lời răn này.

Khả năng còn lại là hiểu câu "A-đam được dựng nên trước nhất, rồi mới tới Ê-va" như một lời mời suy ngẫm về Sáng Thế Ký 2. Ở chỗ khác, Phao-lô nói rằng "Ê-va được dựng nên từ A-đam, và Ê-va được dựng nên vì A-đam"[301] – qua đó ông muốn nói rằng sự hiện hữu và mục đích của Ê-va gắn bó mật thiết với sự hiện hữu và mục đích của A-đam như người cộng sự của bà. Có thể Phao-lô đang sửa lại một chuyện huyễn ở Ê-phê-sô cho rằng phụ nữ không cần đàn ông. Nếu vậy, sai lầm của Ê-va càng nặng thêm vì bà đã đối diện sự cám dỗ *mà không hỏi ý hay nương cậy A-đam là người cộng sự của mình*. Nhận định này giúp hiểu được vì sao bà bị lừa dối, dù A-đam, người ở gần đó, lại không bị lừa dối. Theo quan điểm này, Phao-lô đối chất với những người nữ Ê-phê-sô đã "dạy" anh em mình theo cách độc lập hay thiếu tôn trọng, quên mất câu chuyện về nguồn gốc vốn như một nguyên mẫu nhắc nhở các con gái của Ê-va hãy tôn trọng và cộng tác chặt chẽ với các con trai của A-đam.

300. Thật ra, việc Phao-lô dùng sự kiện Ê-va bị lừa dối theo cách này là điều thường thấy nơi ông, không phải như một sự viện dẫn trật tự sáng tạo, mà như một ví dụ về kiểu lừa dối cần tránh – như ông nói với một Hội Thánh: "Nhưng tôi sợ rằng, như Ê-va đã bị lừa dối bởi mưu chước của con rắn, thì tâm trí anh em cũng có thể bằng cách nào đó bị dẫn đi lạc mà lìa xa lòng tận hiến chân thành và trong sạch đối với Đấng Christ." (2 Cô-rinh-tô 11:3)

301. 1 Cô-rinh-tô 11:8-9

Nghĩa nào là đúng? Dù tôi nghiêng về nghĩa thứ hai, chúng ta không thể chắc chắn. *Tuy nhiên, điều đáng ghi nhận là cả hai nghĩa này đều vạch ra một sợi chỉ nối kết những người nữ phạm tội ở Ê-phê-sô, lệnh cấm của Phao-lô (câu 12) và tư liệu hỗ trợ (câu 13-14), theo một cách khiến các ý trong câu 13 và câu 14 gắn kết với nhau.*[302]

TỘI CỤ THỂ CỦA NHỮNG NGƯỜI NỮ Ê-PHÊ-SÔ

Nhiều người nữ Ê-phê-sô này đã làm gì đến nỗi đáng chịu một lệnh cấm như thế? Câu trả lời nằm ở chính điều bị cấm. "Hiện nay ta không cho phép người nữ dạy dỗ hay hành xử *authentein* đối với người nam."

Một câu hỏi then chốt cần đặt ra ở đây là Phao-lô đang cấm hai hành động riêng biệt (dạy dỗ và hành xử *authentein*) hay một hành động có hai khía cạnh (dạy dỗ theo lối *authentein*). Dù Köstenberger lập luận rằng đó là những hành động riêng biệt, nhiều người theo quan điểm bổ sung, kể cả Craig Blomberg và Kathy Keller, lập luận rằng chữ "hay" (tiếng Hy Lạp: *oude*) nối hai động từ lại thật ra *kết hợp hai động từ thành một hành động với hai khía cạnh gắn liền với nhau*.

Nghiên cứu của Philip Payne về chữ *oude* bác bỏ các lập luận của Köstenberger và lập luận rằng quả đúng như vậy.[303] Điều thú vị là Piper, dù hiểu sai nghĩa của *authentein*, đã theo cách tiếp cận này từ năm 1989 khi ông nói: "Chữ 'dạy dỗ' … có lẽ có nghĩa là một kiểu dạy dỗ có liên quan đến thẩm quyền theo cách nào đó. Dạy dỗ và thực thi thẩm quyền đi đôi với nhau."[304] Đọc theo cách này, chữ "dạy dỗ" không đứng riêng một mình, cũng như chữ "hit" (đâm) không đứng riêng một mình trong cụm *hit and run* (đâm xe rồi bỏ chạy). Nghĩa và sắc thái của mỗi từ được biến đổi bởi sự hiện diện

302. Không nghĩa nào trong hai nghĩa này coi câu 13 là một lý do và câu 14 là một lý do thứ hai; trái lại, cả hai đều kết hợp hai câu để tạo nên một minh họa đơn nhất, mạch lạc, hỗ trợ cho câu 12, bằng cách kể lại câu chuyện A-đam và Ê-va theo một cách liên hệ cụ thể đến hoàn cảnh trong Hội Thánh Ê-phê-sô, như chính lá thư cho thấy.
303. Xem www.bit.ly/332TPjf. Cũng xem bài viết của Jamin Hübner, trong đó ông nói rõ sắc thái của vấn đề hơn nữa để giữ ý tưởng về một hành động có hai khía cạnh: www.bit.ly/3EKqWM8
304. Xem www.bit.ly/3GOjAce. Schreiner cũng kết luận như vậy: "1 Ti-mô-thê 2:11-15 chỉ cấm việc dạy dỗ mang tính thẩm quyền."

của từ đi kèm, giống như chữ "loud" (to, lớn tiếng) trong *loud and clear* (to và rõ) mang sắc thái khác với trong *loud and proud* (lớn tiếng và tự hào).

Suy cho cùng, xuyên suốt chương này, Phao-lô có khuynh hướng ghép các từ hay cụm từ thành những khái niệm đơn nhất. Phao-lô nói về "các vua, các bậc cầm quyền," "bình tịnh yên ổn," "tin kính và nghiêm trang," "người giảng đạo và sứ đồ," "ta nói thật, không nói dối," "giận dữ và cãi cọ," "đoan trang và đứng đắn," "yên lặng và thuận phục." Tôi chấp nhận luận điểm của Payne, Blomberg và Keller: khi Phao-lô dùng hai động từ đi cùng nhau, ông thường muốn nói một điều (chứ không phải hai), như trường hợp câu 12.[305] Vậy Phao-lô đang đề cập đến một hoàn cảnh trong đó phụ nữ, vì ảnh hưởng của giáo lý sai lạc, đã sai lầm khi "dạy người nam kèm với việc hành xử *authentein* đối với người nam" hoặc "dạy người nam theo lối *authentein*."

Vậy, tội của những người nữ Ê-phê-sô là gì? Cuộc tấn công dồn dập của giáo lý sai lạc trong Hội Thánh, bằng cách nào đó, đã khiến nhiều phụ nữ đối xử tệ với người nam. Thay vì là *ezer kenegdos* cho người nam, họ ăn mặc khêu gợi hoặc phô trương (câu 9); gây rối và không chịu học hỏi (câu 11, 12c); dạy người nam (thay vì sẵn lòng lắng nghe hay học hỏi từ họ) theo cách giành quyền kiểm soát họ (câu 12b). Trong tất cả những điều này, họ thiếu tôn trọng người nam và tự đặt mình vào chỗ dễ bị lừa dối thêm (câu 13-14). Giải pháp của Phao-lô là những người nữ này, giống như mọi môn đồ tốt của Chúa Giê-xu, trở lại với tư thế khiêm nhường của một người học với lòng thuận phục (câu 11). Họ nên thôi áp đặt lên người nam một cách mạnh bạo như vậy, và trái lại hãy bảo vệ sự hòa thuận của Hội Thánh (câu 12) bằng cách tái khẳng định sự nương tựa lẫn nhau thánh khiết với người nam mà ban đầu Đức Chúa Trời đã định cho người nữ, theo Sáng Thế Ký 2 (câu 13), cũng như tránh sai lầm của Ê-va là tách mình khỏi A-đam, nhất là khi Sa-tan tìm cách lừa dối, theo Sáng Thế Ký 3 (câu 14).

Tóm lại, tôi theo quan điểm rằng vấn đề nằm ở *cách* phụ nữ quan hệ với người nam và dạy họ. Tuy nhiên, những học giả khác, như Andrew Bartlett

305. Nếu chúng ta vẫn chưa chắc Phao-lô nghĩ đến một hành động duy nhất có hai khía cạnh, thì hãy lưu ý điều gì là đối nghịch với "dạy dỗ hay authentein," như được diễn đạt trong câu 11 và cuối câu 12: những người nữ học trong yên lặng với lòng thuận phục (câu 11) – về căn bản là dùng nhiều từ để biểu thị một ý. Thật ra, cuối câu 12 lặp lại ý ấy một lần nữa, nhưng lần này gói gọn vào chỉ một từ: "người nữ phải ở yên lặng."

trong *Men and Women in Christ*, lập luận thêm rằng vấn đề còn nằm ở *điều* những người nữ Ê-phê-sô đang dạy.[306] Bartlett lập luận rằng những phụ nữ này không chỉ bị ảnh hưởng bởi giáo lý sai lạc, mà họ còn trở thành những người truyền bá nó. Vì thế, những người nữ Ê-phê-sô cần phải thôi 1) dạy bất cứ ai *và* 2) kiểm soát người nam. Điều này là hợp lý: trước đó Phao-lô đã loại hai giáo sư giả là nam ra khỏi Hội Thánh (1:20), nhưng những phụ nữ này vẫn còn đó. Chúng ta biết rằng mối bận tâm chính của lá thư Phao-lô là đối phó với giáo lý sai lạc (1:3), và các giáo sư giả ở Ê-phê-sô đặc biệt nhắm vào phụ nữ.[307] Nhiều phụ nữ trong Hội Thánh bấy giờ "đi từ nhà này sang nhà kia" như những người "thóc mách, nói chuyện vô ích và nói những điều không nên nói" (5:13) (điều này song song với một chỗ khác trong một thư

306. Dù các học giả theo quan điểm bổ sung đều lập luận rằng vấn đề Phao-lô đề cập trong 1 Ti-mô-thê 2 là *việc* phụ nữ dạy người nam, các học giả không theo quan điểm bổ sung bác bỏ quan điểm này, nhưng rồi chia thành ba hướng tiếp cận: vấn đề là *điều* phụ nữ dạy người nam; hoặc *cách* phụ nữ dạy người nam; hoặc kết hợp cả hai. Trong chương này tôi theo hướng thứ hai: vấn đề là *cách* cưỡng ép, kiêu ngạo hay thiếu tôn trọng mà những phụ nữ – những người bị ảnh hưởng bởi giáo lý sai lạc, nhưng không nhất thiết là những người truyền bá nó – đã đối xử với người nam và dạy họ. Tuy nhiên, hướng thứ nhất hay thứ ba cũng có thể đúng, như đoạn văn này nói vắn tắt. Andrew Bartlett, trong các chương 11 đến 13 và các Phụ lục 3-6 của "Men and Women in Christ", đưa ra lập luận mạnh mẽ nhất và đầy đủ nhất mà tôi từng đọc cho hướng này. Khi chấp nhận phân tích của Kostenberger rằng Phao-lô có thể đang cấm *hai* hành động riêng biệt dù chồng lấn nhau, mà Bartlett đọc là "Ta không cho phép người nữ dạy dỗ (bất cứ ai) cũng không được hành xử authentein đối với người nam" (Phụ lục 4), ông lập luận, từ các bằng chứng trong 1 Ti-mô-thê, rằng các giáo sư giả là nam đã rời khỏi Hội Thánh, nhưng vẫn còn "một số góa phụ trẻ giàu có sống theo khoái lạc [đang] đi từ nhà này sang nhà kia, truyền bá những chuyện huyễn sai lạc và vô ích liên quan đến tà thuật và chiêm tinh, đồng thời phô trương sự giàu có của mình, ăn mặc thiếu đoan trang, và mỗi người tìm một người đàn ông có thể thỏa mãn ham muốn tình dục của mình." (tr. 259) "Xuyên suốt lá thư của mình, Phao-lô nói về các giáo sư giả mà không phân biệt giới tính. Từ 1:3 và 5:13, chúng ta có thể suy ra rằng ông nghĩ đến một số phụ nữ là giáo sư giả mà Ti-mô-thê cần phải xử lý kế tiếp." (tr. 261) "Ti-mô-thê phải chấn chỉnh họ và bảo đảm rằng không ai trong số họ đảm nhận vị trí trưởng lão hay chấp sự cho đến khi người ấy đã chứng tỏ đời sống của mình được đổi mới." (tr. 263) Theo quan điểm này, Ê-va, cũng như những người nữ Ê-phê-sô, "đã bị kẻ sa-tan lừa dối [tức là qua các giáo sư giả] để tiếp nhận sự hiểu biết bị cấm, và đã dạy dỗ sai lạc và áp đảo một người nam, với những hậu quả thảm khốc." (tr. 285) Dù hướng tiếp cận của Bartlett khác với của tôi, cả hai chúng tôi đều đi đến cùng một chỗ: "1 Ti-mô-thê 2 không biện minh cho một lệnh cấm chung đối với việc phụ nữ dạy dỗ trong Hội Thánh, hay đối với việc phụ nữ thực thi thẩm quyền trong Hội Thánh." (tr. 286) Nếu có thể chứng minh (tôi không nghĩ là có thể) rằng Phao-lô nói đến hai hành động riêng biệt ("dạy dỗ" và "hành xử *authentein* đối với người nam") chứ không phải, như tôi tin, hai hành động gắn liền với nhau ("dạy dỗ theo lối *authentein*"), thì hướng tiếp cận của Bartlett đáng được ưu tiên hơn của tôi, vì quan điểm của ông, dù bao gồm phần lớn quan điểm của tôi, còn giải thích được tại sao phụ nữ trong hoàn cảnh này có thể bị cấm dạy dỗ nói chung (cho đến khi họ được phục hồi).
307. Xem 2 Ti-mô-thê 3:6-8.

Mục vụ, nơi Phao-lô muốn bịt miệng một số người đang "dạy điều không nên dạy").[308] Những phụ nữ này đã quay sang giáo lý sai lạc (5:15)[309] – vì vậy, Phao-lô cũng buộc họ ngưng truyền bá những ý tưởng sai lầm này cho đến khi họ được phục hồi trong giáo lý và sự tin kính.

Dù hiểu theo cách nào, sự sửa sai của Phao-lô đối với những người nữ Ê-phê-sô có thể có vẻ khắt khe đối với cảm quan hiện đại của chúng ta, nhưng khi hiểu được điều gì đang bị đe dọa, chúng ta có thể đánh giá đúng hơn sự khôn ngoan của ông khi đưa ra biện pháp can thiệp này. Hành vi tội lỗi này, kể cả những ý tưởng dị giáo thúc đẩy nó, sẽ khiến Hội Thánh bị tai tiếng trước mắt cộng đồng cổ đại nơi Hội Thánh sống, là nơi theo phong tục người ta trông đợi phụ nữ tôn trọng chứ không làm người nam bẽ mặt trước công chúng. Ở một chỗ khác trong thư, Phao-lô lo rằng hành vi sai trái của các phụ nữ Cơ Đốc trong đời sống hằng ngày có thể làm hại danh tiếng của Hội Thánh, vì họ hành động theo cách "có chỗ trách được" và cho Sa-tan "dịp nói xấu."[310] Nếu từng có lúc nào có lý do chính đáng để bảo một nhóm người im lặng trong một thời gian, và xin họ một lần nữa khiêm nhường ngồi dưới chân Chúa Giê-xu, thầy của chúng ta, thì đó chính là lúc này.

Tại sao Phao-lô nói *mọi* người nữ không được dạy người nam theo lối *authentein* nếu chỉ *một số* người nữ làm điều đó? Cũng vì lý do mà trước đó trong 1 Ti-mô-thê 2, ông bảo mọi người nam hãy cầu nguyện mà không cãi cọ, và mọi người nữ đừng ăn mặc phô trương, dù chắc chắn chỉ có một số người nam cãi vã và một số người nữ ăn mặc lòe loẹt.

Quan trọng nhất, Phao-lô không hề nói điều gì chống lại việc phụ nữ tìm cách trở thành những mục sư hay người dạy dỗ tin kính. Các học giả theo quan điểm bổ sung phản bác điều này, dựa trên sự kiện phần tiếp theo nói về các trưởng lão và chấp sự, là đã đi quá xa. Khi Phao-lô nói: "Đây là lời chắc chắn: Ai mong được làm giám mục (người coi sóc) là ưa muốn một việc tốt lành. Vậy, người giám mục …" ông đang bắt đầu một phần mới. Trong nhiều thư của Phao-lô, ông có những phần khác nhau không nhất thiết liên quan

308. Tít 1:11
309. Ngoài ra, nếu chúng ta đặt 1 Ti-mô-thê chung với hai thư Mục vụ kia, điều này càng rõ hơn nữa. 2 Ti-mô-thê 3:6-7 nói về những phụ nữ đang bị các giáo sư giả dẫn đi lạc, còn Tít 1:10-11 nói về "những người nói hư không và lừa dối" mà "phải bịt miệng."
310. 1 Ti-mô-thê 5:7, 14

với nhau. Trong thư 1 Ti-mô-thê có sáu phần như thế; dù được giữ lại với nhau cách lỏng lẻo bởi nỗ lực của Phao-lô nhằm sửa chữa một Hội Thánh bị giáo lý sai lạc làm tổn hại, chúng đề cập đến những nội dung khác nhau. Vì vậy, chẳng có gì trong chương 2 nói về các vai trò chức vụ, mà chỉ nói về cách các sinh hoạt Cơ Đốc (như cầu nguyện, ăn mặc, học hỏi) cần được thực hiện tốt hơn (không cãi cọ, cách thích hợp, với lòng thuận phục, v.v.). Hơn nữa, tại sao Phao-lô, như những người theo quan điểm bổ sung lập luận, lại dập tắt mọi ước muốn lãnh đạo nơi phụ nữ, để rồi chỉ vài câu sau đó lại khẳng định "ước muốn làm giám mục" của (và ông dùng một từ chung, vì thế bao gồm cả hai giới, cho điều này) "bất cứ ai"?[311] Thật vậy, ông vừa kêu gọi những người nữ Ê-phê-sô làm "việc" lành (*ergon*) trong 2:10 – nay trong 3:1 ông nói rằng làm giám mục là một "việc" (*ergon*) tốt lành như thế.

Chồng và vợ

Dù phần lớn các học giả kết luận rằng Phao-lô đang đề cập đến cách *phụ nữ nói chung* đối xử sai trái với *đàn ông nói chung* trong Hội Thánh, một số người (như Martin Luther) hiểu rằng Phao-lô đang xử lý *cách những người vợ đối xử sai trái với chồng mình*. Vì "một người nữ" và "một người nam" cũng có thể được dịch là "một người vợ" và "một người chồng," bản CEB dịch câu 12 là "Ta không cho phép người vợ dạy dỗ hay kiểm soát chồng mình." Những dịch giả này nhận thấy rằng Phao-lô chuyển từ số nhiều cho người nam (câu 8) và cho người nữ (câu 9) sang số ít cho mỗi bên trong các câu 11-12. Họ hỏi: tại sao lại chuyển từ số nhiều sang số ít, nếu không phải ông đang muốn chỉ về những người cụ thể (các cặp vợ chồng) và những mối quan hệ cụ thể (hôn

311. Tân Ước dùng từ *tis* cho cả nam lẫn nữ. Từ này có nghĩa là "bất cứ ai," "một người nào đó" hay "một người." Chẳng hạn, trong Lu-ca 10:38, nó được dùng như tính từ cho một "người đàn bà," "Ma-thê."

nhân)? Dù tôi vẫn còn lưỡng lự, tôi nghĩ những lập luận chống lại cách đọc phân đoạn này không bác bỏ được nó.[312]

Có bốn lý do để tin rằng phân đoạn này có thể ám chỉ đến hôn nhân, chứ không phải quan hệ nam nữ nói chung. Thứ nhất, số ít mang nghĩa chung cho "người nam" không hợp lý. Nếu, như những người theo quan điểm bổ sung nói, Phao-lô muốn ngăn một người nữ (số ít) dạy dỗ trong Hội Thánh vì có những người nam (số nhiều) ở đó, thì tại sao ông lại nói "một người nam" chứ không nói "những người nam"? Tự nhiên hơn sẽ là nói: "Hiện nay ta không cho phép một người nữ (số ít) dạy dỗ … những người nam (số nhiều)" – trừ khi Phao-lô muốn chúng ta hình dung một số buổi nhóm Hội Thánh ở Ê-phê-sô chỉ có một người nam có mặt, điều khó có thể xảy ra.

Thứ hai, Phao-lô đặt lệnh cấm của mình trên A-đam và Ê-va, là đôi vợ chồng nguyên mẫu của Kinh Thánh (câu 13-14), và rồi cũng nói về việc sinh con (câu 15), là điều cũng mang tính gia đình và vì thế nhiều khả năng đang nói đến bối cảnh hôn nhân.

Thứ ba, hầu như ở mọi chỗ Phao-lô dùng chung hai từ Hy Lạp *aner* và *gune*, ông đều muốn nói đến chồng và vợ. Thông thường, khi muốn so sánh những con người thuộc hai giới (là điều mà những người theo quan điểm bổ sung nói Phao-lô đang đề cập ở đây), ông dùng những từ Hy Lạp khác. Chẳng hạn, trong Ga-la-ti 3:28 ("không còn nam hay nữ"), ông dùng các từ *arsen* và *thely*, cũng là những từ Chúa Giê-xu đã dùng khi Ngài nói về việc dựng nên

312. Nhiều người theo quan điểm bổ sung đưa ra ba lý do để phản bác cách đọc này. Thứ nhất, một số người nói rằng nếu Phao-lô muốn nói đến chồng và vợ, ông hẳn đã thêm chữ "của họ" trước các từ ấy. Nhưng Phao-lô hiếm khi dùng một đại từ sở hữu trước "vợ" và "chồng" trong bất cứ lời dạy chính nào của ông về hôn nhân (xem Cô-lô-se 3:18-19; Ê-phê-sô 5:22-25; 1 Cô-rinh-tô 7:2-4, 11, 14, 33). Thứ hai, một số người nói rằng thật lạ nếu Phao-lô nói với người nam như một nhóm (câu 8) rồi với người nữ như một nhóm (câu 9-10), và rồi bỗng dưng chỉ nói với những phụ nữ đã kết hôn và những người vợ đã kết hôn. Thật ra, việc Phao-lô ở đâu đó trong thư nói với những cuộc hôn nhân chắc chắn đã bị giáo lý sai lạc ảnh hưởng là điều rất tự nhiên – và chỗ này cũng thích hợp như bất cứ chỗ nào khác. Thứ ba, một số người nói rằng Phao-lô chuyển đổi tùy tiện giữa số nhiều và số ít trong thư của ông, nên không nên quá coi trọng điều này. Chẳng hạn, Phao-lô nói về một giám mục chung chung ở số ít (3:2) và về người làm công đáng được trả công (5:18). Và sau khi nói về các trưởng lão ở số nhiều (5:17), ông chuyển sang số ít khi phân đoạn tiếp tục (5:19). Nhưng trong phần còn lại của các thư mình, Phao-lô không bao giờ dùng số ít mang nghĩa chung một cách tùy tiện. Luôn có một mục đích cho điều đó. Trong 3:2, ông dùng số ít cho trưởng lão vì giờ đây ông nói về kiểu người mà Ti-mô-thê nên tìm nơi một trưởng lão. Số ít "người làm công" (5:18) được dùng vì câu trích dẫn ông dùng ở số ít. Còn về việc chuyển từ các trưởng lão số nhiều (5:17) sang số ít (5:19), thì 5:17 nói về sự lãnh đạo tập thể của họ, còn 5:19 nói về những lời cáo buộc nhắm vào từng trưởng lão.

con người có giới tính (xem Ma-thi-ơ 19:4: "Đấng Tạo Hóa đã dựng nên họ là nam và nữ").

Thứ tư, việc nhắc đến "một người nữ" dạy "một người nam" gợi ý một sự giao tiếp riêng tư giữa hai người khác giới. Trong một nền văn hóa cổ đại đề cao sự đứng đắn, điều này thường chỉ xảy ra trong nhà.

Nếu Phao-lô *thật sự* nói đến hôn nhân, thì có thể ông lo ngại về cách những người vợ Ê-phê-sô, sau khi bị giáo lý sai lạc ảnh hưởng, đã quen dạy chồng mình cách không chính thức theo lối kiểm soát và mạnh bạo, và giống như Ê-va, họ dễ bị lừa dối thêm cách nguy hiểm khi tự ý tách mình khỏi mối quan hệ cộng tác khiêm nhường với chồng mình. Hiểu theo cách này, Phao-lô đã khôn ngoan chặn đứng điều đó và thúc giục những người vợ này trở lại đặt mình dưới lời Đức Chúa Trời như những môn đồ khiêm nhường, dễ dạy, và đứng bên cạnh chồng mình như những người cộng sự.

Điều thú vị là Hội Thánh hàng đầu trong Phong trào Acts 29, một phong trào theo quan điểm bổ sung rất rõ rệt, đã viết một bản phân tích Kinh Thánh dài để biện minh cho việc loại trừ phụ nữ khỏi việc dạy dỗ và lãnh đạo, nhưng chỉ tìm được một lập luận cho điều đó: cách đọc 1 Ti-mô-thê 2:12 theo quan điểm bổ sung. Thế nhưng trong bản văn ấy, họ thừa nhận (rất đúng) rằng có thể Phao-lô chỉ nói đến hôn nhân.[313] Nhưng hãy xem, nếu Phao-lô thật sự nói riêng về hôn nhân, thì lập luận duy nhất của họ để loại trừ phụ nữ *nói chung* khỏi việc lãnh đạo và giảng cho đàn ông *nói chung* sụp đổ.

MÙ MỜ VÀ RÕ RÀNG

Tôi tin chắc rằng trong 1 Ti-mô-thê 2:11-14, Phao-lô đề cập đến một hoàn cảnh cụ thể ở Ê-phê-sô, nơi một số phụ nữ đang phạm tội. Vì thế, không nên đọc câu 12 như một mệnh lệnh phổ quát cho mọi Hội Thánh ở mọi nơi, trừ khi một Hội Thánh nào đó cũng có những phụ nữ đang dạy người nam theo lối *authentein*.

Tuy nhiên, giờ đây tôi xin đưa ra một suy nghĩ bổ sung quan trọng: *dù sao đi nữa, phân đoạn này mù mờ đến mức không đủ cơ sở để làm nền cho một giáo lý hay*

313. Xem chú thích 160 trong "The Role of Women in the Village Church": www.bit.ly/3CFKgJO

một thực hành của Hội Thánh.

Một quy tắc của giải kinh học là các bản văn mù mờ phải được giải thích dưới ánh sáng của những bản văn rõ ràng hơn.[314] Những bản văn ngoại vi, thường chỉ nhắc đến một lần duy nhất điều chúng dường như nói, chẳng hạn những chỉ dẫn về việc trùm đầu "vì có các thiên sứ,"[315] hay việc "chịu phép báp-têm cho người chết,"[316] hay việc Đấng Christ giảng cho "các linh bị tù,"[317] hay việc "người nữ được cứu nhờ sinh con"[318] không được có sức nặng ngang với những bản văn rõ ràng, trọng tâm. Thay vì giáo điều hay xây dựng những giáo lý hoặc thực hành quan trọng trên những phân đoạn mù mờ hơn này, các Hội Thánh nên giữ cách giải thích của mình về chúng cách khiêm nhường và nhẹ nhàng hơn, trong khi vẫn giữ thẩm quyền của Kinh Thánh cách vững vàng và chắc chắn.

Những phân đoạn Kinh Thánh mù mờ *không* phải là một nền tảng hợp lệ cho một giáo lý có tính quyết định. Những lời dạy rõ ràng phải được ưu tiên. May thay, phần lớn các bản văn Kinh Thánh đều rõ ràng; chỉ một số là mù mờ.[319] Điều gì khiến một số bản văn bị xem là mù mờ? Chúng thường có nhiều thuật ngữ khó hiểu một cách bất thường; hoặc dường như nói điều ngược lại với những phân đoạn khác; hoặc đặc biệt khó áp dụng trong những tình huống cụ thể; hoặc dường như không có phân đoạn Kinh Thánh nào khác nói cùng một điều; hoặc hoàn cảnh cổ xưa mà phân đoạn ấy đề cập đến thật khó hiểu. Vì thế chúng làm nảy sinh nhiều cách giải thích khác nhau và do đó bị các học giả hàng đầu tranh luận gay gắt.[320] Vậy thì, tôi không biết phân đoạn nào được tranh luận nhiều hơn trong một trăm năm qua của lịch sử Hội Thánh, cũng không biết bản văn nào mù mờ hơn bản văn này. *Xét theo tất cả các tiêu chí này, 1 Ti-mô-thê 2:12-15 là một bản văn rất mù mờ.*

314. Chẳng hạn, Tertullian, giáo phụ thế kỷ 2, đã viết rằng "những lời không chắc chắn phải được xác định bởi những lời chắc chắn, và những lời tối nghĩa bởi những lời rõ ràng và minh bạch." (Trích dẫn trong Gregg Allison, *Historical Theology,* tr. 122).
315. 1 Cô-rinh-tô 11:10
316. 1 Cô-rinh-tô 15:29
317. 1 Phi-e-rơ 3:19
318. 1 Ti-mô-thê 2:15
319. Chúng ta nhớ rằng Phi-e-rơ đã thừa nhận có những điều "khó hiểu" trong các thư của Phao-lô (2 Phi-e-rơ 3:16). Từ mà Phi-e-rơ dùng cũng được dùng trong thế giới cổ đại cho các lời sấm, vốn nổi tiếng là có thể hiểu theo nhiều cách.
320. Chẳng hạn, Hê-bơ-rơ 6:4-6 có ít nhất 18 hướng giải thích, và 1 Ti-mô-thê 2:12 có 12.

Động từ then chốt của nó, *authentein*, là một thuật ngữ mơ hồ, chỉ xuất hiện một lần trong Tân Ước, và rất hiếm khi xuất hiện trong văn chương ngoài Kinh Thánh vào thời Phao-lô còn sống. Wolters (quá) chắc chắn rằng từ này "rất có thể" không mang nghĩa tiêu cực, dù ông nghiên cứu tám cách dùng thời cổ của từ này gần thời Phao-lô nhất và nhận thấy rằng "sự hiếm hoi và tối nghĩa trong cách dùng từ này ở các nguồn tiếng Hy Lạp ấy đã góp phần đáng kể vào việc giới học giả thiếu đồng thuận," và rằng "trong tám cách dùng này, phần lớn đều có thể tranh cãi theo cách này hay cách khác, hoặc vì bản văn đáng ngờ, ngữ cảnh không rõ, hoặc niên đại còn bị tranh cãi." Thật ra, Wolters thậm chí dịch năm trong số tám cách dùng ấy với nghĩa "tự giành lấy thẩm quyền," "giỏi hơn," "là người khởi xướng," "tự mình hành động," và "phạm tội giết người." Lời giải thích của ông cho sự đa dạng hỗn loạn của các nghĩa này là: "*authentein* đã có một sự tồn tại phần lớn ngầm (tức là truyền khẩu) trước thế kỷ 4, vì nó thuộc về một tầng ngôn ngữ dưới mức văn chương."[321] Đó là lý do bao nhiêu mực đã đổ ra như sông khi nghĩa thật của nó trong 1 Ti-mô-thê 2:12 tiếp tục bị tranh luận.[322] (Và không chỉ có *authentein* – Schreiner nói: "Mọi từ trong câu 12 đều bị các học giả tranh luận."[323]) Jamin Hübner, trong luận án tiến sĩ của ông, đã cẩn thận đánh giá các nghiên cứu gần đây nhất về những cách dùng từ này thời cổ, và đã phê bình các học giả theo quan điểm bổ sung một cách đúng đắn:

Nói rằng "chúng ta không biết chính xác 'authentein' có nghĩa gì vào thế kỷ 1 hay trong 1 Ti-mô-thê 2:12" là một chuyện. Nói rằng "chúng ta không biết chính xác thuật ngữ này có nghĩa gì vào thế kỷ 1 hay trong 1 Ti-mô-thê 2:12, nên chúng ta sẽ mặc nhiên cho rằng không có lý do đặc biệt nào khiến Phao-lô chọn nó, rằng nó không có sắc thái nào cả và vì thế có nghĩa là việc thực thi thẩm quyền nói chung" – rồi cấm một nửa Hội Thánh toàn cầu làm mục sư – lại là chuyện hoàn toàn khác. Đây không phải là lập luận đúng đắn.[324]

321. Al Wolters trong "Women In The Church", chương 2.
322. Các nghiên cứu học thuật về từ authentein trong văn chương cổ ngoài Kinh Thánh tiếp tục đặt ra những vấn đề về từ vựng và về cách giải thích. Xem www.bit.ly/3EHxZ8a
323. Ở chỗ khác, ông vừa mâu thuẫn với điều này vừa nói quá khi ông nói: "1 Ti-mô-thê 2:12 là lời dạy rõ ràng của Phao-lô và phải là kim chỉ nam để hiểu vai trò của phụ nữ." Tất cả chúng ta đều phải thừa nhận rằng nó hoàn toàn không rõ ràng.
324. Xem www.bit.ly/3BNaSY8 tr. 245

Hiểu *authentein* là "thực thi thẩm quyền" cũng khiến câu này đặc biệt khó, nếu không nói là không thể, áp dụng cách nhất quán trong những tình huống thực tế. Chẳng hạn, một nhà truyền giáo nữ có được đứng lên dạy Tin Lành cho những người nam chưa tin không? Phân đoạn này không nói gì về việc "người nam" đã tin Chúa hay chưa. Nếu một người phụ nữ không được dạy một người nam, thì đến tuổi nào một cậu bé không còn được người mẹ hay một nữ lãnh đạo thanh thiếu niên dạy nữa? Phụ nữ có được dạy người nam trong các chủng viện thần học, hay trong các nhóm học Kinh Thánh có cả nam lẫn nữ, hay trong các hội nghị Cơ Đốc không? Người nam có được đọc một quyển sách bàn về giáo lý hay một sách giải nghĩa Kinh Thánh do một người phụ nữ viết không? Một người phụ nữ có được lãnh đạo một tổ chức hỗ trợ Hội Thánh, hay một mục vụ có người nam ở dưới quyền mình không? Trong một Hội Thánh, một người phụ nữ có thể lên đến cấp lãnh đạo nào? (Vì Köstenberger nhắc những người theo quan điểm bổ sung rằng lệnh cấm là cấm phụ nữ lãnh đạo, chứ không chỉ cấm làm mục sư,[325] nên thật thiếu nhất quán khi từ chối cho phụ nữ giữ vị trí lãnh đạo cao nhất, rồi lại cho phép họ lãnh đạo người nam ở cấp thấp hơn, chẳng hạn hướng dẫn nhóm nhỏ hay lãnh đạo một đội tình nguyện viên.) Và không chỉ những phụ nữ có ân tứ mới bị gạt sang một bên vì cách giải thích 1 Ti-mô-thê 2:12 theo quan điểm bổ sung – câu Kinh Thánh mà, khi được đọc theo lối bổ sung, trở thành nền tảng "Kinh Thánh" duy nhất để phân biệt giữa một kiểu dạy dỗ được cho là không mang thẩm quyền, không chính thức, với một kiểu dạy dỗ chính thức, mang thẩm quyền, dường như chỉ thích hợp cho mục sư. Có bao nhiêu người nam có ân tứ giảng đạo trong các Hội Thánh theo quan điểm bổ sung, nhưng không phải là mục sư, đã không được phép giảng vì sự phân đôi trong cách giải thích này? Nếu cách giải thích một câu Kinh Thánh duy nhất này thật sự là một phần của "lẽ thật giải phóng chúng ta," thì có những lời dạy nào khác trong Tân Ước gây ra nhiều điều không chắc chắn, lo âu, suy đoán, ngụy biện, đau đớn và chia rẽ đến thế trong thân thể Đấng Christ?

Đây là phân đoạn duy nhất dường như nói điều nó nói. Không có bản văn Kinh Thánh nào khác tuyên bố rằng một người phụ nữ không được dạy một người nam. Nếu Đức Chúa Trời muốn mọi Hội Thánh mãi mãi chỉ có người

325. "Thu hẹp vấn đề chỉ còn là 'không có nữ trưởng lão/giám mục (người coi sóc)' có thể là tối giản quá mức. … 1 Ti-mô-thê 2:12 được đặt nền trên những thực tại nền tảng hơn là một lệnh cấm bề ngoài đối với việc phụ nữ giữ một chức vụ nhất định." Nguồn: www.bit.ly/3wsFsFr

nam giảng đạo và làm mục sư, chẳng lẽ Ngài lại không ban cho chúng ta một câu thứ hai để nói cùng một điều sao? Bản văn này còn khó giải thích hơn nữa vì hiểu biết hạn chế của chúng ta về hoàn cảnh mà Phao-lô đang đề cập. Mọi nỗ lực tìm hiểu những câu này đều phải dựa vào suy đoán để điền vào các chi tiết về việc chính xác thì một số hay tất cả phụ nữ ở Ê-phê-sô có thể đã phạm tội với người nam/chồng mình ra sao, và hành vi sai trái của họ liên quan thế nào đến lời kể lại vắn tắt một cách lạ lùng về câu chuyện A-đam và Ê-va.[326]

Sau cùng, việc dịch *authentein* là "thực thi thẩm quyền" khiến phân đoạn này mâu thuẫn với nhiều ví dụ trong Kinh Thánh, trong đó phụ nữ *thật sự* lãnh đạo và/hoặc dạy dỗ người nam, rõ ràng với sự chấp thuận của Đức Chúa Trời. Như chúng ta sẽ khám phá trong các chương 10-12, cách giải thích theo quan điểm bổ sung không phù hợp với những phụ nữ trong Kinh Thánh đã dạy bảo hay cai quản người nam.[327] Tìm cách giải thích một bản văn Kinh Thánh – thậm chí viết cả một cuốn sách học thuật về nó – mà không để những điều Kinh Thánh nói ở chỗ khác về đề tài ấy định hướng mình, rồi tuyên bố rằng "Lời Đức Chúa Trời nói rõ ràng rằng …" không phải là một cách xử lý Kinh Thánh sáng suốt, đúng đắn hay vững chắc. Nếu chúng ta phải "giảng dạy lời của lẽ thật cách ngay thẳng," như Phao-lô bảo Ti-mô-thê, thì những phân đoạn rõ ràng hơn phải hướng dẫn cách chúng ta hiểu những phân đoạn mù mờ hơn về cùng một đề tài.

Được cứu nhờ sinh con

Có lẽ dấu hiệu rõ ràng nhất cho thấy đây là một phân đoạn mù mờ là cách nó kết thúc trong câu 14-15: "[Ê-va] đã bị lừa dối và trở thành người phạm tội. Nhưng người nữ sẽ được cứu nhờ sinh con – nếu họ bền đỗ trong đức tin, tình yêu thương và sự thánh khiết cách đứng đắn." Grudem giải thích câu

326. Douglas Moo, một người theo quan điểm bổ sung, thẳng thắn về điều này: "Những câu này (câu 13-14) đưa ra những khẳng định về sự sáng tạo và sự sa ngã, nhưng không rõ chúng hỗ trợ các mệnh lệnh trong câu 11-12 như thế nào." (1 Timothy 2:11–15: Meaning and Significance. tr. 68.)

327. Ví dụ nổi bật nhất trong Kinh Thánh là Bê-rít-sin, người đã dạy giáo lý cho một người nam cách cụ thể (xem "Những ví dụ về phụ nữ dạy dỗ" trong Phụ lục 4) và đã làm điều đó với thẩm quyền mục vụ (xem chương 12 để biết bằng chứng). Vì chúng ta tin vào sự hiệp nhất của Kinh Thánh dưới sự soi dẫn của Đức Thánh Linh, nên việc lập luận, như các học giả theo quan điểm bổ sung vẫn làm, rằng 1 Ti-mô-thê 2:12 là một lệnh cấm phụ nữ làm điều Bê-rít-sin đã làm cho thấy rõ sai lầm trong cách họ giải thích 1 Ti-mô-thê 2:12.

này là cách Phao-lô hướng phụ nữ trở về với vai trò nội trợ, nuôi dạy con cái, trong khi người nam tiếp tục các vai trò công khai là dạy dỗ và lãnh đạo.[328] Ngoài sự kiện câu 12 rất có thể không nói về các vai trò công khai là dạy dỗ và lãnh đạo, điểm yếu chính của cách giải thích này là "sinh con" (một chức năng sinh học diễn ra trong chốc lát) không giống với "nuôi dạy con cái" (một vai trò xã hội kéo dài).

Vậy thì câu 15 có nghĩa gì? Nhiều học giả cho rằng chìa khóa là nhớ rằng tội của Ê-va được ghi lại trong Sáng Thế Ký 3 lập tức dẫn đến hậu quả là sự đau đớn khi "sinh con." Phao-lô nắm lấy mối liên hệ ấy nhưng tìm cách diễn đạt nó theo cách gây dựng cho phụ nữ. Các học giả chia ra ba cách giải thích khả dĩ. Một khả năng là Phao-lô ám chỉ lời hứa của Đức Chúa Trời trong Sáng Thế Ký 3 rằng dòng dõi của Ê-va một ngày kia sẽ giày đạp đầu Sa-tan. Nói cách khác, người nữ sẽ được cứu qua việc sinh con của Ma-ri – mẹ Chúa Giê-xu, một con gái của Ê-va – và nhận lãnh sự cứu rỗi đưa đến một đời sống thánh khiết.

Khả năng thứ hai là gốc từ Hy Lạp *sōzō*, thường nói về sự cứu rỗi thuộc linh, cũng có thể nói về sự gìn giữ thân thể.[329] Nói cách khác, Đức Chúa Trời ban một lời hứa đặc biệt cho những phụ nữ này trong Hội Thánh Ê-phê-sô là Ngài sẽ ở với họ trong biến cố nguy hiểm của việc sinh nở.[330]

Khả năng thứ ba là Phao-lô chống lại cách giáo lý sai lạc đã dẫn đến việc phủ nhận hôn nhân.[331] Có lẽ những phụ nữ đã có chồng bị lầm lạc trong Hội Thánh Ê-phê-sô, giống như những phụ nữ siêu thuộc linh trong Hội Thánh Cô-rinh-tô,[332] không chỉ bắt đầu rút lui khỏi mối quan hệ vợ chồng, mà còn

328. Công bằng mà nói, những người theo quan điểm bổ sung khác như Craig Blomberg không đồng ý với ông.

329. Như cách từ này được dùng trong Công Vụ Các Sứ Đồ 27:20 và 2 Ti-mô-thê 4:18. Vì phần còn lại của Kinh Thánh nói rằng phụ nữ được cứu rỗi về phần thuộc linh nhờ đức tin nơi Chúa Giê-xu, chứ không nhờ một chức năng sinh học như sinh con cái, nên cách hiểu từ này như vậy phù hợp hơn với sự dạy dỗ của Kinh Thánh về sự cứu rỗi thuộc linh.

330. Trong thế giới cổ đại, sinh nở là nguyên nhân hàng đầu gây tử vong và tàn tật cho phụ nữ. Nữ thần Artemis của Ê-phê-sô, ngay sau khi được sinh ra, đã giúp chính mẹ mình vượt qua cơn sinh nở. Vì vậy, phụ nữ Ê-phê-sô thường cầu nguyện với nữ thần này để được gìn giữ qua cơn sinh nở. Điều này làm tăng thêm sức nặng cho cách đọc này – Phao-lô nói rằng cùng với một đời sống thánh khiết, họ nên cầu nguyện với Đức Chúa Trời.

331. Như ông nói trong 1 Ti-mô-thê 4:3.

332. Gordon Fee, trong sách giải nghĩa hàng đầu của ông về 1 Cô-rinh-tô, nói rằng đây là hoàn cảnh nền dẫn Phao-lô đến chỗ viết 1 Cô-rinh-tô 7, trong đó ông khuyên chồng và vợ đều đặn ăn ở

thôi ăn ở với chồng mình. Vì vậy, Phao-lô nhắc lại rằng (tình dục và) việc sinh con là một phương diện của sự thánh khiết và sự nên thánh.[333]

Có thể là một trong những cách này, hoặc là một điều gì khác. Nhưng điểm chính là câu 15, một trong những câu khó hiểu nhất trong Kinh Thánh, *góp phần xác nhận rằng những câu đi trước mà nó kết thúc tối nghĩa đến mức nào*. Điều này càng nhấn mạnh rằng các câu 11-15, xét theo mọi tiêu chí, là một nền tảng không thích hợp cho bất kỳ giáo lý nào, huống chi là một giáo lý mà, dựa trên ý tưởng "trật tự sáng tạo," có thể ngăn cấm một nửa thế giới dạy dỗ và lãnh đạo nửa kia.

Lịch sử lặp lại khi không ai lắng nghe. Trong lịch sử giải thích Kinh Thánh, việc đặt giáo lý trên những phân đoạn đơn lẻ là một cám dỗ thường tái diễn của giáo hội. Vào đầu thế kỷ 3, Arius lập luận rằng Con Đức Chúa Trời là tạo vật đầu tiên của Đức Chúa Trời, dựa trên Châm Ngôn 8:22: "CHÚA đã sinh ra [Sự Khôn Ngoan] như công việc đầu tiên trong các công việc của Ngài." Vào đầu những năm 1500, giáo hội Công giáo bác bỏ giáo lý của Luther về sự cứu rỗi chỉ bởi ân điển, bằng cách đứng trên Gia-cơ 2:24: "[Người] ta được kể là công bình bởi việc làm của mình, chứ chẳng phải chỉ bởi đức tin mà thôi." Và vào cuối những năm 1900, những người theo quan điểm bổ sung lập luận rằng phụ nữ không được lãnh đạo hay dạy dỗ người nam bằng cách bám vào 1 Ti-mô-thê 2:12. *Sai lầm trong mọi trường hợp là dùng một cách giải thích sai về một phân đoạn mù mờ duy nhất để làm suy yếu lời dạy rõ ràng hơn về cùng đề tài ở những chỗ khác.* Cấu trúc của Kinh Thánh lớn lao và phức tạp đến nỗi hầu như trong mọi giáo lý chính yếu của Hội Thánh đều có một số câu *có vẻ như* nói điều trái ngược với chính thống. Con đường phía trước là để lời dạy rõ ràng của phần lớn Kinh Thánh giới hạn cách chúng ta giải thích số tương đối ít những phân đoạn mù mờ hơn.

Thật ra, sự khôn ngoan của việc để những phân đoạn rõ ràng hơn chiếu sáng xuyên qua phân đoạn mù mờ này được thấy đặc biệt rõ khi chúng ta trả lời

với nhau. Về sau trong thư, ông khuyên "các góa phụ còn trẻ nên lấy chồng, sinh con," quản lý nhà mình và đừng cho kẻ thù dịp nào để nói xấu. (1 Ti-mô-thê 5:14)

333. Craig Blomberg, một người theo quan điểm bổ sung, trong "Two Views on Women in Ministry" đề xuất cách đọc này: "Câu 15 là một câu cực kỳ khó dịch, nhưng có lẽ hiểu đúng nhất là nó chống lại tà giáo và lập trường chống hôn nhân của tà giáo ấy." (chương 2)

câu hỏi: "Phụ nữ có được dạy người nam không?" – một câu hỏi tôi trả lời trong Phụ lục 4.

8

HỠI NGƯỜI LÀM VỢ, HÃY THUẬN PHỤC

"Những người phối ngẫu trong hôn nhân không bị đặt vào một mối quan hệ thứ bậc, người này ở trên người kia, cũng không bị tách riêng thành những đơn vị tự trị, mỗi người làm điều mình muốn. Trái lại, mối quan hệ hôn nhân là mối quan hệ thuận phục lẫn nhau." Richard Hays[334]

"Chúng ta cần dạy dỗ con gái mình để một ngày kia chúng biết thuận phục chồng." Gần đây, khi tình cờ nghe một người mẹ nói điều này với vợ tôi, nó thật sự khơi dậy trong tôi cả một dòng suy nghĩ. Tôi có thật sự nên dạy Ivy làm sao để một ngày kia thuận phục chồng mình không? Đề tài lãnh đạo – thuận phục trong chính hôn nhân của mình vốn đã đủ riêng tư, nhưng khi tôi buộc phải suy nghĩ về những lời dạy về hôn nhân mà tôi nên truyền lại cho các con mình, tôi càng thấy mình phải quyết tâm dạy cho đúng.

THUYẾT BỔ SUNG MỘT ĐIỂM

Chỉ khi nghiên cứu và viết chương này và chương kế tiếp, tôi mới cuối cùng và hoàn toàn từ bỏ ý tưởng rằng lý tưởng của Đức Chúa Trời cho mọi cuộc hôn nhân bao gồm dù chỉ là hình thức nhẹ nhàng nhất của thẩm quyền – thuận phục giữa chồng và vợ. Dựa trên cách tôi đọc Ê-phê-sô 5 trước đó, tôi đã từ lâu giữ quan niệm rằng sự lãnh đạo hy sinh của người chồng đối với vợ là để bày tỏ phần nào sự lãnh đạo hy sinh của Đấng Christ đối với Hội Thánh Ngài.

334. Richard Hays, First Corinthians, tr. 116

Thuyết bổ sung một điểm cho rằng phụ nữ được phép lãnh đạo người nam trong Hội Thánh và ngoài xã hội, dù người vợ phải thực hành một hình thức thuận phục một chiều nào đó đối với chồng mình.[335] Điều này khác với *thuyết bổ sung hai điểm*, là thuyết đòi hỏi phụ nữ thuận phục trong hôn nhân và trong Hội Thánh. Điều thú vị là nhiều học giả Kinh Thánh và nhiều Hội Thánh khắp thế giới theo thuyết bổ sung một điểm.[336]

Tôi ngờ rằng nhiều người theo thuyết bổ sung hai điểm có thể đọc sách này và cảm thấy được thuyết phục để thôi loại trừ phụ nữ khỏi sự lãnh đạo Hội Thánh, nhưng có lẽ vẫn giữ một hình thức thẩm quyền – thuận phục nào đó trong hôn nhân – và vì chính tôi cũng đã giữ lập trường này trong vài năm, tôi hoàn toàn hiểu và trân trọng lập trường ấy.

Điều thú vị là *khi việc tôi tiếp tục nghiên cứu Ê-phê-sô 5 khiến tôi từ bỏ ngay cả thuyết bổ sung một điểm, điều đó đã không làm thay đổi hôn nhân của tôi cách đáng kể*. Như tôi sẽ giải thích, tôi nhận ra rằng ngay cả trong hôn nhân, tôi vốn đã ít nhiều là một người theo quan điểm tương hỗ. Đó là vì, nếu gần hai thập niên kinh nghiệm hôn nhân đã dạy tôi điều gì, thì đó là một cuộc hôn nhân giữa hai người ngang hàng đáng mong ước hơn nhiều so với một cuộc hôn nhân giữa người lãnh đạo và người đi theo. Điều này vẫn đúng, bất chấp biết

335. Ngay cả khi có thẩm quyền – thuận phục trong một cuộc hôn nhân, điều đó không có nghĩa là người vợ không thể có thẩm quyền ngay cả trên chồng mình trong một lĩnh vực khác. Chẳng hạn, Đê-bô-ra, vợ của Láp-bi-đốt, trong nền văn hóa phụ quyền mà bà sống, có thể (hoặc có thể không) đã nhận lệnh từ chồng mình trong nhà, nhưng dù vậy bà vẫn thành công như một người lãnh đạo trong xứ, nơi ngay cả chồng bà cũng phải nhận lệnh từ bà. Phức tạp, đúng vậy, nhưng không mâu thuẫn, vì không có một phân đoạn Kinh Thánh nào dùng sự thuận phục của người vợ trong hôn nhân làm cơ sở để ngăn cản người phụ nữ lãnh đạo người nam trong Hội Thánh và ngoài xã hội.

336. Chỉ như một mẫu nhỏ, tôi đã bắt gặp các quan điểm bổ sung một điểm nơi N.T. Wright ở Tây Âu, Hayk HovHannisyan ở Đông Âu, và có một thời nơi Michael Bird ở Úc. Những người đắm mình trong các "cuộc chiến" giữa phe bình đẳng và phe bổ sung ở Mỹ có thể không hiểu nổi khả năng này. N.T. Wright giải thích: "Một phần của vấn đề, đặc biệt ở Hoa Kỳ, là các nền văn hóa trở nên phân cực đến mức nếu bạn đánh dấu vào một ô, nhiều người cho rằng bạn hẳn phải đánh dấu thêm cả chục ô khác ở cùng một bên trang giấy – mà không nhận ra rằng chính trang giấy ấy đã rất tùy tiện và bị văn hóa chi phối." Khi được nghe một điều đủ nhiều lần, chúng ta có khuynh hướng tin điều đó. Nếu tôi chỉ ra hai ngôi sao trên bầu trời đêm và nói: "hai ngôi sao này gắn liền với nhau; chúng là một chòm sao gọi là The Pointers (Hai Sao Chỉ Hướng)," thì người nghe tôi bắt đầu tưởng tượng có một sợi dây vô hình nối hai ngôi sao này. Mỗi lần nhìn lên bầu trời, họ lại để ý đến "sự gắn liền" của chúng. Thật ra, chúng cách nhau hàng triệu năm ánh sáng và là những ngôi sao riêng lẻ. Chỉ từ một góc nhìn trong thiên hà của chúng ta thì chúng mới có vẻ gần nhau như vậy. Vai trò làm đầu của người chồng và chức trưởng lão cũng thế – chúng là những ngôi sao riêng lẻ, tách biệt. Chúng không nhất thiết gắn liền với nhau trong tâm trí Đức Chúa Trời, và chắc chắn không gắn liền với nhau trong Kinh Thánh.

bao câu nói gọn gàng, diễn đạt hay ho về hôn nhân "Cơ Đốc" mà tôi và những người khác đã giảng rất nhiều lần, chẳng hạn như: "Anh hy sinh, cô thuận phục; anh lãnh đạo, cô đi theo; anh khởi xướng, cô xác nhận."[337]

Dù Chúa Giê-xu không nói một lời nào về sự lãnh đạo của người chồng đối với vợ,[338] Phao-lô dường như có nhiều điều để nói, đặc biệt trong Ê-phê-sô 5, là trọng tâm của chương này. Đây là phân đoạn ấy:

21 Hãy kính sợ Đấng Christ mà thuận phục nhau.

22 Hỡi người làm vợ, hãy thuận phục chồng mình như thuận phục Chúa. 23 Vì chồng là đầu vợ, cũng như Đấng Christ là đầu Hội Thánh, là thân thể Ngài, và Ngài là Cứu Chúa của thân thể ấy. 24 Vậy, như Hội Thánh thuận phục Đấng Christ, thì người vợ cũng phải thuận phục chồng mình trong mọi sự.

25 Hỡi người làm chồng, hãy yêu vợ mình, như Đấng Christ đã yêu Hội Thánh và đã phó chính mình vì Hội Thánh, 26 để làm cho Hội Thánh nên thánh, tẩy sạch Hội Thánh bằng nước rửa qua lời Ngài, 27 và để trình Hội Thánh ra trước mặt Ngài như một Hội Thánh rực rỡ, không vết, không nếp nhăn, không chỗ khuyết điểm nào, nhưng thánh sạch và không chỗ trách được. 28 Cũng vậy, người chồng phải yêu vợ như chính thân thể mình. Ai yêu vợ mình là yêu chính mình. 29 Suy cho cùng, chẳng hề có ai ghét thân thể mình, nhưng nuôi nấng và chăm sóc nó, như Đấng Christ đối với Hội Thánh – 30 vì chúng ta là các chi thể của thân Ngài. 31 "Vì vậy, người nam sẽ lìa cha mẹ mà gắn bó với vợ mình, và hai người sẽ trở nên một thịt." 32 Đây là một sự mầu nhiệm lớn – nhưng ta nói về Đấng Christ và Hội Thánh. 33 Tuy nhiên, mỗi người trong anh em cũng phải yêu vợ mình như chính mình, còn vợ thì phải kính trọng chồng.

Khi nghiên cứu cho chương này, tôi đã khám phá ra rằng điều C.S. Lewis viết là đúng: "Nhiều người … thấy rằng tâm hồn tự cất tiếng hát mà không

337. Beth Allison Barr, trong "The Making of Biblical Womanhood" (chương 6), trích dẫn "Happily Ever After."

338. Thế nhưng các học giả hàng đầu theo quan điểm bổ sung lại sai lầm khi khẳng định rằng Ngài có nói! Chẳng hạn, Andreas Köstenberger trong "God, Marriage, Family" (tr. 250) viết: "Chúa Giê-xu đã khẳng định kế hoạch ban đầu của Đức Chúa Trời, Đấng Tạo Hóa, cho hôn nhân, khi trích dẫn cả Sáng Thế Ký 1:27 lẫn 2:24 (Ma-thi-ơ 19:4-6 và các đoạn song song). Qua đó, Chúa chúng ta đã mạnh mẽ và dứt khoát xác nhận thiết kế ban đầu của Đức Chúa Trời cho hôn nhân, với người chồng là đầu và người vợ là người bạn đời thuận phục, nâng đỡ."

cần ai bảo, trong khi họ đang vật lộn với một đoạn thần học khó nhằn, tẩu thuốc trên môi và cây bút chì trong tay." Trong trường hợp này, Ê-phê-sô 5 là một phân đoạn khó, chứa đầy thần học, một phân đoạn tôi đã nghiền ngẫm suốt nhiều năm. Có ba lý do khiến tôi đã vật lộn nhiều đến thế với nó.

Lý do thứ nhất là mối quan hệ chính yếu trên đất của tôi là với vợ tôi. Tôi muốn vâng theo Lời Đức Chúa Trời và áp dụng sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời vào hôn nhân mình, và phân đoạn này là một trong những bản văn Kinh Thánh chính yếu về hôn nhân, nên tốt nhất là tôi phải hiểu nó cho thấu đáo.

Lý do thứ hai là cách đọc phân đoạn này theo lối "chồng lãnh đạo và vợ đi theo" đi ngược với kinh nghiệm và cảm quan văn hóa của chính tôi. Để tôi giải thích: tôi kết hôn với một người phụ nữ có học thức và năng lực ngang với tôi, và trong nhiều phương diện còn hơn tôi. Cô ấy quản lý tài chính giỏi hơn tôi và hiện kiếm được nhiều tiền hơn tôi; nhận biết các nhu cầu tình cảm và thực tế của các con chúng tôi giỏi hơn tôi; và có tài lãnh đạo các nhóm người một cách tự nhiên hơn tôi. Ngoài ra, Đức Chúa Trời dường như phán với cô ấy về gia đình và mục vụ của chúng tôi cũng nhiều như Ngài phán với tôi. Đối với tôi, việc tôi khẳng định quyền lãnh đạo trên cô ấy dường như không chỉ là tùy tiện, mà còn là một sự vi phạm mối quan hệ của chúng tôi và năng lực của cô ấy. Thành thật mà nói, đối với tôi, cộng tác với cô ấy *như với một người ngang hàng* có vẻ tốt hơn nhiều so với việc đưa ra sự lãnh đạo của mình cho cô ấy.

Lý do thứ ba khiến tôi vật lộn với phân đoạn này là các nhà giải kinh xuất sắc đi đến những kết luận khác nhau về điều phân đoạn này nói, và các mục sư đi đến những kết luận khác nhau về cách áp dụng niềm tin của mình vào một cuộc hôn nhân thực tế. Dù lời lẽ có vẻ đơn giản khi đọc lần đầu, nhưng khi suy ngẫm thêm, Ê-phê-sô 5 đặt ra nhiều câu hỏi hơn là câu trả lời. Hãy xem chỉ vài câu đầu: tại sao Phao-lô đóng khung mối quan hệ hôn nhân bằng câu đi trước nói về sự thuận phục lẫn nhau? "Đầu" có nghĩa gì? "Thuận phục" có nghĩa gì? Chữ "thuận phục" có cùng một nghĩa trong câu 21 ("thuận phục nhau"), câu 22 (người vợ thuận phục chồng mình) và câu 24 (Hội Thánh thuận phục Đấng Christ) không? Và trên thực tế, việc người vợ thuận phục chồng mình "trong mọi sự" có nghĩa là gì?

Tôi sẽ giải quyết những câu hỏi này bằng cách đưa ra bốn cách giải thích khác nhau – hay bốn "quan điểm." Vì ba phần tư phân đoạn Ê-phê-sô 5 nói với người chồng, tôi sẽ định nghĩa mỗi quan điểm theo điều được đòi hỏi nơi người chồng Cơ Đốc. Các quan điểm này xem người chồng là người ra quyết định (Quan điểm 1), người nắm lá phiếu quyết định (Quan điểm 2), đầy tớ của người ngang hàng với mình (Quan điểm 3), và *paterfamilias* (người gia trưởng) được cứu chuộc (Quan điểm 4).

QUAN ĐIỂM 1: NGƯỜI CHỒNG LÀ NGƯỜI RA QUYẾT ĐỊNH (THƯỜNG XUYÊN)

Đây là quan điểm của Wayne Grudem. Ông lập luận rằng khi Phao-lô nói "thuận phục nhau" trong Ê-phê-sô 5:21, Phao-lô không có ý nói mọi tín hữu thuận phục mọi tín hữu, mà chỉ nói mọi tín hữu thuận phục những người có thẩm quyền chính đáng trên mình mà thôi. Nói cách khác, sự thuận phục đi từ vợ đến chồng, nhưng chắc chắn không theo chiều ngược lại.

Ông nói rằng "đầu" trong câu "chồng là đầu vợ" có nghĩa là *thẩm quyền trên*. Phao-lô đang thúc giục người nam đảm nhận sự lãnh đạo đối với vợ mình, và người vợ chấp nhận sự lãnh đạo ấy. Khi phân đoạn nói về việc người chồng phó mạng sống mình vì vợ như Chúa Giê-xu đã làm cho Hội Thánh, điều này có nghĩa là Phao-lô thúc giục người chồng không chỉ yêu vợ mình, mà còn lãnh đạo vợ mình cách yêu thương. Và khi Phao-lô sau đó trích dẫn Sáng Thế Ký 2:24 ở cuối, ông lập luận rằng Phao-lô đặt nền thẩm quyền này của chồng trên vợ vào bản tường thuật trước sự sa ngã về thẩm quyền của A-đam trên Ê-va.

Về hệ quả thực tiễn của tất cả những điều này, Grudem cho chúng ta biết ông áp dụng điều đó thế nào trong hôn nhân của chính mình:

Trong mọi quyết định, dù lớn hay nhỏ, và dù chúng tôi đã đạt được sự đồng thuận hay chưa, trách nhiệm đưa ra quyết định vẫn thuộc về tôi. (Ở đây tôi đang nói về những quyết định liên quan đến cả hai chúng tôi, không phải những quyết định cá nhân mà mỗi người chúng tôi đưa ra trong phạm vi trách nhiệm riêng của mình.) Tôi không đồng ý với những người nói rằng vai trò làm đầu của người nam chỉ tạo ra sự khác biệt khoảng mười năm một lần,

khi vợ chồng không thể đi đến đồng thuận. Tôi nghĩ vai trò làm đầu của người nam tạo ra sự khác biệt trong mọi quyết định mà đôi vợ chồng đưa ra mỗi ngày trong đời sống hôn nhân của họ. Nếu có vai trò làm đầu thật sự của người nam, thì có một sự thừa nhận thầm lặng, tinh tế rằng trọng tâm của tiến trình ra quyết định là người chồng, chứ không phải người vợ. Và dù thường sẽ có nhiều cuộc thảo luận, và cần có nhiều sự tôn trọng và quan tâm lẫn nhau, nhưng sau cùng, trách nhiệm đưa ra quyết định vẫn thuộc về người chồng.[339]

John Piper chia sẻ phần nào quan điểm này khi ông trìu mến nhớ lại cuộc hôn nhân của cha mẹ mình, trong đó cha ông là người thường xuyên ra quyết định:

Khi cha tôi về nhà, rõ ràng ông là người đứng đầu gia đình. Ông hướng dẫn cầu nguyện trong bữa ăn. Ông gọi cả nhà lại cho giờ thờ phượng gia đình. Ông đưa chúng tôi đến trường Chúa Nhật và buổi thờ phượng. Ông lái xe. Ông dẫn cả nhà đến chỗ chúng tôi sẽ ngồi. Ông quyết định đi ăn trưa ở Howard Johnson's. Ông dẫn chúng tôi đến bàn. Ông gọi cô phục vụ. Ông trả tiền. Ông là người mà chúng tôi biết mình sẽ phải trình diện nếu chúng tôi phạm một quy tắc gia đình hay vô lễ với Mẹ. Đó là những lúc hạnh phúc nhất đối với Mẹ. Ôi, bà vui mừng biết bao khi có Bố ở nhà! Bà yêu sự lãnh đạo của ông. Về sau tôi mới biết rằng Kinh Thánh gọi điều này là "sự thuận phục."[340]

Phần lớn các sách Cơ Đốc phổ thông về hôn nhân đều theo quan điểm này. Một sách nói: "Người chồng … chịu trách nhiệm về những quyết định quan trọng trong gia đình. … Một người vợ biết đáp ứng và dễ tiếp nhận sẵn lòng … từ bỏ sự tự do của mình để đổi lấy tình yêu, sự ngưỡng mộ, sự bảo vệ và sự chu cấp của chồng."[341] Một sách khác cũng lặp lại cùng ý ấy: "Một người đàn ông có thể có nhiều ông chủ bên ngoài gia đình, nhưng trong gia đình, anh ta có cơ hội để ân cần thực thi thẩm quyền và nhận lãnh sự tôn trọng chính đáng dành cho mình."[342]

339. Wayne Grudem, Evangelical Feminism, chương 1
340. John Piper, Recovering Biblical Manhood and Womanhood, chương 1
341. Ed and Gaye Wheat, Intended for Pleasure, ấn bản thứ tư, tr. 30-31
342. Kevin Leman, Sheet Music, tr. 54.

Bây giờ, trước khi tôi chuyển sang tìm hiểu các quan điểm khác, xin cho tôi nói điều này: cho đến những năm 1980, hầu như mọi học giả Kinh Thánh và Cơ Đốc nhân đều đọc phân đoạn này chính xác theo cùng một cách. Vì thế, đây là một quan điểm cần được xem xét nghiêm túc.

Nhưng cho phép tôi nói thật: cách làm đó hẳn sẽ là dấu chấm hết cho cuộc hôn nhân của tôi! Và với tư cách một mục sư, tôi chưa bao giờ khuyên ai theo quan điểm này – chắc chắn kinh nghiệm sống của Grudem và Piper khác với tôi, nhưng tôi không thể hình dung một mối quan hệ thân mật lại phát triển tốt đẹp khi một người đưa ra tất cả hoặc hầu hết các quyết định liên quan đến cả hai. Tôi không thể không kết luận rằng những cặp vợ chồng cho rằng quan điểm này vận hành tốt trong hôn nhân của họ, hoặc là những người – do cách được nuôi dạy hay do văn hóa – ưa thích kiểu "hôn nhân truyền thống" của ngày xưa, hoặc là gồm một người chồng có tố chất lãnh đạo bẩm sinh và một người vợ có khuynh hướng đi theo bẩm sinh. Tuy nhiên, không phải mối quan hệ hôn nhân nào cũng được "thiết kế" như thế, và chắc chắn hôn nhân của Julie và tôi thì không. Tôi mừng vì trong vài thập niên gần đây, các mục sư và nhà thần học đã bắt đầu đề xuất một dạng điều chỉnh của quan điểm này, mà một số người gọi là "thuyết bổ sung ôn hòa", còn tôi gọi là "người chồng nắm lá phiếu quyết định".

Quan điểm 2: Người chồng nắm lá phiếu quyết định (trong những trường hợp hiếm hoi)

Timothy và Kathy Keller, trong cuốn sách bán chạy *The Meaning of Marriage* (Ý nghĩa của hôn nhân), đưa ra một quan điểm mềm mỏng hơn về hôn nhân theo thuyết bổ sung. Họ viết cả một chương để trình bày rằng, trái với quan điểm của Grudem, Phao-lô đặt các vai trò của nam và nữ trong hôn nhân như một biểu hiện của sự thuận phục lẫn nhau ở câu 21, điều mà họ định nghĩa là sự lựa chọn khiêm nhường phục vụ và làm đẹp lòng người kia:

Trong Phi-líp 2:2-3, Phao-lô nói thẳng rằng Cơ Đốc nhân nên "khiêm nhường, coi người khác tôn trọng hơn [chính] mình". … Chúng ta nên xem xét và coi quyền lợi của người khác là quan trọng hơn quyền lợi của chính mình. Ở chỗ khác, ông nói rằng chúng ta không nên "làm đẹp lòng chính

mình", mà nên "làm đẹp lòng người lân cận, vì lợi ích của người ấy, để gây dựng người ấy. Vì Đấng Christ cũng không làm đẹp lòng chính mình" (Rô-ma 15:1-3). Phao-lô còn đi xa đến mức bảo Cơ Đốc nhân hãy làm "douloi" cho nhau (Ga-la-ti 5:13) – theo nghĩa đen là những người đầy tớ bị ràng buộc (nô lệ). … Dù là chồng hay vợ, chúng ta không được sống cho chính mình mà phải sống cho người kia. Và đó là chức năng khó nhất nhưng cũng là chức năng quan trọng nhất của việc làm chồng hay làm vợ trong hôn nhân.[343]

Theo quan điểm này, sự thuận phục lẫn nhau đi theo cả hai chiều: trong các câu 22-24, Phao-lô bảo những người vợ thuận phục chồng mình, còn trong các câu 25-29, ông bảo những người chồng phải thuận phục vợ mình như thế nào (dưới hình thức tình yêu hy sinh dành cho vợ).

Gác sự thuận phục lẫn nhau sang một bên, ông bà Keller vẫn lập luận rằng người chồng là người lãnh đạo. Họ làm điều đó bằng cách chuyển từ ngôn ngữ về một người chồng thuận phục lẫn nhau với vợ mình sang ngôn ngữ về một người chồng thuận phục "vai trò người lãnh đạo phục vụ".[344] (Tôi phải lưu ý rằng đây là một cách dùng đáng ngờ của chữ "thuận phục", vì giờ đây nó mang một nghĩa khác với nghĩa của nó trong ý niệm thuận phục lẫn nhau: thuận phục một vai trò hoàn toàn không giống với thuận phục một con người.)

Đáng mừng là ông bà Keller đưa ra một kiểu lãnh đạo mềm mỏng hơn nhiều so với cách người ta hiểu về sự thuận phục của người vợ trong những thế kỷ trước – "[K]hi hai bên không thể đồng ý, nhưng buộc phải đưa ra một quyết định nào đó, [người chồng có] quyền bỏ lá phiếu quyết định và (do đó) gánh trách nhiệm lớn hơn về quyết định ấy."[345] Ở chỗ khác, Timothy Keller gọi đây là quyền của người chồng được "gạt đi" ý kiến của vợ bằng cách đưa ra "lời quyết định sau cùng".[346] Nói cách khác, *chỉ khi có bất đồng, chứ không phải trong việc ra quyết định hằng ngày*, người chồng mới nên đưa ra quyết định.

Là một người theo quan điểm bổ sung ôn hòa trong thời gian dài, tôi và nhiều người dạy dỗ khác cùng trường phái đã áp dụng sự dạy dỗ này bằng những câu như: "Thỉnh thoảng, trong những dịp rất hiếm hoi, khi phải đưa

343. Tim và Kathy Keller, The Meaning of Marriage, chương 2
344. Tim và Kathy Keller, The Meaning of Marriage, chương 6
345. Tim và Kathy Keller, The Meaning of Marriage, Phụ lục
346. Timothy Keller, The Timothy Keller Sermon Archive, 2012–2013

ra một lựa chọn mà hai bạn không thể đồng ý, thì người vợ nên để nghị người chồng quyết định vấn đề ấy." Chẳng hạn, bạn tôi là Alan Frow, một mục sư có ảnh hưởng theo quan điểm bổ sung ở Nam California, nói rằng hầu như mọi quyết định trong hôn nhân của anh đều được đưa ra bằng sự cộng tác: "Tôi đã kết hôn 25 năm," anh nói, "và trong thời gian đó, chỉ có năm lần vợ tôi nói với tôi: 'Chúng ta không thể thống nhất. Anh là người lãnh đạo, vậy anh hãy đi tìm kiếm Đức Chúa Trời đi.'"[347]

Trong hôn nhân của chính tôi, nhiều năm trôi qua mà tôi không cần dùng đến "thẩm quyền bỏ lá phiếu quyết định" của mình, vì chúng tôi luôn tìm được sự đồng thuận. *Nhưng bạn thấy đấy, điều này có nghĩa là trong kinh nghiệm thực tế của chúng tôi, sự "lãnh đạo" của tôi đối với Julie và việc cô ấy cần "thuận phục" tôi gần như không hề tồn tại.*

HOÀI NGHI MÔ HÌNH LÁ PHIẾU QUYẾT ĐỊNH

Với nhiều người theo quan điểm bổ sung ôn hòa – như chính tôi trong nhiều năm – công việc khó nhọc là nâng cấp lập trường của mình về mặt thần học dường như chẳng đáng để bận tâm. Hầu như vào bất cứ ngày nào trong năm, kiểu hôn nhân của họ cũng giống hệt một cuộc hôn nhân tương hỗ. Thật ra, có lẽ tôi đã còn giữ quan điểm của ông bà Keller lâu hơn (và tôi cảm thông với những người vẫn còn giữ nó), nếu tôi không bắt đầu đặt câu hỏi liệu *ngay cả một hình thức mềm mỏng của mô hình thẩm quyền – thuận phục có thật sự là lý tưởng của Đức Chúa Trời cho mọi cuộc hôn nhân hay không*. Thật vậy, tôi có năm mối hoài nghi nghiêm túc.

Thứ nhất, nếu chúng ta lý tưởng hóa sự thuận phục của người vợ đối với thẩm quyền của chồng, thì càng dễ xem nhẹ những đóng góp thiết yếu của cô trong Hội Thánh và ngoài xã hội. Dù những người theo quan điểm bổ sung ôn hòa nhấn mạnh rằng sự thuận phục của người vợ *chỉ* dành cho chồng mình chứ không phải cho mọi người nam, những người theo quan điểm bổ sung vẫn dùng điểm này để lập luận rằng nếu ở nhà người vợ phải được dẫn dắt, thì cô không nên lãnh đạo trong Hội Thánh.[348] Chẳng hạn,

347. Nghe tại đây: www.bit.ly/2ZPRZGH

348. John Piper trình bày lập luận này như sau: "Trong cách người nam và người nữ liên hệ với nhau trong Hội Thánh, người nam phải lãnh đạo, theo hình mẫu người chồng lãnh đạo ở nhà (Ê-

Frow nói đúng rằng các vai trò trong hôn nhân của một gia đình loài người là một "tấm gương phản chiếu huyền nhiệm"[349] của mối quan hệ giữa Đấng Christ và Hội Thánh, và dù sau đó anh vẫn khẳng định phụ nữ có thể lãnh đạo ngoài xã hội, anh kết luận rằng "trong gia đình của Đức Chúa Trời cũng nên có một sự phản chiếu huyền nhiệm nào đó".

Nhưng bước nhảy này có đúng không? Trong Ê-phê-sô 5, Phao-lô nói rằng sự hiệp nhất giữa chồng và vợ là một "sự mầu nhiệm" chỉ về sự hiệp nhất giữa Đấng Christ và Hội Thánh. Vậy tại sao những người theo quan điểm bổ sung lại thấy mình được tự do áp đặt "sự mầu nhiệm" này một cách chung chung lên cả một cộng đồng, đến nỗi các trưởng lão nam bằng cách nào đó đại diện cho Chúa Giê-xu là người chồng (và theo lập luận này thì phải là nam), còn phần còn lại của Hội Thánh đại diện cho cô dâu (mà giờ đây lại lệch khỏi phép so sánh một cách kỳ lạ khi bao gồm cả nữ *lẫn nam*)? Hơn nữa, ý tưởng cho rằng các trưởng lão đại diện cho người chồng của Hội Thánh là một ý tưởng nguy hiểm và không theo Kinh Thánh – nhất là khi một mình Chúa Giê-xu giữ vai trò đó trong Hội Thánh, một cách dứt khoát và duy nhất. Nếu chúng ta bám vào phép so sánh hôn nhân – Hội Thánh, thì những người lãnh đạo Hội Thánh nhiều lắm chỉ có thể là bạn của chàng rể Giê-xu, giống như Giăng Báp-tít trong Giăng 3:29.

Thứ hai, tôi tự hỏi tại sao, theo quan điểm bổ sung về hôn nhân, Phao-lô lại lý tưởng hóa chính sự sắp đặt theo thứ bậc mà sự sa ngã đã gây ra, khi Đức Chúa Trời công bố hậu quả của nó không như một lời hứa mà như một lời báo trước đầy u ám: "[C]hồng sẽ cai trị ngươi."[350]

Thứ ba, tôi vẫn bàng hoàng trước mức độ bạo hành giữa vợ chồng mà người ta đã chứng minh là rất thường xảy ra trong các cuộc hôn nhân Cơ Đốc. Những nhà xã hội học như Elaine Storkey lập luận rằng việc dạy sự thuận phục của người nữ như một chuẩn mực do Đức Chúa Trời định đoạt hoàn toàn không giúp ích gì cho tình trạng này. Dù được nghe dạy về thẩm quyền

phê-sô 5:22-33)." Điều thú vị là một trong những Hội Thánh lớn nhất trên lục địa của tôi cho phép phụ nữ giảng đạo và lãnh đạo Hội Thánh, thế nhưng một nét văn hóa kỳ lạ đã nảy sinh do Hội Thánh ấy nhấn mạnh sự thuận phục của người vợ: những người nữ giảng đạo và nữ mục sư này từ chối kết hôn, vì ngay khi họ kết hôn, các tín hữu trong Hội Thánh có xu hướng xem sự lãnh đạo của họ kém nghiêm túc hơn.

349. Nghe tại đây: www.bit.ly/2ZPRZGH

350. Sáng Thế Ký 3:16

"nhân từ" của mình, đôi khi chính ý tưởng về thẩm quyền của người nam do Đức Chúa Trời thiết lập lại khuyến khích những người chồng giữ "một niềm tin công khai hay trong tiềm thức vào đặc quyền và quyền được hưởng của người nam, theo đó đàn ông cho mình những quyền về tự do, địa vị và ý kiến không áp dụng cho người bạn đời của mình".[351] Trừ khi họ là những người chồng được thánh hóa nhiều nhất, vì không nhìn người bạn đời như người thật sự ngang hàng với mình, họ vẫn có khuynh hướng – dù chỉ một chút thôi – đối xử với vợ như người thấp kém hơn.[352]

Ở châu Phi, nơi tôi sống, mức độ bạo lực giới thật sự kinh hoàng. Tôi đã nghe những câu chuyện về những người chồng Cơ Đốc đánh vợ vì tội không chịu phục tùng (và thậm chí cả chuyện một mục sư đánh một người vợ trong hội chúng của mình vì bà không chịu phục tùng chồng). Ngoài ra, một số nghiên cứu[353] cho thấy giáo lý về sự thuận phục của người nữ làm tăng khả năng một người vợ bị bạo hành cam chịu ở lại trong cuộc hôn nhân bạo hành, cũng như khả năng các Hội Thánh mà họ tìm đến cầu cứu *không* khuyên họ rời xa kẻ bạo hành. Nếu đây là sự dạy dỗ lý tưởng của Đức Chúa Trời, tôi tự hỏi tại sao, một khi lọt vào tai Cơ Đốc nhân, nó lại quá thường gây tổn hại.

Thứ tư, dù tôi thích thuyết bổ sung ôn hòa hơn một hình thức cứng rắn hơn, tôi phải thừa nhận rằng nó là một sáng tạo hoàn toàn mới. Nếu cách giải nghĩa làm nảy sinh hôn nhân theo thuyết bổ sung ôn hòa chỉ mới có khoảng nửa thế kỷ, thì nó còn trẻ hơn cả cách giải nghĩa làm nảy sinh hôn nhân tương hỗ. Dù tôi biết ơn về thuyết bổ sung ôn hòa mới mẻ theo kiểu Keller này, tôi phải đồng ý với những học giả theo quan điểm bổ sung như Grudem và Russell Moore, là những người ngụ ý rằng cách tiếp cận mềm mỏng hơn này thật ra gần với hôn nhân tương hỗ hơn là với hôn nhân theo thuyết bổ sung. Nếu cách đọc bản văn theo nghĩa hiển nhiên đòi hỏi tôi thường xuyên quyết định và vợ tôi thường xuyên thuận phục, thì rốt cuộc chúng tôi chưa bao giờ thật sự có một cuộc hôn nhân "theo Kinh Thánh". Thay vào đó,

351. Elaine Storkey, Scars across humanity: Understanding and Overcoming Violence Against Women, tr. 210

352. Các ý tưởng lan rộng ra ngoài Hội Thánh. Vì vậy, chúng ta cũng cần hỏi các ý tưởng Cơ Đốc tạo ra hiệu ứng lan tỏa nào trong nền văn hóa rộng lớn hơn. Khi một Hội Thánh dạy rằng sự thuận phục của người nữ đối với chồng là lý tưởng của Đức Chúa Trời, điều đó chẳng làm gì để giảm nguy cơ bạo lực giới. Tuy nhiên, khi Hội Thánh nhấn mạnh rằng lý tưởng của Đức Chúa Trời cho hôn nhân là sự tương hỗ, điều đó chắc chắn góp phần làm suy yếu nạn bạo lực gia đình.

353. Xem www.ab.co/3bHZF05 và www.bit.ly/3GNbrVt

chúng tôi đã có một cuộc hôn nhân "khẳng định sự thuận phục lẫn nhau trong một mối quan hệ vợ chồng bình đẳng", trong đó các quyết định được đưa ra "qua một quá trình thương lượng để đạt đồng thuận" – đây là cách Moore định nghĩa một cuộc hôn nhân "nữ quyền", và chắc chắn không phải một cuộc hôn nhân "theo Kinh Thánh" hay theo thuyết bổ sung.[354] Nếu Grudem (và quan điểm lịch sử) đúng, thì hoặc Đức Chúa Trời muốn tôi thay đổi cách sống và bắt đầu đưa ra nhiều quyết định hơn thay cho vợ mình, hoặc tôi cần thay đổi thần học của mình. Tiếp tục sống lệch nhịp với điều mình tin chỉ là sự thiếu nhất quán.

Thứ năm, theo cách tôi nhìn nhận, không có câu trả lời thỏa đáng nào cho câu hỏi: "*Tại sao* người vợ phải thuận phục?" Quan điểm 1 ngày nay có thể khiến nhiều người trong chúng ta khó chịu, nhưng suốt nhiều thế kỷ, nó hoàn toàn hợp lý: văn hóa và giáo lý của giáo hội tin rằng phụ nữ thấp kém hơn đàn ông, và vì vậy cần được dẫn dắt vì lợi ích của chính họ. Nhưng từ những năm 1960, những ý tưởng đó đã bị từ bỏ trong văn hóa *lẫn* trong giáo hội. Tất cả chúng ta đều biết nhiều người phụ nữ thông minh và quyết đoán hơn chồng mình. Vậy không thể nói rằng họ kém cỏi hơn trong việc ra quyết định. Vậy thì tại sao?

Ông bà Keller mạnh dạn đưa ra một câu trả lời: "[C]âu trả lời cho câu hỏi đó là một câu hỏi khác: 'Tại sao Đấng Christ lại trở thành Đấng từ bỏ thẩm quyền cho Đức Chúa Cha?'" Ý của họ là sự thuận phục của người vợ đối với thẩm quyền của chồng nhằm phản chiếu mối quan hệ của Đấng Christ với Đức Chúa Cha. Tuy nhiên, như tôi đã giải thích trong chương 3 và 6, điều này mô tả sai mối quan hệ trong Ba Ngôi, đồng thời bỏ qua sự thật là Kinh Thánh *không ở đâu* so sánh việc Con từ bỏ thẩm quyền cho Cha với việc người vợ từ bỏ thẩm quyền cho chồng.

John Piper đưa ra một câu trả lời khác: sự thuận phục của một người vợ Cơ Đốc đối với chồng mình tiêu biểu cho sự thuận phục của Hội Thánh đối với Đấng Christ trước mắt một thế giới đang quan sát. Điều này nghe rất hay khi giảng, nhưng hãy xem kỹ hơn: nó chỉ đúng trong Quan điểm 1, nơi người chồng dẫn dắt người vợ mỗi ngày trong đời cô. Quan điểm 2 là một hình ảnh tồi tệ về sự lãnh đạo của Đấng Christ đối với Hội Thánh – nếu Chúa Giê-xu

354. www.bit.ly/3nVy1CK

là Chúa của chúng ta, chúng ta cam kết theo sự lãnh đạo hằng ngày của Ngài, chứ không phải một kiểu cùng nhau ra quyết định mềm mỏng, trong đó chỉ thỉnh thoảng, khi chúng ta không thể đồng ý, chúng ta mới để Chúa Giê-xu tung ra quân át chủ bài của Ngài.

Dù các nhà thần học như Keller và Piper cố gắng đưa ra những lý do thần học mong manh, nhiều mục sư – vốn thường thiên về thực tiễn hơn – lại đưa ra lý lẽ này để biện minh cho thẩm quyền của người chồng: họ nói, bất cứ thứ gì có hai cái đầu đều là quái vật, vì vậy điều quan trọng là phải biết ai là người chịu trách nhiệm sau cùng. Nhưng đây chính là lý do mà tôi không thể chấp nhận. Cho phép tôi giải thích tại sao.

"Nhưng rốt cuộc ai sẽ chịu trách nhiệm sau cùng?"

Trong một sự kết hợp của hai người, có thật là trách nhiệm sau cùng chỉ được đặt trên một người, nếu không cuộc hôn nhân sẽ trục trặc? Tôi có thể thấy nhu cầu cần một đội trưởng trong một đội thể thao, một vị tướng chỉ huy một đạo quân, hay một giám đốc điều hành trong một công ty. Nhưng hai người trong một sự kết hợp "một thịt", là những người lý tưởng nhất – như Sáng Thế Ký 2:24 nói – "trần truồng", tức là chủ ý để mình không còn gì che giấu trước nhau, thì dường như không cần một người lãnh đạo bằng việc cả hai cùng cam kết trọn vẹn yêu thương và phục vụ nhau như những người cộng sự ngang hàng.

Love and Respect (Tình yêu và sự tôn trọng), cuốn sách Cơ Đốc phổ thông về hôn nhân có ảnh hưởng nhất, trình bày lập luận như sau: "Xây dựng một cuộc hôn nhân với hai người ngang hàng cùng đứng đầu là đặt nó vào con đường thất bại. Đó là một trong những lý do lớn khiến người ta ly hôn tràn lan ngày nay."[355] Nhưng tôi tự hỏi, đâu là bằng chứng cho lời khẳng định kỳ quặc này? Dù tôi mong được đọc thêm các nghiên cứu về vấn đề này, một nghiên cứu gần đây trên 21.000 phụ nữ Cơ Đốc đã kết hôn hoặc đã ly hôn và thường xuyên đi nhóm thờ phượng đã đi đến kết luận ngược lại: "Những cặp vợ chồng mà trong đó một người đưa ra các quyết định – ngay cả khi họ bàn

355. Eggerichs, Love & Respect, tr. 221. Ông đưa ra lời khẳng định này mà không dẫn chiếu bất kỳ nghiên cứu nào hay bất kỳ sự kiểm chứng độc lập nào.

bạc quyết định với người kia trước và hỏi ý kiến người kia – có nguy cơ ly hôn cao gấp 7,4 lần so với những cặp cùng chia sẻ quyền quyết định."[356]

Nhiều Cơ Đốc nhân biết điều này bằng trực giác (dù họ có tuyên bố tin điều đó về mặt thần học hay không). Trong số hàng ngàn người được khảo sát, khoảng 40% tin rằng người chồng có thẩm quyền bỏ lá phiếu quyết định, trong khi khoảng 60% tin rằng người vợ nên yêu chồng bằng cách thuận phục chồng – thế nhưng "chỉ 17,3% các cặp vợ chồng thực sự sống theo cách người nam có lời quyết định sau cùng. Ngược lại, 78,9% các cuộc hôn nhân vận hành mà không có lá phiếu quyết định – nghĩa là các cặp vợ chồng hoặc cùng nhau đưa ra quyết định, hoặc tạm gác việc quyết định nếu họ không đồng ý."

Điều chúng ta thấy ở đây là hai tình thế khó xử mà những mục sư như tôi thường không muốn thừa nhận. Thứ nhất, có sự lệch pha giữa niềm tin và hành vi của những người chúng tôi dẫn dắt. Trong khi phần lớn Cơ Đốc nhân tin rằng người chồng là người ra quyết định hoặc nắm lá phiếu quyết định, phần đông lại không thực hành điều đó! Thứ hai, "dù nhiều cặp vợ chồng Cơ Đốc tin rằng người chồng có thẩm quyền quyết định, *niềm tin ấy không gây hại cho cặp vợ chồng cho đến khi nó được đem ra thực hành*." Những mục sư như tôi có nên *đòi hỏi* dân sự của Đức Chúa Trời bắt đầu thực hành điều họ tin, hay chúng tôi nên đặt câu hỏi về điều mình đã dạy họ tin? Nếu với tư cách là mục sư, tôi thật sự muốn điều tốt nhất cho các cặp vợ chồng mà tôi dẫn dắt, thì tôi phải đối diện với một số dữ liệu khó chấp nhận:

Khi phụ nữ không cảm thấy được lắng nghe, mà thay vào đó cảm thấy như thể ý kiến của mình không quan trọng bằng ý kiến của chồng, thì hôn nhân của họ có nguy cơ kết thúc bằng ly hôn cao gấp 26 lần. … Ngay cả khi người chồng hỏi ý kiến vợ, trong những cuộc hôn nhân mà người chồng nắm quyền quyết định, theo định nghĩa, ý kiến của anh ta quan trọng hơn ý kiến của vợ. Và khi phụ nữ cảm thấy ý kiến của mình không được coi trọng bằng ý kiến của chồng, hôn nhân [có nhiều khả năng] đổ vỡ [hơn].[357]

356. Sheila Gregoire, The Great Sex Rescue, chương 2. Một nghiên cứu thế tục của The Gottman Institute cũng đồng tình – John Gottman viết trong "The Seven Principles for Making Marriage Work" rằng "về mặt thống kê, khi một người đàn ông không sẵn lòng chia sẻ quyền lực với người bạn đời của mình thì có 81% khả năng cuộc hôn nhân của anh ta sẽ tự hủy hoại."
357. Sheila Gregoire, The Great Sex Rescue, chương 2.

Ngược lại, sự tương hỗ trong hôn nhân mang lại những lợi ích rõ rệt. "Khi các cặp vợ chồng cùng nhau ra quyết định, khả năng người vợ tự xếp mình vào nhóm 20% hôn nhân hạnh phúc nhất cao gấp hơn bốn lần so với khả năng tự xếp mình vào nhóm 20% kém hạnh phúc nhất, và khả năng họ thường xuyên đạt cực khoái khi quan hệ tình dục cao hơn 67%."[358] Những số liệu thống kê này xác nhận rằng những cuộc hôn nhân (và đời sống tình dục) tốt đẹp nhất là của những cặp quyết định cùng nhau giải quyết mọi việc, và khi bất đồng, thì dành cho vấn đề đủ thời gian và sự quan tâm cần thiết để đi đến sự đồng thuận.

Tôi có thể hiểu rằng trong một ban lãnh đạo, chẳng hạn gồm mười người, người lãnh đạo đôi khi có thể cần đóng vai người bỏ lá phiếu quyết định. Nhưng chúng ta hãy cẩn thận, đừng đem cơ chế ra quyết định của một tổ chức vào hôn nhân, vốn chỉ gồm hai người, mang tính quan hệ nhiều hơn là chức năng, và đã cam kết với nhau trong một sự kết hợp ở tầng sâu của linh hồn.

Hơn nữa, các cặp vợ chồng có thường lâm vào tình huống mà một quyết định hệ trọng *buộc phải* được đưa ra mà không có thời gian để họ tìm được sự đồng thuận không? Thường thì vẫn có thời gian để quyết định, hoặc để hai vợ chồng nhường cho người có xác tín mạnh nhất hay có chuyên môn nhất trong lĩnh vực mà quyết định đó ảnh hưởng tới. Nhưng nếu hai vợ chồng vẫn bất đồng, điều đó cho thấy cả hai đều có cảm nhận mạnh mẽ về quan điểm của mình. *Việc người chồng khi ấy đem địa vị ra áp đặt, đúng vào lúc khác biệt lớn nhất, đối với tôi dường như là kết cục tồi tệ nhất!* Chẳng lẽ không có cách nào để hai vợ chồng nói chuyện thấu đáo về điều này cho đến khi đồng thuận sao? Cho đến khi sự sáng tỏ ấy đến, tốt hơn là kéo dài cuộc trò chuyện,

358. Sheila Gregoire, The Great Sex Rescue, chương 2.

trong khi cả chồng lẫn vợ cầu nguyện tìm kết quả tốt nhất, tìm lời khuyên từ người khác, và cố gắng thật sự, thật sự lắng nghe nhau.[359]

Kinh nghiệm của tôi dẫn tôi đến kết luận này: dùng thẩm quyền của mình đúng vào lúc vợ tôi cảm nhận mạnh mẽ về một điều gì đó đến mức bất đồng với tôi, dường như là một sự phá hoại mối quan hệ. Không như Alan Frow, người nhớ lại năm lần vợ anh đề nghị anh tung quân át chủ bài, tôi chỉ có duy nhất một ký ức về việc đưa ra một quyết định lớn theo cách gạt đi sự băn khoăn của Julie về điều đó. Nhưng ngay cả lần đó, cô ấy tin vào xác tín của tôi nhiều hơn là chỉ chấp nhận thẩm quyền của tôi. Giờ nghĩ lại, tôi có nhiều ký ức hơn về những lần cố đưa ra quyết định cuối cùng trái với quan điểm của cô ấy, để rồi bị cô ấy can đảm phản đối. Đáng mừng là mỗi lần như thế, tôi đều lắng nghe và chúng tôi hoãn việc đưa ra quyết định cuối cùng. Nhìn lại, tôi nghĩ mình đã làm tổn hại lòng tin của cô ấy nếu, bất chấp những lo ngại chính đáng của cô ấy, tôi cố đem địa vị ra áp đặt.

Tất cả những điều đó để nói rằng tôi đã có những hoài nghi nghiêm túc về Quan điểm 2! Càng lớn tuổi, và càng đồng hành với nhiều cặp vợ chồng với tư cách vừa là mục sư vừa là bạn, tôi càng khó quét những mối lo ngại này xuống dưới tấm thảm. Tôi đã kết luận rằng cách Julie và tôi sống hôn nhân của mình trước mặt Đức Chúa Trời, cách chúng tôi nuôi dạy con cái đối xử với người bạn đời của chúng, và để người bạn đời đối xử với chúng, là một đề tài then chốt đến mức tốt hơn nên đối diện với những điểm yếu của ngay

359. Trong một cuộc phỏng vấn podcast, Alan Frow bênh vực mô hình lá phiếu quyết định bằng cách nói rằng, khi anh tư vấn với tư cách mục sư cho các cuộc hôn nhân theo quan điểm bình đẳng, anh nhận thấy "có rất nhiều căng thẳng vì họ không biết ai sẽ là người quyết định". Nghe tại đây: www.bit.ly/2ZPRZGH – nhưng điều đó có phổ biến không? Nếu kinh nghiệm hôn nhân của tôi, và của tất cả các cặp vợ chồng tôi đã tư vấn, có giá trị tham khảo nào đó, thì nếu một người vợ biết trước rằng thẩm quyền của chồng sẽ được đem ra dùng khi hai vợ chồng không thể đồng ý, điều đó thật ra sẽ làm tăng thêm rất nhiều căng thẳng trong trải nghiệm hôn nhân của cô. Nhiều nhà tư vấn Cơ Đốc khẳng định rằng điều giúp ích nhiều nhất để đối phó với căng thẳng trong những cuộc hôn nhân Cơ Đốc đầy xung đột không phải là đặt vào tay người chồng một thẩm quyền bỏ lá phiếu quyết định, mà là không có thẩm quyền ấy. Thay vào đó, hai vợ chồng cần học cách thật sự lắng nghe, yêu thương và gác lại những dự định riêng để phục vụ người kia. Tôi đã nghe đủ nhiều câu chuyện về những người phụ nữ cố gắng, cố gắng đến tuyệt vọng, để thuận phục thẩm quyền bỏ lá phiếu quyết định của chồng, nhưng vẫn bị tổn thương vì nó. Khi tôi thử hình dung đảo ngược vai trò, đặt mình vào vị trí của một người vợ có cảm nhận mãnh liệt về một quyết định nào đó mà chồng cô cũng cảm nhận mãnh liệt không kém, và chính anh là người rốt cuộc được quyết định, tôi nhận ra quan điểm lá phiếu quyết định có thể buộc người chồng phải phớt lờ lời Chúa Giê-xu: "[Đừng] làm cho người khác điều mà các ngươi [không] muốn người ta làm cho mình."

cả quan điểm lá phiếu quyết định, và cởi mở đón nhận những cách giải nghĩa khả dĩ khác về Ê-phê-sô 5. Khi tôi làm như vậy, tôi tìm lại niềm vui của việc không chỉ đọc lướt bề mặt những phân đoạn khó như Ê-phê-sô 5, mà đào sâu hơn, không chỉ hỏi phân đoạn ấy nói gì, mà còn hỏi tại sao nó nói như vậy, và ban đầu nó được nói với ai.

QUAN ĐIỂM 3: NGƯỜI CHỒNG LÀ ĐẦY TỚ CỦA NGƯỜI NGANG HÀNG VỚI MÌNH

Trước khi thật sự nghiên cứu kỹ quan điểm thứ ba này, tôi đã cho rằng hiển nhiên nó là một nỗ lực né tránh sự dạy dỗ rõ ràng của Ê-phê-sô 5. Tôi hẳn đã đồng ý với Frow, người cho rằng đó là một nỗ lực "nhào lộn" giải nghĩa với phân đoạn này. *Vì vậy tôi đã sửng sốt khi cuối cùng thật sự dồn tâm trí nghiên cứu kỹ quan điểm này và khám phá ra nó thuyết phục đến mức nào* – không phải là một màn nhào lộn giải kinh, mà là kết quả của việc chịu khó làm công việc vất vả rất cần thiết của một sự giải nghĩa đúng đắn. Học giả Kinh Thánh Philip Payne đưa ra một số nhận xét về Ê-phê-sô 5 khiến cho rất có thể là Phao-lô thật ra đang cổ vũ sự bình đẳng và sự tương hỗ làm nền tảng cho hôn nhân, chứ không phải – như cách đọc bề mặt gợi ý – sự lãnh đạo và sự thuận phục.

Thứ nhất, Phao-lô đặt hôn nhân Cơ Đốc trong khuôn khổ của sự thuận phục lẫn nhau. Payne nói rằng việc Phao-lô ghép chữ "thuận phục" (nghĩa là đặt mình dưới người khác) với cụm từ hỗ tương "lẫn nhau" (tiếng Hy Lạp: *allelous*) là một trong những sự dạy dỗ mang tính cách mạng nhất về mặt xã hội và sáng tạo nhất về mặt ngôn ngữ của Phao-lô. Phần lớn các lần trong Tân Ước, chữ "thuận phục" (tiếng Hy Lạp: *hypotasso*) có nghĩa là tuân theo thẩm quyền của người khác, nhưng khi ghép nó với "lẫn nhau", *ông khiến sự thuận phục này trở nên hai chiều, nhờ đó chuyển nghĩa của nó từ chấp nhận thẩm quyền của ai đó sang đặt mình vào việc phục vụ họ.* Điều này hoàn toàn phù hợp với những gì Phao-lô đã nói với các Cơ Đốc nhân ở Ê-phê-sô, là những người phải "lấy lòng yêu thương mà nhường nhịn nhau" (4:25); "ở với nhau cách nhân từ, đầy lòng thương xót"; và "tha thứ nhau" (4:32). Lý do Phao-lô đưa ra là chúng ta thuận phục nhau "vì lòng kính sợ Đấng Christ" (5:21) – điều

này chỉ ngược về đầu chương, nơi Đấng Christ được cho thấy là đã đặt chính mình vào việc phục vụ chúng ta: "Đấng Christ đã yêu thương chúng ta và phó chính mình Ngài vì chúng ta, làm của dâng và của lễ có mùi thơm dâng lên Đức Chúa Trời" (5:2).

Những người theo quan điểm bổ sung cứng rắn, vốn giữ Quan điểm 1, phản bác điều này. Cả Wayne Grudem lẫn Kevin De Young đều cố bác bỏ hàm ý hai chiều về sự thuận phục của người chồng đối với vợ bằng cách lập luận rằng cụm từ "lẫn nhau" có thể mang nghĩa "một số người đối với những người khác". Chẳng hạn, Grudem dẫn cách dùng cụm từ này trong câu "người ta sẽ giết lẫn nhau" (Khải Huyền 6:4) và nói rằng nó có nghĩa là "một số người sẽ giết những người khác". Nhưng nếu tác giả sách Khải Huyền chỉ hình dung một số người giết những người khác, mà chính họ không bị giết, thì ông đã chẳng dùng cụm từ ấy chút nào. De Young chỉ đến những bản văn khác có dùng cụm từ "lẫn nhau"[360] mà ông cho là không mang tính hai chiều – thế nhưng khi xem xét kỹ thì chắc chắn chúng mang tính hai chiều, cũng như mọi lần dùng chữ "lẫn nhau" trong phần còn lại của thư Ê-phê-sô, cũng như trong toàn bộ Tân Ước. Nỗ lực của Grudem và De Young nhằm khiến sự thuận phục "lẫn nhau" chỉ chảy theo một chiều (từ người ở dưới quyền lên người có thẩm quyền) đã thất bại. Ngay cả những nhà thần học tiên phong của thuyết bổ sung như George Knight và Tom Schreiner cũng không đồng ý với họ về điểm này.[361]

Thứ hai, Phao-lô nói rõ ông đang nói đến loại thuận phục nào của người vợ. Như tôi vừa nói, có hai loại thuận phục. Có *sự thuận phục tuân lệnh*, là điều một người ở dưới quyền dành cho một thẩm quyền, chẳng hạn như một công

360. Ma-thi-ơ 24:10; Lu-ca 12:1; 1 Cô-rinh-tô 7:5; 11:33

361. Một cách khác mà những người theo quan điểm bổ sung dùng để phản bác là nói rằng nếu sự thuận phục lẫn nhau (trong Ê-phê-sô 5:21) nhằm làm khung cho cả ba cặp quan hệ (chồng – vợ, cha mẹ – con cái, chủ – nô lệ), thì hiển nhiên Phao-lô không thể nào đang làm suy yếu ý niệm lãnh đạo – thuận phục trong hôn nhân, vì cặp thứ hai và thứ ba tự bản chất là theo thứ bậc. Theo cách hiểu của riêng tôi, Ê-phê-sô 5:21 không phải là câu làm khung cho cả ba cặp, mà chỉ là câu chuyển tiếp sang phần mới trong thư của Phao-lô, phần mà Phao-lô áp dụng cụ thể cho quan hệ hôn nhân. Đây là một cách tiếp cận tốt hơn nhiều so với cách của những người theo quan điểm bổ sung như Schreiner và Knight, là những người – dù chấp nhận ý niệm thuận phục lẫn nhau áp dụng cho cả chồng lẫn vợ – lại diễn đạt lại nó một cách kỳ lạ thành "người vợ thuận phục vai trò người vợ thuận phục của mình, còn người chồng thuận phục vai trò người lãnh đạo hy sinh của mình". Thế nhưng rõ ràng Phao-lô không bảo họ thuận phục các vai trò, mà là thuận phục nhau.

dân đối với chính quyền của mình.[362] Rồi có *sự thuận phục phục vụ* – như chúng ta đã thấy, đây là điều Phao-lô muốn nói khi ông nói về sự thuận phục lẫn nhau.[363] Loại thứ nhất chỉ đi theo một chiều và có thể bị đòi hỏi. Loại thứ hai có thể đi theo hai chiều, và luôn luôn là tự nguyện.

Khi Phao-lô bảo những người vợ thuận phục chồng mình, ông đang nói đến loại nào? Khả năng trả lời câu hỏi này của chúng ta bị ảnh hưởng bởi bản dịch mà chúng ta đọc. Hãy mở bất kỳ cuốn Kinh Thánh nào ra, chúng ta sẽ thấy một dấu chấm ở cuối câu 21, rồi một đoạn hoàn toàn mới bắt đầu. Một số bản dịch thậm chí còn chèn một tiêu đề giữa câu 21 và câu 22, chẳng hạn như "*Vợ và chồng*" (ESV). Nhưng việc ngắt đoạn hay chèn tiêu đề này che khuất một điều rất quan trọng: *trong tiếng Hy Lạp, không có dấu chấm nào giữa câu 21 và câu 22*.

Thật ra – và điều này khiến tôi vô cùng kinh ngạc – những bản sao tiếng Hy Lạp cổ nhất mà chúng ta có thậm chí không có chữ "thuận phục" trong câu 22. Câu 22 không có chữ ấy vì nó mượn động từ của câu 21.[364] Bản tiếng Hy Lạp nói theo nghĩa đen là: "thuận phục lẫn nhau trong sự kính sợ Đấng Christ, những người vợ [hãy để ý chữ bị thiếu] đối với chính chồng mình …" *Nói cách khác, khi Phao-lô bảo những người vợ thuận phục chồng mình ở đây, ông đang nói đến chính loại thuận phục mà mọi tín hữu phải dành cho nhau.* Ở đây Phao-lô không bảo những người vợ phải đặc biệt lệ thuộc chồng mình. Đúng hơn, ông nói đến loại thuận phục thứ hai, trong đó người vợ chọn khiêm nhường phục vụ và làm đẹp lòng chồng mình. Ông dùng chữ thuận phục lần cuối cùng trong cùng câu văn ấy để nói về sự thuận phục của Hội Thánh đối với Đấng Christ, và dưới ánh sáng cách dùng chữ "thuận phục" ở câu 21 và

362. Rô-ma 13:1

363. "Vì *hupotassō* mang ý niệm được xếp dưới một người khác, nên nó thích hợp cả cho sự thuận phục đối với các nhà cầm quyền lẫn cho sự thuận phục trong các mối quan hệ cá nhân giữa những người ngang hàng. Trong trường hợp thứ nhất, có một sự xếp hạng khách quan trong một hệ thống thứ bậc: chẳng hạn, các tín hữu ở dưới thẩm quyền của chính quyền dân sự, và vì vậy phải cư xử với sự thuận phục đối với thẩm quyền đó. Trong trường hợp thứ hai, sự xếp hạng là chủ quan: các tín hữu phải tự xếp mình dưới người khác *như thể* trong một hệ thống thứ bậc; nghĩa là họ phải coi người khác quan trọng hơn mình, vì đây là cốt lõi của sự khiêm nhường Cơ Đốc (Rô-ma 12:10; Phi-líp 2:3)." (Andrew Bartlett, Men and Women in Christ, tr. 36)

364. Cynthia Westfall, trong "Paul and Gender" (chương 1), viết: "Ê-phê-sô 5:18-23 là một câu duy nhất trong tiếng Hy Lạp, và những chỉ dẫn cho người vợ ở câu 22 lệ thuộc về mặt ngữ pháp vào sự thuận phục lẫn nhau ở câu 21 vì có hiện tượng tỉnh lược (lược bỏ) động từ 'thuận phục' ở câu 22."

22, chúng ta nên đọc câu ấy như sau: "Như Hội Thánh *khiêm nhường phục vụ và làm đẹp lòng* Đấng Christ trong mọi sự, thì người vợ cũng phải *khiêm nhường phục vụ và làm đẹp lòng* chồng mình trong mọi sự" (câu 24).[365]

Thứ ba, "đầu" (tiếng Hy Lạp: *kephalē*) trong trường hợp này rất có thể không có nghĩa là *thẩm quyền*, mà là *nguồn sự sống*. Trong tiếng Anh hiện đại, "đầu" (head) khi dùng theo nghĩa bóng có nghĩa là thẩm quyền – giám đốc điều hành là "người đứng đầu" công ty; sĩ quan chỉ huy là "người đứng đầu" trung đội. Ngoài ra, khi hình dung một cái đầu thật của một thân thể thật, người hiện đại chúng ta mặc nhiên cho rằng cái đầu, nơi chứa bộ não, vì vậy là trung tâm điều khiển của thân thể. Thông qua hệ thần kinh, nó gửi mệnh lệnh đến thân thể.

Câu hỏi chúng ta phải đặt ra là Phao-lô muốn nói gì khi chọn chữ *kephalē*, và những độc giả đầu tiên của ông đã hiểu nó thế nào. Các học giả theo quan điểm bổ sung lập luận rằng, vì Phao-lô so sánh Đấng Christ là đầu với người chồng là đầu, nên chắc chắn thẩm quyền của người chồng được hàm ý ở đây. Nhưng lập luận này bỏ qua sự thật là khi Phao-lô dùng chữ này như một ẩn dụ, có lẽ đó hoàn toàn không phải là ý ông muốn nói. Đúng vậy, Phao-lô hiểu rằng Chúa Giê-xu Christ có thẩm quyền trên Hội Thánh và trên muôn vật, nhưng khi ông chọn nói về Chúa Giê-xu là *kephalē* của một thân thể, ông thường làm nổi bật một điều có liên quan nhưng không hoàn toàn giống với thẩm quyền. Trong Phụ lục 3: Ý nghĩa của *kephalē* – một phần bạn nhất định phải đọc – tôi giải thích rằng, trái với khẳng định của Grudem, vào thời Phao-lô, chữ này thường không mang nghĩa thẩm quyền.

Phao-lô muốn nói điều gì ở đây trong Ê-phê-sô 5? Manh mối quan trọng nhất là ông dùng chữ này như một phần của một phép so sánh về hôn nhân – mà lại là một sáng tạo văn chương hoàn toàn mới – trong đó *người chồng là đầu của người vợ, là thân thể của mình*. Chữ Hy Lạp có nghĩa là "đầu" chỉ được dùng liên quan đến mối quan hệ nam – nữ đúng hai lần (ở đây và trong 1 Cô-rinh-tô 11:3), và các học giả chia rẽ về ý nghĩa của chữ này trong mỗi trường hợp (dù trong chương 6, tôi trình bày lý lẽ rằng trong 1 Cô-rinh-tô, nó có nghĩa là *nguồn sự sống đáng được tôn trọng*). Chỉ trong Ê-phê-sô 5, chữ này

365. Dường như Phao-lô bảo vệ nghĩa này của chữ "thuận phục" trong thư của ông bằng cách, trong các câu tiếp theo, chọn một chữ khác – "vâng lời" – cho quan hệ cha mẹ – con cái và nô lệ – chủ.

mới được dùng trong ẩn dụ đầu-*và*-*thân*. Vậy Phao-lô có cho chúng ta manh mối nào về điều ông có thể muốn nói qua cụm từ "đầu của người vợ, là thân thể của mình" không?

Có chứ! Cấu trúc câu thực tế trong tiếng Hy Lạp ở câu 23 – đáng tiếc là bị che khuất trong hầu hết các bản dịch – là: "chồng đầu của vợ, … Đấng Christ đầu của Hội Thánh, *chính Ngài là Cứu Chúa của thân thể*." Trong tiếng Hy Lạp, chúng ta thấy Phao-lô muốn nói gì qua chữ "đầu". Ba cụm từ song song này cho thấy Phao-lô dùng "đầu" đồng nghĩa với "Cứu Chúa". Nếu Phao-lô muốn nhấn mạnh thẩm quyền của người chồng, ông đã có thể dùng một trong nhiều chữ Hy Lạp để nói điều đó: *kyrios* (chúa, chủ), *exousia* (thẩm quyền), hay *proestōtes* (quản lý). Thay vào đó, ông chọn ẩn dụ đầu – thân, mà ông so sánh với việc Đấng Christ phó chính mình làm Cứu Chúa (chứ trong trường hợp này không phải là Chúa) của thân thể Ngài. Dĩ nhiên, xét về mặt thần học, Đấng Christ vừa là Cứu Chúa (điều Ngài ban cho chúng ta qua sự phục vụ và chăm sóc) vừa là Chúa (điều Ngài có quyền chính đáng đòi hỏi nơi chúng ta), nhưng *Phao-lô chỉ đưa vào phép so sánh này ý nghĩa Đấng Christ là Cứu Chúa của thân thể Ngài*. Nếu chúng ta còn chưa tin chắc rằng người chồng là đầu ở đây có nghĩa là sự chăm sóc và phục vụ của người chồng, thì ý tưởng về sự chăm sóc và phục vụ được tiếp nối trong các câu tiếp theo, dù hơi bị che khuất bởi cách Phao-lô đan xen thêm một ẩn dụ nữa về cuộc hôn nhân của Đấng Christ với cô dâu của Ngài là Hội Thánh:

Đấng Christ đã phó chính mình vì nàng [cô dâu/thân thể của Ngài] để làm cho nàng [cô dâu/thân thể của Ngài] nên thánh, tẩy sạch nàng [cô dâu/thân thể của Ngài] bằng cách lấy nước rửa qua lời Ngài, và để trình nàng [cô dâu/thân thể của Ngài] cho chính Ngài như một Hội Thánh rực rỡ, không vết, không nhăn, không bất cứ khuyết điểm nào, nhưng thánh sạch và không chỗ trách được. Cũng thế ấy, chồng phải yêu vợ như chính thân thể mình. Ai yêu vợ là yêu chính mình. Vì chẳng hề có ai ghét thân thể mình, nhưng nuôi nấng và chăm sóc nó, như Đấng Christ đối với Hội Thánh.

Bạn thấy chứ? Xuyên suốt phân đoạn này, *Phao-lô nhấn mạnh không phải thẩm quyền mà là sự phục vụ và chăm sóc*. Khi ông nói về người chồng là đầu của người vợ, ông không hàm ý rằng người chồng nên khẳng định thẩm quyền

của mình trên vợ, mà đúng hơn là *người chồng nên phục vụ vợ mình như bất cứ ai trong chúng ta phục vụ chính thân thể mình*.

Sau khi đã khai triển trong các câu 21-30 ẩn dụ ba tầng này (đầu – thân; chồng – vợ; và Đấng Christ – Hội Thánh), Phao-lô lại thêm vào một tầng nữa: sự kết hợp của A-đam và Ê-va trước sự sa ngã – điều này làm cho bức tranh ông đang vẽ thêm phức tạp, nhưng dù vậy vẫn nêu lên một điểm tuyệt vời: "'Vì vậy, người nam sẽ lìa cha mẹ mà gắn bó với vợ mình, và hai người sẽ trở nên một thịt.' Đây là một sự mầu nhiệm lớn – nhưng ta đang nói về Đấng Christ và Hội Thánh." (câu 31). Phép so sánh của Phao-lô, trong đó người chồng là đầu còn người vợ là phần còn lại của thân thể, cho phép Phao-lô đưa chúng ta trở về cuộc hôn nhân đầu tiên giữa A-đam và Ê-va, khi họ lần đầu vui hưởng sự hiệp nhất "một thịt" theo nghĩa ẩn dụ. Như chúng ta đã thấy trong chương 4, sự kết hợp giữa A-đam và Ê-va không xoay quanh thẩm quyền và sự thuận phục, mà là sự thân mật và sự cộng tác đáng được vui mừng. *Vì vậy, khi dùng ẩn dụ đầu – thân, Phao-lô trong Ê-phê-sô 5 làm nổi bật không phải một chuỗi mệnh lệnh mà là một mối dây yêu thương.*

Cho phép tôi đưa ra một nhận định cuối cùng dựa trên cách đọc Ê-phê-sô 5 như lời Đức Chúa Trời kêu gọi người chồng phục vụ (chứ không phải lãnh đạo) vợ mình: *trong phân đoạn này không có một chỉ dẫn nào bảo người chồng lãnh đạo vợ mình* – không có ở đây *và cũng không có ở bất cứ chỗ nào khác trong toàn bộ Kinh Thánh!* Hãy đọc lại câu đó một lần nữa. Đây là điều làm thay đổi hoàn toàn cách giải nghĩa.

Tất cả những điều này đưa chúng ta đến một kết luận lớn lao: có thể *chẳng có gì* trong Ê-phê-sô 5 nói về thẩm quyền của người chồng trên một người vợ ở dưới quyền mình. Đúng hơn, điều Phao-lô làm nổi bật qua những ẩn dụ sống động là chồng và vợ phải hiệp nhất với nhau trong tình yêu, cùng phục vụ và làm đẹp lòng nhau.

Vậy có phải Phao-lô đang bảo chồng và vợ đối xử với nhau theo cùng một cách không?

Vừa đúng vừa không. Đúng, vì cả hai đều được kêu gọi "thuận phục nhau". Và dù ở đây chỉ người chồng được bảo phải "yêu" vợ mình, cả hai đều phải yêu nhau – ở chỗ khác Phao-lô bảo rõ những người vợ phải "yêu chồng

mình".[366] Nhưng cũng không, vì có thể Phao-lô đang nghĩ đến những khuôn mẫu ông đã quan sát thấy trong rất nhiều cuộc hôn nhân trong các Hội Thánh ở thế giới Hy Lạp – La Mã. Chẳng hạn, hãy để ý rằng người chồng được mô tả là *kephalē* hay nguồn sự sống, chứ không được bảo phải trở thành như vậy. Có lẽ Phao-lô đang đề cập đến thực tế là trong thế giới cổ đại, người vợ phần lớn trẻ tuổi hơn và ít học hơn, bị cuốn vào việc nuôi dạy con cái, và vì vậy hoàn toàn phụ thuộc vào sự chăm lo về kinh tế và thể chất của chồng mình. Mô tả một người vợ sống phụ thuộc là một *kephalē* hẳn sẽ chẳng có nghĩa lý gì.

Ngoài ra, nếu những người chồng thời Phao-lô cũng giống như rất nhiều người chồng mà tôi biết ngày nay, thì (tính trung bình) họ ít có khuynh hướng hy sinh mạng sống mình cho người bạn đời hơn so với những người vợ.[367] Vì lý do này, Phao-lô thấy chỉ cần bảo những người vợ thuận phục chồng mình (nghĩa là khiêm nhường phục vụ và làm đẹp lòng chồng), nhưng sau đó ông tiếp tục đẽo gọt tính ích kỷ của người chồng bằng cách nói với anh ta nhiều gấp ba lần – thúc giục anh ta hy sinh như Đấng Christ. Điều này hoàn toàn đúng với tôi: trong hôn nhân của chính tôi, không phải Julie mà chính tôi là người cần được Kinh Thánh thúc giục nhiều nhất, và cần công việc biến đổi không ngừng của Đức Thánh Linh, để hy sinh và khiêm nhường phục vụ và làm đẹp lòng người bạn đời của mình. Tôi nghĩ người bạn của tôi, Andrew Bartlett, đã kết luận đúng: "Phao-lô kêu gọi người chồng đi trước trong sự hy sinh bản thân. Dù điều này không khác về bản chất so với bổn phận Cơ Đốc của người vợ là yêu chồng cách không vị kỷ, nó là một sự gia tăng trách nhiệm yêu thương của người chồng."[368]

Ở câu 33, Phao-lô nài khuyên những người nam đặc biệt phải "yêu" (chứ không phải lãnh đạo) vợ mình, còn những người vợ đặc biệt phải "kính trọng" (chứ không phải lệ thuộc) chồng mình. Tại sao ông bảo những người vợ kính trọng chồng, và những người chồng yêu vợ? Dù hầu hết những người vợ, xưa cũng như nay, đều muốn được kính trọng, và hầu hết những người chồng đều muốn được yêu, có lẽ Phao-lô biết điều gì đó về những nét tâm lý đặc trưng của rất nhiều người nam và người nữ thời ông.

366. Tít 2:4

367. Thậm chí có một lời giải thích về thần kinh học cho khuynh hướng người chồng ích kỷ hơn người vợ – xem www.on.today.com/3CKRlsD

368. Men and Women in Christ, tr. 64

Ngay cả khi mô tả Quan điểm 3 – người chồng là đầy tớ của người ngang hàng với mình – tôi vẫn cảm nhận được sức mạnh của nó. Thành thật mà nói, tôi mong đây là cách giải nghĩa đúng, vì tôi thấy nó thật truyền cảm hứng và đầy thách thức. Nếu tôi thấy cách hiểu của Grudem về người chồng là người ra quyết định hằng ngày là một tin xấu, và cách hiểu của ông bà Keller về người chồng nắm lá phiếu quyết định là khá hơn nhưng vẫn có vấn đề và thiếu nhất quán, thì tôi thấy quan điểm này vừa là tin tốt lành vừa hết sức khả thi.

Dù vậy, nếu trong phân đoạn này Phao-lô thật sự có ý ngụ rằng những người vợ ở Ê-phê-sô phải công nhận một loại thẩm quyền nào đó nơi chồng mình – dù ông cân bằng điều đó bằng cách kêu gọi người chồng hy sinh trong tình yêu – thì sao? Suy cho cùng, bất kỳ sự so sánh nào giữa hôn nhân và cuộc hôn nhân thiên thượng, trong đó chắc chắn có sự khác biệt về địa vị giữa Đức Chúa Trời/Chúa Giê-xu và chúng ta, ít nhất cũng có thể khiến người ta nghĩ đến thứ bậc trong quan hệ hôn nhân. Vì vậy, quyết tâm hiểu đúng phân đoạn này, tôi càng nghiền ngẫm nó nhiều hơn. Tôi tự hỏi liệu mình đã áp dụng *tất cả* những nguyên tắc quan trọng nhất của việc giải nghĩa Kinh Thánh vào công việc này chưa – và rồi nhận ra rằng mình chưa.

QUAN ĐIỂM 4: NGƯỜI CHỒNG LÀ PATERFAMILIAS ĐƯỢC CỨU CHUỘC

Như đã nói trước đây, một trong những sai lầm phổ biến nhất mà chúng ta mắc phải khi cố gắng hiểu và áp dụng Kinh Thánh là tưởng rằng các phần khác nhau của Kinh Thánh được viết trực tiếp cho chúng ta. Nhưng không phải vậy: *có thể chúng được viết vì chúng ta, nhưng không được viết gửi cho chúng ta*. Chỉ khi hiểu hoàn cảnh của những độc giả đầu tiên, và điều họ hẳn đã hiểu qua những lời ấy, thì chúng ta – những người sống trong một hoàn cảnh hay một nền văn hóa rất khác – mới có thể bắt đầu công việc rút ra ý nghĩa cho chính mình từ bản văn. Đáng mừng là trong nhiều hay phần lớn các phân đoạn, hoàn cảnh hiện đại của chúng ta khá tương đồng với hoàn cảnh của những độc giả đầu tiên, khiến việc này trở nên dễ dàng. Nhưng còn khi hoàn cảnh của họ rất, rất khác với hoàn cảnh của chúng ta thì sao?

Cơ Đốc nhân ngày nay bị ngăn cách với những người nghe Kinh Thánh ban đầu bởi một "dòng sông" khác biệt (chẳng hạn: ngôn ngữ, văn hóa, hoàn cảnh). Dòng sông này cản trở chúng ta đi thẳng từ ý nghĩa trong bối cảnh của họ sang ý nghĩa trong bối cảnh của chúng ta. Chắc chắn chúng ta là một phần của cùng một câu chuyện lớn, nhưng vị trí của chúng ta trong câu chuyện thường khác với vị trí của các tổ phụ thuộc linh của chúng ta. Đôi khi dòng sông rộng, đòi hỏi một cây cầu dài để vượt qua. Những lúc khác, nó chỉ là một con lạch hẹp mà chúng ta có thể dễ dàng băng qua. Chúng ta cần biết dòng sông rộng đến đâu trước khi bắt đầu cố gắng xây một cây cầu rút ra nguyên tắc bắc qua nó.[369]

Khi áp dụng chìa khóa giải nghĩa này vào việc nghiên cứu Ê-phê-sô 5, tôi nhận ra sai lầm của mình, và sai lầm của hầu như mọi người mà tôi đã đọc về phân đoạn này: chúng ta cho rằng Ê-phê-sô 5 là một con lạch hẹp mà chúng ta có thể dễ dàng băng qua, trong khi thật ra nó là một dòng sông rộng đòi hỏi một cây cầu dài để vượt qua.

Để tôi giải thích. Chúng ta tưởng rằng các cặp vợ chồng trong Hội Thánh Ê-phê-sô ít nhiều cũng giống các cặp vợ chồng hiện đại. Chúng ta tưởng rằng Phao-lô "nhìn thấy" chúng ta, những cuộc hôn nhân đương thời của chúng ta, và vì vậy viết lá thư này cho chúng ta. Nhưng không, những cuộc hôn nhân ông đề cập là những cuộc hôn nhân trong thế giới Hy Lạp – La Mã thế kỷ 1, rất khác với hôn nhân của chúng ta. Trong thế giới ấy, các gia đình không gồm cha mẹ cùng đi làm, hai đứa con và một con chó với một con mèo. Gia đình phần lớn gồm một người đàn ông, *paterfamilias* (người gia trưởng), là người cai trị vợ mình, con cái mình, và đôi khi cả nô lệ của mình. Do sự dạy dỗ của Aristotle, các gia đình được sắp xếp theo thứ bậc – trong nền văn hóa đó, đây là cách tốt nhất để làm một gia đình. (Chỉ khi không có người đàn ông trưởng thành nào thì người cai trị trong nhà mới là một người phụ nữ.) Tôi cố ý dùng chữ "người cai trị": Aristotle nói, "sự cai trị một gia đình là một chế độ quân chủ"[370] – người chồng và người cha là vua.

Khi tôi nhắc đến con cái và nô lệ trong đoạn trước, có lẽ bạn đã bắt đầu nhận ra điều gì đó, như tôi đã nhận ra. Mối quan hệ chồng – vợ trong Ê-phê-sô 5:22-33 là cặp đầu tiên trong ba cặp quan hệ mà Phao-lô đề cập. Hai cặp tiếp

369. Duvall và Hays, Grasping God's word, chương 13.
370. Aristotle, Politics, 1255b.

theo theo ngay sau: cha mẹ – con cái (6:1-4) và chủ – nô lệ (6:5-9). Điều trước đây tôi không thấy là *Phao-lô đang áp dụng Tin Lành cho những gia đình thời cổ được phân tầng này*, gồm một hệ thống thứ bậc của đàn ông, phụ nữ, trẻ em và nô lệ. Người chồng có những quyền, đặc quyền và tự do mà người vợ không được hưởng,[371] nắm giữ quyền lực và mang lại phần lớn thu nhập. Thông thường, phụ nữ không thể sở hữu tài sản và điều hành công việc làm ăn, cũng không thể thực hiện các giao dịch pháp lý hay tài chính nếu không có một người đàn ông đứng ra thay mặt.

Trong xã hội vùng Địa Trung Hải, độ tuổi trung bình của người đàn ông khi kết hôn là ba mươi, còn của người phụ nữ là mười tám hoặc trẻ hơn. Khi kết hôn, người đàn ông đã là một người từng trải, biết cách sống trong xã hội. Anh ta là người có thể hoạt động trong đời sống xã hội và kinh tế. Khi kết hôn, người phụ nữ vẫn còn là một cô gái chưa bao giờ được phép ra mở cửa khi có tiếng gõ ở cửa trước nhà mình. Một người phụ nữ điển hình sinh một đứa con khoảng hai năm hay ba mươi tháng một lần trong suốt những năm có thể sinh nở. Cô luôn luôn "chân đất và bụng mang dạ chửa" và ở nhà. Cô sinh một đứa con ngay khi đứa trước vừa dứt sữa.[372]

Phần lớn phụ nữ không được học hành ngoại trừ những bổn phận trong nhà. Họ hoàn toàn phụ thuộc vào, và suốt đời bị đặt *dưới*, một người đàn ông – cha, hoặc có thể một người giám hộ, rồi đến chồng. Sự lệ thuộc là chuẩn mực đối với con cái, nô lệ *và vợ*. Trong bối cảnh và nền văn hóa này, *paterfamilias* phải là người nắm quyền kiểm soát, không khiêm nhường phục vụ bất cứ ai, nhất là những người dưới quyền mình, là những người thật ra phải phục vụ *paterfamilias*. Đây là ý tưởng của Aristotle: "[N]gười nam tự bản chất thích hợp với việc chỉ huy hơn người nữ … [S]ự bất bình đẳng là vĩnh viễn. … Lòng can đảm của người nam được thể hiện trong việc chỉ huy, của người nữ trong việc vâng lời."[373]

371. Tôi cũng giả định rằng: "Trong cả bối cảnh Hy Lạp lẫn La Mã, nô lệ về mặt pháp lý không thể kết hôn. Vì vậy, những lời Phao-lô nói về cách cư xử của vợ và chồng trong Ê-phê-sô 5 chủ yếu nhắm đến những người tự do, đặc biệt là tầng lớp xã hội đứng đầu những gia đình có nô lệ." (Andrew Bartlett, Men and Women in Christ, tr. 66)
372. David Scholer, Journal of the Evangelical Theological Society 30, December 1987, tr. 416. www.bit.ly/3bDKpl9
373. Aristotle, Politics, 1259a.

Bây giờ hãy để ý điều này: Phao-lô không tạo ra một cấu trúc gia đình trong đó người đàn ông lớn nhất cai trị mọi người khác, cũng như ông không tạo ra cấu trúc chính quyền trong đó Sê-sa là chúa tể của Đế quốc La Mã. Ông chỉ đang nói vào cấu trúc ấy, cố gắng *làm việc bên trong những cấu trúc xã hội hiện có bằng cách tìm cách cứu chuộc chúng, chứ không nhất thiết bằng cách cố lật đổ chúng*. Như bất kỳ nhà truyền giáo giỏi nào ngày nay sẽ làm khi bước vào một nền văn hóa mới, Phao-lô thích ứng với những gì ông có thể, dù ông không nhất thiết tán thành điều đó như là lý tưởng.

KHI TIN LÀNH GẶP GIA ĐÌNH THỜI CỔ

Nếu bạn là sứ đồ Phao-lô trong bối cảnh đó, bạn sẽ chăm sóc mục vụ những gia đình theo thứ bậc này trong Hội Thánh mình như thế nào? Chúng ta hãy quan sát ba cách Phao-lô chăm sóc mục vụ các gia đình ở Ê-phê-sô trong bối cảnh của họ.

Thứ nhất, ông nhấn chìm mọi mối quan hệ trong gia đình vào Tin Lành. Phao-lô hướng dẫn người vợ và người chồng đối xử với nhau "vì lòng kính sợ Đấng Christ", và nhúng mọi chỉ dẫn vào những lời lẽ liên quan đến Đấng Christ: "như thuận phục Chúa", "như Đấng Christ", "đối với Đấng Christ", "như Đấng Christ đã", và "ta nói về Đấng Christ". Ông tiếp tục cùng cách tiếp cận đó khi giúp cha mẹ và con cái, chủ và nô lệ hình dung lại cách họ đối xử với nhau. Dường như cứ mỗi chữ thứ hai là "Đấng Christ" hay "Chúa". Phao-lô khéo léo cố gắng giúp mọi người – vợ và chồng, con cái và cha mẹ, nô lệ và chủ – nhìn cách họ đối xử với người kia như là kết quả tự nhiên của mối quan hệ của họ với Đấng Christ.

Thứ hai, Phao-lô đặc biệt làm suy yếu lối hành xử vị kỷ và áp chế vốn rất phổ biến nơi *paterfamilias*. Trong các bộ quy tắc thời cổ quy định các vai trò trong gia đình, *paterfamilias* được bảo phải cai trị, còn tất cả những người còn lại được bảo phải lệ thuộc. Phần lớn trọng tâm của những bộ quy tắc ấy dồn vào những người ở dưới quyền, là những người cần phải chấn chỉnh mình. Nhưng "bộ quy tắc" được nâng cấp của Phao-lô làm một điều chưa từng có trước đó: trong mỗi cặp quan hệ, ông dành phần lớn sự chú ý để bảo người chồng/cha mẹ/chủ (cả ba đều là cùng một người đàn ông!) phải chấn chỉnh

chính họ. Mặc định rằng *paterfamilias* đã cai trị nhờ nền văn hóa của họ, ông bảo người ấy giờ đây hãy hy sinh mạng sống mình vì vợ, đừng chọc giận con cái, và đừng đe dọa nô lệ của mình. Vào thời ấy, đây hẳn là một thách thức hoàn toàn mang tính đột phá. Trong một nền văn hóa trao cho người chồng quyền sinh sát đối với vợ mình, Phao-lô bảo người chồng hãy buông bỏ quyền lực của mình, thậm chí chết nếu cần, để vợ mình có thể phát triển.

Thứ ba, Phao-lô dùng Tin Lành để làm mềm và định dạng lại sự lệ thuộc của vợ, con cái và nô lệ đối với *paterfamilias*. Không gợi ý rằng họ trở nên bất tuân, ông gợi ý loại lệ thuộc mà Tin Lành có thể tạo ra *trong hoàn cảnh của họ*. Như chúng ta đã thấy, đối với người vợ, điều này có nghĩa là cô không chỉ miễn cưỡng đặt mình dưới thẩm quyền của chồng, mà đúng hơn là khiêm nhường phục vụ và làm đẹp lòng chồng, cũng như cô khiêm nhường phục vụ và làm đẹp lòng Đấng Christ.

Sự dạy dỗ của Phao-lô đã tạo nên những điều kỳ diệu.

Bằng cách liên tục nhắm vào *paterfamilias*, rồi nói thật dịu dàng với những người yếu thế nhất trong một xã hội phụ quyền – những người vợ, con cái, nô lệ – Phao-lô đã giúp Hội Thánh ban đầu thu hút từng đoàn người yếu thế. Nhà phê bình ngoại giáo Celsus vào thế kỷ 2 đã chế giễu Hội Thánh, nói rằng "Cơ Đốc giáo là một tôn giáo dành cho đàn bà, trẻ con và nô lệ".[374]

Cách Phao-lô diễn giải lại sự vận hành của các mối quan hệ trong gia đình là điều chưa từng nghe thấy trong nền văn hóa ấy. *Trong tất cả những điều này, ông không xóa bỏ hệ thống thứ bậc thời cổ – nhưng ông cũng không tìm cách duy trì nó như một lý tưởng thiêng liêng nào đó.* Nếu có, thì ông làm nó lung lay theo cách mà không chỉ toàn bộ cấu trúc được nhúng vào Tin Lành, mà rốt cuộc nó sẽ tan biến trong Tin Lành; như điều đã xảy ra vào thời chúng ta.

Tuy nhiên, vào thời ấy, chẳng có người ngoại giáo nào trong thế giới cổ đại nhìn vào một gia đình Cơ Đốc mà có khả năng nghĩ rằng Phao-lô đang cố lật đổ luật pháp La Mã, hay thiết lập những gia đình theo cấu trúc phẳng, theo quan điểm bình đẳng. Điều họ sẽ nhận thấy nơi *paterfamilias* đã được cứu chuộc là cách khác thường mà người ấy dịu dàng chăm sóc và hy sinh cho

374. Celsus là một nhà phê bình ngoại giáo sống vào thế kỷ 2. Câu trích dẫn này lấy từ Ross Shepherd Kraemer trong "Her Share of the Blessings" (tr. 128).

những người mình dẫn dắt, và niềm vui nơi vợ, con cái và nô lệ của người ấy.

Vậy, trái với Quan điểm 3, vốn cho rằng Phao-lô đang dạy một thuyết bình đẳng không pha trộn, quan điểm này cho rằng khi Phao-lô gọi người chồng là đầu, rất có thể ông hàm ý rằng người chồng có thẩm quyền trên người vợ như một chuẩn mực văn hóa. Và khi ông ví mối quan hệ chồng – vợ với mối quan hệ Đấng Christ – Hội Thánh, có thể ông đang dựa vào thực tế là một bên "nắm quyền" đối với bên kia. Tuy nhiên, *dù ông mặc nhiên cho rằng paterfamilias là người nắm quyền, chắc chắn ông không quy định điều đó như một "vai trò" hay địa vị nào đó mà người chồng phải có trên vợ mình cho mọi thời đại và trong mọi nền văn hóa.* Không hề lý tưởng hóa quyền lực văn hóa của người đàn ông trên người phụ nữ, ông cố gắng cứu chuộc quyền lực ấy bằng Tin Lành.

Phản biện lập luận của John Piper

Một số người theo quan điểm bổ sung đưa ra lập luận phản bác rằng, nếu chúng ta chấp nhận rằng Phao-lô vừa thừa nhận thẩm quyền của người chồng vừa liên hệ nó với mối quan hệ của Đấng Christ với Hội Thánh, thì thật ra ông đã lý tưởng hóa và bất tử hóa mô hình lãnh đạo – thuận phục giữa chồng và vợ. Piper nói (và viết cả một cuốn sách để nói) rằng cuộc hôn nhân Cơ Đốc đã được cứu chuộc nhưng vẫn theo thứ bậc bày tỏ Tin Lành cho thế giới. Ông nói: "Sự lãnh đạo đầy yêu thương của người chồng đối với người vợ thuận phục và nương tựa nơi mình là một hình ảnh của Đấng Christ và Hội Thánh. Nếu người chồng đánh mất sự lãnh đạo, thì nó không còn là hình ảnh đó nữa."[375]

Lập luận của ông sai ở ba điểm. Thứ nhất, Phao-lô nói một điều tương tự về chế độ nô lệ trong gia đình khi ông bảo nô lệ vâng lời chủ mình như cách họ vâng lời Đấng Christ là Chủ của họ. Theo lý lẽ của Piper, Đức Chúa Trời đã tạo ra quan hệ chủ – nô lệ để bày tỏ cho thế giới thấy "vẻ đẹp" của thân phận tôi tớ của chúng ta đối với Chúa Giê-xu là Chủ của chúng ta. Không! Trong

375. Xem John Piper, Momentary Marriage, chương 6-8

cả hai trường hợp, Phao-lô đang áp dụng Tin Lành cho một hoàn cảnh có thật nhưng không nhất thiết là lý tưởng.

Thứ hai, không phải thứ bậc trong một cuộc hôn nhân bày tỏ Tin Lành, mà là sự cứu chuộc một cuộc hôn nhân như thế mới bày tỏ Tin Lành. Điều Phao-lô nhấn mạnh trong phân đoạn này không phải là thứ bậc, mà là sự phục vụ của người chồng đối với vợ mình, người cũng thuận phục anh cách hỗ tương, người mà anh vui hưởng một mối quan hệ thân mật. Chắc chắn điều này còn có thể thể hiện rõ hơn trong một cuộc hôn nhân tương hỗ so với một cuộc hôn nhân được phân tầng? Như đã chỉ ra trong Quan điểm 3, Phao-lô xác định rõ cách ông dùng chữ *kephalē* bằng cách nhấn mạnh Chúa Giê-xu là Cứu Chúa và Đấng nuôi dưỡng Hội Thánh, chứ không phải là Chúa cai trị trên Hội Thánh.

Thứ ba, không cuộc hôn nhân theo thứ bậc nào có thể đủ thứ bậc, nếu chúng ta cho rằng điều Đức Chúa Trời muốn bày tỏ cho một thế giới đang quan sát qua các cuộc hôn nhân là quyền làm Chúa của Chúa Giê-xu trên Hội Thánh Ngài. Chúa Giê-xu là Chúa của Hội Thánh Ngài, trong khi người chồng chắc chắn không phải là chúa của vợ mình.

Gác những điểm yếu trong lập luận của Piper sang một bên, *tôi đồng ý với ông rằng hôn nhân Cơ Đốc nhằm bày tỏ một điều gì đó của Tin Lành*. Điều một cuộc hôn nhân Cơ Đốc có thể làm thật tốt chính là điều một cộng đồng Cơ Đốc có thể làm: nó có thể cho thế giới thấy chúng ta là môn đồ của Chúa Giê-xu qua việc yêu nhau cách hy sinh như Ngài đã yêu chúng ta. Hôn nhân tương hỗ cũng có thể làm điều này tốt như, nếu không nói là tốt hơn, hôn nhân được phân tầng. Điều khác mà một cuộc hôn nhân Cơ Đốc có thể làm tốt là phản chiếu sự hiệp nhất vĩnh viễn và thân mật mà chúng ta có với Đấng Christ. Phép so sánh đầu-và-thân, điều mà sau đó Phao-lô gọi là "một thịt", chỉ về một mối dây yêu thương sâu sắc được giao ước ràng buộc, và một sự gắn kết sống còn và hữu cơ. Ngược lại, việc hình dung một người lãnh đạo ly dị người đi theo mình không đến nỗi quá khó chịu, nhưng hình dung một cái đầu bị chặt lìa khỏi thân thể thì thật vô cùng kinh khủng.

CHÚNG TA SAI Ở ĐÂU VỚI Ê-PHÊ-SÔ 5

Trong cuốn sách 800 trang của mình, Grudem dũng cảm lập luận cho sự lệ thuộc của người vợ trong hôn nhân, nhưng không lúc nào ông thừa nhận khoảng cách mênh mông giữa hôn nhân thế kỷ 1 và hôn nhân của chúng ta.[376] Tương tự, trong nghiên cứu chi tiết về Ê-phê-sô 5, ông bà Keller cũng không ở đâu chú ý đến điều này, hay tìm hiểu hoàn cảnh hôn nhân thời cổ. Thậm chí không một lần nào. Đây là một sai lầm: họ coi là một dòng sông hẹp điều thật ra là một dòng sông rộng.

Phao-lô không cố bất tử hóa cấu trúc gia đình thời cổ. Đúng hơn, ông áp dụng Tin Lành cho một hoàn cảnh văn hóa đặc thù, rất khác với hoàn cảnh của chúng ta. Phao-lô không nói với thế giới của tôi, nơi phần lớn phụ nữ trưởng thành được học hành ngang với đàn ông, kiểm soát được việc sinh sản của mình, độc lập về tài chính, và không có nhu cầu xã hội phải có một người đàn ông đứng trên mình. Tất cả những điều này tạo nên một kiểu hôn nhân khác.

Câu hỏi tiếp theo là: giờ đây khi chúng ta biết có một dòng sông rất rộng giữa hoàn cảnh của họ và hoàn cảnh của chúng ta, thì chúng ta "xây một cây cầu rút ra nguyên tắc" như thế nào? Hay nói cách khác, Phao-lô sẽ nói gì với những cuộc hôn nhân trong xã hội đương thời, không còn được phân tầng nữa mà là bình đẳng? Tôi đề nghị như sau:

Ông sẽ bảo chúng ta giữ Đấng Christ làm trung tâm của hôn nhân. Cách chúng ta "nhìn" nhau, đối xử với nhau, hợp tác với nhau và tôn trọng nhau nên được định hình bởi mối quan hệ ưu tiên của chúng ta với Đấng Christ. Chúng ta nên thuận phục lẫn nhau, từ bỏ sự độc lập và tính ích kỷ của mình, và tìm kiếm một mối quan hệ thân mật "một thịt" như mối quan hệ được làm mẫu trong vườn Ê-đen trước sự sa ngã. Nếu chúng ta có thể giả định rằng đàn ông, tính trung bình, độc lập hơn và vì vậy hướng về bản thân nhiều hơn phụ nữ, còn phụ nữ, tính trung bình, sống tương thuộc hơn và vì vậy hướng về người khác nhiều hơn đàn ông, thì bằng mọi cách, những người chồng

376. Grudem chỉ dùng chữ paterfamilias đúng một lần, trong chú thích 102 của chương 7, nơi một tác giả khác lập luận về tầm quan trọng của thành viên lớn nhất trong gia đình.

như tôi nên đặc biệt suy ngẫm về tình yêu hy sinh của Đấng Christ dành cho Hội Thánh, điều đem lại sự phát triển rực rỡ cho cô dâu của Ngài.

Tuy nhiên, giờ đây khi tôi hiểu được khoảng cách giữa bối cảnh thời cổ và bối cảnh của chúng ta, tôi đơn giản là không thể hình dung Phao-lô đến với một cuộc hôn nhân hiện đại bình thường – nơi vợ chồng gần tuổi nhau hơn, học vấn ngang nhau, cả hai có thể cùng đi làm và cố gắng nuôi dạy con cái – rồi nói với cặp vợ chồng ấy: "Làm tốt lắm về mọi sự cộng tác. Hãy cứ tiếp tục như thế! Nhưng tôi muốn khẳng định rằng người chồng phải là người lãnh đạo, còn người vợ phải lệ thuộc chồng." Làm sao Phao-lô có thể làm thế khi ông dạy rằng lý tưởng sáng tạo cho hôn nhân là một mối quan hệ một thịt, một sự cộng tác trọn vẹn, như trong cuộc hôn nhân ban đầu của A-đam và Ê-va?

Đó không chỉ là ý kiến của riêng tôi. Đây là một quan điểm được chấp nhận rộng rãi, thật ra là quan điểm của đa số Cơ Đốc nhân: Giáo hoàng Gioan Phaolô II, trong *Mulieris Dignitatem*, một thông điệp có tính ràng buộc đối với mọi người Công giáo, nói rằng thẩm quyền của người chồng trên vợ là sự phản ánh điều "cũ"; nó nói lên một lối suy nghĩ "bắt rễ sâu trong phong tục và truyền thống tôn giáo của thời ấy". Điều "mới" và là "một sự đổi mới của Tin Lành" là "sự thuận phục không phải một chiều mà là hỗ tương".[377] Nếu một trong những hệ phái cứng nhắc nhất về giáo lý trên thế giới có thể cải thiện giáo lý của mình như vậy, thì phần còn lại chúng ta nên lưu ý.

Dĩ nhiên, trên thế giới vẫn còn những nền văn hóa nơi đàn ông cai trị. Đối với họ, sự dạy dỗ của Phao-lô có thể vừa khít như găng tay. Trong các xã hội phụ quyền, người chồng thường có quyền lực xã hội, trí thức, chính trị và tài chính lớn hơn nhiều so với phụ nữ. Vậy thì người chồng nên dùng quyền lực ấy cách hy sinh bản thân để làm lợi cho vợ mình, như Đấng Christ dùng quyền năng vượt trội của Ngài vì Hội Thánh. Tuy nhiên, nếu hàng ngàn người chồng trong các nền văn hóa phụ quyền thật lòng làm điều này đủ lâu, thì rốt cuộc phụ nữ và những người vợ sẽ vươn lên trong quyền lực xã hội và trí thức của chính họ, và được trang bị tốt hơn để trở thành những người cộng sự ngang hàng với chồng mình. Đó chính là nơi cuộc tìm hiểu của tôi đã dẫn tôi đến. Quan điểm 4 – người chồng là một *paterfamilias* được cứu chuộc

377. John Paul II, Mulieris Dignitatem, tr. 88.

– khi được áp dụng cho những nền văn hóa nơi hôn nhân được phân tầng, rốt cuộc sẽ dẫn nền văn hóa ấy đến chỗ biến đổi và tạo điều kiện cho kiểu hôn nhân theo Quan điểm 3, như điều đã xảy ra ở những vùng đất từ lâu thấm nhuần Cơ Đốc giáo.

Thật ra, giá như chúng ta chỉ cần mở rộng phạm vi các bản văn Kinh Thánh về hôn nhân mà chúng ta thường chọn để nghiên cứu trong cả Cựu Ước lẫn Tân Ước, thì sự ưu tiên của Đức Chúa Trời dành cho hôn nhân tương hỗ lẽ ra đã đủ rõ ràng từ lâu.

NHỮNG NGƯỜI VỢ CHỈ DẪN CHỒNG MÌNH

Ghi nhớ rằng mọi cuộc hôn nhân được nhắc đến trong Cựu Ước đều diễn ra trong một bối cảnh phụ quyền, chúng ta có thể an tâm suy ra rằng giả định văn hóa là người vợ lệ thuộc chồng mình. Vậy mà, đáng chú ý thay, ngoài lời Đức Chúa Trời báo trước rằng "A-đam sẽ cai trị Ê-va", *không có một mệnh lệnh nào bảo người vợ phải thuận phục chồng mình*, dù trong luật pháp Môi-se hay trên môi miệng các tiên tri.

Thật ra, khi xem xét những lát cắt nhỏ mà chúng ta có về động lực quyền lực giữa các cặp vợ chồng trong Cựu Ước, chúng ta thấy hết lần này đến lần khác những người vợ chỉ dẫn chồng mình! Tại nhiều ngã rẽ trong đời mình, tôi đã cầu xin Đức Chúa Trời ban sự khôn ngoan, và lắng tai hướng về trời để nghe điều Ngài có thể phán với tôi. Và nhiều lần, tôi đã nghe Ngài phán với tôi chính những lời Ngài từng phán với Áp-ra-ham: "Hãy nghe theo mọi điều [vợ ngươi] nói với ngươi."[378] Thật là một lời khuyên tuyệt vời. *Tôi biết rõ điều đó; những người vợ rất thường nghe tiếng Đức Chúa Trời trước.*

Chẳng phải đó là điều đã xảy ra với mẹ của Sam-sôn sao? Trong một nền văn hóa mà việc một người đàn ông trực tiếp đến gần vợ của người khác là không thích hợp, một thiên sứ mang hình dạng một người đàn ông và báo cho một người phụ nữ hiếm muộn rằng bà sẽ có một đứa con được Thánh Linh xức dầu. Sau đó người vợ gọi chồng mình đến: "Người đàn bà vội chạy báo cho chồng mình rằng: 'Người ấy ở đây! Người đã hiện đến cùng tôi hôm

378. Sáng Thế Ký 21:12

nọ!'" Hãy để ý kỹ những lời tiếp theo: "[Ông] đứng dậy, đi theo vợ mình." Có lẽ không mấy vui khi một người lạ vi phạm các chuẩn mực phụ quyền, ông hỏi: "Có phải ông là người đã nói với vợ tôi chăng?"[379] Thật ra, câu chuyện này báo trước một sự ra đời còn hệ trọng hơn, trong đó, hơn một ngàn năm sau, một thiên sứ đến với Ma-ri trước để báo cho bà cùng một tin như thế,[380] và chỉ sau đó mới báo cho chồng bà.[381] Trong cả hai trường hợp, người vợ là người đầu tiên nghe tiếng Đức Chúa Trời về một vấn đề, còn người chồng chỉ sau đó mới theo kịp (tức là theo kịp tốc độ của vợ mình). Nếu có bất kỳ loại "trật tự sáng tạo" nào (mà không có), thì Đức Chúa Trời dường như chẳng hề để ý đến nó.

Rồi có người đàn bà Su-nem, là người chủ động tiếp đãi tiên tri Ê-li-sê. Bà nói với chồng mình: "Tôi biết người hay đi qua nhà chúng ta là một người thánh của Đức Chúa Trời. Chúng ta hãy làm cho người một phòng nhỏ trên mái nhà, để trong đó một cái giường, một cái bàn, một cái ghế và một cái đèn cho người. Như vậy, mỗi khi người đến nhà chúng ta, người có thể ở lại đó."[382] Một lần nữa, người chồng lập tức làm theo lời vợ, theo bản năng tin cậy sự phân định thuộc linh của bà về việc này.

Ở đây cần có một nhận xét ngắn: dù cách áp dụng hết sức phổ biến là hiểu câu "chồng là *kephalē* của vợ" theo nghĩa "người chồng phải là người lãnh đạo thuộc linh của gia đình", tôi rất tiếc phải báo cho bạn biết rằng ý tưởng đó không được Kinh Thánh quy định. Có thể bạn cần vứt bỏ những ghi chép bạn từng ghi về chuyện người chồng (chứ không phải người vợ) phải khởi xướng sự cầu nguyện, hay kêu gọi giờ thờ phượng gia đình, hay chọn Hội Thánh nào để cặp vợ chồng hoặc gia đình tham dự. Không hề làm giảm đi chút nào tầm quan trọng của sự chủ động mà một người chồng hay một người cha có thể đảm nhận vì sức khỏe thuộc linh của gia đình mình, nhưng một ý tưởng tốt hơn là *cả* chồng lẫn vợ đều làm hết sức mình: như một đội và như từng cá nhân, để tìm kiếm Đức Chúa Trời; để chọn và gắn bó với một Hội Thánh; và để theo đuổi sự phát triển thuộc linh của những người khác trong gia đình. Để trả lời những sự dạy dỗ cho rằng người chồng phải là mục

379. Các Quan Xét 13:10-11
380. Lu-ca 1:26-38
381. Ma-thi-ơ 1:18-21
382. 2 Các Vua 4:8-10

sư của những người còn lại trong gia đình, tôi đề nghị rằng chồng và vợ nên là ban lãnh đạo mục vụ của gia đình.

Một người vợ nữa dường như thách thức các chuẩn mực phụ quyền (dù bà vẫn phải xoay xở trong thực tế của một nền văn hóa lấy đàn ông làm trung tâm) là A-bi-ga-in. Na-banh, người chồng rất giàu có của bà, là người "cứng cỏi và độc ác trong cách cư xử".[383] Khi Đa-vít và đội quân của ông, đang trên đường lẩn trốn và đói khát, xin một ít thức ăn, Na-banh lạnh lùng chế nhạo và từ chối lời xin của họ. Đa-vít, cảm thấy bị khinh miệt và rất tức giận, lên kế hoạch giết Na-banh và tất cả những người đàn ông trong nhà ông ta – không phải là một phản ứng giống Đấng Christ cho lắm.

A-bi-ga-in ngăn chặn cuộc đổ máu bằng cách không vâng lời chồng và không cho chồng biết tin bà nghe được về ý định giết người của Đa-vít. Bà chất thức ăn lên lưng lừa, cưỡi đi gặp Đa-vít, và khôn khéo xoa dịu cái tôi bị xúc phạm của Đa-vít bằng cách nói: "Xin *chúa tôi* chớ để ý đến người hung ác kia là Na-banh. Tên hắn thế nào thì người hắn thế ấy – tên hắn có nghĩa là Kẻ Ngu Dại."[384] Ngay khi vạch rõ người chồng tồi tệ của mình là người thế nào, bà khơi dậy điều tốt đẹp nhất nơi Đa-vít và nài xin lòng thương xót. Đa-vít quyết định buông vũ khí.

Khi A-bi-ga-in trở về nhà và kể cho Na-banh việc bà đã đảo ngược quyết định của ông và việc Đa-vít tha mạng cho ông, tim ông suy sụp và mười ngày sau ông chết. Khi Đa-vít sai người đến đón bà về làm vợ thứ ba của mình, bà cúi lạy và nói: "Tôi là tớ gái của ngài, sẵn sàng phục vụ ngài và rửa chân cho các đầy tớ của chúa tôi."

Đó là một câu chuyện kỳ lạ đến khó tin, nhưng hãy để ý rằng không có điều gì trong đó cho thấy Đức Chúa Trời tán thành việc bà gọi cả Na-banh lẫn Đa-vít là "chúa" của mình. Dù cả hai người đàn ông đều chấp nhận danh xưng ấy không chút ngần ngại, rõ ràng đây là một người phụ nữ đã học cách *sống sót* trong chế độ phụ quyền bằng cách thích nghi với nó. Đôi khi điều này thậm chí có nghĩa là không vâng lời "thẩm quyền nam giới" của mình – điều mà phân đoạn này khen ngợi. Nếu có, thì chúng ta thấy ở đây một tấm gương về một người phụ nữ mà trong một nền văn hóa công bằng hơn có lẽ

383. 1 Sa-mu-ên 25:3
384. 1 Sa-mu-ên 25:25

đã phát triển rực rỡ như một nhà lãnh đạo. Điều thu hút Đa-vít đến với bà không chỉ là vẻ đẹp của bà, mà còn là khả năng chiến lược và tài ngoại giao khéo léo, nhờ đó bà nhanh chóng ngăn chặn một cuộc đổ máu vô ích.

Tất cả những điều đó để nói rằng: *các câu chuyện trong Cựu Ước không ủng hộ thẩm quyền của người chồng trên vợ mình như là chuẩn mực mà Đức Chúa Trời ưa thích*.

HÔN NHÂN TƯƠNG HỖ TRONG 1 CÔ-RINH-TÔ 7

Nhã Ca là phần dài nhất của Kinh Thánh khám phá động lực bên trong của sự kết hợp đầy trìu mến, lãng mạn và tình dục của một đôi vợ chồng. Trong sách này, hoàn toàn không có dấu hiệu nào của mô hình thẩm quyền – thuận phục giữa nam và nữ. Trong sự lãng mạn và tình dục, cả hai đều chủ động và cả hai đều nhường; cả hai đều cho và cả hai đều nhận. Sách thơ này không chỉ gợi lại niềm vui thích của A-đam và Ê-va chưa sa ngã khi trần truồng bên nhau như những người ngang hàng; nó còn có một sự song hành trong Tân Ước.

1 Cô-rinh-tô 7 cho đến nay là *phân đoạn dài nhất của Phao-lô về hôn nhân*. Thế nhưng trong những chỉ dẫn của ông về tình dục, sự phục vụ và sự ly thân trong hôn nhân Cơ Đốc, Phao-lô không hề gợi ý dù chỉ một chút rằng hôn nhân Cơ Đốc là bất cứ điều gì khác hơn một sự cộng tác hỗ tương và yêu thương giữa những người ngang hàng. Thật ra, *đây là chương duy nhất trong Kinh Thánh đề cập rõ ràng đến vấn đề thẩm quyền trong hôn nhân, và tình cờ thay, thẩm quyền ấy được trao cho cả vợ lẫn chồng*.

Cho phép tôi trích ra một vài câu[385] nhấn mạnh tình yêu hỗ tương và thẩm quyền hỗ tương mà Đức Chúa Trời hình dung cho hôn nhân của chúng ta:

[M]ỗi người nam hãy quan hệ vợ chồng với vợ mình, và mỗi người nữ với chồng mình (câu 2).

Chồng hãy làm tròn bổn phận vợ chồng đối với vợ, và vợ đối với chồng cũng vậy (câu 3).

385. Theo bản NRSV (bản dịch Kinh Thánh tiếng Anh)

Vợ không có thẩm quyền trên thân thể mình, nhưng nhường thẩm quyền ấy cho chồng. Cũng vậy, chồng không có thẩm quyền trên thân thể mình, nhưng nhường thẩm quyền ấy cho vợ (câu 4).

Đừng từ chối nhau, trừ phi có thể là do hai bên cùng đồng ý và trong một thời gian (câu 5).

Vợ không được lìa chồng. … Và chồng không được ly dị vợ (câu 10-11).

Nếu người anh em nào có vợ không tin Chúa và người vợ ấy bằng lòng sống với anh, thì anh không được ly dị vợ. Và nếu người phụ nữ nào có chồng không tin Chúa và người chồng ấy bằng lòng sống với chị, thì chị không được ly dị chồng (câu 12-13).

[N]gười chồng không tin Chúa đã được nên thánh nhờ vợ mình, và người vợ không tin Chúa đã được nên thánh nhờ người chồng tin Chúa của mình (câu 14).

[N]ếu người không tin Chúa muốn lìa đi, thì hãy để họ đi. Trong những trường hợp như vậy, người anh em hay người chị em không còn bị ràng buộc (câu 15).

Hỡi người làm vợ, sao chị biết mình sẽ cứu được chồng? Hay hỡi người làm chồng, sao anh biết mình sẽ cứu được vợ? (câu 16).

Nhưng nếu anh [người nam] có lấy vợ, anh chẳng phạm tội gì; và nếu người trinh nữ lấy chồng, cô cũng chẳng phạm tội gì (câu 28).

Người nam không có vợ thì lo việc Chúa … Người nữ không có chồng hay người trinh nữ thì lo việc Chúa (câu 32, 34b).

[N]gười nam có vợ thì lo việc đời này. … người nữ có chồng thì lo việc đời này (câu 33-34a).

Chúng ta học được gì về kế hoạch của Đức Chúa Trời cho hôn nhân trong 1 Cô-rinh-tô 7? Richard Hays nói: "Những câu trả lời của Phao-lô … hẳn đã khiến người nghe thế kỷ 1 thấy thật phi thường. Hai người phối ngẫu không bị đặt vào một mối quan hệ theo thứ bậc trong đó người này ở trên người kia, cũng không bị tách riêng như những đơn vị tự trị, mỗi người làm điều mình

muốn. Thay vào đó, mối quan hệ hôn nhân là một mối quan hệ thuận phục lẫn nhau, mỗi người [thuộc về] người kia."[386]

Khi lần đầu tiên dạy người ta cách chọn người bạn đời, tôi đề nghị chúng ta để *Đức Chúa Trời* chọn thay cho mình. Rồi một ngày kia, khi đọc 1 Cô-rinh-tô 7, tôi chợt nhận ra mình vừa đọc sự dạy dỗ rõ ràng duy nhất về đề tài này trong Tân Ước: "nàng được tự do lấy người nào mình muốn, miễn là người ấy thuộc về Chúa" (câu 39). Bài học là gì? *Chúng ta* phải chọn, và chọn cách khôn ngoan. Giờ đây, khi đọc lại 1 Cô-rinh-tô 7, tôi vừa có một khoảnh khắc *à há* tương tự: câu duy nhất trong toàn bộ Tân Ước nói về cách các cặp vợ chồng phải đưa ra những quyết định quan trọng (chẳng hạn khi nào gần gũi vợ chồng, và khi nào cùng nhau tìm kiếm Đức Chúa Trời) là: "Đừng từ chối nhau, trừ phi do *hai bên cùng đồng ý*." (câu 5) Bài học là gì? *Khi một cặp vợ chồng chú tâm cùng nhau quyết định như những người cộng sự ngang hàng, người chồng không cần ra lệnh hay bỏ lá phiếu quyết định nào cả.*

Tôi kết luận. 1 Cô-rinh-tô 7 là chương duy nhất nói rõ về thẩm quyền của người chồng trên vợ mình – *nhưng bạn thấy đấy, nó cũng nói về thẩm quyền của người vợ trên chồng mình.* Trong hôn nhân, chương này cổ vũ sự bình đẳng nam nữ, sự thuận phục lẫn nhau, và sự đồng thuận của cả hai bên làm nền tảng cho việc ra quyết định.

Vì Kinh Thánh có sự hợp nhất do Đức Thánh Linh là tác giả, 1 Cô-rinh-tô 7 có thể và nên định hướng cho cách chúng ta giải nghĩa Ê-phê-sô 5. Vậy điều lạ lùng là phần lớn các tác giả lớn theo quan điểm bổ sung hoặc chỉ nhắc qua 1 Cô-rinh-tô 7 theo một cách né tránh sự xung đột thực sự của nó với cách giải nghĩa của họ,[387] hoặc – thường gặp hơn – họ đơn giản là phớt lờ nó.[388]

386. Richard Hays, First Corinthians, tr. 116.

387. Chẳng hạn, tác phẩm lớn của Grudem, "Evangelical Feminism and Biblical Truth", được viết để bác bỏ các lập luận theo quan điểm bình đẳng – một trong số đó là lập luận rằng 1 Cô-rinh-tô 7 dạy về một cuộc hôn nhân bình đẳng. Thế nhưng, trong một mục rất ngắn (6.7), chỉ chiếm 1 trong 800 trang sách của mình, ông chỉ khẳng định rằng 1 Cô-rinh-tô 7 chỉ điều chỉnh sự lãnh đạo có thẩm quyền của người chồng. Thế nhưng ông không đưa ra lập luận nào để phản bác khẳng định rằng chương ấy không chỉ nên điều chỉnh *việc áp dụng* cách giải nghĩa theo thứ bậc về Ê-phê-sô 5, mà còn nên định hướng cho *việc giải nghĩa* Ê-phê-sô 5. Một phân đoạn như 1 Cô-rinh-tô 7, vốn khẳng định một cách không mơ hồ rằng cả chồng lẫn vợ đều có thẩm quyền ngang nhau trên nhau – một sự thật mà mọi nhà giải nghĩa đều đồng ý – nên có một sức nặng nào đó trong việc giải nghĩa một phân đoạn (Ê-phê-sô 5) mà chỉ một số nhà giải nghĩa cho rằng trao cho người chồng thẩm quyền đơn phương.

Vậy thì quan điểm nào?

Cho phép tôi kết thúc chương này về cách chúng ta phải giải nghĩa Ê-phê-sô 5 bằng cách hỏi: trong bốn quan điểm, quan điểm nào nên được áp dụng trong hôn nhân và Hội Thánh của chúng ta.

Tôi đề nghị chúng ta bác bỏ Quan điểm 1 (người chồng là người ra quyết định), và gọi đúng tên của nó: một nền thần học áp bức.

Quan điểm 2 (người chồng nắm lá phiếu quyết định) đã phục vụ cuộc hôn nhân của Julie và tôi như một trạm dừng giữa đường trong nhiều năm, và tôi biết ơn về điều đó. Tuy nhiên, việc phân tích những vấn đề liên quan đến nó, sự vượt trội về mặt giải kinh của Quan điểm 3 và 4, và việc đọc rộng hơn trong Kinh Thánh về hôn nhân, có nghĩa là có lẽ chúng ta cũng nên từ bỏ nó.

Vậy, trong hai quan điểm còn lại, chúng ta chọn quan điểm nào?

Có lẽ chúng ta không cần phải chọn.

Quan điểm 3 (người chồng là đầy tớ của người ngang hàng với mình) khẳng định một cuộc hôn nhân tương hỗ, trong khi Quan điểm 4 (người chồng là *paterfamilias* được cứu chuộc) không có điều gì mâu thuẫn với một cuộc hôn nhân như thế (dù nó đưa ra sự hướng dẫn cho những cuộc hôn nhân và những Hội Thánh vẫn còn tồn tại trong các nền văn hóa nặng tính phụ quyền).

Nói cách khác, Quan điểm 4 có thể giúp chúng ta tốt nhất để *hiểu* phân đoạn này theo cách những độc giả đầu tiên hẳn đã hiểu. Nhưng Quan điểm 3, đặc biệt đối với những người trong chúng ta đang sống trong các nền văn hóa bình đẳng hơn, là cách đúng để *áp dụng* Ê-phê-sô 5.

388. Chẳng hạn, như Andrew Bartlett đã chỉ ra trong "Men and Women in Christ" (tr. 18-19), để đáp lại cuốn "Man and Woman: One in Christ" năm 2009 của Philip Payne, Tom Schreiner viết một bản tóm lược chi tiết và một nỗ lực phản bác. Dù Payne dành cả một chương cho 1 Cô-rinh-tô 7, kỳ lạ thay Schreiner không hề nhắc đến chương ấy. Tương tự, Claire Smith viết cuốn "God's Good Design: What the Bible Really Says about Men and Women" vào năm 2012. Mục tiêu của bà là xem xét "các bản văn Kinh Thánh then chốt" "phải quyết định" mô hình tốt nhất cho hôn nhân. Cuốn sách được Don Carson và những người khác nhiệt liệt giới thiệu, nhiều người trong số họ khen ngợi tính toàn diện của nó. Thế nhưng thật kỳ quặc, không chương nào trong năm chương của bà về hôn nhân xem xét 1 Cô-rinh-tô 7. Tôi không cho rằng các tác giả này thiếu trung thực, mà chỉ cho thấy sự hiện diện của một điểm mù đáng kể, và bằng chứng của "thiên kiến xác nhận", trong đó người ta vô tình đến với Kinh Thánh không phải để tìm hiểu tất cả những gì Kinh Thánh nói về một đề tài, mà chỉ để tìm sự ủng hộ cho quan điểm có sẵn của mình.

Vậy sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời dành cho một cặp vợ chồng là họ nên nhận biết sự kết hợp "một thịt" của mình như được thể hiện qua mối tình lãng mạn tại Ê-đen. Đồng thời, họ nên củng cố sự hiệp nhất này bằng sự hiến dâng và phục vụ lẫn nhau trọn vẹn, và – khi đưa ra quyết định – bằng sự quan tâm đến nhau và sự đồng thuận của cả hai. Hai phép so sánh có thể truyền cảm hứng cho chúng ta khi đi trên con đường này: tình yêu hy sinh của Đấng Christ dành cho Hội Thánh Ngài, và sự quan tâm của mỗi người đối với chính thân thể mình.

Chúng ta làm gì với những nghi ngờ còn lại về ý muốn của Đức Chúa Trời đối với sự bình đẳng nam nữ thật sự? Có lẽ lý do quan trọng nhất để từ bỏ giả định phụ quyền trong hôn nhân (cũng như trong Hội Thánh và ngoài xã hội) sẽ được trình bày tiếp theo.

9

ĐỨC CHÚA TRỜI, ĐẤNG HẠ MÌNH THÍCH ỨNG

"Liệu [chúng ta, những người làm chồng] có cố bám giữ thứ quyền hành trên vợ mình mà nền văn hóa chung quanh từng trao cho chúng ta, nhưng nay phần lớn chúng ta không còn nữa? Hay [chúng ta] sẽ vui lòng buông bỏ quyền lực, cũng như sự giả vờ có quyền lực, đối xử với vợ [mình] như người ngang hàng, và gặt hái … một mối quan hệ hôn nhân gắn bó mật thiết hơn?" Peter Davids[389]

Quỹ Gates (Gates Foundation) gần đây đã tài trợ một nghiên cứu quốc tế quy mô lớn, cho thấy phụ nữ hiện diện quá ít ỏi trong tin tức truyền thông. "Chẳng hạn, phụ nữ chỉ là tiếng nói được trích dẫn trong 29% số bản tin trực tuyến được phân tích tại Vương quốc Anh năm 2019. Ở Ấn Độ, họ chỉ chiếm 14%."[390] Dù xã hội đã có nhiều tiến bộ tuyệt vời trong việc nâng cao vị thế phụ nữ, chúng ta vẫn ít có xu hướng "nhìn thấy" và "lắng nghe" phụ nữ hơn nhiều so với việc nhìn thấy và lắng nghe đàn ông.

Huống chi trong những thiên niên kỷ trước, khi chế độ phụ quyền chưa hề bị thách thức, các điều kiện xã hội đã cản trở khả năng của phụ nữ vươn lên các vai trò công cộng đến mức nào? Nhà khảo cổ học Ian Morris giải thích vì sao có quá ít bằng chứng cho thấy phụ nữ thậm chí đã từng hiện diện ở thành A-thên cổ đại: "Phụ nữ và nô lệ vẫn vô hình", vì "nền văn hóa của nam công dân bao trùm mọi mặt" tại đó, trong đó đàn ông "không chỉ khuất phục phụ nữ mà còn kiểm soát cả những không gian mà phụ nữ sống", khiến họ hầu

389. Trích dẫn trong "Discovering Biblical Equality", tr. 238
390. Nguồn: www.gates.ly/3bMqqQZ

như vô hình trong nền văn hóa thời ấy, cũng như trong các hiện vật khảo cổ ngày nay.[391]

Trong thế giới Hy Lạp – La Mã rộng lớn hơn, nơi Hội Thánh non trẻ lan rộng ra, tình cảnh của phụ nữ cũng chẳng khá hơn bao nhiêu. Dù có vài ngoại lệ hiếm hoi,[392] những phụ nữ đáng kính không khao khát các vai trò lãnh đạo công cộng. Danh dự của họ nằm ở vai trò nội trợ và nuôi dạy con cái trong nhà. Trong các vở kịch Hy Lạp, những nhân vật nữ thường gặp nhất thường là các cô gái nô lệ và gái mại dâm, vì những vở kịch này kể các câu chuyện diễn ra "ngoài trời". Phụ nữ thành thị đáng kính và các cô gái trẻ chưa chồng phải ở trong nhà, khuất khỏi tầm mắt người ngoài. Vậy thì chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi ngay từ đầu người ta tìm được quá ít phụ nữ "có tố chất lãnh đạo". Suy cho cùng, một người phải được học hành phần nào và được tạo điều kiện để đảm nhận một vai trò trong đời sống công cộng thì mới chứng tỏ được mình có ân tứ lãnh đạo. Khi phụ nữ bị giấu kín trong nhà, rất ít người nữ có ân tứ dạy dỗ và lãnh đạo do Đức Chúa Trời ban từng có cơ hội để những ân tứ ấy được công nhận, phát triển và sử dụng nơi công cộng.[393]

Rốt cuộc thì tại sao vợ của các nhà lãnh đạo nam trong Tân Ước lại hiếm khi được nhắc đến như vậy? Sự nhấn mạnh hiện đại về việc các cặp vợ chồng Cơ Đốc được hưởng sự bình đẳng, sự cộng tác và địa vị ngang nhau hầu như không tồn tại trong thời kỳ đầu của Hội Thánh Cơ Đốc, khi mà – ngay cả trong Hội Thánh – vai trò nội trợ và nuôi dạy con cái được giao cho người vợ.

Tương tự, chúng ta có thể hỏi tại sao trong Kinh Thánh có quá ít nhân vật nữ so với nhân vật nam. Một số nhà phê bình ngày nay, vốn phủ nhận việc Kinh Thánh được Đức Chúa Trời soi dẫn, lập luận rằng điều này chứng tỏ sách ấy chỉ là sản phẩm của một nền văn hóa phụ quyền. Một số người theo quan điểm bổ sung thì nói rằng đây là cách Đức Chúa Trời làm nổi rõ những vai

391. Nguồn: Sandra Joshel và Sheila Murnaghan, Women and Slaves in Greco-Roman Culture, tr. 217-20. Trích dẫn trong Barr, "The Making of Biblical Womanhood" (tr. 226)

392. Xem Susan Hylen, Women in the World of the New Testament

393. Để giúp chúng ta hiểu được các điều kiện xã hội giới hạn những kiểu người có thể trở thành nhà lãnh đạo như thế nào, hãy nghĩ đến một Hội Thánh hiện đại gồm phần lớn là những người có trình độ đại học, ở một khu vực giàu có. Giờ hãy xem việc một người lao động chân tay ít học phục vụ như một nhà lãnh đạo đứng trước Hội Thánh ấy khó xảy ra đến mức nào, vì lý do đơn giản là "khả năng được người khác đi theo" (và do đó khả năng lãnh đạo) của người ấy đối với chính những người này sẽ bị nghi vấn. Đây cũng là lý do tại sao trong Kinh Thánh chúng ta không có ví dụ nào về nô lệ làm trưởng lão.

trò đặc thù, quan trọng mà chỉ người nam được định để đảm nhận trong Nước Đức Chúa Trời. Tuy nhiên, một cách tốt hơn để hiểu cả thẩm quyền thiêng liêng của Kinh Thánh lẫn nhiều hoàn cảnh lịch sử mà Kinh Thánh đề cập là nói rằng *Đức Chúa Trời đã hạ mình cho sự mặc khải của Ngài thích ứng với con người trong những hoàn cảnh cụ thể, mà không nhất thiết lý tưởng hóa chính những hoàn cảnh ấy*. Khi bỏ sót nguyên tắc giải nghĩa then chốt này, chúng ta ngây thơ nhảy từ nhận xét rằng phụ nữ phải lệ thuộc đàn ông ở nhiều nơi trong thời Kinh Thánh sang ý tưởng rằng phụ nữ, như một phần trong chương trình phổ quát của Đức Chúa Trời, phải thuận phục đàn ông ở mọi nơi và mọi lúc.

HIỂU VỀ SỰ HẠ MÌNH THÍCH ỨNG

Vào cuối lịch sử, Đức Chúa Trời cuối cùng sẽ cai trị một xã hội lý tưởng. Nhưng từ sau sự sa ngã, Ngài đã chọn hành động để cứu chuộc ngay bên trong xã hội đổ vỡ, thay vì chỉ nhấn chìm tất cả trong sự đoán phạt như Ngài đã từng làm một lần. Hiện nay, sự cứu chuộc của Đức Chúa Trời đổ xuống như mưa, theo cách mà "nước sống của Đức Thánh Linh tuôn tràn trên địa hình xã hội [hiện có], tự uốn mình như một dòng sông quanh co theo những đường nét Ngài gặp. Thế nhưng khi làm như vậy, như dòng nước chảy không gì cản nổi, Ngài định hình lại địa hình ấy, và cuối cùng làm cho những đường cong queo trở nên ngay thẳng."[394]

Số ít phân đoạn trong đó các tác giả Tân Ước dường như ngả mũ chào chế độ phụ quyền của nền văn hóa chung quanh thật ra là những ví dụ về sự hạ mình thích ứng của Đức Chúa Trời. Ngài làm việc với những gì Ngài có, và các sứ đồ noi theo gương Ngài – họ gieo hạt giống của Nước Trời vào thứ đất vẫn còn đầy đá sỏi và cỏ dại. Hiện nay, chúng ta sống trong thời kỳ hai thời đại chồng lên nhau. Nước Đức Chúa Trời đã ở đây, giữa một thế giới sa ngã thấm đẫm những hệ thống xã hội sa ngã. Một ngày kia, Nước Trời sẽ hoàn toàn che khuất các hệ thống ấy, nhưng hiện nay Nước Trời cắm rễ sâu vào trong chúng và từ chúng làm nở ra một điều mới mẻ.

394. John Stackhouse, Finally Feminist, tr. 39

John MacArthur, một người theo quan điểm bổ sung, lập luận rằng vì chỉ có đàn ông viết Kinh Thánh, nên điều đó chứng tỏ Đức Chúa Trời chỉ muốn đàn ông dạy dỗ Lời Đức Chúa Trời. Rõ ràng ông bỏ qua những học giả lập luận rằng rất có thể Bê-rít-sin (cùng A-qui-la bên cạnh) đã viết thư Hê-bơ-rơ. Nhưng chủ yếu, ông không nhận ra rằng trong thế giới cổ đại, *hầu như chẳng có phụ nữ nào được dạy viết* – việc chỉ có đàn ông viết các sách trong Kinh Thánh (hoặc phần lớn là đàn ông, nếu Bê-rít-sin đã cầm bút) là bằng chứng cho thấy Đức Chúa Trời làm việc với thực tại như nó đang là, ngay cả khi Ngài hứa sẽ cuối cùng đem lại *shalom*, trong đó mọi người nam *và người nữ* đều có thể đọc và viết.

THÊM VỀ VIỆC NGƯỜI VỢ THUẦN PHỤC

Tình cảnh xã hội của phụ nữ thời cổ đại, tồi tệ hơn bây giờ rất nhiều (dù chúng ta vẫn còn một chặng đường phải đi), là dành đặc quyền về quyền lực và vai trò công cộng cho đàn ông chứ không cho phụ nữ; chú tâm đến điều đàn ông nói và làm chứ không phải điều phụ nữ nói và làm; và giới hạn phụ nữ trong một phạm vi gia đình nhỏ hẹp, qua đó khiến họ vô hình như nô lệ và trẻ con.

Người phụ nữ nào đứng lên bênh vực mình hẳn sẽ phải trả giá. Chẳng hạn, trong Ê-xơ-tê 1, vua A-suê-ru (Xerxes) mở tiệc đãi giới đàn ông quyền quý trong vương quốc, cùng lúc hoàng hậu Vả-thi mở một buổi tiệc dành cho phụ nữ để đãi bạn bè mình. Giữa cuộc vui, A-suê-ru, khi "lòng vui vẻ vì rượu", ra lệnh cho người vợ xinh đẹp của mình rời bỏ bữa tiệc của bà để "phô bày nhan sắc cho dân chúng và các quan trưởng xem, vì bà rất đẹp". Khi Vả-thi từ chối đến, nhà vua giận dữ, bị bẽ mặt trước công chúng vì sự bất tuân của vợ, bèn hỏi ý các nhà thông thái của mình. Họ quyết định truất ngôi hoàng hậu của Vả-thi, và bà sẽ không bao giờ được gặp mặt chồng mình nữa. Lý do họ làm vậy: để dập tắt mọi khả năng những người vợ khác trong xứ noi gương bà mà không vâng theo mệnh lệnh của chồng. Mục tiêu là "mọi người đàn bà sẽ tôn kính chồng mình, từ kẻ nhỏ cho đến người lớn."

Câu chuyện này cho thấy rằng trong hầu hết mọi nền văn hóa cổ đại – ở đây là Ba Tư chứ không phải Y-sơ-ra-ên – người ta đều mặc nhiên cho rằng đàn

ông phải lãnh đạo trong các vai trò công cộng và phụ nữ phải lệ thuộc chồng mình. Như vậy, chính Kinh Thánh cho thấy rằng *chế độ phụ quyền là sản phẩm của sự sa ngã, chứ không phải một sự sáng tạo đặc biệt của Đức Chúa Trời của Y-sơ-ra-ên.*

Các sứ đồ cũng ở trong một thế giới do đàn ông thống trị tương tự khi họ rao giảng Tin Lành và thành lập các Hội Thánh khắp Đế quốc La Mã. Chúng ta đã xem xét Ê-phê-sô 5 rồi, nhưng ngay cả ngoài phân đoạn ấy, lời khuyên của các sứ đồ dành cho những người vợ Cơ Đốc trong Hội Thánh thế kỷ 1 đều nhất trí. Phao-lô viết cho người Cô-lô-se: "Hỡi người làm vợ, hãy thuận phục chồng mình…"[395] và viết cho Tít: "Hãy dạy … đàn bà trẻ tuổi … thuận phục chồng mình."[396] Phi-e-rơ cũng nói như vậy: "Hỡi người làm vợ … hãy thuận phục chồng mình…"[397] Đối với bất cứ ai tự nhận coi Kinh Thánh là có thẩm quyền, thoạt đọc thì điều này dường như hoàn toàn dứt khoát. *Chúng ta có thể cho rằng lý tưởng của Đức Chúa Trời cho mọi cuộc hôn nhân là người vợ thuận phục người chồng, nhưng trong phần còn lại của chương này, tôi sẽ phản bác kết luận ấy bằng cách chỉ ra rằng giả định sai lầm này đòi hỏi một cách đọc hời hợt và sai lạc đối với các bản văn này.*

Chúng ta làm gì với lời của Phao-lô trong thư Cô-lô-se? "Hỡi người làm vợ, hãy thuận phục chồng mình, như điều đó là phải lẽ trong Chúa. Hỡi người làm chồng, hãy yêu vợ mình, chớ hề cay nghiệt với vợ."? Tôi đề nghị rằng chúng ta không rút ra từ việc giải nghĩa những câu này những kết luận khác với những kết luận chúng ta đã đạt được ở Ê-phê-sô 5. Các học giả nhất trí rằng thư Cô-lô-se và thư Ê-phê-sô được viết cùng một thời điểm, thậm chí còn cho thấy lối "cắt và dán" những tư liệu then chốt được lặp lại trong cả hai thư. Những câu dẫn nhập gần như giống hệt nhau trong cả hai phân đoạn. Cả hai đều dùng những cụm từ sau theo cùng một thứ tự: "lẫn nhau", "ca vịnh", "thơ thánh", "bài hát thiêng liêng", "với lòng biết ơn", "nhân danh", "Chúa", "Giê-xu", "Đấng Christ", "Đức Chúa Trời là Cha". Điểm khác biệt là phân đoạn trong Cô-lô-se, chỉ dài hai câu, là bản rút gọn của phân đoạn dài hơn trong Ê-phê-sô – dài mười ba câu. Ê-phê-sô 5 khai triển tư liệu tối giản của Cô-lô-se, và do đó soi sáng cho nó.

395. Cô-lô-se 3:18
396. Tít 2:5
397. 1 Phi-e-rơ 3:1

Còn hai phân đoạn kia, trong Tít 2:3-5 và 1 Phi-e-rơ 3:1, thì sao? Chúng ta có lý do chính đáng để không tin rằng trong những phân đoạn ấy, Phao-lô và Phi-e-rơ đang đưa ra một mệnh lệnh phổ quát cho mọi người vợ suốt dòng lịch sử nhân loại là phải thuận phục chồng mình.[398] Đó là lời khuyên mục vụ dành cho người vùng Địa Trung Hải thế kỷ 1, những người sống theo các bảng bổn phận gia đình của Aristotle, và vì thế *được thúc đẩy không phải bởi thiết kế của sự sáng tạo, mà bởi một mối bận tâm dễ hiểu về danh tiếng*. Xin cho phép tôi giải thích.

398. Để cuốn sách không quá dài, tôi quyết định không khai triển trọn vẹn 1 Phi-e-rơ 3:1-7. Tuy nhiên, tôi giới thiệu cho công việc này chương 6 trong sách của Andrew Bartlett, "Men and Women in Christ". Chương ấy có tựa đề "Submission and Honour: 1 Peter". Theo tôi, Bartlett đã chứng minh một cách thuyết phục rằng về căn bản Phi-e-rơ đi cùng một con đường với Phao-lô trong Ê-phê-sô 5, nhằm làm lung lay từ bên trong sự sắp đặt theo thứ bậc của nền văn hóa bằng một sự dạy dỗ về sự thuận phục lẫn nhau. Giống như Phao-lô, trong 3:1-6 Phi-e-rơ không lật đổ cũng không tán thành một cách phổ quát vai trò thuận phục mà văn hóa trông đợi nơi người vợ, nhưng điều chỉnh vai trò ấy bằng những động cơ mới của Tin Lành: không phải nỗi sợ người chồng chưa tin Chúa, mà là niềm hy vọng nơi Đức Chúa Trời và nỗ lực đem chồng mình đến với Đấng Christ. Và giống như Phao-lô, Phi-e-rơ không lý tưởng hóa cũng không lên án vai trò có thẩm quyền mà văn hóa trông đợi nơi người chồng Cơ Đốc, nhưng điều chỉnh mạnh mẽ vai trò ấy theo ba cách trong 3:7: 1) Người chồng phải cư xử với vợ mình "cũng vậy" (đó là cụm từ then chốt mà nhiều học giả theo quan điểm bổ sung dường như bỏ sót), như đã nói trước đó về: tín hữu đối với Đức Chúa Trời và vua của họ (2:13); nô lệ đối với chủ mình (2:18-25); Đấng Christ đối với những kẻ hành hình Ngài (2:21); và những người vợ đối với chồng mình, kể cả Sa-ra đối với Áp-ra-ham trong Sáng Thế Ký 18, (3:1-6) – tức là *theo một cách khiêm nhường thuận phục.* 2) Người chồng phải sống với vợ mình cách ân cần, biết rằng vợ mình không mạnh mẽ bằng mình. 3) Người chồng phải tôn trọng vợ mình, là những người (trái với văn hóa Hy Lạp – La Mã) không ở vị trí lệ thuộc, vì họ là những người đồng kế tự ngang hàng của sự cứu rỗi. Chữ "tôn trọng" ở đây cũng chính là chữ được dùng trước đó trong thư để mô tả sự thuận phục mà mọi tín hữu phải dành cho Sê-sa; hãy so sánh 2:13 ("thuận phục" các nhà cầm quyền) và 2:17 ("tôn trọng hoàng đế"). Nói cách khác, Phi-e-rơ, dù không dùng chính xác những từ ấy, đã bảo người chồng đáp lại vợ mình bằng sự thuận phục (tức là sự phục vụ khiêm nhường, đầy tôn trọng). Hiểu theo cách này, Phi-e-rơ, giống như Phao-lô trong Ê-phê-sô 5, dường như điều chỉnh ý nghĩa của sự thuận phục trong hôn nhân, từ chỗ chỉ là sự tuân theo thẩm quyền của người khác, sang sự cam kết khiêm nhường phục vụ và làm vui lòng người kia. Sự tuân theo thẩm quyền chỉ có thể đi một chiều; còn như Ê-phê-sô 5 và 1 Phi-e-rơ 3 cho thấy, và bất kể những cấu trúc xã hội rộng lớn hơn mà họ đang sống trong đó là gì, hôn nhân Cơ Đốc phải bày tỏ một sự phục vụ khiêm nhường đi theo cả hai chiều. Cũng hãy để ý rằng Phi-e-rơ không đưa ra lý do cho sự thuận phục của người vợ là việc người chồng, theo thiết kế của Đức Chúa Trời, có thẩm quyền đơn phương trên vợ. Nếu Phi-e-rơ tin như vậy, thì đây hẳn là chỗ hoàn hảo để nhắc đến điều đó. Nhưng ông không nhắc đến, và thật ra không có câu Kinh Thánh nào trong toàn bộ Kinh Thánh dạy người chồng phải thực thi thẩm quyền đơn phương trên vợ mình.

CÁC BẢNG BỔN PHẬN GIA ĐÌNH

Chúng ta có nguy cơ dùng những câu "hỡi người làm vợ, hãy thuận phục" như những câu làm bằng chứng khi tách chúng ra khỏi ngữ cảnh. Hãy xem ngữ cảnh văn chương, tức những phân đoạn lớn hơn chứa những câu này và những câu tương tự:

	Vợ–chồng/ Phụ nữ–đàn ông	*Con cái–cha mẹ*	*Nô lệ–chủ*
Ê-phê-sô	5:21-33	6:1-4	6:5-9
Cô-lô-se	3:18-19	3:20-21	3:22-4:1
1 Phi-e-rơ	3:1-7	Không đề cập	2:18-25
Tít	2:1-8	Không đề cập	2:9-10
1 Ti-mô-thê	5:1-16	Không đề cập	6:1-3

Chúng ta nhận thấy điều gì khi phân tích ngữ cảnh văn chương? Thứ nhất, mỗi lần sự thuận phục của người vợ được nhắc đến, nó đều là một phần của cái gọi là "bảng bổn phận gia đình", trong đó các mối quan hệ trong gia đình – gồm chồng, vợ, con cái và nô lệ – được đề cập đến. Theo lời dạy trước đó của Aristotle, luật La Mã quy định gia đình phải được phân tầng dưới quyền cai trị của người nam đứng đầu. Nếu không có người nam trưởng thành, người nữ đứng đầu sẽ đảm nhận vai trò ấy. Bảng bổn phận gia đình thời cổ tuân theo một thứ bậc, được nêu theo thứ tự từ trên xuống: chủ gia đình; rồi người vợ; rồi con cái và nô lệ. *Nói cách khác, Phao-lô và Phi-e-rơ không tuôn ra những điều khôn ngoan trôi nổi, tách rời mọi bối cảnh, để áp dụng cho mọi cặp vợ chồng trong suốt phần còn lại của lịch sử Cơ Đốc.* Họ đang nói với một bối cảnh rất cụ thể – việc Tin Lành được sống ra trong một gia đình bình thường thời cổ đại, theo trật tự mà xã hội La Mã đã sắp đặt.

Thứ hai, không ở phân đoạn nào người chồng được truyền lệnh phải lãnh đạo. Người vợ chỉ được bảo phải thuận phục. Các sứ đồ mặc nhiên cho rằng sự lãnh đạo của người nam đã có sẵn. Điều họ cố làm qua những mệnh lệnh của mình là làm dịu sự lãnh đạo của người nam và nâng cao phẩm giá cho địa vị thấp hơn của người vợ. Phi-e-rơ và Phao-lô hướng dẫn các phụ nữ đón

nhận sự thuận phục như một điều tự nguyện, được Tin Lành ban năng lực, thay vì chỉ cam chịu sự lãnh đạo của người chồng.

Thứ ba, trong tất cả các phân đoạn – và đây là điểm quan trọng nhất trong lập luận của chương này – *sự thuận phục mà người vợ được dạy phải có đối với chồng song song với sự thuận phục mà người nô lệ được dạy phải có đối với chủ mình.* Ở hai chỗ, sự song song ấy cũng được áp dụng cho việc con cái vâng lời cha mẹ, nhưng mối liên hệ chủ–nô lệ thì lần nào cũng được nêu ra.

Tôi sẽ sớm trở lại với sự song song giữa chế độ nô lệ và chế độ phụ quyền, nhưng điều tôi muốn nói bây giờ là Phao-lô và Phi-e-rơ không lý tưởng hóa chế độ nô lệ hay địa vị lệ thuộc của người nữ trong hôn nhân – thay vào đó, như mọi nhà lãnh đạo thuộc linh tốt đều nên làm, họ đang giúp các Hội Thánh mà họ cùng làm việc *xoay xở tốt nhất trong những hoàn cảnh đôi khi còn xa mới lý tưởng*. Đức Chúa Trời đã làm điều tương tự trong Sáng Thế Ký 16, khi A-ga, người nữ nô lệ, trốn khỏi bà chủ Sa-ra vốn ngược đãi mình. Sau khi giải cứu và trấn an A-ga, Đức Chúa Trời phán: "Hãy trở về với bà chủ ngươi và thuận phục bà."[399] Ai trong chúng ta lại kết luận rằng lời chỉ dạy của Đức Chúa Trời cho nàng là biểu hiện của điều cao nhất và tốt nhất Ngài dành cho nàng? Không, lời khuyên như của người cha dành cho nàng giúp nàng xoay xở tốt nhất trong một hoàn cảnh còn xa mới lý tưởng. Hiển nhiên, thuận phục Sa-ra là điều tốt hơn cho nàng và đứa con của nàng so với việc chạy vào đồng hoang.

Ngay cả ngày nay, đôi khi tốt hơn là tận dụng tốt nhất một hoàn cảnh không lý tưởng mà chúng ta gặp phải. Chẳng hạn, cha tôi, khi vừa mới cưới vợ, đã bị gọi nhập ngũ hai năm nghĩa vụ bắt buộc trong Quân đội Nam Phi. Với một đứa con mới sinh và người vợ trẻ ở nhà, ông biết điều này còn xa mới lý tưởng, nhưng ông bị trói tay. Tất cả những gì ông có thể làm là xoay xở tốt nhất trong một hoàn cảnh tồi tệ. Hoặc là thế, hoặc là đi tù. Đôi khi một mục sư có thể khuyên các tín hữu trong Hội Thánh mình đi bỏ phiếu trong một cuộc bầu cử dân chủ, dù chế độ dân chủ không có trong Kinh Thánh và do đó không nhất thiết là lý tưởng đời đời của Đức Chúa Trời cho xã hội loài người. Giảng chống lại nó sẽ gây ra một làn sóng phản đối không cần thiết – cũng có thể nói như vậy về bảng bổn phận gia đình của Aristotle vào thế kỷ

399. Sáng Thế Ký 16:9

1.[400]

MỐI BẬN TÂM VỀ DANH TIẾNG

Ngoài việc giúp họ xoay xở tốt nhất trong một hoàn cảnh không lý tưởng, còn lý do nào khác khiến Phi-e-rơ và Phao-lô khuyên những người vợ và những người nô lệ tự nguyện thuận phục chồng và chủ mình – là những người đến lượt mình được dạy phải hòa nhã và tôn trọng vợ và nô lệ của họ? Trong phần lớn các bản văn, chúng ta tìm thấy một câu trả lời thuyết phục: *Phao-lô và Phi-e-rơ quan tâm đến việc giữ gìn uy tín và sức thu hút về mặt truyền giảng của các Hội Thánh non trẻ trước con mắt của một thế giới đang dõi theo – một thế giới mà ở đó, việc phụ nữ và nô lệ vâng lời paterfamilias là luật La Mã.*

Đây là bằng chứng cho điều này trong các bản văn:

- Ngay trước khi nói với những người nô lệ và những người vợ, Phi-e-rơ khuyên phải thuận phục hoàng đế, và nói thêm: "Vì ý muốn của Đức Chúa Trời là *anh em làm điều lành để bịt miệng những lời dốt nát của kẻ ngu muội.*"[401]
- Với những người vợ, Phi-e-rơ nói: "Hãy thuận phục chồng mình, *để nếu có người chồng nào không tin theo Đạo, thì dù không cần lời nói, cũng được cảm hóa bởi cách ăn ở của vợ mình.*"[402]
- Với những người vợ ở Cơ-rết, Phao-lô nói: "[Hãy] thuận phục chồng mình, *để không ai xúc phạm đến Lời Đức Chúa Trời.*"[403]
- Với những người nô lệ ở Cơ-rết, Phao-lô nói: "hãy thuận phục chủ [mình] *để trong mọi sự [anh em] làm cho sự dạy dỗ về Đức Chúa Trời, Cứu Chúa chúng ta, trở nên hấp dẫn.*"[404]
- Với những người nô lệ ở Ê-phê-sô, Phao-lô nói: "Hết thảy những ai ở dưới ách nô lệ phải coi chủ mình là đáng được tôn trọng hoàn toàn, *để danh Đức Chúa Trời và sự dạy dỗ của chúng ta không bị phỉ báng.*"[405]

400. Hơn nữa, cũng như bảng bốn phận gia đình của Aristotle và chính thể quân chủ thời ấy, chế độ dân chủ có lẽ là hệ thống cai trị tốt nhất mà xã hội khám phá ra cho đến nay.
401. 1 Phi-e-rơ 2:15
402. 1 Phi-e-rơ 3:1-2
403. Tít 2:5
404. Tít 2:10
405. 1 Ti-mô-thê 6:1

- Về mọi lời chỉ dạy mà ông gửi qua Ti-mô-thê cho Hội Thánh ở Ê-phê-sô, Phao-lô viết: "Hãy truyền cho dân chúng những lời chỉ dạy này, *để không ai có thể bị chê trách. … [Đừng] cho kẻ thù nghịch dịp nào để nói xấu*."[406]

Điều gì đang diễn ra ở đây? Đặc biệt là thư 1 Phi-e-rơ, nhưng cũng cả thư Tít và thư 1 Ti-mô-thê, là những thư được viết cho các Hội Thánh nhỏ, thường bị bắt bớ, đang trải qua hoạn nạn. Chiến lược của Sa-tan là thu hút sự chú ý tiêu cực vào các Hội Thánh này. Thư Ê-phê-sô là một văn kiện "nội bộ", hoàn toàn gửi cho các Cơ Đốc nhân mà không bận tâm đến người ngoài (vì thế không nhắc gì đến mối bận tâm về danh tiếng); còn động cơ trong ba thư kia là giải quyết một mối bận tâm gắn với hoàn cảnh cụ thể, về cách Hội Thánh thể hiện mình trong quan hệ với người ngoài. Cynthia Westfall nói:

Đó là một nền văn hóa trọng danh dự, trong đó vai trò giới tính đóng một phần quan trọng. Nếu một người phụ nữ "hành xử như chủ" của chồng mình bằng cách kiểm soát ông, điều đó bị xem là một sự thách thức mang tính phá hoại đối với toàn bộ hệ thống thứ bậc của Đế quốc La Mã và hệ thống bảo trợ. Những vi phạm các quy ước như thế bị xem là rất nghiêm trọng và có thể hủy hoại danh tiếng của Hội Thánh – cách cư xử của phụ nữ là chất liệu cho những cuộc công kích bút chiến nhắm vào Hội Thánh ban đầu và các phong trào tôn giáo giáo phái khác.[407]

Trong một thế giới mà nô lệ và người vợ bị luật pháp buộc phải phục tùng *paterfamilias*, những người vợ và nô lệ này được kêu gọi làm nhiều hơn thế nữa, sẵn lòng dâng đời sống mình cho chồng và chủ. Thật đáng mừng, nếu *paterfamilias* là một Cơ Đốc nhân, các sứ đồ cũng đã ban cho ông những lời chỉ dạy riêng, để ông thật lòng chăm sóc những người trong gia đình mình.

Tóm lại, khi Phi-e-rơ và Phao-lô bảo những người vợ thuận phục chồng mình, họ không tuyệt đối hóa một thứ bậc giới tính trong mọi cuộc hôn nhân như một lý tưởng Cơ Đốc nào đó. Đúng hơn, họ đang thích ứng với một hoàn cảnh không lý tưởng. Ngay câu mở đầu thư mình, Phi-e-rơ không gửi cho các tín hữu đang sống trong một xã hội hoàn hảo tương lai, mà gửi cho "những người kiều ngụ tản lạc khắp các xứ" – chúng ta là kiều dân, cố gắng hết sức để hòa nhập, ngay cả khi chúng ta sống trọn quyền công dân thật của

406. 1 Ti-mô-thê 5:7, 14
407. Nguồn: www.bit.ly/3EL7OgM

mình trong Nước Đức Chúa Trời. Khi hiểu các chuẩn mực thời cổ đối với gia đình, chúng ta phải hiểu những phân đoạn này là Hội Thánh được hướng dẫn để làm lung lay các chuẩn mực văn hóa từ bên trong mà không công khai nổi dậy chống lại chúng. Phi-e-rơ và Phao-lô lèo lái giữa những hệ thống bất toàn, vì khi các quan chức La Mã đang tìm mọi cớ để bỏ tù Cơ Đốc nhân, bất cứ sự thách thức nào cũng sẽ khiến các Hội Thánh nhỏ bé này bị dòm ngó và bắt bớ. Điều thú vị là vào lúc thư 1 Phi-e-rơ, thư Tít và thư 1 Ti-mô-thê được viết ra, chỉ còn vài năm ngắn ngủi nữa là các tác giả của chúng, Phi-e-rơ và Phao-lô, bị xử tử vì đã làm xáo trộn trật tự La Mã.

"Hỡi người nô lệ, hãy thuận phục … Cũng vậy, hỡi người làm vợ, hãy thuận phục"

Tít được dặn phải hướng dẫn những người vợ thuận phục chồng mình (2:3), rồi ngay sau đó, ông cũng được dặn rằng nô lệ phải thuận phục chủ mình (2:9).

Phi-e-rơ đảo ngược thứ tự của Phao-lô: trước hết ông nói về quan hệ nô lệ–chủ, rồi mới nói về quan hệ vợ–chồng. Trong 1 Phi-e-rơ 2:18, những người nô lệ được bảo phải hết lòng kính sợ mà thuận phục chủ mình, chẳng những người chủ hiền lành và tử tế mà cả người chủ bất công nữa, rồi trong 3:1, chúng ta đọc thấy rằng những người vợ cũng vậy, phải thuận phục chồng mình. Cách dùng từ của Phi-e-rơ nhấn mạnh mối liên hệ giữa những lời chỉ dạy này: "Hỡi người nô lệ … hãy thuận phục … hỡi người làm vợ, cũng vậy, hãy thuận phục…".

Giờ đến lập luận chính của chương này: *dù những người theo quan điểm bổ sung giải thích lời chỉ dạy về việc người vợ thuận phục là một lời chỉ dạy phổ quát, vượt thời gian, thì chúng ta, những người hiện đại đã để chế độ nô lệ lại phía sau, nhận ra rằng lời chỉ dạy song song về việc nô lệ thuận phục rốt cuộc chỉ là một lời chỉ dạy gắn với hoàn cảnh!*

Vì lịch sử sẽ lặp lại khi không ai chịu lắng nghe, tôi sẽ khai triển điều nhận thức này khá kỹ.

Sự chống đối của Cơ Đốc nhân đối với việc bãi bỏ chế độ nô lệ

Những Cơ Đốc nhân chủ trương bãi nô, được thúc đẩy bởi ý thức về sự công chính của Đức Chúa Trời, lần đầu tiên đã đánh đổ chế độ nô lệ như một định chế tại Vương quốc Anh vào năm 1833, rồi việc giải phóng nô lệ dần lan sang các quốc gia khác theo thời gian. Những người như William Wilberforce, John Wesley, John Newton, Charles Finney, chị em nhà Grimke, Harriet Stowe, Olaudah Equiano và Frederick Douglass cuối cùng đã khiến định chế nô lệ dừng lại một cách vẻ vang, dù đầy gian nan. Mọi Cơ Đốc nhân hiện đại đều thích kể về những người anh hùng của sự biến đổi xã hội này.

Điều ít được biết đến hơn – và có lẽ chúng ta cố tình quên đi, vì giờ đây đó là một điều hổ thẹn đối với Cơ Đốc nhân – là ở Mỹ, những người phản đối việc bãi bỏ chế độ nô lệ mạnh mẽ nhất lại chính là các Cơ Đốc nhân miền Nam. Thật vậy, hệ phái hiện nay lớn nhất nước Mỹ, phái Báp-tít Miền Nam, thậm chí đã tách khỏi phái Báp-tít Miền Bắc vào năm 1845 vì chính vấn đề này.

Cho đến thế kỷ 18, phần lớn Cơ Đốc nhân tin rằng chế độ nô lệ là phù hợp với Kinh Thánh, và ý họ muốn nói là *được Đức Chúa Trời tán thành*. Các học giả Kinh Thánh ở Mỹ như Robert Dabney và J.H. Thornwell đã xây dựng những lập luận Kinh Thánh đầy sức mạnh để bênh vực việc giữ nô lệ. Charles Hodge, nhà thần học Cải chánh lớn nhất thời ông, đã viết một tiểu luận, *The Biblical Case for Slavery* (Lập luận Kinh Thánh ủng hộ chế độ nô lệ), trong đó ông lập luận rằng:[408]

- *Đức Chúa Trời đã thiết lập chế độ nô lệ.* Khi rủa sả Cham, con trai Nô-ê, phải làm nô lệ,[409] chính Đức Chúa Trời đã lập nên chế độ nô lệ.
- *Đức Chúa Trời đã chấp thuận chế độ nô lệ.* Ngay cả Áp-ra-ham, Đa-vít và Gióp cũng có nô lệ.
- *Luật pháp Môi-se ủng hộ chế độ nô lệ.* Chẳng hạn, điều răn thứ tư và điều răn thứ mười trong Mười Điều Răn mặc nhiên cho rằng dân sự của Đức Chúa Trời có sở hữu nô lệ. Ngoài ra, luật pháp Môi-se cho phép bắt những

408. Xin ghi nhận công của Kevin Giles, trong chương 8 của "What the Bible Actually Teaches on Women", về phần này.
409. Sáng Thế Ký 9:20-27

người Do Thái nghèo túng và những kẻ bại trận trong chiến tranh làm nô lệ.[410]

- *Chúa Giê-xu chưa bao giờ lên tiếng chống lại chế độ nô lệ.* Điều gì Ngài không lên án thì hẳn Ngài đã dung thứ.
- *Các sứ đồ đã truyền lệnh cho nô lệ phải thuận phục chủ mình.* Họ điều chỉnh chế độ nô lệ mà không lên án nó.
- *Các sứ đồ đã dùng chế độ nô lệ để minh họa một khía cạnh tích cực của Tin Lành* – chúng ta, những "nô lệ của Đấng Christ", phải hoàn toàn vâng lời người chủ đã sở hữu mình.

Một vài nhà thần học đã cố gắng thay đổi suy nghĩ của các nhà thần học chiếm đa số này nhưng thất bại. Chẳng hạn, trong một cuộc tranh luận kéo dài bốn ngày vào năm 1845, Jonathan Blanchard, người chủ trương bãi nô, đã khảo sát "những nguyên tắc lớn của Kinh Thánh" và "toàn bộ phạm vi của Kinh Thánh". Với ông, rõ ràng là "các nguyên tắc của Kinh Thánh là công lý và sự công chính". Ông lập luận rằng người ta có thể trích dẫn các câu Kinh Thánh để ủng hộ hầu như bất cứ điều gì, và cuối cùng đi đến những cách giải thích chống lại những chân lý bao trùm của Kinh Thánh.

Đáng buồn thay, các Cơ Đốc nhân tin Kinh Thánh ở miền Nam tin chắc rằng Đức Chúa Trời tán thành chế độ nô lệ đến nỗi họ sẵn sàng cầm vũ khí trong một cuộc nội chiến đã cướp đi hơn nửa triệu sinh mạng, để bảo vệ quyền duy trì chế độ nô lệ của mình! Dù cuộc nội chiến không chấm dứt nạn phân biệt chủng tộc ở miền Nam nước Mỹ, nó đã làm bẽ mặt những Cơ Đốc nhân từng sở hữu nô lệ, đủ để bảo đảm rằng cuối cùng họ phải thừa nhận chế độ nô lệ là sai trái. Sự thay đổi văn hóa không gì ngăn nổi – được thúc đẩy bởi ý thức về công lý – đã khiến họ quay trở lại với Kinh Thánh, nơi họ chậm chạp nhưng chắc chắn nhận ra sai lầm của mình. *Giờ đây, hầu như mọi học giả Kinh Thánh đều tin rằng, dù những lập luận "theo Kinh Thánh" trước kia nhiều đến đâu, Kinh Thánh, khi được hiểu đúng, không ủng hộ chế độ nô lệ, và thực hành này là tội lỗi.*

410. Lê-vi Ký 25:39-41; 25:44-46

So sánh chế độ nô lệ và chế độ phụ quyền

Bây giờ chúng ta hãy nhận ra chế độ nô lệ song song với chế độ phụ quyền như thế nào – tức là quan niệm, kéo dài suốt chiều dài văn minh, rằng đàn ông phải lãnh đạo. Hãy xem một chuỗi lập luận tương tự có thể được tạo ra dễ dàng đến mức nào nếu người ta có phương pháp giải nghĩa Kinh Thánh theo quan điểm bổ sung:[411]

- *Đức Chúa Trời đã thiết lập thẩm quyền của người nam.* Trong vườn, trước sự sa ngã, Đức Chúa Trời đã lập A-đam làm người lãnh đạo Ê-va.
- *Đức Chúa Trời đã chấp thuận thẩm quyền của người nam.* Các tổ phụ chứ không phải các tổ mẫu đã lãnh đạo dân sự của Đức Chúa Trời. Các vua chứ không phải các nữ hoàng chiếm ưu thế trong lịch sử Y-sơ-ra-ên.
- *Luật pháp Môi-se ủng hộ thẩm quyền của người nam.* Điều răn thứ mười nói rằng chúng ta không được tham vợ người lân cận, hay con lừa, hay bất cứ tài sản nào khác của người. Các thầy tế lễ phải là nam chứ không phải nữ.
- *Chúa Giê-xu chưa bao giờ lên tiếng chống lại thẩm quyền của người chồng.* Điều gì Ngài không lên án thì hẳn Ngài đã dung thứ.
- *Các sứ đồ đã truyền lệnh cho những người vợ phải thuận phục chồng mình.* Họ điều chỉnh chế độ phụ quyền mà không lên án nó.
- *Các sứ đồ đã dùng thẩm quyền của người chồng để minh họa một khía cạnh tích cực của Tin Lành,* trong đó người chồng phải tượng trưng cho Đấng Christ là Chủ, và người vợ phải thuận phục chồng mình như thuận phục Đấng Christ.

Bạn có thấy những điểm song song đáng chú ý và đáng suy ngẫm nghiêm túc giữa việc cố lập luận từ Kinh Thánh để ủng hộ chế độ nô lệ và để ủng hộ chế độ phụ quyền không? Ngay cả giáo hội lớn nhất thế giới giờ đây cũng nhìn nhận sự song song giữa các bản văn "hỡi người làm vợ, hãy thuận phục" và "hỡi người nô lệ, hãy thuận phục": năm 1988, Giáo hoàng Gioan Phaolô II đã lập luận ngắn gọn, sắc bén rằng việc dùng những lời Phao-lô viết trong Ê-phê-sô 6 để biện minh cho chế độ nô lệ không khác gì việc dùng

411. Xin ghi nhận công của Kevin Giles, trong chương 8 của "What the Bible Actually Teaches on Women", về phần này.

Ê-phê-sô 5 để biện minh cho địa vị lệ thuộc của người nữ trong hôn nhân.[412]

TÁO VÀ CAM?

Các nhà thần học theo quan điểm bổ sung đáp lại sự tương đồng này như thế nào? George Knight nói rằng các bản văn "hỡi người làm vợ, hãy thuận phục" và "hỡi người nô lệ, hãy thuận phục" rất khác nhau – như "táo và cam" (hai thứ không thể đem so sánh với nhau). Khác thế nào? Tôi sẽ trích một bài viết[413] của một nhà thần học hàng đầu theo quan điểm bổ sung, Sam Storms, người đưa ra sáu lý do tại sao ông tin rằng chúng ta có thể lên án chế độ nô lệ mà vẫn tán thành sự thuận phục của người vợ. Tôi sẽ trích lời ông từng đoạn một, in nghiêng và đặt lời ông trong ngoặc kép, rồi đáp lại từng điểm:

Thứ nhất, *"Kinh Thánh được biết là có điều chỉnh những mối quan hệ không đáng mong muốn mà không dung thứ chúng như những lý tưởng vĩnh viễn (xem Ma-thi-ơ 19:8, 1 Cô-rinh-tô 6:1-8). Những lời khuyên của Phao-lô về cách nô lệ và chủ đối xử với nhau không mặc nhiên cho rằng định chế ấy là tốt."*

Vậy là Storms có hiểu rằng Đức Chúa Trời sẵn lòng hạ mình thích ứng với các cấu trúc xã hội. Tốt lắm! Thế nhưng đó chính xác là lập luận cần được đưa ra về sự thuận phục mà văn hóa bắt buộc người vợ phải có đối với một *paterfamilias* trong thế giới Hy Lạp – La Mã – Kinh Thánh điều chỉnh nó mà không dung thứ nó.

Thứ hai, *"Định chế nô lệ không đặt nền trên sự sáng tạo mà là một sự méo mó do sự sa ngã gây ra. Trái lại, hôn nhân và vai trò làm đầu của người nam là một phần của trật tự sáng tạo nguyên thủy, có trước sự sa ngã."*

Ở đây, Storms theo một cách giải nghĩa sai về Sáng Thế Ký 2 và 3, rồi lý tưởng hóa một điều mà Sáng Thế Ký 3:16 nói là hậu quả trực tiếp của sự sa ngã, chứ không phải của sự sáng tạo.

Thứ ba, *"Trong một số trường hợp, hạt giống cho sự giải thể chế độ nô lệ đã được gieo ra. Xem Phi-lê-môn 16, Ê-phê-sô 6:9. Tuy nhiên, không có điều gì trong Tân*

412. Pope John Paul II, Mulieris Dignitatem, tr. 24. Trích dẫn trong Barr, tr. 110.
413. Nguồn: www.bit.ly/2ZXK1LY

Ước cho thấy điều tương tự được dự liệu cho mối quan hệ giữa chồng và vợ."

Điều này không đúng. Ga-la-ti 3:28, 1 Cô-rinh-tô 7, và một cách đọc đúng đắn về Ê-phê-sô 5, đặc biệt là sự dạy dỗ của phân đoạn ấy về sự thuận phục lẫn nhau, thật sự là "hạt giống cho sự giải thể" quyền thống trị của người nam trong hôn nhân.

Thứ tư, "*nếu lập luận từ chế độ nô lệ được dùng để vô hiệu hóa sự thuận phục của người vợ đối với chồng, thì chẳng lẽ nó cũng không vô hiệu hóa sự thuận phục của con cái đối với cha mẹ sao? Hãy để ý cách mối quan hệ giữa chồng và vợ, cha mẹ và con cái, nô lệ và chủ đều được Phao-lô đề cập trong Ê-phê-sô 5-6.*"

Storms dùng sai chữ: con cái phải "vâng lời", còn người vợ và nô lệ phải "thuận phục". Điều này nối kết người vợ và nô lệ theo một cách đặc biệt. Storms dường như cũng mặc nhiên cho rằng cha mẹ và con cái trong nền văn hóa ấy sẽ đọc những câu nói về quan hệ cha mẹ–con cái giống như cách chúng ta ở phương Tây ngày nay đọc. Thế nhưng ai trong chúng ta lại khăng khăng rằng con cái mình phải vâng lời cha mẹ *cho đến tận tuổi trưởng thành*? Với tai nghe của người đọc thế kỷ 1, Ê-phê-sô 6 sẽ được hiểu là Phao-lô truyền lệnh cho cả những người con đã trưởng thành phải vâng lời cha mẹ, chứ không chỉ hiếu kính cha mẹ.[414]

Nhưng ngay cả nếu mối quan hệ cha mẹ–con cái thời đó giống như bây giờ (mà thật ra không phải vậy), *một thứ bậc theo giới tính trong hôn nhân rất khác với thứ bậc theo thế hệ trong việc làm cha mẹ*. Việc con trẻ của chúng ta biết rất ít về cuộc sống và sự khôn ngoan đặt chúng vào vị trí mà sự phụ thuộc và vâng lời là điều tốt nhất cho chúng, và vì thế điều này được tuân giữ ngay cả trong các nền văn hóa bình đẳng. Điều đó không đúng với một cuộc hôn nhân giữa hai người trưởng thành có học thức. Mục tiêu của việc làm cha mẹ là đưa con cái vượt qua sự phụ thuộc và vâng lời để cuối cùng đứng lên làm người lãnh đạo gia đình riêng của chúng, và khi ấy chúng trở thành những người ngang hàng với chúng ta (như Phao-lô ngụ ý trong Ê-phê-sô 5:31). Vì vậy, sẽ là sai

414. "Mối quan hệ giữa con cái và cha mẹ khác với nền văn hóa đương đại của chúng ta ở những điểm quan trọng. Trong thế giới hiện đại, người ta mặc nhiên cho rằng đến một lúc nào đó sau khi trưởng thành, con cái đã lớn sẽ được độc lập khỏi cha mẹ và không còn ở dưới thẩm quyền của cha mẹ nữa. Điều này không đúng trong thế giới cổ đại, nơi con cái đã trưởng thành được trông đợi tiếp tục ở dưới thẩm quyền của cha mẹ cho đến tận tuổi trưởng thành." (Howard Marshal, "Discovering Biblical Equality", tr. 188.)

lầm nếu cố biến sự lãnh đạo của cha mẹ đối với con cái thành điều vĩnh viễn, kéo dài suốt đời. Vậy thì tại sao chúng ta lại chắc chắn đến thế rằng làm điều đó với người phối ngẫu của mình là đúng?

Thứ năm, *"Không có mệnh lệnh đạo đức vĩnh viễn hay chuẩn mực đạo đức tuyệt đối nào được dùng liên quan đến chế độ nô lệ trong những lời chỉ dạy của Phao-lô dành cho nô lệ."*

Ở đây, Storms lặp lại điểm thứ nhất. Nhưng hãy xem những lời trong 1 Phi-e-rơ 2-3: "Hỡi người nô lệ, hãy thuận phục chủ mình … hỡi người làm vợ, cũng vậy, hãy thuận phục chồng mình." Dựa trên cơ sở nào mà ông chắc chắn rằng điều thứ nhất không phải là một mệnh lệnh đạo đức vĩnh viễn, còn điều thứ hai thì phải? Lập trường của ông thiếu nhất quán.

Thứ sáu, *"Phao-lô dự liệu và tán thành rõ ràng khả năng một người nô lệ được tự do (1 Cô-rinh-tô 7:21). Ông không bao giờ nói điều gì tương tự như vậy về những người vợ và sự thuận phục của họ đối với chồng."*

Đó là vì, khác với chế độ nô lệ, hôn nhân theo thiết kế của Đức Chúa Trời là một mối quan hệ một thịt.[415] Sự giải thoát khỏi chế độ nô lệ là điều đáng mong muốn vì đó là sự cứu chuộc định chế *lao động* do Đức Chúa Trời thiết lập. Tương tự, sự giải thoát khỏi chế độ phụ quyền là sự cứu chuộc định chế *hôn nhân* do Đức Chúa Trời thiết lập. Mục đích của Phao-lô khi viết Ê-phê-sô 5 là, mà không phát đi một thông điệp cách mạng chống lại các bảng bổn phận của Aristotle, đem lại một cuộc hôn nhân bình đẳng ở mức cao nhất có thể trong nền văn hóa ấy.

Tóm lại, và trái với những khẳng định của George Knight và Sam Storms, chế độ nô lệ và chế độ phụ quyền *quả thật* vô cùng giống nhau, hoàn toàn không phải là táo và cam, mà là những trái *thối trên cùng một cây đã sa ngã*. Về nguyên tắc, chế độ nô lệ rất giống với quan niệm mặc nhiên rằng người chồng lãnh đạo vợ mình. Dù được thể hiện cách nhân từ hay tàn bạo, cả hai

415. Jane Hooker đưa thêm một lập luận, mà tôi sẽ thêm vào danh sách của Storms: "Có những khác biệt đáng kể giữa thực hành nô lệ trong Kinh Thánh và thực hành nô lệ gần đây hơn ở Mỹ." (Nguồn: www.bit.ly/3GNFnk9) Điều bà có vẻ muốn nói là phong trào xã hội chấm dứt chế độ nô lệ trong những thế kỷ gần đây là dễ hiểu, nhưng chế độ nô lệ ở thế kỷ 1 thì không tệ đến thế. Nhưng nô lệ ở thế kỷ 1 cũng bị đối xử tàn tệ. Lập luận ấy cũng bỏ lỡ điểm chính: trong cả hai trường hợp, chế độ nô lệ đều bao hàm việc sở hữu một con người vì mục đích kinh tế. Việc bãi bỏ chế độ nô lệ không chỉ chống lại sự đối xử tệ bạc với nô lệ, mà còn chống lại cả hình thức thực hành nhân từ của nó.

thực hành đều là hậu quả của một thế giới sa ngã. Thật vô lý khi lên án ngay cả chế độ nô lệ "nhân từ" – như mọi Cơ Đốc nhân ngày nay đều làm – trong khi lại là thành trì của chế độ phụ quyền "nhân từ".

Thật vậy, nếu một tác động lâu dài của Tin Lành trên xã hội là lật đổ chế độ nô lệ, thì một đích nữa mà cùng mũi tên ấy bắn trúng chính là chế độ phụ quyền. Đây là lý do tại sao, trong một bài viết đáng chú ý về việc giải nghĩa Kinh Thánh trong cộng đồng người Mỹ gốc Phi, Clarice Martin nêu lên một câu hỏi đầy tính phơi bày: "Làm sao các nhà giảng đạo và nhà thần học nam da đen có thể dùng một thông diễn học giải phóng khi giảng đạo và làm thần học về nô lệ, nhưng lại dùng một thông diễn học theo nghĩa đen khi nói về phụ nữ?"[416]

NHỮNG BÀI HỌC TỪ SỰ BẤT CÔNG TRƯỚC KIA

Khi phủ nhận những điểm tương đồng giữa chế độ nô lệ và chế độ phụ quyền, các học giả theo quan điểm bổ sung lặp lại sai lầm của những Cơ Đốc nhân chống bãi nô ở miền Nam nước Mỹ, và kéo các Hội Thánh tin cậy sự nhạy bén thần học của họ vào một nỗi hổ thẹn lần thứ hai cho Hội Thánh của Chúa Giê-xu, cũng như vào việc kéo dài sự hạ thấp giá trị của chính một số người thuộc về Hội Thánh.

Điều khiến tất cả những điều này càng bi thảm hơn là những người tranh đấu có ảnh hưởng nhất trên thế giới cho vai trò làm đầu của người nam lại chính là *phái Báp-tít Miền Nam*, nhóm tín hữu mà cứ bốn Hội Thánh ở Mỹ thì có một Hội Thánh thuộc về. Họ tiếp tục quảng bá tư tưởng của mình ra thế giới qua các học giả hàng đầu và các phương tiện truyền thông của họ. Đáng buồn thay, như Georg Hegel đã cảnh báo, dường như "Điều duy nhất chúng ta học được từ lịch sử là chúng ta chẳng học được gì từ lịch sử."

Vậy chính xác thì Hội Thánh ngày nay nên học được gì qua những thất bại của các Cơ Đốc nhân chống bãi nô? Thứ nhất, người ta có thể bị thuyết phục – thật ra cả những hệ phái và cả những trường phái học giả Kinh Thánh đã bị

416. Cain Felder (ed), Stony the Road we Trod, tr. 226. Trích dẫn trong Barr, chương 6.

thuyết phục – bởi những công trình "học thuật" chi tiết, gồm các bản văn trải khắp Kinh Thánh, mà vẫn sai.

Thứ hai, nền văn hóa có thể đi theo một hướng tích cực, mà thật ra là kết quả của những nguyên tắc Cơ Đốc đã bén rễ trong nền văn hóa ấy qua hàng thiên niên kỷ. Chẳng hạn, *Đại Hiến chương cho nhân loại* (Magna Carta for Humanity) của Phao-lô trong Ga-la-ti 3:28 là lần đầu tiên trong lịch sử có người diễn đạt cách mạnh mẽ như vậy ý tưởng về sự bình đẳng và sự chấm dứt các thứ bậc xã hội. Thật ra, việc xã hội lật đổ chế độ nô lệ và quyền thống trị của người nam phải nhờ ơn chính phân đoạn này đến mức nào? Thay vì phản ứng chống lại ảnh hưởng của Tin Lành trong xã hội, Hội Thánh nên nhận lấy và ăn mừng ảnh hưởng ấy, chứ không tấn công nó.

Thứ ba, những khám phá và tiến bộ trong xã hội có thể thách thức một cách giải nghĩa Kinh Thánh đã có từ lâu. Khi phần lớn người ta nghĩ rằng thế giới phẳng hoặc trái đất là trung tâm của vũ trụ, Hội Thánh có những câu Kinh Thánh để ủng hộ điều đó. Khi các khám phá khoa học thách thức điều này, chúng cho chúng ta cơ hội đọc Kinh Thánh theo những cách mới và thấy điều vốn đã có ở đó từ lâu. Khi cuộc cách mạng công nghiệp và những làn sóng đầu tiên của điều về sau trở thành Phong trào Giải phóng Phụ nữ quét qua phương Tây, lần đầu tiên phụ nữ được trao cơ hội cho thấy trí tuệ và năng lực ngang bằng với đàn ông. Thay vì xem đây là một mối đe dọa, thật ra đây là cơ hội để chúng ta trở lại với chính Kinh Thánh với câu hỏi: từ trước đến nay chúng ta đã bỏ sót điều gì?

Thứ tư, phải tránh những lỗi giải nghĩa thường gặp. Cần cả Kinh Thánh để giải nghĩa từng phần của Kinh Thánh. Thật quá dễ để ghép nối những câu làm bằng chứng mà chính chúng lại bị hiểu sai. Chúng ta không được quên rằng các sách trong Kinh Thánh không được viết gửi cho chúng ta, dù được viết vì chúng ta. Chúng ta *phải* thấm nhuần bối cảnh lịch sử mà bản văn được viết cho, *trước khi* xác định sứ điệp vượt thời gian mà sau đó chúng ta có thể áp dụng cho thời đại và bối cảnh của mình.

Thứ năm, tư lợi và *tư duy nhóm* (groupthink) có thể dẫn đến một thiên kiến mạnh mẽ khiến người ta đọc Kinh Thánh theo một cách nhất định. (Xem Phụ lục 6 để biết thêm về đề tài này.) Theo quy luật chung, con người (kể cả Cơ

Đốc nhân) chống lại bất cứ điều gì đe dọa địa vị hay đặc quyền của mình. Lẽ nào các nhà thần học sở hữu nô lệ nên được phép là tiếng nói lớn nhất trong các cuộc tranh luận thần học vào những năm 1800? Lẽ nào những người sẽ mất việc và mất danh tiếng với tư cách là mục sư, nhà lãnh đạo hay giáo sư trong các Hội Thánh, mục vụ và trường học theo quan điểm bổ sung lại nên được phép là những tiếng nói chi phối nhất về vấn đề này ngày nay?

Thứ sáu, cần cả Hội Thánh để giải nghĩa Kinh Thánh. Chẳng bao giờ là khôn ngoan khi phớt lờ hay coi thường những bộ phận của Hội Thánh nhìn sự việc khác với bạn. Gọi những người thật lòng yêu mến Kinh Thánh là "kẻ đầu hàng văn hóa" hay "phái tự do" có thể là một cách bịt tai trước tiếng phán của Đức Chúa Trời. Những người mà bạn gạt đi vì cho rằng họ có "cái nhìn thấp" về Kinh Thánh có thể hiểu một số phần của Kinh Thánh tốt hơn bạn nhiều.

Cuối cùng, việc bám giữ những thực hành văn hóa thối nát ngay cả khi nền văn hóa chung đã từ bỏ chúng đặc biệt gây hại cho uy tín của Hội Thánh trong xã hội. Theo tôi, tiếp tục làm thành trì của chế độ phụ quyền cũng là tự phá hoại đối với Hội Thánh chẳng kém gì việc tiếp tục dùng Kinh Thánh để biện hộ cho chế độ nô lệ. Trong những thế kỷ mà văn hóa và Hội Thánh ít nhiều đồng ý rằng chế độ nô lệ là chấp nhận được, ngay cả khi Hội Thánh khuyến khích hình thức nhân từ nhất của nó, thì việc thuận theo điều đó đã không gây quá nhiều thiệt hại cho danh tiếng của Hội Thánh. Nhưng hãy tưởng tượng người ta sẽ phản ứng thế nào nếu một gia đình Cơ Đốc hiện đại ở phương Tây chọn "vâng lời Đức Chúa Trời" bằng cách giữ hai người nô lệ đã đồng ý với việc này dựa trên cơ sở Kinh Thánh?

Tương tự, chừng nào Hội Thánh còn đồng ý với niềm tin văn hóa mà Jean-Jacques Rousseau đã diễn đạt, rằng "[người nam] phải mạnh mẽ và năng động; [người nữ] phải yếu đuối và thụ động; một bên phải có cả quyền lực lẫn ý chí; còn bên kia chỉ cần ít kháng cự là đủ,"[417] thì việc thuận theo chế độ phụ quyền không quá tai hại cho danh tiếng của Hội Thánh. Nhưng giờ đây, khi xã hội chúng ta dựng cả một loạt phim truyền hình đoạt giải, *The Handmaid's Tale* (Chuyện người tùy nữ), dựa trên những "nỗi kinh hoàng" của địa vị lệ thuộc của phụ nữ, thì chúng ta, là Hội Thánh, trông chẳng khác

417. Jean Jacques Rousseau, Emile or On Education (1762). Trích dẫn trong Barr, chương 6

mấy gia đình hiện đại tưởng tượng có nô lệ kia, nếu chúng ta dạy con gái mình thuận phục thẩm quyền đơn phương của chồng, và cấm những phụ nữ có ân tứ dạy dỗ và lãnh đạo được dạy dỗ và lãnh đạo.[418]

Không chỉ gặt hái một cuộc hôn nhân gắn bó mật thiết hơn, nếu các tín hữu mở rộng việc đem lại sự bình đẳng cho phụ nữ ra ngoài gia đình, vào trong Hội Thánh và xã hội, chúng ta cũng sẽ gặt hái uy tín lớn hơn cho Tin Lành của chúng ta trong nền văn hóa mình. Điều mà đồng bào của chúng ta đã quên, nhưng chúng ta có thể nhắc họ, là việc nền văn hóa của chúng ta hiện nay nâng cao vị thế phụ nữ có gốc rễ lịch sử từ ảnh hưởng thấm dần chậm rãi của chính Tin Lành ban phẩm giá của chúng ta, và từ sự hiểu biết về bản tính yêu thương và công bằng của Đức Chúa Trời – suy cho cùng, từ rất, rất lâu rồi, Đức Chúa Trời vẫn hồn nhiên chẳng hề biết đến bất cứ giới hạn nào của quan điểm bổ sung, và vẫn nâng phụ nữ lên bay cao hết mức trong các ân tứ của họ, kể cả dùng họ để lãnh đạo và dạy dỗ đàn ông cách mạnh mẽ.

418. John Stackhouse trong "Finally Feminist" (tr. 56) nói thẳng hơn: "Khi xã hội còn theo chế độ phụ quyền, như trong bối cảnh Tân Ước và như ở khắp nơi trên thế giới ngoại trừ xã hội hiện đại thời chúng ta, Hội Thánh đã tránh gây vấp phạm bằng cách thuận theo điều đó. Tuy nhiên, giờ đây khi xã hội hiện đại ít nhất về mặt chính thức là bình đẳng, thì điều gây vấp phạm lại là việc Hội Thánh không thuận theo xã hội, không vui mừng trong sự tự do chưa từng có để cho phụ nữ và đàn ông phục vụ theo ân tứ và sự kêu gọi mà không có một lằn ranh giới tính tùy tiện. Điều gây vấp phạm này cản trở cả việc truyền giảng cho người khác lẫn việc … giữ lại và phát triển những người đã tin Chúa. … Việc các Hội Thánh tiếp tục duy trì chế độ phụ quyền trong xã hội này đặt một hòn đá vấp phạm tôn giáo trên đường đi của [nhiều người]."

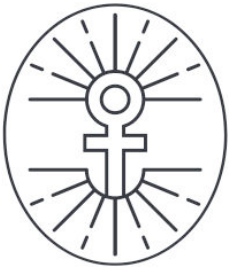

PHẦN THỨ BA

CHỨC VỤ CỦA PHỤ NỮ

10

Những người phụ nữ mạnh mẽ trong Cựu Ước

"Ý muốn của Chúa là dùng Đê-bô-ra làm người lãnh đạo dân sự của Đức Chúa Trời … để cho thấy rằng phụ nữ cũng có năng lực lãnh đạo không kém gì đàn ông." Nijay Gupta[419]

Sau khi Đức Chúa Trời phán rằng A-đam, khi đã sa ngã, "sẽ cai trị Ê-va", nhân loại lao vùn vụt ra khỏi vườn vào chốn hoang dã, và – đúng như lời báo trước ảm đạm của Đức Chúa Trời – nhìn đâu cũng chỉ thấy đàn ông nắm quyền. Rõ ràng, chế độ đa thê và nam tính độc hại mọc lên trên cùng một mảnh đất với chế độ phụ quyền, vì chỉ mới vài trang sau khi câu chuyện của loài người bắt đầu, Ca-in đã ganh đua với A-bên và thà giết người còn hơn không được làm kẻ đứng đầu. Ít lâu sau, Lê-méc lấy hai vợ chứ không chỉ một, và khoe khoang rằng mình đã giết một người chỉ vì người ấy làm mình bị thương.

Hãy lật qua phần còn lại của Cựu Ước, và bạn sẽ thấy đàn ông tiếp tục thống trị thế giới công cộng. Ban ngày, chồng của người vợ trong Châm Ngôn 31 "ngồi giữa các trưởng lão của xứ",[420] và có lẽ vẫn nắm quyền khi trở về nhà. Đó là vì xã hội Hê-bơ-rơ cổ đại lấy đại gia đình làm trung tâm, trong đó một người nam lãnh đạo con cháu, bà con, nô lệ, và vợ mình, hay các vợ mình (như những câu chuyện về sự ganh đua giữa các bà vợ trong Sáng Thế Ký cho thấy).[421]

419. www.bit.ly/3BFrpwV
420. Châm Ngôn 31:23
421. Chẳng hạn, Áp-ra-ham, Gia-cốp, Ca-lép, Đa-vít, Sa-lô-môn, Ghê-đê-ôn đều có nhiều hơn một vợ.

Rồi tên của tộc trưởng được lưu truyền qua các con trai ông, trong khi tên của mẹ chúng bị chôn vùi ngay từ ngày bà kết hôn. Con gái, vốn có địa vị thấp hơn, chỉ đơn giản bị hòa nhập vào gia đình nhà chồng. Vai trò chính của người phụ nữ là "sinh sản", và ngược lại, thất bại thảm hại nhất của bà là không thể sinh con.[422] Thêm vào đó, luật pháp và phong tục như một lớp màng bọc ngột ngạt siết chặt lấy phụ nữ. Ngay cả phụ nữ trưởng thành cũng bị xem như vị thành niên, sống dưới quyền giám hộ của một người nam; trong khi đó, chồng bà có quyền, tùy ý thích, hủy bỏ cả những lời hứa nguyện của bà với Đức Chúa Trời lẫn những lời hứa nguyện của ông với bà.[423]

Thế nhưng, khi câu chuyện diễn tiến, Đức Chúa Trời khá thường xuyên bỏ qua các chuẩn mực phụ quyền để nâng một người nữ lên một vị trí có tầm quan trọng chiến lược hoặc một vị trí lãnh đạo trong dân sự của Ngài thời trước Đấng Mê-si-a. Như chúng ta sẽ khám phá trong chương này, bất kể xã hội sa ngã quy định những "vai trò" nào cho phụ nữ, Đức Chúa Trời rõ ràng không cảm thấy mình phải trung thành làm theo như vậy. Chúng ta hãy gặp gỡ một số người phụ nữ như thế, những người mà chúng ta có thể nói đã phục vụ như những *ezer kenegdos* – những người nữ mạnh mẽ để lãnh đạo, giải cứu, dạy dỗ và, nếu cần, chống lại đàn ông.

Siếp-ra và Phu-a, những người kháng cự bạo quyền

Trong thế giới cổ đại, nơi cha mẹ thường giết con gái sơ sinh của mình để bảo đảm tương lai qua các con trai, một vua Pha-ra-ôn của Ai Cập ra lệnh cho các bà mụ giết các con trai của dân nô lệ của mình: "Khi các ngươi giúp người đàn bà Hê-bơ-rơ sinh nở trên ghế đẻ, nếu thấy là con trai thì hãy giết đi; còn nếu là con gái thì hãy để cho sống."[424] Kế hoạch của ông là làm suy yếu tương lai của người Hê-bơ-rơ. Không có người nam nào để cưới các cô gái Do Thái khi họ lớn lên, họ sẽ phải lấy đàn ông Ai Cập và bị đồng hóa vào văn hóa Ai Cập. Dù sao thì đó là kế hoạch. Nhưng rồi, bất chấp nguy hiểm đến tính mạng mình, hai bà mụ Do Thái, Siếp-ra và Phu-a, đã chống lại một trong

422. Xem Xuất Ê-díp-tô Ký 23:25-26; 1 Sa-mu-ên 1:1-2:10; Gióp 24:21; Thi Thiên 113:9.
423. Dân Số Ký 30:3-16, Phục Truyền Luật Lệ Ký 24:1-4
424. Xuất Ê-díp-tô Ký 1:16

những người đàn ông quyền lực nhất trên đất và trở thành một trong những ví dụ sớm nhất được biết đến về sự kháng cự một chế độ gian ác. Qua đó, họ cứu mạng bé Môi-se, người sẽ giải phóng dân sự của Đức Chúa Trời tám mươi năm sau.

Đức Chúa Trời làm gì cho hai *ezer kenegdos* này vì những nỗ lực của họ với tư cách là những người giúp đỡ mạnh mẽ, những người bảo vệ và cộng sự của người nam, và là những người kháng cự những người nam áp bức? Kinh Thánh cho biết: "Đức Chúa Trời ban ơn cho các bà mụ; dân sự gia thêm và trở nên rất đông đúc. Và vì các bà mụ kính sợ Đức Chúa Trời, nên Ngài ban cho họ gia đình riêng."[425]

MI-RI-AM, NGƯỜI LÃNH ĐẠO VÀ SỨ GIẢ LOAN BÁO

Ít lâu sau khi Môi-se ra đời, người chị của bé, Mi-ri-am, tiếp nhận từ các bà mụ cây gậy tiếp sức làm *ezer kenegdo* cho em: cô bé cứu mạng em bằng cách đẩy em ra sông Nin trong một cái giỏ. Đức Chúa Trời nhậm lời cầu nguyện của cô cho sự an toàn của em khi con gái Pha-ra-ôn – chính nàng cũng là một kiểu *ezer kenegdo* – tìm thấy em, đem em vào cung điện, và qua đó đặt em vào hàng kế vị ngai vàng Ai Cập.

Nhiều thập kỷ sau, Đức Chúa Trời chọn Môi-se để dẫn dân Y-sơ-ra-ên đến tự do, nhưng Ngài đặt ông trong một kiểu nhóm lãnh đạo nhỏ: chúng ta biết điều này vì Đức Chúa Trời cũng kêu gọi A-rôn và Mi-ri-am làm những người giải phóng và lãnh đạo Y-sơ-ra-ên cùng với Môi-se. Qua một tiên tri về sau rất lâu là Mi-chê, Đức Chúa Trời nhìn lại cuộc Xuất Hành: "Ta đã đem ngươi lên khỏi Ai Cập và chuộc ngươi ra khỏi đất nô lệ. Ta đã sai Môi-se để lãnh đạo ngươi, *cùng với A-rôn và Mi-ri-am*."[426]

Mi-ri-am đảm nhận vai trò lãnh đạo bằng lời tiên tri. Giống như Môi-se, bà cũng được gọi là "nữ tiên tri".[427] Bên kia lối đi qua Biển Đỏ nay đã khép lại, bà dẫn các phụ nữ Y-sơ-ra-ên hát và nhảy múa ngợi khen.[428] Bài ca-bài giảng

425. Xuất Ê-díp-tô Ký 1:20-21
426. Mi-chê 6:4. Cụm từ đôi khi được dịch là "đi trước các ngươi" theo nghĩa đen có nghĩa là "ở phía trước các ngươi", như trong "để lãnh đạo các ngươi".
427. Xuất Ê-díp-tô Ký 15:20
428. Xuất Ê-díp-tô Ký 15:20-21

khải hoàn của bà, với lời ca được ghi lại như Kinh Thánh, là nguyên mẫu cho Tin Lành của Hội Thánh hơn một nghìn năm sau. Cả lời ca của Mi-ri-am lẫn Tin Lành của chúng ta đều công bố sự tốt lành và vương quyền của một Đức Chúa Trời giải cứu chúng ta khỏi một kẻ thù quá mạnh mà tự sức mình chúng ta không thể đánh bại, đưa chúng ta ra khỏi cảnh giam cầm mà vào Đất Hứa. Lời công bố của Mi-ri-am cũng hướng đến tất cả những người phụ nữ về sau sẽ loan báo Tin Lành về sự cứu rỗi của Chúa Giê-xu, Đấng làm Vua. Chúng ta biết điều này vì nhiều thế kỷ sau, một tác giả Thi Thiên xem Mi-ri-am và các bạn bà như một tấm biển chỉ đường sớm cho mọi người hướng dẫn thờ phượng và mọi người truyền giảng về sau: "Chúa phán truyền lời Ngài, và những người nữ loan báo lời ấy là một đoàn đông đảo."[429]

Một lời cảnh báo: với những ai trong chúng ta mong đợi một ngày có nhiều phụ nữ hơn cầm lái và đứng sau bục giảng giữa dân sự của Đức Chúa Trời, chúng ta đừng ngây thơ tưởng rằng họ sẽ dễ dàng vượt qua những cám dỗ thường gặp mà các nhà lãnh đạo nam cứ mãi sa vào. Tôi nói vậy vì, ở đỉnh cao ảnh hưởng của mình, Mi-ri-am đã bị lôi cuốn bởi tinh thần ganh đua. Khi bà chỉ trích Môi-se cách không chính đáng, bà phải chịu bệnh phung bảy ngày bên ngoài trại quân, trong khi dân sự mà bà được kêu gọi lãnh đạo cũng phải chịu thiệt vì phải chờ bà được lành.[430] Dù có vấp ngã đạo đức nhất thời ấy, lòng thương xót của Đức Chúa Trời vẫn dành cho bà, và về sau khi bà qua đời, dân sự của Đức Chúa Trời vẫn trìu mến ghi nhớ bà.[431]

HUN-ĐA, NỮ TIÊN TRI

Sách Mishnah của người Do Thái tóm tắt lịch sử các tiên tri trong Kinh Thánh Hê-bơ-rơ: "Bốn mươi tám nhà tiên tri và bảy nữ tiên tri đã nói tiên tri trong Y-sơ-ra-ên."[432] Cả Mi-ri-am lẫn Đê-bô-ra (như chúng ta sẽ sớm khám phá) đều có chức vụ tiên tri kết hợp với vai trò lãnh đạo công cộng. Và Ê-sai cưới một

429. Thi Thiên 68:11
430. Dân Số Ký 12:1-15. Nói cho rõ, không chỗ nào trong bản văn nói rằng Mi-ri-am phạm tội vì đã vượt qua thẩm quyền của người nam. Bà và A-rôn đã lầm lạc vì chất vấn địa vị của Môi-se.
431. Ngoài lời Mi-chê nhìn lại sự lãnh đạo của bà, các ký lục của Torah còn ghi lại cái chết của bà và đưa bà vào các gia phả. (Dân Số Ký 20:1; 26:59, 1 Sử Ký 6:3)
432. 6 Meg. 14a Bar. Trích dẫn trong Kevin Giles, What the Bible Actually Teaches on Women (tr. 75).

nữ tiên tri.[433] Bây giờ chúng ta hãy gặp nữ tiên tri Hun-đa.

Trong thời các vua của Y-sơ-ra-ên, vua trẻ Giô-si-a tỏ ra vượt trội về thuộc linh so với nhiều vị tiền nhiệm bằng cách đặt sức sống thuộc linh của dân mình lên hàng đầu và nhổ bỏ những gì có thể gây hại cho sức khỏe thuộc linh của vương quốc. Theo thông lệ, nhà vua "cầu vấn CHÚA" bằng cách cho gọi một trong các tiên tri của mình. Vì vậy, khi vua bảo thầy tế lễ thượng phẩm và các nhà lãnh đạo khác thay mặt vua tìm biết ý Đức Chúa Trời, họ tìm đến vị tiên tri mà họ tin là có thể giúp họ nhiều nhất.

Điều đáng chú ý là họ không đến với Giê-rê-mi hay Sô-phô-ni, cả hai đều là người cùng thời với vua Giô-si-a, mà lại tìm đến chính bà Hun-đa. Chúng ta không biết thành tích chức vụ nào của bà khiến bà được tín nhiệm, nhưng có thể đoán rằng bà nổi tiếng là có "đường dây nóng" với thiên đàng. Bà là vợ của một người "giữ áo lễ" cấp thấp trong đền thờ, vì vậy uy tín tiên tri của bà không thể nhờ vào cuộc hôn nhân với một người đàn ông có địa vị cao.

Bà cầu hỏi Đức Chúa Trời thay cho Giô-si-a, rồi nói thay cho Đức Chúa Trời mà không hề nói tránh: bà lên án sự thờ hình tượng của dân tộc, báo trước tai họa sắp đến, và khen ngợi tấm lòng của Giô-si-a, người mà bà nói sẽ được gìn giữ để không phải thấy tai họa ấy. Lời bà sắc bén đến nỗi Giô-si-a nhóm hết mọi người lại "từ nhỏ đến lớn", đọc lời Đức Chúa Trời cho họ nghe, phá hủy các bàn thờ của các thần giả, và dẫn dắt dân sự của Đức Chúa Trời vào cuộc phục hưng có lẽ là lớn nhất trong lịch sử Y-sơ-ra-ên.[434] *Nhân tiện, chúng ta lưu ý rằng không có điều gì trong câu chuyện cho thấy Hun-đa hành động hay được đối xử khác với các tiên tri nam.*

CÁC HOÀNG HẬU PHỤC VỤ MỤC ĐÍCH CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI

Tôi đã đọc nhiều học giả theo quan điểm bổ sung đề cao sự kiện rằng phần lớn các nhà lãnh đạo chính trị (hay các vua) của Y-sơ-ra-ên là nam giới, và lập luận rằng đây là sự tán thành của Đức Chúa Trời đối với thẩm quyền của

433. Ê-sai 8:3. Cũng có một số nữ tiên tri giả. Xin nói rõ, tội của họ không phải là họ vượt qua lằn ranh thẩm quyền của người nam, mà là họ nói ngược lại điều Đức Chúa Trời thật sự đang phán. (Ê-xê-chi-ên 13:17-24)
434. 2 Các Vua 22:11-23:25

người nam như một nguyên tắc chung. Nhưng như thế là bỏ sót sự thật rằng trong một thế giới phụ quyền, người ta mặc nhiên cho rằng vua phải là nam. Chỉ trong những trường hợp hết sức ngoại lệ, một nữ hoàng mới lên nắm quyền như người cai trị duy nhất, thường là khi chồng bà đã qua đời và bà không có con trai. Y-sơ-ra-ên theo các chuẩn mực của các dân tộc láng giềng cổ đại về vương quyền. Suy cho cùng, nếu chúng ta còn nhớ, lời cầu xin cụ thể của họ trước khi nhận được vị vua đầu tiên – một ý tưởng mà Đức Chúa Trời biết sẽ dẫn đến việc họ bị áp bức – là nài xin: "Chúng tôi muốn có một vua cai trị chúng tôi … như mọi dân tộc khác."[435]

Vậy, phần lớn là các vua nam cai trị. Nhưng cũng có một số phụ nữ. Có vài hoàng hậu đầy quyền lực được ca ngợi trong lịch sử Y-sơ-ra-ên. Hoàng hậu Ê-xơ-tê là người nổi tiếng nhất trong các hoàng hậu Do Thái, dù bà giữ chức vị ấy trong Đế quốc Ba Tư chứ không phải trong nước Y-sơ-ra-ên. Dù bà thường bàn bạc riêng với nhà vua, không còn nghi ngờ gì rằng bà đã thực thi một chức vụ công – mà, nếu bạn đọc câu chuyện, chính Đức Chúa Trời ban cho bà. Được thúc đẩy bởi một sự nhận biết mang tính tiên tri rằng Đức Chúa Trời đã đặt bà vào chức vị ấy "chính vì thời điểm như thế này",[436] bà khéo léo chặn đứng một đạo luật diệt chủng nhắm vào chính dân tộc mình. Bà làm điều đó bằng cách can đảm vạch trần những động cơ gian ác của Ha-man, rồi đem lại sự hủy diệt cho nhà hắn, cùng với 75.000 kẻ thù của dân tộc bà.

Để kỷ niệm chiến thắng chính trị này, bà ban hành một đạo luật do chính bà và chú bà là Mạc-đô-chê viết "với đầy đủ thẩm quyền", được gửi đến tất cả người Do Thái trong 127 tỉnh của vương quốc A-suê-ru (Xerxes). Đạo luật này quy định một lễ kỷ niệm hằng năm kéo dài hai ngày về việc vận mệnh của họ được đảo ngược, và cũng dành cho cả "dòng dõi họ".[437]

Trong tất cả những điều này, Ê-xơ-tê đã thực thi sự lãnh đạo trong nước Ba Tư cũng như trên dân sự của Đức Chúa Trời, là dân Y-sơ-ra-ên. Qua đó, bà trở thành một tấm gương truyền cảm hứng cho những phụ nữ được kêu gọi thực thi sự lãnh đạo trong xã hội, cũng như cho những người có thể thực thi sự lãnh đạo thực tế và thuộc linh giữa dân sự của Đức Chúa Trời.

435. 1 Sa-mu-ên 8:19-20
436. Ê-xơ-tê 4:14
437. Ê-xơ-tê 9:29-32

Bà không phải là hoàng hậu duy nhất có liên quan đến lịch sử Y-sơ-ra-ên. Nữ hoàng Sê-ba người châu Phi[438] được Chúa Giê-xu khen ngợi vì đã nhận ra và ca ngợi sự cao trọng do Đức Chúa Trời ban trên Sa-lô-môn, và như thế, trong một sự báo trước mang tính tiên tri, cũng là vương quyền của chính Chúa Giê-xu.[439] Tương tự, hoàng hậu Ba-by-lôn của xứ Canh-đê nhớ đến ân tứ tiên tri thuộc linh nơi Đa-ni-ên, và được Đức Chúa Trời dùng để đưa ông trở lại sân khấu công cộng sau một thời gian bị lãng quên.[440] Các hoàng hậu của chính Y-sơ-ra-ên, Giê-sa-bên và A-tha-li, là những kẻ gian ác, cũng như phần lớn các vua của Y-sơ-ra-ên. Nhưng hãy để ý rằng trong mọi lời tường thuật về các hoàng hậu, không hề có một lời tiêu cực nào nói về việc phụ nữ giữ chức vụ lãnh đạo, mà chỉ nói về việc lạm dụng chức vụ ấy.

Lạ thay, các học giả theo quan điểm bổ sung đôi khi phản bác rằng những hoàng hậu này không lãnh đạo với tư cách người trị vì duy nhất mà chỉ cùng với người chồng là vua. Nhưng các nữ hoàng cai trị một mình ở vùng Cận Đông cổ đại là cực kỳ hiếm. Trong khoảng thời gian 500 năm (từ triều đại Sau-lơ đến triều đại Sê-đê-kia), rất khó có đế quốc nào có được dù chỉ một vị như vậy. Dù vậy, sau khi chồng qua đời, A-tha-li là một quân vương không có chồng, và vào thế kỷ trước khi Chúa Giê-xu đến, trong triều đại Hasmonean, Salome Alexandra đã cai trị chín năm với tư cách là quân vương duy nhất của Y-sơ-ra-ên sau khi chồng bà qua đời.

Bên cạnh những người phụ nữ được Đức Chúa Trời lập lên này – những người kháng cự bạo quyền, những người lãnh đạo, những sứ giả loan báo, những nữ tiên tri và những nhà lãnh đạo chính trị – có một nữ lãnh đạo đặc biệt đã mở ra một con đường rực sáng cho mọi nữ lãnh đạo tương lai giữa vòng dân sự của Đức Chúa Trời.

ĐÊ-BÔ-RA, QUAN XÉT

"Bấy giờ Đê-bô-ra, một nữ tiên tri, vợ của Láp-bi-đốt, đang lãnh đạo Y-sơ-ra-ên. Bà ngồi xử kiện dưới cây chà là Đê-bô-ra, giữa Ra-ma và Bê-tên, trên vùng đồi núi Ép-ra-im, và dân Y-sơ-ra-ên lên đến cùng bà để được phân xử

438. 1 Các Vua 10:1-13; 2 Sử Ký 9:1-12
439. Mác 12:32
440. Đa-ni-ên 5:10-12

các vụ tranh chấp."[441] Dù Mi-ri-am có thể đã hoạt động như một thành viên trong nhóm lãnh đạo dân sự của Đức Chúa Trời (với Môi-se là người lãnh đạo chính), Đê-bô-ra đã có một thời phục vụ như người lãnh đạo cao nhất của dân sự Đức Chúa Trời: với tư cách là một trong các quan xét.

Các quan xét là ai? Trong nhiều thế kỷ giữa cái chết của Giô-suê và việc Sau-lơ được lập làm vua đầu tiên của Y-sơ-ra-ên, dân Y-sơ-ra-ên sống như một liên minh lỏng lẻo giữa các chi phái cùng thờ phượng CHÚA. Trong thời kỳ ấy, một chu kỳ cứ lặp đi lặp lại: dân sự của Đức Chúa Trời trước hết sa vào sự thỏa hiệp đạo đức nghiêm trọng và thờ các thần giả; rồi các bộ tộc láng giềng dùng quân sự chinh phục và áp bức họ; rồi dân sự của Đức Chúa Trời ăn năn kêu cầu Đức Chúa Trời; và Đức Chúa Trời dấy lên một quan xét để "giải cứu Y-sơ-ra-ên khỏi tay kẻ thù".[442] Dù các quan xét này không phải là vua thường trực, họ vẫn được nói là "cai trị" hay "cai quản" dân sự của Đức Chúa Trời trong vùng của mình.[443]

Điều khiến Đê-bô-ra khác với năm quan xét chính khác trong sách Các Quan Xét là bà là người duy nhất đồng thời cũng là nữ tiên tri, và đem lại sự lãnh đạo về mặt tư pháp cho nhiều vụ tranh chấp giữa vòng dân sự của Đức Chúa Trời. Những người khác dường như chỉ chuyên về chiến thắng quân sự, trong khi Đê-bô-ra lãnh đạo dân sự. Ngoài ra, bà dường như không vươn lên nhờ "sự tuyển chọn tại chỗ của Đức Chúa Trời" (hãy nghĩ đến việc Đức Chúa Trời kêu gọi Ghê-đê-ôn). Đúng hơn, vì không có lời nào nhắc đến sự kêu gọi ban đầu của bà, chúng ta chỉ có thể suy đoán rằng những ân tứ lãnh đạo, tiên tri và khôn ngoan đặc biệt do Đức Chúa Trời ban cho bà đã mở cửa cho bà đi lên đến tận đỉnh cao. Thật ra, bà có nhiều điểm chung nhất với Sa-mu-ên, người giống như bà, là một tiên tri, một quan xét và một cố vấn quân sự.

Bà là thẩm quyền tư pháp cao nhất trong xứ. Không có điều gì trong bản văn cho thấy Đê-bô-ra hành động thuần túy trong phạm vi riêng tư. Là người phân xử các tranh chấp công cộng, bà, cũng như Môi-se trước bà, đã giữ một vai trò công cộng trong một lĩnh vực công cộng. Tiếp nối chức năng quan xét

441. Các Quan Xét 4:4-5

442. Các Quan Xét 2:16, 18; 4:10, 14, 24; 5:1-31

443. Daniel Block, trong sách giải kinh của ông về Các Quan Xét và Ru-tơ, viết: "Ru-tơ 1:1 nói về thời các quan xét 'cai trị' (ESV) hay 'cai quản' (NIV). Chữ Hê-bơ-rơ shaphat, 'xét xử', có nghĩa là 'cai quản, điều hành, thực thi sự lãnh đạo.'" (tr. 23)

của Môi-se,[444] bà thi hành công lý với tư cách là thành viên duy nhất của tòa án tối cao Y-sơ-ra-ên. Và giống như Môi-se,[445] bà đảm nhận vai trò quan xét của cả dân tộc khi người ta từ khắp nơi trong xứ đến với bà để giải quyết tranh chấp.

Giống như các quan xét chính khác trong sách Các Quan Xét, Đê-bô-ra dẫn dắt dân sự của Đức Chúa Trời đến chiến thắng quân sự. Giống như Sa-mu-ên, người đã lập Sau-lơ để ra trận mà chính mình không đi,[446] Đê-bô-ra cũng đã dự định không đích thân ra trận. Thay vào đó, bà truyền lệnh cho Ba-rác tập hợp quân đội Y-sơ-ra-ên để đánh bại những kẻ áp bức.[447] Rồi bà chỉ đạo các kế hoạch cho cuộc hành quân một cách chiến lược: kể cả quy mô quân đội, vị trí thuận lợi họ nên chiếm giữ, và thời điểm chính xác để tấn công.

Kẻ thù mà bà nhắm đến là Gia-bin, kẻ không áp bức toàn thể Y-sơ-ra-ên, mà chỉ các chi phái ở phía bắc. Dù sống ở phía nam, bà biết đủ về căn cứ quyền lực của Gia-bin để giao cho Ba-rác, chính ông cũng là người phía bắc, nhiệm vụ đánh bại hắn. Ba-rác khâm phục tài chiến lược xuất sắc của bà đến nỗi ông nài xin bà đứng bên cạnh mình nơi tiền tuyến. Ông không xin bà tự mình cầm vũ khí, mà chỉ xin bà cố vấn cho ông từ một nơi có thể quan sát rõ trận đánh khi nó diễn ra. Khi sẵn sàng ra trận, Ba-rác là tướng chỉ huy quân sự, còn bà giữ vai trò tổng tư lệnh. Bà dùng lời tiên tri bảo đảm với ông về chiến thắng và ra lệnh: "Hãy đi!" – và ông đi.[448] Thật tuyệt vời, Đức Chúa Trời ban cho họ một chiến thắng dẫn đến bốn mươi năm bình an.[449]

Ngay sau khi thắng trận, với Ba-rác là người song ca cùng mình, bà dạy toàn thể dân sự của Đức Chúa Trời một bài ca do bà sáng tác. Giống như Mi-ri-am, người một hai thế kỷ trước đó đã ngợi khen Đức Chúa Trời vì đã giải cứu dân Ngài khi họ bị dồn vào đường cùng,[450] hai người cùng hát về việc Đức Chúa Trời đã ban chiến thắng cho họ. Bài ca ngợi khen Đức Chúa Trời, nhưng cũng tôn vinh Đê-bô-ra như một trong những người được Đức Chúa Trời dùng trong chiến thắng, cùng với Ba-rác. Họ hát rằng: "khi [các nhà lãnh

444. Phục Truyền Luật Lệ Ký 17:8-13
445. Xuất Ê-díp-tô Ký 18:13
446. 1 Sa-mu-ên 10:1
447. Các Quan Xét 4:6
448. Các Quan Xét 4:14
449. Các Quan Xét 5:31
450. Xuất Ê-díp-tô Ký 15

đạo] trong Y-sơ-ra-ên dẫn đầu, khi dân chúng tự nguyện dâng mình, [mọi người hãy] ngợi khen CHÚA."[451] Những nhà lãnh đạo mà họ nói đến, rõ ràng là chính họ – bài ca tiếp tục nói: "Dân làng trong Y-sơ-ra-ên không chịu chiến đấu; họ chần chừ cho đến khi tôi, Đê-bô-ra, chỗi dậy, cho đến khi tôi chỗi dậy như một người mẹ trong Y-sơ-ra-ên."[452] Khi lắng nghe cả dân tộc cùng hát theo, ngay cả ngày nay chúng ta cũng được cảm thúc để tôn trọng những nhà lãnh đạo, kể cả phụ nữ, đã lãnh đạo tốt.

Là vợ của Láp-bi-đốt, bà không phải là một người phụ nữ độc thân có thể chuyên tâm hoàn toàn vào việc phục vụ Đức Chúa Trời và dân tộc. Dù vậy, chúng ta lưu ý thứ tự trong Kinh Thánh: trước hết bà là một nữ tiên tri, rồi mới là một người vợ. Ngay cả trong một nền văn hóa phụ quyền, nơi việc lệ thuộc chồng mình có thể là điều bình thường, cả bà lẫn bất kỳ ai khác trong câu chuyện đều không hề có chút e ngại nào về việc bà thực thi thẩm quyền trên đàn ông.

Trong bài ca của bà, bà được gọi là "người mẹ của Y-sơ-ra-ên". Nhưng bản chất làm mẹ của bà không làm giảm giá trị sự lãnh đạo công cộng của bà; đúng hơn, nó tạo thêm hương vị cho sự lãnh đạo ấy. Khác với cơn khát vinh quang thường thấy nơi nhiều nhà lãnh đạo thời chiến, Đê-bô-ra muốn trao vinh quang quân sự cho người khác. Tuy nhiên, ngay cả điểm này về tính chất làm mẹ của bà cũng không nên bị phóng đại – trong nỗ lực giành chiến thắng quân sự cho dân mình, lòng trắc ẩn mà người ta có thể trông đợi nơi một người phụ nữ không hề thấy trong bài ca của bà, khi bà chế giễu những người mẹ tan nát cõi lòng của các binh sĩ kẻ thù đã ngã xuống, không trở về nhà.[453]

Dù là một người toàn tài rất có năng lực, bà vẫn giao những nhiệm vụ quan trọng cho người khác. Bà trao cho Ba-rác công việc một mình ra trận, có lẽ vì bà nghĩ rằng, với sức mạnh thể chất vượt trội của họ, đánh trận là việc của đàn ông. Được Đức Chúa Trời bảo đảm chiến thắng, bà muốn dành cho Ba-

451. Các Quan Xét 5:1-2. Việc bản NIV dùng chữ "princes" (các vương hầu) thay vì "leaders" (các nhà lãnh đạo) đã loại trừ chính Đê-bô-ra, trong khi bà được mô tả như một người giải cứu trong chính bài ca của bà ở 5:8. Tôi nghĩ bản ESV và NLT nắm bắt ý nghĩa của chữ này tốt hơn với "leaders" (các nhà lãnh đạo).

452. Các Quan Xét 5:8

453. Các Quan Xét 5:28-30. Thật ra, trong bài ca đầy ám ảnh của Đê-bô-ra, rồi một người mẹ mất con trai lại biết được rằng các con gái của bà có thể sắp bị bắt làm phu tù.

rác vinh dự làm điều này mà không có bà. Nhưng Ba-rác lại muốn có bà bên cạnh trong trận chiến, và khi ấy bà báo cho ông biết rằng giờ đây ông sẽ phải chia sẻ một phần vinh quang chiến trận, vốn thường là lĩnh vực của đàn ông, với "một người nữ" – một lời tiên tri ám chỉ cả chính bà lẫn một người phụ nữ khác, Gia-ên, người sẽ giết viên tướng của Gia-bin.[454]

Thật là một câu chuyện tuyệt vời! Trong một nền văn hóa đề cao đàn ông, đây là một người phụ nữ làm phát ngôn nhân của Đức Chúa Trời, và cả các tướng lĩnh lẫn thường dân đều vui lòng lắng nghe bà.

Các học giả theo quan điểm bổ sung, dường như quyết tâm làm suy giảm thẩm quyền chính đáng do Đức Chúa Trời ban cho Đê-bô-ra trên đàn ông, thường làm điều đó bằng ba lập luận: họ cho rằng sự lãnh đạo của bà là riêng tư chứ không công khai;[455] rằng Đức Chúa Trời chọn Đê-bô-ra vì đàn ông trong xứ thụ động, và vì thế Ngài muốn làm họ hổ thẹn;[456] và rằng Đê-bô-ra

454. Các Quan Xét 4:21. Giống như Ba-rác và Đê-bô-ra, bà cũng được tôn vinh trong bài ca của Đê-bô-ra ở Các Quan Xét 5:24-26.

455. Họ chỉ ra rằng bà hành động như một người phân xử tư pháp cho những nhóm nhỏ người đến nhà bà, và rằng bà truyền lệnh riêng cho Ba-rác. Nhưng như vậy là không nhận ra rằng vai trò của bà là công cộng, ngay cả khi bà làm việc với từng cá nhân, và rằng bà ban ra một mệnh lệnh dẫn đến việc 10.000 người nam cầm vũ khí. Bà cũng dẫn dắt một cộng đồng lớn hơn nhiều trong một bài ca mừng chiến thắng, trong đó tất cả họ đều hát về sự lãnh đạo do Đức Chúa Trời lập của bà. Lý do các học giả này đưa ra lập luận ấy là họ đang cố dung hòa việc Đê-bô-ra lãnh đạo đàn ông với cách giải nghĩa sai của họ về 1 Ti-mô-thê 2:12, mà theo họ, một người phụ nữ không được lãnh đạo đàn ông nơi công cộng. Những sự phân biệt này có vẻ gượng ép và tùy tiện.

456. Nhưng không có điều gì trong câu chuyện cho thấy đàn ông từ chối các vai trò tiên tri, thẩm quyền tư pháp hay chiến lược gia quân sự. Sự kháng cự của Ba-rác không nhắm vào bất cứ vai trò nào trong số đó – nỗi lo lắng duy nhất của ông là phải dẫn đầu cuộc hành quân ra trận mà không có Đê-bô-ra, và vì điều đó ông bị phạt theo lối văn hóa khi phải chia sẻ vinh quang chiến trận với Đê-bô-ra và Gia-ên. Nếu chúng ta biết điều gì về cách Đức Chúa Trời chọn người lãnh đạo, thì đó là Ngài thích chọn người không ai ngờ tới. Chẳng hạn, dù quan xét đầu tiên, Ốt-ni-ên, là quan xét mẫu mực, mỗi quan xét trong ba người mà Đức Chúa Trời chọn sau đó đều cho thấy Đức Chúa Trời ưa thích những điều bất ngờ. Ê-hút "thuận tay trái" – điều đó có nghĩa là ông có thể khiến một chiến binh bình thường, vốn được huấn luyện để đánh với đối thủ thường thuận tay phải, bị bất ngờ. Ghê-đê-ôn thì nhút nhát và thuộc một dòng họ hèn mọn. Và dĩ nhiên, Đê-bô-ra là một người phụ nữ, khó mà là người đầu tiên mà ai đó trông đợi sẽ giành được chiến thắng quân sự. Đối với mọi dân sự của Đức Chúa Trời từ đó về sau, chúng ta nên sẵn lòng đón nhận những người lãnh đạo bất ngờ mà Đức Chúa Trời chọn. Chúng ta không nên khước từ các nhà lãnh đạo nữ, cũng như chúng ta sẽ không khước từ những nhà lãnh đạo thuận tay trái hay những nhà lãnh đạo nhút nhát xuất thân từ hoàn cảnh thiệt thòi.

công nhận Ba-rác là người lãnh đạo thật sự.[457] Không lập luận nào trong số này thật sự đứng vững. Điều mà phân đoạn này làm là cho thấy rằng một người phụ nữ, theo sự lựa chọn của Đức Chúa Trời, lãnh đạo dân sự của Đức Chúa Trời, kể cả đàn ông, trong cả lĩnh vực tôn giáo lẫn dân sự. Qua đó, bà mở đường cho những phụ nữ tin kính, có ân tứ ngày nay, là những người có thể được kêu gọi lãnh đạo trong một hoặc cả hai lĩnh vực.

Một số học giả chỉ thừa nhận vai trò dân sự của bà. Grudem, không thừa nhận vai trò tổng tư lệnh của bà, ví công việc tư pháp của bà với công việc của một người cố vấn hay một thẩm phán dân sự ngày nay. Những học giả khác chỉ bàn đến sự lãnh đạo thuộc linh của bà. Matthew Henry, nhà giải kinh thuộc phái Thanh giáo, phủ nhận vai trò xã hội của bà, khi nói: "Bà xét xử, không phải như một công chúa bằng thẩm quyền dân sự được trao cho mình, nhưng như một nữ tiên tri, và như miệng của Đức Chúa Trời đối với họ, sửa chữa các sự lạm dụng và giải quyết các điều bất bình, đặc biệt là những điều liên quan đến sự thờ phượng Đức Chúa Trời."[458] Cả Grudem lẫn Henry đều không thấy rằng bà bước đi trong sự lãnh đạo tôn giáo *và* xã hội (kể cả các lĩnh vực chính trị, tư pháp và quân sự) trên dân Y-sơ-ra-ên.

Câu chuyện này là một tiền lệ mạnh mẽ. Điều đủ rõ ràng là cả Đức Chúa Trời lẫn người Hê-bơ-rơ cổ đại đều không xem sự lãnh đạo của phụ nữ là điều tự bản chất đáng ghê tởm. Ở đây chúng ta có một người phụ nữ lãnh đạo cách thành thạo cả một cộng đồng, kể cả những người nam mạnh mẽ nhất của cộng đồng ấy.

457. Grudem, trong "Evangelical Feminism" (chương 4), lập luận cho điều này dựa trên việc bà bảo ông tập hợp quân lính, qua đó khẳng định "tính đúng đắn của sự lãnh đạo của người nam". Ông nói thêm rằng việc bà quở trách Ba-rác vì ông khăng khăng muốn bà cùng ra trận cũng chứng minh điều tương tự. Nhưng tất cả điều này chỉ là suy diễn. Lời giải thích rằng bà đã đúng khi nhận ra việc dẫn một đạo quân vào một trận chiến thể chất thì phù hợp với đàn ông hơn, là hợp lý hơn nhiều. Bà là một người phụ nữ, và vì thế không thích hợp cho một cuộc hành quân mà sức mạnh là yếu tố then chốt. Bà không có tham vọng tự mình dẫn quân ra trận, và tin rằng trận chiến thể chất là vinh quang của đàn ông. Dĩ nhiên Ba-rác có lãnh đạo, nhưng ngay cả sự lãnh đạo của ông cũng được bà ủy thác cho ông. Chiến lược bà ưa chọn (giống như Sa-mu-ên) là làm tổng tư lệnh, người chỉ thị cho tướng chỉ huy quân sự tiến hành cuộc chiến. Nhưng bà vẫn là người lãnh đạo nhờ quyền giám sát. Bà không trao lại quyền lãnh đạo của mình – bà đã chỉ thị cho một người nam thực thi sự lãnh đạo mà Đức Chúa Trời đã ban cho bà. Ngay cả nếu có thể chứng minh rằng bà công nhận Ba-rác là người lãnh đạo thật sự (mà điều này không thể chứng minh), thì vai trò của bà với tư cách là người có thẩm quyền tư pháp cao nhất trong xứ đã hiển nhiên trước cả khi chúng ta gặp Ba-rác.

458. Nguồn: www.bit.ly/3bIr6am

Điều khiến chức vụ của Đê-bô-ra đặc biệt có liên quan đến bối cảnh chức vụ hiện đại là việc Đức Chúa Trời chọn các quan xét/người giải cứu là một trong những ví dụ tốt nhất trong Cựu Ước về những kiểu người lãnh đạo mà Đức Chúa Trời có thể dùng ngày nay. Đó là vì trong mỗi trường hợp, Đức Chúa Trời không bị giới hạn bởi những định chế bị ràng buộc bởi văn hóa, chẳng hạn như quyền trưởng nam trong trường hợp các tổ phụ, hay luật pháp Môi-se chi tiết dành cho định chế thầy tế lễ, hay định chế địa chính trị phổ biến ở vùng Cận Đông cổ đại là vương quyền thuộc về nam giới. Trái lại, việc lập mỗi quan xét đều dựa trên sự kêu gọi và ân tứ do Thánh Linh ban, chứ không dựa trên sự lựa chọn phổ biến nhất hay có khả năng nhất của xã hội cổ đại. Thật tuyệt vời là trong sáu người giải cứu chính trong sách Các Quan Xét, có thể nói Đê-bô-ra là người thành công nhất – bà không chỉ là nhà lãnh đạo chính trị–quân sự cao cấp nhất trong xứ, mà còn là một nữ tiên tri và nhà lãnh đạo tư pháp cao nhất.

Những học giả theo quan điểm bổ sung thừa nhận điều này vẫn cho rằng bà là một ngoại lệ chứng minh cho quy luật rằng người nam phải lãnh đạo dân sự của Đức Chúa Trời. Thế nhưng chẳng có điều gì trong bản văn hướng chúng ta theo chiều ấy cả. Không, bà *không* phải là một ngoại lệ chứng minh cho quy luật. *Đúng hơn, sự lãnh đạo khác thường của bà chứng minh rằng không hề có quy luật như thế, chắc chắn là không có trong ý định của Đức Chúa Trời.* Bà phá vỡ cái gọi là "khuôn mẫu" về thẩm quyền cai quản của người nam mà nhiều học giả theo quan điểm bổ sung cho là có trong ý định của Đức Chúa Trời. Việc Đức Chúa Trời chọn một người nữ cho vai trò lãnh đạo quan trọng như thế giữa một thế giới phụ quyền là điều hết sức đáng chú ý. Nó đóng vai trò một "novum" (một điều mới mẻ và bất ngờ trong một câu chuyện hay một bản văn), khiến những độc giả đầu tiên của sách Các Quan Xét (và cả chúng ta nữa) phải xét lại toàn bộ những giả định của mình về Đức Chúa Trời, về giới tính và về sự lãnh đạo. Đối với một độc giả thời cổ của sách Các Quan Xét, việc đọc thấy một người nam lãnh đạo là điều văn hóa vẫn trông đợi, còn chi tiết gây bất ngờ thì chính là "sứ điệp". Nếu chúng ta không thấy được điều họ đã thấy trong câu chuyện về Đê-bô-ra, rồi lại sai lầm nhốt sự lãnh đạo thuộc linh chung một chiếc hộp với giới tính nam, thì rốt cuộc chúng ta chỉ đang cố nhốt Đức Chúa Trời vào một chiếc hộp.

Đức Chúa Trời, Đấng hạ mình thích ứng

Gác Hun-đa, Mi-ri-am, Ê-xơ-tê và Đê-bô-ra sang một bên, câu hỏi vẫn còn đó: tại sao trong Cựu Ước Đức Chúa Trời chủ yếu chọn người nam làm người lãnh đạo?

Các học giả theo quan điểm bổ sung thường liệt kê các trưởng lão nam, các tộc trưởng nam, các tổ phụ nam, các vua nam, v.v. trong Cựu Ước, như thể Đức Chúa Trời đang lập một chuẩn mực cho mọi thời đại rằng chỉ người nam mới được lãnh đạo. Nhưng kết luận này bỏ sót một điều then chốt trong tiến trình cứu chuộc của Đức Chúa Trời: Y-sơ-ra-ên không hề tự đặt ra vai trò nào trong số ấy – mọi dân tộc ở vùng Cận Đông cổ đại đều có trưởng lão nam, tộc trưởng nam, tổ phụ nam và vua nam. Chúng ta không được cho rằng khi Đức Chúa Trời để Y-sơ-ra-ên làm theo các dân khác thì Ngài đã tán thành điều đó như một lý tưởng phổ quát nào đó. Độ dài của Kinh Thánh, cùng khoảng thời gian rất lớn mà Kinh Thánh bao trùm, cho thấy sự cứu chuộc thế giới sa ngã của Đức Chúa Trời diễn ra *chậm rãi*. Khi Đức Chúa Trời bày tỏ chính Ngài cho các cộng đồng được cứu chuộc và qua họ cho một thế giới không tin, chúng ta nhận thấy Ngài thường hạ mình thích ứng với những thực tại văn hóa chưa lý tưởng, đôi khi thậm chí hết sức tồi tệ, trong khi vẫn luôn gieo vào đó những hạt giống sẽ dẫn đến sự cứu chuộc sau cùng của chúng.

Vùng Cận Đông cổ đại mang nặng văn hóa phụ quyền không kém gì Trung Đông ngày nay. Vì thế những người đứng đầu các thị tộc và các chi phái trong Cựu Ước luôn là nam giới, không hề có chỗ nào nhắc đến một người nữ đứng đầu một chi phái hay một thị tộc. Dân sự của Đức Chúa Trời trong Cựu Ước là gia đình của Áp-ra-ham, Y-sác và Gia-cốp. Khi Môi-se muốn trao quyền cho những người đứng đầu các gia tộc và các chi phái, ông chọn 70 người nam lớn tuổi, gọi là "trưởng lão". Nói đến "trưởng lão", chúng ta cũng nhớ rằng các trưởng lão nam thường ngồi tại cửa thành – nhưng hãy xem, đây vốn là cơ chế lãnh đạo thông thường trong thế giới chung quanh: chẳng hạn, ngay cả Ai Cập cũng có "trưởng lão".[459]

Nhưng việc Đức Chúa Trời bày tỏ chính Ngài và hành động vào trong, và ở bên trong, một tập quán văn hóa phụ quyền sẵn có không phải là sự tán

459. Sáng Thế Ký 50:7

thành phổ quát dành cho nó, cũng như việc Ngài khiến mười hai tổ phụ, tức các con trai của Gia-cốp, ra đời *qua tập quán văn hóa đa thê* không phải là sự tán thành tập quán ấy. Chúng ta biết đa thê là sai, thế nhưng Đức Chúa Trời đã hạ mình thích ứng với nó đến mức mười hai chi phái Y-sơ-ra-ên có những người sáng lập là những người nam cùng một cha nhưng không cùng một mẹ. Chế độ nô lệ cũng vậy, như chúng ta đã thấy trong chương 9. Việc Đức Chúa Trời hành động giữa một dân tộc mà đối với họ đa thê, chế độ nô lệ và chế độ phụ quyền là chuyện bình thường không có nghĩa là Đức Chúa Trời lý tưởng hóa hay tán thành bất kỳ tập quán nào trong số đó. Trong tiến trình lâu dài mà Đức Chúa Trời từng bước bày tỏ chính Ngài và các mục đích cứu chuộc toàn cầu của Ngài, rõ ràng Ngài sẵn lòng chịu đựng những điều mà rốt cuộc Ngài hứa sẽ chấm dứt.

Dù vậy, ngay cả nếu trong Cựu Ước Đức Chúa Trời đã luôn chỉ chọn người nam làm người lãnh đạo (mà thực ra không phải thế), chúng ta vẫn không nên cho rằng khuôn mẫu văn hóa chung ấy phải được chuyển sang Hội Thánh của Chúa Giê-xu. Lý do là thế này: trước khi Chúa Giê-xu đến, dân sự của Đức Chúa Trời là một quốc gia theo nghĩa đen, nhưng sau khi Ngài đến, và đặc biệt sau cuộc bắt bớ Hội Thánh ban đầu tại Giê-ru-sa-lem, dân sự ấy đã mang một hình thức mới. Chương trình của Đức Chúa Trời, nay đã được bày tỏ, là các Hội Thánh không tồn tại *như* một quốc gia, mà như một cộng đồng sống động, hữu cơ *ở giữa* các quốc gia trên khắp thế giới. Không còn là một dân tộc mang tính địa chính trị nữa, dân sự của Đức Chúa Trời ngày nay không cần đến những vai trò lãnh đạo thời cổ như vua, tộc trưởng, thầy tế lễ thượng phẩm hay các tiên tri của quốc gia. Phần lớn, Tân Ước nhấn mạnh sự gián đoạn giữa đức tin dưới Giao ước Cũ và dưới Giao ước Mới. Khi bỏ qua sự thật này, những người theo quan điểm bổ sung lại đưa ra thêm một lập luận nữa từ Cựu Ước để coi sự lãnh đạo của người nam là chuẩn mực Đức Chúa Trời ưa chuộng.

Thầy tế lễ là nam giới

Ba chức vụ lớn của Cựu Ước là tiên tri, thầy tế lễ và vua. Dù chúng ta biết có những nữ tiên tri và những hoàng hậu đầy quyền lực được Đức Chúa Trời dùng, chức vụ duy nhất chắc chắn chỉ dành cho người nam, không có một ngoại lệ nào, là chức thầy tế lễ.

Một số học giả theo quan điểm bổ sung khai thác triệt để điều này: "Nếu người ta chấp nhận rằng trong Cựu Ước có ngoại lệ ở mọi vai trò lãnh đạo, trừ thầy tế lễ, thì hẳn phải có một khuôn mẫu: Đức Chúa Trời mở mọi loại vai trò lãnh đạo cho phụ nữ, chỉ trừ một. Theo nghĩa này, thầy tế lễ là ngoại lệ trong Cựu Ước, còn trưởng lão là ngoại lệ trong Tân Ước."[460]

Rất gần đây, một số học giả khác đã củng cố lập luận này bằng hai lập luận nữa, mỗi lập luận đều nối kết riêng các thầy tế lễ Cựu Ước với các trưởng lão của Hội Thánh. Thứ nhất, họ chỉ ra rằng các thầy tế lễ đứng đầu, A-rôn và Lê-vi, được truyền phải dạy dân sự luật pháp Môi-se[461] – điều này phần nào tương ứng với các trưởng lão, là những người phải "có tài dạy dỗ".[462] Thứ hai, họ nhấn mạnh rằng các thầy tế lễ là người canh giữ nơi thánh và các vật dụng trong đó, tương tự công việc của các trưởng lão ngày nay, là những người phải canh giữ Hội Thánh về mặt thuộc linh và đạo đức.

Chúng ta đáp lại những lập luận này thế nào?

Dù các thầy tế lễ là nam giới, chúng ta không được kết luận rằng Đức Chúa Trời tán thành chế độ phụ quyền, nhất là vì Kinh Thánh không hề nói thế. Có thể đã có những lý do cụ thể, có lẽ chúng ta không thể biết được, giải thích tại sao chỉ người nam mới làm thầy tế lễ. Có ba lý do hợp lý cho việc không để phụ nữ điều hành nơi thánh. (Nếu phải đặt cược vào chỉ một lý do, tôi sẽ chọn lý do thứ nhất.)

Thứ nhất, luật pháp Môi-se coi phụ nữ đang có kinh nguyệt là bị ô uế theo nghi lễ, và vì thế mỗi tháng có một phần tư thời gian họ thậm chí không được đặt chân vào đền thờ. Ngày nay chúng ta có thể mỉm cười về điều này, nhưng trong tâm thức tôn giáo của người Y-sơ-ra-ên thời cổ, đây là điều hết sức hệ trọng. Môi-se truyền dạy: "Khi nào một người nữ có kinh nguyệt theo thường lệ, sự ô uế của kỳ kinh sẽ kéo dài bảy ngày; hễ ai đụng đến người sẽ bị ô uế đến chiều tối. … Ai đụng đến vật gì người đã ngồi trên sẽ bị ô uế; phải giặt quần áo mình, tắm trong nước, và bị ô uế đến chiều tối."[463] Điều này hẳn đã khiến phụ nữ không thích hợp làm thầy tế lễ trong một chức năng nghi lễ, trừ phi lịch phân công được sắp xếp theo chu kỳ kinh nguyệt luôn thay đổi

460. Craig Blomberg, "Two Views of Women in Ministry"
461. Lê-vi Ký 10:11; Ma-la-chi 2:7
462. 1 Ti-mô-thê 3:2
463. Lê-vi Ký 15:19, 22

của họ – mà dĩ nhiên đó là một ý tưởng quá xa vời.[464]

Thứ hai, việc có nữ thầy tế lễ có thể đã khiến người ta liên tưởng đến các nữ tư tế trong các tôn giáo ngoại giáo, vốn kết hợp mãi dâm với sự thờ phượng.[465] Thứ ba, các thầy tế lễ cần có sức mạnh thể chất. Họ phải dùng sức mình để bảo vệ đền thờ, và khi cần, xử tử bất cứ ai vào đền thờ trái luật;[466] suốt ngày họ xẻ thịt và khiêng vác các con thú; và trong 300–400 năm đầu tiên của nơi thánh, các thầy tế lễ phải liên tục tháo dỡ và khiêng cả nơi thánh cùng mọi đồ đạc trong đó từ nơi này đến nơi khác. Theo nghĩa này, việc không cho phụ nữ làm thầy tế lễ trong đền thờ là một giới hạn tự nhiên, cũng như việc không cho phụ nữ gia nhập quân đội Y-sơ-ra-ên.

Nhưng còn một điều căn bản hơn nữa cần nói về việc cố dùng giới tính nam của các thầy tế lễ làm tiền lệ. Chính luật nghi lễ của Môi-se đã quy định thầy tế lễ phải là nam giới. Như chính Chúa Giê-xu đã nhận xét,[467] luật pháp Môi-se không quy định một xã hội lý tưởng, nhưng là những sự nhân nhượng dành cho một xã hội bất toàn. Vì vậy, sự kiện chỉ người nam mới làm thầy tế lễ (và cần lưu ý, chỉ từ một chi phái) không có trọng lượng gì đối với câu hỏi của chúng ta về sự lãnh đạo trong Hội Thánh ngày nay. Đó là một quy định cho một nền văn hóa khác và một giao ước khác. Là những tín hữu của Giao ước Mới, chúng ta không ở dưới luật pháp Môi-se. Việc trở thành thầy tế lễ chẳng liên quan gì đến ân tứ hay lòng tin kính của một người, mà chỉ liên quan đến việc người ấy sinh ra là nam giới trong chi phái Lê-vi, và may mắn không có tật nguyền gì trên thân thể; vì thế chức vụ của họ không phải là tiền thân của sự lãnh đạo thuộc linh.

Tóm lại, mối liên hệ được cho là có giữa thầy tế lễ Cựu Ước và mục sư Tân Ước rất mong manh. Bảo vệ một tài sản bằng sức lực thể chất rất khác với canh giữ một dân sự về mặt thuộc linh và đạo đức:[468] điều trước liên quan

464. Đáng mừng là Chúa Giê-xu đã đến để chấm dứt những luật về sự thanh sạch này: hãy xem hai phép lạ liền nhau – khiến con gái Giai-ru sống lại và chữa lành người đàn bà bị mất huyết – trong đó, theo luật pháp Môi-se, Chúa Giê-xu đã trở nên ô uế vì tiếp xúc với họ. Trong cả hai trường hợp, Chúa Giê-xu làm cho điều ô uế trở nên tinh sạch.

465. Điều mà Phục Truyền Luật Lệ Ký 23:17 ngăn cấm – Đức Chúa Trời nhiều lần cấm Y-sơ-ra-ên tỏ ra như đang làm theo những tập tục vô luân của các dân tộc chung quanh.

466. Dân Số Ký 18:7

467. Ma-thi-ơ 19:8

468. Gần đây, một nhà thần học theo quan điểm bổ sung đã tìm cách củng cố lập luận này bằng cách thêm vào đó vai trò canh giữ khu vườn của A-đam. Người ấy chỉ ra rằng A-đam, một người

đến sức mạnh thể chất, vốn có ở người nam, còn điều sau liên quan đến sự trưởng thành thuộc linh và chiều sâu giáo lý, là điều không giới hạn ở người nam. Và đúng vậy, trong Cựu Ước các thầy tế lễ, cũng như các mục sư ngày nay, đã dạy lời Đức Chúa Trời, nhưng các tiên tri, các bậc quân vương và các bậc cha mẹ – những vai trò có cả phụ nữ – cũng có trách nhiệm dạy lời ấy.[469]

Quan trọng nhất là, theo Phi-e-rơ và tác giả thư Hê-bơ-rơ, các thầy tế lễ hoàn toàn không phải là tiền thân của các mục sư, mà là tiền thân của Chúa Giê-xu, thầy tế lễ trọn vẹn, Đấng dâng chính mình làm của lễ trọn vẹn,[470] và của mọi tín hữu, *cả nam lẫn nữ*, là những người làm "chức thầy tế lễ thánh, dâng của lễ thiêng liêng, nhờ Đức Chúa Giê-xu Christ mà đẹp ý Đức Chúa Trời".[471] Không nơi nào trong Tân Ước trực tiếp nối kết mục sư với thầy tế lễ. Thật ra, một trong những khám phá lớn của Cuộc Cải cách Tin Lành là các thầy tế lễ trong Cựu Ước hoàn toàn không tương ứng với hàng giáo phẩm của Hội Thánh, mà tương ứng với mọi tín hữu. Phải chăng chúng ta đang tìm cách phá bỏ một viên đá góc nhà của Cuộc Cải cách Tin Lành?

Trở lại điểm chính của chương này: những tấm gương sáng ngời về những người phụ nữ đã lãnh đạo người nam, hành động như *ezer kenegdos* của họ, tức là những người cộng sự mạnh mẽ, bất chấp sự thống trị của nam giới vốn là chuẩn mực ở vùng Cận Đông cổ đại, là những tia chớp báo trước về một ngày khi phụ nữ sẽ đứng bên cạnh nam giới trong sự cộng tác trọn vẹn trong công việc của Đức Chúa Trời. Lời tiên tri của Giô-ên về những người nam *và người nữ*, những con trai *và con gái* hoạt động trong trọn quyền năng của Đức

nam, phải là thầy tế lễ và người canh giữ khu vườn như một đền thờ, rằng các thầy tế lễ nam phải canh giữ đền thờ hữu hình, và vì thế các trưởng lão nam phải canh giữ Hội Thánh như một đền thờ. Dù về mặt thần học có một mối liên hệ giữa khu vườn như đền thờ, đền thờ hữu hình và Hội Thánh như đền thờ (đó là những nơi Đức Chúa Trời ngự), khuôn mẫu được cho là có ấy thất bại ở ba điểm. Thứ nhất, Đức Chúa Trời ban Ê-va cho A-đam làm một người giúp đỡ mạnh mẽ để cộng tác với ông trong việc chăm sóc khu vườn như đền thờ (Sáng Thế Ký 2:18), nên giới tính nam của A-đam không có liên quan gì. Thứ hai, theo Tân Ước, A-đam không phải là tiền thân của các mục sư trong Hội Thánh, mà là tiền thân của Chúa Giê-xu, A-đam sau cùng (1 Cô-rinh-tô 15:45), và cũng là tiền thân của mọi người trong Đấng Christ, cả nam lẫn nữ, là những người phải phục vụ như thầy tế lễ trong nhà Đức Chúa Trời (1 Phi-e-rơ 2:5). Thứ ba, A-đam ở trên chứ không thuộc về khu vườn mà ông canh giữ, cũng như các thầy tế lễ đối với đền thờ, trong khi các mục sư không ở trên mà thuộc về Hội Thánh như đền thờ.

469. Ngoài ra, việc Kinh Thánh nhắc đến Lê-vi và A-rôn (chứ không phải toàn thể hàng thầy tế lễ) dạy dỗ không có nghĩa là mọi thầy tế lễ đều là người dạy dỗ.

470. Hê-bơ-rơ 8-10

471. 1 Phi-e-rơ 2:5

Thánh Linh[472] đã diễn tả thật đẹp sự trông đợi này về một tương lai, khi phụ nữ sẽ trỗi dậy mạnh mẽ hơn để mang lấy chiếc áo choàng của sự lãnh đạo và sự giảng đạo. Điều này không có gì đáng ngạc nhiên: không có điều gì trong Cựu Ước làm suy yếu khả năng Đức Chúa Trời chọn phụ nữ cho những chức năng lãnh đạo và dạy dỗ đầy ảnh hưởng trong xã hội và trong Hội Thánh. Thật ra, nhiều tấm gương về những người phụ nữ được Đức Chúa Trời chọn trong quá khứ phụ quyền thời cổ khiến chúng ta phải trông đợi rằng, khi chọn những người lãnh đạo trong tương lai, Ngài vẫn sẽ không thiên vị ai, kể cả việc nhiễm sắc thể của họ là XX hay XY.[473]

Cuối cùng, sự rủa sả sẽ được đảo ngược hoàn toàn: A-đam sẽ không còn cai trị Ê-va nữa, nhưng họ sẽ cùng nhau cai trị, bên cạnh nhau – và nếu chúng ta trung thành với sự dạy dỗ của Cựu Ước, thì đó chính là lý tưởng của Đức Chúa Trời đã được nói rõ ngay trong chương đầu tiên của nó.

472. Giô-ên 2:28-29

473. Hoặc bất kỳ biến thể nào khác mà khoa học có thể chứng minh là có ở những người liên giới tính.

11

NHỮNG NGƯỜI PHỤ NỮ MẠNH MẼ TRONG CÁC SÁCH PHÚC ÂM

"Mọi sách Phúc Âm đều cho thấy chính các nữ môn đồ của Chúa Giê-xu là những người đầu tiên công bố sứ điệp về sự phục sinh của Chúa Giê-xu, là điều cốt lõi của Tin Lành trong Hội Thánh ban đầu." David Scholer[474]

Đáng mừng là các học giả theo quan điểm bổ sung thừa nhận việc Chúa Giê-xu nâng cao địa vị của phụ nữ. Suy cho cùng, phần này trong chức vụ của Chúa Giê-xu ủng hộ nguyên lý của thuyết bổ sung rằng phụ nữ được dựng nên với phẩm giá và giá trị ngang bằng nam giới. Tuy nhiên, *sau đó các học giả này thường bỏ qua hoặc giảm nhẹ cách Chúa Giê-xu trong các sách Phúc Âm không chỉ làm lộ ra giá trị của phụ nữ, mà còn giải phóng chức vụ của phụ nữ.* Đó là một sai lầm. Cốt lõi của Cơ Đốc giáo là học cách nhìn mọi sự, kể cả phụ nữ và chức vụ, như Chúa Giê-xu nhìn.

Phần trong chức vụ của Chúa Giê-xu mà mọi người theo quan điểm bổ sung đều háo hức chỉ ra là việc Ngài chỉ chọn các sứ đồ nam. Rất thường, dường như đó là tất cả những gì họ nhận thấy về quan điểm của Chúa Giê-xu đối với chức vụ của phụ nữ trong các sách Phúc Âm. Họ kết luận rằng Chúa Giê-xu muốn phụ nữ phục vụ, *nhưng không lãnh đạo*. Ở cuối chương này, tôi sẽ chứng minh sai lầm của việc coi *mười hai sứ đồ* của Chúa Giê-xu như một thứ khuôn mẫu cho mọi sự lãnh đạo về sau trong Hội Thánh Ngài. Nhưng trong phần lớn chương này, tôi sẽ bác bỏ chính ý tưởng cho rằng Chúa Giê-xu đã tán thành những chức năng phục vụ chỉ dành cho nam giới. Dù các sách Phúc Âm chủ yếu nói về chức vụ của Chúa Giê-xu, thật đáng chú ý là các tác giả Phúc Âm đã dành nhiều chỗ đến thế để kể về việc Chúa Giê-xu giải

474. www.fuller.edu/womeninministry/

phóng phụ nữ cho chức vụ, đặt họ ở vị trí trung tâm, nổi bật trong công việc của Đức Chúa Trời *mà hoàn toàn không màng đến việc giữ họ trong bất kỳ "phạm vi" nào được cho là phù hợp với giới tính.* Trong chương này, chúng ta sẽ điểm qua một vài người phụ nữ mà Chúa Giê-xu đã dùng như những tác nhân đầy năng lực của Nước Ngài. Hãy bắt đầu với người quan trọng nhất.

Ai là người đầu tiên trong lịch sử nghe danh *Giê-xu*? Ai là người đầu tiên nghe và tin rằng Ngài là Con Đức Chúa Trời, Đấng đến để cứu thế gian, và sẽ khai mở một vương quốc trong đó người nhỏ nhất sẽ trở nên lớn nhất? Ai là người đầu tiên trong thời kỳ Tân Ước nhận sứ điệp Đức Chúa Trời gửi đến, và được Thánh Linh của Đức Chúa Trời ngự xuống trên mình cách đầy quyền năng? Ai là người đầu tiên giảng (thật ra là hát) một bài giảng về Chúa Giê-xu và vương quốc ân điển đảo ngược mọi trật tự của Ngài? Và ai là người đầu tiên chịu khổ, cụ thể là bị bắt bớ, vì đức tin nơi Con Đức Chúa Trời? Thêm một gợi ý nữa: đó cũng là người đầu tiên được Chúa Giê-xu đến và sống bên trong mình.

Dĩ nhiên, tôi đang nói về Ma-ri, mẹ của Chúa chúng ta.

MA-RI, NGƯỜI MẸ

Dù chỉ là một thiếu nữ có địa vị thấp kém trong một xứ sở nguy hiểm và bị chiếm đóng, bài ca của Ma-ri tuyên bố bà được phước biết bao, vì Đức Chúa Trời "đã cách người có quyền khỏi ngôi họ, và nhắc kẻ khiêm nhường lên".[475] Khi bà tin cậy và vâng lời Đức Chúa Trời (chứ không phải một người nam hay một chuẩn mực văn hóa), Ngài ban cho bà một giá trị mà không người nam hay nền văn hóa nào có thể lấy đi khỏi bà.

Augustine suy ngẫm về ý nghĩa thần học của việc Ma-ri sinh ra Con Đức Chúa Trời: "Chúa Giê-xu Christ, khi đến để giải phóng loài người, gồm cả người nam lẫn người nữ được định cho sự cứu rỗi, đã không hổ thẹn về bản tính nam, vì Ngài đã mặc lấy bản tính ấy; cũng không hổ thẹn về bản tính nữ, vì Ngài đã được sinh ra bởi một người nữ."[476] Lucy Peppiatt bình luận về lời của Augustine: "Khi Đức Chúa Trời chọn đến thế gian, Ngài đã chọn sự ẩn

475. Lu-ca 1:52
476. Trích dẫn trong Thomas Oden, Classic Christianity: A Systematic Theology, tr. 266

khuất trong dạ một người nữ. Khi Đức Chúa Trời chọn mặc lấy xác thịt, Ngài đã chọn nhận xác thịt ấy từ một người nữ. … Qua một người nam, Đức Chúa Trời bày tỏ chính Ngài cho chúng ta, và qua một người nữ, Đức Chúa Trời nối kết với nhân loại."[477]

Rất lâu sau khi Chúa Giê-xu đã trưởng thành, Ma-ri vẫn tích cực phục vụ Ngài và sẵn lòng chịu khổ vì Ngài: "Còn ai khác dám đến trước mặt Chúa Giê-xu để báo cho Ngài biết rằng rượu đã hết, hay rằng Ngài sẽ gặp rắc rối nếu cứ tiếp tục xúc phạm các nhà lãnh đạo tôn giáo? Còn ai khác bị lưỡi gươm đâm thấu linh hồn khi chứng kiến tên lính đâm vào sườn Con mình trong ngày Thứ Sáu Tuần Thánh đầu tiên khủng khiếp ấy – ứng nghiệm lời tiên tri đã phán với bà khi Chúa Giê-xu chỉ là một hài nhi được bọc an toàn trong khăn?"[478]

Ai, sau Chúa Giê-xu, đã làm nhiều nhất cho Nước Đức Chúa Trời? Câu trả lời của tôi không phải là Áp-ra-ham, Môi-se, Đa-vít hay Phao-lô. Không cần bàn cãi, đó là Ma-ri. Tôi không nghĩ trong lịch sử loài người từng có một chức vụ nào lớn hơn việc cưu mang Đấng Mê-si-a trong lòng mình và giữ cho Ngài sống đủ lâu để Ngài có thể tự đứng trên đôi chân mình.

Không chỉ con bà, chính bà cũng thật đáng gờm: chúng ta thường nghĩ đến sự thấp hèn và yếu đuối của bà, nhưng lại quên rằng bà là một sức mạnh đáng nể đến nỗi Giăng – người con thay thế mà Chúa Giê-xu đã giao bà cho chăm sóc – đã dùng lời tiên tri mô tả bà như người sống sót qua cuộc đối đầu với một con rồng lớn sắc đỏ của ma quỷ trong khi bà sinh con.[479]

NỮ TIÊN TRI AN-NE

"Lại có nữ tiên tri An-ne, [là người] không ra khỏi đền thờ, cứ đêm ngày kiêng ăn và cầu nguyện mà thờ phượng. Chính lúc ấy, bà đến gần Ma-ri, Giô-sép và con trẻ, và cảm tạ Đức Chúa Trời."[480]

477. Lucy Peppiatt, Rediscovering Scripture's Vision for Women, chương 2.
478. Lucy Peppiatt, Rediscovering Scripture's Vision for Women, chương 2.
479. Khải Huyền 12:1-6
480. Lu-ca 2:36-37

An-ne là người đầu tiên được gọi là tiên tri trong thời kỳ Tân Ước. Thật ra, Kinh Thánh không ghi lại một tiên tri nào công bố lời Đức Chúa Trời trong suốt nửa thiên niên kỷ trước giây phút thánh này. Mất chồng chỉ sau bảy năm chung sống, bà dành phần đời còn lại ở đền thờ. Năm tháng trôi qua, nỗi đau nhớ người bạn đời đã khuất nhường chỗ cho niềm khao khát Cứu Chúa của thế gian. Một ngày kia, khi Ma-ri và Giô-sép đến đền thờ để dâng con trẻ, bà được ban cho đôi mắt để nhìn thấy Ngài – thật sự nhìn thấy Ngài. Cuộc chờ đợi cuối cùng đã chấm dứt. Mọi nỗi thất vọng của bà tan biến khi bà lập tức bật lên lời ngợi khen và hoàn thành chức vụ của mình bằng cách nói "về con trẻ với mọi người [đang] trông đợi sự cứu chuộc của Giê-ru-sa-lem".[481]

Trong khuôn viên đền thờ, hoàn toàn không hay biết – thật tuyệt vời – về bất cứ sự dạy dỗ nào của thuyết bổ sung rằng phụ nữ không được phép dạy dỗ những người nam tin Chúa ở một nơi công cộng mang tính tôn giáo, bà nhắc nhở những người nữ và người nam có đức tin về các lời hứa tiên tri của Kinh Thánh. Bà công bố cho họ tin lành về con trẻ sẽ là vị vua cứu rỗi – và tất cả những điều đó mà không cần có một người chồng để "che phủ" bà hay đứng bên cạnh bà.

NGƯỜI ĐÀN BÀ BÊN GIẾNG NƯỚC

Nếu bạn hỏi bất cứ người đọc Kinh Thánh nào xem ai là Cơ Đốc nhân đầu tiên công bố Chúa Giê-xu là Đấng Mê-si-a cho một đám đông lớn với kết quả truyền giảng lớn lao, có lẽ họ sẽ trả lời đó là Phi-e-rơ trong ngày Lễ Ngũ Tuần. Nhưng đã có một người đi trước ông nhiều năm.

Trong chương 5, tôi đã nói về việc Chúa Giê-xu trò chuyện riêng về thần học với người đàn bà Sa-ma-ri – cuộc trò chuyện dài nhất như thế được ghi lại mà chúng ta có. Ở đây tôi xin nhấn mạnh rằng bà không chỉ tin rằng Ngài là Đấng Mê-si-a; *bà còn trở thành nhà truyền giảng đầu tiên khởi xướng một cuộc phục hưng công khai, theo một nghĩa nào đó.*

481. Lu-ca 2:38

Đây là một sự đổi đời đáng kinh ngạc. Khi Chúa Giê-xu tự giới thiệu với bà bằng cách xin nước uống, bà chỉ là một linh hồn khát khao như bao người khác. Bà cũng ở tận đáy nấc thang địa vị trong thành mình. Thường thì phụ nữ đến giếng vào sáng sớm, cùng với những phụ nữ khác, nhưng bà lại ở đây – một mình giữa lúc trời nắng gắt – một dấu hiệu cho thấy bà bị những phụ nữ khác khinh rẻ; có lẽ họ nói xấu bà vì đã qua lại với quá nhiều người đàn ông.

Thế nhưng Chúa Giê-xu trò chuyện với bà. Ngài đối thoại thần học với bà. Trong quá trình đó, bà dần dần trải nghiệm sự tự bày tỏ của Ngài, cũng như bà tự bày tỏ mình cho Ngài. Khi Chúa Giê-xu đưa cuộc trò chuyện lên đến cao điểm bằng câu "Ta là Đấng Mê-si-a", bà uống một ngụm Nước Hằng Sống tẩy sạch, bỏ lại chiếc vò cũ và chạy về thành để mời người khác uống chính thứ nước mà bà vừa nhận. Kinh Thánh chép: "Người đàn bà bỏ vò nước mình lại, đi vào thành và nói với người ta: 'Hãy đến xem một người đã nói với tôi mọi điều tôi đã làm. Đây chẳng phải là Đấng Mê-si-a sao?' Họ ra khỏi thành và đi đến cùng Ngài."[482]

Kết quả là "nhiều người … tin Ngài vì cớ lời làm chứng của người đàn bà". Sau khi chính mình gặp Chúa Giê-xu, họ nói với người đàn bà: "Không còn phải vì lời chị nói mà chúng tôi tin nữa; vì chính chúng tôi đã nghe, và biết rằng người này thật là Cứu Chúa của thế gian."[483] Bà không chỉ là người đầu tiên trong lịch sử nghe những lời "Ta là Đấng Mê-si-a", mà còn là người đầu tiên, sau An-ne, loan báo khám phá này cho bất cứ ai chịu lắng nghe bà, dù là đàn ông hay đàn bà! Việc Chúa Giê-xu chọn và tôn trọng bà có nghĩa là thân phận bị ruồng bỏ của bà đã nhường chỗ cho địa vị cao quý của người loan báo về Chúa Giê-xu.

Những học giả giảm nhẹ chức vụ truyền giảng của bà – "bà chỉ chia sẻ lời làm chứng của mình thôi" – đã bỏ qua các sự kiện: bà đã đi tìm người ta; đã dùng lời nói để hướng người ta đến Chúa Giê-xu; và đã công bố Ngài là Đấng Mê-si-a, với kết quả là họ tin Chúa Giê-xu. Chúa Giê-xu thậm chí còn dùng tấm gương đang diễn ra của bà trong một bài dạy ngắn về việc truyền giảng cho các môn đồ. Sau khi so sánh đám đông với một cánh đồng lúa chín sẵn sàng cho mùa gặt, Ngài nhắc đến bà khi phán: "*Ngay bây giờ* người gặt …

482. Giăng 4:28-30
483. Giăng 4:39-42

thu hoa lợi cho sự sống đời đời."[484] Bài giảng của Ngài kết thúc khi nhà truyền giảng ấy leo lên đồi đến với Chúa Giê-xu, theo sau là những người bạn mới của bà. Trước đó các môn đồ có thể đã "lấy làm lạ vì thấy Ngài nói chuyện với một người đàn bà"[485] (câu 27), nhưng hẳn họ còn ngạc nhiên hơn biết bao khi thấy chức vụ truyền giảng của bà lập tức khởi sự theo cách vượt xa chức vụ của bất cứ ai trong họ lúc bấy giờ.

MA-THÊ, NGƯỜI LÀM CHỨNG

Khi nghe đến tên "Ma-thê", nhiều người trong chúng ta nhớ lại một lần bà đã làm sai, khi Chúa Giê-xu quở trách bà vì đã bỏ lỡ cơ hội được Ngài dạy dỗ, chọn làm người lo việc nhà cho Ngài thay vì làm môn đồ của Ngài. Lỗi của bà là chuẩn bị cho Ngài một bữa ăn vật chất mà Ngài chưa hề yêu cầu, trong khi Ngài đang dọn một bữa ăn thuộc linh cho em gái bà.

Tuy nhiên, ít ai trong chúng ta nhớ đến một lần khác bà đã làm đúng một cách đầy ấn tượng, và được Đức Chúa Trời dùng để dạy dỗ bất cứ ai ngày nay có Kinh Thánh. Hơn các sách ký thuật khác về Chúa Giê-xu, sách Phúc Âm Giăng mô tả những cuộc gặp gỡ riêng giữa Chúa Giê-xu với từng người theo cách mà mỗi người nhận ra một điều then chốt về Ngài – và mở sự khải thị ấy ra cho cả chúng ta là những người đọc. Chẳng hạn, khám phá của người đàn bà bên giếng nước rằng Chúa Giê-xu là Đấng Mê-si-a, qua sách Phúc Âm Giăng, nay được rao truyền cho những con người và những nơi chốn vượt xa những người đồng hương của bà ở thế kỷ 1. Tuy vậy, bà không phải là người nữ duy nhất làm chứng về Chúa Giê-xu mà Giăng đưa lên vị trí nổi bật trong sách mình: Ma-thê cũng làm chứng về một điều then chốt liên quan đến Chúa Giê-xu.

Một lưu ý ngắn trước khi nói đến bà: phần lớn người đọc Kinh Thánh biết tầm quan trọng của những lời làm chứng này trong các sách Phúc Âm. Lời nổi tiếng nhất là khi Chúa Giê-xu hỏi các môn đồ: "Còn các ngươi thì nói Ta là ai?" và Phi-e-rơ trả lời: "Thầy là Đấng Mê-si-a."[486] Thật ra, lời của Phi-e-rơ là chiếc bản lề nối nửa đầu sách Phúc Âm Mác (nói về việc Chúa Giê-xu là ai)

484. Giăng 4:36
485. Giăng 4:27
486. Mác 8:29

với nửa sau (nói về quyết tâm của Chúa Giê-xu chịu chết trên thập tự giá vì chúng ta). Quan trọng hơn, lời tuyên xưng của Phi-e-rơ là tảng đá khải thị mà trên đó Hội Thánh sẽ được xây dựng.

Điều ít ai nhận ra là Giăng dùng lời làm chứng của Ma-thê về Chúa Giê-xu theo cùng một cách như Mác dùng lời của Phi-e-rơ. Trong Giăng 11, chúng ta đọc thấy Chúa Giê-xu đến nơi thì thấy Ma-thê đang khóc vì người em trai vừa qua đời. Chúa Giê-xu phán với bà (và đây là chỗ duy nhất trong các sách Phúc Âm chúng ta có một lời như thế này): "Ta là sự sống lại và sự sống; kẻ nào tin Ta thì sẽ sống, mặc dầu đã chết rồi … Ngươi tin điều đó chăng?"

"Lạy Chúa, phải," bà thưa (và đây là lời tuyên xưng của bà), "*tôi tin Chúa là Đấng Mê-si-a, Con Đức Chúa Trời, là Đấng phải đến thế gian.*"[487] Giăng đã ghi lại lời bà cho hậu thế – và chỉ như thế, điều bà thấy nơi Chúa Giê-xu và nói về Ngài đã trở thành nền đá mà trên đó hàng triệu độc giả của sách Phúc Âm Giăng có thể xây dựng đời sống và số phận đời đời của mình.

Những người phụ nữ trong vòng thân cận của Chúa Giê-xu

Các sách Phúc Âm nêu tên 23 người trong vòng môn đồ thân cận của Chúa Giê-xu. Có mười hai sứ đồ, Giô-sép Giút-tu, La-xa-rơ, Ni-cô-đem và Giô-sép người A-ri-ma-thê. Điều ít ai nhận ra là bảy môn đồ còn lại được nêu tên đều là phụ nữ: Ma-ri mẹ Ngài, Ma-ri Ma-đơ-len, Ma-ri "kia", Ma-ri ở Bê-tha-ni, Gian-nơ, Su-xan-nơ và Sa-lô-mê. Hãy xem chẳng hạn đoạn này:

Chúa Giê-xu đi từ thành này đến làng kia, rao giảng và rao truyền tin lành về Nước Đức Chúa Trời. Có mười hai sứ đồ ở với Ngài, cùng mấy người đàn bà đã được chữa khỏi tà ma và bệnh tật: Ma-ri (gọi là Ma-đơ-len), từ người bảy quỷ dữ đã ra; Gian-nơ, vợ Chu-xa, quan nội vụ của vua Hê-rốt; Su-xan-nơ và nhiều người khác. Các bà này đã lấy của cải mình mà giúp đỡ họ.[488]

Đoạn văn này cho thấy Chúa Giê-xu có một vòng thân cận rộng hơn chỉ mười hai sứ đồ, trong đó nhiều người là phụ nữ. Sau khi đã trải nghiệm sự chạm đến đầy giải phóng của Chúa Giê-xu, những phụ nữ Ga-li-lê này thỉnh

487. Giăng 11:25-27
488. Lu-ca 8:1-3

thoảng cùng Chúa Giê-xu và mười hai sứ đồ hiệp tác, thực hiện cả cuộc hành trình gian khổ xuống Giê-ru-sa-lem.

Chúa Giê-xu chọn những phụ nữ này làm môn đồ của Ngài, làm bạn đồng hành trong sứ mạng, và làm những người bảo trợ chu cấp cho sứ mạng bằng của cải riêng của họ. Trong văn hóa thời cổ, nhận sự bảo trợ là đặt mình vào vị thế lệ thuộc và mang ơn. Vì thế, hẳn những phụ nữ này đã được Chúa Giê-xu hết sức tôn trọng.

Trong Lu-ca 10, chúng ta đọc thấy "Chúa chọn bảy mươi hai người khác, sai từng đôi đi trước Ngài đến mọi thành và mọi nơi mà chính Ngài sẽ đi đến". Hãy để ý rằng Chúa Giê-xu không chỉ tập họp những người tình cờ ở gần, nhưng đã đặc biệt chọn lựa, rồi chuẩn bị đội ngũ truyền giáo này. Rất có thể nhiều người, nếu không phải là tất cả, trong số các phụ nữ thuộc vòng thân cận của Ngài đã ở trong số 36 cặp mà Chúa Giê-xu sai đi trong chiến dịch truyền giáo chớp nhoáng khắp quê hương của người Do Thái.[489] Như vậy, những phụ nữ này – vâng theo lời chỉ dẫn của Chúa Giê-xu – hẳn đã công bố sự hiện diện của Nước Đức Chúa Trời cho những gia đình và làng mạc sẵn lòng tiếp nhận; can đảm lên án những ai khước từ lời mời và quyền cai trị của Chúa Giê-xu; và bày tỏ quyền năng vương giả của Ngài bằng cách đuổi quỷ.

Thế nhưng một số học giả lập luận rằng đội đi trước gồm 72 người ấy toàn là nam giới, dựa trên tiền đề rằng chữ "khác" (tiếng Hy Lạp: *heterous*) ở giống đực. Nhưng như thế là hiểu sai cách những người truyền đạt thời cổ, trong các ngôn ngữ lấy nam giới làm trung tâm, thường dùng dạng giống đực của một từ để mô tả những nhóm có cả nam lẫn nữ. (Chẳng hạn, cũng chính từ này được dùng cho tất cả "những người què, đui, tàn tật, câm và nhiều người khác [*heterous*]"[490] được đặt dưới chân Chúa Giê-xu để được chữa lành – và chắc chắn nhiều bệnh nhân của Đấng Chữa Lành là phụ nữ.)

489. Khó có khả năng Chúa Giê-xu đã tìm được một nhóm 72 môn đồ tận tụy nhất khác mà không bao gồm phần lớn hay tất cả các môn đồ được nêu tên trong các sách Phúc Âm. Tuy nhiên, lý do tôi không khẳng định chắc chắn hơn về việc những phụ nữ này có mặt là vì có lẽ đối với Chúa Giê-xu, Đấng thường có chiến lược trong cách tiếp cận sứ mạng, một Y-sơ-ra-ên nặng tính phụ quyền có nhiều khả năng tiếp nhận chức vụ công khai của người nam hơn.
490. Ma-thi-ơ 15:30

Về sau, nhiều phụ nữ trong vòng thân cận của Chúa Giê-xu đã trở thành những nhân chứng chính; là những môn đồ cuối cùng rời thập tự giá vào ngày Thứ Sáu bi thảm ấy; và cũng là những người đầu tiên đến mộ Ngài vào sáng Chúa Nhật Phục Sinh. Một trong những phụ nữ này được tôn trọng hơn những người khác.

MA-RI MA-ĐƠ-LEN

Có lẽ đến giờ bạn đã nhận ra rằng trọng tâm của Tin Lành Cơ Đốc là lời khẳng định rằng Chúa Giê-xu, theo các sự kiện lịch sử, đã bị đóng đinh, được chôn và đã sống lại từ kẻ chết. Nếu chúng ta còn nghi ngờ về những biến cố lịch sử này, thì chúng ta nghi ngờ chính Cơ Đốc giáo.

Đáng mừng là Chúa Giê-xu đã lo liệu để mỗi biến cố trọng đại này trong lịch sử – sự chết, sự chôn và sự sống lại của Ngài – đều được nhiều người chứng kiến. *Tuy nhiên, điều có thể khiến bạn ngạc nhiên là Ngài chủ yếu đã chọn phụ nữ làm những nhân chứng ấy! Thật ra, chỉ có Ma-ri Ma-đơ-len và các bạn của bà chứng kiến cả ba biến cố này.* Họ là những người cuối cùng còn ở lại nơi thập tự giá, ở lại đó rất lâu sau khi các môn đồ nam đã bỏ chạy.[491] Một vài người trong họ còn giúp chôn Ngài.[492] Và họ có mặt tại mộ lúc tảng sáng ngày Chúa Nhật – Kinh Thánh chép rằng "thiên sứ nói với các bà: 'Các ngươi đừng sợ, vì ta biết các ngươi tìm Đức Chúa Giê-xu, là Đấng bị đóng đinh. Ngài không ở đây đâu; Ngài sống lại rồi … Hãy đi mau báo cho các môn đồ Ngài rằng: Ngài đã từ kẻ chết sống lại.'"[493] Hãy nghĩ xem điều này có nghĩa gì: không một sứ đồ nam nào thấy thi thể Chúa Giê-xu được đặt vào mộ *và* ba ngày sau cũng thấy mộ trống. Thay vào đó, Đức Chúa Trời giao cho Ma-ri và các bạn của bà công việc chứng kiến tất cả những biến cố này và truyền lại điều họ đã thấy. Thật ra, trong phần lớn ngày Chúa Nhật Phục Sinh đầu tiên ấy, những phụ nữ này là *những người duy nhất trên trái đất mang sứ điệp về sự phục sinh*. Hãy nghĩ về điều đó – ở giai đoạn then chốt này trong sự mở ra của câu chuyện vĩ đại nhất của vũ trụ, toàn bộ giá trị của đức tin Cơ Đốc nằm trong tay vài người phụ nữ này. Đức Chúa Trời tin cậy phụ nữ biết bao!

491. Ma-thi-ơ 27:55-56; Mác 15:40-41
492. Ma-thi-ơ 27:57-61; Mác 15:42-47; Lu-ca 23:50-56
493. Ma-thi-ơ 28:5-6

Trong số những phụ nữ này, Chúa Giê-xu ban cho Ma-ri Ma-đơ-len cuộc gặp gỡ thật sự đầu tiên với Ngài là Chúa Phục Sinh: "Bà tưởng là người làm vườn, bèn nói rằng: 'Thưa ông, nếu ông đã đem Ngài đi, xin nói cho tôi biết ông để Ngài ở đâu, thì tôi sẽ đến lấy.'" Khi Chúa Giê-xu gọi tên bà, bà quay lại và kêu lên bằng tiếng A-ram: "Ra-bu-ni!" (nghĩa là Thầy). Rồi Ma-ri đi đến cùng các môn đồ với tin tức chấn động: "Tôi đã thấy Chúa!"[494]

Chúng ta phải hỏi: tại sao Chúa Giê-xu lại chọn phụ nữ, dù Ngài biết lời làm chứng của một người nữ kém đáng tin hơn, nếu không nói là bị gạt bỏ ngay lập tức?[495] Và tại sao Ngài làm thế khi biết rằng ngay cả các môn đồ nam có lẽ cũng sẽ không tin họ? Nhân tiện, đó chính là điều đã xảy ra – Lu-ca thuật lại rằng "họ không tin các bà, vì lời các bà nói dường như chuyện hoang đường đối với họ".[496] Dĩ nhiên, khi cuối ngày hôm đó chính các ông gặp Chúa Giê-xu, họ nhận ra việc nghi ngờ sứ điệp của các bà thật dại dột biết bao. Việc sau đó Chúa Giê-xu nghiêm khắc quở trách họ vì đã không chịu lắng nghe các chị em của mình[497] khiến bài học Ngài muốn dạy đàn ông chúng tôi, ngay từ lúc Hội Thánh khởi đầu trong thế gian, trở nên không thể nghi ngờ: *hãy học cách tiếp nhận lời Đức Chúa Trời từ miệng các chị em của mình*. Việc Chúa Giê-xu khâu nhận thức then chốt này vào ngày quan trọng nhất của lịch sử, và việc các tác giả Phúc Âm ghi lại điều đó, có nghĩa đây là một bài học hàng đầu mà chúng ta, những cộng đồng môn đồ Đấng Christ đời sau, không bao giờ được quên.

Về đề tài này, lời đầu tiên ra từ miệng Chúa Phục Sinh là gì?

Đó là: "Hỡi người nữ …"

Đừng bỏ qua điều đó. Sách Phúc Âm Giăng cho chúng ta biết Chúa Giê-xu sống lại vào "ngày thứ nhất", một sự ám chỉ đến cuộc sáng tạo mới. Chúa Giê-xu tái hiện câu chuyện của A-đam, người thức dậy sau giấc ngủ mê trong vườn và lập tức thấy Ê-va, người mà ông vui mừng và gọi là "người nữ", rồi về sau là "Ê-va … mẹ của mọi loài sống". Và như vậy, trong khoảnh khắc *déjà vu* này, Ma-ri Ma-đơ-len đại diện cho mọi người nữ trong kỷ nguyên của

494. Giăng 20:15-18
495. Chẳng hạn, luật ra-bi của người Do Thái cho rằng lời làm chứng của một trăm người nữ không bằng lời làm chứng của một người nam.
496. Lu-ca 24:11
497. Mác 16:14

cuộc sáng tạo mới, là những người đáng được tôn vinh như những sứ giả, đem sự sống đến cho bất cứ ai mà họ công bố rằng Chúa Giê-xu đang sống.

Ê-va có thể đã thất bại trong khu vườn của cuộc sáng tạo đầu tiên, khi bà mang sứ điệp nô lệ hóa của Sa-tan đến cho A-đam. *Nhưng trong khu vườn của ngôi mộ trống và của cuộc sáng tạo mới, sự rủa sả bị đảo ngược – giờ đây con gái của Ê-va mang sứ điệp giải phóng của Đức Chúa Trời đến cho các con trai của A-đam.* Và chỉ như thế, cả một thế giới mới xông vào giữa thế giới cũ đổ vỡ này – đem theo khả năng vinh hiển rằng phụ nữ sẽ sát vai bên cạnh nam giới trên tuyến đầu của sứ mạng Đức Chúa Trời. Chúa Giê-xu phục sinh không chỉ giao cho phụ nữ chức vụ then chốt đầu tiên trong kỷ nguyên mới của thực tại phục sinh; Ngài còn tôn trọng họ bằng một mức độ bình đẳng mới và một tầm ảnh hưởng mới mà chức vụ của họ có thể đạt được. "Việc nâng phụ nữ lên một vai trò trong chức vụ là một dấu hiệu của vương quốc đang xông vào, cho thấy trật tự cũ đã chấm dứt và một loạt mối quan hệ mới đã bắt đầu."[498]

Ma-ri cũng đóng một vai trò mang tính sứ đồ. Trong những chương đầu của sách Công Vụ Các Sứ Đồ, chức vụ làm "chứng nhân về sự phục sinh" đã trở thành một cách để chỉ các sứ đồ.[499] Sứ đồ là những người đã gặp Chúa Giê-xu phục sinh và được Ngài sai đi để nói cho người khác tin lành. Vì thế các giáo phụ đã trìu mến gọi Ma-ri Ma-đơ-len là "nữ sứ đồ của các sứ đồ". N.T. Wright đồng ý: "Nếu sứ đồ là một chứng nhân [được sai đi] về sự phục sinh, thì đã có những phụ nữ xứng đáng với danh hiệu đó trước bất kỳ người nam nào."[500] Nói cho rõ, bà không thuộc mười hai sứ đồ theo nghĩa hẹp, nhưng dường như, ít nhất là vào lúc ấy, bà thuộc về một vòng rộng hơn gồm những "người được sai đi", là những chứng nhân về sự phục sinh của Chúa Giê-xu (đó là ý nghĩa của chữ sứ đồ).

Chúng ta kết luận: từ ngày cuộc sáng tạo mới ló rạng với sự đến của Chúa Giê-xu, rõ ràng ý muốn của Đức Chúa Trời là không chỉ nam giới, mà cả phụ nữ nữa, sẽ công bố lẽ thật về Chúa Giê-xu. Không chỉ cho người chưa tin, hay chỉ ở nơi riêng tư, hay chỉ cho phụ nữ, mà còn (trái với sự dạy dỗ của thuyết

498. Grant Osborne, Women in Jesus' Ministry, tr. 289-90.
499. Công Vụ Các Sứ Đồ 1:22; 2:32
500. www.bit.ly/3k5tah6

bổ sung) cho mọi người có tai để nghe – cho phụ nữ *và nam giới*, cho người chưa tin *và người tin*, ở nơi riêng tư *và nơi công cộng*.

TẠI SAO CHỈ CÓ SỨ ĐỒ NAM?

Một cách biện minh khác mà các học giả theo quan điểm bổ sung đưa ra để loại phụ nữ khỏi các ban lãnh đạo cao nhất của các Hội Thánh ngày nay là: Chúa Giê-xu, dù tôn trọng vai trò của phụ nữ trong công việc của Đức Chúa Trời, vẫn loại họ ra khi chọn mười hai sứ đồ của Ngài. Công bằng mà nói, không phải mọi người theo quan điểm bổ sung đều đặt nặng điều này: "Chúng tôi sẽ không lập luận rằng chỉ vì Chúa Giê-xu chọn Mười Hai người nam làm sứ đồ của Ngài nên hẳn Chúa Giê-xu đã ưa chuộng một ban trưởng lão chỉ gồm người nam trong Hội Thánh,"[501] Piper và Grudem viết. Dù vậy, nhiều người vẫn dùng nó như một lập luận quan trọng. Những người tôi từng đọc đưa ra lập luận này đều dùng một lối suy luận căn bản ít nhiều giống nhau, mà tôi xin cố gắng tóm lại cách tôn trọng cho đến phần cốt lõi của nó:

Có hai lý do khả dĩ khiến Chúa Giê-xu chỉ chọn những người nam làm sứ đồ, là những người về sau sẽ lãnh đạo Hội Thánh Giê-ru-sa-lem. Lý do thứ nhất là Ngài tôn trọng các quy ước xã hội trong một nền văn hóa phụ quyền. Khả năng còn lại là Ngài đang làm gương cho Hội Thánh tương lai về nguyên tắc chỉ người nam lãnh đạo dân sự Đức Chúa Trời. Chúng ta biết Chúa Giê-xu không ngại đảo lộn các quy ước xã hội (hãy nghĩ đến việc Ngài nói chuyện riêng với một người đàn bà, hay việc Ngài thi hành chức vụ trong ngày Sa-bát), nghĩa là ắt phải là lý do thứ hai. Vì vậy, theo cách Chúa Giê-xu đã làm, chỉ người nam mới nên phục vụ trong các ban lãnh đạo mục vụ của các Hội Thánh.

Thoạt đọc, lý lẽ này có vẻ thuyết phục. Nhưng khi phân tích kỹ hơn, nó vỡ vụn thành tro bụi.

Trước hết, chúng ta có thể hỏi tại sao các học giả theo quan điểm bổ sung chỉ chăm chú vào giới tính nam của các sứ đồ. Chúng ta có thật sự nói được rằng

501. Recovering Biblical Manhood and Womanhood, tr. 62

khuôn mẫu Chúa Giê-xu dùng cho các sứ đồ phải quyết định khuôn mẫu mà mỗi Hội Thánh địa phương dùng khi chọn mục sư hay trưởng lão không? Chúa Giê-xu chọn mười hai người. Mọi Hội Thánh đều phải có mười hai người sao? Ngài chọn người Do Thái chứ không chọn dân ngoại; mọi Hội Thánh đều phải làm theo sao? Chúa Giê-xu chọn những người tự do chứ không chọn nô lệ; chúng ta có nên khước từ trao vai trò lãnh đạo cho người nghèo không? Họ còn trẻ; vậy các Hội Thánh phải làm gì về điều này, vì ở đây chúng ta gặp trở ngại: chữ "trưởng lão" có nghĩa là *người cao tuổi*? Vấn đề mà những câu hỏi này đặt ra là: nếu chúng ta coi việc Chúa Giê-xu chọn mười hai người nam Do Thái như một khuôn mẫu theo nghĩa đen cho mọi sự lựa chọn mục sư hay trưởng lão về sau, thì chúng ta cũng phải kết luận rằng Chúa Giê-xu không chỉ thiên vị về giới tính, mà còn thiên vị về sắc tộc (người Do Thái chứ không phải dân ngoại) và về giai cấp (người tự do chứ không phải nô lệ). Nhiều khả năng hơn, việc Ngài chọn mười hai người phục vụ cho một mục đích và một thời điểm cụ thể trong lịch sử cứu chuộc.

Điểm yếu chính của lập luận theo quan điểm bổ sung là *không phải* chỉ có hai lý do khiến Chúa Giê-xu chọn người nam – thật ra có một lý do biểu tượng rất rõ ràng, và có lẽ cũng có vài lý do chiến lược để không đưa phụ nữ vào mười hai sứ đồ.

Trước hết hãy xét lý do biểu tượng. Chúa Giê-xu đã khéo léo dùng những hành động mang tính biểu tượng để làm ứng nghiệm các hình ảnh và lời hứa trong Cựu Ước về Đấng Mê-si-a sẽ đến. Chẳng hạn, Chúa Giê-xu lên núi để dạy những người theo Ngài, và cho đám đông ăn bánh. Làm như vậy, Ngài cho thấy mình là Môi-se thật, người nhận luật pháp trên núi và dẫn dân sự Đức Chúa Trời nhận bánh từ trời. Khi Chúa Giê-xu cưỡi lừa vào kinh thành, Ngài làm ứng nghiệm lời tiên tri của Xa-cha-ri về Đấng Mê-si-a khiêm nhường, Đấng đến cách lặng lẽ để tiêu diệt những kẻ thù kiêu ngạo của Ngài. Khi Ngài lật đổ những cái bàn trong đền thờ, Ngài diễn tả bằng hình ảnh việc Đức Chúa Trời đe dọa sẽ tẩy sạch sự bại hoại trong sự thờ phượng của Y-sơ-ra-ên. Thời điểm và nơi chốn của sự chết Ngài cũng đầy ý nghĩa biểu tượng – Ngài có thể bị đóng đinh vào bất cứ ngày nào và ở bất cứ nơi đâu, nhưng Ngài đã chết trong Lễ Vượt Qua, ngay tại thành nơi hàng ngàn

chiên con đang bị giết để kỷ niệm việc Đức Chúa Trời trước kia đã giải cứu dân Ngài khỏi ách bạo quyền và cảnh nô lệ.

Bây giờ đến điểm chính của tôi: *việc Chúa Giê-xu chọn mười hai người nam Do Thái có lẽ là hành động biểu tượng nổi bật nhất của Ngài*, một hành động mà những người thông thạo Kinh Thánh Hê-bơ-rơ hẳn đã nhận ra, dù những người hiện đại chúng ta không nhận ra. Khi chọn mười hai người nam Do Thái tự do, Ngài cho người Do Thái đương thời thấy rằng Ngài đang tái lập dân sự rạn vỡ và sa ngã của Đức Chúa Trời dưới sự lãnh đạo của Ngài. Theo lời giải thích rõ ràng của chính Chúa Giê-xu,[502] họ tượng trưng cho Y-sơ-ra-ên mới, hay mười hai chi phái Y-sơ-ra-ên, và cụ thể là mười hai con trai của Gia-cốp, là tổ tiên của cả dân tộc. Cũng không phải ngẫu nhiên mà Chúa Giê-xu tuyên bố vai trò của mười hai sứ đồ là những người xét đoán Y-sơ-ra-ên trong bữa ăn cuối cùng của Ngài[503] – một sự kiện tràn đầy biểu tượng hơn bao giờ hết.

Tóm lại, điều Chúa Giê-xu muốn Y-sơ-ra-ên nhận ra là *nhóm nhỏ gồm mười hai môn đồ nam Do Thái của Ngài là đội tiên phong của dân sự Đức Chúa Trời trong giai đoạn Mê-si-a của họ*. Việc Ngài chọn các sứ đồ *nam* tương ứng với việc Ngài chọn để họ có *mười hai* người, và cũng là người *Do Thái* và *tự do*.[504] Ngài hoàn toàn không nói gì về bất kỳ ban lãnh đạo nào về sau sẽ lãnh đạo bất cứ Hội Thánh địa phương nào hình thành. Thật ra, trong lần duy nhất Chúa Giê-xu nhắc đến Hội Thánh địa phương, Ngài nhấn mạnh thẩm quyền thuộc

502. Trong Ma-thi-ơ 19:28 và Lu-ca 22:30

503. Lu-ca 22:14-30

504. Michael Bird, trong "Evangelical Theology", giải thích ý nghĩa của những người mà Chúa Giê-xu ban đầu nhắm đến trong sứ mạng của Ngài – người Do Thái ở Y-sơ-ra-ên: "Con số 12 tượng trưng cho 12 chi phái Y-sơ-ra-ên. Tuy nhiên, mọi người ở Y-sơ-ra-ên đều biết liên minh các chi phái Do Thái đã không còn từ lâu. Mười chi phái phía bắc đã bị người A-si-ri bắt đi lưu đày vào thế kỷ 8, còn hai chi phái còn lại đã bị đem sang Ba-by-lôn vào thế kỷ 6, và chỉ một số sót lại đã trở về Giu-đê. Một niềm hy vọng lớn là khi thời đại giải cứu ló rạng, nó sẽ đi kèm với việc 12 chi phái được hiệp lại trong một vương quốc Do Thái được đổi mới (ví dụ Ê-sai 34:10; 43:5; 56:8). Khi chọn 12 môn đồ … Chúa Giê-xu thực chất đang nói rằng sự khôi phục Y-sơ-ra-ên giờ đây đã bắt đầu quanh Ngài và 12 người theo Ngài. Họ là đội tiên phong của Y-sơ-ra-ên mới. Đó là lý do Chúa Giê-xu chọn 12 môn đồ để cai trị một dân tộc được đổi mới (Ma-thi-ơ 19:28/Lu-ca 22:30), lý do Ngài tập trung chức vụ của mình chỉ vào Y-sơ-ra-ên (Ma-thi-ơ 10:5-6; 15:24), và lý do Ngài tuyên bố rằng chẳng bao lâu nữa nhiều người sẽ từ phương đông và phương tây đến dự phần vào biến cố trọng đại này (Ma-thi-ơ 8:10-12/Lu-ca 13:28-30)."

linh được trao cho toàn thể cộng đồng chứ không chỉ cho vài người lãnh đạo.[505]

Từ góc nhìn của chúng ta về sau, có thể chúng ta muốn Chúa Giê-xu pha trộn đội ngũ của Ngài thêm một chút, nhưng chúng ta phải chấp nhận rằng ý nghĩa biểu tượng ấy không chủ yếu dành cho dân ngoại (như phần đông chúng ta, những người về sau được tiếp cận ở phần còn lại của thế giới), mà dành cho cánh đồng truyền giáo ban đầu của Chúa Giê-xu – người Do Thái, là những người có thế giới quan được Kinh Thánh Hê-bơ-rơ định hình hoàn toàn. Có thể chúng ta muốn Chúa Giê-xu gọi sáu người nam và sáu người nữ, hoặc sáu người Do Thái và sáu người ngoại, hoặc sáu người già và sáu người trẻ, hoặc sáu nô lệ và sáu người tự do, nhưng như thế thì ý nghĩa biểu tượng sẽ hoàn toàn mất đi đối với chính những người mà nó nhắm đến.

Có lẽ manh mối lớn nhất cho thấy Chúa Giê-xu quan tâm đến ý nghĩa biểu tượng chứ không chỉ đến việc đào tạo những người lãnh đạo tương lai là việc phần lớn mười hai sứ đồ mờ dần khỏi chức vụ nổi bật chỉ sau vài năm. Đúng là Phi-e-rơ, Giăng và Gia-cơ tiếp tục là những người lãnh đạo nổi bật trong sách Công Vụ Các Sứ Đồ, nhưng các sứ đồ còn lại không bao giờ được nhắc tên lại nữa. Một bằng chứng khác cho thấy ưu tiên của ý nghĩa biểu tượng là việc Phi-e-rơ nôn nóng tìm người thay thế Giu-đa trong Công Vụ Các Sứ Đồ 1. Không phải vì ông nghĩ 11 người không thể làm được công việc mà 12 người làm được. *Nhưng vì ông biết điều quan trọng là phải có Mười Hai người nam đứng trước Giê-ru-sa-lem để kêu gọi họ đến với Đấng Mê-si-a của họ.* Vì thế, trong bài giảng mở đầu của Hội Thánh cho cả thành, chúng ta đọc thấy "Phi-e-rơ đứng ra cùng mười một sứ đồ"[506] khi ông rao giảng Tin Lành. Nếu là "Phi-e-rơ đứng ra cùng mười sứ đồ", thì sứ điệp biểu tượng – vốn rất quan trọng đối với Chúa Giê-xu – hẳn đã mất đi.

Lúc đầu Phi-e-rơ và mười một sứ đồ hoạt động như ban lãnh đạo của Hội Thánh Giê-ru-sa-lem, nhưng họ cũng hiểu rằng công việc của họ là rao giảng Tin Lành cho người Do Thái với tư cách đội tiên phong của Y-sơ-ra-ên mới, hơn là phục vụ như những mục sư của Hội Thánh mới. Vì thế, khi khối lượng công việc của họ tăng lên, bao gồm cả việc giải quyết những thách thức mục vụ, họ để Hội Thánh chọn bảy người lãnh đạo để cùng nhau lãnh

505. Ma-thi-ơ 18:17
506. Công Vụ Các Sứ Đồ 2:14

đạo Hội Thánh.[507] Quyết tâm tự giải phóng mình khỏi các khía cạnh thực tế của sự lãnh đạo mục vụ này được xác nhận bởi sự kiện là sau một thời gian, chính các trưởng lão, chứ không phải các sứ đồ, lãnh đạo Hội Thánh Giê-ru-sa-lem. Hãy để ý rằng sách Công Vụ Các Sứ Đồ phân biệt rõ mười hai sứ đồ là một nhóm khác với các trưởng lão về sau này.[508] Vậy thì người ta phải tự hỏi: khi mười hai sứ đồ được phân biệt rõ với các trưởng lão như thế, tại sao các học giả theo quan điểm bổ sung lại dùng giới tính nam của các sứ đồ làm lập luận cho giới tính nam của các trưởng lão?[509]

Khi Tin Lành bắt đầu lan ra ngoài Y-sơ-ra-ên, Đức Chúa Trời dấy lên một vòng sứ đồ rộng hơn ngoài mười hai sứ đồ, gồm cả Phao-lô, Ba-na-ba và Si-la. Nhóm lớn hơn này không còn mang sứ điệp biểu tượng vốn gắn liền với mười hai sứ đồ. Vậy thì không có gì ngạc nhiên khi một người nữ, Giu-ni-a, có mặt trong số họ.[510] (Sẽ nói thêm về bà trong chương sau.)

Ngoài ý nghĩa biểu tượng, *có thể còn có những lý do chiến lược khiến Chúa Giê-xu chỉ chọn người nam vào nhóm mười hai người của Ngài.* Dù đôi khi Chúa Giê-xu không ngại phá vỡ các quy ước xã hội, điều đó không có nghĩa là Ngài làm vậy một cách tùy tiện. Chúa Giê-xu thường hành động có *chiến lược* – chẳng hạn trong việc Ngài trả cho Sê-sa vật gì của Sê-sa;[511] trong việc Ngài chọn không đề cao sự công nhận công khai về địa vị Đấng Mê-si-a của mình trong giai đoạn đầu của chức vụ; và trong việc hoạch định sự mở rộng địa lý từng giai đoạn của Hội Thánh trong sứ mạng của nó.[512] Chính Chúa Giê-xu có thể đơn sơ như chim bồ câu, nhưng thực hành điều Ngài giảng dạy, Ngài cũng "khôn khéo như rắn", và vì thế không ngây thơ, mà thực tế và có chiến lược.

Vì ưu tiên truyền giáo của Chúa Giê-xu là tiếp cận Y-sơ-ra-ên trước,[513] có lẽ việc chọn người Do Thái thay vì dân ngoại làm sứ đồ là chiến lược hơn, và đó là điều Ngài đã làm. Việc Ngài chỉ chọn những người nam Do Thái phù

507. Công Vụ Các Sứ Đồ 6:1-6
508. Xem Công Vụ Các Sứ Đồ 11:30; 15:2
509. Thật ra, Chúa Giê-xu hoàn toàn không nói gì về các trưởng lão của những Hội Thánh tương lai. Những trưởng lão duy nhất Ngài từng nói đến, và nói đến rất nhiều, là các trưởng lão gian ác của Giê-ru-sa-lem, là những kẻ rốt cuộc sẽ đóng đinh Ngài.
510. Rô-ma 16:7
511. Mác 12:17
512. Công Vụ Các Sứ Đồ 1:8
513. Xem Ma-thi-ơ 10:5-6; 15:24.

hợp hơn với những ưu tiên trước mắt của Ngài là tiếp cận Y-sơ-ra-ên. Ngoài ra, một Y-sơ-ra-ên mang nặng tư tưởng phụ quyền có nhiều khả năng tiếp nhận chức vụ công khai của người nam hơn. Việc để phụ nữ làm những người lãnh đạo cao nhất, công khai của phong trào có lẽ sẽ gây ra sự nghi ngờ không cần thiết đối với độ tin cậy của phong trào mới và sứ điệp của nó trong một thế giới nặng tính phụ quyền. (Hãy nghĩ xem các môn đồ của Chúa Giê-xu đã cưỡng lại lời làm chứng của một người nữ trong Ngày Phục Sinh như thế nào – thì những người không theo Chúa Giê-xu còn ác cảm hơn biết bao?) Vì lý do này, trong sách Công Vụ Các Sứ Đồ, những chứng nhân công khai chính về sự phục sinh là các sứ đồ nam.

Chúng ta không thể chắc chắn, nhưng còn có những lý do thực tế khác có thể khiến Chúa Giê-xu chọn người nam: khi gọi những môn đồ, là những người về sau gọi Ngài là Ra-bi, Chúa Giê-xu đã cố ý dùng thể chế đào tạo môn đồ của các ra-bi Do Thái, vốn là một việc chỉ dành riêng cho nam giới. Ngoài ra, chức vụ sứ đồ thời ban đầu đòi hỏi phải từ bỏ gia đình vì sứ mạng và có nhiều khả năng phải tử đạo, điều mà có lẽ Chúa Giê-xu không muốn đòi hỏi nơi các bà mẹ.[514]

Hơn nữa, chúng ta không nên coi là tuyệt đối một điều mà cùng lắm chúng ta chỉ suy ra từ cách làm của Chúa Giê-xu. Chúa Giê-xu chưa bao giờ nói gì về giới tính của những người về sau sẽ lãnh đạo trong Hội Thánh mà Ngài đang xây dựng. Thật ra, sự dạy dỗ rõ ràng của Ngài về sự lãnh đạo Hội Thánh, vốn đã trở thành nền tảng cho những ưu tiên của sự lãnh đạo mục vụ

514. Chẳng hạn, trong Lu-ca 14:26 không hề nhắc đến việc bỏ chồng, mà chỉ nhắc đến vợ và con cái, và Chúa Giê-xu biết chức vụ sứ đồ có nhiều khả năng dẫn đến sự tử đạo (theo truyền thống Hội Thánh, mười một trong mười hai sứ đồ đã tử đạo). Dù thỉnh thoảng phụ nữ cùng đi với Ngài trong một số chuyến đi phục vụ (Lu-ca 8:1-3), có lẽ Chúa Giê-xu thấy rằng đòi hỏi các bà mẹ – là những người chủ yếu nuôi dạy con cái trong nền văn hóa ấy – phải vĩnh viễn rời con cái để đi theo Ngài là quá sức. Chúa Giê-xu biết rằng cuối cùng một số sứ đồ của Ngài sẽ đi đến những nơi rất xa ngoài Y-sơ-ra-ên. Trong thế giới thời cổ, việc phụ nữ đi đây đi đó hiếm hơn nhiều. Họ gặp nhiều nguy hiểm hơn, và cũng bị ràng buộc nhiều hơn với các trách nhiệm việc nhà và nuôi dạy con cái ở nhà. Vì thế không có gì đáng ngạc nhiên khi chỉ có bốn người phụ nữ được nêu tên mà chúng ta biết chắc là đã đi đây đi đó trong phần Tân Ước sau sự phục sinh: vợ của Phi-e-rơ, trong giai đoạn sau của chức vụ ông (phải chăng lúc đó con cái đã lớn?), Phê-bê, một người bảo trợ giàu có, chắc chắn đủ khả năng thuê người bảo vệ, cùng Giu-ni-a và Bê-rít-sin, cả hai đều đi cùng chồng (không thấy nhắc đến con cái). Thật thú vị là John Chrysostom, trong Bài giảng 73 về Ma-thi-ơ 23:14, nhắc đến số rất ít phụ nữ, trong đó có Bê-rít-sin, đã lên đường đi xa "với lòng can đảm của nam nhi". Thời ấy, việc đi truyền giáo, cũng như việc chiến đấu trong quân đội, thích hợp hơn với sức mạnh thể chất có ở nam giới.

trong các Hội Thánh, tập trung vào việc đón nhận tinh thần đầy tớ làm nền tảng và trọng tâm của sự lãnh đạo.[515] Ngài cũng rõ ràng ưu tiên việc rao giảng Tin Lành và đào tạo môn đồ, là những người "vâng giữ mọi điều Ngài đã truyền"[516] – nhưng hãy xem, cả hai chức năng phục vụ này đều không giới hạn cho nam giới, cũng như không giới hạn cho mười hai sứ đồ ban đầu.

Việc đọc những ý tưởng và suy diễn vào sự lựa chọn mười hai sứ đồ của Chúa Giê-xu không phù hợp với cách Ngài đã mạnh mẽ giải phóng phụ nữ cho chức vụ. Nó cũng dựa trên một cách đọc bản văn thiếu nhất quán (chọn bỏ qua mọi đặc điểm vốn có khác của mười hai sứ đồ, chỉ trừ giới tính của họ). Chúa Giê-xu triệt để ủng hộ phụ nữ và ủng hộ phụ nữ phục vụ trong chức vụ, hơn xa bất kỳ nhân vật công chúng nào trước Ngài trong lịch sử. Ngài có hệ thống phá bỏ chế độ phụ quyền vốn cắt cánh các chị em của Ngài, và mở cửa cho họ bước vào những vai trò chỉ dành cho nam giới, nếu sứ mạng đưa họ đến đó. *Vì thế, những người theo quan điểm bổ sung đã sai khi suy diễn từ sự im lặng một lý do cho việc Ngài không đưa phụ nữ vào mười hai sứ đồ – một lý do mà Chúa Giê-xu chưa bao giờ nói rõ hay ám chỉ. Mở rộng sự loại trừ kiểu này để cấm phụ nữ lãnh đạo cho đến muôn đời là mâu thuẫn trầm trọng với cách Chúa Giê-xu rất thường thách thức các chuẩn mực phụ quyền bằng cách giải phóng phụ nữ cho chức vụ mà chẳng hề bận tâm chút nào đến những phạm vi được cho là phù hợp với giới tính.*

Phụ nữ đi đầu

Dù sự kiện Chúa Giê-xu chọn 12 người nam, nếu xét riêng một mình, không thể được dùng để ủng hộ sự lãnh đạo của phụ nữ, nhưng khi người ta khám phá lý do Ngài chọn 12 người nam Do Thái, và cả cách Chúa Giê-xu giải phóng phụ nữ cho chức vụ mà không màng đến những giới hạn dựa trên giới tính có trong Y-so-ra-ên thế kỷ 1, thì sự kiện ấy cũng không thể được dùng làm lập luận chống lại sự lãnh đạo của phụ nữ.

Giữa một thế giới luôn đặt phụ nữ ở chỗ sau chót, Chúa Giê-xu lại rất thường đặt họ lên đầu. Một người nữ là người đầu tiên nghe về sự nhập thể của Ngài và rao giảng Tin Lành;[517] là người Sa-ma-ri đầu tiên tin Chúa và là nhà truyền

515. Mác 10:42-45
516. Ma-thi-ơ 28:19
517. Lu-ca 1:32-35

giảng công khai đầu tiên;[518] là người ngoại đầu tiên tin Chúa;[519] là người đầu tiên nhận được sự khải thị về Chúa Giê-xu là "sự sống lại và sự sống";[520] là người đầu tiên nắm được vị trí trung tâm của thập tự giá trong sứ mạng của Chúa Giê-xu;[521] và là người đầu tiên chứng kiến sự phục sinh của Chúa Giê-xu.[522] Các học giả theo quan điểm bổ sung rất chú trọng việc "A-đam được dựng nên trước nhất, rồi mới tới Ê-va" khi sai lầm đồng nhất việc đến trước với việc là người lãnh đạo chính đáng – thế nhưng tôi tự hỏi họ nghĩ gì về tất cả những lần "đầu tiên" này.

Vậy mà suốt nhiều thế kỷ, Hội Thánh đã đối xử với các anh em của Sư Tử của chi phái Giu-đa như những con sư tử, trong khi thuần hóa các chị em của Ngài thành những chú mèo con. Bất chấp một truyền thống dài và đáng buồn, trong đó chỉ người nam mới được coi là thích hợp để cai trị, thế giới của chúng ta và Hội Thánh chúng ta cần cả những người nam lẫn những người nữ Cơ Đốc thực thi thẩm quyền trong chức vụ.

Giữa một thế giới đè nén phụ nữ, cách Chúa Giê-xu đối xử và đón nhận phụ nữ tiến bộ đến mức đáng kinh ngạc, nên đối với tôi thật vô lý khi nghĩ rằng *giờ đây* Chúa Giê-xu lại kêu gọi chúng ta thụt lùi – vào đúng thời điểm trong lịch sử thế giới khi các ân tứ lãnh đạo và dạy dỗ của phụ nữ *cuối cùng* đang được tôn vinh và giải phóng như ngang bằng với các ân tứ của nam giới.

Hơn nữa, việc Chúa Giê-xu nâng cao phẩm giá của căn tính và chức vụ phụ nữ là một nguyên nhân gốc rễ chính của việc xã hội ngày nay nâng cao địa vị và giải phóng phụ nữ. Tôi đề nghị rằng các Cơ Đốc nhân nên nhận điều này là hiệu quả lâu dài của Tin Lành mình trên xã hội, chứ không chống lại nó dựa trên bao nhiêu lập luận sai sót mà những người theo quan điểm bổ sung đưa ra. Thật ra, nhìn phụ nữ qua lăng kính của những lập luận này là không nhìn phụ nữ như Chúa Giê-xu đã nhìn họ.

Nói thêm, đó cũng là không nhìn họ như nhiều người trong các Hội Thánh ban đầu đã nhìn họ.

518. Giăng 4:7-42
519. Ma-thi-ơ 15:21-28
520. Giăng 11:23-27
521. Ma-thi-ơ 26:7-11
522. Giăng 20:16

12

Những người phụ nữ mạnh mẽ trong Hội Thánh ban đầu

"Trong khi các tín hữu ngày nay chia rẽ về việc tấn phong phụ nữ, việc phụ nữ dạy dỗ nam giới và những điều tương tự, thì [Rô-ma 16] cho thấy những phản đối như thế hẳn đã khiến Phao-lô khó hiểu … [ông là người] không gặp vấn đề gì với việc phụ nữ làm người dạy dỗ hay người lãnh đạo, người rao truyền hay người truyền giáo của Tin Lành. Phải chăng phụ nữ đã thi hành những chức vụ trong thời kỳ Tân Ước mà về sau được gọi là chức phận? Mọi bằng chứng đều cho thấy câu trả lời là có."
William Witt[523]

Chiếc giường của Procrustes

Bạn đã từng nghe về *Procrustes* chưa? Theo truyền thuyết Hy Lạp, hắn tiếp đãi những khách lữ hành mệt mỏi, cho họ ngủ trên một chiếc giường trong nhà hắn. Trong khi họ ngủ, hắn hoặc kéo dài tay chân họ, hoặc chặt bớt chân họ cho đến khi thân thể họ vừa khít với chiếc giường của hắn. Từ đó nảy sinh một thành ngữ trong lĩnh vực tranh luận, gọi là *chiếc giường của Procrustes*, trong đó một người giữ một quan điểm về một vấn đề, rồi ép quan điểm ấy cho khớp với những nguồn thông tin khác mà thật ra bác bỏ quan điểm ấy. Người ta làm vậy bằng cách gán vào các nguồn thông tin này những ý tưởng không hề có ở đó – hoặc kéo giãn chúng ra, hoặc cắt bỏ một số khía cạnh của chúng.[524]

523. William Witt, Icons of Christ, tr. 99
524. Điều này thường được gọi là "ngụy biện biện hộ đặc biệt", trong đó, thay vì thừa nhận rằng một niềm tin có từ trước đang bị những dữ kiện trái ngược thách thức một cách chính đáng, người ta cố gắng "giải thích cho qua" những dữ kiện ấy.

Khi nghiên cứu những phản biện của thuyết bổ sung đối với các ký thuật Kinh Thánh về những người phụ nữ phục vụ trong Cựu Ước, các sách Phúc Âm và phần còn lại của Tân Ước, tôi đã sững sờ trước cách các học giả theo quan điểm bổ sung không mệt mỏi tìm cách giảm nhẹ vai trò và sự đóng góp của những người phụ nữ như Mi-ri-am, Hun-đa, Đê-bô-ra, Ma-ri Ma-đơ-len, Phê-bê, Bê-rít-sin và Giu-ni-a. Dĩ nhiên, họ làm vậy là có lý do. *Theo tôi, cách họ đọc 1 Ti-mô-thê 2:12 là một chiếc giường của Procrustes cho mọi phụ nữ trong chức vụ.* Khi đọc sai câu ấy thành "Ta không cho phép phụ nữ Cơ Đốc dạy dỗ với thẩm quyền hay thực thi thẩm quyền mục vụ trên người nam Cơ Đốc", họ dùng nó không chỉ để giới hạn chức vụ của phụ nữ ngày nay *mà còn để giới hạn và định khung lại chức vụ của mọi người phụ nữ trong Kinh Thánh*. Điều duy nhất mà những người theo quan điểm bổ sung không thể chấp nhận là một người phụ nữ tin Chúa trong thời Kinh Thánh lại làm đúng điều mà cách giải thích của họ nói rằng bà không được làm: được Đức Chúa Trời dùng để lãnh đạo hay dạy dỗ một người nam về mặt thuộc linh. Trước khi bằng chứng Kinh Thánh được xem xét đúng mức, người theo quan điểm bổ sung đã quyết định sẵn rằng Đê-bô-ra không thể là người lãnh đạo công khai của dân sự Đức Chúa Trời, hay rằng (như chúng ta sẽ thấy trong chương này) Bê-rít-sin không thể đã chăn dắt và dạy dỗ các Hội Thánh cùng với chồng mình, hay rằng Giu-ni-a không thể thật sự là một nữ sứ đồ tiên phong, lại còn là một sứ đồ xuất sắc.

Trong chính sự nghiên cứu của tôi về những người phụ nữ này và những người phụ nữ khác trong Kinh Thánh, tôi chỉ thật sự "thấy" được họ khi nhận ra rằng vấn đề không nằm ở tầm vóc chức vụ của họ, mà ở kích thước tùy tiện của chiếc giường, tức là cách giải thích 1 Ti-mô-thê 2:12 của thuyết bổ sung. Điều này khiến các học giả theo quan điểm bổ sung đưa ra đủ mọi kiểu suy diễn để "giải thích cho qua" những dữ kiện Kinh Thánh mà chúng ta có. Chẳng hạn, hãy nghe bản tóm lược của Kevin De Young về chức vụ của Bê-rít-sin: "Bà có thể đã uyên bác, khôn ngoan và có ảnh hưởng, nhưng không có dấu hiệu nào cho thấy bà đã thực thi thẩm quyền dạy dỗ trên người nam."[525]

Dù 1 Ti-mô-thê 2 có nói gì đi nữa, chúng ta cần giải thích nó dưới ánh sáng của phần còn lại của Kinh Thánh, nghĩa là phải nghiêm túc xem xét "vòng

525. Nguồn: www.bit.ly/3nXd763

cung cứu chuộc của quy điển Kinh Thánh, đường hướng của chức vụ Chúa Giê-xu, và bức chân dung về đời sống Hội Thánh ban đầu mà chính Phao-lô trao cho chúng ta".[526]

Một phần động lực khiến tôi viết cuốn sách này là tôi muốn bênh vực các ân tứ lãnh đạo và dạy dỗ chính đáng của các chị em tôi trong các Hội Thánh hôm nay và ngày mai. Thế nhưng khi nghiên cứu cách các học giả theo quan điểm bổ sung cắt xén các ân tứ lãnh đạo và dạy dỗ của phụ nữ trong Kinh Thánh, *tôi thấy mình được thôi thúc để bênh vực cả những chị em của tôi trong Kinh Thánh nữa*.

Phải chăng chúng ta phải tin rằng Bê-rít-sin, khi dạy dỗ một người nam, đã cẩn thận bảo đảm rằng mình đang ở dưới sự che phủ của chồng, hoặc việc ấy diễn ra ở nơi riêng tư, bên ngoài một buổi nhóm Cơ Đốc chính thức, hoặc bà không nói với bất kỳ thẩm quyền giáo lý nào, mà thay vào đó hướng người ấy đến các mục sư nam của Hội Thánh, là những người hiểu biết hơn? Phải chăng chúng ta phải tin rằng Đê-bô-ra đã lãnh đạo theo cách bảo đảm sự lãnh đạo của bà chỉ là riêng tư, hoặc nép mình dưới Ba-rác, người mà Đức Chúa Trời thật sự chọn làm người lãnh đạo? Không, một cách đọc thẳng thắn các đoạn Kinh Thánh mô tả chức vụ của Bê-rít-sin, Đê-bô-ra và những người khác cho thấy hoặc là họ đã phạm tội vì đi lệch khỏi điều mà người ta gọi là sự ưa chuộng theo quan điểm bổ sung của Đức Chúa Trời, hoặc – nhiều khả năng hơn nhiều – *những người phụ nữ trong Kinh Thánh này hoàn toàn không hề biết đến bất kỳ quy luật thiêng liêng nào nói rằng một người nữ không được dạy dỗ hay lãnh đạo một người nam về mặt thuộc linh*.

KHÔNG CÓ NỮ MỤC SƯ?

Hãy đọc hết sách Công Vụ Các Sứ Đồ, và chắc chắn bạn sẽ nhận thấy phụ nữ được nhắc đến nhiều lần như những người tin Chúa then chốt ở mỗi giai đoạn khi Tin Lành lan đến Giê-ru-sa-lem, rồi Sa-ma-ri, rồi lần lượt đến các thành ở châu Âu như Phi-líp, Tê-sa-lô-ni-ca, Bê-rê, A-thên và Cô-rinh-tô.[527] Tuy nhiên, vì Lu-ca thuật lại câu chuyện của các Hội Thánh ban đầu này theo

526. Theo lời Amy Etikson. Nguồn: www.bit.ly/2ZQo0Pj (tr. 61)
527. Công Vụ Các Sứ Đồ 5:14; 8:12; 16:13-15; 17:4, 12, 34 và 18:2.

cách *tập trung* trước hết vào chức vụ của Phi-e-rơ, người đứng đầu mười hai sứ đồ (trong Công Vụ Các Sứ Đồ 1-12), rồi vào Phao-lô, người thành công nhất trong vòng sứ đồ rộng hơn (trong Công Vụ Các Sứ Đồ 13-28), với sự chú ý thứ yếu dành cho chẳng hạn Ê-tiên, Phi-líp và Ba-na-ba, nên phần lớn những người đọc Kinh Thánh lướt qua thường không nhận thấy những vai trò chức vụ đầy ảnh hưởng mà những người khác đã đảm nhận, trong đó có nhiều phụ nữ.

Các học giả theo quan điểm bổ sung ít nhất cũng biết đến phần lớn những đóng góp này của phụ nữ – *nhưng điều họ tập trung vào là không ai trong số những phụ nữ này được nêu đích danh là trưởng lão hay mục sư trong các Hội Thánh*. Họ nói rằng dù những phụ nữ này có làm được bao nhiêu cho sự tấn tới của Tin Lành hay sự tăng trưởng của Hội Thánh, họ vẫn không thực thi thẩm quyền mục vụ hay thẩm quyền dạy dỗ cao nhất trong một Hội Thánh. Hay nói theo lời của chính họ – và đây là lời tuyên bố kiểu Procrustes của Schreiner: "Chức vụ của phụ nữ trong Hội Thánh là đáng chú ý và quan trọng, nhưng nó *không bao giờ* thay thế sự lãnh đạo của người nam; trái lại, nó hoạt động như một sự hỗ trợ cho sự lãnh đạo của người nam."[528]

Trong chương này, tôi đáp lại lời khẳng định ấy bằng cách điểm qua một số đóng góp đầy ảnh hưởng mà phụ nữ đã thực hiện trong Hội Thánh ban đầu. Tôi cũng sẽ trực tiếp thách thức những khẳng định của thuyết bổ sung rằng Tân Ước *không* nêu tên một người nữ lãnh đạo Hội Thánh nào; và rằng không có người nữ nào đứng sát cánh với những người nam khác ở những tầng mức đóng góp cao nhất cho Nước Đức Chúa Trời.

Nhưng trước hết, xin làm rõ nhanh về các từ "trưởng lão" và "mục sư". Tùy theo hình thức tổ chức mà một Hội Thánh ngày nay áp dụng, chúng ta thường hiểu các câu Kinh Thánh về mục sư và trưởng lão một cách khác nhau. Dù một số hệ phái tách biệt vai trò "mục sư" và "trưởng lão", trong chương này tôi hiểu rằng Tân Ước dùng các từ "trưởng lão", "mục sư" và "giám mục (người coi sóc)" thay thế cho nhau để chỉ những chức năng khác nhau của cùng một người.[529]

528. "Recovering Biblical Manhood and Womanhood", tr. 216.
529. Xem Công Vụ Các Sứ Đồ 20:17, 28; 1 Phi-e-rơ 4:1-2 và Tít 1:5-7.

Cả Cựu Ước lẫn Tân Ước đều áp dụng ẩn dụ người chăn chiên chăm sóc bầy chiên cho vai trò của người lãnh đạo thuộc linh. Dù trong Kinh Thánh có những người nữ chăn chiên,[530] không hiểu sao những người theo quan điểm bổ sung thường chắc chắn rằng trong Kinh Thánh không có nữ mục sư. Suốt mười năm, tôi đã đưa ra lời giải thích này cho những thành viên mới trong Hội Thánh chúng tôi về lý do chúng tôi không tấn phong nữ mục sư: "Trong Tân Ước không có nữ mục sư hay nữ trưởng lão nào, và chúng tôi không muốn vượt quá Kinh Thánh trong cách chúng tôi tổ chức Hội Thánh." Nếu tôi nhớ không lầm, tôi đã lấy điều đó từ một nhà thần học nổi tiếng, người còn nói điều đó mạnh mẽ hơn: "Không có chỗ nào trong Tân Ước nhắc đến một nữ trưởng lão. Bạn có thể muốn phản đối bằng cách chỉ ra rằng đây là một lập luận từ sự im lặng. Đúng vậy. Nhưng đó là một sự im lặng đến điếc tai."[531]

Trong khi nghiên cứu, tôi trở nên tò mò không biết những trưởng lão hay mục sư *nam* được nêu tên trong Hội Thánh ban đầu là ai. Tôi đã nghĩ sẽ tìm được ít nhất mười người. Thật là một cú sốc khi chỉ tìm thấy *duy nhất một* trưởng lão được nêu tên: sứ đồ Phi-e-rơ ngỏ lời với tư cách "người cùng làm trưởng lão",[532] và qua đó dường như ông ngụ ý rằng về sau trong chức vụ của mình, có thể ông kiêm luôn vai trò trưởng lão, dù trước hết ông là một sứ đồ; tuy vậy một số học giả Kinh Thánh cho rằng có lẽ ông không nói đến chức vụ của mình, mà chỉ nói đến tuổi tác.

Điều lập tức trở nên rõ ràng là *Tân Ước không nêu tên bất kỳ mục sư hay trưởng lão nào ngoài Phi-e-rơ, mà ngay cả ông cũng có thể không phải là trưởng lão!* Thế nhưng chúng ta biết rằng nhiều, hoặc có lẽ hầu hết, các Hội Thánh được nhắc đến trong Tân Ước về sau đều có một ban gồm những người như thế lãnh đạo.[533] Tại sao không ai, ngoại trừ có thể là Phi-e-rơ, được gọi đích danh là trưởng lão vẫn là một điều bí ẩn. Rõ ràng, chi tiết dữ kiện này nằm ngoài phạm vi và mục đích của các tác giả Tân Ước. *Dù vậy, chúng ta vẫn tự hỏi:*

530. Sáng Thế Ký 29:9; Nhã Ca 1:5-8

531. Sam Storms. Nguồn: www.bit.ly/3CL3GNt

532. 1 Phi-e-rơ 5:1-2. Chúa Giê-xu được gọi là "Đấng Chăn Chiên và Giám mục của linh hồn chúng ta" (1 Phi-e-rơ 2:25), nhưng điều này nói đến sự lãnh đạo độc nhất vô nhị của Ngài trên toàn thể Hội Thánh. Giăng tự gọi mình là "trưởng lão" (2 Giăng 1:1) khi viết thư cho một cá nhân, điều này nhiều khả năng nói đến tuổi tác và sự khôn ngoan của ông như một sứ đồ dày dạn kinh nghiệm.

533. Xem Công Vụ Các Sứ Đồ 14:23; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:12 và 1 Ti-mô-thê 5:17.

trong số nhiều người được nêu tên trong các Hội Thánh ban đầu của Tân Ước, những ai có lẽ là mục sư hay trưởng lão? Đáng mừng là có một số bằng chứng cho biết họ có thể là ai.

Các tiêu chí để nhận ra những người có thể là trưởng lão

Tôi không nghĩ có học giả theo quan điểm bổ sung nào có thể khẳng định dứt khoát rằng không có nữ trưởng lão nào trong Hội Thánh ban đầu. Cùng lắm, họ có thể nói rằng khó có khả năng đã có nữ trưởng lão. Tuy nhiên, trái với quan điểm này, tôi sắp lập luận rằng rất có khả năng là đã có.

Dù cả Lu-ca trong sách Công Vụ Các Sứ Đồ lẫn Phao-lô trong các thư của ông đều không nêu tên trưởng lão hay mục sư nào, họ lại đưa ra những manh mối mạnh mẽ về việc những trưởng lão ấy có thể là ai. Tôi đề xuất rằng có năm dấu hiệu chính cho thấy một người được nêu tên trong Tân Ước có thể là một mục sư phục vụ trong ban lãnh đạo cao nhất của một Hội Thánh.

Thứ nhất, những người bị bắt có lẽ là những người lãnh đạo, người dạy dỗ hay mục sư đứng ở hàng đầu. Nếu, trong một cuộc bắt bớ vào thời điểm nào đó trong lịch sử Hội Thánh, có ai trong một Hội Thánh bị bắt, chúng ta có lý khi cho rằng rất có thể là vì người ấy bị coi là kẻ cầm đầu hay người phát ngôn công khai của cộng đồng đang bị nghi ngờ.

Thứ hai, những người tin Chúa đầu tiên, hoặc những thành viên đã được sứ đồ dạy dỗ, thường là lựa chọn đầu tiên của các sứ đồ để chăm sóc và môn đồ hóa những người tin Chúa về sau. Có bằng chứng trong sách Công Vụ Các Sứ Đồ, thư của Phao-lô gửi người Cô-rinh-tô, và các tác phẩm của giáo phụ Clement cho thấy đây là một cách làm phổ biến.

Thứ ba, những người đứng đầu gia hộ, là những người mở nhà cho Hội Thánh nhóm họp, có lẽ là những người lãnh đạo trong Hội Thánh đó. Khác với các Hội Thánh hiện đại có nơi nhóm họp chuyên biệt của riêng mình, các Hội Thánh ban đầu phần lớn đặt tại những ngôi nhà rộng hơn bình thường, và gồm toàn thể gia hộ cùng những người khác đến dự các buổi nhóm. Trong 1 Ti-mô-thê 3, Phao-lô cho rằng chọn trưởng lão từ những người đứng đầu gia hộ này là

một ý hay, vì thế chúng ta có thể cho rằng nhiều người lãnh đạo Hội Thánh tại gia thật ra là những người lãnh đạo Hội Thánh.

Thứ tư, những người đã thành lập một Hội Thánh – tập họp những người tin Chúa, gây dựng và dạy dỗ họ – có lẽ là những người lãnh đạo Hội Thánh. Tôi thừa nhận đây chẳng phải chuyện gì cao siêu. Trong một số trường hợp, những nhà truyền giảng như Phi-líp và những sứ đồ như Phao-lô khai mở một Hội Thánh, rồi đi tiếp và giao nó lại cho những người lãnh đạo khác, nhưng đôi khi người ta vừa khởi lập một Hội Thánh vừa tiếp tục lãnh đạo và dạy dỗ con dân của Hội Thánh ấy.

Thứ năm, nhiều người trong danh sách của Phao-lô ở Rô-ma 16 có lẽ là những người lãnh đạo của Hội Thánh ở Rô-ma. Ở cuối thư của mình, Phao-lô liệt kê khoảng 27 người bằng tên. Đó là danh sách tên dài nhất trong Tân Ước. Ông gán cho nhiều người trong số họ chính những từ mà ông dùng cho bản thân và cho những người cộng tác gần gũi nhất với ông trong công cuộc tiên phong của sứ mạng giữa dân ngoại. Rất có thể một số người được gọi như thế đã ở trong ban lãnh đạo của Hội Thánh ở Rô-ma.

Nếu chúng ta có thể chấp nhận rằng năm tiêu chí này là những dấu hiệu hợp lệ về sự lãnh đạo trong Hội Thánh ban đầu, thì đây là điều chúng ta khám phá khi xem lại các thư tín và sách Công Vụ Các Sứ Đồ: *với mỗi người nam được nêu tên rất có thể là trưởng lão hay mục sư, chúng ta đều tìm thấy một hoặc nhiều người nữ được nêu tên, xét về tư cách hay chức năng, sánh ngang với những người nam ấy từng nét một*. Hãy để tôi chỉ cho bạn thấy.

TÂM ĐIỂM CỦA SỰ BẮT BỚ

Một cách thức gần như phổ quát để bắt bớ bất kỳ nhóm người nào là nhắm vào những người lãnh đạo của họ, rồi đe dọa hoặc bắt giữ họ. Trong sách Công Vụ Các Sứ Đồ, đó là lý do Phi-e-rơ và Giăng, rồi Phao-lô và Si-la, bị nhắm đến để bắt và bỏ tù. Điều đó hợp lý: tất cả họ đều là những người lãnh đạo, người dạy dỗ và nhà truyền giảng chính trong các Hội Thánh mà họ phục vụ lúc ấy.

Vậy thì thật thú vị khi, sau cuộc hành hình người lãnh đạo Hội Thánh là Ê-tiên tại Giê-ru-sa-lem, Sau-lơ tìm cách tiếp tục bắt bớ các Cơ Đốc nhân ở những thành lân cận. Kinh Thánh chép: "Sau-lơ bắt đầu tàn hại Hội Thánh. … [Ông] lôi cả đàn ông *lẫn đàn bà* đi mà bỏ tù."[534] Thật ra, điều này về sau trở thành một phần trong lời làm chứng của ông – khi chính ông bị xét xử, ông nhớ lại rằng mình đã bắt bớ và "bắt *cả đàn ông lẫn đàn bà*".[535] Trong suy nghĩ của Phao-lô, nhiều phụ nữ trong các Hội Thánh non trẻ mà ông bắt bớ có những chức vụ đủ quan trọng (chứ không chỉ nấu ăn, dọn dẹp và nuôi con) đến nỗi ông kết luận rằng mình không thể chặn đứng phong trào nếu không bắt họ làm tù nhân. N.T. Wright nhận xét: "Điều này chỉ hợp lý nếu những người phụ nữ cũng được xem là những người lãnh đạo, những nhân vật có ảnh hưởng trong cộng đồng."[536] Đây không phải là bằng chứng chắc chắn rằng bất kỳ người nào trong số những phụ nữ này thuộc ban lãnh đạo cao nhất của Hội Thánh họ, nhưng dù sao, chỉ những phụ nữ đảm nhận những vai trò truyền giảng, dạy dỗ hay lãnh đạo nổi bật mới khiến họ đáng bị nhắm đến.

Những người nữ là "trái đầu mùa" của một Hội Thánh

Phao-lô và các sứ đồ thường chọn những người tin Chúa đầu tiên hay những thành viên đầu tiên của một Hội Thánh mới hình thành làm người lãnh đạo. Dù các Hội Thánh trưởng thành có điều kiện chọn những người lãnh đạo "không phải là người mới tin đạo", các Hội Thánh hoàn toàn mới vẫn cần một hình thức lãnh đạo nào đó.

Clement thành Rô-ma ghi lại vào năm 95 SCN rằng các sứ đồ có thói quen chọn những "trái đầu mùa" của mình làm người lãnh đạo Hội Thánh.[537] Điều này được xác nhận trong Công Vụ Các Sứ Đồ 14:23, nơi Phao-lô, trong lần thăm viếng thứ hai, lập các mục sư từ nhóm người tin Chúa trong chuyến đi trước của ông, chỉ vài tháng trước đó. Đó cũng là lý do nhiều nhà giải kinh

534. Công Vụ Các Sứ Đồ 8:1, 3
535. Công Vụ Các Sứ Đồ 22:4
536. Xem www.bit.ly/3BEnYqo
537. "Các sứ đồ đi khắp các miền và các thị trấn rao giảng, và họ lập những người tin Chúa đầu tiên của mình – sau khi đã thử họ bởi Thánh Linh – làm giám mục … cho những tín hữu của tương lai." (1 Clement 42)

cho rằng Sê-pha-na là một trưởng lão ở Cô-rinh-tô, khi Phao-lô khuyên Hội Thánh ở đó hãy "thuận phục những người như thế", là những người "tin Chúa đầu tiên" (nghĩa đen là "trái đầu mùa") và cũng là những tấm gương tuyệt vời về "sự phục vụ các thánh đồ".[538] Như vậy, một trưởng lão không nhất thiết lớn tuổi hơn những người khác, nhưng dày dạn hơn về mặt thuộc linh (dù chỉ hơn một chút). Họ cũng đã có mặt trong đợt truyền dạy đầu tiên của vị sứ đồ đã thành lập Hội Thánh.

Vậy điều đáng chú ý là nhiều lần chính một người nữ là người tin Chúa đầu tiên hay thành viên đầu tiên của Hội Thánh – chẳng hạn Ly-đi là người đầu tiên Phao-lô dẫn đến với Chúa ở châu Âu, và cũng là thành viên đầu tiên của Hội Thánh Phi-líp, Hội Thánh cũng nhóm họp trong nhà bà.[539]

NHỮNG NGƯỜI NỮ ĐỨNG ĐẦU GIA HỘ VÀ MỞ NHÀ CHO HỘI THÁNH

Ai có thể phủ nhận rằng Phi-lê-môn, người đứng đầu gia hộ giàu có, được kính trọng, có Hội Thánh nhóm trong nhà mình, có lẽ là một trưởng lão trong Hội Thánh Cô-lô-se? Dù sao, chúng ta biết rằng Phao-lô đã dẫn ông đến với Chúa,[540] có lẽ tại Ê-phê-sô,[541] và sau khi gây dựng ông bằng sự dạy dỗ của mình, đã sai ông đến Cô-lô-se để phục vụ trong Hội Thánh ở đó, nơi Phao-lô xác nhận ông là một "bạn cùng làm việc" yêu thương các thánh đồ.[542]

Nhưng khoan đã, nếu chúng ta có thể nói (như một số giáo phụ đã nói[543]) rằng Phi-lê-môn là một trưởng lão ở Cô-lô-se, thì còn Nim-pha thì sao? Dù sao, chúng ta biết rằng bà lãnh đạo Hội Thánh tại gia *kia* ở Cô-lô-se.[544] Sách Công Vụ Các Sứ Đồ tập trung vào công việc truyền giảng ở những vùng biên cương và sứ mạng toàn cầu của các sứ đồ, nhưng cũng cho chúng ta đủ gợi ý về tầm quan trọng của chức vụ trong các Hội Thánh địa phương. Vậy thật

538. 1 Cô-rinh-tô 16:16-17
539. Công Vụ Các Sứ Đồ 16:13-40
540. Phi-lê-môn 3, 8-9, 19
541. Công Vụ Các Sứ Đồ 19:9-10
542. Phi-lê-môn 1, 5, 7
543. Chẳng hạn, xem đoạn XLVI trong www.bit.ly/3CN1tRo
544. Cô-lô-se 4:15. Những học giả lập luận rằng Nim-pha có thể là một người nam không dùng các bản văn Hy Lạp hiện còn tốt nhất, là những bản ghi rằng "Hội Thánh nhóm trong nhà 'của bà' (autēs)."

đáng chú ý khi những Hội Thánh tại gia này được mở tại nhà, và có lẽ được lãnh đạo, không chỉ bởi người nam, mà cả bởi người nữ nữa.

Các học giả theo quan điểm bổ sung thường gạt bỏ điểm này bằng cách so sánh sai lầm người lãnh đạo một Hội Thánh tại gia với người chủ nhà của một nhóm nhỏ thời nay, là người có thể hỏi: "Tuần sau chúng ta nhóm ở nhà ai?" Nhưng điều này cho thấy sự thiếu hiểu biết về bản chất của gia đình trong thế kỷ 1. Vào thời Hy Lạp – La Mã, người đứng đầu một gia đình thường là nam giới, gọi là *paterfamilias*; nhưng nếu người chồng đã qua đời và người lớn tuổi nhất trong nhà là phụ nữ, thì bà sẽ đứng đầu gia đình với tư cách là *materfamilias*. Họ đương nhiên coi sóc những người sống trong nhà mình, gồm con cái, họ hàng, nô lệ và người thuê nhà. Họ cần có những kỹ năng tốt về quan hệ, tổ chức và quản lý,[545] cũng như khả năng dạy dỗ, sửa dạy, nuôi dưỡng và quản lý của cải vật chất. Vì vậy, có thể cho rằng, ít nhất trong một số trường hợp, việc đứng đầu một gia đình khiến người ấy trở thành ứng viên hàng đầu để lãnh đạo Hội Thánh nhóm trong nhà mình. Nim-pha đã làm nhiều hơn là chỉ mở cửa nhà mình. Suy cho cùng, các Hội Thánh tại gia là căn cứ cho việc truyền giảng Tin Lành tại địa phương và việc môn đồ hóa những người mới tin – tất cả những việc ấy đều đòi hỏi sự lãnh đạo, sự huấn luyện và việc cung ứng các nguồn lực. "Kiểu tiếp đón diễn ra vào thời Tân Ước là việc thiết lập một căn cứ hoạt động lâu dài và có tính chiến lược, trong đó chủ gia đình giữ vai trò then chốt cho sự thành bại của các mục tiêu của Hội Thánh."[546]

Nếu họ đã có một quá trình sống tin kính được chứng thực và có nền tảng vững vàng trong Tin Lành, thì họ hẳn là những ứng viên lý tưởng cho sự lãnh đạo mục vụ. Hãy xem ba chức năng của mục sư được nêu trong 1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:12: "những người làm việc khó nhọc" (tiếng Hy Lạp: *kopiōntas*), những người "chăm sóc anh em" (tiếng Hy Lạp: *proistamenous*), và những người "khuyên răn anh em" (tiếng Hy Lạp: *nouthetountas*). "Làm việc khó nhọc" nói đến sức lao động cần có để nâng đỡ chức vụ cả về mặt thực tế lẫn thuộc linh.[547] "Chăm sóc" nghĩa là định hướng, quản lý và chịu trách nhiệm

545. Đây là lý do trong 1 Ti-mô-thê 5:14, Phao-lô khích lệ các materfamilias "cai quản nhà mình", nghĩa đen là làm "chủ nhân" (despot) của ngôi nhà.
546. Jamin Hübner. Nguồn: www.bit.ly/3BNaSY8
547. Xem 1 Tê-sa-lô-ni-ca 2:9 và 3:5.

về sự an lành của cộng đồng.[548] "Khuyên răn" bao gồm sự dạy dỗ nhằm sửa sai.[549] Việc dùng thì hiện tại ngụ ý rằng những trách nhiệm này không phải thỉnh thoảng mới có, mà diễn ra liên tục. Nhưng hãy xem – đây chính là những kỹ năng và khả năng mà một chủ gia đình giỏi sẽ có thừa. Thêm vào đó, các chủ gia đình còn phải chịu trách nhiệm trước cộng đồng chung quanh về những gì diễn ra trong nhà mình.[550] Vì vậy, theo lẽ thường, "chủ gia đình dường như có được thẩm quyền lãnh đạo trong Hội Thánh."[551]

Brian Capper, một chuyên gia về bối cảnh Hy Lạp – La Mã thời ban đầu và về hình thái của các Hội Thánh thế kỷ 1, nhận xét rằng Hội Thánh trong một thành phố gồm một hay nhiều Hội Thánh tại gia, và kết luận rằng:

[T]ừ cấu trúc "tế bào" của các hội chúng do Phao-lô thành lập … lộ ra lý do của việc có nhiều người lãnh đạo địa phương. Mỗi nhóm nhỏ nhóm họp trong nhà của một người lãnh đạo trong cộng đồng Cơ Đốc; mỗi người lãnh đạo như vậy là một trưởng lão/giám mục (người coi sóc), và mỗi thành phố có nhiều người như thế. … Chúng ta có thể chắc chắn rằng trong thế giới cổ đại, chủ nhà được trao quyền kiểm soát tối hậu đối với bất cứ buổi nhóm họp nào mình tiếp đón. Đó là phong tục và phép lịch sự thông thường. Vì những chủ gia đình Cơ Đốc thời ban đầu, là những người tiếp đón các buổi nhóm của Hội Thánh trong nhà mình, luôn là những người tin Chúa lâu năm hơn và là những người bảo trợ Tin Lành tại địa phương, nên họ trở thành những nhân vật có uy quyền trong hội chúng ở cấp địa phương. Địa vị xã hội, sự trưởng thành, lòng rộng rãi, sức thu hút cá nhân và sự ủy nhiệm của các sứ đồ kết hợp lại, ban cho những người bảo trợ Tin Lành tại địa phương này thẩm quyền. … Đối với người trưởng lão, Hội Thánh đơn giản là phần nối dài của chính gia đình mình, vì họ tiếp đón Hội Thánh trong chính nhà mình.[552]

Điều này giải thích vì sao những độc giả mang tư tưởng phụ quyền về sau, dù sống gần với bối cảnh cổ đại hơn, đã chùn bước khi thấy nhắc đến những

548. Cũng chữ này được dùng cho chức năng liên quan đến "ân tứ lãnh đạo" trong Rô-ma 12:8, cũng như cho điều được trông đợi nơi mọi chủ gia đình siêng năng, là những người "quản lý" tốt gia đình mình.
549. Xem 1 Cô-rinh-tô 4:14
550. Xem Công Vụ Các Sứ Đồ 17:5-7 làm ví dụ.
551. www.bit.ly/3bHJPmo
552. www.rb.gy/cmxtqm

phụ nữ tiếp đón Hội Thánh tại gia. Chẳng hạn, những người sao chép Kinh Thánh thấy vai trò lãnh đạo hiển nhiên của Nim-pha là điều gây tai tiếng đến nỗi một số người trong họ đã nam tính hóa tên của bà, gọi "ông ấy" là Nymphas. Đối với họ, việc đổi giới tính một nhân vật Kinh Thánh còn dễ chấp nhận hơn là thừa nhận một nữ mục sư.

Tóm lại, dù địa vị của phụ nữ trong đời sống công cộng nói chung là thấp, một *materfamilias* có ngôi nhà đủ rộng để tiếp đón nhiều người hẳn cũng phù hợp với công việc lãnh đạo Hội Thánh chẳng kém gì một *paterfamilias*, vì có cùng những kỹ năng ấy. Vậy điều đáng khiến chúng ta chú ý là *khi kể ra những ngôi nhà có Hội Thánh nhóm họp, Tân Ước nhắc đến tên phụ nữ nhiều hơn tên nam giới* – không chỉ Nim-pha và Ly-đi, mà còn Ma-ri, mẹ của Mác, người có ngôi nhà làm căn cứ cho Hội Thánh Giê-ru-sa-lem;[553] Cơ-lô-ê, mà những người thuộc về bà được gọi theo nghĩa đen là "người nhà Cơ-lô-ê", và họ đã đi đến gặp Phao-lô để báo cho ông biết một số điều đáng lo ngại về Hội Thánh Cô-rinh-tô;[554] Bê-rít-sin,[555] người mà tôi sẽ sớm trở lại; và rất có thể cả một nữ lãnh đạo Hội Thánh tại gia không được nêu tên, được gọi là "bà được chọn".[556]

MỘT NGƯỜI NỮ LẬP HỘI THÁNH

Một người khác rất có thể là mục sư là người đã lập và lãnh đạo một Hội Thánh mà không phải là sứ đồ. Hãy bắt đầu với một ví dụ là người nam – ví dụ nổi bật nhất trong sách Công Vụ là A-qui-la. Ông đã cùng Phao-lô khởi lập Hội Thánh ở Cô-rinh-tô, tiếp đón Hội Thánh trong nhà mình và chu cấp tài chính cho công việc của Hội Thánh.[557] Sau 18 tháng được Phao-lô huấn luyện, ông lên thuyền đi cùng Phao-lô. "Họ đến Ê-phê-sô, nơi Phao-lô để A-

553. Công Vụ Các Sứ Đồ 12:12
554. 1 Cô-rinh-tô 1:11
555. Rô-ma 16:3
556. Những người theo quan điểm bổ sung khẳng định rằng "bà được chọn" là chính Hội Thánh, nhưng công bằng mà nói, điều này không giải thích được vì sao "bà được chọn" được phân biệt với "con cái bà" (2 Giăng 1), cũng không giải thích vì sao "bà" được chào theo cùng một cách như khi Giăng chào cá nhân Gai-út, người mà ông viết thư 3 Giăng gửi đến. Xem Scott McKnight, "The Elect Lady", Patheos (blog), ngày 18 tháng 9 năm 2014, www.bit.ly/3CMNSd1
557. Công Vụ Các Sứ Đồ 18:1-3

qui-la ở lại",[558] dường như để chăm sóc một số người đã tin Chúa nhờ một bài giảng truyền giảng duy nhất cho người Do Thái tại nhà hội địa phương.[559] Trong sáu đến mười hai tháng Phao-lô vắng mặt, A-qui-la tiếp đón một Hội Thánh trong nhà mình, gồm số "anh chị em" ngày càng đông thêm.[560] Ông tiếp tục đến nhà hội, tìm những người cởi mở mà ông có thể chia sẻ Tin Lành. Chúng ta biết điều này vì vào một ngày Sa-bát, ông gặp một người đáng chú ý tên là "A-bô-lô, quê ở thành A-léc-xan-tri", "là một người có học thức, thông thạo Kinh Thánh. Người đã được dạy dỗ về đạo của Chúa, … dạy chính xác về Chúa Giê-xu, dù chỉ biết phép báp-têm của Giăng. Người bắt đầu mạnh dạn giảng trong nhà hội. Khi … A-qui-la nghe người, [ông] mời người về nhà [mình] …"[561]

Dù A-bô-lô biết Cựu Ước, và dường như đã nghe đủ về Chúa Giê-xu để nhận ra Ngài là Đấng Mê-si-a được hứa trong Cựu Ước, thần học của A-bô-lô vẫn còn những lỗ hổng mà A-qui-la nhận thấy. Ông mời A-bô-lô về nhà mình và "giải bày đạo Đức Chúa Trời cho người cách đầy đủ hơn". Chữ "giải bày" (tiếng Hy Lạp: *exethento*) đồng nghĩa với chữ "dạy dỗ" và được dùng để mô tả chức vụ của Phao-lô tại Rô-ma, nơi "từ sáng đến chiều" ông "*giải bày* về Nước Đức Chúa Trời".[562] Vì điều ưu tiên của A-qui-la không chỉ là quy tụ những người mới tin, mà là sai phái những sứ giả của Tin Lành, nên ông khích lệ A-bô-lô đến một thành khác, nơi công khó A-qui-la bỏ ra để huấn luyện thần học cho A-bô-lô đã kết quả dồi dào.[563]

Chắc chắn A-qui-la là một trưởng lão hay mục sư của Hội Thánh Cô-rinh-tô, và còn chắc chắn hơn nữa là của Hội Thánh Ê-phê-sô, phải không? Dù Tân Ước không ở đâu dùng thuật ngữ nói về việc ai đó "lập Hội Thánh" hay "lãnh đạo một Hội Thánh", đó vẫn chính là công việc A-qui-la đang làm.

Và giờ là tình tiết bất ngờ: dù tôi đã cố ý bỏ tên bà ra khỏi các đoạn trên, Công Vụ 18 luôn cẩn thận ghép tên ông với tên vợ ông là Bê-rít-sin. *Mọi điều A-qui-la làm, Bê-rít-sin cũng làm. Cả hai* đều tiếp đón Hội Thánh ở Cô-rinh-tô, nâng đỡ Hội Thánh bằng công việc may trại chung với nhau. *Cả hai* đều lên

558. Công Vụ Các Sứ Đồ 18:18
559. Công Vụ Các Sứ Đồ 18:19-21
560. Công Vụ Các Sứ Đồ 18:27
561. Công Vụ Các Sứ Đồ 18:24-26
562. Công Vụ Các Sứ Đồ 28:23
563. Công Vụ Các Sứ Đồ 18:27-28

thuyền đi cùng Phao-lô. Phao-lô để *cả hai* ở lại Ê-phê-sô để gây dựng sự hiện diện của Tin Lành. *Cả hai* đều quy tụ những người mới tin trong nhà *của họ*. *Cả hai* đều tìm đến những người chưa tin tại nhà hội địa phương. *Cả hai* đều dạy dỗ A-bô-lô.

Dựa trên bằng chứng trong Công Vụ 18 và các bản văn khác,[564] chúng ta gần như có thể khẳng định chắc chắn rằng A-qui-la là một trưởng lão hay mục sư tại Ê-phê-sô. Ông là ứng viên khả dĩ nhất mà chúng ta có trong Tân Ước! Thế nhưng, dựa trên cùng bằng chứng văn bản ấy, chúng ta không có lý do gì để nghĩ rằng ông có địa vị cao hơn vợ mình trong sự lãnh đạo thuộc linh hay trong sự lãnh đạo Hội Thánh. *Trái lại, họ – giống như A-đam và Ê-va trước sự sa ngã – đã hoạt động như những người ngang hàng và những người cộng sự trong ơn gọi và trong chức vụ.*

NHỮNG NGƯỜI CÙNG LÀM VIỆC TRONG RÔ-MA 16

Trong Rô-ma 16, Phao-lô gửi lời chào đích danh 27 người trong Hội Thánh Rô-ma. Vì nhiều Hội Thánh thời ban đầu này rất nhỏ, chắc chắn một số người trong danh sách thuộc ban lãnh đạo của Hội Thánh ấy. Nhưng là những ai? Manh mối tốt nhất là những cụm từ định danh "những người làm việc khó nhọc trong Chúa" (tiếng Hy Lạp: *polla ekopiasen en kyriō*) và "người cùng làm việc" (tiếng Hy Lạp: *synergos*) mà Phao-lô chỉ dùng cho một số người trong danh sách. Chúng ta biết điều này vì ở những chỗ khác Phao-lô dùng chính các thuật ngữ này cho những nhân vật quan trọng nhất trong đội ngũ của ông. Ông gọi Ti-mô-thê, A-bô-lô, U-rơ-banh, Tít, Ép-ba-phô-đích, Mác, Ê-pháp-ra và Lu-ca là "người cùng làm việc" với ông[565] – đây là những cộng sự chính của ông trong công cuộc làm cho Tin Lành được lan truyền. Phao-lô cũng thường dùng động từ "làm việc khó nhọc" để chỉ những người xứng đáng được giữ vai trò lãnh đạo, cũng như để chỉ một chức năng then

564. Dù ở đây tôi không khảo sát sâu Công Vụ Các Sứ Đồ 18, ở chỗ khác tôi đưa ra nhiều bằng chứng hơn về vai trò dạy dỗ, lập Hội Thánh và lãnh đạo Hội Thánh của cặp vợ chồng này trong Hội Thánh Ê-phê-sô, đồng thời trả lời những bằng chứng được cho là ngược lại – xem bài viết của tôi "Was Priscilla a pastor?" trên www.terranwilliams.com tại www.rb.gy/ttr2do, trong đó tôi bác bỏ nỗ lực của Mark Ellis nhằm "disabuse Priscilla as a pastor" (gạt bỏ ý nghĩ cho rằng Bê-rít-sin là mục sư).

565. Xem Rô-ma 16:21, 1 Cô-rinh-tô 3:9, Rô-ma 16:9, 2 Cô-rinh-tô 8:23, Phi-líp 2:25, Cô-lô-se 4:11, Phi-lê-môn 24.

chốt của chức trưởng lão.[566] Đó cũng là cách ông ưa dùng để mô tả chức vụ của chính mình.[567]

Rõ ràng Phao-lô không có thói quen dùng các danh xưng chức vụ như "mục sư" (cho những người phục vụ tại một Hội Thánh) hay "nhà truyền giáo" (cho những người được sai đến những vùng mới), mà nói về họ như những "người cùng làm việc", là những người "làm việc khó nhọc trong Chúa". Thật vậy, trong thư gửi tín hữu Cô-rinh-tô, ông dùng cả hai thuật ngữ này để mô tả những người mà Hội Thánh phải thuận phục.[568]

Thật thú vị, trong danh sách ở Rô-ma 16, có mười người được mô tả bằng những thuật ngữ này và những thuật ngữ khác liên quan đến sự đóng góp nghiêm túc trong chức vụ. Có lẽ bạn cần ngồi xuống trước khi nghe điều tôi sắp nói: *bảy trong số mười người ấy là phụ nữ!* Hãy liệt kê họ: Bê-rít-sin được gọi là "người cùng làm việc" (câu 3), còn Ma-ri (câu 6), Try-phe-nơ, Try-phô-sơ và Bẹt-si-đơ (câu 12) được nói là đã "làm việc khó nhọc trong Chúa". Những người đáng chú ý khác được nhắc đến là Giu-ni-a, một sứ đồ (câu 7), và Phê-bê, vừa là nữ chấp sự của Hội Thánh Xen-cơ-rê (câu 1)[569] vừa là ân nhân hay người bảo trợ của Phao-lô (câu 2). Phê-bê cũng là người được Phao-

566. 1 Tê-sa-lô-ni-ca 5:12
567. 1 Cô-rinh-tô 4:12; 15:10; Ga-la-ti 4:11; Phi-líp 2:16; Cô-lô-se 1:29; 1 Ti-mô-thê 4:10
568. 1 Cô-rinh-tô 16:16.
569. Xin được ăn mừng Phê-bê đôi chút: Bà là "chấp sự" đầu tiên được ghi lại trong lịch sử Cơ Đốc giáo, dù một số học giả tranh luận liệu bà có thật sự là chấp sự hay không, vì thuật ngữ "diakonos" đôi khi chỉ "đầy tớ" chứ không phải chức chấp sự được nhắc đến trong Phi-líp 1:1. Nhưng bà là diakonos "của Hội Thánh Xen-cơ-rê". Đây là lần duy nhất trong Tân Ước từ này được gắn cụ thể với một Hội Thánh địa phương. Nếu Phao-lô chỉ muốn nói "đầy tớ", có lẽ ông đã dùng một dạng động từ như "người phục vụ" (diakoneo) (Rô-ma 15:25) hoặc thuật ngữ chung "chức vụ" (diakonia) (1 Cô-rinh-tô 16:15). Phân từ hiện tại (đang là chấp sự) dường như nói đến một chức vụ liên tục. Điều này, cộng với cụm từ bổ nghĩa "của Hội Thánh Xen-cơ-rê", cho thấy một chức vụ được công nhận trong Hội Thánh. N.T. Wright nói rằng mọi nỗ lực làm cho thuật ngữ này mang nghĩa nào khác ngoài "chấp sự" đều thất bại. Dịch nó là "đầy tớ" chỉ đẩy vấn đề lùi thêm một bước, vì điều đó "hoặc có nghĩa là Phê-bê là một nhân viên được Hội Thánh trả lương (để làm gì?), hoặc có nghĩa là đã có một hàng chức vụ, mà ngoài chỗ này không ai biết đến, gọi là 'các đầy tớ'." Craig Keener chỉ ra: "Hầu hết độc giả có lẽ sẽ mặc nhiên hiểu theo nghĩa đó [chấp sự] ở đây nếu phân đoạn này không nói về một người phụ nữ." Thuật ngữ này nhìn chung có nghĩa là "người phục vụ Lời Chúa" – Phao-lô dùng nó cho chính ông như một sứ đồ của Tin Lành ở bảy chỗ (1 Cô-rinh-tô 3:5; 2 Cô-rinh-tô 3:6; 6:4; 11:23; Ê-phê-sô 3:7; Cô-lô-se 1:23, 25), và dùng nó cho những cộng sự của ông trong Tin Lành (Ê-phê-sô 6:21; Cô-lô-se 1:7; 4:7; 1 Tê-sa-lô-ni-ca 3:2; 1 Ti-mô-thê 4:6). Tất cả những điều này cho thấy bà có một chức vụ được công nhận hay một vị trí có trách nhiệm trong Hội Thánh mình.

lô giao phó việc đi đến Rô-ma, mang theo – xin một hồi trống! – chính bức thư gửi tín hữu Rô-ma.

Một số thuật ngữ này cũng được dùng cho những phụ nữ khác trong các Hội Thánh khác. Phao-lô tôn vinh hai phụ nữ, Ê-vô-đi và Sin-ty-cơ, mà ông khen ngợi là "những người cùng làm việc", là những người "đã cùng chiến đấu bên cạnh [tôi] vì sự nghiệp của Tin Lành".[570] Chữ Hy Lạp được dịch là "cùng chiến đấu" (*synēthlēsan*) dùng hình ảnh một vận động viên hay một người lính căng hết mọi thớ cơ để giành chiến thắng. Nói cách khác, Phao-lô đặt sự tận hiến của họ cho chính nghĩa của Đấng Christ ngang hàng với sự tận hiến của chính ông.[571]

N.T. Wright nói: "Tôi từng nghĩ Rô-ma 16 là chương nhàm chán nhất trong bức thư, còn giờ đây, khi nghiên cứu các tên người và suy nghĩ về họ, tôi sửng sốt khi thấy sự dạy dỗ của cả Chúa Giê-xu lẫn Phao-lô đã được đem ra thực hành mạnh mẽ biết bao."[572] Danh sách những phụ nữ được nêu danh này cho thấy một cách không thể nhầm lẫn rằng không hề có sự phân biệt nào về địa vị hay về sự phục vụ giữa họ và những người nam.

Chẳng phải có thể – thậm chí rất có thể – rằng ít nhất một vài trong số những phụ nữ ở Hội Thánh Rô-ma mà Phao-lô tôn vinh bằng những danh xưng chức vụ ấy đã ở trong ban lãnh đạo cao nhất của Hội Thánh mình sao? Nhất là khi xét rằng phần lớn họ phục vụ tại chính Hội Thánh ấy chứ không phải là những nhà truyền giáo đi đây đi đó? Cynthia Westfall nói: "Trong Cơ Đốc giáo thế kỷ 1, những thuật ngữ này tương ứng chặt chẽ với điều về sau sẽ trở thành hàng giáo phẩm được tấn phong. Phao-lô dường như dùng các thuật ngữ này một cách nhất quán khi tôn vinh những người lãnh đạo."[573]

Trong xã hội Địa Trung Hải cổ đại, phụ nữ được trao rất ít quyền lực xã hội. Thế nhưng trong thế giới hết sức trọng nam khinh nữ ấy, nơi các điều kiện xã hội hầu như chẳng bao giờ cho phụ nữ được lên tiếng nơi công cộng hay được giữ một vai trò có ý nghĩa trong việc lãnh đạo cộng đồng, hãy xem có bao nhiêu phụ nữ đã đứng ra phục vụ Đấng Christ trong những chức vụ

570. Phi-líp 4:3
571. Hai phụ nữ này có vị thế nổi bật trong Hội Thánh của họ đến nỗi, khi họ xung đột với nhau, Phao-lô phải viết cả một bức thư – thư Phi-líp – về tầm quan trọng của sự hiệp một.
572. www.bit.ly/3URMrTN
573. Cynthia Westfall, Paul and Gender, chương 8.

quan trọng, và được sứ đồ Phao-lô tôn vinh vì điều đó. Nếu trong một nền văn hóa thù nghịch với phụ nữ như thế mà phụ nữ còn có thể phát triển mạnh mẽ trong chức vụ, thì huống chi ngày nay, khi các điều kiện xã hội trong nền văn hóa của chúng ta không còn ngăn trở điều đó nữa, phụ nữ càng có thể vươn lên đóng góp mạnh mẽ cho Nước Đức Chúa Trời biết bao!

Nhưng tôi đang đi trước ý mình. Hãy để tôi tóm lại. Tân Ước không nêu tên các mục sư của các Hội Thánh, nhưng tôi lập luận rằng Tân Ước đưa ra năm manh mối chính cho biết những người này có thể là ai: những người chịu bắt bớ nặng nề nhất; những người tin Chúa đầu tiên, nhờ đó có thể môn đồ hóa người khác; những người biến gia đình mình thành căn cứ cho Hội Thánh; những người lập Hội Thánh; và/hoặc những người được nêu danh trong Rô-ma 16 với sự tôn vinh cao nhất về thành quả trong chức vụ.

Không manh mối nào trong số này là bằng chứng không thể bác bỏ, nhưng mỗi manh mối khiến cho điều này khá thuyết phục: người ấy đã ở trong ban lãnh đạo của Hội Thánh mình. Giờ đây, tôi mong bạn vẫn đang ngồi, vì *có một người phụ nữ mà tên tuổi nổi bật trong cả năm hạng mục này*.

BÊ-RÍT-SIN

Bê-rít-sin có phải là mục tiêu chính của sự bắt bớ không? Có. Phao-lô cho chúng ta biết rằng bà đã "liều mạng sống mình"[574] khi cộng tác với ông trong Tin Lành – điều này cho thấy vai trò của bà trong chức vụ Hội Thánh nổi bật đến mức thu hút sự chú ý của các nhà cầm quyền thù nghịch.

Bà có phải là một "trái đầu mùa" có khả năng môn đồ hóa những tín hữu mới hơn không? Có. Cùng với chồng, bà là thành viên đầu tiên của cả Hội Thánh Cô-rinh-tô lẫn Hội Thánh Ê-phê-sô, và là một trong những người dày dạn thuộc linh nhất ở cả hai nơi. Hơn nữa, tại Ê-phê-sô, khi Phao-lô vắng mặt, bà có đủ tư cách đặc biệt để chăm sóc và môn đồ hóa vài người mới tin đầu tiên – những người đã tin Chúa trong chuyến ghé thăm ngắn của Phao-lô tại nhà hội địa phương, và về sau dường như trở thành những mục sư (khác) của Ê-phê-sô.[575]

574. Rô-ma 16:3

Bà có phải là người lãnh đạo một Hội Thánh tại gia không? Có. Thật vậy, chúng ta có bằng chứng Kinh Thánh rằng bà đã biến gia đình mình thành căn cứ hoạt động của Hội Thánh ở không dưới ba Hội Thánh khác nhau: Hội Thánh Cô-rinh-tô, Hội Thánh Ê-phê-sô và Hội Thánh Rô-ma.

Bà có lập Hội Thánh không? Có. Đặc biệt tại Ê-phê-sô, bà và chồng đã làm mọi việc mà những người lập Hội Thánh ngày nay có thể làm: họ chuyển đến một vùng mới để giúp khởi đầu một công việc; họ truyền giảng Tin Lành; họ quy tụ những người mới tin; họ dạy thần học cho những người ấy; họ gây dựng những người ấy trong chức vụ; và sai họ đi làm sứ mạng.

Bà có được gọi là "người cùng làm việc" trong danh sách ở Rô-ma 16 không? Một lần nữa, có. Thật vậy, trong tất cả những người được chào thăm ở Hội Thánh Rô-ma, *tên bà đứng đầu!* Chức vụ của bà được biết đến rộng rãi đến nỗi không chỉ Phao-lô bày tỏ lòng biết ơn bà về chức vụ ấy, mà ông còn chuyển đến bà lòng biết ơn của "mọi Hội Thánh của dân ngoại"![576]

Tôi đưa ra điều này như một kết luận: *việc Bê-rít-sin xuất hiện trong cả năm hạng mục gần như là bằng chứng văn bản mạnh nhất có thể có rằng bà đã phục vụ trong ban lãnh đạo cao nhất của một hay nhiều Hội Thánh*. Tôi dám nói rằng điều này gần như chắc chắn.

Trong khi đang nhấn mạnh điểm này, hãy để tôi nói thẳng hệ quả của nó: nếu chúng ta có thể tìm thấy dù chỉ một nữ môn đồ của Chúa Giê-xu ở thế kỷ 1 – người, dù sống và làm việc trong bối cảnh phụ quyền khắc nghiệt, gần như chắc chắn là một mục sư – thì rõ như ban ngày rằng trong những bối cảnh mạnh mẽ đề cao sự bình đẳng mà chúng ta đang sống ở thế kỷ 21, chúng ta nên sẵn lòng và vui mừng giải phóng những phụ nữ có ân tứ và được kêu gọi để họ tham gia các ban lãnh đạo mục vụ.

575. Xem bài viết của tôi "Was Priscilla a pastor?" tại www.rb.gy/ttr2do, trong đó tôi lập luận, dựa trên Công Vụ Các Sứ Đồ 18:17-19, 27 và 20:18, rằng Phao-lô đã để những người đầu tiên tin Chúa từ nhà hội Ê-phê-sô dưới sự chăm sóc của Bê-rít-sin và A-qui-la cho đến khi họ trở thành mục sư của Hội Thánh Ê-phê-sô, cùng với Bê-rít-sin và A-qui-la.
576. Rô-ma 16:3

NHỮNG PHẢN BÁC VỀ VIỆC BÊ-RÍT-SIN LÀ MỤC SƯ

Nếu tôi đã đi quá nhanh, hãy để tôi lùi lại một chút. Có thể bạn còn dè dặt về kết luận của tôi rằng Bê-rít-sin thật sự là một người lãnh đạo cao cấp của Hội Thánh như chồng bà. Thật vậy, có bốn phản bác thường gặp đối với vai trò lãnh đạo cao cấp và vai trò dạy dỗ mà người ta cho là Bê-rít-sin đã có. Phản bác thứ nhất là 1 Ti-mô-thê 3 nói về giám mục (người coi sóc) là người "chung thủy với vợ mình". Chúng ta sẽ xem xét điều đó kỹ lưỡng trong chương sau, còn bây giờ hãy để tôi giải quyết ba phản bác kia.

Phản bác thứ nhất là cho rằng Bê-rít-sin chỉ hỗ trợ A-qui-la. Trong giới theo quan điểm bổ sung ngày nay, người ta thường nói về các "cặp vợ chồng cùng hầu việc". Dù thuật ngữ này tuyệt vời đến đâu, khi quy về cốt lõi, điều họ thật sự muốn nói là người chồng đương nhiên là người lãnh đạo, còn người vợ là người giúp đỡ đắc lực của ông (phù hợp với khẳng định của John Piper rằng Ê-va là "người trợ lý trung thành" của A-đam). Nếu không có các ân tứ lãnh đạo của người chồng mở cửa cho cặp vợ chồng, thì người vợ hầu như chẳng có cơ hội nào để sử dụng các ân tứ lãnh đạo của chính mình. Vậy trong trường hợp này, A-qui-la là mục sư, còn Bê-rít-sin chỉ là người phụ tá đắc lực tuyệt vời của ông.

Thế nhưng mô hình người lãnh đạo – người giúp đỡ là điều hết sức khó có thể đúng trong trường hợp của Bê-rít-sin và A-qui-la. *Trong sáu lần cặp vợ chồng này được nhắc đến trong Kinh Thánh, có bốn lần tên bà đứng trước.* Với tai người hiện đại, điều đó có thể chẳng mấy ý nghĩa, nhưng trong văn chương phụ quyền cổ đại, ngay cả việc vợ của một người được nhắc đến cũng đã hiếm (chẳng hạn, hãy nghĩ xem có bao ít người vợ được nêu tên trong Tân Ước). Việc tên người vợ được nhắc đến *trước* lại càng hiếm hơn nữa.

Có người nói đây chỉ là sự trùng hợp ngẫu nhiên. Nhưng việc *cả* Phao-lô lẫn Lu-ca đều nêu tên bà trước trong các sách của mình, và việc họ làm như vậy bốn lần (chứ không phải chỉ một hai lần) trong sáu lần, cho thấy đây không phải là sự trùng hợp. Trái lại, chỉ vài câu sau khi nhắc đến Bê-rít-sin và A-

qui-la trong Rô-ma 16, Phao-lô nhắc đến một cặp vợ chồng khác và trở lại với lối thông thường là đặt tên người nam trước.

Một số học giả nói điều này chỉ cho thấy bà có địa vị nổi bật trong xã hội. Có lẽ bà xuất thân cao quý, còn A-qui-la xuất thân thấp hèn, hoặc bà là công dân La Mã còn ông thì không? Nhưng cách giải thích này né tránh ý nghĩa hiển nhiên hơn. Hễ khi nào các trước giả Tân Ước nhất quán nêu tên một người trước, thì thường đó là dấu chứng cho thấy chức vụ của người ấy nổi bật (điều này, đến lượt nó, liên quan đến ân tứ cụ thể của người ấy). Đó là lý do Lu-ca và các trước giả Phúc Âm khác luôn nêu tên Phi-e-rơ đầu tiên trong danh sách các sứ đồ. Đó là lý do Lu-ca nêu tên Ba-na-ba trước Phao-lô khi nói đến sự cộng tác trong chức vụ của họ tại Hội Thánh An-ti-ốt, nhưng rồi khi cuối cùng họ lên đường truyền giáo và chức vụ giảng đạo cùng làm phép lạ của Phao-lô bước sang một tầm mức khác, thì từ đó trở đi Lu-ca nêu tên Phao-lô trước.[577]

Khi khảo sát các cặp vợ chồng được nêu tên trong Kinh Thánh, tôi thấy chỉ có ba cặp khác mà tên người vợ đứng trước tên người chồng: nữ quan xét Đê-bô-ra được nêu tên trước Láp-bi-đốt;[578] nữ tiên tri Hun-đa được nêu tên trước Sa-lum;[579] và Ma-ri được nêu tên trước Giô-sép.[580] Ở tất cả những chỗ ấy, việc họ được nhắc đến trước rõ ràng nhấn mạnh chức vụ nổi bật hơn của họ. Vậy tại sao điều này lại không dẫn chúng ta đến cùng một kết luận về Bê-rít-sin? Dù chúng ta chỉ có thể suy đoán về những ân tứ khiến Bê-rít-sin nổi bật hơn A-qui-la, có một điều chúng ta có thể nói dứt khoát: bà không chỉ là một người phụ tá trong chức vụ của chồng. Tóm lại, ít nhất bà cũng ngang hàng với A-qui-la, được giải phóng để thi thố ân tứ của mình nơi công cộng nhiều như ông (nếu không nói là nhiều hơn).

Phản bác thứ hai là xoáy vào việc "trưởng lão" và "mục sư" là những từ giống đực, và vì vậy, dù Bê-rít-sin có ân tứ và được tôn trọng đến đâu, có một điều bà

577. Trong Công Vụ Các Sứ Đồ 11:26, 30; 12:25; 13:1-2, luôn luôn là "Ba-na-ba và Sau-lo/Phao-lô". Tuy nhiên, sau chức vụ đầy kịch tính của ông trên đảo Ba-phô, chặng đầu tiên trong chuyến truyền giáo của ông và Ba-na-ba, Phao-lô bắt đầu được nêu tên trước – chẳng hạn, xem Công Vụ Các Sứ Đồ 13:13, 42, 43, 46, 49; 14:1, 3. Vậy khi Lu-ca mô tả công cuộc lập Hội Thánh của A-qui-la và Bê-rít-sin tại Ê-phê-sô, chúng ta nên lưu ý rằng ông đã ba lần đặt tên bà trước – xem Công Vụ Các Sứ Đồ 18:18, 19, 26.
578. Các Quan Xét 4:4
579. 2 Các Vua 22:14
580. Ma-thi-ơ 1:18

không thể là: một người nam, và do đó, không thể là trưởng lão.

Phản bác này không hiểu rằng tiếng Hy Lạp cổ, giống như mọi ngôn ngữ cổ, mang tính *lấy nam giới làm trung tâm* (androcentric), tức là xoay quanh người nam. Ngay cả tiếng Anh, nay đang nhanh chóng từ bỏ lối lấy nam giới làm trung tâm, vẫn dùng danh từ giống đực cho cả hai giới: chữ "he" (anh ấy) dùng chung có thể thay cho "he or she" (anh ấy hoặc cô ấy); "mankind" (loài người) và "manmade" (do con người làm ra) – cả hai đều chứa chữ "man", người nam – bao gồm cả phụ nữ; các từ như "chairman" (chủ tịch) và "fireman" (lính cứu hỏa) cũng vậy.

Trong tiếng Hy Lạp cổ, lối lấy nam giới làm trung tâm này còn nổi bật hơn nhiều, *vì danh từ chỉ người thì hoặc giống đực hoặc giống cái, không có giống trung*. Dạng giống cái chỉ được dùng khi nói về một người nữ hay một nhóm toàn phụ nữ. Khi nói về một hay nhiều người nam *hoặc về một nhóm gồm cả nam lẫn nữ*, thì dùng dạng danh từ giống đực.[581]

Khi Phi-e-rơ nói với hàng ngàn người nam *và người nữ* trong đám đông vào Lễ Ngũ Tuần, ông gọi họ bằng các danh từ giống đực: "anh em" (*adelphoi*) và "những người nam" (*andres*). Tương tự, khi nói đến "các môn đồ" trong sách Công Vụ, ngay cả ở những chỗ rõ ràng có phụ nữ hiện diện, dạng giống đực vẫn được dùng. Hoặc khi nói đến nhiều tiên tri tham gia các buổi nhóm của Hội Thánh được mô tả trong 1 Cô-rinh-tô 14, dạng giống đực cũng được dùng, dù chúng ta biết phụ nữ cũng nói tiên tri.[582] Hoặc hãy xem câu: "Phao-lô và Si-la … đến nhà Ly-đi, gặp gỡ các *adelphoi* (nghĩa đen là 'anh em') và khích lệ họ"[583] – trong khi Ly-đi và nhiều phụ nữ khác đều thuộc nhóm có cả nam lẫn nữ ấy, nhóm này vẫn được mô tả bằng một danh từ tập hợp giống đực. Lối dùng ngôn ngữ lấy nam giới làm trung tâm này cực đoan đến nỗi đôi khi ngay cả một người nữ duy nhất giữ một chức vụ lãnh đạo cũng có thể được mô tả bằng danh từ giống đực – chẳng hạn, như tôi đã dẫn trước đây, Phê-bê, dù là phụ nữ, trong Rô-ma 16:1 được gọi là "chấp sự" (diakonos, danh từ giống đực), *chứ không phải* "deaconess" (dạng giống cái).

581. Đôi khi văn mạch cho thấy rõ tác giả chỉ nói về người nam, có khi về cả người nam lẫn người nữ, và có khi người đọc không thể chắc phụ nữ có được bao gồm hay không.
582. Xem 1 Cô-rinh-tô 11:2; 14:29.
583. Công Vụ Các Sứ Đồ 16:40

Điều này có nghĩa là khi chúng ta đọc rằng Phao-lô "lập các trưởng lão … trong mỗi Hội Thánh",[584] có thể đã có phụ nữ trong số đó, hoặc ít nhất, việc ông dùng từ "trưởng lão" tự nó không phải là dấu hiệu cho thấy ông không lập các nữ trưởng lão. Dĩ nhiên, trong nền văn hóa phụ quyền nặng nề thời ấy, rất có thể nhiều Hội Thánh có ban lãnh đạo toàn nam giới. Tuy nhiên, điều đó không nhất thiết luôn luôn như vậy, nhất là nếu Bê-rít-sin có mặt trong Hội Thánh lúc ấy.

Đây là một cảnh tưởng tượng ngắn để minh họa ý tôi: sau khi trở lại Hội Thánh Ê-phê-sô, Phao-lô lại rời đi lần nữa, rồi một thời gian sau, khi đi ngang qua Ê-phê-sô, ông quyết định không vào thành mà chỉ mời các trưởng lão của Hội Thánh đến một thành gần đó là Mi-lê, để ông có thể dành một ngày thuật lại hai năm chức vụ của mình và nhóm lại ngọn lửa trong họ cho chức vụ mục vụ. Ông mô tả buổi gặp mặt này là "lần cuối cùng họ còn được thấy mặt ông".[585] Buổi gặp kết thúc khi họ quây quần chung quanh ông, khóc lóc, cầu nguyện và tiễn ông lên đường. Nhưng hãy để ý: không phải mọi người trong Hội Thánh đều được mời đến, mà chỉ các trưởng lão.[586] Giờ đây, bạn có thể tưởng tượng A-qui-la nói với Bê-rít-sin, khi bà định cùng ông đi đến Mi-lê: "Em yêu, Phao-lô nói chỉ các trưởng lão thôi. Em phải ở lại đây" không? Tôi thì không thể. Và tôi sẽ cho bạn biết vì sao: Bê-rít-sin đã hoạt động như một mục sư trong Hội Thánh ấy chẳng kém gì chồng bà.

Phản bác cuối cùng là nhấn mạnh rằng Hội Thánh nguyên thủy ở Giê-ru-sa-lem chỉ do người nam lãnh đạo. Đúng là các sứ đồ nam lãnh đạo Hội Thánh Giê-ru-sa-lem (trong Công Vụ 1-5) và rồi họ lập bảy người nam để giúp họ lãnh đạo (trong Công Vụ 6-8), nhưng không điều nào trong hai điều đó là khuôn mẫu phổ quát cho mọi Hội Thánh. Tạm gác lại ý nghĩa biểu tượng của việc mười hai sứ đồ là nam giới (tôi đã bàn điều đó trong chương trước), chúng ta phải nhớ rằng, cũng như mọi Hội Thánh, Hội Thánh Giê-ru-sa-lem *được định hình bởi hoàn cảnh địa phương của mình*. Chẳng hạn, trong Công Vụ 6, chính Hội Thánh, chứ không phải các sứ đồ, chọn bảy người nam để giải quyết những xung đột lớn giữa các bà góa dễ bị tổn thương là người Do Thái nói tiếng Hy Lạp và các bà góa là người Do Thái nói tiếng Hê-bơ-rơ. Trong nền văn hóa

584. Công Vụ Các Sứ Đồ 14:23
585. Công Vụ Các Sứ Đồ 20:38
586. Công Vụ Các Sứ Đồ 20:17

Giu-đê ấy, người ta hẳn sẽ trông đợi rằng những phụ nữ bị gạt ra bên lề, cần có người bảo vệ và bênh vực mình, sẽ chọn những người nam tự do (chứ không phải những phụ nữ khác, cũng không phải nô lệ) để làm việc đó.

Còn có thể nói thêm về tính lấy nam giới làm trung tâm bề ngoài của Hội Thánh Giê-ru-sa-lem. Những thực tại thần học mới, được khai mở bởi sự phục sinh của Chúa Giê-xu và sự ban cho Đức Thánh Linh, dường như vẫn cần một số năm mới thấm vào Hội Thánh non trẻ của thế kỷ 1. Khi đọc sách Công Vụ từ đầu đến cuối, chúng ta nhận thấy có một sự tiến triển trong cách thực hành, vì Hội Thánh ban đầu cần thời gian để áp dụng Tin Lành mà mình vừa mới nhận lãnh. Dù có nguy cơ đơn giản hóa quá mức, thời kỳ "Hội Thánh ban đầu" được mô tả trong Tân Ước có thể chia thành hai giai đoạn. Trong thập niên đầu tiên, Hội Thánh chủ yếu là một giáo phái Do Thái tại Giê-ru-sa-lem. Rồi Hội Thánh nhanh chóng lan ra khỏi nền tảng Do Thái của mình, đến Tiểu Á và châu Âu, nơi Hội Thánh chủ yếu trở thành một cộng đồng dân ngoại. Theo sự phát triển ấy trong Hội Thánh ban đầu, có một chuyển động rõ ràng từ sự lãnh đạo *chỉ có* người Do Thái sang sự lãnh đạo gồm người Do Thái *và* dân ngoại – một tiến trình cần thời gian, dù ngay từ đầu, xét về mặt thần học, "không còn người Do Thái hay dân ngoại". *Vậy thì, có thể suy đoán điều tương tự về bước tiến chậm chạp của Hội Thánh trong việc trao chức vụ cho phụ nữ cách trọn vẹn hơn, dù ngay từ đầu, xét về mặt thần học, "không còn nam hay nữ".* Giai đoạn nào trong hai giai đoạn này của Hội Thánh thời Tân Ước gần gũi nhất với các Hội Thánh ngày nay? Dù chúng ta có thể lấy cảm hứng từ Hội Thánh Giê-ru-sa-lem năm 35 SCN, có lẽ chúng ta sẽ được hướng dẫn tốt hơn bởi Hội Thánh Rô-ma năm 57 SCN – không còn là một giáo phái Do Thái (ý tưởng lớn của Rô-ma 1-15), và không còn do nam giới thống trị (ý tưởng lớn của Rô-ma 16).

Kết luận: có rất nhiều lý do chính đáng để chúng ta tin rằng Bê-rít-sin là một mục sư, và không có lý do vững chắc nào để không tin như vậy. Nhưng có lẽ chúng ta đã chú tâm quá nhiều vào Bê-rít-sin. Còn một người phụ nữ khác được nhắc đến trong Rô-ma 16 mà những bằng chứng về chức vụ của bà quở trách mạnh mẽ việc xem nhẹ chức vụ của phụ nữ trong Hội Thánh xưa và nay.

NỮ SỨ ĐỒ GIU-NI-A

Sau khi chào Bê-rít-sin và A-qui-la, Phao-lô khen ngợi một cặp vợ chồng khác trong Hội Thánh Rô-ma: "Hãy chào An-trô-ni-cơ và Giu-ni-a, những người Do Thái đồng hương của tôi, từng bị tù cùng với tôi. Họ là những người nổi bật trong các sứ đồ, và họ đã ở trong Đấng Christ trước tôi."[587]

Đôi khi chúng ta mặc nhiên cho rằng mọi chức vụ quan trọng diễn ra trong những thập niên đầu tiên của Hội Thánh trên khắp thế giới đều được mô tả trong sách Công Vụ. Nhưng câu này phá tan nhận thức đó. Đây là một cặp vợ chồng mà sách Công Vụ hoàn toàn không nhắc đến, thế nhưng dường như họ đã làm một chức vụ vô cùng quan trọng và mang tính khai phá, và phải trả giá đắt: họ đã bị bỏ tù vì chức vụ ấy.

Khi Phao-lô viết thư cho Hội Thánh Rô-ma, ông chưa từng đến thành phố ấy hay Hội Thánh ấy. Đây là một trong số ít Hội Thánh ở châu Âu mà ông không lập nên. Chúng ta chỉ có thể đoán ai đã lập Hội Thánh này, và nhiều học giả tin rằng cặp vợ chồng này là những ứng viên khả dĩ nhất. Giu-ni-a và An-trô-ni-cơ, những người Do Thái như Phao-lô, đã tin Chúa trước Phao-lô, nghĩa là họ đã đến với Chúa Giê-xu trong Hội Thánh Giê-ru-sa-lem. Có thể họ thuộc nhóm tín hữu thân cận ở Giê-ru-sa-lem, những người đã chứng kiến Chúa Giê-xu phục sinh, và đã bị đẩy ra thế giới rộng lớn hơn khi Ê-tiên bị giết.

Cũng như với Bê-rít-sin và A-qui-la, Phao-lô không cho chúng ta chút cơ hội nào để gán "khuôn mẫu người lãnh đạo – người giúp đỡ" của quan điểm bổ sung vào cuộc hôn nhân của họ, nhưng xem họ là một cặp vợ chồng thật sự cùng hầu việc, khi dành cùng một lời khen cho cả hai người – *cả hai* đều là sứ đồ; *cả hai* đều nổi bật trong chức vụ tiên phong của mình; và *cả hai* đều đã bị tù. Đáng tiếc, các nhà giải kinh theo thuyết thứ bậc từ lâu đã tìm cách hạ thấp chức vụ của bà, theo một trong ba cách.

587. Rô-ma 16:7

Thứ nhất, một số người lập luận rằng Giu-ni-a không phải là phụ nữ. Dù bà được công nhận là phụ nữ cho đến cuối thời Trung Cổ,[588] Giles thành Rô-ma (Giles of Rome) vào thế kỷ 14 đã xác định bà là nam giới vì bà được gọi là sứ đồ. Nhưng cuộc "đổi giới tính" này, như một học giả nói, là "một sản phẩm của trí tưởng tượng trọng nam khinh nữ".[589] Tên *Junia* là một tên nữ phổ biến trong Đế quốc La Mã, có gốc từ tiếng La-tinh. Trái lại, một cuộc tìm kiếm đầy đủ trong cơ sở dữ liệu tên người thời cổ cho thấy không tìm thấy một ví dụ nào về cái tên được cho là tên nam *Junias*.[590] Sau một đợt hồi sinh ở thế kỷ 20 của việc gọi bà là đàn ông, đến nay đã gần bốn thập niên, sự đồng thuận của giới học giả một lần nữa xác nhận rằng bà là phụ nữ[591] (dù một số học giả theo quan điểm bổ sung vẫn tiếp tục lập luận ngược lại[592]).

Thứ hai, một số người nói bà không phải là sứ đồ. Năm 2001, hai học giả theo quan điểm bổ sung[593] đã viết một bài báo được dùng để biện minh cho bản dịch ESV, vốn chọn cách dịch: "Giu-ni-a được các sứ đồ rất quý trọng", và do đó bà không phải là một trong các sứ đồ. Nhưng khẳng định của các học giả này (và vì thế cả bản dịch ESV của câu này) đã không đứng vững trước sự thẩm định của giới học thuật. Sau khi xem xét cơ sở dữ liệu và phân tích từ vựng cùng ngữ pháp, các học giả văn bản như Linda Belleville, Eldon Epp và Richard Bauckham đã nhanh chóng bác bỏ khẳng định này, chứng minh rằng hiểu câu này theo nghĩa Giu-ni-a vừa là phụ nữ vừa là sứ đồ thì thuyết phục hơn nhiều, phù hợp với cách hiểu của Hội Thánh ban đầu.[594]

588. Xem Paul Jewett, Romans, tr. 961-62. Ngoại lệ là Epiphanius (315-403), người nói đến một Junias là nam giới, nhưng cũng cho rằng Bê-rít-sin trong Rô-ma 16:3 là đàn ông, điều mà chúng ta biết là không đúng. Vì vậy, có thể yên tâm loại ông khỏi danh sách những nhân chứng đáng tin cậy. Xem Eldon Epp, *Junia*, tr. 34.
589. Paul Jewett, Romans, tr. 962.
590. Kevin Giles, What the Bible Actually Teaches on Women, tr. 276
591. Chẳng hạn, các nhà giải kinh gần đây về sách Rô-ma như M.J. Lagrange, Leon Morris, John Ziesler, J. A. Fitzmyer, C. E. B. Cranfield và James Dunn đều giữ quan điểm này.
592. Tuy nhiên, hầu hết các học giả lão thành theo quan điểm bổ sung và hầu như mọi nhà giải kinh hiện nay, như Andreas Köstenberger và Douglas Moo, đều thừa nhận rằng bà là phụ nữ.
593. Michael Burer và Daniel Wallace trong "Was Junia Really an Apostle? A Re-examination of Romans 16:7" NTS 47 (2001), tr. 76-91.
594. Xem Linda Belleville, "A Re-examination of Romans 16:7 in Light of Primary Source Materials", NTS 51 (2005): tr. 231-49; Eldon Epp, Junia: The First Woman Apostle; Richard Bauckham, Gospel Women, tr. 165-85.

Các lập luận của họ thuyết phục đến nỗi ngay cả Tom Schreiner cuối cùng cũng thừa nhận rằng bà là phụ nữ và là sứ đồ,[595] dù cùng lúc ông lại nêu thêm một phản bác khác.

Bà không phải là một sứ đồ đúng nghĩa. Schreiner nói rằng "chữ 'sứ đồ' ở đây có lẽ chỉ 'những người lập Hội Thánh' hay 'những nhà truyền giáo', và vì vậy không đặt Giu-ni-a và An-trô-ni-cơ ngang hàng với mười hai sứ đồ hay Phao-lô".[596]

Nhưng Schreiner dường như có một sự hiểu biết chưa đầy đủ về chức sứ đồ. Dù chữ "sứ đồ" có nghĩa là *người được sai đi*, trong Tân Ước có ba loại "sứ đồ". Có sứ đồ loại một, là mười hai sứ đồ mà Chúa Giê-xu đã chọn khi Ngài còn ở trên đất. Rồi có sứ đồ loại hai. Loại này chỉ nhóm sứ đồ rộng hơn, gồm Phao-lô, Ba-na-ba và Gia-cơ, là những người mà Chúa Giê-xu có thể dấy lên và sai đi khi giờ đây Ngài đang ở trên trời.[597] Hầu như mọi chỗ nói đến sứ đồ trong Tân Ước đều thuộc hai cách dùng này, dù đến khi thư Rô-ma được viết, vài thập niên sau khi câu chuyện của Hội Thánh bắt đầu, "các sứ đồ" không còn chỉ mười hai sứ đồ nữa, mà chỉ nhóm rộng hơn. Đây là cách Phao-lô thường dùng thuật ngữ này.

Cuối cùng, có sứ đồ loại ba, là những người được một Hội Thánh cụ thể chọn và sai đi làm một việc quan trọng, đáng chú ý nhất là việc mang một món quà tài chính. Chỉ ở hai chỗ trong Tân Ước, từ này được dùng để mô tả một người mà một Hội Thánh địa phương có thể sai đi với một nhiệm vụ đặc biệt là đại diện cho Hội Thánh trước một người nào đó hay trước một Hội Thánh khác: Hội Thánh Phi-líp sai Ép-ba-phô-đích như một "người được sai đi" để an ủi và chu cấp cho Phao-lô,[598] còn một số Hội Thánh, mỗi Hội Thánh chọn và sai một người giúp mang một món quà tài chính lớn đến Hội Thánh Giê-

595. Trong "Recovering Biblical Manhood and Womanhood" năm 1995 (tr. 221), ông phủ nhận mọi sự chắc chắn rằng Giu-ni-a là sứ đồ, còn trong "Two Views of Women in Ministry" năm 2005 (chương 1), ông đi đến chỗ đồng ý với đa số giới học giả. Tương tự, trong bài điểm sách "One in Christ" của Philip Payne, ông đồng ý với Payne: "Giu-ni-a gần như chắc chắn là phụ nữ, và Phao-lô xác định bà là sứ đồ." (Nguồn: www.bit.ly/3qaJctI) Ông không đơn độc – những học giả hàng đầu khác theo quan điểm bổ sung cũng đồng tình là Douglas Moo trong sách giải nghĩa Romans của ông (tr. 923) và Köstenberger trong "God's Design for Man and Woman" (tr. 153).
596. Schreiner nói như vậy trong "Two Views of Ministry", tr. 105. Douglas Moo đưa ra một lập luận tương tự trong sách giải nghĩa thư Rô-ma của ông, tr. 922.
597. Xem Công Vụ Các Sứ Đồ 14:14, 1 Cô-rinh-tô 9:5-6 và Ga-la-ti 1:19.
598. Phi-líp 2:25

ru-sa-lem[599] – bản NIV dịch từ này ở đây là "representatives" (những người đại diện).

Vậy khi Phao-lô nói Giu-ni-a là một trong "các sứ đồ", ông muốn nói đến loại nào? Rõ ràng không thể là sứ đồ loại một, những người mà ở chỗ khác Phao-lô gọi là "mười hai sứ đồ".[600] Và gần như chắc chắn họ không chỉ là những người đại diện loại ba của các Hội Thánh, được sai đi làm một việc đặc biệt. Chúng ta biết điều này vì ở hai chỗ Phao-lô dùng thuật ngữ này theo nghĩa người đại diện được sai đi, ông đều thêm đại từ sở hữu để giới hạn nghĩa: Ép-ba-phô-đích là "sứ đồ *của anh em*", còn những người mang tiền là "các sứ đồ *của* các Hội Thánh". Trái lại, một sứ đồ loại hai không chỉ là người đại diện cho một Hội Thánh địa phương nào đó – họ được chính Đấng Christ sai đi. Việc Phao-lô chỉ đơn giản gọi hai người này là "sứ đồ" cho thấy họ không chỉ được một Hội Thánh sai đi làm một việc. Cả Ép-ba-phô-đích lẫn những người mang tiền đều không có nguy cơ bị tù khi làm những việc ấy, còn Giu-ni-a và chồng bà thì đã từng bị tù – rất có thể vì làm công việc của một sứ đồ loại hai. Giống như Phao-lô, họ được chính Chúa Giê-xu Christ ủy thác làm chức vụ khai phá với cái giá đắt, bao gồm rao giảng Tin Lành, lập và gây dựng các Hội Thánh, xác lập giáo lý cho các Hội Thánh ấy, cũng như dấy lên và tấn phong các mục sư.

Dù chức sứ đồ của Phao-lô là độc nhất vô nhị trong nhóm sứ đồ rộng hơn, vì ông cũng viết Kinh Thánh, giống như một số người trong mười hai sứ đồ, ông vẫn dùng ngôn ngữ đồng nhất cặp vợ chồng sứ đồ này với chính mình. Họ là "những người Do Thái đồng hương". Họ đã bị tù "cùng với" ông.

Chúng ta tự hỏi làm sao việc Schreiner gọi Giu-ni-a chỉ là một "người lập Hội Thánh" hay "nhà truyền giáo" lại khiến bà kém hơn Phao-lô, khi chính Phao-lô cũng đúng là như vậy. Thật ra, Phao-lô dùng ngôn ngữ để bày tỏ rằng, theo ông, Giu-ni-a ngang hàng với ông. Ông còn có thể muốn nói gì khác khi nói bà "nổi bật [tức là đứng đầu lớp] trong các sứ đồ", một nhóm có cả chính ông? Ít nhất một phần điều khiến Phao-lô hết sức kính phục Giu-ni-a là dường như bà đã làm công việc sứ đồ lâu hơn ông. Như ông nói, bà đã "ở trong Đấng Christ trước" ông.

599. 2 Cô-rinh-tô 8:23
600. 1 Cô-rinh-tô 15:5

Đây chính là sai lầm của Schreiner: nỗ lực của ông nhằm làm cho Giu-ni-a kém hơn Phao-lô đi ngược với nỗ lực của Phao-lô nhằm làm cho bà giống như ông, *thậm chí còn hơn* chính ông. Có lẽ Schreiner nên lắng nghe lời của giáo phụ John Chrysostom trong sách giải nghĩa cổ của ông về Rô-ma 16: "Làm một sứ đồ là điều lớn lao. Nhưng nổi bật trong vòng các sứ đồ – hãy nghĩ xem đó là một lời ca ngợi tuyệt vời biết bao! Họ nổi bật nhờ công việc và những việc làm đức hạnh của mình. Thật vậy, sự khôn ngoan của người phụ nữ này hẳn lớn lao biết bao, đến nỗi bà được xem là xứng đáng với danh hiệu sứ đồ."[601]

Chúng ta kết luận: Giu-ni-a là phụ nữ, và bà là sứ đồ – hơn nữa, là sứ đồ loại hai. Nhưng bạn có thấy tất cả những điều này có nghĩa gì không?

Dù phần lớn các hệ phái Hội Thánh hiện đại không công nhận chức vụ sứ đồ, Tân Ước nói ở hai chỗ rằng đó là chức vụ then chốt nhất. Thật vậy, Phao-lô thậm chí dùng chữ "thứ nhất" khi mô tả cách Đức Thánh Linh lập thêm nhiều Hội Thánh trên thế giới. Ông nói: "Đức Chúa Trời đã đặt trong Hội Thánh, *thứ nhất* là các sứ đồ, thứ nhì là các tiên tri, thứ ba là những người dạy dỗ, kế đến là các phép lạ, rồi các ân tứ chữa bệnh, giúp đỡ, hướng dẫn, và nói các thứ tiếng khác nhau."[602]

Điều này đặt ra một câu hỏi đơn giản: nếu Rô-ma 16:7 nêu tên một phụ nữ là sứ đồ, tức là thuộc về chức vụ cao cấp nhất, then chốt nhất, mang tính nền tảng nhất và có thẩm quyền nhất trên thế giới, thì việc một phụ nữ lãnh đạo ở bất kỳ cấp chức vụ nào thấp hơn, kể cả làm người lãnh đạo một Hội Thánh địa phương, có phải là vấn đề không? Câu trả lời mâu thuẫn với niềm tin của quan điểm bổ sung – rằng phụ nữ không được thực thi thẩm quyền cao trong Hội Thánh – đến nỗi giờ đây chúng ta hiểu vì sao các học giả của quan điểm này dường như phải cố gắng đến thế để đặt nghi vấn về giới tính và chức sứ đồ của Giu-ni-a.[603]

601. John Chrysostom, Bài giảng thứ 31 về thư Rô-ma (Homily 31 on Romans)
602. 1 Cô-rinh-tô 12:28-29. Cũng xem Ê-phê-sô 4:11.
603. Hệ quả khác của tất cả những điều này là chúng ta có thêm một lý do để chấp nhận Bê-rít-sin là mục sư, vì nếu Giu-ni-a cùng chồng mình chia sẻ chức sứ đồ, thì chúng ta có thể cho rằng việc Bê-rít-sin cùng chồng là A-qui-la chia sẻ chức vụ lãnh đạo mục vụ hẳn là điều bình thường.

CÁC NỮ TIÊN TRI

Trong Tân Ước, chúng ta có một nữ sứ đồ (Giu-ni-a), một nữ truyền giảng Tin Lành (người đàn bà Sa-ma-ri), và một nữ mục sư kiêm người dạy dỗ (Bê-rít-sin). Điều này nhắc chúng ta nhớ đến năm chức vụ lãnh đạo được nhắc đến trong Ê-phê-sô 4:11 ("Chính Đấng Christ đã ban các sứ đồ, các tiên tri, các nhà truyền giảng Tin Lành, các mục sư và người dạy dỗ, để trang bị cho dân sự Ngài."[604]), và điều đó lại hướng chúng ta đến một chức vụ then chốt nữa mà cho đến giờ chúng ta chưa bàn đến trong chương này: các tiên tri.

Tiếp nối truyền thống các nữ tiên tri trong Kinh Thánh Hê-bơ-rơ (gồm Mi-ri-am, Đê-bô-ra và Hun-đa), và làm ứng nghiệm lời tiên tri của Giô-ên về việc phụ nữ và con gái nói tiên tri, Tân Ước có nêu tên một số nữ tiên tri: An-ne, Ma-ri mẹ Chúa Giê-xu, và bốn con gái của Phi-líp.[605] Phao-lô cũng khen ngợi những phụ nữ không được nêu tên đã nói tiên tri trong Hội Thánh Cô-rinh-tô.[606] Trong sách Khải Huyền, Chúa Giê-xu quở trách một nữ tiên tri kiêm người dạy dỗ, có lẽ cũng là một người lãnh đạo trong Hội Thánh Thi-a-ti-rơ, thậm chí còn cho bà thời gian để ăn năn – không phải vì bà tìm cách dạy dỗ và nói tiên tri *với tư cách là một phụ nữ*, mà vì bà là người vô luân, cổ xúy sự vô luân.[607]

Dù trong Tân Ước dường như có sự khác biệt giữa *chức vụ lãnh đạo* tiên tri, ít phổ biến hơn (được nhắc đến trong Ê-phê-sô 4:11), và *ân tứ* nói tiên tri, phổ biến hơn, bản văn hoàn toàn không có gì gợi ý rằng phụ nữ chỉ có thể có ân tứ mà không thể có chức vụ, nhất là khi xét đến những phụ nữ rõ ràng đã giữ chức vụ tiên tri trong Cựu Ước. Giờ hãy xem nhận thức này quan trọng đến mức nào.

Các tiên tri cũng là những người dạy dỗ – nếu không, tại sao Phao-lô lại nói trong 1 Cô-rinh-tô 14 rằng họ có thể đem đến "một lời dạy dỗ"[608]? Khi phân

604. Dù 1 Cô-rinh-tô 12 và Rô-ma 12 nói về các ân tứ như những chức năng được ban cho nhiều người khác nhau (kể cả phụ nữ), Ê-phê-sô 4:11 nói về một số người lãnh đạo mà chính họ là những ân tứ Chúa Giê-xu ban cho Hội Thánh.
605. Lu-ca 2:36; Công Vụ Các Sứ Đồ 1:14 và 2:17; Công Vụ Các Sứ Đồ 21:9
606. 1 Cô-rinh-tô 11:4
607. Khải Huyền 2:20-24

tích 1 Cô-rinh-tô 14, Derek Morphew kết luận: "Đối với Phao-lô, lời tiên tri là một thuật ngữ bao gồm một số loại sự dạy dỗ được soi dẫn. Sự dạy dỗ của tiên tri trùng lặp với sự dạy dỗ của người dạy dỗ, và chỉ có thể phân biệt được bởi cách thức nó được truyền đạt, hoặc bởi địa vị tiên tri được công nhận của người đang dạy dỗ."[609]

Các hệ phái hiện đại có khuynh hướng vạch ranh giới rõ ràng giữa người dạy dỗ và tiên tri, lại còn xếp người dạy dỗ trên tiên tri, đã cố gắng áp ngược niềm tin của họ vào Tân Ước khi nói rằng sự dạy dỗ là đáng tin cậy và do đó có thẩm quyền, còn lời tiên tri có thể mang tính tự phát hơn và do đó không có thẩm quyền. Thật ra, cả sự dạy dỗ của người dạy dỗ lẫn sự dạy dỗ của tiên tri đều được trông đợi là chân thật và được Thánh Linh hướng dẫn, nhưng cũng đều có nguy cơ sai lạc, và vì vậy phải được các Hội Thánh thẩm định.[610] Phi-e-rơ thậm chí còn đặt sự dạy dỗ sai lạc ngang với lời tiên tri giả, và vì vậy đặt sự dạy dỗ ngang với lời tiên tri: "[T]rong dân chúng cũng đã có những tiên tri giả, cũng như sẽ có những giáo sư giả giữa anh em."[611] Với sự chồng lấn về khái niệm giữa sự dạy dỗ và lời tiên tri này, "các nhà thần học và nhà giải kinh Tin Lành trước khi những người theo quan điểm bổ sung xuất hiện đã lập luận rằng lời tiên tri là một hình thức giảng [Kinh Thánh], [vốn là] một trong những chức vụ quan trọng nhất trong Hội Thánh ban đầu. Ngay cả John Calvin cũng xem lời tiên tri là 'sự giải nghĩa Kinh Thánh được áp dụng cho nhu cầu hiện tại'."[612]

Tân Ước đơn giản là không ủng hộ cách các học giả theo quan điểm bổ sung nói rằng sự dạy dỗ là chức vụ "chính thức" còn lời tiên tri là chức vụ "không chính thức".[613] Ngoài năm chức vụ lãnh đạo mà Phao-lô nhắc đến trong Ê-phê-sô 4:11, chỗ gần nhất mà Phao-lô diễn đạt điều có thể gọi là chức vụ "chính thức" là Ê-phê-sô 2:20, nơi Phao-lô nói rằng các Hội Thánh phải được

608. 1 Cô-rinh-tô 14:26

609. Derek Morphew trong "Equal but Different" trích dẫn E.E. Ellis trong "Prophecy and Hermeneutics in Early Christianity" (tr. 141).

610. 1 Cô-rinh-tô 14:29; Khải Huyền 2:20, 24

611. 2 Phi-e-rơ 2:1

612. Kevin Giles, What the Bible Actually Teaches on Women, chương 6.

613. Kevin Giles trích lời một học giả theo quan điểm bổ sung: "chức năng có thẩm quyền của lời tiên tri không nằm ở một chức vụ được thể chế hóa, mà nằm ở chính lời được nói ra với tư cách là lời của Đức Chúa Trời." (chương 6) Nhưng lập luận này có thể áp dụng cho cả hai phía. Bạn cũng có thể nói: "Người dạy dỗ và sự dạy dỗ tự thân không có thẩm quyền; điều có thẩm quyền, cũng như lời tiên tri, là 'chính lời được nói ra với tư cách là lời của Đức Chúa Trời'."

xây dựng trên chức vụ "của các sứ đồ và các tiên tri" (không nhắc đến mục sư hay người dạy dỗ), và 1 Cô-rinh-tô 12:28, nơi Phao-lô sắp xếp các chức vụ từ nổi bật và mang tính chiến lược nhất đến ít nhất: "Đức Chúa Trời đã đặt, thứ nhất là các sứ đồ, thứ nhì là các tiên tri, thứ ba là những người dạy dỗ." Chúng ta không có cơ sở Kinh Thánh nào để xếp sự dạy dỗ ở thứ bậc cao hơn việc nói tiên tri – nếu có, thì chúng ta còn có thể lập luận rằng tiên tri xếp trên người dạy dỗ. Sự dạy dỗ và lời tiên tri đều có thẩm quyền ở mức độ sứ điệp mà chúng đem đến là chân thật và đến từ Đức Chúa Trời. Tóm lại, lập luận của quan điểm bổ sung rằng phụ nữ có thể làm tiên tri nhưng không thể làm mục sư hay người dạy dỗ – những người có thẩm quyền cao hơn trong chức vụ "chính thức" của họ – có thể hợp lý trong nhiều bối cảnh giáo hội hiện đại, nhưng mâu thuẫn với thần học của Phao-lô.

Lập luận từ lịch sử Hội Thánh

Một cách khác mà các học giả theo quan điểm bổ sung tìm cách bác bỏ cả việc Bê-rít-sin là mục sư lẫn việc Giu-ni-a là sứ đồ là chỉ ra rằng, theo những gì chúng ta biết, các giáo phụ đã không lập phụ nữ làm người lãnh đạo hay người dạy dỗ từ thế kỷ 2 trở đi. Thật vậy, theo thời gian, họ càng ngày càng siết chặt việc đó.[614] Chúng ta nói gì về điều này?

Trong chương 2, chúng ta đã nhìn lại những thái độ khinh miệt phụ nữ lộ rõ nơi rất nhiều giáo phụ. Như chúng ta đã thấy, đáng buồn là họ đã đánh mất cái nhìn về cách Chúa Giê-xu nhìn phụ nữ, và đọc Kinh Thánh qua lăng kính của nền văn hóa phụ quyền của họ, thay vì đọc nền văn hóa của họ qua lăng kính Kinh Thánh. Và vì thế, trước khi mục của Tân Ước – sách tôn vinh phụ nữ – kịp khô, thói khinh miệt phụ nữ đã thấm vào Hội Thánh. Đừng nói đến việc tấn phong nữ mục sư, Hội Thánh đã quá tin chắc vào sự thấp kém và địa vị phụ thuộc của phụ nữ đến nỗi trong những thế kỷ trước hầu như chẳng có Hội Thánh nào tấn phong ngay cả nữ chấp sự.

Dù chúng ta có rất nhiều điều phải học từ lịch sử Hội Thánh, chúng ta cũng phải phê bình lịch sử ấy bằng sự hiểu biết tốt hơn về Kinh Thánh và về sự

614. Việc ít nhất đã có một số phụ nữ được tấn phong làm trưởng lão (presbyter) của các Hội Thánh trong thời các giáo phụ được thấy rõ qua việc thực hành này bị cấm tại các công đồng như Công đồng Lao-đi-xê năm 370 SCN.

dạy dỗ của Kinh Thánh trong mọi loại đề tài. Chẳng hạn, dù trong vài thế kỷ đầu tiên Hội Thánh đã tiến bộ lớn trong việc định nghĩa các giáo lý liên quan đến Ba Ngôi và Chúa Giê-xu Christ, dường như Hội Thánh đã nhanh chóng lạc khỏi sự dạy dỗ của Tân Ước về sự lãnh đạo Hội Thánh. Đến cuối thế kỷ 1, sự lãnh đạo tập thể được Tân Ước nhấn mạnh đã bị bỏ đi. Giáo phụ Ignatius hướng dẫn mỗi Hội Thánh được lãnh đạo theo chế độ giám mục đơn quyền – một mục sư duy nhất, một ý tưởng ngày nay vẫn được thực hành rộng rãi.

Chỉ sau cuộc Cải cách Tin Lành, các nhóm như phái Trưởng Lão mới giành lại ý tưởng về sự lãnh đạo tập thể. Dù ngày nay cả những hệ phái lớn một lần nữa đón nhận điều này, chúng ta lưu ý rằng đây là sự rời bỏ hơn một ngàn năm "lịch sử Hội Thánh", một sự rời bỏ dựa trên việc tái khám phá điều Tân Ước đã dạy từ trước đến nay. *Tương tự như vậy, việc khước từ cả quan niệm phụ nữ thấp kém lẫn địa vị phụ thuộc của phụ nữ, vốn rất phổ biến trong lịch sử Hội Thánh, được biện minh bởi việc tái khám phá điều Tân Ước đã dạy từ trước đến nay.*

Dù trong thế kỷ vừa qua, lịch sử nhân loại phần lớn đã cho phép ngày càng nhiều phụ nữ cùng với người nam cầm lái xã hội, điều trớ trêu là nhiều Hội Thánh được lãnh đạo tập thể lại đi theo hướng ngược lại. Trong những thế kỷ của chế độ giám mục đơn quyền, chỉ một người nam lãnh đạo một Hội Thánh, nghĩa là ít nhất về nguyên tắc nhiều phụ nữ có thể đứng bên cạnh ông trong các chức vụ cấp hai. *Nhưng khi những người giành lại sự lãnh đạo tập thể cũng mặc nhiên cho rằng mọi người trong ban lãnh đạo đều phải là nam giới, thì các Hội Thánh này trở nên bị nam giới chi phối hơn bao giờ hết!*

Tôi rất biết ơn vì được sống trong một thời đại mà ngày càng nhiều học giả đã tái khám phá sự dạy dỗ tổng thể của Kinh Thánh – nếu Bê-rít-sin là mục sư, Giu-ni-a là sứ đồ, và đã có những nữ tiên tri, thì không có lý do chính đáng nào để loại phụ nữ ra khỏi bất kỳ công việc nào của Nước Đức Chúa Trời. Dù chúng ta không nên coi thường truyền thống, Chúa Giê-xu dạy chúng ta đổi mới các truyền thống của mình dựa trên sự hiểu biết được đổi mới về Kinh Thánh, và cảnh báo chúng ta đừng dùng truyền thống để lẩn tránh việc hành động phù hợp với những hệ quả của Tin Lành.[615]

615. Ma-thi-ơ 15:2-6

THEO KINH THÁNH HAY DUY VĂN TỰ KINH THÁNH

Ngay cả sau tất cả những gì tôi đã nói, một số người vẫn khăng khăng cho rằng, trừ khi chúng ta chắc chắn một trăm phần trăm rằng Bê-rít-sin hay một phụ nữ nào khác là mục sư, chúng ta nên thận trọng và không tấn phong nữ mục sư ngày nay.

Vấn đề thứ nhất của lập luận này là chúng ta không hề chắc chắn tuyệt đối rằng có bất kỳ người dân ngoại hay nô lệ nào được lập làm trưởng lão trong Tân Ước. Chúng ta chỉ biết một người nam có thể đã là mục sư – Phi-e-rơ, một người nam Do Thái tự do. Vậy giờ đây, nhân danh sự chắc chắn, chúng ta có cấm dân ngoại và những người có địa vị thấp giữ vai trò lãnh đạo cao

nhất trong Hội Thánh không?[616] Chúng ta phải nhất quán. Nếu chúng ta e ngại việc có nữ trưởng lão vì không thể dẫn ra ví dụ rõ ràng nào, thì chúng ta cũng nên e ngại y như vậy về các trưởng lão là dân ngoại.

Nhưng vấn đề lớn hơn là đây hoàn toàn không phải là cách chúng ta được định để áp dụng Kinh Thánh! Đó là lối tiếp cận duy văn tự Kinh Thánh chứ không phải lối tiếp cận theo Kinh Thánh. Lối thứ nhất không cho phép điều gì trừ khi tìm được một câu Kinh Thánh cho điều đó, còn lối thứ hai tìm cách hành động phù hợp với các nguyên tắc của Kinh Thánh, ngay cả khi điều đó có nghĩa là không thể tìm được một câu Kinh Thánh hỗ trợ quy định chính xác cách thực hành ấy. Tôi đề nghị rằng, khi nói đến sứ mạng của Hội Thánh – được Thánh Linh thúc đẩy và nhạy bén với bối cảnh – thay vì mang một thái độ duy văn tự Kinh Thánh đầy sợ hãi, không làm điều gì trừ khi tìm

616. Tại sao chúng ta lại thấy thoải mái khi tấn phong người dân ngoại trong Hội Thánh ngày nay? Tôi không muốn đặt quá nhiều trọng lượng vào lập luận này về việc không có bằng chứng về các trưởng lão là dân ngoại, nhưng tôi sẽ tạm xem xét nó để cho thấy rằng chúng ta rơi vào cùng một tình trạng không thể kết luận như khi lập luận ủng hộ hay phản đối nữ trưởng lão. Những người lãnh đạo người Hy Lạp trong Hội Thánh ban đầu là ai? Tít, người Hy Lạp, không phải là trưởng lão mà là một đặc phái viên của sứ đồ. Ti-mô-thê, được mẹ và bà ngoại người Do Thái dạy Kinh Thánh, mang tính Do Thái nhiều hơn. Nhưng dù ông là dân ngoại, ông vẫn là một đặc phái viên của sứ đồ chứ không phải trưởng lão. Việc Lu-ca là dân ngoại là điều đáng ngờ, nhưng dù ông là dân ngoại, ông là bạn đồng hành và người viết sách, chứ không phải trưởng lão. Ít nhất cũng hợp lý khi nghĩ rằng, vì chiến lược của Phao-lô là đến với người Do Thái trước tiên ở bất cứ thành nào, và chỉ sau đó mới đến với dân ngoại, nên ông sẽ chọn các trưởng lão từ nhóm người Do Thái vốn thông thạo Kinh Thánh. Thế nhưng, ai trong chúng ta, khi nghe tất cả những điều này, sẽ vì thế mà cấm dân ngoại làm trưởng lão? Tôi thì không, và có lẽ bạn cũng không. Vậy tại sao nhiều người lại sẵn sàng ngăn cản phụ nữ làm trưởng lão với lý do không thể dẫn ra dứt khoát một ví dụ nào trong Kinh Thánh? Nếu có ai muốn bênh vực việc dân ngoại có thể làm trưởng lão, thì họ sẽ làm thế nào? Tôi đoán là bằng cách dẫn ra một trong bốn lập luận: 1) Ga-la-ti 3:28 nói rằng trong Đấng Christ "không còn người Do Thái hay dân ngoại". Nhưng chúng ta phải nhớ rằng câu này cũng nói điều tương tự về giới tính: "không còn nam hay nữ". 2) Khải tượng của Phi-e-rơ trên mái nhà và việc Đức Thánh Linh sau đó được đổ xuống trên Cọt-nây đã cho ông thấy rằng dân ngoại không ô uế như người Do Thái vẫn tưởng, mà xứng đáng là thành viên trọn vẹn của Hội Thánh. Nhưng chúng ta phải nhớ rằng phụ nữ cũng là thành viên trọn vẹn, như được chứng tỏ qua việc Đức Thánh Linh được đổ xuống trên họ vào Lễ Ngũ Tuần. 3) Bằng cách chỉ ra một đặc phái viên của sứ đồ là người Hy Lạp như Tít, qua đó cho thấy những người có thẩm quyền thấp hơn như trưởng lão cũng có thể là người Hy Lạp. Nhưng chúng ta phải nhớ rằng chúng ta có sứ đồ Giu-ni-a, người ở cao hơn Tít một bậc trên thang thẩm quyền. 4) Bằng cách nhấn mạnh rằng bên ngoài Đế quốc La Mã và thế kỷ 1, hẳn sẽ có những nền văn hóa chỉ toàn dân ngoại, không như các thị trấn và thành phố trong Tân Ước, nơi luôn có thể tìm thấy người Do Thái (6 triệu người Do Thái sống bên ngoài Palestine). Nhưng chúng ta phải nhớ rằng điều này lặp lại lập luận của những người theo quan điểm bình đẳng rằng ngày nay chúng ta đang sống trong một nền văn hóa bình đẳng, không như những nền văn hóa phụ quyền của thế kỷ 1.

được một câu Kinh Thánh làm bằng chứng, chúng ta nên giữ lập trường tự do hành động phù hợp với các nguyên tắc của Kinh Thánh.

Thật vậy, đây vốn đã là cách vận hành quen thuộc (modus operandi) của chúng ta trong hàng trăm việc mà các Hội Thánh hiện đại có tinh thần sứ mạng đang làm ngày nay: chúng ta có thể dùng nhạc cụ và hệ thống âm thanh, tổ chức các nhóm cầu thay chuyên biệt, phát truyền đạo đơn, xây dựng các lộ trình đào tạo người lãnh đạo, thuê nhiều nhân viên, in và phát Kinh Thánh, lập trang web, mua các tòa nhà, hoặc tách thiếu nhi và thiếu niên ra khỏi nhau và khỏi người lớn. Trong khi đó, không điều nào trong số những điều này được quy định, hay thậm chí được mô tả, trong Tân Ước.

Sự tự do tấn phong nữ mục sư là một hướng đi có sự nhấn mạnh song song trong Kinh Thánh: vì chắc chắn đã có những nữ truyền giảng Tin Lành, những phụ nữ đứng đầu gia đình, những phụ nữ dạy dỗ, những nữ tiên tri, những nữ chấp sự và những nữ sứ đồ trong Hội Thánh, và vì không có lệnh cấm rõ ràng nào trong Kinh Thánh chống lại điều đó, nên việc công nhận nữ trưởng lão trong những hoàn cảnh Đức Chúa Trời dấy họ lên và khi điều đó có lợi cho sứ mạng – như trường hợp của phần lớn các nền văn hóa bình đẳng ngày nay – là hợp lý, chứ không phải vô lý. Như Jamin Hübner nói, thật vô lý khi "xếp chức trưởng lão hay chức vụ mục sư vào một hạng mục riêng biệt, đặc biệt, tách khỏi những chức năng khác này – đến nỗi một giới tính có thể bị loại trừ một cách tự động, phổ quát và vĩnh viễn khỏi một vai trò, nhưng lại được đảm nhận *mọi* chức năng khác".[617] Điều này càng đúng khi người ta *không thể* chắc chắn rằng chỉ có người nam làm trưởng lão trong thời Tân Ước; khi *không có* lệnh cấm rõ ràng nào đối với việc phụ nữ làm trưởng lão; và khi chúng ta có thể *gần như chắc chắn* rằng Bê-rít-sin, cũng như chồng bà, là một mục sư.

Hơn nữa, lý do Hội Thánh Rô-ma sẵn sàng giải phóng những phụ nữ lãnh đạo và dạy dỗ giữa vòng mình là vì Hội Thánh ấy hiểu rõ nguyên tắc chỉ đạo là công nhận các ân tứ thuộc linh.

617. Jamin Hübner nói như vậy trong luận án tiến sĩ của ông, "A New Case for Female Elders." (Nguồn: www.bit.ly/3BNaSY8 tr. 171)

13

ÂN TỨ (RÔ-MA 12) ĐỐI LẠI GIỚI TÍNH (1 TI-MÔ-THÊ 3)

"Khi giới tính được dùng làm tiêu chí sàng lọc đầu tiên, thì bất cứ ân tứ và khả năng nào Đức Chúa Trời đã ban cho … phụ nữ rốt cuộc có thể bị cất lên kệ trong tủ. Cảm giác thất vọng mà việc chối bỏ những ân tứ này có thể gây ra là một hệ quả, nhưng còn hơn thế nữa là sự giận dữ hay nỗi buồn mà người ta trải qua khi một phần thiết yếu trong con người của chúng ta bị xem nhẹ." Alice Mathews[618]

Một cái giá của chế độ phụ quyền trong xã hội không chỉ là nó kìm hãm sự đóng góp của một nửa dân số, mà còn là nó làm cho sự đóng góp tầm thường dễ xảy ra hơn nơi những người thuộc nửa kia – những người quá thường xuyên cảm thấy mình đương nhiên có quyền được thăng chức, dù người khác có thể đủ năng lực hơn cho công việc ấy. Trong cuốn sách năm 2019 về phụ nữ trong vai trò lãnh đạo, Melinda Gates giải thích quan điểm của bà về việc cân bằng cán cân bình đẳng giới, khi nói:

Tôi chưa bao giờ cho rằng phụ nữ giỏi hơn đàn ông, hay cách tốt nhất để cải thiện thế giới là phụ nữ giành được nhiều quyền lực hơn đàn ông. Tôi nghĩ sự thống trị của nam giới gây hại cho xã hội vì bất cứ sự thống trị nào cũng gây hại: Nó có nghĩa là xã hội bị cai quản bởi một thứ bậc giả tạo, trong đó quyền lực và cơ hội được trao tùy theo giới tính, tuổi tác, của cải và đặc quyền – chứ không tùy theo kỹ năng, nỗ lực, tài năng hay thành tựu.[619]

Có thể nói điều tương tự về Hội Thánh khi Hội Thánh chọn người lãnh đạo và người dạy dỗ dựa trên giới tính. Dĩ nhiên, trong một bối cảnh phụ quyền nặng nề (chẳng hạn như một quốc gia Hồi giáo nghiêm ngặt), nơi điều đó có

618. Alice Mathews, Gender Roles and the People of God, chương 13
619. Melinda Gates, The Moment of Lift: How Empowering Women Changes the World

thể bị xem là một hòn đá vấp chân nghiêm trọng khiến người ngoài khó tiếp nhận Tin Lành, thì việc chỉ chọn người nam làm người lãnh đạo trong Hội Thánh có thể có lợi cho sứ mạng. Nhưng khi không còn hòn đá vấp chân như vậy, tôi thấy rõ rằng ân tứ phải được đặt lên trên.

Hãy khảo sát nhiều danh sách ân tứ thuộc linh của Phao-lô[620] trong các thư ông gửi các Hội Thánh Rô-ma, Ê-phê-sô và Cô-rinh-tô (thật tình cờ, đó chính là những Hội Thánh mà Bê-rít-sin, vào những thời điểm nhất định, đã góp phần lãnh đạo), và bạn sẽ thấy rằng *Đức Thánh Linh phân phát các ân tứ này mà không hề quan tâm đến giới tính hay địa vị xã hội của một người*. Dường như Đức Thánh Linh, Đấng ban ân tứ, không phân biệt giới tính.

Lý do Hội Thánh Rô-ma rất thoải mái trong việc giải phóng phụ nữ để họ đảm nhận những vai trò đóng góp quan trọng, như thấy rõ trong Rô-ma 16, là vì Hội Thánh ấy có một sự hiểu biết vững chắc về ân tứ như nền tảng cho việc phân công vai trò, như thấy rõ trong Rô-ma 12:

Chúng ta có những ân tứ khác nhau, tùy theo ân điển đã ban cho mỗi người. Nếu ân tứ của anh em là nói tiên tri, thì hãy nói tiên tri tùy theo đức tin mình; nếu là phục vụ, thì hãy phục vụ; nếu là dạy dỗ, thì hãy dạy dỗ; nếu là khích lệ, thì hãy khích lệ; nếu là ban cho, thì hãy ban cho cách rộng rãi; nếu là lãnh đạo, thì hãy làm cách siêng năng; nếu là bày tỏ lòng thương xót, thì hãy làm cách vui vẻ.[621]

Nếu Phao-lô tin rằng một số vai trò bị giới hạn theo giới tính, thì đây hẳn là chỗ hoàn hảo để ông nói ra điều đó. Nhưng ông không nói. Hoàn toàn không có gì trong phân đoạn này gợi ý rằng Phao-lô có thể đang loại trừ phụ nữ khỏi bất kỳ ân tứ nào trong số này.[622] Khi đọc đến cuối bức thư của ông và thấy ông nhắc đến Bê-rít-sin chẳng hạn – người mà theo các bằng chứng đã vừa lãnh đạo vừa dạy dỗ người nam – chúng ta có được lời giải thích: Bê-rít-sin hẳn đã có các ân tứ thuộc linh về dạy dỗ và lãnh đạo.

620. Xem Ê-phê-sô 4:11, 1 Cô-rinh-tô 12, 14 và Rô-ma 12:6-8.
621. Rô-ma 12:6-8
622. Thậm chí không có một đại từ giống đực nào, kiểu như "nếu là dạy dỗ, thì hãy để anh ta dạy dỗ."

ÂN TỨ THUỘC LINH ĐEM LẠI SỰ BÌNH ĐẲNG

Việc đặt người ta vào các chức vụ và chức năng dựa trên địa vị, sắc tộc hay giới tính vô tình chia rẽ con người, còn làm điều đó dựa trên ân tứ thuộc linh thì hiệp nhất họ. Lối thứ nhất dựa trên sở thích của con người, còn lối thứ hai dựa trên sự lựa chọn của Đức Chúa Trời. Hãy xem sự cam kết của Phao-lô đối với sự hiệp một thực tế giữa người Do Thái và dân ngoại trong những bức thư kiệt tác của ông gửi tín hữu Ê-phê-sô và Rô-ma. Trong Ê-phê-sô 1-3 và Rô-ma 1-11, ông bắt đầu với nền tảng thần học cho sự hiệp một, rồi trong Ê-phê-sô 4-6 và Rô-ma 12-15, ông trình bày chi tiết đời sống tin kính cần có để sống ra sự hiệp một ấy trong thực tế. Nhưng hãy để ý rằng *một sự dạy dỗ về các ân tứ thuộc linh, là những ân tứ bày tỏ sự bình đẳng,* trong Rô-ma 12:3-8 và Ê-phê-sô 4:11-16 là chất keo gắn kết phần đầu với phần cuối. Phao-lô dường như nói rằng, vì Đức Thánh Linh phân phát các ân tứ, kể cả ân tứ lãnh đạo và dạy dỗ, *bất kể sắc tộc của một người*, nên đây là thêm một cách Ngài hiệp nhất những người thuộc nhiều sắc tộc khác nhau. Tương tự, trong 1 Cô-rinh-tô, dù thư này không chia gọn thành những phần như vậy, chúng ta thấy cách Phao-lô xử lý về mặt thần học những sự chênh lệch giữa nam và nữ, giàu và nghèo, được củng cố bởi sự dạy dỗ của ông về việc Đức Thánh Linh phân phát các ân tứ theo quyền tể trị của Ngài (và vì vậy không đoái đến địa vị xã hội hay giới tính của một người).

Trong tất cả những điều này, Phao-lô đưa ra ba lý do có sức xúc tác cho sự hiệp một mà ông mong thấy giữa người Do Thái và dân ngoại (và chúng ta có thể thêm: giữa giàu và nghèo, nô lệ và tự do, *và nam và nữ*): sự hiểu biết về Tin Lành hiệp nhất, phá đổ các hàng rào của xã hội; sự cam kết xây dựng sự hiệp một bằng cách yêu thương và phục vụ những người khác với mình; *và sự công nhận các ân tứ Đức Chúa Trời ban cho bất cứ ai Ngài quyết định*. Trái với "cuộc chiến giữa hai giới", giải pháp hiệp nhất hai giới của Đức Chúa Trời là chúng ta, với tư cách là Hội Thánh, cùng với Ngài "không vị nể ai", và giải phóng những người mà Đức Chúa Trời, theo quyền tể trị của Ngài, ban ân tứ và kêu gọi lãnh đạo và dạy dỗ, để họ làm việc đó.

MỐI NGUY CỦA VIỆC KÌM HÃM CÁC ÂN TỨ

Thảm kịch của việc hiểu sai 1 Ti-mô-thê 2:12 thành một lệnh cấm phổ quát, không cho bất kỳ phụ nữ nào dạy dỗ hay lãnh đạo bất kỳ người nam nào, là nó trở thành một chiếc áo trói đối với những phụ nữ được Đức Thánh Linh ban năng lực qua các ân tứ này. Bảo những phụ nữ này chỉ dùng ân tứ của mình cho trẻ em và những phụ nữ khác không chỉ xúc phạm họ, mà – và đây là mối quan tâm thật sự của tôi – còn tước đi của Hội Thánh, vốn đang rất cần đến mọi con đường ân điển Đức Chúa Trời ban cho mình.

Thế nhưng một nữ sáng lập viên của thuyết bổ sung trên thực tế lại khuyên phụ nữ hãy trùm khăn che ân tứ của mình khi có người nam trong phòng: "Một người phụ nữ khôn ngoan thà từ bỏ cơ hội bày tỏ và sử dụng ân tứ của mình, nếu việc sử dụng ân tứ ấy có thể khiến bà mang sự sỉ nhục đến cho lời Đức Chúa Trời và do đó cho chính Ngài."[623] Tương tự, Kevin De Young, sau khi thừa nhận: "Phụ nữ có những ân tứ thuộc linh quan trọng, kể cả ân tứ dạy dỗ và lãnh đạo", vẫn dẫn những ân tứ này tránh xa người nam: "Chắc chắn việc dạy dỗ trẻ em và những phụ nữ khác không phải là lãng phí ân tứ của một người phụ nữ chứ?"[624] Nhưng sự dạy dỗ của Phao-lô về việc khiêm nhường đón nhận những đóng góp của các tín hữu khác cảnh báo chống lại những quan điểm gây tổn hại này: "Mắt không thể nói với tay rằng: 'Tôi không cần đến anh!' Đầu cũng không thể nói với chân rằng: 'Tôi không cần đến các anh!'"[625]

Tôi vừa ngồi uống cà phê với một nữ lãnh đạo có ân tứ tuyệt vời, người đã rời bỏ chức vụ được trả lương trong Hội Thánh. Chị kể cho tôi nghe nỗi đau khi sự đóng góp của mình trong Hội Thánh bị gạt sang một bên, bị nghi ngờ, và trong một số trường hợp bị những người nam trong Hội Thánh bịt miệng. Tương tự, Alice Mathews, một nhà thần học và cựu trưởng khoa nay đã ngoài 80 tuổi, kể về nỗi thống khổ khi các ân tứ của bà bị gác lại trong phần lớn cuộc đời:

623. Dorothy Patterson nói như vậy trong "Women in the Church" (ấn bản thứ 2), chương 6
624. Nguồn: www.bit.ly/3k2AA4x
625. 1 Cô-rinh-tô 12:21

Nhiều năm trước, khi chồng tôi và tôi phục vụ như những nhà truyền giáo ở châu Âu, một buổi sáng tôi ngồi trên giường đọc Ma-thi-ơ 25. Khi đọc đến cuối ngụ ngôn về các ta-lâng, tôi thấy mình đang khóc. Và tôi cầu nguyện: "Lạy Chúa, xin Chúa đừng quá khắt khe với con vì con không sử dụng điều Chúa đã ban cho con, bởi những người có quyền không cho con làm." Giới tính đã thắng ân tứ, và tôi cảm thấy bất lực, không làm gì được. Đó không phải là trải nghiệm hiếm hoi của nhiều phụ nữ Cơ Đốc.[626]

Một Hội Thánh theo quan điểm bổ sung không chỉ có nguy cơ làm tổn thương các cá nhân, mà còn cản trở toàn bộ hiệu quả sứ mạng của Hội Thánh ấy. Trong thành phố của tôi, tôi có đặc ân chứng kiến một Hội Thánh gần đó tăng trưởng nhanh chóng lên đến hàng ngàn người khi Hội Thánh ấy giải phóng cả người nam lẫn người nữ theo đường hướng của ân tứ, không đoái đến giới tính. Cả người nam lẫn người nữ đều lãnh đạo. Cả người nữ lẫn người nam đều giảng.

John Piper và Tom Schreiner có thể thấy cảnh chỉ người nam lãnh đạo còn người nữ hỗ trợ những người nam ấy là "đẹp đẽ", nhưng tôi thấy cảnh người nam và người nữ kề vai sát cánh cùng nhau lãnh đạo và dạy dỗ đẹp đẽ hơn nhiều.

Vài lần trong thời gian vừa qua, tôi tin rằng Thánh Linh của Đức Chúa Trời đã chia sẻ với tôi phần nào nỗi đau buồn của chính Ngài trước sự kìm hãm đóng góp của phụ nữ. Có lần, tại một hội nghị lãnh đạo của một phong trào theo quan điểm bổ sung, một phụ nữ đã chia sẻ trong 15 phút mọi điều chị đã học được về việc đưa bạn bè mình đến với Chúa Giê-xu. Tôi say sưa ghi chép và được truyền cảm hứng rất nhiều từ chị. Nhưng sau đó, một người bạn nam có trình độ thần học cao đã nhận xét với tôi – dù chị đã giữ đúng khuôn khổ được giao là không dạy bất cứ điều gì về thần học: "Tôi thấy rợn người khi một phụ nữ đứng sau bục giảng." Nhận xét của anh khiến tôi buồn – vì không nhìn chị như Đức Chúa Trời nhìn chị, anh thậm chí không thể nghe được lời Đức Chúa Trời qua chị.

Áp đặt một cách giải thích sai về một bản văn duy nhất lên một Hội Thánh chẳng phải là gây ra một rủi ro thuộc linh không lường được cho những người lẽ ra được hưởng ích lợi từ các chức vụ do cả nam lẫn nữ đảm nhận –

626. Alice Mathews, Gender Roles and the People of God, chương 13

truyền giảng Tin Lành, môn đồ hóa, chăm sóc mục vụ, lãnh đạo và lập Hội Thánh – sao? Trong một Hội Thánh địa phương, chúng ta cần mọi ân tứ được vận hành theo cách có thể đem lại ích lợi cho mọi người khác, để Hội Thánh "lớn lên và tự gây dựng mình trong tình yêu thương, khi mỗi bộ phận làm trọn phần việc của mình".[627] Người ta phải hoàn toàn chắc chắn về cách giải thích 1 Ti-mô-thê 2:12 của mình thì mới có thể biện minh cho việc hạn chế sự sử dụng trọn vẹn các ân tứ mà Đức Thánh Linh phân phát cho phụ nữ. Nhưng như tôi đã đề nghị trong chương 7, không người nào có tâm trí cởi mở và thật sự trung thực lại chắc chắn đến mức đó.

Hạn chế các ân tứ không chỉ tròng áo trói vào phụ nữ, mà còn vào chính Đức Chúa Trời. Tìm một sự biện minh thần học lệch lạc cho việc mình thấy rợn người trong khi Thánh Linh của Đức Chúa Trời dùng một phụ nữ để phục vụ mình, là làm buồn lòng Đức Thánh Linh, Đấng "thổi nơi nào Ngài muốn"[628] và vẫn thường chỉ định bất cứ ai Ngài thấy thích hợp làm người phát ngôn của Ngài.[629] Gordon Fee nói:

Bằng chứng trong Tân Ước là Đức Thánh Linh bao gồm cả hai giới, ban ân tứ cho cả người nam lẫn người nữ, và nhờ đó có thể giải phóng cả thân thể để mọi chi thể đều phục vụ và bằng nhiều cách khác nhau đảm nhận vai trò lãnh đạo đối với những người khác. Vì vậy, rốt cuộc mối quan tâm của tôi không phải là một chương trình nghị sự về phụ nữ trong chức vụ. Đúng hơn, đó là một chương trình nghị sự của Đức Thánh Linh, một lời khẩn cầu cho việc giải phóng Đức Thánh Linh khỏi những sự gò bó và những cơ cấu của chúng ta, để Hội Thánh có thể phục vụ chính mình và phục vụ thế giới cách hiệu quả hơn.[630]

Có hai cách chúng ta thường kìm hãm những ân tứ làm cho Nước Đức Chúa Trời tiến triển mà Đức Chúa Trời ban cho phụ nữ: chúng ta có thể đặt giới hạn trên các ân tứ ấy; hoặc các điều kiện xã hội có thể ngăn không cho chúng thậm chí được khám phá ngay từ đầu.

627. Ê-phê-sô 4:16
628. Giăng 3:8
629. Xuất Ê-díp-tô Ký 15:20; Các Quan Xét 2:16; 4:4; Ê-xơ-tê 4:14
630. Nguồn: Discovering Biblical Equality, 2005, tr. 254.

KHI BẦU DA CŨ LÀM HAO PHÍ RƯỢU MỚI

Dù trong lịch sử Hội Thánh đã có những đợt bùng phát tạm thời của chức vụ quan trọng do phụ nữ đảm nhận, trong lịch sử Hội Thánh trước những năm 1900 có rất ít ví dụ về việc phụ nữ lãnh đạo trong các Hội Thánh *trong một thời gian dài*. Tại sao vậy? Chúa Giê-xu đã cảnh báo về mối nguy của bầu da cũ làm hư rượu mới. Một trong những cách điều này xảy ra là khi Đức Thánh Linh vận hành mạnh mẽ, đưa đủ loại người có ân tứ lên phía trước, nhưng rồi về sau các thế lực của chủ nghĩa thể chế đặt ra những chính sách và thủ tục quá chi tiết để thay thế điều đã được Đức Chúa Trời sinh ra. Việc tuân thủ bản mô tả công việc thay thế điều trước kia được ân tứ dẫn dắt.

Chẳng hạn, khi khảo sát các cuộc phục hưng qua nhiều thế kỷ, điều người ta thấy trong giai đoạn đầu là một sự tuôn đổ rượu mới – nơi đủ loại người "không có bằng cấp", kể cả phụ nữ, bước ra trong quyền năng của Đức Thánh Linh, lãnh đạo, giảng đạo, truyền giảng Tin Lành, và lập hay chăm sóc các Hội Thánh. Hãy nghĩ đến phong trào Ngũ Tuần vào đầu thế kỷ trước, nơi rất nhiều phụ nữ được Đức Thánh Linh ban ân tứ mạnh mẽ về truyền giảng Tin Lành, giảng đạo và lãnh đạo tiên phong. Nhưng rồi, theo thời gian, chủ nghĩa thể chế len lỏi vào và Hội Thánh quay trở lại với những bầu da cũ là các mục sư "chuyên nghiệp" (một số ít người ưu tú làm phần lớn công việc của Đức Chúa Trời) và địa vị phụ thuộc của phụ nữ (đôi khi phụ thuộc những người nam có ít ân tứ hơn). Maria Boccia, trong *Hidden History of Women Leaders of the Church*, tóm lại khuôn mẫu đáng buồn, lặp đi lặp lại này trong lịch sử Hội Thánh: "Khi sự lãnh đạo bao hàm việc Đức Chúa Trời chọn người lãnh đạo theo ân tứ, qua sự ban ân tứ của Đức Thánh Linh, thì phụ nữ được bao gồm. Theo thời gian, sự lãnh đạo bị thể chế hóa, nền văn hóa phụ quyền thế tục thấm vào Hội Thánh, và phụ nữ bị loại trừ."[631]

Điều này đã bắt đầu từ thế kỷ 2. Theo những gì chúng ta biết, sau ban lãnh đạo được mô tả trong Rô-ma 16, chưa từng có một ban lãnh đạo gồm cả nam lẫn nữ nào trong Hội Thánh. Chỉ vài thập niên sau khi Phao-lô viết thư cho Hội Thánh Rô-ma, một chủ nghĩa phụ quyền và chủ nghĩa thể chế mạnh mẽ

631. Nguồn: Journal of Biblical Equality, tháng 9 năm 1990, tr. 58.

đã quấn chặt lấy Hội Thánh. Chẳng hạn, Tertullian đã hình dung lại Hội Thánh như một xã hội La Mã thu nhỏ, với các tầng lớp chức sắc được xếp hạng, khiến các mục sư trở thành những người cai trị. Việc sử dụng ân tứ cách năng động không còn nữa, và thay vào đó nảy sinh sự phân chia giữa hàng giáo phẩm và giáo dân, với những đặc quyền dành cho hàng giáo phẩm, cũng như sự mặc định rằng chỉ người nam mới có thể thuộc hàng giáo phẩm.

Khi một Hội Thánh quyết định rằng không phụ nữ nào được lãnh đạo hay giảng đạo, Hội Thánh ấy để rỉ mất một phần tiềm năng cứu chuộc của mình. Tạ ơn Chúa, Đức Chúa Trời vẫn tiếp tục hành động trong Hội Thánh ấy (vì Ngài chưa bao giờ có một Hội Thánh hoàn hảo). Nhưng nếu một Hội Thánh (hay một phong trào gồm nhiều Hội Thánh) không muốn đánh mất một phần sự tiếp trợ của Đức Thánh Linh, thì Hội Thánh ấy *phải* loại bỏ những bầu da cũ chú trọng vào một hệ thống quản trị theo thứ bậc, hay đặt sự lãnh đạo và sự dạy dỗ trên nền tảng giới tính. Nếu Hội Thánh ban đầu và vô số cuộc phục hưng sau đó có thể làm bằng chứng, thì bầu da tốt hơn là bầu da khám phá và sử dụng các ân tứ Đức Thánh Linh ban cho *mọi* người: già và trẻ, giàu và nghèo, da đen và da trắng, nam và nữ. Dù vậy, có một điều còn tệ hại hơn việc đặt giới hạn trên ân tứ của phụ nữ. Đó là thậm chí không thể nhận ra ân tứ ấy ngay từ đầu.

Điều kiện xã hội có thể ngăn cản sự phát triển của ân tứ

Tôi vui mừng vì thành công của Phong trào Giải phóng Phụ nữ, nhất là khi phong trào ấy đã vận động cho những cơ hội bình đẳng về giáo dục và nghề nghiệp. Từ một góc nhìn lịch sử bao quát, thế giới vẫn chỉ mới bắt đầu khám phá phụ nữ có năng lực đến mức nào khi họ được tự do bước vào mọi lãnh vực của xã hội. Thật vậy, cho đến những năm 1960, người ta gần như đồng loạt chấp nhận rằng phụ nữ không thể làm những việc mà nay hàng triệu phụ nữ đang làm! Nguyện vinh hiển thuộc về Đức Chúa Trời vì những tài năng, ân tứ và cơ hội Ngài đã ban cho người nam *và người nữ*!

Điều này phải khiến chúng ta dừng lại và suy ngẫm về tất cả những tài năng và ân tứ đã bị lãng phí trong lịch sử thế giới, vì các điều kiện xã hội khiến

phụ nữ hầu như chẳng bao giờ được học hành hay có cơ hội để phát huy tiềm năng của mình. Điều này cũng đúng với lịch sử Hội Thánh – có bao nhiêu sứ đồ, tiên tri và người dạy dỗ chưa bao giờ được thấy ánh sáng mặt trời? Có bao nhiêu món quà tốt lành Đức Chúa Trời ban cho Hội Thánh Ngài chưa bao giờ được mở ra? Đáng buồn thay, không chỉ các Hội Thánh trong quá khứ mới đánh mất quá nhiều như vậy. Đó còn là các Hội Thánh ngày nay có một nền thần học giới hạn theo giới tính, khiến họ hoặc không nhìn thấy những phụ nữ có ân tứ giữa vòng mình, hoặc, nếu những ân tứ ấy được nhận ra và phát triển, lại giới hạn chúng trong những căn phòng không có người nam.

Tôi tạ ơn Đức Chúa Trời vì tôi sống trong một nền văn hóa bình đẳng, nơi các điều kiện xã hội khiến con gái tôi có nhiều khả năng hơn để đóng góp cho xã hội về mặt nghề nghiệp bất cứ điều gì mà Đức Chúa Trời ban ân tứ cho con bé để đóng góp. Tôi tha thiết mong điều tương tự cũng đúng với chức vụ của con bé trong Hội Thánh.

Tuy nhiên, tôi phải thừa nhận rằng tôi chưa giải quyết một phản bác thường gặp do các học giả theo thuyết thứ bậc đưa ra: nếu sự lãnh đạo Hội Thánh không được dựa trên giới tính, thì tại sao 1 Ti-mô-thê 3:2 lại nói một mục sư phải "chung thủy với vợ mình"? Đây là một câu hỏi dẫn người ta đến chỗ xem xét cẩn thận không chỉ chính câu Kinh Thánh ấy, mà còn cả phương pháp giải nghĩa của chính mình.

Rô-ma đối lại 1 Ti-mô-thê – chuẩn mực đối lại sửa sai

Đây là phân đoạn có câu ấy:

Ai mong muốn làm giám mục (người coi sóc), ấy là ước ao một việc cao quý. Vậy giám mục phải là người không chỗ trách được, **chung thủy với vợ mình**, tiết độ, tự chủ, đáng kính, hiếu khách, có khả năng dạy dỗ, không nghiện rượu, không hung bạo nhưng hiền hòa, không ưa tranh cãi, không tham tiền. Người ấy phải quản lý tốt gia đình mình và khiến con cái vâng lời mình, và phải làm điều đó một cách xứng đáng được tôn trọng trọn vẹn. (Nếu ai không biết quản lý gia đình [nghĩa đen là "nhà"] của mình, thì làm sao chăm

sóc được Hội Thánh của Đức Chúa Trời?) Người ấy không được là người mới tin Chúa, kẻo sinh lòng kiêu ngạo mà sa vào cùng một sự đoán phạt như ma quỷ. Người ấy cũng phải được người ngoài làm chứng tốt, để khỏi bị sỉ nhục và mắc bẫy ma quỷ.[632]

Phân đoạn này khá giống với danh sách những điều kiện dành cho các trưởng lão được ban cho Tít trong chức vụ sứ đồ của ông trên đảo Cơ-rết.[633] Điểm khác biệt giữa hai phân đoạn là phân đoạn trong thư Ti-mô-thê còn thêm một danh sách tương tự nhưng ngắn hơn về những điều kiện dành cho các chấp sự.[634] Cả ba phần – phần trong thư Tít về các trưởng lão, và hai phần trong thư Ti-mô-thê về các trưởng lão và các chấp sự – đều có cụm từ "chung thủy với vợ mình" như một điều kiện.

Thoạt nhìn, điều này dường như mâu thuẫn với Rô-ma 12 và 16, nơi ân tứ và sự kêu gọi, chứ không phải việc là nam giới hay tình trạng hôn nhân, là tiêu chuẩn duy nhất. *Vậy chúng ta hỏi: "Chúng ta nên giải thích Rô-ma 12 và 16 dưới ánh sáng của 1 Ti-mô-thê 3, hay ngược lại?"*

Nếu tôi viết cho con tôi một bức thư, trong đó tôi bày tỏ tình yêu thương dành cho nó và chia sẻ sự khôn ngoan tốt nhất của tôi cho cuộc đời nó, rồi tôi viết một bức thư khác bày tỏ nỗi lo của tôi về cách nó đã xử lý kém một tình huống cụ thể và khuyên nó nên sửa chữa thế nào, thì tôi mong rằng, khi năm tháng trôi qua, con tôi sẽ để bức thư tích cực trước làm khung cho bức thư sửa sai sau. Tương tự, chúng ta nên để Rô-ma 12 và 16 làm khung cho 1 Ti-mô-thê 3. Như tôi đã cho thấy trong chương 7, toàn bộ thư 1 Ti-mô-thê chủ yếu mang giọng điệu sửa sai, nhằm chấn chỉnh một Hội Thánh đã bị các giáo sư giả làm tổn hại. Dù có sự khôn ngoan vượt thời gian trong các phân đoạn của thư này, những chân lý ấy cần được các Hội Thánh ngày nay – vốn có thể đang đối diện những hoàn cảnh hoàn toàn khác – cẩn thận khai quật.

Trở lại với hình ảnh so sánh của tôi: nếu con gái tôi, trong một hoàn cảnh hoàn toàn khác, đọc lá thư tôi viết cho anh em trai của nó về cách giải quyết mớ hỗn độn trong đời cậu ấy, tôi mong rằng nó sẽ không áp dụng một cách thiếu suy nghĩ mọi điều tôi đã nói trong thư. Áp dụng hình ảnh so sánh này,

632. 2 Ti-mô-thê 3:1-7
633. Tít 1:6-9
634. 1 Ti-mô-thê 3:8-12

thư Rô-ma giống một lá thư chung mà tôi viết cho cả năm đứa con mình, bất kể hoàn cảnh của từng đứa. Dù thư này đề cập đến một hoàn cảnh đặc thù là sự hòa nhập giữa người Do Thái và dân ngoại, về căn bản nó không mang tính sửa sai – trái lại, Phao-lô dạy dỗ theo cách mà hầu như mọi điều ông nói đều có thể áp dụng trực tiếp cho bất kỳ Hội Thánh nào, ở bất cứ đâu. Đó là vì ông thậm chí chưa từng đến thăm Hội Thánh ấy, và vì vậy phần lớn ông viết như thể viết cho một Hội Thánh nói chung,

Ngược lại, thư 1 Ti-mô-thê, cũng như thư gửi Tít, chủ yếu được gửi cho một cá nhân. Dù một Hội Thánh cụ thể có thể được biết nội dung thư, việc thư được viết cho một người lãnh đạo cụ thể đang phải xoay xở với những thách thức rất cụ thể có nghĩa là chúng ta cần đặc biệt cẩn trọng khi áp dụng nội dung của nó cho mọi Hội Thánh.

Sau cùng, chúng ta phải nhớ rằng những phân đoạn rõ ràng nên được dùng để giải nghĩa những phân đoạn khó hiểu hơn. Dù 1 Ti-mô-thê 3 thoạt đọc có vẻ khá đơn giản, chỉ cần suy nghĩ một chút cũng thấy nó dường như mâu thuẫn với điều mà rất nhiều phân đoạn khác trong Kinh Thánh dạy cách rõ ràng. Tôi sẽ sớm đưa ra các ví dụ. Vì Kinh Thánh giải nghĩa Kinh Thánh, và những phân đoạn rõ ràng có mục đích soi sáng những phân đoạn khó hiểu hơn, *nỗ lực của chúng ta nhằm rút ra chân lý có thể áp dụng phổ quát từ 1 Ti-mô-thê 3 phải được Rô-ma 12 và 16 dẫn dắt*.[635]

Hai cách đọc 1 Ti-mô-thê 3 và Tít 1

Có hai cách giải nghĩa 1 Ti-mô-thê 3 (và Tít 1) liên quan đến giới tính và sự lãnh đạo Hội Thánh. Cách thứ nhất là đọc phân đoạn này như thể Phao-lô *truyền lệnh* rằng các trưởng lão trong các Hội Thánh ở Ê-phê-sô (và Cơ-rết) phải là nam giới, và do đó trong mọi Hội Thánh ở khắp mọi nơi. *Cách thứ hai là đọc nó như thể Phao-lô mặc định rằng người trưởng lão có khả năng nhất, và có lẽ phù hợp nhất, trong các Hội Thánh Hy Lạp – La Mã ấy sẽ là một paterfamilias, tức một người nam đứng đầu gia đình, dù vẫn có thể có những ngoại lệ.*[636]

635. Xin đừng hiểu tôi nói điều mà tôi không nói. Chúng ta cần toàn bộ Kinh Thánh để giải nghĩa bất kỳ phần cụ thể nào, nhưng dù vậy, có lẽ tốt hơn là đọc thư 1 Ti-mô-thê, một lá thư mang tính sửa sai, qua lăng kính của thư Rô-ma, một lá thư mang tính chuẩn mực, thay vì ngược lại.

Tôi đề nghị rằng cách đọc thứ hai là cách đọc tốt hơn. Như N.T. Wright nói: "[Dù] Phao-lô nói về [giám mục (người coi sóc)] như một người nam … đó là vì ngữ pháp Hy Lạp thường gộp chung cả hai giới, và vì trong những ngày đầu của Hội Thánh, người lãnh đạo của phần lớn các cộng đồng có lẽ là nam giới. Tôi không xem điều đó là loại trừ phụ nữ khỏi chức vụ và ơn gọi cụ thể này."[637]

Wright nói đúng khi ông bảo: "ngữ pháp Hy Lạp thường gộp chung cả hai giới." Khác với các bản dịch tiếng Anh của chúng ta, từ ngữ Phao-lô dùng về căn bản bao gồm cả hai giới. Trong nguyên văn Hy Lạp, chữ Phao-lô dùng cho "ai" (*tis*) trong câu "ai mong muốn làm giám mục"[638] bao gồm cả hai giới. Nhưng điều còn đáng chú ý hơn nữa là *không có một đại từ giống đực nào trong cả hai danh sách ở 1 Ti-mô-thê 3 hay ở Tít*. Hãy so sánh điều đó với các bản dịch tiếng Anh của chúng ta về danh sách liên quan đến giám mục trong 1 Ti-mô-thê – "his … He … his … his … him …he … his … he … He … he … He … he …" (của ông ấy … ông ấy … của ông ấy …) – những chữ khiến chúng ta hình dung ra một người nam ở hầu như mỗi dòng, theo cách mà độc giả ban đầu đã không hình dung.

Khả năng bao gồm cả hai giới này càng được củng cố khi chúng ta hiểu rằng cụm từ "chung thủy với vợ mình" (nghĩa đen là "người đàn ông của một vợ") là phần duy nhất trong danh sách mà, nếu chỉ đọc lướt bề mặt, ngụ ý người ấy là nam giới. Thế nhưng thật ra, trong ngữ cảnh này, đó là một cụm từ được dùng cho bất kỳ người nào nói *chung*, nam hay nữ. Đúng là nếu *chỉ* nói với phụ nữ, Phao-lô sẽ dùng "người đàn bà của một chồng" (như ông làm trong 1 Ti-mô-thê 5:9). Nhưng vì Phao-lô, như mọi tác giả Hy Lạp cổ đại lấy nam giới làm trung tâm, dùng dạng giống đực của một cụm từ khi cả hai giới đều thuộc về một nhóm, chúng ta có thể hiểu rằng điều đó cũng có thể

636. Sau khi hoàn thành cuốn sách, tôi đọc "Men and Women in Christ" của Andrew Bartlett và khám phá ở tr. 315-327 một cách đọc thứ ba: Phao-lô cố ý dùng ngôn ngữ chung, tức là bao gồm cả hai giới, và vì vậy thậm chí không mặc định rằng các giám mục sẽ là nam giới. Nếu không có việc nhắc đến những "người nữ" bí ẩn trong câu 11, mà tôi cố gắng giải thích trong Phụ lục 5, thì tôi đã chuyển hẳn sang quan điểm của ông. Như hiện tại, tôi đang lưỡng lự giữa cách đọc thứ hai và cách đọc thứ ba. Dù hiểu theo cách nào, phân đoạn này cũng không nên được đọc như thể loại trừ phụ nữ khỏi vai trò mục sư.

637. Tom Wright, Paul for Everyone: The Pastoral Letters, tr. 29

638. Cùng một chữ "ai" hay "bất cứ ai" (*tis*) xuất hiện lại trong câu 5, và cả trong Tít 1:6. Chữ này không có nghĩa là "bất cứ người nam nào" mà là "bất cứ người nào" – chẳng hạn, Chúa Giê-xu phán: "Nếu ai (*tis*) muốn theo Ta, thì phải vác thập tự giá mình." (Ma-thi-ơ 16:24)

đúng ở đây. Chúa Giê-xu làm điều tương tự khi Ngài trích dẫn điều luật được diễn đạt theo lối lấy nam giới làm trung tâm về việc không được tham muốn "vợ của người lân cận"[639] – một điều luật cũng áp dụng cho những người vợ, là những người không được tham muốn chồng của người lân cận mình.

Nếu nam giới không phải là điểm chính của cụm từ "chung thủy với vợ mình", thì điểm chính là gì? Cụm từ này có nghĩa là *chung thủy một vợ một chồng trong hôn nhân và tình dục*. Nó loại trừ những người có nhiều hơn một người phối ngẫu, cũng như những người không chung thủy về tình dục với người phối ngẫu của mình.[640] Ngay cả những học giả theo quan điểm bổ sung như Schreiner (và những người khác) cũng thừa nhận khả năng này: "Các điều kiện dành cho trưởng lão trong 1 Ti-mô-thê 3:1-7 và Tít 1:6-9, kể cả lời nói rằng họ phải là người đàn ông của một vợ, tự bản thân nó không nhất thiết loại trừ việc phụ nữ phục vụ với tư cách trưởng lão."[641]

Nhưng hãy giả sử (dù có thể không có lý do xác đáng nào để làm vậy) rằng Phao-lô *thật sự* chỉ nói riêng về nam giới trong danh sách này. Dù vậy, chúng ta vẫn có lý do chính đáng để kết luận rằng nhiều lắm thì Phao-lô chỉ *mặc định* rằng các trưởng lão trong bối cảnh đó có lẽ sẽ là nam giới, chứ không nhất thiết biến điều này thành một quy luật cứng nhắc cho mọi Hội Thánh ở mọi thời đại.

Đây hầu như không phải là một ý tưởng mới mẻ gì. Trong nhiều thập kỷ, tôi đã phục vụ trong các Hội Thánh "do trưởng lão lãnh đạo", là những Hội Thánh tuyên bố áp dụng 1 Ti-mô-thê 3 khi lựa chọn mục sư. Thế nhưng không ai trong chúng tôi, những người lãnh đạo Hội Thánh, xem những điều kiện mang tính hoàn cảnh hơn của Phao-lô là một bộ luật chặt chẽ về việc ai

639. Mác 10:12

640. "Người đàn ông của một vợ" là một thành ngữ phải được hiểu như tổng các thành phần của nó. Tương tự, trong tiếng Anh chúng ta từng có những chức danh chứa chữ "man" (người đàn ông), như "mailman" (người đưa thư) và "chairman" (chủ tịch), mà không cho thấy người được nói đến là nam giới, nhưng cho thấy nam giới là giới tính mặc định. Xem phần thảo luận trong Philip Payne, Man and Woman, One in Christ, chương 24.

641. Nguồn: www. bit.ly/31ls4qR tr. 36. Tương tự, Douglas Moo, một người chủ trương chỉ nam giới mới được lãnh đạo, vẫn nói: "Sẽ là đi quá xa nếu lập luận rằng cụm từ [người đàn ông của một vợ] rõ ràng loại trừ phụ nữ." (The Interpretation of 1 Timothy 2: 11-15: A Rejoinder.) Craig Blomberg cũng vậy: "1 Ti-mô-thê 3:1-7 và Tít 1:5-9 không thật sự liên quan mấy." (Two Views on Women in Ministry, chương 1).

được phép lãnh đạo. Chúng tôi đều đồng ý rằng những phẩm chất liên quan đến tính cách ("mềm mại, không ưa tranh cạnh, không ham tiền bạc"), đến năng lực lãnh đạo trong các mối quan hệ ("biết quản trị") và đến kiến thức giáo lý ("có tài dạy dỗ") đều mang tính phổ quát. Tuy nhiên, *những yếu tố mang tính hoàn cảnh hơn được nhắc đến trong câu 4 và 5 thì không*. Thật vậy, nếu xem chúng là một mệnh lệnh ràng buộc, thì các Hội Thánh chỉ được tấn phong những người cao tuổi (chữ "trưởng lão" hàm ý tuổi tác), đã kết hôn, và có từ hai người con trở lên đã trưởng thành, mỗi người con đều nhiệt thành phục vụ Đấng Christ và vâng lời cha mẹ trong mọi mệnh lệnh. Chắc chắn Phao-lô không cấm một cách phổ quát khả năng tấn phong những mục sư *không* cao tuổi, *không* kết hôn, *không* có nhiều hơn một người con, *không* có con cái ngoan ngoãn hay tin Chúa, *không* có gia hộ riêng của mình (thường gồm cả nô lệ, bà con và người thuê nhà), *và theo phần mở rộng của lập luận này, không phải là nam giới*, phải không?

Chúng ta có thật sự tin rằng Phao-lô nghĩ Chúa Giê-xu, Ti-mô-thê và chính ông – cả ba đều không lập gia đình – không nên được phép ở trong ban lãnh đạo cao nhất của một Hội Thánh sao? Chỉ cần dùng một chút lẽ thường, chúng ta nhận ra rằng điều chúng ta có trong danh sách này là sự giả định của Phao-lô về những trưởng lão có khả năng nhất và/hoặc phù hợp nhất cho Hội Thánh Ê-phê-sô vào thời điểm ấy – chứ không phải sự quy định phổ quát của ông về những loại người có thể lãnh đạo các Hội Thánh cho đến tận cùng thời gian.

Như tôi đã nói, những phẩm chất về tính cách trong 1 Ti-mô-thê 3 và Tít 1 là tư liệu Kinh Thánh hết sức quan trọng giúp chúng ta lựa chọn trưởng lão, *nhưng ngay cả danh sách các phẩm chất tính cách này cũng được định hình bởi hoàn cảnh*: chúng ta có thể hỏi, tại sao danh sách này lại quá chú trọng đến những phẩm chất bên ngoài – tức là việc người khác nhìn nhận một người là công chính – mà không chú trọng đến những phẩm chất bên trong? Tại sao không có một lời nào nhắc đến bất kỳ phẩm chất nào liên quan đến tình yêu đối với Đức Chúa Trời và con người? Tại sao danh sách này lại có những điểm tương đồng nổi bật với văn chương Hy Lạp thời bấy giờ, đến nỗi, ngoại trừ điều kiện "không phải là người mới tin đạo" (c6), mọi phẩm chất được liệt kê đều là điều người ta trông đợi nơi một viên chức nhà nước không phải là Cơ Đốc

nhân trong thế giới Hy Lạp – La Mã? Tại sao việc không thể hiện những phẩm chất này lại dẫn đến "sỉ nhục" (c7)?[642] Tại sao Phao-lô không áp dụng tất cả những chỉ dẫn của chính mình khi ông lập trưởng lão – chẳng hạn, dù ở đây ông nói rằng không nên lập những Cơ Đốc nhân mới tin làm trưởng lão (c6), nhưng có khi ông và Ba-na-ba lại lập trưởng lão từ một nhóm những người mới tin Chúa?[643]

Câu trả lời cho mỗi câu hỏi dường như là Hội Thánh ở Ê-phê-sô đã từng chịu sỉ nhục vì những giáo sư giả và những người lãnh đạo sa ngã, là những kẻ đã xé nát danh tiếng của Hội Thánh. *Đằng sau danh sách này là mối quan tâm thôi thúc của Phao-lô: qua sự đáng tin cậy của những người lãnh đạo, Hội Thánh sẽ lấy lại được sự đáng tin cậy và lời chứng của chính mình trong bối cảnh của họ.*[644] Trong nền văn hóa ấy, một Hội Thánh do những người lớn tuổi lãnh đạo sẽ truyền đi một thông điệp tốt hơn một Hội Thánh do người trẻ lãnh đạo – thêm vào đó, việc là nam giới, đã kết hôn và có những thành viên biết thuận phục trong gia hộ mình đều là những đặc điểm dễ thấy và được ưa chuộng nơi người lãnh đạo của bất kỳ tổ chức mới hình thành nào thời bấy giờ. Nhưng chúng ta không nên mặc định rằng tất cả những yếu tố hoàn cảnh này sẽ luôn đúng trong các nền văn hóa và bối cảnh khác. Thật vậy, trong nền văn hóa của chính chúng ta, những người lãnh đạo không có con, độc thân, trẻ tuổi hay là phụ nữ không hề làm suy giảm sự đáng tin cậy của Hội Thánh. Tôi trở thành mục sư khi là một người mới cưới vợ, chẳng có mấy "tuổi trưởng lão" (tôi vẫn còn ở độ tuổi 20) và chưa có con, thế mà những người tấn phong tôi không nghĩ rằng họ đang vi phạm sự dạy dỗ của Kinh Thánh, và những người trong Hội Thánh đã chấp nhận sự lãnh đạo thuộc linh của tôi cũng không nghĩ vậy.

642. Mối quan tâm của Phao-lô về sự đáng tin cậy trong mắt nền văn hóa là một động lực chính của toàn bộ lá thư ông gửi Ti-mô-thê. Phao-lô muốn những người lãnh đạo trong Hội Thánh "được người ngoài làm chứng tốt, kẻo người ấy bị sỉ nhục". Tương tự, 1 Ti-mô-thê 2:10, 15; 3:4, 8, 11; 5:10; và 6:1 cho thấy một mối quan tâm xuyên suốt đối với danh tiếng của Hội Thánh trước người ngoài.

643. Công Vụ Các Sứ Đồ 14:8-23

644. William Mounce, trong sách giải nghĩa của ông về 1-2 Ti-mô-thê và Tít, chứng minh rằng khi đặt các danh sách trong 1 Ti-mô-thê 3 và Tít 1 cạnh nhau, rồi lập một danh sách những gì chúng ta biết từ hai lá thư này về những kẻ chống đối Phao-lô, về các giáo sư giả và ảnh hưởng của họ trên Hội Thánh, thì hầu như mỗi đặc điểm trong các danh sách của Phao-lô đều có một điều đối nghịch tương ứng nơi những kẻ chống đối. Nói cách khác, Phao-lô đang thúc giục Ti-mô-thê và Tít tìm kiếm những người lãnh đạo hoàn toàn không giống những kẻ chống đối đã tàn phá (các) Hội Thánh.

Nếu có điều gì chúng ta cần học về cách đọc đúng thư 1 Ti-mô-thê, thì đó chính là việc rất nhiều chỉ dẫn trong thư mang tính hoàn cảnh đến mức nào. Không phải mọi điều trong thư đều là luật lệ phổ quát. Chẳng hạn, tôi chưa bao giờ thuộc về một Hội Thánh nào giữ một "sổ ghi tên các bà góa", thế nhưng 1 Ti-mô-thê 5:3-9 nói rằng chỉ những bà góa (không phải những ông góa vợ) trên 60 tuổi (không phải 59 tuổi hay ít hơn) mới được Hội Thánh trợ cấp tiền bạc. Thế mà nhiều Hội Thánh sẵn lòng trợ cấp cả những ông góa vợ dưới 60 tuổi! Khi chúng ta hỏi họ tại sao họ bỏ qua "sự dạy dỗ rõ ràng" trong 1 Ti-mô-thê 5, họ trả lời đúng rằng trong hoàn cảnh của họ – khác với hoàn cảnh ở Ê-phê-sô – làm như vậy là đúng. Tương tự, nếu chúng ta hỏi tại sao ngày nay một Hội Thánh có thể đưa vào ban lãnh đạo cao nhất của mình một người nam độc thân hay một người nữ đã kết hôn có ân tứ và tin kính, bất chấp "sự dạy dỗ rõ ràng" của 1 Ti-mô-thê 3, họ trả lời đúng rằng trong hoàn cảnh của họ – quá khác với hoàn cảnh của Hội Thánh Ê-phê-sô đầy thương tổn – làm như vậy là đúng.

"Có việc gì cô ấy không làm được không?"

Tôi thường kinh ngạc trước sự khéo léo đáng nể của vợ tôi, một người toàn diện và một chuyên gia giàu kinh nghiệm, và tôi tự hỏi mình câu hỏi này. Nhưng khi nói đến việc chăn bầy, câu hỏi này cũng đáng được đặt ra về những phụ nữ tin kính và có ân tứ phù hợp.

Tân Ước nêu chi tiết cả những phẩm chất lẫn những chức năng đòi hỏi nơi các trưởng lão hay mục sư. Điều khiến tôi chú ý khi xem xét những chi tiết này là mỗi một điều trong đó đều nằm trong tầm tay của phụ nữ nữa.

Hãy bắt đầu với danh sách các điều kiện về tính cách trong 1 Ti-mô-thê 3 (và được lặp lại trong Tít 1). Ngoài cụm từ "người đàn ông của một vợ" (mà trước đó tôi đã lập luận rằng nên được hiểu theo nghĩa chung là "chung thủy một vợ một chồng trong hôn nhân và tình dục"), không có điều gì trong danh sách mà một độc giả hiện đại có thể xem là chỉ riêng nam giới mới đạt được. Dù vậy, chúng ta vẫn có thể hỏi: Phao-lô có nghĩ như vậy không? Chúng ta không cần phải phỏng đoán khi trả lời câu hỏi này: ở những chỗ khác trong

các thư ông gửi Ti-mô-thê và Tít, ông đặc biệt hình dung những phụ nữ tin kính thể hiện chính những phẩm chất này:

Chức trưởng lão là một việc tốt lành (3:1); phụ nữ phải làm việc tốt lành (5:10). Trưởng lão và – như được nhắc đến ở chỗ khác – phụ nữ phải: không chỗ trách được (3:2; 5:7); tiết độ (3:2; 3:11); tự chủ (3:2; 2:9, 15); đứng đắn (3:2; 2:9); hay tiếp đãi khách (3:2; 5:10); không say sưa (3:3; Tít 2:3); khéo quản trị gia hộ mình (3:4; 5:14); và được người ngoài làm chứng tốt (3:7; 5:7, 10). Trưởng lão phải có tài dạy dỗ (3:2), phụ nữ phải dạy điều tốt lành (Tít 2:3). Trưởng lão không được ham tiền bạc (3:3); phụ nữ không nên đeo vàng, ngọc trai và mặc áo quần đắt tiền (2:9). Trưởng lão phải tỏ ra nghiêm trang trong cách giữ con cái mình trong vòng trật tự (3:4); phụ nữ cũng phải tỏ ra nghiêm trang (3:11). Trưởng lão không được là người mới tin đạo, kẻo kiêu ngạo mà sa vào án phạt (3:6); phụ nữ phải khiêm nhường và không mắc phải án phạt (5:10, 12).[645]

Gác các phẩm chất tính cách sang một bên, còn năng lực cần có của một mục sư hay trưởng lão thì sao? Tóm lại, họ phải "chăn dắt, hướng dẫn, dạy dỗ, khuyên răn và canh giữ bầy chiên. Điều này bao gồm việc canh phòng chống lại các giáo sư giả. Họ cũng phải nêu gương tốt và cầu nguyện cho người bệnh được chữa lành. Họ có thể tham gia vào việc nói tiên tri và việc đặt tay để truyền ban các ân tứ thuộc linh."[646] Có chức năng nào trong số này, dù chỉ một, vượt quá khả năng của những phụ nữ có đủ ân tứ, được đào tạo và có đủ kinh nghiệm để thực hiện không?

Khi không có phân đoạn Kinh Thánh nào cấm rõ ràng phụ nữ làm mục sư (cho đến đây trong sách này, tôi đã chứng minh rằng không có phân đoạn nào như vậy), thì thật hợp lý khi cho rằng chẳng có điều gì trong cả danh sách điều kiện lẫn danh sách chức năng loại trừ một người phụ nữ khỏi việc theo đuổi chính ơn gọi mà Phao-lô mời "ai" theo đuổi, khi ông viết: "Ai mong muốn làm giám mục, ấy là ước ao một việc cao quý" (3:1). Tất cả

645. Andrew Bartlett trong "Men and Women in Christ" (tr. 318-319) đã giúp tôi để ý những điểm này. Ông nói thêm: "Phao-lô kể thêm ba điều kiện nữa: mềm mại, không hung bạo (so sánh 1:13), và không ưa tranh cạnh (3:3). Không ai tranh cãi rằng những phẩm chất này có thể được tìm thấy nơi phụ nữ."

646. Công Vụ Các Sứ Đồ 20:28; 1 Ti-mô-thê 3:5; 5:17; 1 Phi-e-rơ 5:2-3; Công Vụ Các Sứ Đồ 20:28-31, Gia-cơ 5:14-15, 1 Ti-mô-thê 4:14. Cảm ơn Andrew Bartlett trong "Men and Women in Christ" (tr. 294) về danh sách các chức năng này, mà tôi trích dẫn gần như nguyên văn.

những điều đó để nói rằng, chắc chắn trong nền văn hóa bình đẳng mà tôi đang sống, việc tấn phong cả những phụ nữ có tính cách tốt, được kêu gọi và có năng lực vào hàng ngũ lãnh đạo Hội Thánh là đúng đắn và khôn ngoan.

(Ngoài lời của Phao-lô "chung thủy với vợ mình", còn có hai lập luận khác từ 1 Ti-mô-thê 3 mà những người theo quan điểm bổ sung dùng để biện hộ cho việc chỉ nam giới được làm trưởng lão. Tôi bàn về chúng trong Phụ lục 5: Thêm hai lập luận từ 1 Ti-mô-thê 3.)

Ân tứ là nền tảng của việc dạy dỗ và lãnh đạo

Xin nhắc lại: trong thư Rô-ma, một lá thư mang tính chuẩn mực, Phao-lô nhấn mạnh ân tứ là nền tảng cho việc lãnh đạo và dạy dỗ trong Hội Thánh, còn trong thư 1 Ti-mô-thê, một lá thư mang tính sửa sai, ông quan tâm nhiều hơn đến việc chấn chỉnh một tình trạng trong Hội Thánh Ê-phê-sô.

Tuy nhiên, điều đó không có nghĩa là thư 1 Ti-mô-thê hoàn toàn gạt bỏ tầm quan trọng của việc nhận biết ân tứ khi lựa chọn người lãnh đạo và người dạy dỗ. Một câu then chốt gần cuối thư cho thấy điều này: "Các trưởng lão khéo điều hành công việc của Hội Thánh thì đáng được tôn trọng gấp đôi, nhất là những người chuyên lo việc giảng đạo và dạy dỗ."[647] Hãy để ý hai lời ngầm nhắc đến ân tứ trong câu này. Thứ nhất là ân tứ lãnh đạo. Phao-lô nói rằng có những trưởng lão đặc biệt giỏi trong việc "điều hành Hội Thánh". Chữ Hy Lạp cho việc điều hành (*proestōtes*) là chữ thường được dùng nhất để chỉ việc lãnh đạo một Hội Thánh.[648] Thế nhưng – và điều này nên làm chúng ta giật mình – Phao-lô dùng cùng chữ ấy cho "ân tứ lãnh đạo" không phân biệt giới tính trong Rô-ma 12. Ý tôi là: dấu hiệu chắc chắn nhất cho thấy Đức Chúa Trời có thể muốn một người làm giám mục là người ấy bày tỏ một ân tứ lãnh đạo do Đức Chúa Trời ban.

Thứ hai là ân tứ dạy dỗ. Ở phần trước của thư, Phao-lô nói rằng mọi trưởng lão đều phải "có tài dạy dỗ", nhưng khi viết "nhất là những người chuyên lo việc giảng đạo và dạy dỗ", ông làm rõ rằng có lẽ một số trưởng lão nên làm

647. 1 Ti-mô-thê 5:17
648. Chữ này xuất hiện trong 1 Ti-mô-thê 5:12, là chỗ dùng một từ cùng gốc với động từ này để mô tả sự lãnh đạo Hội Thánh.

việc này nhiều hơn hẳn những người khác. Kinh nghiệm của tôi trong đời sống Hội Thánh khiến tôi đồng ý: có những người giảng đạo đơn giản là có ân tứ về việc này hơn những người khác. Theo thư 1 Ti-mô-thê, chúng ta biết rằng các ban lãnh đạo mục vụ phải nhận biết sâu sắc những ân tứ do Đức Chúa Trời ban (nơi chính họ và nơi người khác), vì Phao-lô nhắc nhở Ti-mô-thê: "Đừng bỏ quên ân tứ ở trong con, là ân tứ đã được ban cho con bởi lời tiên tri, khi ban trưởng lão đặt tay trên con."[649]

Hãy kết thúc chương này ở chỗ chúng ta đã bắt đầu: "bầu da của Thánh Linh" mà chúng ta nên tìm cách áp dụng là việc nhận biết ân tứ, và chắc chắn không phải là sự loại trừ theo giới tính. Các Hội Thánh nên tìm kiếm những người tin kính, có ân tứ, để đào tạo và giải phóng họ vào những chức vụ có ảnh hưởng lớn là dạy dỗ và lãnh đạo. Suy cho cùng, Phao-lô trực tiếp truyền lệnh như vậy: "Nếu ân tứ của anh em … là dạy dỗ, hãy dạy dỗ; … nếu là lãnh đạo, hãy siêng năng mà lãnh đạo."[650] Thay vì cảm thấy bị đe dọa bởi những phụ nữ có ân tứ, chúng ta nên ngợi khen Đức Chúa Trời vì họ. Có thể có nhiều sự thật hơn chúng ta muốn trong kết luận này của Ben Witherington, một học giả Tân Ước đã viết luận án tiến sĩ về chức vụ của phụ nữ trong Hội Thánh ban đầu: "[V]ấn đề trong Hội Thánh không phải là những phụ nữ mạnh mẽ, mà là … những người nam cảm thấy bị đe dọa bởi những phụ nữ mạnh mẽ, và đã thử đủ mọi cách, thậm chí bằng những lối giải kinh đáng ngờ, để ngăn cấm họ thực thi các ân tứ và ân điển của mình trong Hội Thánh."[651]

Loren Cunningham của tổ chức YWAM (Thanh niên Truyền giáo) kể lại một điều mà cố mục sư David Yonggi Cho có lần nói với ông: "Tất cả các Hội Thánh [ở Hàn Quốc] đều nhỏ bé [vì] họ kìm hãm phụ nữ của mình, không cho phép họ làm điều Đức Chúa Trời kêu gọi họ làm. Tôi đã bảo họ hãy giải phóng phụ nữ của mình, nhưng họ khăng khăng rằng đó không phải là vấn đề. Họ hỏi tôi: 'Bí quyết của Hội Thánh ông là gì?' Tôi lại bảo họ: 'Hãy giải phóng phụ nữ của các anh', nhưng họ cứ không chịu nghe tôi!"[652]

649. 1 Ti-mô-thê 4:14
650. Rô-ma 12:6-8
651. Nguồn: www.bit.ly/3BJj5wh
652. Loren Cunningham, Why Not Women? A Biblical Study of Women in Missions, Ministry, and Leadership

Mới đây, tôi trò chuyện với một người bạn, là người cùng với vợ mình đã tái lập một Hội Thánh chỉ với năm mươi người lớn và đã chứng kiến Hội Thánh ấy tăng trưởng lên đến hàng ngàn người. Vì họ cũng lãnh đạo một hệ thống lớn gồm nhiều Hội Thánh ở miền Nam châu Phi, cũng như một hệ thống Hội Thánh đang nhân lên mà trước đây họ đã thành lập ở Zambia, tôi hỏi anh ấy làm sao anh gánh nổi khối lượng công việc ấy. Anh trả lời theo cách cho thấy anh đón nhận việc nhận biết ân tứ, bất kể giới tính, cả trong hôn nhân lẫn trong chức vụ của mình, như bầu da để rót phước lành của Đức Chúa Trời vào thế giới:

Vợ tôi và tôi cùng nhau lãnh đạo. Đối với chúng tôi, điều này có tác dụng nhân lên những gì chúng tôi làm. Cả hai chúng tôi đều lãnh đạo và hoạt động như một đội, vừa lãnh đạo vừa thuận phục nhau trong nhiều lĩnh vực khác nhau tùy theo thế mạnh của mỗi người. Chúng tôi cố gắng khơi dậy điều tốt nhất nơi nhau và nâng đỡ nhau. Khi chúng tôi thành lập Hội Thánh ở Zambia, chúng tôi có nhiều cơ hội hơn số người nam lãnh đạo Hội Thánh mà chúng tôi có. Thường thì phụ nữ là những người có ân tứ nhất và có tính cách tốt nhất. Khi chúng tôi giao các Hội Thánh cho họ chăm sóc, chúng tôi hết lần này đến lần khác thấy họ và các Hội Thánh họ lãnh đạo phát triển mạnh mẽ.

Chúng ta đánh mất biết bao ân điển của Đức Chúa Trời khi gạt sang một bên hay xem nhẹ những phụ nữ có ân tứ. Chúng ta không chỉ tước khỏi chính những phụ nữ có ân tứ ấy, mà còn tước khỏi các Hội Thánh chúng ta lãnh đạo, khỏi thế giới chúng ta phục vụ, và khỏi cả những người nam, sự cộng tác mà họ đang hết sức cần đến.

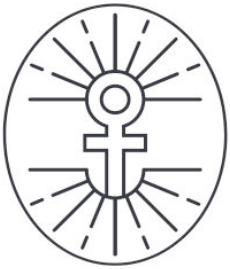

PHẦN THỨ TƯ

SỰ GIẢI PHÓNG PHỤ NỮ

14

Nữ tính và nam tính theo Kinh Thánh

"Hãy gạt sang một bên quan niệm truyền thống cũ cho rằng nữ là người nuôi dưỡng còn nam là người lãnh đạo. Cũng hãy gạt sang một bên những quan niệm mới cho rằng nữ là siêu nhân còn nam là kẻ áp bức. Hãy bắt đầu với điều đáng sợ nhất trong mọi điều: một tờ giấy trắng." **Anna Quindlen**[653]

John Piper nói: "Hội Thánh cần một câu trả lời cho điều bạn sẽ nói với một bé trai hay bé gái tám tuổi khi em hỏi: 'Mẹ ơi, lớn lên và trở thành một người đàn ông chứ không phải một người đàn bà nghĩa là gì?' … Đừng nói với tôi về những đức tính chung của con người. Hãy cho tôi biết trở thành một người đàn ông chứ không phải một người đàn bà nghĩa là gì."[654] Nhưng tôi có thể hỏi lại ông chính câu hỏi ấy. Ông sẽ nói gì với các con tôi, là những đứa trẻ trạc tuổi ấy? Xin thứ lỗi cho tôi vì đã đặt lời vào miệng ông trong phần tiếp theo, nhưng đó chính là lời của ông.

Bản Tuyên bố Danvers do ông soạn thảo nói rằng Đức Chúa Trời kêu gọi mọi người nam lãnh đạo, chu cấp cho và bảo vệ phụ nữ. Đến lượt mình, phụ nữ phải thuận phục và đón nhận sự lãnh đạo, sự chu cấp và sự bảo vệ này, và đặc biệt chú trọng vào gia đình và con cái. Nếu các con tôi hỏi thế nào là một người nam *nam tính* đúng nghĩa và một người nữ *nữ tính* đúng nghĩa, thì Piper mạnh dạn đưa ra một câu trả lời:

Cốt lõi của nam tính trưởng thành là ý thức trách nhiệm đầy thiện chí để lãnh đạo, chu cấp cho và bảo vệ phụ nữ theo những cách phù hợp với các mối quan hệ khác nhau của một người nam … và … cốt lõi của nữ tính

653. Bài phát biểu lễ tốt nghiệp (Commencement Speech) tại Mount Holyoke năm 1999
654. Xem www.vimeo.com/44525286.

trưởng thành là một khuynh hướng tự do sẵn lòng khẳng định, đón nhận và nuôi dưỡng sức mạnh và sự lãnh đạo từ những người nam xứng đáng theo những cách phù hợp với các mối quan hệ khác nhau của một người nữ.[655]

Nhưng hãy xem, giờ đây Piper phóng chiếu cách hiểu của ông về các vai trò trong hôn nhân lên *mọi* mối quan hệ giữa hai giới. Nếu ông đúng, thì tôi nên hướng dẫn con gái tám tuổi của tôi bắt đầu "đón nhận sự lãnh đạo" của bốn người anh em trai của nó. Đây có thật là điều Đức Chúa Trời trông đợi nơi các con trai và con gái tôi không? Hãy cùng giải quyết câu hỏi Kinh Thánh dạy gì về nam tính và nữ tính một cách thấu đáo hết mức có thể.

SỰ BỔ SUNG CHO NHAU NHƯ MỘT GIÁO LÝ

Câu Kinh Thánh đầu tiên nói về loài người, ngay trong chương đầu tiên, cho chúng ta biết rằng "*Ngài dựng nên người nam cùng người nữ.*" Về mặt sinh học, Đức Chúa Trời đã dựng nên loài người với hai giới tính khác biệt về hình thể. Trước đó trong Sáng Thế Ký 1, ngôn ngữ về đêm và ngày, mặt trời và mặt trăng có thể cung cấp một khuôn mẫu cho sự bổ sung cho nhau giữa nam và nữ. Chúng ta là phần tương ứng của nhau. Như hai mảnh ghép của một bức tranh, chúng ta lấp đầy những khoảng trống của nhau. Chúa Giê-xu nhấn mạnh sự phân biệt giới tính khi Ngài dẫn chiếu Sáng Thế Ký 1: "Các ngươi chưa đọc rằng hồi ban đầu Đấng Tạo Hóa 'dựng nên một người nam, một người nữ' sao?"[656]

Chương thứ hai của Kinh Thánh cũng cho thấy *sự bổ sung cho nhau giữa hai giới*. Nếu chúng ta xem A-đam và Ê-va là nguyên mẫu của người nam và người nữ nói chung, thì chúng ta "giống nhau mà lại đối diện nhau" (*kenegdo*) – chúng ta làm trọn cho nhau như những phần tương ứng *và* chúng ta cộng tác với nhau để khơi dậy điều tốt nhất nơi nhau. (Gộp những ý này lại, chúng ta là những "người cộng sự tương xứng" – counterpartners.)

655. Nguồn: Recovering Biblical Manhood and Womanhood, chương 1.
656. Ma-thi-ơ 19:4. Điều thú vị là chỉ có Chúa Giê-xu giả mạo của phái ngộ đạo mới xóa bỏ sự khác biệt: "Khi các ngươi làm cho hai thành một … để cho nam không còn là nam và nữ không còn là nữ … thì các ngươi sẽ vào [Nước Trời]" (Phúc Âm Thô-ma 22).

Vậy, sự bổ sung cho nhau là ý tưởng của Đức Chúa Trời! Cho đến đây mọi sự đều tốt đẹp. *Nhưng khi chúng ta hỏi những chương mở đầu này của Kinh Thánh rằng chính xác thì sự khác biệt giữa người nam và người nữ là gì, ngoài những khác biệt sinh học hiển nhiên, chúng ta khó tìm được câu trả lời.* Chắc chắn người nam không thể mang thai, sinh con và cho con bú, nhưng còn điều gì khác mà người ấy không thể làm, hay không nên làm? Và ngoài việc làm cho một người nữ thụ thai, có điều gì mà người nữ không thể làm? Tôi cho rằng những chương mở đầu của Kinh Thánh đưa ra rất ít câu trả lời rõ ràng.

Điều gần nhất với một kiểu "xác định vai trò" nào đó mà chúng ta có thể tìm thấy là ở cách Đức Chúa Trời phân định hình phạt trong Sáng Thế Ký 3. Người nữ sẽ chịu đau đớn khi sinh con – phải chăng đây là cách Đức Chúa Trời thừa nhận rằng định hướng cuộc đời bà sẽ là nuôi dạy con cái? Còn người nam sẽ bị đồng ruộng làm cho khốn đốn – phải chăng đây là cách Đức Chúa Trời khẳng định rằng ông sẽ là người chu cấp tài chính?

Liệu chúng ta có nên suy ra nhiều điều đến thế về vai trò của mình từ những hình phạt này không? Suy cho cùng, phân đoạn này mô tả hay quy định? Khi chúng ta xem xét những độc giả ban đầu của sách Sáng Thế Ký, chúng ta nhận ra rằng ở đây có lẽ một điều gì đó đang được mô tả chứ không phải được quy định. Sách được viết cho một nền văn hóa nông nghiệp, trong đó người nam làm phần việc đồng áng nặng nhọc về thể lực, còn người vợ thì đang cho đứa con thứ sáu bú.

Thật vậy, không có điều gì trong những hình phạt này quy định những lĩnh vực riêng biệt theo giới tính cho mọi người nam và người nữ, dù độc thân hay đã kết hôn, trong mọi nền văn hóa. Trái lại, Sáng Thế Ký 1 nhấn mạnh rằng *cả* nam lẫn nữ đều tham gia vào việc nuôi dạy con cái ("hãy sinh sản"). Ê-va có thể sinh con, nhưng A-đam cũng chăm sóc và nuôi dạy con cái của họ. (Trong Sáng Thế Ký 2, người kể chuyện ngụ ý rằng chương trình của Đức Chúa Trời là một đứa trẻ được nuôi dạy bởi *cả* cha lẫn mẹ.[657])

Và *cả hai* đều tham gia vào việc canh tác đồng ruộng ("làm cho đất phục tùng"). Có thể đúng là trước khi Ê-va xuất hiện, A-đam được đặt trong vườn để trồng trọt, nhưng chúng ta được cho biết rằng Ê-va được ban cho ông như một người giúp đỡ và người cộng sự tương xứng, như vậy ngụ ý rằng bà

657. Xem Sáng Thế Ký 2:24

cùng chia sẻ khối lượng công việc.[658] Không phải là có điều gì sai trái với những vai trò người chu cấp – người nuôi dưỡng này, nhưng khi những người theo quan điểm bổ sung áp đặt chúng lên *mọi* người nam và người nữ, họ đi quá sự dạy dỗ rõ ràng của phân đoạn này.

Tóm lại, sự lưỡng hình giới tính và ý tưởng về sự bổ sung cho nhau có thể thấy rõ trong Sáng Thế Ký 1-3, nhưng những quy định về vai trò và lĩnh vực của nam và nữ, hay những định nghĩa về nam tính và nữ tính, thì không.

NAM TÍNH VÀ NỮ TÍNH: MỘT KIẾN TẠO XÃ HỘI?

Những câu hỏi về việc thế nào là một "người đàn ông thực thụ" hay một "người phụ nữ thực thụ" càng thêm phức tạp trong nền văn hóa hiện đại của chúng ta bởi thực tế là ý tưởng hậu hiện đại cho rằng giới (gender) là một "kiến tạo xã hội" đã chiếm ưu thế. Gác giới tính sinh học sang một bên, ngày nay nhiều người khẳng định rằng những khái niệm như nam tính và nữ tính là kết quả của sự giáo dưỡng và văn hóa của một người nhiều hơn hẳn là của di truyền.

Một phần sức mạnh trong lập luận của nền văn hóa chúng ta là nhiều phân tích tổng hợp (meta-analysis) các nghiên cứu về nam và nữ cho thấy cùng những kết luận: ngoài những khác biệt sinh học, người nam và người nữ trung bình giống nhau một cách đáng kinh ngạc. Nhiều học giả kết luận rằng khi xét đến những ảnh hưởng văn hóa, các khác biệt nhỏ đến mức không đáng để áp dụng như một sự khái quát hóa.

Trước khi chúng ta bị cám dỗ gạt bỏ kết luận này như một chương trình nghị sự nữ quyền đang bóp méo các phát hiện của khoa học xã hội, hãy nhớ rằng

658. Gần đây, Alastair Roberts đề nghị rằng chúng ta nên đọc ra từ bản văn nhiều điều hơn về những khác biệt giới tính: Nếu chúng ta đọc Sáng Thế Ký 2 dưới ánh sáng của Sáng Thế Ký 1, thì ơn gọi của người nam, như được mô tả trong Sáng Thế Ký 2, chủ yếu tương ứng với những công việc của ba ngày sáng tạo đầu tiên: đặt tên, chế ngự, phân chia và cai quản. Ơn gọi của người nữ chủ yếu bao gồm việc làm cho đầy dẫy, làm vinh hiển, sinh sôi, thiết lập sự hiệp thông và sinh ra sự sống mới – những công việc gắn liền với ba ngày sáng tạo sau. Dù cách đọc này có thể hấp dẫn đến đâu, đây là một cách tiếp cận mới lạ và có thể là một ví dụ về lối giải kinh giàu tưởng tượng, đưa ý mình vào bản văn (eisegesis). Nếu cách đọc này được chấp nhận (mà tôi không nghĩ là chúng ta nên làm vậy), thì tôi sẽ nâng cấp đề xuất của Roberts bằng cách đưa cả việc "cai quản" vào ơn gọi của người nữ nữa: suy cho cùng, ngày thứ 6 nhấn mạnh rõ ràng về việc cai quản và chế ngự.

nó phần nào tương hợp với sự dạy dỗ của Sáng Thế Ký 1 và 2: người nam và người nữ được dựng nên trên cùng một hành tinh (không phải một người từ sao Hỏa còn người kia từ sao Kim); được làm từ cùng một chất liệu ("xương" và "thịt"); và được dựng nên theo cùng một hình ảnh và sự giống nhau (của Đức Chúa Trời). "Sự giống" mà người nam và người nữ cùng có với Đức Chúa Trời trong Sáng Thế Ký 1 tìm thấy sự tương ứng trong "sự giống" giữa người nam và vợ mình trong Sáng Thế Ký 2. Ngoài ra, chữ *kenegdo* có lẽ không nhấn mạnh sự khác biệt bằng nhấn mạnh sự giống nhau, vì thế có bản dịch "tương xứng". Có một sự tương ứng giữa người nam và người nữ, một "sự giống nhau" của con người, mà A-đam, dù cố gắng đến đâu, cũng không thể tìm thấy nơi bất kỳ loài thú nào trong vườn. Tất cả những điều này giúp chúng ta không phóng đại những khác biệt giữa nam và nữ.

Tikva Frymer-Kensky đã nghiên cứu về những người nữ trong Cựu Ước và nhận thấy rằng điều được nhấn mạnh là nhân tính của họ, chứ không phải việc họ là phụ nữ:

Khi chúng ta khảo sát những gì Kinh Thánh ghi lại về mục tiêu và chiến lược của phụ nữ, một sự thật đáng kinh ngạc hiện ra. Không có điều gì đặc trưng "nữ giới" trong cách phụ nữ được miêu tả trong Kinh Thánh, không có điều gì đặc biệt nữ tính trong mục tiêu hay chiến lược của họ. Mục tiêu của phụ nữ cũng chính là mục tiêu của các nhân vật nam trong Kinh Thánh và của các tác giả của những câu chuyện ấy.[659]

Dù vậy, theo tôi có đủ nghiên cứu để ủng hộ quan niệm rằng nam và nữ, xét trung bình, có những khác biệt về nhận thức, tâm lý và cảm xúc, dù chúng có thể nhỏ. Mượn một cụm từ tôi từng nghe những người bán hàng rong ở phương Đông dùng: nam và nữ là "same, same, but different" (giống, giống, nhưng khác).

NHỮNG KHÁC BIỆT

Hãy nghĩ đến những khác biệt về não bộ của chúng ta. Não của chúng ta được thiết kế để hoạt động qua lại giữa bán cầu não phải thiên về trực giác,

659. Tikva Frymer-Kensky, In the Wake of the Goddesses: Women, Culture and the Biblical Transformation of Pagan Myth, chương 11

sáng tạo và bán cầu não trái thiên về dữ kiện, phân tích. Trong não nam giới, các kết nối thần kinh, xét trung bình, đi từ trước ra sau trong mỗi bán cầu, giúp họ có lợi thế về tri giác và hành động phối hợp. Ngược lại, não nữ giới có nhiều đường dẫn nối hai bán cầu hơn hẳn, giúp họ tự nhiên hơn trong việc giao tiếp và cảm nhận. Có vẻ đó là lý do vì sao người nam thường tìm đường và hoàn thành từng nhiệm vụ đơn lẻ tốt hơn, còn người nữ thì giỏi làm nhiều việc cùng lúc và giải quyết vấn đề theo nhóm. Và vì sao, xét trung bình, người nam suy nghĩ theo đường thẳng hơn, còn người nữ suy nghĩ bao quát hơn, từ cả hai phía và theo ngữ cảnh hơn.[660] Có lẽ điều này giải thích một nhận định phổ biến rằng người nam, xét trung bình, tìm cách trưởng thành bằng cách tách mình ra, còn người nữ thì trưởng thành bằng cách gắn kết với người khác.[661]

Ngoài ra, các hình chụp não cho thấy những khác biệt về lượng chất xám (nơi thông tin được xử lý) và chất trắng (nơi thông tin được truyền đi bằng tín hiệu điện đến các phần khác của cơ thể). Người nam, với nhiều chất trắng hơn, dễ dàng vượt trội về khả năng phối hợp thể chất, còn người nữ thì xử lý thông tin và nhận ra các tín hiệu xã hội nhanh hơn.[662]

Điều thú vị nhất theo tôi là cách các nhà khoa học xã hội đã xác định mười phổ tính cách – mỗi phổ đo mức độ thấp hay cao của một người về lòng trắc ẩn, sự lịch sự, trí tưởng tượng, sự cần cù, sự nhiệt tình, sự ổn định tâm trạng, tính ngăn nắp, tính quyết đoán, óc phân tích và khả năng giữ bình tĩnh – và đã nhận thấy rằng, xét trung bình, người nam và người nữ nằm ở những vị

660. Xem hai bài viết về đề tài này: www.bit.ly/2ZR6n12 và www.cbsn.ws/2YaJ7L6
661. Carol Gilligan, In a Different Voice. Trích dẫn trong Tim và Kathy Keller, "The Meaning of Marriage", chương 6.
662. Alice Mathews, Gender Roles and the People of God, chương 13

trí khác nhau trên nhiều phổ trong số này, như được trình bày trong bảng sau.[663]

	Bách phân vị của nữ	Bách phân vị của nam
Có lòng trắc ẩn	61	39
Lịch sự	59	41
Giàu trí tưởng tượng	56,5	44,5
Nhiệt tình	55	45
Ngăn nắp	54,5	45,5
Cần cù	50	50
Quyết đoán	48	52
Có óc phân tích	45	55
Tâm trạng ổn định	42,5	57,5
Giữ được bình tĩnh	40	60

Để hiểu bảng này, hãy hình dung một trăm cặp nam nữ được lập ra từ một trăm người nam và một trăm người nữ được chọn ngẫu nhiên. Về sự cần cù, xác suất thống kê là trong một nửa số cặp, người nữ sẽ cần cù hơn người nam, và trong nửa còn lại, người nam sẽ cần cù hơn – điều này cho thấy họ có khuynh hướng cần cù như nhau. Tuy nhiên, về lòng trắc ẩn, trong 61 cặp, người nữ sẽ có lòng trắc ẩn hơn người nam, nhưng trong 39 cặp còn lại thì ngược lại.

Dù hòa nhau về sự cần cù, hãy để ý rằng xét trung bình, người nữ đạt điểm cao hơn một chút về lòng trắc ẩn, sự lịch sự, trí tưởng tượng, sự nhiệt tình và tính ngăn nắp, còn người nam đạt điểm cao hơn về tính quyết đoán, óc phân tích, sự ổn định tâm trạng và khả năng giữ bình tĩnh.[664]

Rất thú vị! Nhưng dù vậy, chúng ta vẫn nên hỏi: chúng ta làm gì với những con số trung bình này? Chắc chắn chúng ta không nên phóng chiếu chúng thành một sự trông đợi đối với mỗi cá nhân hay mỗi cặp vợ chồng. Là cha mẹ, có thể con gái của một người có óc phân tích hơn anh em trai của nó, còn

663. Nguồn: www.bit.ly/3pZn7OU

664. Xem www.bit.ly/3q6HGJh. Nói cho công bằng, khoa học xã hội vẫn chưa xác định chắc chắn những con số trung bình này đến mức độ nào là kết quả của bản tính bẩm sinh hay của sự giáo dưỡng.

cậu ấy lại có lòng trắc ẩn hơn cô bé. Tương tự, khi giao việc, chúng ta không nên tự động giới hạn các ứng viên dựa trên giới tính. Dorothy Sayers nói:

Ít phụ nữ tình cờ là thợ máy bẩm sinh; nhưng nếu có một người như vậy, thì cố thuyết phục cô ấy trở thành một điều gì khác là vô ích. … Nếu [cô ấy] có thể trở thành một luật sư, bác sĩ, kiến trúc sư hay kỹ sư hạng nhất, thì cô ấy phải được phép thử sức mình. Nguyên tắc [nên là] công việc được đặt lên hàng đầu, rồi [được mở ra] cho mọi cá nhân, nam hay nữ, béo hay gầy, cao hay thấp, xấu hay đẹp, là người có thể làm công việc ấy tốt hơn phần còn lại của thế giới.[665]

Đây là một vấn đề lớn của lập luận theo quan điểm bổ sung khi quy định vai trò giới tính. Lập luận rằng Đức Chúa Trời dựng nên người nam và người nữ khác biệt nhau là đúng. Xét trung bình, người nam có thể tự nhiên có khả năng chỉ huy hơn nhờ tính quyết đoán của họ, còn người nữ, xét trung bình, có thể được trang bị tốt hơn để sắp xếp một gia đình và chăm sóc con nhỏ nhờ tính ngăn nắp và lòng trắc ẩn của họ. Nhưng đối với những người nam và người nữ mà ân tứ khiến họ nằm ngoài mức trung bình, việc áp đặt những vai trò này lên họ sẽ vô cùng bất lợi.

Thật ra, tôi cho rằng có lẽ thậm chí không thể dùng Kinh Thánh để ủng hộ những khuôn mẫu giới tính.

Những người nam trong Kinh Thánh phá vỡ khuôn mẫu giới tính

Hãy nghiên cứu các nhân vật trong Kinh Thánh, và bạn có thể thấy rằng phần lớn những giả định văn hóa hiện nay của chúng ta về nam tính và nữ tính đều không hề có ở đó.

Khi hai người nam Bết-sa-lê-ên và Ô-hô-li-áp được Đức Chúa Trời xức dầu để "cắt đá" và "chạm gỗ", chúng ta có thể nghĩ rằng điều này khẳng định công việc dành riêng cho từng giới, trong đó người nam làm việc nặng. Nhưng chúng ta làm gì với thực tế là họ cũng được ban ân tứ để làm "những kiểu mẫu mỹ thuật" và may "những bộ áo dệt"?[666] Hay khi vua Đa-vít xông

665. Dorothy Sayers, Are Women Human? Essays on the Role of Women in Society, tr. 19, 29. Trích dẫn trong William Witt, Icons of Christ, chương 17

666. Xuất Ê-díp-tô Ký 31:1-10

ra chiến trận, hoặc ném hòn đá vào đầu một gã khổng lồ, chúng ta có thể hoan nghênh việc Đức Chúa Trời chọn một người nam cho công việc ấy, nhưng chúng ta làm gì với việc ông gảy đàn hạc và viết những bài thơ đầy cảm xúc? Hay khi Chúa Giê-xu lật đổ bàn ghế trong đền thờ, chúng ta thích bình luận về lòng can đảm nam tính của Ngài, nhưng chúng ta nghĩ sao về việc Ngài muốn nhóm dân Ngài lại dưới cánh mình như gà mái túc con mình?[667] Đàn ông thực thụ không khóc ư? Thế mà Chúa Giê-xu đã khóc. Đàn ông thực thụ cầm vũ khí ư? Chúa Giê-xu bảo Phi-e-rơ cất gươm của ông đi. Đàn ông thực thụ không bày tỏ tình cảm ư? Chúa Giê-xu để Giăng tựa đầu vào ngực Ngài. Đàn ông thực thụ không làm việc nhà ư? Chúa Giê-xu đã nấu nướng và chuẩn bị thức ăn cho các môn đồ, và rửa chân cho họ.[668]

Chúng ta thường thích nghĩ rằng Phao-lô là hình mẫu của những đặc điểm "nam tính" như lòng kiên cường không gì cản nổi, tham vọng không bao giờ cạn và sẵn sàng đối mặt với đủ mọi hiểm nguy. Thế nhưng khi tìm đến những ẩn dụ thúc đẩy và định hình chức vụ của mình, ông thường bám lấy những ẩn dụ nữ tính. Với một Hội Thánh, ông nói: "Hỡi các con bé nhỏ của ta, vì các con mà ta lại chịu đau đớn sinh nở, cho đến khi Đấng Christ thành hình trong các con."[669] Và với một Hội Thánh khác, ông nói: "Như một người mẹ đang cho con bú chăm sóc con cái mình, 8 thì chúng tôi cũng đã chăm sóc anh em như vậy."[670]

Hoặc hãy đọc lời Phao-lô về hôn nhân trong Ê-phê-sô 5 thêm vài lần nữa, và để ý xem Chúa Giê-xu, người chồng lý tưởng, làm gì cho cô dâu của Ngài: Ngài tắm rửa, mặc áo, nuôi dưỡng, chăm sóc và giặt giũ cho vợ mình – trong nền văn hóa ấy, đây là những việc nhà.[671] Chúng ta đừng quên rằng trong các hình ảnh so sánh của Phao-lô về Đấng Christ/người chồng và Hội Thánh/người vợ, mọi độc giả nam đều được ví như cô dâu của Chúa Giê-xu. Người nam, vốn thường theo đuổi sự độc lập và tách biệt do bản chất "nam giới" của mình, nên học cách theo đuổi sự gắn bó mật thiết với Đấng Christ,

667. Ma-thi-ơ 21:12-17; 23:27
668. Cảm ơn người bạn của tôi, Margo Davies, về những hiểu biết sâu sắc này trong blog của bà: www.bit.ly/3mLLnlK
669. Ga-la-ti 4:19
670. 1 Tê-sa-lô-ni-ca 2:7-8
671. Câu 27 thậm chí có thể nói đến việc Ngài sắm và giữ gìn áo cưới của vợ mình.

là chồng của họ, khi họ mở lòng đón nhận sự chăm sóc của Ngài. Đó mới thật là phá vỡ khuôn mẫu về nam giới!

Những người nữ trong Kinh Thánh phá vỡ khuôn mẫu giới tính

Chúng ta cũng nhầm lẫn nữ tính "truyền thống" với nữ tính "theo Kinh Thánh". Không phải chỉ có đàn ông mới giết người để bảo vệ dân mình. Tôi đã thấy nhiều cuốn Kinh Thánh thiếu nhi có câu chuyện Đa-vít và Gô-li-át, nhưng không cuốn nào kể câu chuyện Gia-ên và Si-sê-ra, trong đó người phụ nữ Gia-ên không chút sợ hãi đóng một cây nọc trại vào đầu một vị tướng của quân thù đang chạy trốn – bảo đảm một chiến thắng chắc chắn hơn cho dân sự của Đức Chúa Trời.[672] Hoặc còn người phụ nữ đã cứu thành của mình khỏi vòng vây bằng cách sắp đặt để đầu của một người đàn ông bị chặt và ném qua tường thành, nhờ đó làm vừa lòng quân thù đang đóng trại thì sao?[673]

Những người phụ nữ này khác xa biết bao với những nhân vật nữ "nữ tính" kiểu cổ điển trong một tiểu thuyết của Jane Austen, là những người "không ngừng viết nhật ký về cảm xúc của mình, tính toán về những triển vọng hôn nhân tốt nhất, ngất xỉu trước hầu như mọi nỗi xúc động, mặc hết lớp áo này đến lớp áo khác, kể cả một chiếc áo nịt bó chặt, và không được trông đợi phải làm việc."[674] Họ hoàn toàn không phải là những người phụ nữ mà Elisabeth Elliot nghĩ đến khi bà lý tưởng hóa nữ tính theo Kinh Thánh một cách thiếu chính xác: "Phụ nữ thì nhường bước, giúp đỡ và đáp ứng, còn người chồng thì chu cấp, bảo vệ và khởi xướng. Một người phụ nữ theo Kinh Thánh là một người phụ nữ biết thuận phục."[675]

Dĩ nhiên, trong thế giới phụ quyền cổ đại (và trong các nền văn hóa truyền thống ngày nay), phụ nữ phải chăm sóc con cái, thuận phục để đàn ông lãnh đạo, và cung cấp những tiện nghi về ăn uống và tình dục cho những người đàn ông có cuộc sống gắn liền với đời sống công cộng. Nhưng dù Kinh

672. Các Quan Xét 4. Tương tự, Giu-đít trong các sách Ngụy kinh (Apocrypha), tên bà đơn giản có nghĩa là "người phụ nữ Do Thái", đã dùng mưu trí để chặt đầu một vị tướng của quân thù là Holophernes.

673. 2 Sa-mu-ên 2:22

674. Tôi không tìm lại được chỗ đầu tiên tôi thấy câu trích dẫn này, nhưng nó không phải của tôi.

675. Elisabeth Elliot, Let Me Be A Woman, tr. 50. Trích dẫn trong Barr, phần Giới thiệu (Introduction)

Thánh hạ mình thích ứng với một thế giới như thế, Kinh Thánh không xem đó là lý tưởng cao nhất của Đức Chúa Trời – một sự thật càng chắc chắn hơn nhờ tất cả những người nữ trong Kinh Thánh đã thách thức những vai trò cổ điển này. Đôi khi chúng ta không thể chấp nhận điều này. Chẳng hạn, một thiên kiến trong dịch thuật lộ ra trong ba phân đoạn[676] về phụ nữ: các bản Kinh Thánh (tiếng Anh) của chúng ta nói rằng Ru-tơ là một người nữ có "phẩm cách cao quý" (noble character); rằng một người vợ có "phẩm cách cao quý là mão miện của chồng mình"; và rằng người nữ trong Châm Ngôn 31 vượt hơn những "điều cao quý" (noble things) mà những người nữ khác làm. Tuy nhiên, chữ Hê-bơ-rơ *nayil* được dịch là "cao quý" (noble) trong mỗi phân đoạn này *dù rằng trong 95 lần xuất hiện khác của nó trong Kinh Thánh, khi được dùng cho người nam, nó được dịch là "dũng cảm" (valiant), "chiến binh" (warrior) hay "sức mạnh" (strength).*

Phụ nữ trong Kinh Thánh cũng mạnh mẽ dữ dội! Nếu trong Ê-phê-sô 5, Phao-lô kêu gọi không chỉ phụ nữ mà cả đàn ông đồng hóa mình với cô dâu của Đấng Christ (và cũng làm việc nhà như người chồng tốt của Hội Thánh là Chúa Giê-xu), thì chúng ta không nên ngạc nhiên khi trong Ê-phê-sô 6, ông kêu gọi không chỉ đàn ông mà cả phụ nữ làm chiến binh trong đạo quân của Đấng Christ, cầm lấy khiên và gươm của mình mà đẩy lùi bóng tối.

Tôi hoàn toàn ủng hộ những người nam mạnh mẽ trong Đấng Christ, nhưng tôi không thấy tại sao chúng ta lại cần điều gì khác hơn là những người nữ cũng mạnh mẽ trong Đấng Christ – đứng vững bên cạnh chúng tôi, những người nam. Với tất cả những gì đang bị bóng tối thống trị trong thế giới chúng ta, chúng ta cần giải phóng nửa còn lại của đạo quân để cùng với những người nam chúng tôi trở thành những người báo oán chống lại sự bất công và lừa dối, những chiến sĩ tự do tìm cách giải cứu những người bị áp bức và bị tổn thương, những người cầm đuốc và những nhà vô địch cho chính nghĩa của Đấng Christ. Ở đây tôi không chỉ nói về một tương lai mà chúng ta hy vọng. Hết lần này đến lần khác, những nữ chiến binh của Đấng Christ đã tạo nên tác động to lớn cho Chúa Giê-xu rồi. William Booth, người sáng lập Đội Quân Cứu Thế (Salvation Army), thường nói rằng "những người nam giỏi nhất" của ông là phụ nữ. Tương tự, cuốn sách *Life and Work on the Mission Field* ghi lại rằng "công việc càng khó khăn và nguy hiểm, tỷ lệ

676. Ru-tơ 3:11, Châm Ngôn 31:29, Châm Ngôn 12:4

phụ nữ so với nam giới càng cao."[677]

GẠT BỎ NHỮNG KHUÔN MẪU

Việc Kinh Thánh không đưa ra định nghĩa về nữ tính và nam tính cho tôi thấy rằng có lẽ chúng ta đã quá bám chặt vào những ý tưởng này. Đúng vậy, con người là nam và nữ, và chúng ta phải sống hòa hợp với bản dạng giới tính gắn liền với thân thể mình, nhưng Kinh Thánh hầu như không nói gì về bản chất của nữ tính hay nam tính. Nghiên cứu của Tikva Frymer-Kensky về các nhân vật trong Kinh Thánh cho thấy rằng:

[Kinh Thánh] không trình bày đặc điểm nào trong hành vi con người là "nữ" hay "nam", không phân chia các thuộc tính giữa hai cực "nữ tính" và "nam tính", không hề gợi ý về sự phân biệt những cặp đối cực như tính hung hăng của nam – tính tiếp nhận của nữ, sự đổi mới của nam – sự bảo tồn của nữ, sự vươn ra ngoài của nam – sự bao chứa của nữ … hay bất kỳ cặp đối cực nào khác mà chúng ta quen dùng để nghĩ về sự phân biệt giới tính.[678]

Trong lúc tôi đang viết những dòng này, tôi mở Twitter và đọc bài của một giáo sư chủng viện Báp-tít. Hôm nọ, để chuẩn bị cho Ngày của Mẹ, dịp mà một số Hội Thánh thường mời một diễn giả nữ, ông viết: "Hãy nghe tôi cho rõ. Nếu Hội Thánh của bạn dù chỉ thỉnh thoảng có một người nữ giảng đạo, bạn cần rời khỏi Hội Thánh đó."[679] Rồi ông dường như đoán trước câu hỏi của chúng ta rằng vậy thì phụ nữ nên làm những hoạt động nào, vì dòng tweet tiếp theo của ông khen ngợi những phụ nữ giặt giũ, may vá, đan len và chăm sóc con cái – tất cả đều là những hoạt động mà, theo ông, khi được phụ nữ làm tốt thì sẽ được Đấng Christ ban thưởng.[680] Khi tôi xem trang của ông, một dòng tweet khác hiện lên nói rằng "các chủ quyền và thế lực ghét trật tự sáng tạo, ghét nam tính và nữ tính theo Kinh Thánh, ghét Đức Chúa Trời."[681] Những xác tín của ông là lầm lạc: nếu chiến lược của Sa-tan chính là khiến

677. Herbert Kane, Life and Work on the Mission Field, tr. 143. Trích dẫn trong Bessey, Jesus Feminist, chương 8.
678. Frymer-Kensky, In the Wake of the Goddesses: Women, Culture and the Biblical Transformation of Pagan Myth, tr. 141.
679. www.bit.ly/2ZNt9ai
680. www.bit.ly/3nQAwpC
681. www.bit.ly/2ZS465M

một nửa đạo quân giam hãm nửa kia trong việc nhà thì sao? Điều Sa-tan *thật sự* ghét là người nam và người nữ hiệp nhất trong sức mạnh, sát cánh bên nhau trong cuộc chiến thuộc linh và trong việc rao giảng Tin Lành.

Tuyên bố Danvers nói rằng "những sự phân biệt trong vai trò nam tính và nữ tính là do Đức Chúa Trời định và phải tìm được tiếng vọng trong mọi tấm lòng con người." Nhưng hãy nghĩ xem lời tuyên bố ấy vô ích biết bao. Vì ở chỗ khác, tác giả của nó định nghĩa "nam tính" là "sức mạnh và sự lãnh đạo", còn "nữ tính" là "khẳng định sức mạnh và sự lãnh đạo của người nam", vậy điều này hàm ý gì nếu bạn là một người nam nhưng lại có thể khẳng định sức mạnh và sự lãnh đạo của một người nữ, hay nếu bạn là một người nữ mạnh mẽ và mong muốn lãnh đạo? Nó hàm ý rằng có một điều gì đó không đến từ Đức Chúa Trời đang hoạt động trong bạn.

Dấu hiệu thật về công việc của Đức Chúa Trời trong cả người nam lẫn người nữ là cả hai đều theo đuổi sự giống Đấng Christ. Chúa Giê-xu là người thế nào thì chẳng phải là điều bí mật. Có lẽ Khải Huyền 5 tóm tắt rõ nhất bản chất phá vỡ mọi khuôn mẫu của Chúa Giê-xu. Trong chương ấy, Giăng được bảo hãy nhìn xem "Sư Tử của chi phái Giu-đa" là Đấng đã thắng, nhưng khi ông ngước đầu lên để nhìn Ngài, ông ngạc nhiên thấy "một Chiên Con như đã bị giết". Chúa Giê-xu vừa là sư tử không hề nao núng, vừa là chiên con bị giết. Ngài cầm cây phủ việt của uy quyền, nhưng Ngài cũng mang những vết sẹo vì bị đóng đinh trên thập tự giá. Ngài vừa oai nghi vừa nhu mì. Ngài vừa là vua vừa là đầy tớ. Ngài đứng sừng sững, được tôn cao đến tận các từng trời, nhưng cũng cúi xuống để ôm chúng ta vào lòng. Ngài đầy quyền năng, nhưng dễ tổn thương; đầy uy quyền, nhưng dễ đến gần; quyết đoán, nhưng nhân nhượng; gầm thét, nhưng khóc lóc; không gì bẻ gãy được, nhưng lại bị tan vỡ.

Đối với những người nam (và người nữ) quyết đoán, dù đôi khi hung hăng, là những người có thể tự nhiên nghiêng về những phẩm chất giống sư tử của Chúa Giê-xu, thì có lời mời của Chúa Giê-xu: "Hãy học theo Ta, vì Ta có lòng nhu mì, khiêm nhường."[682] Đối với những người nữ (và người nam) hiền lành, nhưng dễ nao núng, là những người có thể tự nhiên nghiêng về những phẩm chất giống chiên con của Chúa Giê-xu, thì có lời mời của Chúa Giê-xu:

682. Ma-thi-ơ 11:29

"Nước Thiên Đàng đang tiến tới cách mạnh mẽ, và những người mạnh mẽ đang chiếm lấy nước ấy."[683] Nói cho rõ, Kinh Thánh không bao giờ truyền lệnh cho chúng ta phấn đấu để đạt mức nam tính hay nữ tính cao hơn. Thay vào đó, chúng ta được kêu gọi để ngày càng giống Đấng Christ hơn. Chúng ta không hỏi: "Tôi có đang làm trọn sứ mạng trở thành một người nữ hay một người nam 'theo Kinh Thánh' không?" Nhưng hỏi: "Tôi có đang noi gương Đấng Christ không?"

Đó là lý do Phao-lô viết: "Khi ta đã thành người đàn ông trưởng thành, ta bỏ những điều thuộc về con trẻ", chứ không viết: "ta bỏ những điều thuộc về nữ tính". Thay vì đối chiếu tư cách phụ nữ với tư cách đàn ông như chúng ta thường làm, có lẽ chúng ta nên đối chiếu cả hai với tuổi thơ. Trẻ con có khuynh hướng chờ được chỉ bảo, lấy mình làm trung tâm, hay sợ hãi và hết sức lệ thuộc vào người khác. Ngược lại, chúng ta biết mình đã trưởng thành trong tư cách người nữ và người nam khi chúng ta đã học được cách phục vụ người khác, sống nương tựa lẫn nhau, và chủ động cũng như nhận lãnh trách nhiệm nhiều hơn.

Nhưng có điều răn *nào* dành riêng cho từng giới không? Tôi cho rằng có một điều răn cho phụ nữ, và một điều răn cho đàn ông.

Quản lý tốt vẻ đẹp và sức mạnh

Hãy bắt đầu với một chỉ dẫn cho phụ nữ liên quan đến vẻ đẹp của họ: "Ta cũng muốn rằng những người nữ ăn mặc cách khiêm tốn, đứng đắn và đoan trang, không trang sức bằng những kiểu tóc cầu kỳ, vàng, ngọc trai hay áo quần đắt tiền, nhưng bằng việc lành, là điều xứng hợp với những người nữ tự xưng là kính thờ Đức Chúa Trời."[684]

Hãy để ý rằng Phao-lô không chỉ trích mà còn khẳng định mong muốn được xinh đẹp của người phụ nữ. Thật ra, ở chỗ khác, ông ngụ ý rằng vẻ đẹp của người phụ nữ là đỉnh cao của công trình sáng tạo.[685] Tuy nhiên, điều Phao-lô quan tâm là nhiều phụ nữ quá dễ dàng thỏa mãn với vẻ đẹp bề ngoài. Người nữ trong Châm Ngôn 31 được khen ngợi không phải vì vẻ đẹp bề ngoài, vốn chóng qua, nhưng vì tình yêu rạng ngời của bà đối với Đức Chúa Trời. Trong

683. Ma-thi-ơ 11:12
684. 1 Ti-mô-thê 2:9-10
685. 1 Cô-rinh-tô 11:15

Hội Thánh Ê-phê-sô, dường như có những phụ nữ giàu có tìm cách thu hút sự chú ý về mình bằng những món trang sức xa hoa. Phao-lô nói rằng họ nên tập trung vào Đấng không xét đoán họ theo vẻ bề ngoài, nhưng theo những việc làm xuất phát từ tình yêu. Có thể Phao-lô cũng đang thách thức những phụ nữ Cơ Đốc ăn mặc khêu gợi như một cách lợi dụng vẻ đẹp của mình. Tôi hoàn toàn không có ý nói rằng cách một người phụ nữ ăn mặc quyết định cách đàn ông đối xử với cô ấy, hay rằng phụ nữ phải cảm thấy mình chịu trách nhiệm về sự trong sạch tình dục của đàn ông. Mỗi người phụ nữ được tự do ăn mặc theo ý mình, nhưng những người phụ nữ tin kính nên mặc lấy tình yêu trước hết. Và tình yêu ấy *trước hết* nên hướng về chính bản thân họ. Dù nền văn hóa của chúng ta được cho là tôn vinh việc thể hiện bản thân, phụ nữ và các cô gái trẻ chưa bao giờ bị sự chuyên chế của hình mẫu thân thể lý tưởng hành hạ đến thế. Phần không nhỏ là do ảnh hưởng của mạng xã hội, mức độ trầm cảm, lo âu và rối loạn ăn uống nơi những người trẻ đang tăng vọt.[686] Trong cuộc chạy theo không bao giờ dứt để đạt sự hoàn hảo và ngày càng nhiều "lượt thích", khát khao tự nhiên của chúng ta về vẻ đẹp đã bị biến dạng. Vẻ bề ngoài của chúng ta chưa bao giờ được định để có quyền lực lớn như thế trên chúng ta, hay trên người khác.

Bây giờ xin cho phép tôi nói đôi điều về vấn đề này từ góc nhìn của một người nam. Trong Bài Giảng Trên Núi, Chúa Giê-xu truyền cho *những người nam* không được nhìn phụ nữ mà động lòng tham muốn – Ngài không truyền cho phụ nữ phải tránh trở thành đối tượng của sự ham muốn. Là một người nam, tôi biết rằng tôi có thể nhìn ngay cả một người phụ nữ ăn mặc kín đáo với lòng ham muốn. Và là một người nam Cơ Đốc, tôi đã nhận ra rằng giải pháp cho sự ham muốn không phải là tránh nhìn phụ nữ. Suy cho cùng, Chúa Giê-xu lúc nào cũng nhìn phụ nữ. Đúng hơn, chiến lược tốt nhất trong cuộc chiến giữ mình trong sạch là *thật sự nhìn thấy* phụ nữ theo cách Đức Chúa Trời nhìn họ – không phải như đối tượng để thỏa mãn tình dục, nhưng như những người cùng mang hình ảnh Đức Chúa Trời với tôi.

Bây giờ hãy xem xét một điều răn dành cho đàn ông có thể liên quan đến sức mạnh thể chất của họ. Phi-e-rơ kêu gọi người nam sử dụng đúng đắn sức mạnh thể chất của mình khi ở với phụ nữ: "Hỡi người làm chồng … hãy ân cần trong cách sống với vợ mình, và tôn trọng họ như người bạn đời yếu đuối hơn và

686. www.bit.ly/3bIo4mc

như những người cùng anh em thừa hưởng ân điển của sự sống, hầu cho không điều gì cản trở sự cầu nguyện của anh em."[687] Dù phụ nữ có thể e ngại trước những lời này của Phi-e-rơ, chúng không nhằm mục đích coi thường họ. Ông chỉ nhận xét về một thực tế phổ quát: người nam trưởng thành hầu như luôn mạnh hơn người nữ về thể chất. Đàn ông nên đặc biệt dùng sức mạnh của mình để che chở và không bao giờ để làm tổn thương.

Thật kinh khủng khi bạo hành gia đình chỉ bị xem là không thể chấp nhận và là tội phạm vào giữa thế kỷ trước. Như tôi đã nhấn mạnh trước đây ở chương 2, chỉ đến những năm 1960, phụ nữ mới bắt đầu được xem là bình đẳng, và do đó địa vị phụ thuộc của phụ nữ mới bị đặt thành vấn đề. Thật ra, tôi đã tìm thấy một bài báo những năm 1960 trên tờ *New York Daily Mirror* với tựa đề: "Nếu một người phụ nữ cần bị như vậy, có nên đánh đòn cô ta không?" ("If a Woman Needs It, Should She Be Spanked?")[688] Dựa trên bốn người đàn ông viết thư gửi đến, câu trả lời nhất trí là: có! "Điều đó dạy họ biết ai là người làm chủ," một người tên Teddy Gallel viết. "Nhiều phụ nữ có khuynh hướng quên rằng đây là thế giới của đàn ông, và nhiều người đàn ông đã từ bỏ vị trí làm chủ gia đình ước gì mình đã không làm vậy." Tôi sống ở một đất nước mà có đến 50% phụ nữ sẽ bị hãm hiếp hoặc bị lạm dụng tình dục trong đời. Mỗi câu chuyện bi thảm là một ví dụ về một người đàn ông dùng sức mạnh của mình để săn mồi trên phụ nữ, thay vì bảo vệ họ. Thật là một sự lạm dụng sức mạnh thể chất của nam giới!

Trong các cuộc chiến tranh và trận đánh của Cựu Ước, khi cần đến sức mạnh thể chất thuần túy, chính những người nam được sai ra tiền tuyến.[689] Khi tính mạng bị đe dọa, Ma-ri và hài nhi Giê-xu có thể tin cậy Giô-sép làm tấm khiên che chở thân thể họ.[690] Thật ra, Phao-lô trông đợi mọi người chồng sẵn sàng hy sinh mạng sống mình vì vợ.[691] Một lần nữa, tôi không muốn tạo ra một sự khái quát hóa. Có thể có những lúc một bà cụ trên chiếc thuyền đang chìm thấy tốt hơn là trao chiếc áo phao cuối cùng cho một chàng trai trẻ, hay khi một người vợ khỏe mạnh hơn về thể chất dùng thân mình che chắn cho người chồng khuyết tật khỏi nguy hiểm, hay khi một người phụ nữ như Ra-

687. 1 Phi-e-rơ 3:7
688. www.bit.ly/3EI1Tcr
689. Phục Truyền Luật Lệ Ký 20:7-8, Giô-suê 1:14
690. Ma-thi-ơ 2:13-14
691. Ê-phê-sô 5:25 và các câu tiếp theo

háp bày tỏ đức tin nơi Đức Chúa Trời bằng cách giấu những người đàn ông vô tội đang lẩn trốn trong nhà mình.[692]

Điều rất quan trọng là Phi-e-rơ không suy diễn từ sự yếu đuối về thể chất của người nữ ra sự yếu đuối về cảm xúc hay thuộc linh, như nhiều học giả theo quan điểm bổ sung vẫn làm – suốt lịch sử Hội Thánh, phụ nữ đã bị xem một cách sai lầm là yếu kém hơn đàn ông về cảm xúc, trí tuệ, đạo đức và thuộc linh. Nhưng đó không phải là điều Phi-e-rơ đang nói, và chắc chắn không nên dùng điều đó để loại phụ nữ khỏi các vai trò trong chức vụ. Gần đây tôi đọc một lập luận do nhà thần học hàng đầu trong một phong trào theo quan điểm bổ sung gồm hàng ngàn Hội Thánh đưa ra, trong đó ông nhận xét đúng rằng người nam được tạo nên để làm người bảo vệ thể chất, và rồi nói đúng rằng một phần chính yếu trong bản mô tả công việc của mục sư là bảo vệ bầy chiên về mặt thuộc linh. Nhưng sau đó, ông suy luận sai rằng vì vậy người nam thích hợp hơn với công việc lãnh đạo Hội Thánh.[693] Thật ra, khi nói đến những phương diện không thuộc về thể chất của cuộc sống, một người nữ cũng có khả năng bảo vệ người khác, kể cả đàn ông, như một người nam.

Giành lại sự bổ sung cho nhau mà không có thứ bậc

Những người theo quan điểm bổ sung khởi đầu đúng chỗ khi khẳng định thực tế rằng người nam và người nữ được dựng nên khác nhau và cần đến nhau. Nhưng rồi họ đi xa hơn bản văn và cho rằng những khác biệt "do Đức Chúa Trời định" về căn bản quy về quan hệ thẩm quyền – thuận phục. Đối với họ, sự bổ sung cho nhau mang tính thứ bậc, và vì vậy dẫn đến chỗ đánh mất sự bổ sung cho nhau, vì nó tạo ra những khu vực chỉ dành cho nam giới trong Hội Thánh, như việc điều hành Hội Thánh và việc giảng đạo trên tòa giảng, nơi chỉ có tiếng nói của nam giới được lắng nghe. Làm như vậy, họ phá hoại sự bổ sung cho nhau giữa hai giới, là điều lẽ ra phản chiếu hình ảnh Đức Chúa Trời một cách trọn vẹn hơn.

692. Giô-suê 2

693. Tương tự, Owen Strachan trong "The Grand Design" lập luận rằng lòng can đảm và tính hiếu chiến cần có để đứng lên chống lại bóng tối thuộc linh là những thuộc tính đúng ra thuộc về nam giới. Vì vậy, đàn ông nên lãnh đạo. Tuy nhiên, những bản văn ông dùng để lập luận cho điều này – 1 Cô-rinh-tô 16:13-14, Ê-sai 19:16, 1 Các Vua 2:2 và Ê-xê-chi-ên 22:30 – không ủng hộ khẳng định của ông. Đành rằng sức mạnh thể chất là cần thiết cho những trận chiến thể chất, nhưng những trận chiến thuộc linh không đòi hỏi sức mạnh thể chất, và vì vậy phụ nữ cũng có thể phục vụ với lòng can đảm ở tiền tuyến của công việc Đức Chúa Trời.

Trong chương này, tôi đã cố gắng giành lại sự bổ sung cho nhau khỏi tay thuyết bổ sung, và kết duyên nó không phải với thứ bậc nhưng với sự tương hỗ. Chương trình của Đức Chúa Trời không phải là, nói chung, người nam lãnh đạo người nữ, nhưng là, nói chung, người nam lãnh đạo cùng với người nữ. Không có điều gì trong Kinh Thánh gắn liền năng lực trí tuệ hay năng lực lãnh đạo với bất kỳ giới tính nào. Điều nhiều nhất chúng ta có thể nói là *xét trung bình*, người nữ sẽ suy nghĩ hay lãnh đạo theo một cách và người nam theo một cách khác.

Nếu chúng ta xét đến cấu trúc não bộ khác nhau của người nam và người nữ, hay mười điểm trong bảng ở phần trước của chương này, nơi người nữ, xét trung bình, có lòng trắc ẩn và sáng tạo hơn, còn người nam, xét trung bình, quyết đoán và có óc phân tích hơn, thì chẳng phải hôn nhân, chức vụ và nơi làm việc của chúng ta sẽ phong phú hơn biết bao nếu chúng ta kết hợp những thế mạnh của mình lại sao? Chúng ta cần tất cả mọi người để trở thành tất cả những gì chúng ta được định để trở thành. Nếu người nữ và người nam, xét trung bình, được tạo nên khác nhau, thì một ban lãnh đạo gồm cả nam lẫn nữ, xét trung bình, sẽ đem lại một sự lãnh đạo toàn diện hơn nhiều cho bất cứ tổ chức hay cộng đồng nào mà họ lãnh đạo.

Thật đáng buồn khi xã hội đi trước Hội Thánh trong vấn đề này, nhưng lợi ích của việc đưa phụ nữ vào những cấp lãnh đạo cao nhất, dù ở nhiều quốc gia còn chậm được tiếp nhận, đang tạo ra những kết quả đáng chú ý. Trong một nghiên cứu toàn diện,[694] người ta đã cho thấy rằng khi ban quản lý cấp cao của các công ty chỉ gồm toàn nam giới, họ đưa ra quyết định đúng đắn 58% số lần. Tuy nhiên, nếu có thêm phụ nữ vào những ban ấy, khả năng đưa ra quyết định đúng đắn tăng vọt lên 73%![695]

Khi chúng ta cố chạy đua với một chân bị bó bột, chúng ta sẽ khập khiễng và nhảy lò cò. Với hai chân lành lặn, chúng ta có thể sải những bước dài hơn nhiều và đi được những quãng đường xa hơn nhiều. Những đóng góp bổ sung cho nhau độc đáo của người nam và người nữ cũng vậy. Sau khi mô tả việc Đức Chúa Trời dựng nên người nam và người nữ mang hình ảnh Ngài, người kể chuyện trong Sáng Thế Ký 1 nói rằng Đức Chúa Trời "thấy mọi việc

694. www.bit.ly/3BKuImw

695. Nếu ban ấy gồm những người đa dạng về giới tính, tuổi tác, nơi lớn lên và nơi học đại học, thì con số tăng lên 87%.

Ngài đã làm thật rất tốt lành." Cách đây không lâu, ở phương Tây, việc chỉ dùng một chân có lẽ đã có vẻ hợp lý (suy cho cùng, chân kia bị xem là kém cỏi: dễ thiếu lý trí, bất ổn và sợ hãi). Giờ đây, khi nền văn hóa của chúng ta đã khám phá ra điều ngược lại, và ý nghĩa cùng ý định ban đầu của Kinh Thánh đã được khôi phục, chúng ta có thể và nên chạy bằng cả hai chân của mình.

Chúng ta có rất nhiều điều để trông mong khi chúng ta cộng tác với nhau nhiều hơn, nhưng thực tế rằng chúng ta khác nhau có nghĩa là mọi sự sẽ không phải lúc nào cũng xuôi chèo mát mái. Sự đa dạng dẫn đến sự tăng trưởng và năng suất lớn hơn, nhưng cũng dẫn đến sự phức tạp và hiểu lầm nhiều hơn. Những định kiến cũ của chúng ta đặc biệt dai dẳng. Ít nhất đó cũng là một phần lý do khiến hôn nhân có thể khó khăn đến thế. Dù vậy, khó khăn không có nghĩa là sai trái – rất thường khi nó chính là cơ hội chúng ta cần để lớn lên trong sự giống Đấng Christ.

Suy cho cùng, mục tiêu của đời sống theo định nghĩa của Kinh Thánh không phải là trở nên nam tính hơn hay nữ tính hơn, nhưng là trở nên giống Chúa Giê-xu hơn, Đấng vừa là Sư Tử vừa là Chiên Con.

15

ĐƯA Ê-VA RA KHỎI KHUÔN KHỔ NỘI TRỢ

"Thật hết sức ngớ ngẩn khi lấy đi những công việc truyền thống của phụ nữ rồi lại than phiền vì cô ấy tìm kiếm những công việc mới. Mỗi người phụ nữ là một con người – điều này không bao giờ có thể nhắc lại quá nhiều – và một con người phải có việc làm, nếu người ấy, dù nam hay nữ, không muốn trở thành gánh nặng cho thế giới." Dorothy Sayers[696]

Gần đây, khi một người dạy Kinh Thánh hàng đầu được hỏi ông sẽ nói hai chữ nào với nữ giảng đạo Báp-tít Miền Nam được yêu mến nhất, ông trả lời: "Về nhà." Đây không chỉ là việc cá nhân ông hạ thấp Beth Moore, mà còn là lời khuyên trung thành với thần học theo quan điểm bổ sung của ông.

Năm 1998, Hội đồng Báp-tít Miền Nam, sau nhiều năm thảo luận, đã chính thức thông qua việc giam hãm phụ nữ trong vai trò nội trợ như số phận do Đức Chúa Trời định cho họ: "Người vợ … có trách nhiệm do Đức Chúa Trời giao là tôn trọng chồng mình và phục vụ như người giúp đỡ chồng trong việc quản lý gia đình và nuôi dưỡng thế hệ kế tiếp."[697] Theo những người theo quan điểm bổ sung, A-đam có thể bay cao như một người lãnh đạo trong xã hội, Hội Thánh *và* gia đình. Còn Ê-va thì chỉ được định để sải cánh trọn vẹn bên trong gia đình – nhưng ngay cả ở đó, bà cũng chỉ phụ giúp A-đam, "đầu của gia đình", bằng việc giữ nhà và chăm sóc con cái của ông. Như chúng ta đã thấy, kiểu tư tưởng trọng nam khinh nữ này chẳng có gì mới. Vào thế kỷ 5, một giáo phụ đã giải thích quan niệm này cho những người làm chồng khác:

696. Dorothy Sayers, Are Women Human? tr. 32.
697. Barry Hankins, Uneasy in Babylon, tr. 214-215. Trích dẫn trong Barr, chương 1.

Người vợ chỉ có một bổn phận: gìn giữ những gì chúng ta đã thu góp, bảo vệ thu nhập của chúng ta, chăm lo gia đình của chúng ta. … Cuộc sống của chúng ta gồm hai lĩnh vực hoạt động, công cộng và riêng tư. Khi Đức Chúa Trời phân chia hai lĩnh vực này, Ngài giao việc quản lý gia đình cho người phụ nữ … Người ấy không thể phát biểu ý kiến trong hội đồng công cộng, nhưng có thể phát biểu ý kiến trong gia đình.[698]

Loại giáo lý này thu hẹp sự đóng góp trọn vẹn của người phụ nữ trong xã hội, trong Hội Thánh, và – ở mức độ ít hơn – trong gia đình. Dĩ nhiên các người mẹ (và người cha) nên yêu thương con cái mình hết lòng, nuôi dưỡng chúng trong một mái ấm an toàn, nhưng còn những phụ nữ độc thân thì sao? Hay những phụ nữ không có con? Ngay cả trong nhiều thập kỷ của đời một người mẹ, những năm tháng nuôi dạy con cái căng thẳng (nếu bà chọn dành trọn thời gian cho việc này) cũng không kéo dài mãi mãi. Khi tôn vinh vai trò nội trợ, thuyết bổ sung làm giảm tầm quan trọng của mọi vai trò khác trong mọi giai đoạn khác của cuộc đời mà một người phụ nữ có thể có.

Sarah Bessey kể rằng bà lớn lên trong một Hội Thánh nơi bà được dạy một nền thần học rộng mở về cách bà có thể phục vụ Chúa Giê-xu, và vì thế bà khao khát "một cuộc đời kiến tạo hòa bình mang tính cứu chuộc và theo đuổi công lý." Tuy nhiên, khi chuyển đến miền Nam nước Mỹ, nơi chức vụ phụ nữ chủ yếu tập trung vào việc làm mẹ ở nhà, bà trải nghiệm "một cách hiểu về việc theo Chúa Giê-xu mỗi ngày một nhỏ hẹp lại."[699] Thật vậy, giáo lý giam hãm phụ nữ trong vai trò nội trợ này, cùng với sự thất bại trong việc nhìn thấy mọi điều Đức Chúa Trời nhìn thấy nơi một người phụ nữ, là giáo lý khiến nhiều phụ nữ theo thời gian sống những cuộc đời nhỏ hẹp hơn, bị bó buộc, không được phát huy hết, thay vì những cuộc đời lớn lao hơn, rộng mở.

Ca ngợi những người mẹ

Xin đừng hiểu tôi nói điều mà tôi *không* nói. Khi cho rằng phụ nữ đã bị hạ thấp bởi một giáo lý nói rằng đóng góp chính của họ nằm ở việc làm mẹ, tôi

698. St John Chrysostom, On Marriage and Family Life
699. Sarah Bessey, Jesus Feminist, chương 3.

chắc chắn cũng không muốn hạ thấp vai trò của những người mẹ. Họ là nền tảng của gia đình và của những xã hội lành mạnh. Chúng ta nên tôn trọng vai trò này và đánh giá nó ở mức cao nhất. Tôi luôn cảm thấy khiêm nhường và biết ơn vì cách Julie dốc đổ cuộc đời mình cho năm đứa con của chúng tôi. Giữa mọi vai trò trong cuộc đời cô ấy, đây là vai trò cô ấy quý trọng nhất, và các con chúng tôi cũng như thế giới được phong phú hơn nhờ đó.

Dù vậy, Tuyên bố Danvers, khi kêu gọi các người mẹ chủ yếu tập trung vào gia đình và con cái, là một sản phẩm văn hóa hơn là một sản phẩm của Kinh Thánh. Quá thường xuyên và quá dễ dàng, Hội Thánh đã nhầm lẫn điều truyền thống – một người cha kiếm tiền nuôi gia đình và một người mẹ lo việc nhà – với điều theo Kinh Thánh. Gia đình truyền thống là một phát minh văn hóa gần đây. Chỉ từ cuộc Cách mạng Công nghiệp, những người cha mới ồ ạt rời nhà để đi làm. Điều này đặc biệt phổ biến trong thời kỳ bùng nổ sau Thế chiến thứ hai, khi một người cha có thể kiếm đủ thu nhập ở dây chuyền lắp ráp để chi trả mọi chi phí của gia đình mình. Ngoại trừ những vùng giàu có nhất, kiểu gia đình như vậy đã biến mất khỏi bức tranh kinh tế toàn cầu. Thật vậy, ở chính đất nước tôi, nơi 60% trẻ em được nuôi dạy bởi những bà mẹ đơn thân, và nơi một tỷ lệ còn cao hơn được nuôi dạy bởi những người mẹ phải tìm việc làm bên ngoài gia đình, việc quá nhấn mạnh và trông đợi rằng lý tưởng nhất là những người mẹ tin kính nên dành trọn mình cho vai trò nội trợ là lỗi thời, và thậm chí tàn nhẫn. Những bà mẹ đang vật lộn thật sự không cần thêm mặc cảm tội lỗi nào nữa. Hơn nữa, ngay cả người mẹ trong Châm Ngôn 31 cũng "tưởng đến một đồng ruộng, bèn mua nó" và với số tiền ấy "phát vật thực cho người nhà mình."[700]

BỊ TRUYỀN LỆNH PHẢI Ở NHÀ?

Köstenberger đưa ra cái gọi là "nền tảng Kinh Thánh" cho việc giam hãm phụ nữ trong vai trò nội trợ theo quan điểm bổ sung:

Trong thư Phao-lô gửi Tít, phụ nữ được kêu gọi làm "người làm việc ở nhà" và "yêu chồng con mình". Niềm vui và công việc trong đời sống của phụ nữ sẽ được sống trọn vẹn nhất khi người ấy lấy gia đình và tổ ấm của mình làm

700. Châm Ngôn 31:15-16

trung tâm trước hết. Đồng thời, thuyết bổ sung không loại trừ việc phụ nữ đôi khi làm việc bên ngoài gia đình. [Dù vậy] không cần phải lùi bước khỏi thiết kế của Đức Chúa Trời dành cho phụ nữ là lấy gia đình và tổ ấm làm trung tâm, trừ khi có những yếu tố đặc biệt như chồng bị bệnh, v.v.[701]

Nói cách khác, phụ nữ có thể làm việc bên ngoài gia đình, nhưng nếu có thể được thì không nên. Tít 1 có thật sự dạy điều đó không? Köstenberger không xét đến bối cảnh Hy Lạp – La Mã của Hội Thánh mà thư này được gửi đến. Tách bản văn ra khỏi ngữ cảnh (context), ông chỉ đưa cho chúng ta một cái cớ (pretext).

Plato nói rằng người đàn ông nên "cai quản quốc gia" (đó là lĩnh vực công cộng) còn người đàn bà nên "sắp đặt nhà mình, giữ gìn những gì ở trong nhà, và vâng lời chồng."[702] Philo còn hạn chế hơn nữa:

Người đàn bà không nên là kẻ thày lay, xen vào những việc bên ngoài các công việc trong gia đình mình, nhưng nên tìm một cuộc sống ẩn dật. Bà không nên phô mình ra như một kẻ lang thang ngoài đường trước mắt những người đàn ông khác, trừ khi phải đi đến đền thờ, và ngay cả khi đó, bà cũng nên chịu khó đi, không phải lúc chợ đông người, nhưng khi phần đông người ta đã về nhà.[703]

Chính trong một thế giới như thế mà Phao-lô thúc giục những phụ nữ trong Hội Thánh "làm việc ở nhà."[704] Nhân tiện, đây là chỉ dẫn duy nhất thuộc loại này trong Kinh Thánh. Phao-lô quan tâm đến việc giữ gìn sự đáng tin cậy của Hội Thánh đối với người dân Cơ-rết, nơi những phụ nữ "đứng đắn" được trông đợi phải ở nhà. Nếu không làm vậy, như Phao-lô liền giải thích, thì sẽ khiến "lời Đức Chúa Trời bị chê bai"[705] trong mắt những người đứng ngoài quan sát, là những người đang cố đưa ra quyết định về nhóm Cơ Đốc non trẻ này. Ở một chỗ khác, Phao-lô nói rằng việc ở nhà sẽ ngăn ngừa ấn tượng rằng các phụ nữ Cơ Đốc "ăn không ngồi rồi, chạy hết nhà này sang nhà khác" và là "những kẻ thày lay, hay nói những điều không đáng nói."[706]

701. www.bit.ly/3SHnecQ
702. Plato, Meno, mục 71e–f
703. Philo. Nguồn: www.bit.ly/3kqueuP
704. Tít 2:5. Bản dịch NIV "busy at home" (chăm lo việc nhà) bỏ lỡ ý rằng phụ nữ có thể làm nhiều hơn là chỉ việc nhà và nuôi dạy con cái. Gia đình Hy Lạp – La Mã là nơi phần lớn công việc tạo ra của cải có thể được thực hiện.
705. Tít 2:5

Chỉ dẫn "chăm lo việc nhà" (busy at home) này không phải là một lý tưởng hay một sắc lệnh phổ quát. Đó là sự khôn ngoan dành riêng cho một hoàn cảnh, vì lợi ích của Tin Lành.[707]

Câu Kinh Thánh làm bằng chứng còn lại mà những người theo quan điểm bổ sung đưa ra để đặt phụ nữ (chứ không phải đàn ông) vào trung tâm của gia đình và việc nuôi dạy con cái là 1 Ti-mô-thê 5. Một lần nữa, hoàn cảnh cụ thể bị bỏ qua. Dĩ nhiên những bà góa không một xu dính túi được nhắc đến trong chương ấy, những người phải sống nhờ lòng bác ái của Hội Thánh, nên dùng thời gian và sức lực của mình để chăm sóc con cháu.[708] Và những bà góa trẻ tái hôn, nhờ đó được *paterfamilias* của mình chu cấp, đến lượt mình nên quản lý gia hộ, kể cả nô lệ và con cái.[709] Ngoài ra, những người theo quan điểm bổ sung bỏ qua khả năng một số phụ nữ có thể kiếm được thu nhập: Phao-lô bảo "ai" (kể cả phụ nữ) có thể làm việc thì hãy làm việc, để họ có thể "chu cấp cho bà con mình."[710]

Tóm lại, Tít 1 và 1 Ti-mô-thê 5 chắc chắn không phải là nền tảng Kinh Thánh đầy đủ cho một giáo lý áp dụng chung cho mọi người được khẳng định mạnh mẽ đến thế. Không phải mọi phụ nữ ở khắp nơi đều được truyền lệnh phải lấy gia đình làm định hướng chính.

NHỮNG PHỤ NỮ ĐI LÀM

Không chỉ phần lớn các bà mẹ trên thế giới *phải* làm việc, mà nhiều người còn *muốn* làm việc. Trong các nền văn hóa tiền công nghiệp, như ở phần lớn vùng nông thôn châu Phi ngày nay, phụ nữ bị giới hạn trong những công việc họ có thể làm vì họ phải sinh nhiều con để có thêm người lao động. Trong phần lớn cuộc đời, những phụ nữ này thường mang thai hoặc cho con

706. 1 Ti-mô-thê 5:13

707. Đúng là có một số rất nhỏ phụ nữ thuộc tầng lớp thượng lưu tham gia vào các vai trò công cộng với tư cách là người bảo trợ, chủ doanh nghiệp và quan chức. Nhưng kiểu hành xử này chỉ được chấp nhận nơi những phụ nữ thuộc giới tinh hoa – tuyệt đại đa số phụ nữ sẽ bị chỉ trích nếu hành động như đàn ông bên ngoài gia đình. Chẳng hạn, những phụ nữ giàu có này hiếm đến nỗi trong các Hội Thánh ban đầu, khi có một người tin Chúa, Lu-ca thấy điều đó đáng được nhắc đến (Công Vụ Các Sứ Đồ 13:50, 17:12, 34).

708. 1 Ti-mô-thê 5:3-4

709. 1 Ti-mô-thê 5:14

710. 1 Ti-mô-thê 5:8

nhỏ bú, nghĩa là họ không thể làm việc nặng, cũng không thể đi xa nhà. Những công việc gần nhà mà họ có thể làm gồm may quần áo, cho ăn và chăm sóc trẻ nhỏ, người bệnh và người già. Đàn ông, vì khỏe mạnh hơn và được rảnh tay để rời khỏi nhà, có thể làm mọi loại công việc khác, kể cả đảm nhận các vai trò công cộng trong xã hội.[711]

Trong bài tiểu luận nổi tiếng năm 1971 của bà, *Are Women Human?* (Phụ nữ có phải là con người không?), Dorothy Sayers nói đến những loại công việc kiếm tiền mà phụ nữ thời tiền công nghiệp có thể làm, như kéo sợi, nhuộm, dệt vải, nấu nướng phục vụ tiệc, nấu bia, làm mứt, muối dưa và quản lý điền sản. Rồi cuộc Cách mạng Công nghiệp đến và …

Nói rằng chỗ của người phụ nữ là ở trong nhà thì cũng hay lắm – nhưng nền văn minh hiện đại đã lấy tất cả những hoạt động dễ chịu và sinh lợi ấy ra khỏi nhà, nơi phụ nữ từng trông nom chúng, rồi giao chúng cho ngành công nghiệp lớn, để được điều khiển và tổ chức bởi những người đàn ông đứng đầu các nhà máy lớn. Thật là hoàn toàn ngớ ngẩn khi lấy đi những công việc truyền thống của phụ nữ rồi lại phàn nàn vì người phụ nữ đi tìm những công việc mới. Mỗi người phụ nữ đều là một con người – điều đó không bao giờ có thể nhắc lại quá nhiều – và một con người thì phải có việc để làm. … Trước hết, công việc không phải là điều người ta làm để sống, mà là điều người ta sống để làm. … {M}ọi người làm ra sản phẩm và mọi người lao động đều được kêu gọi để phục vụ Đức Chúa Trời trong nghề nghiệp hay ngành nghề của mình – chứ không phải ở bên ngoài nó.[712]

Trong lời tuyên bố này, Sayers vạch trần cách giải thích sai lầm của quan điểm bổ sung, cho rằng việc "ở nhà" có nghĩa là một người phụ nữ tin kính ở Cơ-rết hay Ê-phê-sô thời cổ đại không kiếm sống: vào thế kỷ 1, "ở nhà" chính là *nơi* phụ nữ làm việc để có thu nhập – "kéo sợi, nhuộm, dệt vải, nấu nướng phục vụ tiệc, nấu bia, làm mứt, muối dưa và quản lý điền sản." Dù vậy, ngay cả trong thời Kinh Thánh, một số phụ nữ đã làm những công việc bên ngoài nhà: Đê-bô-ra là một quan xét và nhà chiến lược quân sự; Ê-xơ-tê là một hoàng hậu và người lập luật.

711. Carrie Miles, The Redemption of Love: Rescuing Marriage and Sexuality from the Economics of a Fallen World, tr. 43-46. Trích dẫn trong Witt, Icons of Christ, chương 7.
712. Dorothy Sayers, Are Women Human? tr. 32; và Dorothy Sayers, Why Work? (Nguồn: www.bit.ly/31wL85K)

Trong Tân Ước, chúng ta gặp nữ doanh nhân Ly-đi đến từ Thi-a-ti-rơ, một thành ở Thổ Nhĩ Kỳ nổi tiếng về việc sản xuất và buôn bán thuốc nhuộm màu tía. Tại đó, bà mua thuốc nhuộm rồi chở về ngôi nhà khác của mình ở Hy Lạp, nơi có lẽ đồng thời cũng là chỗ kinh doanh của bà. Trong một giấc mơ, Phao-lô nghe "người đàn ông Ma-xê-đoan" kêu gọi ông. Thật ngạc nhiên biết bao khi thấy rằng "người đàn ông" này thật ra là Ly-đi, một phụ nữ, mà lại là một phụ nữ độc thân nữa. Và không phải bất kỳ phụ nữ nào, bà là người đầu tiên ở châu Âu được Phao-lô dẫn đến với đức tin. Sau khi mở lòng mình ra đón nhận Tin Lành, bà mở cửa nhà và nơi kinh doanh của mình, giờ đây được dùng vào việc thứ ba: làm nơi nhóm họp của Hội Thánh mới trong thành.[713] Mỗi người phụ nữ, đặc biệt là những người độc thân, đều có thể được truyền cảm hứng từ thái độ năng nổ, sự thành công trong nghề nghiệp và sự kết quả trong chức vụ của Ly-đi (và cũng nhất quyết không để mình bị kìm hãm bởi bất kỳ niềm tin nào của thuyết bổ sung cho rằng hôn nhân mới là mục đích thật sự cao quý của phụ nữ).

Rồi trong sách Công Vụ, chúng ta gặp Ta-bi-tha, hay Đô-ca, người chuyên gây quỹ để có thể may quần áo cho các góa phụ trong thành Giốp-bê. Khi Phi-e-rơ khiến bà sống lại từ cõi chết, những người đầu tiên đến mừng phép lạ ấy chính là các góa phụ mà bà đã may áo cho mặc.[714] Gương của bà, chỉ đứng sau người Sa-ma-ri nhân lành, đã truyền cảm hứng cho các Hội Thánh phục vụ nhu cầu của những người yếu thế nhất, cũng như cho việc thành lập các hội từ thiện, công tác cứu trợ và các tổ chức phi lợi nhuận.

Tất cả những phụ nữ trong Kinh Thánh này đã tạo nên sự khác biệt bằng đời sống của họ ở bên ngoài gia đình. Thế nhưng, theo thống kê, các tín hữu Tin Lành Phúc Âm ở Mỹ lại là nhóm "do dự nhất" đối với việc phụ nữ làm việc bên ngoài gia đình[715] và cũng là nhóm ít thoải mái nhất với một nữ giám đốc điều hành hay một nữ tổng thống. Sự e ngại lan rộng này chắc chắn là do quan niệm phổ biến trong vòng nhiều người theo quan điểm bổ sung, những người tin rằng lý do của thẩm quyền người nam là việc A-đam được dựng

713. Công Vụ Các Sứ Đồ 16:11-16, 40

714. Công Vụ Các Sứ Đồ 9:32-43

715. Một nghiên cứu của Barna năm 2017 cho thấy các tín hữu Tin Lành Phúc Âm là nhóm "do dự nhất" trong việc ủng hộ phụ nữ làm việc bên ngoài gia đình: chỉ 52% "cảm thấy thoải mái với khả năng trong tương lai sẽ có nhiều phụ nữ hơn đàn ông trong lực lượng lao động" (thấp hơn 20% so với dân số Mỹ nói chung). Nguồn: www.bit.ly/3CNBtoX

nên trước, trước Ê-va. Nếu thứ bậc nam nữ thật sự là một nguyên tắc của sự sáng tạo, thì nó không thể chỉ được áp dụng trong Hội Thánh mà không áp dụng cả trong xã hội – vì thế mà giới Tin Lành Phúc Âm rộng rãi do dự khi được một phụ nữ lãnh đạo trong bất kỳ lĩnh vực nào của đời sống.

Tuy nhiên, thật tuyệt vời là Phao-lô dường như đã không nhận được bản ghi nhớ này! Dù được cho là người đã phát biểu ra "trật tự sáng tạo" này, ông dường như không hề hay biết đến nó khi bảo các nô lệ, một nửa trong số họ là nam, phải thuận phục chủ mình,[716] trong khi nhiều người chủ ấy là phụ nữ – những *materfamilias* (nữ chủ gia đình). Các góa phụ thì có toàn quyền, còn các người vợ thì có thẩm quyền được ủy thác trên nô lệ của mình. Tương tự, Phao-lô dường như chẳng biết gì về mối lo ngại của Piper rằng "khi ảnh hưởng của một người phụ nữ trên một người đàn ông mang tính cá nhân và chỉ đạo, thì nó sẽ … đi ngược lại trật tự sáng tạo của Đức Chúa Trời." Việc Phao-lô trông đợi một *materfamilias* thực thi thẩm quyền trên các nô lệ nam, giống như thẩm quyền của các ông chủ, là bằng chứng rằng ông sẽ chẳng thấy có vấn đề gì khi đàn ông thuận phục các bà chủ của mình, như Ba-rác đã từng làm đối với Đê-bô-ra.

Bên cạnh những rào cản tinh vi nhưng không thể chối cãi này, phụ nữ đi làm còn phải đối mặt với sự sỉ nhục và bất công của khoảng cách lương theo giới tính. Dù cuộc Cách mạng Công nghiệp đã đưa nhiều phụ nữ vào thị trường lao động, nơi họ có thể kiếm thu nhập bên ngoài gia đình, nó cũng củng cố thêm việc hạ thấp giá trị của chính những phụ nữ ấy bằng cách trả lương cho họ thấp hơn so với những đồng nghiệp nam. Năm 1833, James Mitchell, một ủy viên thanh tra nhà máy người Anh, đã đưa ra lời biện minh: "Đồng lương thấp không cám dỗ người phụ nữ bỏ bê việc chăm sóc con cái mình. Vì thế, tạo hóa đã liệu sao cho những dự định của người phụ nữ không bị thất bại."[717]

Một cách mà thuyết bổ sung duy trì sự bất công này trong nhiều Hội Thánh là trong việc tuyển dụng nhân sự chủ chốt cho chức vụ. Đàn ông thường được trả công cao hơn vì tính chất "cai quản" trong công việc của họ, trong khi phụ nữ, dù có thể gánh những trách nhiệm lãnh đạo nặng nề không kém,

716. Ê-phê-sô 6:9, Cô-lô-se 4:1
717. Beth Allison Barr, The Making of Biblical Womanhood, tr. 164

lại thường được trả ít hơn, vì theo niềm tin thần học, công việc của họ bị xem là mang tính hỗ trợ nhiều hơn là có thẩm quyền.

Chúa Giê-xu và Phao-lô không bao giờ ca ngợi vai trò nội trợ

Thật thú vị là Chúa Giê-xu và Phao-lô lại là hai nhân vật trong Kinh Thánh thách thức mạnh mẽ nhất sự chú trọng hiện nay của thuyết bổ sung vào việc giữ phụ nữ trong khuôn khổ nội trợ. *Chẳng hạn, hãy để ý cách Chúa Giê-xu lật ngược căn tính làm mẹ của người phụ nữ.* Trong nền văn hóa ấy, mục đích hàng đầu của một người phụ nữ là sinh con, tốt nhất là con trai. Dạ son sẻ bị xem là dấu hiệu Đức Chúa Trời không đẹp lòng. Nhưng Chúa Giê-xu không đồng tình. Kinh Thánh cho biết có một lần, khi Chúa Giê-xu đang dạy dỗ, "có một người đàn bà ở giữa đám đông cất tiếng nói: 'Phước cho người mẹ đã sinh ra Ngài và cho Ngài bú!'" Thay vì thay mặt Ma-ri đón nhận lời khen ấy, Ngài đáp: "Những người nghe và vâng giữ lời Đức Chúa Trời còn có phước hơn!"[718] Tại sao Chúa Giê-xu có vẻ thiếu lịch sự như vậy? *Vì Ngài muốn chuyển trọng tâm giá trị hàng đầu của người phụ nữ ra khỏi vai trò nội trợ và nuôi dạy con cái, sang mối quan hệ của người ấy với Đức Chúa Trời.* Theo Chúa Giê-xu, cả mối quan hệ với người bạn đời lẫn mối quan hệ với con cái đều không phải là điều cốt lõi nhất trong nhân cách của một người. Làm môn đồ của Chúa Giê-xu mới là điều cốt lõi. Không phải việc sinh sản, mà là sự tạo dựng mới bởi lời Đức Chúa Trời mới là điều quan trọng nhất. Không phải việc có một đứa con trai hay con gái, mà là được làm con trai hay con gái của Đức Chúa Trời – đó mới là phần thưởng thật của đời sống.

Là một người của gia đình, tôi trân trọng mọi nguồn cảm hứng có thể nhận được về cách tuôn đổ đời sống mình cho gia đình – nhưng chúng ta phải thừa nhận rằng Chúa Giê-xu thường xuyên thách thức thần tượng của việc dồn quá nhiều đời sống chúng ta vào gia đình huyết thống. Dù chính Ngài là người con yêu dấu, Ngài cũng phán: "Ai yêu cha mẹ hơn Ta thì không đáng cho Ta; ai yêu con trai hay con gái hơn Ta thì cũng không đáng cho Ta."[719]

Cũng theo hướng đó, Phao-lô nói rằng việc lập gia đình có thể cản trở một ưu tiên còn cao hơn là phục vụ Đức Chúa Trời:

718. Lu-ca 11:27-28
719. Ma-thi-ơ 10:37-38

Người phụ nữ không chồng hoặc người trinh nữ thì lo việc Chúa: mục đích của nàng là dâng trọn thân thể lẫn tâm thần cho Chúa. Còn người phụ nữ có chồng thì lo việc đời này – làm sao cho đẹp lòng chồng. Tôi nói điều này vì ích lợi cho chính anh em, chẳng phải để ràng buộc anh em, nhưng để anh em sống cách đúng đắn, hết lòng tận hiến cho Chúa mà không bị phân tâm.[720]

Lời tuyên bố của Phao-lô không mang tính tuyệt đối, vì ông có nhắc đến điều mà ông gọi là "cơn hoạn nạn hiện tại",[721] nhưng xét đến tâm tình của ông, tôi thấy cực kỳ khó có khả năng ông sẽ ký tên tán thành Tuyên bố Danvers, cũng như Chúa Giê-xu sẽ không làm vậy – một văn kiện cần được nhìn nhận đúng với bản chất của nó: một nỗ lực pha trộn tín ngưỡng nhằm gán ghép sự dạy dỗ của Kinh Thánh với thần tượng của mô hình gia đình truyền thống mới được phát minh gần đây.

Khi lục tìm khắp các tác phẩm đồ sộ của Phao-lô, tôi chỉ thấy một lời khen ngợi dành cho một người mẹ. Trong Rô-ma 16, ông chào mẹ của Ru-phu, "người cũng đã là mẹ của [ông] nữa." Tôi cũng ngợi khen Đức Chúa Trời vì những người mẹ trong Hội Thánh đã có những lúc che chở tôi dưới cánh của họ! Nhưng ngay cả ở đây, Phao-lô không khen bà như một người mẹ ruột, mà như một người phục vụ con dân Đức Chúa Trời theo cách của một người mẹ.

Những kịch bản Đức Thánh Linh chưa bao giờ viết

Dù sự phát triển mang tính tiến hóa của bất kỳ nền văn hóa nào cũng có thể đặt ra những thách thức mới cho Cơ Đốc giáo, tôi tin rằng những xu hướng gần đây trong xã hội phương Tây đương đại – có nhiều phụ nữ đi làm hơn, và nhiều người cha trực tiếp tham gia nuôi dạy con cái hơn – không nên bị bác bỏ như một điều xấu.

Cả gia đình Hy Lạp – La Mã cổ đại lẫn gia đình truyền thống của những năm 1950 đều không phải là những kịch bản mà Đức Thánh Linh đã viết cho mọi phụ nữ và mọi đàn ông. Đức Thánh Linh đơn giản là không dẫn dắt mọi người đàn ông trở thành người trụ cột kiếm sống và người ra quyết định, cũng như Ngài không dẫn dắt mọi người phụ nữ trở thành người nội trợ và người nuôi dạy con cái. Đàn ông và phụ nữ có thể đảm nhận một vài hoặc tất

720. 1 Cô-rinh-tô 7:34-35
721. 1 Cô-rinh-tô 7:26

cả những vai trò này, nhưng chúng ta đừng, như những người theo quan điểm bổ sung vẫn làm, gắn chặt mô hình gia đình truyền thống với sự kêu gọi thuộc linh. Điều này chỉ góp phần bóp nghẹt sự đóng góp trọn vẹn của phụ nữ, cũng như làm suy yếu thiện chí và khả năng của người đàn ông trong việc dành chỗ cho sự đóng góp và tiếng nói của phụ nữ trong Hội Thánh và xã hội.

Dù nhiều phụ nữ có thể phát triển tốt trong những vai trò truyền thống và tìm thấy sự kêu gọi của mình trong đó, việc cho rằng mọi phụ nữ sẽ hoặc phải như thế không chỉ sai lầm mà còn trái với Kinh Thánh. Đối với một số phụ nữ, những vai trò truyền thống này trở thành "ách nô lệ" nếu họ cho rằng Đức Chúa Trời đã viết ra kịch bản dạy rằng "sự kêu gọi cao quý nhất của người phụ nữ [là] làm cho đời sống của chồng và con cái mình thêm tốt đẹp, … rằng phụ nữ phải thực hành sự quên mình và sự vâng lời; [và] dập tắt những ước muốn và ước mơ riêng vì gia đình mình."[722]

Một trong những khía cạnh thú vị của việc nhìn vợ tôi như người cộng sự, chứ không chỉ như người hỗ trợ tôi trong việc làm cha mẹ và trong chức vụ, cũng như trong công việc và việc kiếm tiền, là điều đó cho phép rất nhiều sự đa dạng trên hành trình chung của chúng tôi. Trong phần lớn những năm làm cha mẹ cho đến nay, tôi là người kiếm phần lớn thu nhập mỗi tháng. Giờ đây, chúng tôi ở vào một giai đoạn mà vợ tôi kiếm được nhiều hơn, và trong khi điều này giúp tôi có thể viết sách và học thêm một bằng cấp khác, tôi cũng có đặc ân đảm nhận nhiều hơn những công việc nhà và việc chăm sóc con cái. Đó thật sự là một đặc ân (dù các con tôi có thể không hoàn toàn đồng ý – các bữa ăn mẹ chúng nấu luôn được ưa chuộng hơn các bữa ăn tôi nấu). Dù vậy, tôi chắc chắn sẽ chọn sự cộng tác năng động này hơn là bị giới hạn trong những vai trò cố định thập niên này qua thập niên khác.

Đồng thời, không có gì sai khi các cặp vợ chồng chọn cách tiếp cận truyền thống hơn. Nhiều người tìm thấy một niềm hạnh phúc nhất định chỉ đơn giản bằng việc chọn một kịch bản bảo thủ hơn. Nhưng chúng ta không được lý tưởng hóa sự sắp xếp ấy như thể đó là ý muốn phổ quát của Đức Chúa Trời cho mọi cặp vợ chồng. Một nền thần học dựa trên toàn bộ Kinh Thánh không cho phép kết luận đó. Dù có những khái quát nào đi nữa, vẫn có đủ

722. Beth Allison Barr, The Making of Biblical Womanhood, chương 7.

ngoại lệ để bác bỏ ý tưởng rằng mọi người mẹ đều hợp với việc nấu cơm hơn, còn mọi người cha đều hợp với việc kiếm cơm hơn. Tuy nhiên, điều Kinh Thánh *thật sự* dạy là tầm quan trọng của việc một cặp vợ chồng cùng nhau hợp tác hướng đến phúc lợi của cả hai và hướng đến việc phục vụ người khác ở mức tối đa.

Khi nghĩ về các cặp vợ chồng tôi quen biết, tôi thấy có những người vợ khao khát ở nhà, trong khi những người khác thì kinh hãi khi nghĩ đến điều đó. Có người mong có thêm thời gian với con cái, người khác lại cầu nguyện để có thêm thời gian ở bên ngoài gia đình. Có người vui vẻ từ bỏ những khát vọng nghề nghiệp; người khác lại quyết tâm tiếp tục tiến bộ trong ngành nghề của mình. Không có mô hình lý tưởng nào cả. Dù vậy, bất kể chọn mô hình nào, Phao-lô dường như ngụ ý rằng, trừ khi là cha mẹ đơn thân, *cả* vợ lẫn chồng đều nên tham gia vào đời sống gia đình và vào việc nuôi dạy con cái[723] – việc phát triển thế hệ kế tiếp là một nhiệm vụ quan trọng đến nỗi nó xứng đáng để chúng ta góp chung sức lực và sự hy sinh.

723. 1 Ti-mô-thê 5:14 nói đến những người vợ nuôi dạy con cái và quản lý nhà cửa, còn 1 Ti-mô-thê 3:4, 12 nói đến những người chồng quản lý gia đình và nuôi dạy con cái mình.

16

Những hệ quả thực tiễn cho các Hội Thánh

"Câu hỏi thần học, dù quan trọng, thật ra không phải là chỉ báo hàng đầu cho thấy phụ nữ có đang sử dụng trọn vẹn ân tứ lãnh đạo và những ân tứ khác của mình trong chức vụ hay không. Điều quyết định là nền văn hóa mà chúng ta đang tạo ra. Chúng ta có phải là một nền văn hóa coi trọng ân tứ hơn giới tính không? Chúng ta có sẵn lòng mời mọi người vào các cơ hội không, hay chúng ta chưa từng nghĩ đến điều đó?" Kadi Cole[724]

Một trong những điều đã đánh thức tôi nhận ra sai lầm giáo lý về thứ bậc giới tính trong chính Hội Thánh của tôi là sự bất hòa nhận thức ngày càng lớn trong tôi. Dù có biết bao ân tứ thuộc linh đáng kể, và đôi khi vượt trội, thể hiện rõ nơi rất nhiều phụ nữ tôi quen biết – chỉ có đàn ông được phong chức vào hàng lãnh đạo cao nhất, và vì thế được phép đóng góp với thẩm quyền thuộc linh thật sự.

Khi tôi tìm hiểu sâu hơn cơ sở được cho là theo Kinh Thánh của lệnh cấm chung chung này, tôi bắt đầu thấy những vết nứt trong các lập luận được dùng để bênh vực việc loại trừ phụ nữ. Khi cẩn thận sàng lọc từng phân đoạn Kinh Thánh, tôi cũng khám phá ra nhiều phân đoạn và lập luận khác dường như đã bị giới theo quan điểm bổ sung của tôi tiện tay bỏ qua. Thay vì đọc mối quan hệ thẩm quyền – thuận phục giữa nam và nữ như cách giải nghĩa xuyên suốt của Kinh Thánh, tôi đã khám phá ra một điều tốt hơn nhiều: một cách giải kinh hài hòa và giải phóng về sự tương hỗ nam nữ trong chức vụ Hội Thánh, trong hôn nhân, trong gia đình, và cả trong xã hội nữa.

724. www.bit.ly/2ZRzaCO

Theo kinh nghiệm của tôi, nhiều Hội Thánh đã bắt đầu thấy cùng những vết nứt ấy trong nền thần học loại trừ phụ nữ của họ, nhưng dù vậy vẫn cảm thấy tê liệt, không dám thay đổi lập trường vì những hệ quả thực tiễn. Rất thường khi, chủ nghĩa thực dụng đã tỏ ra là một sức mạnh lớn hơn sự giải kinh thuần túy.

Vì vậy, trong chương này, chúng ta hãy đi vào thực tế hết mức có thể bằng cách giải quyết những mối bận tâm thực tiễn – ít mang tính thần học hơn nhưng rất có thật – liên quan đến việc sống theo một nền thần học về sự lãnh đạo Hội Thánh bao gồm cả hai giới.

HÃY BUÔNG BỎ NHỮNG GIẢ ĐỊNH CỦA BẠN

Theo kinh nghiệm của tôi, hầu hết các Hội Thánh, bất kể lập trường của họ về việc phụ nữ lãnh đạo, đều có thể gặp khó khăn trong việc tiếp cận đàn ông và gây dựng họ vào vai trò lãnh đạo. Vì vậy, dễ hiểu khi một số người sợ rằng nếu (thêm) phụ nữ được giao việc lãnh đạo và giảng đạo, Hội Thánh sẽ càng mất đi khả năng thu hút và giữ chân đàn ông.

Thế nhưng, cũng như các Hội Thánh có ban lãnh đạo đang già đi cần tìm cách thêm những người lãnh đạo trẻ hơn mà không chỉ đơn giản loại bỏ tất cả những người lớn tuổi, thì các ban lãnh đạo toàn nam giới cũng nên tìm cách thêm những phụ nữ có ân tứ mà không loại bỏ những người nam có ân tứ tương tự.

Ngoài ra, các nữ lãnh đạo không nhất thiết lúc nào cũng phải có tính cách "mềm mại và nhạy cảm" – dù nhiều phụ nữ hiền hòa (giống như Chúa Giê-xu), nhiều người khác lại mạnh mẽ và quyết đoán (cũng giống như Chúa Giê-xu). Chúng ta không nên cho rằng bất kỳ nữ lãnh đạo nào được thêm vào cũng sẽ chỉ đem lại một nét giàu cảm xúc và tinh thần hợp tác hơn cho cách truyền đạt và các quyết định của Hội Thánh (dù rất có thể họ sẽ làm vậy).

Đồng thời, chúng ta cần dạy cho đàn ông biết rằng khi ngày càng nhiều phụ nữ đứng lên lãnh đạo bên cạnh họ, điều đó hoàn toàn không phải là lời kêu gọi họ lùi xuống. Như Jen Pedersen, người cùng làm trưởng lão với tôi, nói:

"Khi đàn ông thụ động, phụ nữ chúng tôi rất dễ vươn lên – nhưng lý tưởng của Đức Chúa Trời là đàn ông mạnh mẽ và phụ nữ mạnh mẽ cùng đứng bên nhau."

Ngay cả khi một Hội Thánh đã thay đổi nền thần học của mình để đón nhận phụ nữ vào những cấp độ chức vụ cao hơn, có thể vẫn cần một thời gian để phụ nữ vươn lên đảm nhận những cơ hội mới này. Thay vì chỉ phó mặc cho phụ nữ tự làm điều đó, chúng ta có thể từng bước thay đổi văn hóa của Hội Thánh liên quan đến sự lãnh đạo của phụ nữ.

Về điều này, có lẽ chúng ta cần thừa nhận và từ bỏ những tiêu chuẩn kép mang tính phân biệt giới tính. Điều này đúng không chỉ trong Hội Thánh mà trong mọi lĩnh vực của xã hội. Tôi nghĩ đến nỗ lực của Taylor Swift nhằm thách thức chính điều đó trong lĩnh vực của cô: "Trong ngành công nghiệp âm nhạc, có một bộ từ vựng khác cho đàn ông và cho phụ nữ. Một người đàn ông làm điều gì đó, thì đó là chiến lược. Một người phụ nữ làm cùng điều đó, thì đó là tính toán. Một người đàn ông được phép phản ứng. Một người phụ nữ thì chỉ có thể phản ứng thái quá."[725]

Kadi Cole, trong cuốn *Developing Female Leaders* (Phát triển các nữ lãnh đạo), nói rằng khi bà phỏng vấn những phụ nữ giữ vai trò lãnh đạo trong Hội Thánh, họ nhận thấy trong Hội Thánh của mình rằng "sự nhiệt huyết nơi một người đàn ông, đặc biệt là quanh những vấn đề lãnh đạo dễ khơi dậy cảm xúc, được xem là mạnh mẽ, hữu ích và tích cực. Nhưng cũng sự nhiệt huyết ấy nơi một người phụ nữ lại có thể bị xem là giận dữ, hung hăng, cố chấp và tiêu cực. Tương tự, những người đàn ông đưa ra chỉ dẫn và kỳ vọng rõ ràng được xem là những người lãnh đạo giỏi, trong khi những phụ nữ làm điều tương tự thường bị xem là hống hách."[726]

Có lẽ cách đầu tiên để cải thiện văn hóa Hội Thánh của chúng ta là tìm hiểu văn hóa hiện tại thật sự ra sao – bằng cách đặt cho những phụ nữ có ân tứ và được kêu gọi một số câu hỏi thăm dò, chẳng hạn: *Làm một nữ lãnh đạo trong Hội Thánh này thì cảm thấy thế nào? Nếu có, điều gì ngăn cản chị được giao việc một cách trọn vẹn hơn? Chúng ta có thể cải thiện tất cả những điều này bằng cách nào?* Những người đàn ông lãnh đạo có thể lầm tưởng rằng họ đã biết câu trả

725. www.cbsn.ws/3wNUpSk
726. Kadi Cole, Developing Female Leaders, chương 3.

lời cho những câu hỏi này, nhưng chính giả định mặc nhiên ấy là một phần của vấn đề. Nếu chúng ta muốn cộng tác tốt hơn và xây dựng những văn hóa Hội Thánh lành mạnh hơn, bước đầu tiên là đừng giả định điều gì cả, mà hãy đặt ra những câu hỏi khó hơn.[727]

Theo kinh nghiệm riêng, tôi thường thấy những phụ nữ có ân tứ về chiến lược lại im lặng một cách đáng ngạc nhiên trong các buổi họp lãnh đạo. George Surrat kể về một kinh nghiệm tương tự. Dù kinh nghiệm của ông có thể không giống với nền văn hóa của bạn, tôi chia sẻ nó vì nó chắc chắn có tiếng vang với kinh nghiệm của chính tôi. Khi ông hỏi tại sao thành viên mới trong ban lại im lặng như vậy, cô nói: "Thường rất khó chen được một lời khi những người đàn ông cứ liên tục ngắt lời và nói đè lên nhau. 'Vả lại,' cô nói, 'tôi không chắc ý kiến của tôi có thật sự cần thiết không.'" Đáp lại, Surrat chia sẻ hai nhận xét với nữ lãnh đạo quá lịch sự này: "Thứ nhất, trong những căn phòng toàn đàn ông, nếu chị chờ được hỏi, có lẽ chị sẽ chẳng bao giờ được hỏi. Dù tốt hay xấu, chị phải lên tiếng. Và thứ hai, nếu ý kiến của chị không cần thiết, chị đã không ngồi ở bàn này. Hội Thánh cần sự góp ý của chị."[728] Tất cả những điều này để nói rằng khi phụ nữ lần đầu được mời vào những ban lãnh đạo chủ yếu là nam giới, họ có thể cần một chút khích lệ riêng để bắt đầu thật sự lên tiếng.

HÃY HUẤN LUYỆN CÁC NAM LÃNH ĐẠO BIẾT LÃNH ĐẠO BÊN CẠNH PHỤ NỮ

Chúng ta hãy rút thêm sự khôn ngoan từ Surrat. Vợ và con gái ông đều là những người lãnh đạo xuất sắc, nhưng cũng quen thuộc với nỗi đau do những người đàn ông không chấp nhận sự hiện diện của họ trong những cuộc họp lãnh đạo sôi nổi gây ra; ông đưa ra bốn lời khuyên cho những người đàn ông mới bắt đầu làm việc với phụ nữ:[729]

Lắng nghe: Phụ nữ thường có cách giao tiếp nhiều sắc thái hơn so với nhiều người đàn ông. Họ có khuynh hướng đưa bối cảnh, cảm xúc và mối quan hệ

727. Đoạn phim nhại hài hước này cho thấy sai lầm của đàn ông khi họ nói thay cho phụ nữ thay vì để phụ nữ tự lên tiếng: www.bit.ly/3bKamzu
728. George Surrat, Why Women Don't Lead in your Church, www.bit.ly/2YgL4FR
729. www.bit.ly/2YgL4FR

vào cuộc thảo luận nhiều hơn. Gạt bỏ kết cấu phức tạp hơn này là một sai lầm.

Đừng ngắt lời: Đàn ông thường ngắt lời nhau, nhất là khi cuộc trò chuyện trở nên căng thẳng về cảm xúc. Dù điều này lúc nào cũng là bất lịch sự, nó khiến nhiều nữ lãnh đạo đặc biệt khó tham gia vào cuộc thảo luận.

Đặt câu hỏi để làm rõ: Đặt câu hỏi để hiểu thì lúc nào cũng hữu ích, nhưng điều đó đặc biệt hữu ích khi đàn ông và phụ nữ cùng nhau lãnh đạo. Chúng ta nhìn thế giới khác nhau và đi đến kết luận theo những cách khác nhau. Thay vì gạt bỏ một ý kiến mà bạn không hiểu, hãy hỏi về bối cảnh.

Tin cậy: Những phụ nữ mới ngồi vào bàn lãnh đạo trong Hội Thánh của bạn cần biết rằng bạn tin cậy họ trong việc lãnh đạo. Đừng đối xử với họ như những cộng sự cấp dưới hay như trẻ con cần được bảo vệ. Hãy tin cậy để phụ nữ lãnh đạo như những người trưởng thành thông minh, và củng cố sự tin cậy ấy bằng lời nói và hành động của bạn.

Surrat cảnh báo rằng có thể có những lúc đàn ông (và có thể cả phụ nữ) mắc lỗi trọng nam khinh nữ hay thù ghét phụ nữ. Điều này không nên được dung thứ, mà phải bị chất vấn. Nếu người đó không chịu ăn năn về điều này, thì họ không nên lãnh đạo. Surrat nói: "Điều đó nghe có vẻ cực đoan, nhưng bạn có giữ một người phân biệt chủng tộc trong ban lãnh đạo không? Bạn có dung thứ một người lãnh đạo đối xử với [những người thuộc chủng tộc khác] khác với mọi người khác, làm suy yếu sự lãnh đạo của họ không? Nếu phân biệt đối xử với một chủng tộc là không thể chấp nhận, thì phân biệt đối xử với một giới tính cũng không thể chấp nhận."

Vào những lúc khác, vấn đề có thể là các nam lãnh đạo khó buông bỏ những gì họ đã quen. Một sự phản bác thường gặp từ các ban lãnh đạo toàn nam giới mà tôi từng trò chuyện là khi có phụ nữ hiện diện, "không khí trong phòng thay đổi." Lời nhận xét này ngụ ý rằng cuộc trò chuyện, như Surrat viết, "chân thật và hiệu quả hơn khi chỉ có đàn ông hiện diện." Tuy nhiên, sự thật là khi một ban lãnh đạo gồm nhiều kiểu người khác nhau, các cuộc trò chuyện có thể phức tạp hơn một chút, nhưng chúng sẽ luôn phong phú hơn nhiều và dễ mở ra một góc nhìn rộng hơn, và vì thế cũng dẫn đến những quyết định tốt hơn.

HÃY DẪN DẮT HỘI THÁNH ĐÓN NHẬN CHỨC VỤ CỦA PHỤ NỮ

Tạo ra bất kỳ sự thay đổi nào trong một Hội Thánh luôn đòi hỏi một mức độ khéo léo trong lãnh đạo. Tôi đề nghị rằng cách quan trọng nhất để dẫn dắt một Hội Thánh đi qua sự thay đổi là dạy dỗ họ từ Kinh Thánh. Sẽ là một sai lầm nếu chỉ riêng ban lãnh đạo đi qua một hành trình Kinh Thánh và thần học khiến họ bắt đầu trao cho phụ nữ quyền lãnh đạo và giảng đạo, mà không đưa toàn thể Hội Thánh đi qua một hành trình tương tự. Tôi hy vọng nội dung của cuốn sách này sẽ cung cấp tư liệu cho những hành trình như thế qua các bài giảng và các nhóm nhỏ.

Tiếp nối việc dạy dỗ về giá trị mà Kinh Thánh, Chúa Giê-xu và Đức Thánh Linh cùng đặt nơi việc phụ nữ lãnh đạo và dạy dỗ, hãy bắt đầu cho Hội Thánh tiếp xúc – có lẽ chậm rãi và từng chút một – với những phụ nữ lãnh đạo và những phụ nữ giảng đạo. Chỉ dạy họ về những đóng góp lớn lao mà phụ nữ có thể mang lại, mà không cho họ thấy, thì chưa đủ. Đối với nhiều người, có thấy mới tin. Chỉ khi họ nghe một phụ nữ giảng hoặc thấy một phụ nữ lãnh đạo, họ mới bắt đầu chấp nhận điều đó như một chuẩn mực theo Kinh Thánh. Chẳng hạn, Đội Quân Cứu Thế (Salvation Army) vào những năm 1800 tự xem mình là những người tiên phong trong việc phụ nữ lãnh đạo. Năm 1929, Bramwell Booth, con trai của cặp vợ chồng sáng lập tổ chức này, đã nói đúng như vậy:

Hầu như không còn nghi ngờ gì rằng phụ nữ của Đội Quân đã góp một phần vào sự giải phóng phụ nữ nói chung mà chúng ta thấy đang diễn ra ở các quốc gia phương Tây. Những phụ nữ từng đi đầu những nhóm nhỏ chiến sĩ Cứu Thế bị khinh miệt trong những năm tháng đã qua đã làm cho tâm trí công chúng quen dần với cảnh tượng một người phụ nữ chỉ huy, một người phụ nữ tích cực và không chùn bước gánh vác phần mình trong bổn phận chung của xã hội, và nhờ ân điển của Đức Chúa Trời vượt qua những điều bị cho là thấp kém nơi mình. Vì vậy, chúng ta có thể thật sự nói rằng chúng ta đã mở ra một cánh cửa mà qua đó phụ nữ có thể mang Sứ điệp của Tình yêu và Sự sống đến với vô số người lẽ ra sẽ không bao giờ đón nhận sứ điệp ấy

[nếu không phải] từ môi miệng của một người phụ nữ. Cánh cửa ấy sẽ không bao giờ bị đóng lại nữa.[730]

Một trong những điều Đội Quân Cứu Thế đã làm là công khai bổ nhiệm phụ nữ vào cùng những chức vụ lãnh đạo như đàn ông. Làm điều tương tự trong Hội Thánh cũng có cái lý của nó. Một số Hội Thánh cá biệt theo quan điểm bổ sung sẵn sàng giao cho phụ nữ những chức năng tương đương với đàn ông – mời họ góp góc nhìn của mình trong các ban lãnh đạo mục vụ, hoặc để họ giảng đạo – nhưng dù vậy vẫn không công nhận chức vụ hay sự kêu gọi theo Kinh Thánh như đối với những người đàn ông có cùng chức năng ấy. Nhưng việc trao cho một người quyền lãnh đạo hay dạy dỗ trong Hội Thánh mà không công nhận chức vụ Đức Chúa Trời ban cho người ấy thì vô tình làm giảm giá trị sự đóng góp của họ. Suy cho cùng, một trong những cách Chúa Giê-xu dạy chúng ta để nhận được nhiều ân điển nhất từ những người phục vụ chúng ta là khẳng định cả ân điển *lẫn chức vụ* mà Đức Chúa Trời đã ban cho họ: "Ai tiếp rước một nhà tiên tri *vì là nhà tiên tri*, thì sẽ được phần thưởng của nhà tiên tri."[731] Ở Hội Thánh trước đây của tôi, dù theo quan điểm bổ sung, chúng tôi cho phép phụ nữ đảm nhận các vai trò mục vụ nhưng không chính thức công nhận chức vụ mục sư của họ. Dù điều này tốt hơn nhiều so với việc hoàn toàn đè nén phụ nữ, tôi đã đi đến chỗ tin rằng nó vẫn có tác dụng làm giảm đi ân điển trên đời sống của nhiều phụ nữ.

Hãy để tôi đưa ra một ví dụ riêng về chức vụ của vợ tôi trong Hội Thánh mà chúng tôi đã thành lập. Khi nhìn lại sự đóng góp của cô ấy trong việc giảng đạo và lãnh đạo suốt một thập niên, giờ đây tôi nhận ra rằng, nếu cô ấy nghĩ về mình như một mục sư được Đức Chúa Trời lập lên theo đúng nghĩa (chứ không chỉ là vợ của một mục sư), có lẽ cô ấy đã vươn lên đóng góp nhiều hơn trong Hội Thánh. Và nếu những người đi theo và lắng nghe cô ấy cũng nghĩ như vậy, có lẽ họ đã nhận được còn nhiều hơn từ những gì cô ấy cống hiến. Thực tế là cô ấy đã khai thác được một phần lớn *nhưng chưa trọn vẹn* của ân điển Đức Chúa Trời trên mình, và những người tiếp nhận chức vụ của cô ấy cũng vậy.[732]

730. Bramwell Booth, Echoes and Memories, tr. 172

731. Ma-thi-ơ 10:41

732. Tôi chia sẻ câu chuyện này với sự cho phép của cô ấy, và tôi phải nhấn mạnh rằng, theo tôi nghĩ, như một dấu hiệu của sự khiêm nhường, cô ấy đã không vươn tới nhiều hơn. Nhưng tôi phải thành thật nói rằng khi nhìn lại, cô ấy có nhiều hơn thế để cống hiến.

HÃY ĐẦU TƯ VÀO CÁC NỮ LÃNH ĐẠO VÀ NỮ GIẢNG ĐẠO, VÀ KÈM CẶP HỌ

Nếu chúng ta muốn thấy nhiều nữ lãnh đạo và nữ giảng đạo tầm cỡ hơn trong tương lai, chúng ta cần bắt đầu đào tạo họ ngay hôm nay. Sau nhiều thập niên tự mình gây dựng những nhà lãnh đạo và những người giảng đạo giỏi, tôi biết rằng họ được đào tạo mà nên, chứ không phải bẩm sinh đã vậy. Một khi những người lãnh đạo hiện có như tôi nhận ra những người có tiềm năng lãnh đạo, chúng tôi sẽ đưa họ vào một tiến trình phát triển, trong đó chúng tôi từng bước đào tạo và giao việc cho họ.

Thế nhưng khi nhìn lại những năm tháng tôi còn theo quan điểm bổ sung, đôi mắt tìm kiếm nhân tài của tôi đã bị che khuất: tôi tìm kiếm những người nam có ân tứ, và chắc chắn đã bỏ sót nhiều người nữ có ân tứ. *Kết quả sau cùng là nhiều năm sau, Hội Thánh chúng tôi đầy những nam lãnh đạo và nam giảng đạo đã qua thử thách, nhưng có rất ít phụ nữ tương xứng.* Điều này kéo dài một vòng luẩn quẩn của thiên kiến xác nhận trong một Hội Thánh theo quan điểm bổ sung. Chúng ta tự hỏi: "Nếu Đức Chúa Trời muốn chúng ta trao cho những phụ nữ có ân tứ những cấp độ đóng góp cao hơn, thì tại sao lại có quá ít người như vậy?" Thế nhưng Đức Thánh Linh có thể đã ban những ân tứ lãnh đạo và truyền đạt tương tự (hoặc vượt trội hơn) cho một người phụ nữ ở giữa chúng ta, nhưng chỉ có người anh em của cô được phát hiện, đào tạo, trao cơ hội, huấn luyện và giao việc. Chẳng bao lâu, anh ta dường như có ân tứ hơn cô rất nhiều. Trên thực tế, đây là kết quả của sự phân biệt đối xử của chúng ta, chứ không phải của Đức Chúa Trời, và của việc chúng ta không thấy nơi cô điều Đức Chúa Trời thấy.

Tôi có một người bạn làm trong chức vụ phụ nữ. Chị kể với tôi rằng trong nhiều năm, chị đã chứng kiến các phụ nữ thay phiên nhau lãnh đạo hoặc giảng cho những phụ nữ khác, nhưng – theo những gì chị thấy – không hề được các mục sư của Hội Thánh đào tạo. Chị nói với tôi: "Tất yếu là những phụ nữ này phục vụ với những ân tứ còn non nớt, và chẳng đi đến đâu, chính vì họ chưa được đào tạo. Các nam lãnh đạo đã được đào tạo cứ để mặc các nữ lãnh đạo chưa được đào tạo khập khiễng bước đi."

Tôi nghĩ đến một người bạn khác, một người truyền đạt xuất sắc trong giới kinh doanh. Thế nhưng, dù chị đã khao khát được giảng đạo suốt hàng chục năm, các mục sư chỉ mời đàn ông, kể cả chồng chị, tham dự "khóa đào tạo người giảng đạo." Đau đớn vì không được mời, chị nhờ chồng ghi âm khóa đào tạo để chị có thể âm thầm tự đào tạo mình.

Những người lãnh đạo cần được kèm cặp để tiến lên cấp độ kế tiếp. Kadi Cole đã phỏng vấn một nữ lãnh đạo, người nói: "Điều quan trọng nhất mà Hội Thánh đã làm để phát triển tôi thành một người lãnh đạo là đặt tôi vào những vị trí buộc tôi phải vươn mình, đồng thời kèm cặp tôi suốt quá trình ấy. Tôi chưa bao giờ bị bỏ mặc một mình trong những giai đoạn tăng trưởng lớn." Người kèm cặp phải là người mà người được kèm cặp có thể dễ dàng tiếp cận trong mối quan hệ.

Đây thường là chỗ mọi việc đổ vỡ – những người kèm cặp nam ngại dành thời gian gặp mặt trực tiếp với những người nữ được kèm cặp. Được biết đến là *Quy tắc Billy Graham* (nhờ một trong những người sớm cổ vũ cho nó), lối suy nghĩ này cho rằng các nhà lãnh đạo Cơ Đốc nam chính trực không bao giờ nên ở một mình với một phụ nữ. Dù Billy có thể đã tuân giữ điều lệ này, điều đáng lưu ý là Chúa Giê-xu không giữ quy tắc nào như vậy.[733] Dĩ nhiên vẫn cần sự khôn ngoan thực tế: một bữa trưa kèm cặp có lẽ khôn ngoan hơn một bữa tối kèm cặp; đưa hai người theo trong một chuyến đi chức vụ thì tốt hơn chỉ đưa một người; và kèm cặp hai người cùng lúc có thể an toàn hơn là chỉ đầu tư vào một người. Nhưng chúng ta cũng hãy thừa nhận rằng việc giữ quy tắc không đè nén được ham muốn tội lỗi – một người muốn ngoại tình thì sẽ tìm ra cách để ngoại tình! Rốt cuộc, chúng ta nên gây dựng những người lãnh đạo có phẩm cách, sự khôn ngoan, chiều sâu thuộc linh và những ranh giới phù hợp trong các mối quan hệ, là những điều sẽ giúp họ giảm bớt và/hoặc vượt qua cám dỗ. Đến một lúc nào đó, người ta phải phát triển sự

733. Chẳng hạn, Giăng 4:8 cho thấy rõ rằng Chúa Giê-xu và người đàn bà Sa-ma-ri đã ở một mình với nhau. Thay vì tránh tình huống này (như nhiều người đàn ông theo quan điểm bổ sung sẽ làm), Chúa Giê-xu dường như đã cố ý tìm đến khoảnh khắc này, và nắm lấy cơ hội không chỉ để tiếp xúc hời hợt với bà, mà còn để kết nối với bà ở tầng sâu nhất.

trưởng thành để xử lý cám dỗ cách khôn ngoan mà không phải hoàn toàn né tránh.[734]

HÃY SUY NGHĨ LẠI VỀ CHỨC VỤ CỦA CÁC CẶP VỢ CHỒNG

Một trong những điểm yếu của thuyết bổ sung là cách tiếp cận rập khuôn, một cỡ cho tất cả, đối với những cặp vợ chồng phục vụ Đức Chúa Trời trong chức vụ. Khuôn mẫu chính, và trong một số trường hợp là khuôn mẫu duy nhất, là điều tôi gọi là *mô hình "Phi-e-rơ và vợ"*.[735] Trong mô hình này, người chồng là người lãnh đạo, còn người vợ là người giúp đỡ. Người đàn ông, giống như sứ đồ Phi-e-rơ, là người lãnh đạo và/hoặc người giảng đạo đứng phía trước, trong khi vợ ông (người vẫn vô danh trong trường hợp này) vui lòng hỗ trợ ông ở hậu trường trong chức vụ của ông. Điều này chẳng có gì sai! Với rất nhiều cặp vợ chồng, có lẽ là hầu hết, mô hình này vận hành tuyệt vời. Vấn đề là nó chắc chắn không phù hợp với mọi cặp vợ chồng trong chức vụ. Tôi đề nghị có ba mô hình khả thi khác.

Có mô hình "Đê-bô-ra và Láp-bi-đôt".[736] Trong trường hợp này, người vợ là người lãnh đạo đứng phía trước, còn chồng bà là người ủng hộ chính của bà. Ngay cả trong giới theo quan điểm bổ sung, cũng có nhiều phụ nữ được kêu gọi vào những chức vụ công khai có tầm ảnh hưởng rộng lớn, trong khi chồng họ, có lẽ có ân tứ hơn về những công việc ở hậu trường, lấy làm tự hào hậu thuẫn cho vợ mình trong công việc cho Đức Chúa Trời.

Cũng có mô hình "Bê-rít-sin và A-qui-la". Trong trường hợp này, người vợ và người chồng kết hợp ân tứ lãnh đạo của họ bằng cách cùng làm việc với nhau – rất giống cách cặp vợ chồng trong Kinh Thánh này đã cộng tác với nhau

734. Tôi rất khuyến khích đọc chương "Create a safe environment" (Tạo một môi trường an toàn) trong cuốn "Developing Female Leaders" của Kadi Cole để có câu trả lời đầy đủ hơn cho vấn đề này. Bà cũng đề cập đến vấn đề quấy rối tình dục và những mối quan hệ không phù hợp ở nơi làm việc và trong Hội Thánh.

735. Vợ của Phi-e-rơ dường như chỉ hỗ trợ Phi-e-rơ và không có chức vụ công khai riêng. Vào giai đoạn đầu chức vụ của Chúa Giê-xu, Ngài đã chữa lành mẹ vợ của Phi-e-rơ tại nhà Phi-e-rơ. (Lu-ca 4:38-40) Chúng ta cho rằng nhiều sứ đồ khác, nếu không phải tất cả, cũng đã lập gia đình. Nhưng bà vẫn không được nhắc đến cho đến nhiều thập niên sau, khi bà cùng Phi-e-rơ đi đến châu Âu trong các chuyến đi chức vụ của ông (1 Cô-rinh-tô 9:5) – có lẽ lúc đó con cái họ đã lớn và bà được tự do đi lại nhiều hơn.

736. Xem Các Quan Xét 4:4.

trong việc kinh doanh, quản lý gia đình và lãnh đạo Hội Thánh. Đây là mô hình mô tả đúng nhất điều tôi có trong chính cuộc hôn nhân của mình. Tôi kết hôn với một người thích cộng tác với tôi trong chức vụ hơn là theo đuổi một sự kêu gọi riêng. Cô ấy vui vẻ kết hợp ân tứ lãnh đạo của mình với ân tứ của tôi. Tôi cũng đáp lại với niềm vui như vậy.

Chúng ta cũng đừng quên mô hình "Ê-xơ-tê và A-suê-ru (Xerxes)".[737] Dù hoàng hậu Ê-xơ-tê có thể đã hỗ trợ một số nỗ lực lãnh đạo của chồng mình, bà tập trung năng lực lãnh đạo của mình vào những cơ hội và lĩnh vực khác, đồng thời xin và nhận được sự ủng hộ của chồng khi làm như vậy. Giống như Bê-rít-sin và A-qui-la, kiểu hôn nhân trong chức vụ này bao gồm một cặp đôi đều có ân tứ lãnh đạo công khai, chỉ có điều trong trường hợp này họ lãnh đạo hai tổ chức khác nhau.

Như chúng ta có thể thấy, có nhiều hình thức khả thi để các cặp vợ chồng tham gia vào chức vụ. Đáng tiếc là một quan điểm theo thứ bậc về hôn nhân chỉ ủng hộ mô hình hôn nhân thứ nhất ("mô hình Phi-e-rơ và vợ") và phủ một bóng mờ nghi ngờ và lo ngại lên hàng ngàn cặp vợ chồng được tạo nên khác đi. Ngược lại, một tầm nhìn theo quan điểm tương hỗ dành chỗ cho mọi mô hình và tôn vinh từng mô hình.

Sự đa dạng của các mô hình hôn nhân trong chức vụ này cũng có thể là nền tảng cho những ban lãnh đạo Hội Thánh bao gồm cả hai giới.

Những ban lãnh đạo gồm cả nam lẫn nữ

Trong một Hội Thánh khẳng định thuyết tương hỗ nam–nữ, sẽ không có hai ban lãnh đạo nào giống hệt nhau, vì mỗi ban sẽ gồm một sự kết hợp khác nhau của những ân tứ lãnh đạo sẵn có trong Hội Thánh ấy. Dù vậy, chúng ta

737. Dù A-suê-ru không phải là hình mẫu của một người tin kính, và các cuộc hôn nhân của ông không bình đẳng, nhưng điều ông dường như đã làm, và có thể được lặp lại trong những cuộc hôn nhân tin kính ngày nay, là để cho các người vợ của mình (trước là Vả-thi, sau là Ê-xơ-tê) theo đuổi những sáng kiến riêng của họ trong khi ông theo đuổi sáng kiến của mình – Vả-thi tổ chức một bữa tiệc cho phụ nữ, còn Ê-xơ-tê viết luật. Sự sắp xếp hôn nhân như thế hiếm đến nỗi trong thế giới cổ đại chỉ giới thượng lưu nhất mới có được, đến mức đây là ví dụ duy nhất về điều đó trong Kinh Thánh. Trong nhiều nền văn hóa hiện đại, nơi phụ nữ ngày càng bình đẳng với đàn ông về trí tuệ và xã hội, việc những người bạn đời theo đuổi những mục tiêu, nghề nghiệp hay chức vụ khác nhau mà vẫn giữ được sự cộng tác năng động là điều khả thi hơn.

có thể nhận ra những kiểu người khác nhau có thể phục vụ trong một ban như thế:

- *Có thể có một Ly-đi, hoặc một Ti-mô-thê, hay hai người như vậy.* Đây là những phụ nữ độc thân và những người nam độc thân có ân tứ lãnh đạo. Vì Tân Ước dành sự kêu gọi ngang nhau cho người độc thân và người có gia đình, tình trạng hôn nhân của một người không nên loại ai khỏi vai trò lãnh đạo. Thật ra, Phao-lô cho thấy rằng những người độc thân có thể đầu tư vào Hội Thánh với một sự tập trung đặc biệt.[738]
- *Có thể có một cặp Bê-rít-sin và A-qui-la, hay hai cặp như vậy.* Đây là những cặp vợ chồng mà cả hai đều có cùng sự kêu gọi lãnh đạo, và cả hai đều ở trong ban lãnh đạo.
- *Có thể có một Phi-e-rơ hoặc một A-suê-ru, hay hai người như vậy.* Đây là những người nam đã lập gia đình có ân tứ lãnh đạo, có vợ thích những vai trò hỗ trợ hơn, hoặc có vợ mang ân tứ lãnh đạo đã được dồn trọn vào nơi khác và vì vậy không thể tham gia ban lãnh đạo. Tôi tin rằng thật không công bằng khi dùng hết khả năng tình nguyện có hạn của những người vợ này bằng cách bắt họ ngồi suốt hàng giờ họp, và đặt lên họ những đòi hỏi mà có thể họ không có mong muốn, khả năng hay tố chất để đáp ứng, trong khi có lẽ họ sẽ tìm được nhiều niềm vui hơn khi phục vụ trong Hội Thánh hoặc ngoài Hội Thánh theo những cách mà họ *thật sự* có mong muốn, khả năng và tố chất.
- Tương tự, *có thể có một Đê-bô-ra hoặc một Ê-xơ-tê, hay hai người như vậy.* Đây là những người nữ đã lập gia đình có ân tứ lãnh đạo, có chồng hoặc thích những vai trò hỗ trợ hơn, hoặc mang ân tứ lãnh đạo đã được dồn trọn vào nơi khác, và vì vậy không ở trong ban lãnh đạo.

Các Hội Thánh theo quan điểm tương hỗ xây dựng những ban lãnh đạo gồm cả nam lẫn nữ có thể thử bất kỳ cách nào để kết hợp những kiểu người này. Thách thức chính mà tôi thấy trong mô hình lãnh đạo bao gồm cả hai giới này là việc quan tâm và giữ mối gắn kết với vợ của Phi-e-rơ và chồng của Đê-bô-ra. Một cách để giữ những người bạn đời này được gắn bó, ngay cả khi họ không được yêu cầu lãnh đạo, là qua những sinh hoạt gắn kết tình thân của ban mục vụ. Mời họ cùng tham dự một ngày vui chơi, một bữa tối đặc biệt,

738. 1 Cô-rinh-tô 7:32-34

hay một buổi cầu nguyện chuyên sâu cho Hội Thánh sẽ giúp ích rất nhiều trong việc giữ họ ở bên trong vòng tròn thay vì ở bên ngoài.

Dĩ nhiên, mọi cách sắp xếp ban lãnh đạo đều có một số điểm mạnh cũng như một số điểm yếu tiềm ẩn. Thay vì chọn một cấu trúc đơn giản nhưng có thể cằn cỗi, chẳng hạn như một mô hình theo quan điểm bổ sung chỉ gồm toàn những "Phi-e-ro", tốt hơn nhiều là đón nhận sự phức tạp của sự đa dạng, và nương cậy Thánh Linh của sự khôn ngoan, là Đấng sẽ dẫn dắt từng ban lãnh đạo cụ thể tìm ra cách thực hành cụ thể trong mùa cụ thể của mình.

HÃY HỌC HỎI TỪ CÁC HỘI THÁNH KHÁC

Nhiều ban lãnh đạo Hội Thánh đã thay đổi hoặc đang cân nhắc thay đổi giáo lý của họ từ thuyết bổ sung sang thuyết tương hỗ. Nhưng điều này nên được thực hiện như thế nào? Trong những năm lãnh đạo Hội Thánh, đã hai lần tôi tham gia vào việc tạo ra một sự điều chỉnh chính thức trong thần học của một Hội Thánh. Điều tôi đã học được qua trải nghiệm khó khăn là: có thần học đúng là một chuyện; đưa cả một Hội Thánh cùng đồng hành là một chuyện khác. Đây là lúc việc học hỏi từ những Hội Thánh đã chuyển đổi trở nên vô cùng quan trọng. Tôi biết ơn Tiến sĩ Rob Dixon và April Fiet vì đã soạn ra một lộ trình cho các Hội Thánh đang chuyển đổi hướng đến thuyết tương hỗ nam–nữ, dựa trên những cuộc phỏng vấn chuyên sâu mà họ đã thực hiện với các Hội Thánh đã có bước cải thiện này.[739]

Chẳng hạn, chúng ta có thể học hỏi từ Bent Tree Bible Fellowship, một Hội Thánh nổi bật ở Dallas, Texas. Dù ban đầu chống lại thuyết tương hỗ nam–nữ, họ đã nhận ra rằng Đức Chúa Trời có thể đã gửi đến cho họ hai chất xúc tác cho sự thay đổi – một nhà lãnh đạo kiêm nhà thần học đáng tin cậy ở giữa họ, người đề xuất một nền thần học tốt hơn, và một giá trị lâu đời về sự lãnh đạo chung dường như ngày càng mâu thuẫn với việc họ loại trừ phụ nữ khỏi ban lãnh đạo cấp cao. Ban trưởng lão toàn nam giới của Bent Tree đã dành trọn một năm để nghiên cứu các phân đoạn Kinh Thánh liên quan và định kỳ họp lại để so sánh ghi chú. Họ tham khảo những cuốn sách họ đã đọc. Khi cuối cùng họ nhóm lại để chia sẻ những gì mình tìm thấy, cả nhóm đã nhất

739. www.bit.ly/3nECNFR

trí trong việc nghiên cứu Kinh Thánh và trong nhận thức về sự hướng dẫn của Đức Thánh Linh cho Hội Thánh: không nên còn bất kỳ chức vụ nào trong Hội Thánh bị cấm đối với phụ nữ nữa.

Sau đó, họ đã minh bạch và không vội vàng trao đổi với cả Hội Thánh về sự thay đổi giáo lý này. Họ làm điều đó bằng nhiều cách: qua những bản tuyên bố của ban trưởng lão; một bài giảng;[740] một bài viết thần học họ soạn ra; và, quan trọng nhất, sẵn sàng có mặt qua nhiều cơ hội để trả lời các câu hỏi hoặc giải đáp những mối lo ngại mà từng người trong Hội Thánh nêu ra. Họ học được tầm quan trọng của việc dẫn dắt cuộc trò chuyện này với những thành viên Hội Thánh bất đồng hoặc bất an một cách dễ gần, đầy yêu thương, kiên nhẫn và mang tính mục vụ.

Các Hội Thánh đã chuyển đổi đều kể cùng một câu chuyện: dù đại đa số tín hữu chấp nhận sự thay đổi, vẫn có một vài người không thể chấp nhận sự điều chỉnh giáo lý này. Điều này là không thể tránh khỏi, nhưng dù vậy, chúng ta, những người lãnh đạo Hội Thánh, vẫn nên cầu nguyện để tất cả những ai đang ở với chúng ta sẽ tiếp tục ở lại với chúng ta; và chúng ta làm mọi điều có thể để giúp đỡ họ.

Sự chuyển đổi này không phải là điểm kết thúc của một hành trình. Đó là điểm khởi đầu. Sau khi thực hiện sự thay đổi giáo lý, đã đến lúc tạ ơn Đức Chúa Trời và hít một hơi thật sâu; rồi bắt đầu thực hiện những chuyển biến về cấu trúc và văn hóa, khi chúng ta, với tư cách một cộng đồng và với tư cách những người lãnh đạo, phân định những cách mới để thật sự cộng tác với nhau như những người nữ và người nam – tất cả để Tin Lành có thể tiến triển mạnh mẽ hơn trong và qua Hội Thánh của chúng ta.

740. Hãy cuộn xuống và nghe bài giảng này tại đây: www.bit.ly/3xbsb4h

17

NHÂN DÂN KIỆN CHẾ ĐỘ PHỤ QUYỀN

"Luận điệu cho rằng đàn ông mang thẩm quyền của Đức Chúa Trời thật đáng sợ, và nó không phải là điều của Cơ Đốc giáo." Beth Allison Barr[741]

"Theo kinh nghiệm bốn mươi năm làm mục sư của tôi, khi sự lãnh đạo của phụ nữ trong đời sống Hội Thánh được khẳng định, thì mọi điều đều tốt hơn." Kevin Giles[742]

Mới đây, vào một buổi sáng, vợ tôi đã giúp tôi nhận ra rằng cách đàn ông nhìn phụ nữ (và cách phụ nữ nhìn chính mình) là ý tưởng lớn nhất của cuốn sách này. Tôi mở đầu cuộc trò chuyện: "Các Hội Thánh theo quan điểm bổ sung cứ tiếp tục tiến bước mà không nhận ra mình đang bỏ lỡ điều gì, vì có đủ những người đàn ông có ân tứ với những người vợ hết lòng hỗ trợ, là những người mà thuyết bổ sung vừa vặn như găng với tay. Vấn đề là điều này thường giới hạn hoặc loại trừ những người vợ và những phụ nữ độc thân vốn là những người lãnh đạo thực thụ, những người tràn đầy bao điều khác để đóng góp, vượt ra ngoài các chức vụ dành cho phụ nữ, trẻ em, công việc hành chính và tư vấn."

Vợ tôi lắc đầu. "Không, đó không phải là vấn đề. À, không phải là vấn đề chính," cô ấy giải thích:

Vấn đề chính là cách thần học và thực hành của thuyết bổ sung huấn luyện đàn ông nhìn phụ nữ, và – có lẽ còn đáng buồn hơn – cách nó huấn luyện phụ nữ nhìn chính mình. Dù tinh vi đến đâu, thông điệp vẫn là người phụ nữ theo một cách nào đó kém hơn người đàn ông, và vì thế có ít điều hơn để

741. Cuộc phỏng vấn trên The New Yorker, ngày 25 tháng 7 năm 2021. Nguồn: www.bit.ly/2YjaG4Z
742. Kevin Giles, What the Bible Actually Teaches on Women, chương 8

đóng góp. Khi lối suy nghĩ tiềm thức ấy đã có sẵn, cho dù đàn ông có nhân từ và "tôn trọng" phụ nữ đến đâu, nó vẫn chắc chắn tạo ra một âm hưởng gia trưởng trong trường hợp tốt nhất, hoặc thái độ trịch thượng trong trường hợp tệ nhất, trong cách đàn ông đối xử với phụ nữ, và cách phụ nữ để cho đàn ông đối xử với mình.

Vợ tôi hẳn phải biết rõ – cô ấy đã dốc hết sức mình cho các Hội Thánh theo quan điểm bổ sung suốt cả cuộc đời theo Đấng Christ. Điều đáng chú ý là cô ấy có tính khí, cơ hội và sự tự tin để không cảm thấy mình bị coi thường đáng kể. Dù vậy, cô ấy đã nói trúng vấn đề: *thần học chính là vấn đề*. Thần học của một Hội Thánh không phải, như chúng ta vẫn tưởng, là một tài liệu chứa các lập luận Kinh Thánh chưa từng được mở ra, nằm đâu đó trong một Google Drive. Nó là điều gần gũi hơn nhiều: thần học là nhận thức, tầm nhìn và cách chúng ta nhìn thực tại. Vì vậy, một nền thần học về phụ nữ chính là cách căn bản để chúng ta nhìn phụ nữ.

Thật vậy, tác động chính của việc chính tôi từ bỏ thần học theo quan điểm bổ sung là sự thay đổi tinh tế nhưng không thể chối cãi trong cách tôi nhìn nhận phụ nữ. Nói đơn giản: *tôi thấy nơi phụ nữ nhiều hơn trước đây*. Chậm rãi nhưng chắc chắn, Đức Chúa Trời đã nhân từ lấy đi những cây đà khỏi mắt tôi. Giờ đây tôi nhận thấy, chắc chắn rõ hơn bao giờ hết, phụ nữ có biết bao điều để đóng góp – ý tưởng, góc nhìn, sự phân định, cách diễn đạt, sự định hướng – trong gia đình, trong Hội Thánh và trong xã hội. Và tôi càng thấy nhiều nơi họ, tôi càng cảm nhận sức nặng và sự cáo trách của lời Đức Chúa Trời phán với A-đam (và các con trai ông): "[Đàn ông] ở một mình thì không tốt."

Trần kính và lồng son

Tôi kinh ngạc khi thấy Đức Chúa Trời cứ tiếp tục đem đến trên đường đời tôi biết bao nhiêu người kể cho tôi nghe những câu chuyện đau lòng của họ. Tôi chẳng hề đi tìm những câu chuyện này – dường như chúng tự tìm đến tôi!

Một tín hữu trưởng thành và có ân tứ kể với tôi rằng chị đã ngây thơ chia sẻ với các lãnh đạo Hội Thánh của mình về những trải nghiệm thuộc linh trong đó chị cảm nhận Đức Chúa Trời kêu gọi chị chuẩn bị để lãnh đạo và giảng

đạo trong một Hội Thánh, chỉ để nghe rằng nếu chị là đàn ông, cảm nhận về sự kêu gọi của chị sẽ được khen ngợi như một điều chính đáng, nhưng vì chị không phải đàn ông, nó phải được chuyển hướng sang nơi khác. Từ đó chị đã rời Hội Thánh ấy và đã thành lập một Hội Thánh khác một cách thành công.

Một phụ nữ khác, vẫn là người kiên định theo quan điểm bổ sung, sau nhiều thập niên gắng sức thuận phục chồng mình, nhận thấy mình gần như đánh mất khả năng nói lên tiếng nói của chính mình, và vì thế cuộc hôn nhân của chị đang ở trong tình trạng bấp bênh. Chị tự hỏi làm sao mình có thể tìm lại ý thức về bản thân trong cuộc hôn nhân ấy.

Một người bạn mục sư kể với tôi rằng vợ anh, sau nhiều thập niên giúp lãnh đạo Hội Thánh của họ, giờ đây dốc sức đầy hăng hái vào giới kinh doanh và chẳng còn mấy động lực để phục vụ Hội Thánh – chị giải thích rằng ở ngoài kia, ân tứ của chị được tôn trọng, và đàn ông đối xử với chị như một người ngang hàng.

Một người bạn khác, một nhà lãnh đạo có ân tứ, sau khi làm việc trong các Hội Thánh suốt cả đời, cuối cùng đã gia nhập một Hội Thánh nhìn phụ nữ là bình đẳng. Chị kể với tôi rằng lần đầu tiên trong đời, chị không còn băn khoăn liệu người khác có đang phớt lờ những ý tưởng chiến lược của chị vì giới tính của chị hay không, cũng không còn sợ bị xem như một Giê-sa-bên nào đó vì sức mạnh của những xác tín và tầm nhìn của chị.

Vài năm trước, sau một hội nghị ba ngày dành cho các nhà lãnh đạo Hội Thánh, một nữ lãnh đạo tài năng tâm sự với tôi rằng mỗi ngày trong hội nghị, chị cảm thấy mình ngày càng nhỏ bé hơn, và ít khát khao hơn cho Nước Đức Chúa Trời. Lúc đầu tôi phản ứng tự vệ, nhưng rồi chị chỉ ra tất cả những cách tinh vi và không mấy tinh vi mà qua đó người ta truyền đạt cho chị rằng sự lãnh đạo Cơ Đốc là chuyện của cánh đàn ông. Tôi cố gắng chỉ lắng nghe, và cuối cùng tôi thật sự nghe được chị – không chỉ lời chị nói mà cả nỗi thất vọng và tổn thương sâu xa ẩn dưới những lời ấy.

Gần đây hơn, tôi tham dự một hội nghị của các mục sư, nơi tôi chọn tham gia một buổi hội thảo về phụ nữ trong chức vụ. Tôi lắng nghe hết người phụ nữ này đến người phụ nữ khác bày tỏ nỗi thống khổ khi cố gắng dùng ân tứ của

mình để phục vụ Đức Chúa Trời trong những môi trường do nam giới thống trị. "Tôi được Đức Chúa Trời kêu gọi – nhưng tôi bị bỏ mặc để tự hoài nghi sự kêu gọi ấy hết lần này đến lần khác. Thế mà các anh em của tôi chẳng bao giờ bị khuyến khích nghi ngờ sự kêu gọi của họ." Một người khác than phiền về một tiêu chuẩn kép: "Có biết bao người đàn ông trong vai trò lãnh đạo thật ra phạm lỗi hung hăng, nhưng vì họ là đàn ông nên ai cũng dung thứ. Trong khi đó, nếu một phụ nữ chỉ đơn giản là quả quyết, người ta mặc định rằng hắn cô ấy đang phạm tội."

Thêm vào đó là những câu chuyện của những phụ nữ kể với tôi về việc họ tìm đến các nam lãnh đạo trong Hội Thánh, những người, dù có đầy sức hút và thành công trong chức vụ, dường như không thể thật sự lắng nghe những mối bận tâm của họ. Điều đáng nói là một số người đã thấy hiệu quả hơn khi nhờ những người đàn ông trong đời mình – chồng, cha, con trai – lên tiếng thay cho họ. Và thế là hôm nay, một người bạn gửi email cho tôi về việc anh khó giữ vợ và con gái mình tiếp tục gắn bó với Hội Thánh của anh. Là những phụ nữ có ân tứ, họ nói với anh rằng họ không cảm thấy mình được nhìn thấy trong Hội Thánh, và anh dường như không thể thuyết phục họ nghĩ khác.

Hãy nhớ: những câu chuyện tình cờ này từ những phụ nữ đủ can đảm để chia sẻ với tôi đều đã xảy ra trong những môi trường theo quan điểm bổ sung *ôn hòa*.

Ở thành phố của tôi, gió Đông Nam gào thét, đôi khi suốt nhiều tuần liền. Kết quả là nhiều cây cối bị uốn cong vĩnh viễn về hướng Tây Bắc. Trong nhiều thập niên sống đời sống Hội Thánh, tôi nhận thấy rằng "thần học" của một Hội Thánh – hệ thống niềm tin và cách giải nghĩa Kinh Thánh về một đề tài then chốt – định hình thái độ, giả định và thực hành của một Hội Thánh hơn bất cứ điều gì khác. Thuyết bổ sung là một luồng gió như thế – khi tiếp xúc đủ lâu, một người phụ nữ đã sống trong luồng gió thịnh hành này dễ bị uốn cong hơn: tiềm năng chức vụ của họ bị kìm hãm, và sự an lành của bản thân họ bị đe dọa. (Không, tôi không cường điệu quan điểm của mình – có dữ liệu cụ thể chứng minh điều này.[743])

743. Một nghiên cứu trên 2.234 phụ nữ có độ tuổi trung bình 47, sử dụng các cuộc khảo sát trong mười lăm năm qua, xác nhận rằng nhiều phụ nữ gặp vấn đề sức khỏe hơn khi họ tham dự các Hội Thánh theo quan điểm bổ sung so với các Hội Thánh bao gồm cả hai giới. (Patricia Holman và

Nhìn lại, tôi chưa bao giờ tưởng rằng mình đã làm hay nói điều gì để giới hạn phụ nữ trong việc phục vụ Đấng Christ – cho đến khi tôi bắt gặp chính mình đang nghĩ về tương lai chức vụ của các con tôi. Dù tin cậy Đức Chúa Trời dẫn dắt chúng theo cách Ngài thấy là phù hợp, tôi thấy mình hy vọng rằng một ngày nào đó các con trai tôi có thể làm mục sư, và tận hưởng niềm hứng khởi được cùng cộng tác với người khác trong việc dạy dỗ và lãnh đạo các Hội Thánh. Rồi tôi nhìn đứa con gái duy nhất của tôi, Ivy, đang chơi cùng các anh em trai, và tôi hy vọng *con bé sẽ lấy được một người đàn ông như thế.*

Vào khoảnh khắc ấy, tôi chợt nhận ra rằng những trần kính mà rất nhiều phụ nữ gặp phải hiếm khi được tạo ra bởi những kiến trúc sư mưu mô của chế độ phụ quyền, quyết tâm giữ phụ nữ ở đúng chỗ của họ. Không, những trần kính này được xây dựng một cách hết sức tinh vi từ nền thần học của chúng ta về giới tính. Tôi đây, một người cha hết mực yêu thương một cô con gái có ân tứ – lại đang áp đặt những ranh giới vô hình nhưng không thể xuyên thủng lên tiềm năng và sự đóng góp của con bé cho dân sự của Đức Chúa Trời. Tất cả chỉ vì tôi tin rằng chỉ khi lấy được đúng người đàn ông, con bé mới có thể đóng góp ở cùng mức độ như các anh em trai của mình.

"Hãy làm cho nó dừng lại!"

Khi đang viết những chương cuối của cuốn sách này, tôi đã gia nhập ban lãnh đạo gồm cả nam lẫn nữ của một Hội Thánh trong thành phố của tôi. Tại đây, tôi cố gắng thực hành kỷ luật thuộc linh "nhìn thấy" và (cũng quan trọng không kém) "lắng nghe" những phụ nữ trong ban ấy. Tại một buổi họp lãnh đạo gần đây, tôi chia sẻ rằng việc viết những phần cuối của cuốn sách này giống như kéo một chiếc xe tải lên dốc: "Tôi cứ tiếp tục," tôi nói, "vì tôi muốn nó dừng lại!" Khi nói "nó," ý tôi là công việc viết sách đầy nhọc nhằn, tốn thời gian và hao tổn cảm xúc.

Nghe vậy, một trong những phụ nữ trong ban nói: "Hãy làm cho nó dừng lại!" và lặp lại mệnh lệnh ngắn ấy thêm hai lần nữa, với sức nặng của lời tiên tri. Tôi hơi bối rối, rồi hiểu ra điều chị muốn nói: "Hãy làm cho cách các Cơ Đốc nhân và các Hội Thánh nhìn và đối xử với phụ nữ như thế này dừng lại!" Có một sự tha thiết trong lời khẩn cầu của chị mà tôi cảm thấy gần như

Amy Burdette, "When Religion Hurts: Structural Sexism and Health in Religious Congregations," *American Sociological Review*, 2021, Vol. 86 (2): 234–55.)

được sai đến từ thiên đàng. Khi tôi cầu nguyện xin sự kiên trì để hoàn thành cuốn sách này, Đức Thánh Linh cứ nhắc tôi nhớ đến lời chị: "Hãy làm cho nó dừng lại! Hãy làm cho nó dừng lại!" Cuốn sách này là món quà nhỏ bé tôi dâng lên theo hướng đó.

Vậy chính xác thì điều gì cần phải dừng lại?

Ngay cả nếu thuyết bổ sung không đạt tới một cách giải nghĩa thỏa đáng dựa trên toàn bộ Kinh Thánh về vấn đề này, chúng ta có thể tự hỏi: nó có thật sự gây hại đến thế không? Chẳng phải tất cả chúng ta đều biết những Hội Thánh theo quan điểm bổ sung đang giúp đỡ rất nhiều người sao? Có lẽ chính chúng ta cũng đang ở trong một Hội Thánh như thế. Và là một người lâu năm lãnh đạo theo quan điểm bổ sung, tôi biết tận mắt rằng thuyết bổ sung, như men, không làm dậy mọi ổ bánh (mọi Hội Thánh) ở cùng một mức độ. Những Hội Thánh theo quan điểm bổ sung ôn hòa như Hội Thánh mà tôi đã giúp lãnh đạo cố gắng hết sức để kết hợp giáo lý loại trừ phụ nữ với giáo lý giải phóng phụ nữ theo cách khiến hầu hết phụ nữ cảm thấy thật sự được tôn trọng. Không Hội Thánh nào hoàn hảo, và Đức Chúa Trời hoàn toàn có thể dùng ngay cả những Hội Thánh không hoàn hảo để làm những điều tuyệt vời. Tuy nhiên, tôi đã ở đủ lâu để thấy những mặt trái diễn ra ngay cả trong những Hội Thánh theo quan điểm bổ sung ôn hòa nhất.

Thuyết bổ sung quá dễ che giấu những thái độ phân biệt giới tính. Sự phân biệt giới tính, dù mang tính thù địch (và thù ghét phụ nữ) hay "nhân từ" (và vì thế mang tính gia trưởng), đều làm suy yếu khả năng của người đàn ông trong việc thật sự lắng nghe một người phụ nữ. Rachael Denhollander, người đầu tiên trong số rất nhiều nạn nhân công khai tố cáo kẻ lạm dụng mình, Larry Nassar, bác sĩ của Liên đoàn Thể dục dụng cụ Hoa Kỳ (USA Gymnastics), đã nói với hệ phái Báp-tít Miền Nam của chị điều này: "Tôi nghĩ điều rất đáng nói là tôi đã nghe hàng trăm, đúng nghĩa đen là hàng trăm, bài giảng nói về phạm vi yên lặng và thuận phục mà một người phụ nữ phải có. Tôi chưa nghe một bài giảng nào về cách trân trọng tiếng nói của người phụ nữ."[744]

Chỉ khi các Hội Thánh da trắng ở Nam Phi ăn năn về sự dạy dỗ sai lạc của chế độ A-pác-thai (Apartheid), họ mới có thể bắt đầu ăn năn về những thái

744. Nguồn: www.bit.ly/3COpaJc

độ phân biệt chủng tộc. Tôi thấy buồn khi trong lúc rất nhiều người đàn ông không phải Cơ Đốc nhân trong nền văn hóa của tôi đang xưng nhận những thái độ trọng nam khinh nữ đầy tội lỗi, thì biết bao người đàn ông Cơ Đốc chỉ ẩn nấp sau nền thần học theo quan điểm bổ sung của họ.

Thuyết bổ sung tạo ra một Hội Thánh chỉ có một bán cầu não. Bằng việc loại trừ phụ nữ khỏi các ban lãnh đạo cấp cao và khỏi các nhóm giảng đạo, Hội Thánh tự bảo đảm cho mình những điểm mù – sự bất lực trong việc dùng cả hai bán cầu não trong việc ra quyết định, trong cách tiếp cận mục vụ, trong việc giải nghĩa Kinh Thánh và trong chức vụ dành cho cả nam lẫn nữ. Alan Hirsch nói: "Đã đến lúc phải cân bằng lại sự thống trị của nam giới trong chức vụ và sự lãnh đạo Hội Thánh. Nếu không, chúng ta có thể chờ đợi thêm những kết quả (phần nào 'một bán cầu não') giống như những gì chúng ta đang đạt được hiện nay."[745]

Đây là điều trớ trêu lớn của các Hội Thánh theo quan điểm bổ sung – dù tuyên bố đề cao sự bổ sung cho nhau giữa nam và nữ, thuyết ấy thật ra lại chỉ phân cho đàn ông hai vai trò chính định hướng và dạy dỗ Hội Thánh – vai trò giảng đạo và vai trò lãnh đạo mục vụ – và qua đó cắt đứt chúng ta khỏi tiếng nói và những góc nhìn rất cần thiết của phụ nữ. Các Hội Thánh theo quan điểm bổ sung ôn hòa ít nhất cũng cố gắng giảm nhẹ điều này bằng cách mời phụ nữ vào các buổi họp lãnh đạo và lên tòa giảng – nhưng đồng thời, theo hiểu biết của tôi, lại không giao cho họ đủ thẩm quyền để thật sự lên tiếng.

Thuyết bổ sung gây ra nỗi đau khổ to lớn cho một số phụ nữ có ân tứ và được kêu gọi nhưng bị gạt ra bên lề. Tôi cứ nghe đi nghe lại cùng một câu chuyện: những phụ nữ được kêu gọi hay có ân tứ bị bỏ qua, hoặc bị gạt sang một bên không chút nể nang để nhường chỗ cho đàn ông. Tệ hơn nữa, thuyết bổ sung có sẵn một cơ chế thao túng tâm lý (gaslighting): nó quở trách người phụ nữ khao khát được lãnh đạo hay giảng đạo vì ngay từ đầu đã có ước muốn đặt sai chỗ, nếu không nói là tội lỗi, này. Nếu chấp nhận lời buộc tội ấy, chị sẽ quay sang tự trách mình. *Hẳn có điều gì đó không ổn nơi tôi khi tôi thậm chí còn khao khát điều mà Đức Chúa Trời dường như cấm đoán.* Một người bạn nữ có ân tứ nói với tôi: "Khi còn là một thiếu nữ, tôi nghe Đức Chúa Trời kêu gọi tôi lãnh

745. Alan Hirsch và Dave Ferguson, On the Verge, chương 3.

đạo dân sự Ngài – nhưng khi được bảo rằng tôi đã nghe sai tiếng Đức Chúa Trời, tôi đã hoàn toàn mất lòng tin vào khả năng nhận biết tiếng Đức Chúa Trời của chính mình."

Nhưng những phụ nữ từ chối phán quyết ấy, và giờ đây mang một cảm nhận chính đáng về sự bất công, thì phải phản ứng thế nào? Họ chỉ chôn vùi nỗi đau và tiếp tục phục vụ sao? Họ lên tiếng và có thể phải đối mặt với sự chế giễu hay bị thao túng tâm lý thêm nữa sao? Hay họ rời bỏ Hội Thánh và tìm một Hội Thánh khác? Cả ba lựa chọn đều vô cùng đau đớn.

Nỗi đau của người phụ nữ bị bỏ qua – sợ hãi, giận dữ, bực bội – có thể được cảm nhận một cách sâu sắc, nhưng phần lớn thời gian Hội Thánh hoàn toàn không hay biết cái giá mà mình phải trả khi món quà Đức Chúa Trời ban là một người có ân tứ bị gạt ra bên lề, không vì lý do nào khác ngoài giới tính của họ. Không chỉ trong thị trường lao động mà cả trong Hội Thánh nữa, sự tầm thường là cái giá phải trả khi những người kém năng lực hơn được đề bạt trên những người khác vì giới tính của họ.

Thuyết bổ sung góp phần kìm hãm tiềm năng lãnh đạo của người phụ nữ. Về điểm này, tôi trích dẫn lời của nhà tư vấn lãnh đạo Kadi Cole:

Khi bạn có những phụ nữ trung tín, trưởng thành, đã sẵn sàng và lẽ ra nên đảm nhận những phần việc lãnh đạo, dù đó là gì – dù là điều hành một nhóm tình nguyện viên, dạy một lớp trường Chúa Nhật, hay một vai trò lãnh đạo chính thức nào đó – [đàn ông] có thể sẽ ngạc nhiên khi biết những phụ nữ Cơ Đốc tin kính này dồn bao nhiêu năng lượng và công sức vào việc băn khoăn liệu mình có đang tiếm quyền hay không. Những phụ nữ tin kính rất nhạy cảm rằng có lẽ đâu đó có một lằn ranh mà họ phải sống ở dưới. Và vấn đề là nếu lằn ranh ấy ở mức bảy, [trong khi với đàn ông là mức mười] thì hầu hết phụ nữ tin kính sẽ sống ở khoảng mức bốn để họ không vô tình [vượt quá giới hạn].[746]

Tôi thấy nhận định này của Cole giải thích rất rõ. Trong những Hội Thánh theo quan điểm bổ sung ôn hòa mà tôi đã lãnh đạo, tôi từng thắc mắc tại sao rất nhiều người đàn ông bay cao trong vai trò lãnh đạo – điều dễ hiểu – trong khi những phụ nữ được khuyến khích lãnh đạo trong một lĩnh vực cụ thể

746. www.bit.ly/3wvNjlD

thường chỉ vươn lên đến mức tầm thường. Khi có một trần kính, một lằn ranh giới hạn dựa trên giới tính, rất ít phụ nữ tiến đến gần nó – vấn đề không chỉ là có một trần kính; vấn đề là trần kính ấy tạo ra một sàn nhà dính chân.

Thuyết bổ sung góp phần làm im tiếng phụ nữ. Adam Galinski, trong bài nói chuyện TED *How to Speak Up for Yourself* (Làm thế nào để lên tiếng cho chính mình) [747] nói rằng sự can đảm để lên tiếng đòi hỏi một số điều kiện tiên quyết: xác tín đạo đức rằng việc lên tiếng là đúng, sự ủng hộ của cộng đồng, quyền lực hay diễn đàn để làm điều đó, và không bị nỗi sợ bị trừng phạt chi phối.

Đây là lý do tại sao rất nhiều phụ nữ trong Hội Thánh cảm thấy bị bịt miệng hay không được lắng nghe trong các Hội Thánh theo quan điểm bổ sung: giáo lý về sự thuận phục và sự im lặng của phụ nữ khiến họ nghi ngờ ngay cả việc lên tiếng có đúng hay không; vì thế cộng đồng không ủng hộ họ làm điều đó; họ không được trao diễn đàn hay quyền lực nào để lên tiếng; và khi họ lên tiếng, họ phải gánh chịu hậu quả là bị chỉ trích vì thái độ không thuận phục hoặc vì vượt quá lằn ranh phù hợp với giới tính của mình.

Đối với một số ít Hội Thánh theo quan điểm bổ sung cho phép phụ nữ giảng vào Chúa Nhật, những phụ nữ này được chỉ dẫn là được dạy, nhưng không được "dạy với thẩm quyền" (dựa trên cách giải thích sai của họ về 1 Ti-mô-thê 2:12). Nhưng điều này gieo nỗi kinh hoàng vào lòng biết bao người nữ giảng đạo, những người nghĩ rằng vào bất cứ lúc nào trong khi giảng, mình có thể bày tỏ quá nhiều xác tín, hoặc có lẽ vấp vào một sự trình bày giáo lý nào đó, và vì thế mà phạm tội.

Một thành viên sáng lập của thuyết bổ sung, Mary Kassian, đã viết một bài trên trang web của John Piper với tựa đề *Women Teaching Men—How Far Is Too Far?* (Phụ nữ dạy đàn ông – bao xa là quá xa?)[748] Bà nói rằng phụ nữ thường hỏi bà liệu họ có được giảng vào sáng Chúa Nhật, hay vào tối Chúa Nhật hoặc tối thứ Tư không. Và liệu họ có được chia sẻ lời làm chứng của mình không. Hay nói chuyện tại một buổi học Kinh Thánh có cả nam lẫn nữ, hoặc trước một cử tọa hỗn hợp tại một hội nghị tôn giáo. Hay dạy một buổi hội thảo hoặc dạy tại một chủng viện thần học khi có đàn ông hiện diện. Hay hướng dẫn một buổi nhóm cầu nguyện. Hay kèm cặp riêng cho đàn ông.

747. www.bit.ly/3k7dsSF. Tôi cảm ơn William Witt đã giới thiệu cho tôi bài nói chuyện này.
748. www.bit.ly/3fxTcKC

Hay giảng trên truyền hình hoặc đài phát thanh. Hay dạy dỗ đàn ông qua các bài viết và sách. Bà trả lời: "[C]âu hỏi làm thế nào tôi – là một người phụ nữ có ân tứ thuộc linh về dạy dỗ – phải tôn trọng vai trò làm đầu của người nam trong Hội Thánh có nhiều điểm tương đồng với câu hỏi làm thế nào một thiếu nữ [với bạn trai của mình] phải tôn trọng nguyên tắc giữ sự trong sạch [về tình dục]."

Dù bà thừa nhận rằng trong cả hai trường hợp, lằn ranh không được Kinh Thánh nói rõ ràng, nhưng bằng cách ví việc một người phụ nữ dạy dỗ một người đàn ông với việc phạm tội tình dục với người ấy, và qua đó ngụ ý rằng cô ấy nên đứng càng xa lằn ranh càng tốt, bài viết được nhiều người đọc của bà chắc chắn đã dán chặt rất nhiều phụ nữ xuống sàn nhà của sự im lặng. Hoặc họ sẽ đơn giản né tránh những cơ hội lên tiếng mà Kassian đề cập, hoặc nếu có lên tiếng, họ sẽ hết sức cẩn thận để tránh nói điều sai, hay tránh nói điều đúng với bất kỳ mức độ thẳng thắn và xác tín nào.

Thuyết bổ sung kìm hãm nhiều con gặt mà Đức Chúa Trời đã ban. Chúa Giê-xu phán rằng mùa gặt thì lớn, nhưng con gặt thì ít. Chúng ta nên cầu nguyện xin thêm con gặt, rồi bảo đảm rằng chúng ta để những con gặt ấy làm việc. Sứ mạng truyền giảng Tin Lành và môn đồ hóa của Hội Thánh quá quan trọng, và Hội Thánh địa phương cùng tòa giảng ngày Chúa Nhật quá thiết yếu cho việc hoàn thành sứ mạng này, để có thể xem nhẹ một nửa số ân tứ lãnh đạo và giảng đạo của mình. Carolyn Custis James nói: "Khi một nửa Hội Thánh đứng lùi lại – dù là do lựa chọn hay vì chúng ta không có lựa chọn – thì mọi người đều thiệt thòi và sứ mạng của chúng ta bị thụt lùi."[749]

Thuyết bổ sung khiến chúng ta không thấy những nữ lãnh đạo mới chớm nở ở giữa chúng ta. Khi lần đầu tiên tôi cân nhắc việc rời Hội Thánh mà tôi đã giúp lãnh đạo suốt hai mươi năm, tôi ý thức được nhu cầu của Hội Thánh về những ân tứ lãnh đạo có tính xúc tác hơn – trong nhiều năm, tôi đã được Đức Chúa Trời ban ơn để là một trong những ân tứ ấy, và tôi đang cầu nguyện xin thêm những ân tứ giống như của tôi để thay thế tôi. Có một lần, tôi đứng ở cuối phòng trong buổi nhóm có độ tuổi trẻ nhất của Hội Thánh – hàng trăm người ở độ tuổi hai mươi – và tự hỏi người đàn ông nào trong đám đông này có thể là câu trả lời cho lời cầu nguyện của tôi. Bất chợt tôi cảm nhận Đức Thánh

749. Carolyn Custis James, Half the Church, tr. 162. Trích dẫn trong Bessey, chương 10.

Linh phán với tôi: "Nếu những ân tứ có tính xúc tác kế tiếp là phụ nữ thì sao?" Mắt tôi bỗng được mở ra để thấy nửa còn lại của đám đông. Ngay lúc ấy, tôi nhận ra sức mạnh của thần học hạn chế trong việc định sẵn để chúng ta không thấy biết bao ân tứ ở ngay trước mặt mình.

Thuyết bổ sung giới hạn những ước mơ của phụ nữ cho Nước Đức Chúa Trời. Không phải mọi tham vọng đều xấu. Có một khát vọng do Đức Thánh Linh sinh ra, muốn tôn vinh Đức Chúa Trời và làm những việc lớn lao cho Ngài, đang bùng cháy trong một số người chúng ta. Ở tuổi hai mươi, tôi là thành viên của một phong trào thành lập Hội Thánh đang phát triển nhanh. Là một người còn trẻ, tôi kinh ngạc ngước nhìn những người đàn ông lớn tuổi hơn đang dẫn đầu phong trào này. Tôi tự nhủ rằng mình sẽ phải chờ đợi mãi mới được làm điều họ đang làm cho Đức Chúa Trời. Cho đến khi người lãnh đạo phong trào giải thích rằng tuổi tác không phải là tiêu chuẩn để lãnh đạo, mà chỉ có sự tin kính và ân tứ của một người. Bằng cách loại bỏ các yếu tố hoàn cảnh ra khỏi phương trình, ông đã khơi dậy trong tôi ý muốn dốc hết sức mình, và tôi đã làm như vậy.

Vậy thì, điều tương tự cũng xảy ra khi chúng ta nói với các thiếu nữ rằng cả tuổi tác lẫn giới tính của họ đều không phải là những yếu tố hàng đầu quyết định mức độ hữu dụng tiềm năng của họ đối với Đức Chúa Trời trong Hội Thánh và thế giới, mà chỉ có sự tin kính và ân tứ. Ngay cả nếu cuối cùng họ không trở thành người giảng đạo hay mục sư, họ vẫn có nhiều khả năng xuất sắc hơn trong bất kỳ công tác nào khác cho Nước Đức Chúa Trời mà Ngài kêu gọi họ.

Thuyết bổ sung có thể đặc biệt khắt khe với những người đàn ông hiền hòa hơn, và quá khen ngợi những người đàn ông bẩm sinh quả quyết hay hung hăng. Trong giới theo quan điểm bổ sung, tôi đã được chứng kiến nhiều cuộc trò chuyện về vấn đề những "người đàn ông yếu đuối" không thể lãnh đạo những "phụ nữ mạnh mẽ". Nhưng đây có thật sự là vấn đề chính không? Hay có thể có một cây đà lớn hơn nhiều trong chính mắt chúng ta:

Một số người đàn ông có tố chất lãnh đạo bẩm sinh. Theo thần học của thuyết bổ sung, một người đàn ông lãnh đạo tốt là đang làm theo ý muốn của Đức Chúa Trời. Nhưng nếu một người đàn ông không lãnh đạo tốt, anh

ta đang chiều theo bản tính sa ngã, tội lỗi của mình. Vì vậy, nếu bạn là đàn ông và bạn thấy việc làm người lãnh đạo trong gia đình là tự nhiên và thoải mái, thì bạn dễ nghĩ rằng mình là một Cơ Đốc nhân tốt hơn người đàn ông đằng kia, người đơn giản là không thích làm người lãnh đạo và cũng không giỏi việc đó. Nhưng đây có thật sự là sự thuộc linh – hay chỉ là cá tính?[750]

Ngược lại, thuyết bổ sung có thể đặc biệt khắt khe với những phụ nữ mạnh mẽ, quyết đoán, và lại quá đề cao những phụ nữ vốn có tính dễ thuận phục. Tôi để ý thấy rằng những phụ nữ có điều kiện ở nhà trong khi chồng đi làm, hoặc những phụ nữ vốn có tính dễ chiều theo, thường chẳng gặp vấn đề gì với hiện trạng. Những giả định phụ quyền thời cổ tự xác nhận chính mình: những phụ nữ chỉ chú tâm vào con cái và hoàn toàn lệ thuộc chồng về tài chính thì tự nhiên thuận phục chồng, trong khi chính những người chồng ấy ngày càng tự tin hơn khi tham gia vào đời sống xã hội. Ngày nay trong Hội Thánh vẫn còn nhiều bà mẹ ở nhà nội trợ dễ dàng chấp nhận cùng một giả định ấy. Đối với họ, việc người vợ thuận phục có vẻ là điều đúng đắn. Họ cũng được ca ngợi như những tấm gương về phẩm cách của người nữ tin kính.

Thường gặp hơn là những phụ nữ đi làm, nhất là những người được giao thẩm quyền ở nơi làm việc và có ân tứ lãnh đạo, bắt đầu bực bội trước sự bất công của tình trạng này. Nếu họ lên tiếng phản đối, thì cả sự mạnh mẽ trong quan điểm lẫn việc họ sẵn sàng lên tiếng đều nhanh chóng bị xem là dấu hiệu của một tinh thần không chịu thuận phục.

Hãy nghĩ xem sự phân biệt đối xử về giới tính này bất công đến mức nào: khi lối suy nghĩ theo thuyết bổ sung đã ngự trị, một người nam tự tin, sẵn sàng nói lên cách nhìn của mình, được xem là một người lãnh đạo tiềm năng; còn một người nữ tự tin dám lên tiếng thì bị xem là một mối đe dọa tiềm tàng.

Thuyết bổ sung làm mất đi phần nào khả năng của Hội Thánh trong việc thách thức những hệ thống thứ bậc giới tính gây hại trong xã hội. Ý tưởng nào cũng dẫn đến hậu quả. Đằng sau tai họa toàn cầu là bạo lực đối với phụ nữ là tội lỗi của sự bất bình đẳng giới. Hội Thánh được định để làm muối và ánh sáng trong một xã hội bị tội lỗi tàn phá, thách thức những thái độ và hệ thống bất công, tội

750. Kristen Rosser trong "The Consequences of Complementarianism for Men." www.bit.ly/3BNNCsL

lỗi đang gây ra đau khổ. Thế nhưng các nhà xã hội học trong Phong trào Giải phóng Phụ nữ đã chứng minh một cách đầy thuyết phục rằng

[ở] những xã hội mà đàn ông được ưu tiên và phụ nữ bị đặt dưới quyền họ, chúng ta thấy: sự ưa chuộng con trai dẫn đến hàng chục triệu bào thai nữ bị phá bỏ; sự bất bình đẳng đối với phụ nữ trong giáo dục, y tế, thu nhập, quyền sở hữu tài sản và việc làm; bạo lực đối với phụ nữ lan rộng và được chấp nhận; [và] nạn buôn bán phụ nữ, chủ yếu để làm mại dâm.[751]

Dù không người theo quan điểm bổ sung nào công khai ủng hộ bất kỳ sự bất công nào trong số này, giáo lý về sự tương hỗ giữa hai giới – vốn nâng phụ nữ lên vị trí bình đẳng thật sự với nam giới – là một món quà tốt hơn nhiều cho xã hội, góp phần cứu chuộc xã hội thay vì gieo những hạt giống định kiến có thể khiến sự bất công kéo dài mãi.

Chẳng hạn ở châu Phi và châu Á, vì những lối suy nghĩ phụ quyền, chất lượng cuộc sống của một cô gái trẻ bình thường hoàn toàn tùy thuộc vào lòng tốt hay sự ác ý của cha, các chú bác và anh em trai của cô. Những nền văn hóa bất bình đẳng giới, nơi phụ nữ có rất ít quyền tự quyết, đặt họ dưới sự định đoạt của đàn ông. Vì những nền văn hóa này thường mang tính tôn giáo, và rút ra cách đối xử với phụ nữ từ các cộng đồng đức tin của mình, nên những cô gái này cũng gián tiếp phải chịu sự định đoạt của những gì được dạy dỗ. Thật đáng buồn, một phân tích trên 50 quốc gia cho thấy mức độ bình đẳng giới có tương quan nghịch với mức độ sùng đạo.[752] Những giáo huấn theo thuyết bổ sung khi được áp dụng ở các nước phát triển chỉ đôi khi gây tổn hại cho phụ nữ, vì xã hội rộng lớn chung quanh làm cân bằng lại tác động của chúng; nhưng khi những giáo huấn này lan đến hai phần ba còn lại của thế giới – mà thực tế là chúng vẫn lan đến – thì tác hại của chúng nhân lên gấp bội. Các nghiên cứu cho thấy tôn giáo "là một yếu tố quan trọng định hình các chuẩn mực và khát vọng của cộng đồng đối với phụ nữ và trẻ em gái. Tôn giáo có thể là chất xúc tác cho hành động nhằm cải thiện đời sống phụ nữ, hoặc có thể là nguồn gốc của xung đột và một lực cản đối với sự thay đổi."[753] Vậy thì thật bi thảm biết bao khi những người theo Chúa Giê-xu

751. Giles, 549
752. Nguồn: www.bit.ly/3xSsK5k
753. Berkeley Center for Religion, Peace and World Affairs; Georgetown University (2008). *Challenges of Change: Faith, Gender and Development,* tr. 5

không cất lên một lời kêu gọi rõ ràng về bình đẳng giới vì có hàng triệu phụ nữ đang đau khổ, chỉ vì một giáo lý lầm lạc về sự lệ thuộc của người nữ.

Thuyết bổ sung làm suy yếu khả năng thần học và khả năng giải nghĩa Kinh Thánh của Hội Thánh. Như tôi đã cố gắng chứng minh qua cuốn sách này, nó biến lối giải kinh sai lầm thành điều bình thường. Nó xây dựng những giáo lý quan trọng trên những bản văn khó hiểu, và chấp nhận những cách giải nghĩa các bản văn khó hiểu đi ngược lại sự dạy dỗ của những bản văn rõ ràng hơn. Nó lấy những vấn đề thứ yếu mà biến thành giáo lý cốt lõi – nếu không thì tại sao các giáo sư chủng viện thuộc phái Báp-tít Miền Nam mỗi năm đều phải ký vào Tuyên bố Danvers, nếu không muốn mất việc? Nó bôi nhọ những tín hữu tin Kinh Thánh, có suy nghĩ, nhưng nhìn vấn đề khác đi, cáo buộc họ không xem trọng Kinh Thánh và đầu hàng văn hóa. Trong cách giao tiếp với xã hội, nó khuyến khích thái độ phản ứng bảo thủ thay vì một sự chính thống biết suy xét có phê phán. Cho đến gần đây, nó thậm chí còn lôi cả giáo lý Ba Ngôi vào cuộc tranh luận, và tỏ ra sẵn lòng hình dung lại các mối quan hệ đời đời trong Thần Tính, tất cả chỉ để hậu thuẫn cho sự cam kết có trước của mình đối với thứ bậc giới tính.

Thuyết bổ sung không phục vụ tốt cho thế hệ kế tiếp. Khi tôi đang cân nhắc xem việc đối đầu với thuyết bổ sung có thật sự đáng công sức hay không, chính mối quan tâm của tôi đối với Hội Thánh tương lai đã cho tôi thêm can đảm. Những cấu trúc quyền lực và các liên minh hiện có bên trong phần lớn các Hội Thánh hay hệ phái theo quan điểm bổ sung có thể khiến họ – điều này cũng dễ hiểu – có thành kiến chống lại việc sửa lại thần học của mình trong lãnh vực này; nhưng khi chúng ta đặt chính mình ra ngoài bức tranh và hình dung con cái chúng ta hai mươi năm nữa lãnh đạo chính Hội Thánh ấy, thì mọi sự trở nên rõ ràng hơn. Tôi hình dung một ngày kia chính con cái tôi ngồi trong các ban lãnh đạo Hội Thánh, và viễn cảnh đáng buồn là *chúng* phải bênh vực giáo lý ngày càng không thể bênh vực nổi này. Thật thiển cận biết bao nếu chúng ta để mặc cho chúng dọn dẹp mớ hỗn độn của mình. Nếu chúng ta làm vậy, tôi ngờ rằng chúng có thể nhìn lại thời của chúng ta và thấy thật không thể bào chữa được khi chúng ta lại sẵn lòng đến thế bênh vực một nền thần học thứ bậc dựa trên những lập luận khá mong manh và những mối lo ngại thực dụng mơ hồ.

Tôi có thể còn kể tiếp. Thuyết bổ sung có thể làm thu nhỏ ước mơ của một cô gái trẻ muốn thay đổi thế giới vì Chúa Giê-xu. Nó cho những người chưa tin Chúa, và những Cơ Đốc nhân đang nghi ngờ, thêm một lý do để gạt bỏ Cơ Đốc giáo. Nó có thể khiến những phụ nữ độc thân cảm thấy việc không có chồng làm giảm tiếng nói, sự hữu ích và sự đóng góp của họ, cả trong Hội Thánh lẫn ngoài xã hội. Nó dẫn đến một thực tế bất công: trong các Hội Thánh theo quan điểm bổ sung, những phụ nữ có chồng là người lãnh đạo được tạo điều kiện đóng góp nhiều hơn những phụ nữ có lẽ còn nhiều ân tứ và tận tâm hơn nhưng lại độc thân, hoặc không có chồng là người lãnh đạo. Nó khiến những người nữ có thể thật sự được Đức Chúa Trời kêu gọi (và có lẽ đã được Hội Thánh mình trao quyền) để lãnh đạo và dạy dỗ phải chịu nỗi đau không đáng có là bị những người theo Chúa Giê-xu khác phán xét thay vì khích lệ. Nó có thể tạo nên nơi trú ẩn an toàn cho những người đàn ông bạo hành. Nó làm tăng khả năng người chồng đưa ra những quyết định hạn hẹp, chỉ bằng một bộ óc, thay cho cả gia đình. Nó có thể nuôi dưỡng những cuộc hôn nhân "kiểu cha mẹ – con cái" bóp nghẹt sự phát triển cá nhân, thay vì những cuộc hôn nhân "người lớn – người lớn" với vô vàn khả năng để trưởng thành. Nó có thể nhân lên mặc cảm tội lỗi và áp lực nơi một người mẹ Cơ Đốc đi làm: mặc cảm, vì trong khi đi làm, chị cảm thấy chỗ mình lẽ ra phải ở là ở nhà; và áp lực, vì sau một ngày làm việc trọn vẹn, chị bị đòi hỏi phải lo việc nhà và sắp xếp cho con cái nhiều hơn chồng. Nó có thể khiến người vợ đánh mất phần nào quyền tự quyết của mình; xét cho cùng, sự phát triển của chị dường như chủ yếu tùy thuộc vào việc chồng dẫn dắt chị tốt đến đâu.[754]

Chúa Giê-xu phán: "Xem trái thì biết cây."[755] Dù châm ngôn của Ngài chủ yếu nói về con người và hành động của họ, nó cũng có thể áp dụng cho các giáo lý và hệ quả của chúng. Một giáo lý lành mạnh và chân thật phải đem lại những trải nghiệm tích cực trong các Hội Thánh và nơi các Cơ Đốc nhân. Thế nhưng khi tôi nhìn vào những trái đắng của thuyết bổ sung, tôi lại càng nghi ngờ gấp bội tính đúng đắn của nó. Và hãy nghĩ xem, suốt thời gian qua vẫn

754. Julie, vợ tôi, giải thích: "Trong thuyết bổ sung, tôi quá dễ dàng phó mặc mọi việc cho chồng và ít chủ động hơn. Nhiều lần tôi đã 'buông xuôi', không còn cảm thấy thật sự có trách nhiệm với cuộc đời mình, chức vụ mình và hướng đi của cả hai – dĩ nhiên không bao giờ công khai, nhưng trong đủ mọi quyết định nhỏ mà lại rất hệ trọng, chỉ đơn giản vì, theo một nghĩa rất tinh tế nhưng đầy sức mạnh, tôi có thể làm vậy!"

755. Ma-thi-ơ 12:33

luôn có một lựa chọn khả thi theo Kinh Thánh để thay thế cho thứ chế độ phụ quyền "Cơ Đốc" này – một quan điểm được rất nhiều học giả Kinh Thánh hàng đầu thế giới chủ trương.

HỆ TƯ TƯỞNG CỰC TẢ HAY CON DỐC TRƠN TRƯỢT?

Nhiều người có thể sợ rằng thuyết tương hỗ đang chiều theo ảnh hưởng lan tràn của hệ tư tưởng cực tả, với nền chính trị bản sắc của nó – thứ chính trị mà trớ trêu thay dường như lấy những nạn nhân trước đây của các hình thức phụ quyền bạo hành rồi đặt họ vào vị trí của những kẻ áp bức mới. *"'Đàn ông là rác rưởi', vậy thì hãy để phụ nữ lãnh đạo!"*

Nhưng những ai tìm cách lật ngược cán cân quyền lực để có lợi cho những người trước đây bị tước mất quyền lực thì gần gũi với những kẻ khinh ghét phụ nữ đang canh giữ quyền lực hơn là thoạt nhìn người ta tưởng. Thống trị những kẻ từng thống trị là lấy ác trả ác – và quả thật còn làm trầm trọng thêm sự đổ vỡ trong mối quan hệ nam nữ.

Ngược lại, việc đón nhận thuyết tương hỗ nam–nữ dựa trên xác tín của Kinh Thánh rằng cả nam lẫn nữ, da đen lẫn da trắng, nạn nhân lẫn kẻ gây hại, người có đặc quyền lẫn người không có đặc quyền, đều không có quyền tự thân nào để cai trị bên kia. Thay vì xem một bên là cao trọng hơn theo cách nào đó, nó tìm kiếm sự nương tựa lẫn nhau bắt rễ từ việc khiêm nhường nhìn nhận giá trị thật của người kia, cũng như ý thức về những yếu đuối, điểm mù và tội lỗi của chính mình.

Những lập luận cho thuyết tương hỗ trong cuốn sách này thường bị cáo buộc là lập luận kiểu "con dốc trơn trượt", bị văn hóa của chúng ta đẩy dần đến chỗ nắm lỏng giáo lý chính thống căn bản của Cơ Đốc giáo. Nhưng không phải vậy. Nền văn hóa đề cao bình đẳng của chúng ta có thể đã đặt cuộc trò chuyện này lên bàn, nhưng chính Kinh Thánh chứ không phải văn hóa mới là điều quyết định cuộc trò chuyện phải diễn ra *thế nào*, và phải đi đến đâu. Như tôi đã chứng minh trong cuốn sách này, thật ra chính Kinh Thánh cung cấp năng lượng xúc tác để phục hồi phẩm giá và sự đóng góp của phụ nữ – đó không phải là thành tựu nhỏ khi chúng ta nghĩ đến việc thói khinh ghét

phụ nữ và chế độ phụ quyền đã thống trị các nền văn hóa loài người suốt hàng thiên niên kỷ. Câu hỏi là: từng tín hữu tham gia vào cuộc biến đổi trên toàn Hội Thánh này như thế nào?

TRỞ THÀNH NGƯỜI TẠO NÊN SỰ THAY ĐỔI

Nếu bạn đang ở trong một Hội Thánh khẳng định thuyết tương hỗ ở cấp độ giáo lý, thì cuốn sách này có thể giúp bạn đào sâu thêm những xác tín của mình về vấn đề này.

Nhưng nếu bạn đang ở trong một Hội Thánh theo quan điểm bổ sung, và bạn thấy phần lớn các lập luận trong cuốn sách này là thuyết phục và đúng đắn, thì bạn có thể làm thế nào để khích lệ một sự chuyển đổi từ thứ bậc nam nữ sang thuyết tương hỗ nam–nữ trong Hội Thánh của mình? Câu trả lời cho điều đó phức tạp hơn một chút.

Hãy lên tiếng. Chúa Giê-xu đã giảng: "Phước cho những người làm cho người hòa thuận." Đôi khi cách duy nhất để trở thành người thật sự đem lại hòa thuận là trở thành người có vẻ như phá vỡ sự hòa thuận. Lên tiếng sẽ đòi hỏi can đảm. Và có thể phải trả giá. Nhưng có lẽ bạn có thể tìm được nguồn cảm hứng từ một câu chuyện nằm khuất trong sách Dân Số Ký. Nếu có ai còn nghi ngờ về tầm quan trọng thuộc linh của việc thách thức những luật lệ và chuẩn mực đang duy trì sự bất bình đẳng giới, thì chúng ta có các con gái của Xê-lô-phát để bảo đảm với chúng ta rằng Đức Chúa Trời ủng hộ điều đó. Ở vùng Cận Đông cổ đại, tài sản chính của một người là đất đai. Theo luật thừa kế của Y-sơ-ra-ên, tài sản được truyền từ cha sang con trai, và không bao giờ sang con gái. Nhưng năm người phụ nữ đã can đảm cùng nhau đứng lên chống lại hệ thống bất công này, và dù họ không xóa bỏ được bản chất phụ quyền của nó, họ đã làm cho có được một điều khoản ngoại lệ.

Khi cha họ qua đời, năm người con gái của ông nài xin Môi-se: "Cớ sao danh của cha chúng tôi lại bị xóa khỏi họ hàng ông, chỉ vì ông không có con trai? Xin hãy cho chúng tôi một phần sản nghiệp giữa anh em của cha chúng tôi." Môi-se ân cần trình vấn đề lên Đức Chúa Trời, và Ngài (thật tuyệt vời) đồng ý với những người phụ nữ ấy. Một luật công bằng hơn được ban hành: "Khi

một người nào chết mà không có con trai, thì các ngươi phải giao sản nghiệp người lại cho con gái người. … Đó sẽ là một luật lệ có hiệu lực cho dân Y-sơ-ra-ên, như CHÚA đã phán dặn Môi-se."[756]

Ngày nay cũng vậy, ở đâu các chuẩn mực hay chính sách trong Hội Thánh, hoặc luật pháp của chính quyền và các quy trình trong doanh nghiệp làm tổn hại đến việc đối xử bình đẳng với phụ nữ, thì phụ nữ hoàn toàn chính đáng khi phản đối sự bất công ấy bằng cách đến gặp những người lãnh đạo – là những người, giống như Môi-se, phải xem trọng những mối bận tâm của họ.

Trong bối cảnh các Hội Thánh ngày nay, phụ nữ có thể thách thức thực tế là đàn ông thường chiếm giữ những chức năng chức vụ quan trọng nhất – như lãnh đạo và dạy dỗ. Xét cho cùng, ý tưởng thừa hưởng đất đai trong Cựu Ước về sau được thuộc linh hóa trong Kinh Thánh để nói về cơ nghiệp thuộc linh của một người, hay chức vụ riêng của người ấy giữa vòng dân sự Đức Chúa Trời.[757] Dù chính Đức Chúa Trời là Đấng sau cùng đưa chúng ta vào cơ nghiệp của mình, rất có thể một người ở trong một hệ thống xã hội hay tôn giáo cản trở việc người ấy vươn tới tiềm năng Đức Chúa Trời ban cho mình, đến mức làm nghèo nàn chính Hội Thánh của người ấy và hạn chế khả năng Hội Thánh vươn tới nhiều người hơn đang ở xa Đức Chúa Trời.[758] Điều đó không đúng, và chúng ta cần một số người can đảm lên tiếng một cách duyên dáng và tôn trọng.

Hãy thực tế. Nhà thần học người Canada John Stackhouse rất hữu ích về điểm này:

Chúa Giê-xu bảo chúng ta yêu Đức Chúa Trời và yêu người lân cận. Nhưng chúng ta cần thấy càng rõ càng tốt việc yêu Đức Chúa Trời và yêu người lân

756. Dân Số Ký 27:4, 8, 11

757. Trong Thi Thiên 2:8, cả trái đất, bao gồm toàn thể dân sự của Đức Chúa Trời, là cơ nghiệp riêng của Chúa Giê-xu. Trong Thi Thiên 16:6, Đa-vít nhắc đến việc chia đất hứa và dùng cách bắt thăm để cấp cho mỗi chi tộc và gia đình phần đất của mình. "Các dây đo đã giăng cho tôi nhằm chỗ tốt đẹp; phải, tôi đã được một cơ nghiệp tốt đẹp." Phao-lô nói với một nhóm trưởng lão rằng Đức Chúa Trời muốn ban cho họ "cơ nghiệp chung với hết thảy những người được nên thánh". (Công Vụ Các Sứ Đồ 20:3) Mỗi chúng ta phải "bắt chước những người bởi đức tin và lòng nhịn nhục mà được hưởng những điều đã hứa". (Hê-bơ-rơ 6:12)

758. Việc này không nên làm theo cách gây chia rẽ. Một người có thể đúng về một điều gì đó, nhưng lại tiến hành sai cách. Năm người con gái này là tấm gương cho thấy tầm quan trọng của việc đến thẳng với những người lãnh đạo, thay vì gây chia rẽ bằng cách kể lể sự bất mãn hay cảm giác bị bất công của mình với bất cứ ai chịu nghe.

cận có nghĩa là gì trong một hoàn cảnh cụ thể. Trong một hoàn cảnh nhất định, Đức Chúa Trời muốn điều gì xảy ra? Với những giới hạn hiển nhiên, đâu là những ưu tiên của Đức Chúa Trời? Với những người lân cận cụ thể này, tôi có thể yêu họ bằng những cách nào, và họ sẽ để tôi yêu họ bằng những cách nào? Cái nhìn thực tế như vậy sẽ giúp chúng ta đưa ra những quyết định khó khăn cần thiết trong một thế giới mà thường thì chúng ta không thể thành công trong mọi điều mình cố gắng, một thế giới mà chúng ta thường phải chấp nhận chỉ được nửa ổ bánh, một thế giới mà chúng ta thường đối diện với sự xung đột giữa các giá trị và phải hành động vì giá trị cao hơn với cái giá là giá trị thấp hơn.

Chúng ta cần xem xét một cá nhân, hay một nhóm hoặc một tầng lớp người cụ thể, có thể đạt được điều gì trong một hoàn cảnh nhất định. Chẳng hạn, các trưởng lão trong một Hội Thánh cụ thể sẽ không lắng nghe nhiều người trẻ, dù họ đúng đến đâu. Nhiều người nam sẽ không lắng nghe phụ nữ. Điều đó không công bằng, và không tốt, nhưng thực tế là như vậy. Những Cơ Đốc nhân ấy cần quyết định, giữa những lựa chọn thực tế của mình, làm thế nào để tôn vinh Đức Chúa Trời và mở mang Nước Ngài cách tốt nhất. Càng sớm càng tốt, họ nên vứt bỏ mọi ảo tưởng rằng mình sẽ được lắng nghe chỉ nhờ giá trị của các lập luận, bất kể những thực tại xã hội của hoàn cảnh.

Để tôi khỏi bị hiểu lầm về điểm này, tôi xin khẳng định niềm tin của tôi rằng Đức Thánh Linh có thể biến đổi lòng người và đôi khi Ngài làm điều đó bằng những cách đầy bất ngờ. Nhưng chúng ta cần nhìn nhận cách thực tế rằng điều chúng ta đang nói đến lúc này là một sự tạm ngưng các mối quan hệ bình thường giữa con người, điều mà tôi gọi là một "phép lạ xã hội học".[759]

Trong Hội Thánh trước đây của tôi, gồm mười hội chúng với hàng ngàn người, tôi đã hy vọng phê bình một cách thực chất nền thần học của những người cùng ra quyết định với tôi: ban lãnh đạo cấp cao gồm chừng mười người. Điều dễ hiểu là tôi bị xem như một mối đe dọa cho sự hiệp một của Hội Thánh. Điều gì sẽ xảy ra nếu chỉ một nửa trong số những người này thay đổi suy nghĩ? Khi đó cả Hội Thánh sẽ bị chia làm đôi. Còn nếu chỉ hai hay ba người trong số họ thay đổi suy nghĩ thì sao? Điều này có lẽ sẽ khiến họ mất việc, và mất chỗ ngồi tại bàn quyết định. Tôi đã ngây thơ hy vọng vào "một

759. John Stackhouse, Finally Feminist, tr. 99-100.

phép lạ xã hội học". Khả năng tất cả hoặc phần lớn những người này không những thay đổi suy nghĩ, mà còn thay đổi suy nghĩ cùng một lúc là bao nhiêu? Hóa ra là rất thấp.[760]

Dù vậy, bất chấp nỗi lo âu mà vấn đề này đã gây ra cho nhiều anh em của tôi, tôi tin rằng việc nêu vấn đề ra là đúng. Và tôi vẫn đầy hy vọng, nhờ điểm tiếp theo.

Hãy nhìn xa. Stackhouse viết tiếp:

Có thể có một số hoàn cảnh mà việc thúc đẩy [thuyết tương hỗ] quá nhanh và quá xa sẽ gây ra rạn nứt, thậm chí hủy hoại một cuộc hôn nhân hay một hội chúng. Điều đó dường như, ít nhất là nói chung, không phải là ý muốn của Đức Chúa Trời. Người cuồng tín về ý thức hệ có thể tìm được sự thỏa mãn cá nhân trong sự thuần khiết và lòng nhiệt thành của mình, nhưng Đức Chúa Trời quan tâm đến những con người thật hơn nhiều so với những nguyên tắc trừu tượng.[761]

Thật đúng như vậy! Hãy nghĩ xem Đức Chúa Trời đã kiên nhẫn với mỗi chúng ta biết bao, dẫn dắt chúng ta theo ý muốn và đường lối Ngài nhanh hết mức chúng ta có thể theo, nhưng hiếm khi nhanh hơn sức chúng ta. Vì thế, việc nhẹ nhàng, kiên trì thúc đẩy Hội Thánh suy nghĩ lại về vấn đề này nên đi đôi với sự ủng hộ đầy trân trọng đối với mọi công việc chân thật mà Đức Thánh Linh đang làm trong Hội Thánh ấy.

Hãy cân nhắc các lựa chọn của bạn. "Nếu chúng ta không có cơ sở vững chắc để trông đợi một phép lạ trong một trường hợp cụ thể, thì chúng ta nên đưa ra những lựa chọn khác – trước khi chúng ta trở nên cay đắng không chỉ với các

760. Có người có thể thắc mắc tại sao một số Hội Thánh không đơn giản chấp nhận cả thuyết bổ sung lẫn thuyết tương hỗ. Nhưng vấn đề này thuộc về một loại giáo lý đặc biệt, gọi là "niềm tin định hình". Để tôi giải thích. Có ba loại giáo lý. Có những giáo lý thiết yếu – đây là những điều thật sự không thể thương lượng của đức tin Cơ Đốc chính thống. Hãy nghĩ đến Bài Tín Điều Các Sứ Đồ, nghĩ đến thần tính của Chúa Giê-xu và công việc cứu rỗi của thập tự giá. Rồi có những vấn đề còn tranh cãi – hãy nghĩ đến việc uống rượu và những niềm tin về lời tiên tri thời kỳ cuối cùng. Rồi có những niềm tin định hình – đây là những giáo lý còn tranh cãi trong toàn thể Cơ Đốc giáo, nhưng lại định hình cách một Hội Thánh vận hành. Chẳng hạn, một Hội Thánh phải quyết định xem mình có tin vào các ân tứ siêu nhiên của Đức Thánh Linh hay không, có do các trưởng lão lãnh đạo hay không, và dĩ nhiên, các trưởng lão ấy phải thuộc giới tính nào. Những người lãnh đạo Hội Thánh phải hiệp một trong câu trả lời cho những câu hỏi này, vì chúng định hình cách thực hành của Hội Thánh.

761. John Stackhouse, Finally Feminist, tr. 100.

anh chị em trong Hội Thánh vì sự ngoan cố của họ, mà còn với Đức Chúa Trời vì Ngài không làm phép lạ mà chúng ta tìm kiếm."[762] Nếu bạn đi đến chỗ không đồng ý với nền thần học theo quan điểm bổ sung trong Hội Thánh mình, hãy kết hợp sự sẵn sàng lên tiếng với điều mà Stackhouse gọi là "sự ngập ngừng mang tính tiên tri".

Chúng ta nhìn nhận sự ưu tiên của việc chờ đợi khi chúng ta ngập ngừng trước khi hành động. Chúng ta nhớ đến sự hữu hạn và tội lỗi của mình, và tự nhắc mình rằng quyền chủ động không thuộc về con người. … Giữa lúc hành động, chúng ta dừng lại và lặp lại … như một dấu hiệu của sự tôn trọng – đối với Đức Chúa Trời và các loài thọ tạo mà chúng ta cùng chia sẻ trái đất. Và điều đó bày tỏ sự khiêm nhường: có những giá trị và thực tại vượt quá sự hiểu biết và kiểm soát của chúng ta.[763]

Chúng ta cũng nên thấm đẫm mọi nỗ lực của mình bằng sự cầu nguyện. Và khi làm vậy, chúng ta phải tin cậy rằng công khó của mình, giống như sự kiên nhẫn của một người phụ nữ mang thai, rốt cuộc sẽ sinh ra bông trái là một Hội Thánh tốt đẹp hơn.

Nếu bạn phải quyết định nên ở lại Hội Thánh bất chấp mọi điều, hay rời đi vì vấn đề này, thì đâu là lựa chọn tốt nhất?

Ở lại có thể tốt hơn. Những người theo Chúa Giê-xu cách tận hiến không được tự do rời bỏ một Hội Thánh mỗi khi họ không đồng ý với một khía cạnh nào đó trong cách Hội Thánh mình làm việc. Quá nhiều người trong chúng ta, trong các nền văn hóa cá nhân chủ nghĩa hiện đại, đã đánh mất ý niệm về giao ước nằm ở cội rễ sự gắn bó của cộng đồng mình. Chúng ta có thể chọn bạn bè, nhưng chúng ta không chọn gia đình. Trong hầu hết các trường hợp, chúng ta nên xem như Đức Chúa Trời đã chọn gia đình Hội Thánh này – với đủ mọi khuyết điểm – cho chúng ta.

Hơn nữa, nếu mọi người mong mỏi một ngày tốt đẹp hơn cho giáo lý của Hội Thánh mình đều cứ thế bỏ đi, thì còn hy vọng gì để một ngày kia Hội Thánh ấy thay đổi giáo lý của mình cách thấu đáo? Trong lúc ấy, khi cầu nguyện chờ đợi sự thay đổi, chúng ta có thể noi theo sự khiêm nhường và

762. John Stackhouse, Finally Feminist, tr. 100.
763. Glenn Tinder, The Political Meaning of Christianity, tr. 164. Trích dẫn trong Stackhouse, tr. 97.

nhịn nhục của Chúa Giê-xu hết sức mình, và học kỷ luật vui mừng về tất cả những gì đáng vui mừng trong Hội Thánh mình.

Tiến trình nên thánh trong rất nhiều cuộc hôn nhân thường đưa một người đến chỗ có điều gì đó họ thật sự không thích nơi người bạn đời của mình, nhưng họ vẫn tìm được ân điển và lòng thương xót để ở lại trong cuộc hôn nhân ấy, và tìm thấy ý nghĩa cùng hạnh phúc thật sự trong đó. Nguyên tắc ấy cũng có thể áp dụng cho Hội Thánh của chúng ta.

Dù vậy, đối với một số người, việc ở lại trong một Hội Thánh không ủng hộ thuyết tương hỗ nam–nữ có thể là điều không chịu nổi hoặc không khôn ngoan. Khi những người theo quan điểm tương hỗ hỏi tôi họ nên ở lại hay rời Hội Thánh, tôi hỏi họ hai câu. Câu thứ nhất là: "Trong vùng bạn sống, có Hội Thánh nào theo quan điểm tương hỗ mà bạn có thể hình dung mình sẽ đến sinh hoạt không?" Với những người ở các thị trấn nhỏ, có thể đơn giản là chẳng có Hội Thánh nào như vậy.

Câu hỏi thứ hai tôi hỏi là: "Nếu bạn lập một danh sách, từ cao nhất đến thấp nhất, gồm mười điều rất quan trọng đối với bạn trong một Hội Thánh, thì bạn sẽ đặt thuyết tương hỗ nam–nữ ở đâu: trong năm mục đầu, hay trong năm mục cuối?" Quy tắc kinh nghiệm của tôi – hoàn toàn không được xem như sự dẫn dắt của Đức Thánh Linh – là: nếu giá trị này nằm trong năm mục đầu của bạn, thì có lẽ bạn khó lòng ở lại lâu dài trong Hội Thánh đó. Tuy nhiên, nếu nó nằm trong năm mục cuối, thì có lẽ nó không đủ quan trọng để trở thành yếu tố quyết định bạn sẽ sinh hoạt ở Hội Thánh nào.

Nếu chúng ta không thể ở lại và trong vùng mình sống không có Hội Thánh phù hợp nào để gia nhập, thì một lựa chọn khác có thể là bắt đầu một Hội Thánh mới – dĩ nhiên chỉ khi Đức Chúa Trời dẫn dắt như vậy. Đôi khi, đổ rượu mới vào bầu da mới có thể tốt hơn là gây áp lực lên một bầu da cũ đã bị khâu suốt từ đầu đến cuối bằng sợi chỉ của thuyết bổ sung.

LỜI KẾT: CHÚA GIÊ-XU NHÌN PHỤ NỮ NHƯ THẾ NÀO

Chúa Giê-xu là thần học hoàn hảo. Ngài là sự tự mặc khải của Đức Chúa Trời. Nếu chúng ta muốn biết Đức Chúa Trời nhìn phụ nữ như thế nào, chúng ta chẳng cần đi đâu xa hơn việc đọc các sách Phúc Âm để thấy Chúa Giê-xu nhìn phụ nữ như thế nào.

Trong Lu-ca 13, Chúa Giê-xu đang dạy dỗ trong một nhà hội vào ngày Sa-bát thì Ngài gặp một người phụ nữ bị Sa-tan làm cho tàn tật suốt mười tám năm. Kinh Thánh chép: "bà còng lưng, không thể đứng thẳng lên được chút nào. Khi Chúa Giê-xu thấy bà …"

Hãy chậm lại …

Chúa Giê-xu …

thấy …

bà.

Trước đó trong sách Phúc Âm Lu-ca, chúng ta thấy Chúa Giê-xu cố giúp một người đàn ông nhìn thấy nơi một người phụ nữ điều mà Ngài thấy: "[Chúa Giê-xu] quay lại phía người đàn bà và phán với [người ấy]: 'Ngươi có thấy người đàn bà này không?'"[764] Câu hỏi của Ngài vẫn còn vang vọng đến mỗi chúng ta ngày nay.

Cách Chúa Giê-xu nhìn thấy người phụ nữ còng lưng gợi nhớ đến việc Đức Chúa Trời đoái xem A-ga trong sách Sáng Thế Ký. Đức Chúa Trời đã làm cho A-ga thế nào, thì Chúa Giê-xu cũng làm như vậy ở đây. Ngài không chỉ nhìn thấy bà. Ngài giải phóng bà. Ngài khơi dậy sự cao quý nơi bà. Tiếp đó, "Ngài gọi bà đến gần và phán: 'Hỡi người đàn bà kia, ngươi đã được giải thoát khỏi

764. Lu-ca 7:44

bệnh tật mình.'"[765] Ngài đặt tay trên bà; lập tức bà đứng thẳng lên, cao hơn bao giờ hết, và ngợi khen Đức Chúa Trời!

Bạn có hình dung được những người có mặt cùng vui mừng với bà không?

Đừng vội: người cai nhà hội nổi giận vì Chúa Giê-xu lại chữa lành bà vào ngày Sa-bát. Điều này khiến Chúa Giê-xu nổi giận, và Ngài buộc tội ông ta quan tâm đến súc vật của mình hơn là quan tâm đến người phụ nữ này.

Hãy dừng lại ở đó.

Đây là một người phụ nữ đã sinh hoạt trong cộng đồng đức tin này gần hai mươi năm, thân thể biến dạng và còng gập trong đau đớn. Người lãnh đạo thuộc linh, người có nhiệm vụ nhìn những người trong cộng đồng mình như Đức Chúa Trời nhìn họ, dường như chẳng hề bận tâm trước tình trạng thảm thương của bà.

Chỉ khi bà đứng thẳng lên thì ông ta mới phật ý.

Rồi Chúa Giê-xu còn gây chấn động hơn nữa cho cả hội chúng khi Ngài ban cho người phụ nữ này một danh xưng chưa từng được ban cho ai trước đó: "[N]gười đàn bà này [là] con gái của Áp-ra-ham." Sarah Bessey nhận xét về khoảnh khắc này: "Người ta chỉ từng nghe nói đến 'con trai của Áp-ra-ham' – chưa bao giờ nghe đến con gái. Nhưng khi Chúa Giê-xu thốt lên những lời 'con gái của Áp-ra-ham', Ngài đã cho bà một chỗ đứng bên cạnh các con trai, nhất là bên cạnh những kẻ đang gầm gừ với ý thức rằng tất cả thuộc quyền sở hữu riêng và độc quyền của họ."[766]

Không chỉ danh xưng mới phục hồi chỗ đứng của bà trong thế giới của Đức Chúa Trời. Mà còn là vóc dáng được phục hồi của bà. Chúa Giê-xu là bậc thầy về hành động mang tính biểu tượng. Hãy nghĩ đến sự nhục nhã, nỗi thống khổ tinh thần và cơn đau thể xác của bà. Trong một thế giới phụ quyền, mọi phụ nữ đều bị còng lưng theo cách này hay cách khác, oằn mình dưới quan niệm sai lầm rằng đôi khi họ kém hơn đàn ông, hoặc ở dưới đàn ông. Và ngay cả khi họ thật sự xem mình bình đẳng với đàn ông, thì quá thường xuyên họ vẫn không cảm thấy được tự do để vươn mình ra trong trọn vẹn ân tứ và sự đóng góp của mình.

765. Lu-ca 13:11-13
766. Sarah Bessey, Jesus Feminist, chương 1.

Gần đây một mục sư người Na Uy thuộc thế hệ thứ ba kể cho tôi nghe về cuộc trò chuyện của anh với ông nội tám mươi tuổi. "Ông chỉ có một điều hối tiếc, và ông sẵn lòng làm mọi thứ để được quay lại mà thay đổi nó," người đàn ông đang hấp hối nói trong nước mắt. "Vợ ông chưa bao giờ được giải phóng trọn vẹn để sử dụng ân tứ của mình. Lẽ ra ông đã có thể thay đổi điều đó. Lẽ ra ông đã có thể đối đầu với văn hóa Hội Thánh đã giữ bà trong bóng tối."

Cả sự sáng tạo lẫn sự cứu chuộc phải đánh thức chúng ta đứng lên chống lại những mưu chước của những người gia trưởng chỉ trao quyền cai trị cho đàn ông và thuần hóa phụ nữ. Theo Sáng Thế Ký 1, những Peter, Susan, Edmund và Lucy đều phải cùng nhau cai trị, bên cạnh nhau. Và những người nữ được cứu chuộc mang cùng một bản chất với Sư Tử của Giu-đa đã sống lại. Dù nhiều người trong chúng ta cảnh giác trước nguy cơ thuần hóa Chúa Giê-xu thành một con vật nuôi trong nhà, chúng ta vẫn khuất phục những người chị em vương giả của Ngài, là những người mang dòng máu Sư Tử.

Như Chúa Giê-xu đã làm cho người con gái của Áp-ra-ham này nhiều thế kỷ trước, Ngài vẫn làm như vậy ngày nay: đối đầu với những ai thích phụ nữ phải còng lưng; đem thuốc chữa lành cho những cây sậy đã giập; và biến những cây non bị oằn gập thành những cây sồi cao lớn của sự công chính. Đặc ân và trách nhiệm của chúng ta là cùng Ngài tham gia vào công việc thánh này – mời gọi mọi người phụ nữ vươn mình ra và vươn lên, bên cạnh đàn ông, vào tất cả những gì Đức Chúa Trời định cho họ.

PHỤ LỤC 1: ĐỨC CHÚA TRỜI CÓ PHẢI LÀ NAM GIỚI KHÔNG?

Trong Kinh Thánh, Đức Chúa Trời bày tỏ chính Ngài chủ yếu qua những hình ảnh nam tính. Nếu Chúa Giê-xu là sự tự mặc khải cao nhất của Đức Chúa Trời, thì việc Ngài là nam giới càng làm nổi bật thêm cảm nhận này của chúng ta. Nhiều người theo nữ quyền khước từ Kinh Thánh chỉ vì lý do này – họ nói rằng một Đức Chúa Trời nam giới rõ ràng là sản phẩm phụ quyền do đàn ông tạo ra, là một món tạo tác ưu ái sự trỗi vượt và quyền lực của nam giới trên phụ nữ. Đúng là trong suốt lịch sử, đàn ông Cơ Đốc đã dùng điều này làm lý lẽ cho quyền được tiếp tục nắm giữ quyền lực của mình. Suy cho cùng, Kinh Thánh dễ bị dùng để ủng hộ kết luận này (cũng như dễ bị dùng để ủng hộ hầu như mọi hình thức áp bức khác). Có cách nào để chấp nhận Kinh Thánh là Lời Đức Chúa Trời, kể cả việc Kinh Thánh mô tả "tính nam" của Đức Chúa Trời, mà không tôn chế độ phụ quyền lên làm lý tưởng không?

Chắc chắn là có! Nhưng chỉ khi người ta đọc Kinh Thánh một cách *cẩn trọng*.

Hầu hết các nhà thần học nghiêm túc ở mọi thời đại đều bác bỏ ý tưởng cho rằng Đức Chúa Trời có bộ phận sinh dục hay những dấu hiệu khác của nam giới loài người. Theo một nghĩa, Đức Chúa Trời không phải nam cũng không phải nữ, nhưng *trong cách Ngài chọn để bày tỏ chính mình cho chúng ta*, Ngài vừa là nam vừa là nữ. Bằng chứng rõ nhất cho điều này là chương đầu tiên của Kinh Thánh: "Đức Chúa Trời dựng nên loài người theo hình ảnh Ngài, Ngài dựng nên họ theo hình ảnh Đức Chúa Trời; Ngài dựng nên họ là người nam và người nữ."[767] Hãy để ý rằng người nam *và* người nữ *cùng nhau* thể hiện và bày tỏ rõ nhất một điều gì đó về bản thể của Đức Chúa Trời. Không phải người nam mang hình ảnh Đức Chúa Trời thì giống Đức Chúa Trời, còn người nữ mang hình ảnh Ngài thì xa lạ với Đức Chúa Trời. Cả người nữ *lẫn* người nam đều nhận bản thể của mình từ Đức Chúa Trời và bằng cách nào đó gắn liền với sự giống như Ngài.

767. Sáng Thế Ký 1:27

NHỮNG HÌNH ẢNH NỮ TÍNH VỀ ĐỨC CHÚA TRỜI

Hầu hết các nhà lãnh đạo Hội Thánh và những người giảng Kinh Thánh đều khẳng định rằng Đức Chúa Trời vừa là nam vừa là nữ, dù trong Kinh Thánh Ngài phần lớn được bày tỏ qua những hình ảnh nam tính. Tuy nhiên, tôi để ý thấy trong những truyền thống Hội Thánh mà tôi từng thuộc về, chúng ta quá thường trình bày Ngài *luôn luôn* là nam và *không bao giờ* là nữ.

Trong khi đó, Kinh Thánh cung cấp rất nhiều hình ảnh nữ tính về Đức Chúa Trời. Margo Houts, trong *The IVP Women's Bible Commentary*[768], đưa ra một số mô tả tiêu biểu về Đức Chúa Trời, Đấng được trình bày như một người mẹ sinh ra dân Y-sơ-ra-ên; cho con mình bú; không quên đứa con mình đang nuôi; an ủi con cái mình; và kêu gọi, dạy dỗ, bồng ẵm, chữa lành và nuôi dưỡng con nhỏ của mình.[769] Ở nhiều chỗ khác nhau trong câu chuyện Kinh Thánh, Đức Chúa Trời là một người thợ may may quần áo cho dân Y-sơ-ra-ên mặc; một bà đỡ giúp một ca sinh nở; một người phụ nữ có quyền "mà người tớ gái của bà trông đợi lòng thương xót"; một người phụ nữ nhồi men vào bột làm bánh; và một người phụ nữ đang chuyển dạ, mà những hơi thở mạnh mẽ của bà là hình ảnh của quyền năng thiên thượng.[770] Khi Chúa Giê-xu đưa mắt nhìn đám đông sắp đóng đinh Ngài, Ngài kêu lên: "Hỡi Giê-ru-sa-lem, Giê-ru-sa-lem, ngươi giết các tiên tri và ném đá những người được sai đến cùng ngươi! Biết bao lần Ta muốn tập hợp con cái ngươi như gà mái túc con mình dưới cánh, mà các ngươi chẳng muốn!"[771] Làm như vậy, Ngài dùng cho chính mình một hình ảnh thường lặp lại về Đức Chúa Trời như một con chim mái ấp ủ con mình dưới cánh,[772] thường được nói rõ là chim đại bàng[773]. Ở một chỗ khác, tình yêu mãnh liệt của Đức Chúa Trời được ví như một con gấu cái đang điên tiết: "Như gấu cái bị cướp mất con, Ta sẽ vồ lấy chúng và xé toang chúng ra."[774]

768. Margo G. Houts, "Images of God as Female," trong The IVP Women's Bible Commentary, tr. 356-58. Trích dẫn trong Peppiatt, chương 1.
769. Dân Số Ký 11:12; Phục Truyền Luật Lệ Ký 32:18; Ê-sai 49:14-15; 66:12-13; Ô-sê 11:1-4
770. Nê-hê-mi 9:21; Thi Thiên 22:9-10; 71:6; Ê-sai 66:9; Thi Thiên 123:4; Lu-ca 13:20-21; Ê-sai 42:14
771. Ma-thi-ơ 23:37
772. Thi Thiên 17:8; 36:7; 57:1; 91:1, 4; Ê-sai 31:5
773. Phục Truyền Luật Lệ Ký 32:11-12; Xuất Ê-díp-tô Ký 19:4; Gióp 39:27-30
774. Ô-sê 13:8

Hiện nay tôi đang cùng các con đọc qua một số phân đoạn chọn lọc trong Kinh Thánh. Khi lần đầu đọc Châm Ngôn 8, chương nhân cách hóa Sự Khôn Ngoan thành một người nữ, qua người mà công trình sáng tạo được sinh ra, tôi hỏi các con mỗi đứa thích phần nào nhất trong chương ấy – con gái tôi vui vẻ nói rằng con thích chi tiết Đức Chúa Trời là một người nữ. Tôi nhẹ nhàng sửa lại cho con, giải thích rằng thật ra phân đoạn ấy nói về Sự Khôn Ngoan như một dạng nhân vật trung gian, không phải Đức Chúa Trời cũng không phải loài thọ tạo.

Thế nhưng khi suy ngẫm thêm, chính Phao-lô, và tiếp sau ông là nhiều giáo phụ thời đầu và các nhà thần học cổ xưa, đã ghi nhận rằng trong phân đoạn này có nhiều điều đang diễn ra hơn là chúng ta thường chịu thừa nhận. Phao-lô dạy rõ ràng rằng Chúa Giê-xu là "sự khôn ngoan của Đức Chúa Trời", là Đấng mà trong Ngài "giấu kín mọi kho tàng của sự khôn ngoan"[775]. Đấng Christ, chính hiện thân của sự khôn ngoan, vừa là chính Đức Chúa Trời vừa là Đấng mà qua Ngài muôn vật được dựng nên. Tương tự, giáo phụ Irenaeus giải thích người nữ bí ẩn này như một phương diện của bản thể Đức Chúa Trời, chỉ về hoặc Đức Thánh Linh, hoặc Chúa Giê-xu là Ngôi Lời (ám chỉ Chúa Giê-xu trong Giăng 1:1-3 và Hê-bơ-rơ 1:1-2). Chúng ta không thể chắc chắn, nhưng việc các tác giả Tân Ước và Irenaeus đồng nhất "bà" với Đức Chúa Con và Đức Thánh Linh thách thức những nỗ lực của chúng ta nhằm xóa bỏ các mầu nhiệm của Đức Chúa Trời, ở đây được mô tả theo cách nữ tính.

Đức Chúa Trời nói bập bẹ

Nhà thần học thời Cải cách John Calvin đã vật lộn với cách Kinh Thánh gán cho Đức Chúa Trời "miệng, tai, mắt, tay và chân". Ông giải thích rằng những điều này không nên hiểu theo nghĩa đen: "Như các bà vú vẫn làm với trẻ thơ, Đức Chúa Trời 'nói bập bẹ' khi phán với chúng ta. Những lối nói như thế không diễn tả rõ Đức Chúa Trời là thế nào cho bằng làm cho sự hiểu biết về Ngài *thích ứng* với khả năng nhỏ bé của chúng ta. Để làm điều này, Ngài phải

775. 1 Cô-rinh-tô 1:30 và Cô-lô-se 2:3

hạ mình xuống thấp hơn rất xa so với sự cao cả của Ngài."[776]

Thuật ngữ thần học chỉ sự sẵn lòng của Đức Chúa Trời bày tỏ chính Ngài cho tâm trí chúng ta theo những cách của con người được gọi là *nhân hình hóa* (anthropomorphism), nghĩa là *mang lấy hình dạng con người*. Calvin dùng chữ "thích ứng" với ý rằng Đức Chúa Trời cúi xuống từ sự cao cả khôn dò của Ngài và "nói bập bẹ", để chúng ta, những loài thọ tạo hữu hạn, có thể bắt đầu hiểu thêm về Ngài. Đức Chúa Trời có biết bao điều muốn bày tỏ cho chúng ta, nhưng Ngài phải chấp nhận dùng ngôn ngữ, các khuôn mẫu tư duy và phạm vi kinh nghiệm của con người chúng ta. Những sự thích ứng này, dù bày tỏ được nhiều điều, cũng không nắm bắt được mọi điều có thể biết về một Đức Chúa Trời vô hạn và thánh khiết, Đấng mà theo định nghĩa là quá vĩ đại để có thể gói gọn trong giới hạn của tâm trí loài thọ tạo. Đúng là Đức Chúa Trời là một người chủ vườn nho, một vầng đá che chở, một chiến binh dũng mãnh, một người chồng, một người mẹ, một người cha, một người thợ gốm, một người chăn chiên, một người thợ xây và một vị vua – mỗi hình ảnh ấy cho chúng ta biết một điều *có thật* về Đức Chúa Trời, nhưng không phải *mọi điều* về Ngài. Và chúng ta không nên đẩy những ẩn dụ này đi quá xa – ngay cả những phép loại suy tốt nhất cũng không truyền đạt trọn vẹn mọi điều về Đức Chúa Trời.

Tương tự, khi Đức Chúa Trời bày tỏ chính Ngài như một người nam, Ngài đang nói bập bẹ. Không giống như các thần của Ấn Độ giáo, vốn mang giới tính theo nghĩa đen và có thể giao hợp với các thần khác, Yahweh không phải là nam giới theo nghĩa đen. Tính nam của Ngài là một phép loại suy. Mỗi phép loại suy Đức Chúa Trời dùng đều có giới hạn. Chẳng hạn, Kinh Thánh nhắc đến cánh tay và mắt của Đức Chúa Trời, nhưng phép loại suy về tính nam không dẫn chúng ta đến chỗ hình dung cả phần dưới thắt lưng của Ngài. Chúa Giê-xu dạy rằng Đức Chúa Trời là Thần.[777] Như vậy, Ngài không có một thân thể nam giới cùng với các bộ phận đi kèm. Những ẩn dụ của con người, cùng lắm, cũng chỉ là nỗ lực mô tả một phần nào đó của một Đức Chúa Trời mà trên thực tế là không thể mô tả được. Hình ảnh nam tính về Đức Chúa Trời, vốn rất phổ biến trong Kinh Thánh, không thật sự cho thấy Đức Chúa Trời có giới tính, có thân thể hay có tính dục, cũng như Hội Thánh

776. John Calvin, Institutes of the Christian Religion, 1.13.1. Trích dẫn trong Peppiatt, chương 1.
777. Giăng 4:24

không thật sự là một cô dâu trinh nữ đang chờ chồng mình. Dù vậy, điều này dẫn đến một câu hỏi.

VÌ SAO TÍNH NAM CỦA ĐỨC CHÚA TRỜI LẠI PHỔ BIẾN ĐẾN THẾ?

Nếu Đức Chúa Trời thật ra không phải là nam giới, vậy tại sao Ngài lại chọn bày tỏ chính mình trong Kinh Thánh phần lớn như một người nam? Tại sao Đức Chúa Trời bày tỏ "himself" (chính Ngài, ở giống đực) chứ không phải "herself" (ở giống cái) cho chúng ta?

Mỗi sách hợp thành Kinh Thánh đều được viết vì chúng ta, nhưng không nhất thiết được viết gửi cho chúng ta. Mỗi tác giả – Môi-se, A-mốt, Đa-vít, Phi-e-rơ – viết cho những con người cụ thể, vào một thời điểm cụ thể, trong một hoàn cảnh cụ thể. Chúng ta chỉ có thể hiểu Lời Đức Chúa Trời *cho chúng ta* khi đã hiểu đúng Lời Đức Chúa Trời *gửi đến họ*. Đó là lý do để hiểu Lời Đức Chúa Trời, chúng ta cần gác lại những cảm quan và giả định của nền văn hóa mình, và cố gắng hết sức bước vào khuôn khổ văn hóa của họ. Điều này dẫn đến một phần câu trả lời của chúng ta: *ở hầu hết các chỗ trong Kinh Thánh, Đức Chúa Trời thấy tốt nhất là hạ mình thích ứng với một nền văn hóa phụ quyền cổ xưa bằng cách bày tỏ mình như một người nam*. Nhà thần học người Canada John Stackhouse thách thức chúng ta suy nghĩ xem tại sao lại như vậy. Đây là lời giải đáp ông đưa ra:

Trong Kinh Thánh, Đức Chúa Trời tìm cách truyền đạt cho loài người hai điểm chính về chính Ngài. Điểm thứ nhất là Ngài siêu việt, toàn năng, tự hữu; là Đấng Tạo Hóa[778] và Đấng duy trì muôn vật, Tác Giả của lịch sử, Đấng bảo vệ sự công chính, Đấng phán xét thế gian, Đấng hoàn tất các thời đại. Làm sao Đức Chúa Trời có thể truyền đạt điểm này tốt nhất cho con người trong các nền văn hóa thời Cựu Ước và Tân Ước? Bằng cách dùng hình ảnh

778. Cho phép tôi khai triển thêm ý tưởng về Đức Chúa Trời như một Đấng Tạo Hóa nam. Vì Cựu Ước nhấn mạnh rằng Đức Chúa Trời khác với các thần giả, và cũng dự phần vào công trình sáng tạo của Ngài nhưng vẫn khác biệt với nó, nên sự mặc khải thích ứng của Đức Chúa Trời như một Đấng Tạo Hóa nam truyền đạt điều này tốt hơn so với trường hợp Đức Chúa Trời là một Đấng Tạo Hóa nữ. Chẳng hạn trong sự sinh sản, người mẹ tạo ra sự sống từ bên trong chính mình, nên ẩn dụ này sẽ làm mất đi sự phân biệt rạch ròi giữa Đấng Tạo Hóa và loài thọ tạo.

chúa tể, người cai trị, quân vương, quan án, ông chủ – hình ảnh của những địa vị mà trong các nền văn hóa ấy nói chung đều do nam giới nắm giữ.

Điểm thứ hai, bổ trợ cho điểm thứ nhất, mà Đức Chúa Trời tìm cách truyền đạt cho chúng ta là Ngài hết lòng quan tâm đến loài người cũng như phần còn lại của công trình sáng tạo. Đức Chúa Trời đã dựng nên chúng ta, chăm sóc chúng ta, sửa phạt chúng ta, và kéo chúng ta vào sự tương giao được đổi mới với chính Ngài. Đặc biệt, Đức Chúa Trời chọn và yêu quý một dân tộc, lập với họ một giao ước chăm sóc, và tìm cách kết nối với họ một mối dây đời đời của sự tận hiến trung tín, hai chiều. Làm sao truyền đạt điều này cho con người trong các nền văn hóa thời Cựu Ước và Tân Ước? Bằng cách dùng hình ảnh người yêu – hình ảnh cha mẹ, đúng vậy, nhưng còn hơn thế nữa là hình ảnh người cầu hôn và người phối ngẫu. Để kết hợp hai ý tưởng chúa tể và người yêu, chắc chắn phần lớn phải cần đến hình ảnh nam tính. Trong những nền văn hóa mà người nam chủ động trong việc tìm hiểu, phải theo đuổi và chinh phục cô dâu (thường với sự đồng ý của cha mẹ cô), hình ảnh một người nam cầu hôn là tự nhiên nhất. Trong những nền văn hóa mà người chồng và người cha cai quản gia đình, chu cấp vật chất và bảo vệ gia đình, hình ảnh nam tính là tự nhiên nhất.

Khi "nói bập bẹ", người ta có thể bị hiểu lầm. Sự thích ứng là rủi ro mà Đức Chúa Trời chấp nhận. Việc Ngài làm cho sự tự mặc khải của mình thích ứng với các khuôn mẫu tư duy và cách hiểu văn hóa của chúng ta không có nghĩa là Ngài hoàn toàn tán thành chúng. Chẳng hạn, việc Đức Chúa Trời bày tỏ mình như một vị vua không có nghĩa là chính thể quân chủ ưu việt hơn chính thể dân chủ. Nó chỉ cho thấy Đức Chúa Trời sẵn lòng đi xa đến đâu để gặp chúng ta ngay nơi chúng ta đang ở.

Cũng có thể nói như vậy về sự tự mặc khải của Đức Chúa Trời là – một lần nữa lại dùng hình ảnh nam tính – Cha và Con. Mối quan hệ Cha – Con này là một ẩn dụ mạnh mẽ và phong phú cho những cách mà Chúa Giê-xu bày tỏ Yahweh cách hữu hiệu biết bao; cho cách Cựu Ước mô tả cả dân Y-sơ-ra-ên lẫn vị vua dòng Đa-vít được hứa là "Con của Đức Chúa Trời"; và cho mối quan hệ gần gũi mà Đức Chúa Con và Đức Chúa Cha cùng chia sẻ (cũng như cách mà chúng ta, là anh chị em được nhận làm con nuôi của Chúa Giê-xu, được đón nhận vào sự chăm sóc của Cha). Nhưng đây vẫn là một phép loại

suy. Không phải mọi chiều kích của ẩn dụ đều đúng – Đức Chúa Cha không phải là người cha theo nghĩa đen của một người con được sinh ra qua sự giao hợp.

"NGƯƠI SẼ SINH MỘT CON TRAI"[779]

Đây là lời của Gáp-ri-ên nói với trinh nữ Ma-ri. Hàng thiên niên kỷ sau, sự ứng nghiệm của những lời ấy – việc Chúa Giê-xu là con trai chứ không phải con gái – có thể dẫn đến kết luận rằng Đức Chúa Trời tán thành chế độ phụ quyền. Mãi mãi, Đấng Cứu Thế và Chúa duy nhất mà chúng ta có là một người nam.

Khi sứ đồ Giăng tìm cách mô tả hành động mặc khải lớn nhất của Đức Chúa Trời, ông nói: "Ngôi Lời đã trở nên xác thịt."[780] Món quà chính của Đức Chúa Trời cho nhân loại là một Ngôi Vị. Trong 33 năm ấy trên đất, sự hiện diện bằng thân xác của Chúa Giê-xu với chúng ta, như một người Do Thái đến từ Na-xa-rét, đã vượt trên mọi cách khác mà Đức Chúa Trời từng bày tỏ chính mình, vì Chúa Giê-xu là sự truyền đạt trực tiếp, không qua trung gian, của Đức Chúa Trời. Đây là một sự *nhân hình hóa* theo nghĩa đen – Đức Chúa Trời thật sự đã mang lấy mắt, tay, miệng và một thân thể nam giới.

Vậy tại sao Chúa Giê-xu là nam giới?[781]

Có lẽ vì trong một thế giới phụ quyền, điều đó phản ánh tốt hơn thân phận của Ngài là Chúa và là chồng của Hội Thánh, cũng như khả năng chu cấp và bảo vệ của Ngài. Việc Chúa Giê-xu là nam giới cũng đưa đến cao điểm những chủ đề Cựu Ước bày tỏ Đấng Mê-si-a là đầu của một nhân loại mới (A-đam mới), của một cuộc xuất hành mới (Môi-se mới) và của một vương quốc mới (Đa-vít mới). Việc Ngài là nam giới làm nền cho tác động của việc Ngài chọn làm đầy tớ cho chúng ta. Trong nền văn hóa danh dự – hổ thẹn mà Con Đức Chúa Trời bước vào, phụ nữ vốn đã bị đặt dưới quyền đàn ông. Một Đấng Cứu Thế là nam giới có thể đánh bại tốt hơn những cấu trúc quyền

779. Lời của Gáp-ri-ên nói với trinh nữ Ma-ri trong Lu-ca 1:31
780. Giăng 1:14
781. Cảm ơn chương đầu tiên của Lucy Peppiatt trong "Rediscovering Scripture's Vision of Women" đã giúp tôi tìm câu trả lời cho câu hỏi này, được trình bày sau đây.

lực cố hữu của nền văn hóa ấy: Ngài cứu bằng cách gác thẩm quyền của mình sang một bên và *tự nguyện* nhận lấy vai trò của một đầy tớ, là người buông bỏ quyền năng mình để cứu và phục vụ tất cả chúng ta.

Ngoài những mô-típ Kinh Thánh và những thực tại bối cảnh này, chúng ta không nên thổi phồng ý nghĩa của việc Chúa Giê-xu là nam giới. Mặt khác, chúng ta cũng không nên xem Ngài như một hữu thể lưỡng tính. Dù vậy, khi Con Đức Chúa Trời trở nên một người như chúng ta, điều Ngài mang lấy không hẳn là tính nam cho bằng bản tính con người. Về mặt thần học, Hội Thánh luôn nhấn mạnh rằng Chúa Giê-xu mang lấy không hẳn là giới tính nam cho bằng toàn bộ bản tính con người, dù là nam hay nữ. Đó là lý do Ngài có thể cứu, trong thân thể trên đất đã bị đóng đinh và đã sống lại của Ngài, cả người nam lẫn người nữ. Và đó cũng là lý do cả người nam lẫn người nữ đều có thể là một phần của thân thể thuộc linh của Ngài, tức là Hội Thánh.

Thu hẹp ý nghĩa của Con Đức Chúa Trời vào thân xác và cuộc đời trên đất của Ngài là một sai lầm. Chúng ta có thể đọc lướt qua các sách Phúc Âm, nhưng vẫn có thể bỏ sót rất nhiều điều về Ngài. Chúa Giê-xu có thể là điều quan trọng nhất chúng ta biết về Đức Chúa Trời, nhưng chúng ta thật sự biết được bao nhiêu về Con Đức Chúa Trời? Ngay cả các môn đồ từng cùng đi và trò chuyện với Ngài cũng dần nhận ra rằng họ chỉ mới lướt qua bề mặt của con người đang ở trước mặt mình. Hãy xem sự hóa hình: trước khi Chúa Giê-xu biến hóa ngay trước mắt họ, có lẽ họ đã biết Ngài là một người Do Thái xứ Giu-đê làm phép lạ. Nhưng về sau, họ sẽ nói: "Chúng tôi đã tận mắt thấy sự oai nghiêm của Ngài," và "Chưa hề có ai thấy Đức Chúa Trời, nhưng Con Một, là chính Đức Chúa Trời và ở trong mối quan hệ mật thiết nhất với Đức Chúa Cha, đã bày tỏ Ngài ra."[782] Lucy Peppiatt suy ngẫm về trải nghiệm của các môn đồ và ý nghĩa của nó cho chúng ta: "Chúng ta có thể nói rằng nơi Chúa Giê-xu có nhiều điều hơn những gì mắt thấy. … Vì vậy, chúng ta cần cẩn thận trình bày Chúa Giê-xu sao cho Ngôi Lời đến trong xác thịt không bị thu hẹp thành xác thịt. … Tóm lại, hiện nay chúng ta biết rằng mình chỉ biết một phần và thấy như trong gương, cách mập mờ."[783] Đúng là Chúa Giê-xu trên đất là sự tự mặc khải *chủ yếu* của Đức Chúa Trời, nhưng chắc chắn

782. 2 Phi-e-rơ 1:16 và Giăng 1:18
783. Lucy Peppiatt, Rediscovering Scripture's Vision for Women, chương 1.

không đúng khi nói rằng thân thể trên đất của Chúa Giê-xu là sự tự mặc khải *duy nhất* của Đức Chúa Trời. Nơi Con Đức Chúa Trời có biết bao điều hơn là việc Chúa Giê-xu là nam giới – một sự thật giúp chúng ta suy nghĩ cẩn thận về một lời phản bác phổ biến đối với việc phụ nữ lãnh đạo trong Hội Thánh.

MỘT NGƯỜI LÃNH ĐẠO NAM CÓ ĐẠI DIỆN CHO MỘT ĐẤNG CHRIST NAM GIỚI TỐT HƠN KHÔNG?

Một số Hội Thánh Tin Lành, và hầu hết các nhà thờ Công giáo, đưa ra lập luận này để loại phụ nữ khỏi vai trò lãnh đạo cao nhất trong Hội Thánh hay khỏi chức linh mục: "Một người nam, nhờ chính tính nam của mình, đại diện cho Chúa Giê-xu trước Hội Thánh tốt hơn."

Lý do người Công giáo chấp nhận quan điểm này là vì trong truyền thống của họ, linh mục đóng vai trò trung gian giữa Đức Chúa Trời và cộng đoàn. Đặc biệt khi chủ sự Bí tích Thánh Thể, linh mục đại diện cho Đấng Christ.[784]

Ngay cả nếu tôi tán thành ý tưởng rằng mục sư/linh mục đại diện cho Chúa Giê-xu cách đặc biệt (điều tôi không tán thành, vì nó không có cơ sở trong Kinh Thánh), thì lập luận này vẫn không đứng vững. Tại sao *tính nam* của Chúa Giê-xu phải được thể hiện nơi người lãnh đạo Hội Thánh, mà không phải cả việc Ngài là người Do Thái (như vậy sẽ loại trừ dân ngoại), việc Ngài có thân thể lành lặn (như vậy sẽ loại trừ người khuyết tật), hay việc Ngài sống độc thân (như vậy sẽ loại trừ những người đã lập gia đình)? (Nhân tiện, mục cuối cùng trong danh sách này lại chính là một lập luận chính cho luật *độc thân* của linh mục trong Công giáo.[785]) Dù Công giáo rút ra các giáo lý của mình không chỉ từ Kinh Thánh mà còn từ các giáo phụ, ý tưởng này không hề có mặt ngay cả trong các tác phẩm của các giáo phụ.[786]

784. Giáo lý này được gọi là "in persona Christi" (trong cương vị của Đấng Christ).
785. Lập luận này là của John Stackhouse trong "Finally Feminist".
786. "Có một phân đoạn (nơi Cyprian) từng được viện dẫn như một ví dụ sớm về nền thần học in persona Christi về chức vụ được tấn phong, nhưng gần như chắc chắn đó là một cách đọc sai." Lời khẳng định của Hồng y Ratzinger trong "Responsum Ad Propositum Dubiu" rằng giáo lý này "được đặt nền trên Lời Đức Chúa Trời đã được viết ra, và từ ban đầu đã luôn được gìn giữ và áp dụng trong Truyền thống của Giáo hội" thiếu cơ sở có thể kiểm chứng. Giáo huấn này được Thomas Aquinas đưa ra lần đầu vào thời Trung Cổ. (William Witt, Icons of Christ, chương 10.)

Quan trọng nhất là, lời khẳng định rằng một người lãnh đạo nam đại diện cho một Đấng Christ nam giới tốt hơn đã không phân biệt giữa linh mục/người lãnh đạo Hội Thánh như một *người đại diện* cho Đấng Christ với một *hình ảnh tái hiện*, tức sự giống nhau về thể chất, của Đấng Christ. Không có cơ sở Kinh Thánh nào để nói rằng người lãnh đạo hay người giảng đạo cần giống Chúa Giê-xu về mặt thể chất – trong khi có rất nhiều bằng chứng Kinh Thánh để nói rằng bất kỳ ai cũng có thể là người đại diện cho Chúa Giê-xu, làm người phát ngôn của Ngài.[787]

787. Chẳng hạn, xem 1 Phi-e-rơ 4:11, câu dùng từ "anyone" (bất cứ ai) – một từ bao hàm cả hai giới.

PHỤ LỤC 2: A-ĐAM VÀ Ê-VA TRƯỚC SỰ SA NGÃ (TIẾP THEO)

Khi một người đọc đã quyết định trước rằng một phần tường thuật của Kinh Thánh dạy một điều gì đó, ngay cả khi phần ấy không dạy điều đó, thì người ấy vẫn có thể hậu thuẫn cho kết luận có sẵn của mình bằng cách suy đoán đủ mọi loại suy diễn vượt quá sự dạy dỗ rõ ràng của phân đoạn. Trong chương 4, tôi đã trình bày và phê bình năm suy diễn phổ biến mà các học giả theo quan điểm bổ sung đọc thêm vào Sáng Thế Ký 2-3. Trong phụ lục này, tôi sẽ đáp lại thêm một vài lập luận thường gặp.

"ĐỨC CHÚA TRỜI DỰNG NÊN 'MAN' THEO HÌNH ẢNH NGÀI"

Một số người theo quan điểm bổ sung lập luận rằng *vì loài người được gọi là "man" (trong tiếng Anh, từ này vừa có nghĩa là "con người" vừa có nghĩa là "đàn ông"; Sáng Thế Ký 1:27), nên hẳn Đức Chúa Trời muốn người nam chứ không phải người nữ lãnh đạo*. Ray Ortlund lập luận như vậy: "Việc Đức Chúa Trời đặt tên cho loài người là 'man' thầm thì về vai trò làm đầu của người nam." Tuy nhiên, lập luận này không đọc câu Kinh Thánh được dùng làm bằng chứng trong ngữ cảnh của nó. Thứ nhất, nó bỏ qua ngữ cảnh văn chương. Đúng là trong bản tiếng Anh, Sáng Thế Ký 1:27 nói: "God created man (or mankind) in his image" (Đức Chúa Trời dựng nên "man" – hay "mankind", loài người – theo hình ảnh Ngài). Nhưng chính câu ấy làm rõ rằng "man" bao gồm cả nam lẫn nữ.[788]

Thứ hai, nó bỏ qua bối cảnh lấy nam giới làm trung tâm. Lời Đức Chúa Trời đến với chúng ta trong hình thức ngôn ngữ của một nền văn hóa Cận Đông cổ đại điển hình, trong đó danh từ giống đực thường được dùng để chỉ cả hai giới. Trong vài thập niên gần đây, trong tiếng Anh từ "mankind" đã được thay bằng từ "humankind" (nhân loại) có tính bao hàm hơn. Đó là vì chúng ta đang sống trong một thời đại mới, khi chính ngôn ngữ đang được gọt bỏ những khuynh hướng lấy nam giới làm trung tâm. Ngược lại, những độc giả

788. Xem thêm Sáng Thế Ký 5:2, nơi tên gọi "man" (hay "mankind" – loài người) chỉ cả hai giới.

đầu tiên sống trong một nền văn hóa mà ngôn ngữ lấy nam giới làm trung tâm là điều không ai đặt nghi vấn và hoàn toàn bình thường.

Thứ ba, đó là một lối lý luận sai lầm. Từ Hê-bơ-rơ *ha'adam* (không nên nhầm với tên riêng *A-đam* hay với từ chỉ người nam) trong Sáng Thế Ký 1 có nghĩa là *loài người*, chứ không phải giới nam. Nếu Đức Chúa Trời có ý cho *ha'adam* nghĩa là "giới nam" (điều Ngài không hề có ý), thì người nữ chỉ còn là một thứ được nghĩ đến thêm về sau, hay là một cái gì đó kém hơn con người. Thế nhưng ngày nay không người theo quan điểm bổ sung nào tin điều này – trước những năm 1960, người ta tin rằng phụ nữ thấp kém hơn, nhưng nay thì không còn nữa; điều đó khiến việc họ lập luận như Ortlund – rằng điều này không ngụ ý người nữ thấp kém hơn, mà chỉ ngụ ý địa vị phụ thuộc của người nữ – trở nên lạ lùng, tùy tiện và thiếu nhất quán.

A-ĐAM ĐẠI DIỆN CHO LOÀI NGƯỜI

Trong khu vườn khi chưa có sự sa ngã, có một thời gian A-đam hiện hữu như con người duy nhất, và vì thế, vào lúc ấy, ông đại diện cho toàn thể nhân loại về sau – tất cả những ai "ở trong A-đam". Thật vậy, người ta có thể rút ra từ Sáng Thế Ký 2 nhận định rằng ngay cả Ê-va cũng "ở trong A-đam". Chẳng hạn, thân thể bà được lấy ra từ thân thể ông (thân thể chúng ta cũng vậy). Ngoài ra, dù Đức Chúa Trời ban mệnh lệnh cho người nam trước khi Ê-va hiện hữu, bà vẫn phải chịu trách nhiệm trước Đức Chúa Trời về việc không vâng giữ mệnh lệnh ấy. Và dù trong Sáng Thế Ký 3 chỉ một mình A-đam bị kết án phải chết rồi bị đuổi ra, Ê-va cũng rời khỏi vườn trong hổ thẹn, và trở về bụi đất – rõ ràng, "trong A-đam" bà cũng chết.

Có lẽ đây là lý do vai trò đại diện của A-đam mang ý nghĩa biểu tượng đặc biệt trong các thư của Phao-lô, nơi ông hai lần làm nổi bật vai trò của A-đam như người đại diện cho toàn thể nhân loại trong các lựa chọn của ông: "bởi sự không vâng lời của một người mà nhiều người đã trở thành tội nhân," và "vì như trong A-đam mọi người đều chết …"[789]

789. Rô-ma 5:9; 1 Cô-rinh-tô 15:22

Điều này có nghĩa là Phao-lô xem A-đam là người duy nhất đại diện cho loài người trong sự thất bại của ông không? Có lẽ không – có thể ông không loại trừ ý tưởng rằng Ê-va cùng đại diện cho nhân loại về sau.[790] Tuy nhiên, nếu chúng ta cho rằng Phao-lô quả có ám chỉ A-đam là người đại diện *duy nhất*, thì nên hiểu điều đó thế nào? Phải chăng vì thế mà A-đam – như một số người theo quan điểm bổ sung khẳng định – là người lãnh đạo của loài người và của Ê-va?

Không. Vai trò đại diện của A-đam không nói gì về một thẩm quyền chức năng nào đó mà người ta gán cho ông trên Ê-va. Nếu có những gợi ý về vai trò độc đáo của A-đam trong Sáng Thế Ký, thì đó là ông là con người đầu tiên, nguyên mẫu của tất cả chúng ta – cả người nam lẫn người nữ, kể cả người nữ đầu tiên là Ê-va.

Là người đi trước không có nghĩa ông là vua của mọi người về sau, hay của Ê-va cũng vậy. Suy ra từ việc A-đam làm người đại diện rằng ông là người lãnh đạo của loài người (hay của Ê-va) là đánh đồng sai lầm các phạm trù thần học. Đại diện hoàn toàn không phải là cùng một điều với lãnh đạo.

A-đam có thể đại diện cho Ê-va, nhưng ông không phải là vị nhiếp chính cai trị Ê-va hay cai trị chúng ta. Để minh họa: khi chàng trai trẻ Đa-vít chiến đấu với Gô-li-át như người đại diện của Y-sơ-ra-ên, ông chưa phải là người lãnh đạo của họ. Sau-lơ mới là người lãnh đạo. (Phải đến nhiều thập niên sau, Đa-vít mới trở thành vua.) Cũng vậy, A-đam không phải là vị nhiếp chính cầm quyền trên Ê-va (hay trên bất cứ ai khác), dù ông là người đại diện đã sa ngã hay nguyên mẫu của Ê-va (và của mọi người khác).

Quan trọng nhất là, A-đam không còn là người đại diện của chúng ta nữa. Trong cả hai phân đoạn, Phao-lô đối chiếu A-đam là người đại diện đã sa ngã của chúng ta với Đấng Christ là người đi trước đã sống lại của chúng ta. Sự chết và chế độ phụ quyền có thể đã bắt nguồn từ sự sa ngã của A-đam, nhưng sự cứu chuộc mối quan hệ nam nữ khởi nguồn từ việc Chúa Giê-xu sống lại từ cõi chết.

790. Có lẽ Phao-lô chỉ đơn giản chọn A-đam, chứ không chọn Ê-va, không phải vì ông là người đại diện cho toàn thể nhân loại, mà vì Phao-lô đang so sánh giữa ông và Chúa Giê-xu, và sẽ hợp lý hơn khi chọn người cũng là nam giới, và là người đầu tiên thuộc loại của mình. Ngoài ra, có thể Phao-lô nói đến A-đam trước khi ông "nhân lên" thành A-đam và Ê-va – dù cả A-đam lẫn Ê-va đều phạm tội, "A-đam" là cách gọi tắt của "A-đam-và-Ê-va", cặp tổ phụ hiệp nhất của loài người.

Những lập luận khác cho thẩm quyền của A-đam trên Ê-va

Sự cam kết thần học có trước – tin rằng bằng cách nào đó A-đam đã nắm quyền trên Ê-va trước sự sa ngã – sinh ra thêm bốn lập luận, tất cả đều dựa trên suy đoán:

Chỉ một mình A-đam lên tiếng trong vườn. Ông tuyên bố rằng bà là xương bởi xương ông, thịt bởi thịt ông, còn bà không đáp lại lời nào. Một số người theo quan điểm bổ sung nói rằng điều này ngụ ý ông lãnh đạo Ê-va. Ông khởi xướng mối quan hệ, còn bà đón nhận sự khởi xướng của ông. Tuy nhiên, cách hiểu này che khuất mạch tường thuật, trong đó, trước khi Ê-va được dựng nên, A-đam đang tìm kiếm người bạn đời tương xứng với mình. Chẳng trách ông có điều để nói khi cuối cùng ông tìm thấy bà! Trong những gì ông nói, không có gì ngụ ý sự lãnh đạo hay thẩm quyền, chỉ có sự nhận biết và niềm vui. Đọc thêm điều gì khác vào đó thì đúng là như vậy – đọc vào đó nhiều hơn những gì bản văn cung cấp. Hơn nữa, việc chỉ A-đam lên tiếng trong Sáng Thế Ký 2 (trước sự sa ngã) không cho thấy ông lãnh đạo người nữ, cũng như việc chỉ Ê-va lên tiếng trong Sáng Thế Ký 4 (sau sự sa ngã) không biểu thị bà lãnh đạo người nam.

Đức Chúa Trời ban mệnh lệnh cho A-đam chứ không cho Ê-va. Những người theo quan điểm bổ sung lập luận rằng, dù không được nói rõ, dường như A-đam có trách nhiệm truyền lại cho vợ mình mệnh lệnh ông đã nhận từ Đức Chúa Trời khi bà xuất hiện – vì thế ông là người lãnh đạo của bà. Ngay cả nếu điều này đúng, việc ở vị trí truyền đạt thông tin, ngay cả truyền đạt một mệnh lệnh mà mình đã nghe, tự nó không đặt bạn lên nắm quyền trên người mà bạn truyền đạt cho. Theo lập luận này, một người vợ nghe Tin Lành trước chồng mình sẽ là người lãnh đạo của chồng. Vấn đề lớn nhất của lập luận này là nó không đúng. Nếu chúng ta đọc kỹ lời văn Hê-bơ-rơ, Sáng Thế Ký 3:3 ngụ ý rằng Đức Chúa Trời đã lặp lại mệnh lệnh Ngài từng ban cho A-đam trước đó, lần này có Ê-va hiện diện, vì bà nói với con rắn: "Đức Chúa Trời có phán: 'Các ngươi [số nhiều] không được ăn trái … và các ngươi [số nhiều] cũng không được đụng đến, kẻo các ngươi [số nhiều] phải chết.'"

Sáng Thế Ký 2:24 nói rằng "người nam sẽ lìa cha mẹ" để kết hôn. Một số người theo quan điểm bổ sung nói rằng điều này ngụ ý người ấy bước ra khỏi thẩm quyền để trở thành người làm đầu gia đình mới. Nhưng thật lạ lùng biết bao khi *người nam* lại lìa cha mẹ – trong các nền văn hóa phụ quyền cổ xưa, người nữ mới là người ra đi, để thừa nhận thẩm quyền của người chồng. Bản văn này *đảo ngược* điều đó. Điều rõ ràng là trong gia đình trước đây của người nam, anh ở dưới thẩm quyền của cả cha *lẫn* mẹ mình.

Bản chất của sự sa ngã là một sự đảo ngược vai trò giới tính. Lập luận này, do người sáng lập thuyết bổ sung là George Knight đưa ra lần đầu vào năm 1977, đã được bàn đến trong chương 7, dưới tiêu đề "Ê-va bị lừa dối, chứ không phải A-đam". Điều tôi muốn nói ở đây là thảm kịch trong vườn *không* phải ở chỗ Ê-va lẽ ra phải đứng dưới A-đam như người phụ thuộc của ông nhưng lại chiếm lấy vị trí của ông. Nếu đọc đúng, điều tai hại là bà lẽ ra phải đứng *bên cạnh A-đam như người cộng sự – người giúp đỡ của ông*, nhưng thay vào đó bà lại cho ông ăn thuốc độc.

ĐIỀU ĐƯỢC NÓI RÕ PHẢI GIỚI HẠN ĐIỀU CÓ THỂ SUY RA

Để tôi lùi lại nhìn bao quát và ghi nhận những nhận định quan trọng nhất của phụ lục này và của chương 4, "Mối quan hệ cộng sự được tạo dựng nơi địa đàng".

Những tường thuật trong Kinh Thánh đặc biệt dễ bị giải nghĩa sai. Thật vậy, *mọi* lập luận theo quan điểm bổ sung cho cái gọi là sự lãnh đạo của A-đam trên Ê-va trong Sáng Thế Ký 2 và 3 đều được *đọc thêm vào* một bản tường thuật vốn rất ngắn gọn.

May thay, các tác giả của những tường thuật trong Kinh Thánh thường cài vào đó một số yếu tố kiểm soát việc giải nghĩa. Trong trường hợp Sáng Thế Ký 1-3, có những lời khẳng định được đan vào câu chuyện, làm giới hạn cho những gì có thể và không nên suy ra từ câu chuyện về người nam và người nữ.

Hãy xem Sáng Thế Ký 1-3 *nói rõ ràng* điều gì về mối quan hệ nam nữ:

- *Người nam được dựng nên để cai trị đất cùng với người nữ (1:26-28).*
- *Người nữ được ban cho người nam làm người cộng sự và người tương xứng với ông trong việc cai trị Ê-đen/đất (2:18, 23-25).*
- *Sau sự sa ngã, giờ đây người nam sẽ cai trị người nữ (3:16).*

Vì vậy, mọi lập luận dựa trên những gợi ý được cho là có trong tường thuật Sáng Thế Ký, nhằm đặt người nữ dưới quyền người nam như một lý tưởng nào đó của Đấng Tạo Hóa, đều nên bị loại bỏ.

Bạn thấy điều này có nghĩa gì chưa? Grudem nói rằng những người theo quan điểm tương hỗ có thể phàn nàn rằng "không công bằng khi người nam có vai trò lãnh đạo … chỉ vì họ là người nam. Nhưng nếu điều này dựa trên việc Đức Chúa Trời phân định các vai trò ngay từ ban đầu, thì điều đó là công bằng."[791]

Nhưng nếu Đức Chúa Trời *không hề* phân định những "vai trò" thẩm quyền – thuận phục như thế "ngay từ ban đầu", thì điều đó *là* bất công. Khi Hội Thánh, không vì một hoàn cảnh đặc biệt nào, loại phụ nữ khỏi việc lãnh đạo *chỉ vì họ là phụ nữ*, thì điều đó phản ánh không tốt trước một thế giới đang quan sát về Đức Chúa Trời mà chúng ta tuyên xưng là mình phục vụ, một Đức Chúa Trời "không thiên vị ai".[792]

791. Wayne Grudem, Evangelical Feminism and Biblical Truth, chương 1.
792. Rô-ma 2:11

PHỤ LỤC 3: Ý NGHĨA CỦA KEPHALĒ

Phao-lô muốn nói gì khi ông dùng từ Hy Lạp *kephalē*? Trong tiếng Anh hiện đại, "head" (đầu) khi dùng theo nghĩa bóng thường có nghĩa là thẩm quyền, như khi giám đốc điều hành là người đứng đầu công ty, hay sĩ quan chỉ huy là người đứng đầu trung đội. Hơn nữa, khi người hiện đại chúng ta hình dung một cái đầu theo nghĩa đen của một thân thể theo nghĩa đen, chúng ta mặc nhiên cho rằng cái đầu, nơi chứa bộ não, vì thế là trung tâm điều khiển của thân thể. Qua hệ thần kinh, nó gửi mệnh lệnh đến thân thể. Câu hỏi chúng ta phải đặt ra là Phao-lô muốn nói gì khi ông chọn từ *kephalē*, và những độc giả đầu tiên của ông đã hiểu điều đó thế nào.

Theo dõi những năm tháng tranh luận qua lại giữa các học giả thuộc mọi phía, tôi thấy Grudem lập luận rằng từ này hầu như *luôn luôn* có nghĩa là *thẩm quyền trên*, trong khi các học giả khác lập luận rằng nó *hiếm khi, nếu có*, mang nghĩa ấy. Tôi đi đến kết luận rằng vào thời Phao-lô, và chắc chắn trong cách Phao-lô dùng, nó chỉ ngụ ý thẩm quyền *trong những trường hợp hiếm*

hoi.[793] Như mọi ẩn dụ khác, nó có thể mang sắc thái khác nhau trong những ngữ cảnh khác nhau, và có lẽ trong một số ngữ cảnh, ý tưởng về thẩm quyền được bao hàm. Dù vậy, xin cho phép tôi trình bày những lập luận cho thấy tại sao đó lại là một nghĩa rất hiếm.

Vào thời Phao-lô, từ Hy Lạp chỉ cái đầu của thân thể có một nghĩa ẩn dụ khác với từ tiếng Anh của chúng ta. Trong những thế kỷ trước khi Phao-lô ra đời, cái đầu đôi khi được hiểu là nguồn sự sống của thân thể. Aristotle dạy rằng cái đầu giống như một mạch nước hay nguồn cung cấp cho toàn thân,[794] một quan điểm mà nhiều tác giả y học cùng chia sẻ. Chẳng hạn, Pythagoras

793. Từ Hy Lạp *kephale* đã được dùng thế nào trước và trong thế kỷ 1 trong thế giới Hy Lạp – La Mã? Hầu như luôn luôn, nó chỉ cái đầu theo nghĩa đen, dù đôi khi nó được dùng theo nghĩa bóng. Các học giả giỏi nhất chia rẽ về những cách dùng theo nghĩa bóng của từ này, chủ yếu vì từ ẩn dụ này dường như được dùng theo nhiều cách khác nhau: 1) Phổ biến nhất trong thế kỷ 1, nó chỉ người nổi bật nhất và đóng vai trò đại diện (cũng như cái đầu của một người là bộ mặt đại diện công khai cho toàn thân). Theo nghĩa này, nó có nghĩa là "người nổi bật nhất". 2) Hiếm hơn, nó chỉ người có "thẩm quyền" (cũng như bộ não điều khiển thân thể). 3) Cũng hiếm, nó chỉ người cung cấp sự nuôi dưỡng hay sự hiện hữu (cũng như cái miệng nuôi thân thể, hay như một cái đầu không có thân thể thì chết). Theo nghĩa này, nó có nghĩa là "nguồn". Nhưng Phao-lô đã dùng nó như thế nào? Cho đến những năm 1970, hầu hết các học giả Kinh Thánh mặc nhiên cho rằng Phao-lô muốn nói "thẩm quyền" – nhưng điều này có thể quy cho 1) việc trong tiếng La-tinh, tiếng Đức và tiếng Anh (những ngôn ngữ chính mà thần học lịch sử đã được phát triển trong đó) từ chỉ cái đầu cũng chỉ người có thẩm quyền, và 2) việc Hội Thánh, cũng như xã hội, cho đến những năm 1960 vẫn tin vào sự thấp kém của người nữ, và vì thế sự lệ thuộc của người nữ được mặc nhiên chấp nhận không chút nghi vấn. Được tiêu biểu bởi bộ chú giải hàng đầu của Gordon Fee về 1 Cô-rinh-tô, trong một phần tư cuối của thế kỷ trước đã có một sự chuyển hướng lớn trong quan điểm học thuật sang nghĩa "nguồn". Nhưng quan điểm học thuật lại chuyển hướng một lần nữa sang nghĩa "người nổi bật" – bằng chứng là bộ chú giải cũng đồ sộ không kém về 1 Cô-rinh-tô của Anthony Thiselton. Tuy nhiên, dù Thiselton cũng tin chắc như Fee rằng Phao-lô không muốn nói "thẩm quyền", ông chọn "người nổi bật" thay vì "nguồn", nhưng thừa nhận rằng ông và nhóm cộng sự nghiên cứu đã chọn như vậy với cách biệt "sát nút". Sau khi đã nghiên cứu mọi lập luận, tôi đồng ý với Fee và Thiselton rằng nó không có nghĩa là "thẩm quyền", và tôi đồng cảm với nhận xét của Thiselton rằng ngoài các tác phẩm của Phao-lô, trong thế kỷ 1 từ này hiếm khi được dùng với nghĩa "nguồn". Tuy nhiên, nhờ công trình gần đây của Cynthia Westfall trong "Paul and Gender", tôi thấy mình đồng ý với Fee rằng Phao-lô muốn nói "nguồn", theo nghĩa "người mà từ đó người khác nhận được sự hiện hữu hay sự cung cấp". Cách Phao-lô dùng từ này theo nghĩa ẩn dụ rõ ràng là mới mẻ, đặc biệt vì, khác với mọi tác giả Hy Lạp cổ đại khác, chỉ riêng ông áp dụng nó cho mối quan hệ giữa người nam và người nữ, và giữa người chồng với vợ mình. Ngoài ra, nghĩa "nguồn" trong cả 1 Cô-rinh-tô 11:3 lẫn Ê-phê-sô 5:23 làm cho những phân đoạn tiếp theo trở nên dễ hiểu nhất. 1 Cô-rinh-tô 11:3 có thể bao hàm sắc thái "người nổi bật", vì trong những câu tiếp theo Phao-lô nhấn mạnh sự tôn trọng phải dành cho cái đầu theo nghĩa đen và theo nghĩa bóng của mỗi người. Trong Ê-phê-sô 5:25, Phao-lô gọi người chồng Hy Lạp – La Mã cổ đại là *kephale*, và quả thật những người chồng thời cổ ấy nắm quyền trên vợ mình, nhưng chúng ta không được lẫn lộn bản thân từ ngữ với người mà từ ấy chỉ đến – xem "Quan điểm 4: Người chồng là paterfamilias được cứu chuộc" trong chương 8 để biết thêm.
794. Aristotle, Problems 10 867a

dạy rằng cái đầu là nguồn của tinh dịch người nam, chảy xuống theo tủy sống đến cơ quan sinh dục. Philo, một giáo sư Do Thái nói tiếng Hy Lạp, khẳng định rằng cái đầu thu nhận sức mạnh từ trời và phân phát sinh lực của nó cho toàn thân.[795] Vì vậy, khi người Hy Lạp cổ đại nói một người là "đầu" của một người khác hay của một nhóm người, thì đó không nhất thiết là nói đến họ như một người có thẩm quyền, mà nhiều khả năng hơn là nói đến cách họ là nguồn sự sống hay là tổ tiên sinh ra người khác.

Từ Hê-bơ-rơ chỉ cái đầu của con người là *rosh*, và cũng như trong tiếng Anh, trong tiếng Hê-bơ-rơ khi dùng theo nghĩa bóng nó có nghĩa là thẩm quyền. Điều thú vị là trước thời Phao-lô, Kinh Thánh Hê-bơ-rơ đã được dịch sang tiếng Hy Lạp (gọi là bản Bảy Mươi, *Septuaginta* hay *LXX*). Cynthia Westfall nghiên cứu 171 chỗ trong bản *LXX* mà từ *rosh* được xác nhận đáng tin cậy là mang nghĩa thẩm quyền, và ghi nhận rằng các dịch giả Hy Lạp chỉ dùng từ *kephalē* bốn lần, còn hầu như luôn chọn những từ Hy Lạp khác biểu thị thẩm quyền rõ ràng hơn.[796]

Hãy nghĩ về điều đó. Các dịch giả Hy Lạp đọc từ Hê-bơ-rơ *rosh*, và nếu nó chỉ về cái đầu theo nghĩa đen thì họ chọn *kephalē*. Nhưng trong 97,7% các trường hợp mà *rosh* dùng theo nghĩa bóng để chỉ một người có thẩm quyền, họ lại chọn những từ Hy Lạp khác.[797] Điều này có nghĩa là trong tâm trí của người Hy Lạp ngay trước thời Phao-lô, *thẩm quyền không phải là một nghĩa ẩn dụ thông thường của từ kephalē*, nếu không thì đó đã là từ tự nhiên nhất để dùng. Điều này được nhiều người biết đến. *The LSJ Greek–English Lexicon,* bộ

795. "Người nhân đức sẽ là *kephale* của loài người, và tất cả những người khác như các chi thể rút lấy sự sống từ sức lực của cái đầu." (Philo Det. Pol. Ins. 85)

796. Lần đếm gần đây nhất của Grudem là 14 chỗ. Tuy nhiên, Westfall, trong thư trao đổi với tôi, đã nói điều này: "Grudem lập luận rằng Phao-lô chịu ảnh hưởng của những phân đoạn trong LXX nơi rosh được dịch bằng kephalē với nghĩa thẩm quyền. Trong 171 lần rosh dường như chỉ về 'thẩm quyền' trong Kinh Thánh Hê-bơ-rơ, chỉ có bốn phân đoạn mà nó được dịch là *kephalē* mà không có dị bản (2 Sa-mu-ên 22:44; Thi Thiên 18:43 [17:44 LXX]; Giê-rê-mi 31:7 [LXX 38:7]; Ca Thương 1:5). Những chỗ này có thể là những lựa chọn dịch thuật kém của các dịch giả bản Bảy Mươi (lối nói theo kiểu Hê-bơ-rơ), hoặc một số có thể phản ánh mối quan hệ cộng sinh giữa một vị vua thời cổ với dân hay lãnh thổ của ông. Bốn phân đoạn này không có liên hệ liên văn bản hay ngữ nghĩa nào với cách Phao-lô dùng *kephalē*, nên lập luận của Grudem rằng các phân đoạn trong LXX giải thích cách Phao-lô dùng kephalē là không thuyết phục." Bài viết của R.S. Cervin ủng hộ kết luận của Westfall: "Bản LXX đã bị đánh giá quá cao như bằng chứng cho việc *kephalē* mang hàm ý người lãnh đạo hay thẩm quyền." Xem www.bit.ly/3GOWjqB

797. Điều này xảy ra bất chấp việc các dịch giả bản Bảy Mươi cho thấy một khuynh hướng mạnh mẽ ưa chuộng lối dịch sát chữ và kéo giãn nghĩa của các từ Hy Lạp vượt quá nghĩa thông thường của chúng để bám sát bản văn Hê-bơ-rơ.

từ điển tiếng Hy Lạp cổ đầy đủ nhất mà chúng ta có, liệt kê 48 nghĩa ẩn dụ có thể có – *và không một nghĩa nào trong số đó là thẩm quyền*. Bộ *Cambridge Greek Lexicon* gần đây cũng vậy.[798]

Khi chúng ta nghiên cứu một số cách Phao-lô dùng từ này theo nghĩa ẩn dụ, rõ ràng ông biết điều đó. Lớn lên như một người Do Thái tản lạc ở Tiểu Á, hẳn ông rất thông thạo thành ngữ và lối tư duy Hy Lạp. Ông cũng viết các thư tín của mình cho những người nói tiếng Hy Lạp. Là trước giả Kinh Thánh duy nhất dùng từ này theo nghĩa ẩn dụ, ông chủ yếu dùng nó trong một phép loại suy đầu – thân, trong đó Chúa Giê-xu được nói đến như nguồn sự sống mà Hội Thánh, nhờ sự cứu rỗi và nhờ Đức Thánh Linh, được nối kết với cách hữu cơ. Hãy lắng nghe cách ông diễn đạt điều này trong Ê-phê-sô 4:15-16: "[C]húng ta sẽ lớn lên để trở thành, về mọi phương diện, thân thể trưởng thành của Đấng là đầu, tức là Đấng Christ. Nhờ Ngài mà cả thân thể … tăng trưởng và tự gây dựng mình trong tình yêu thương." Rồi trong Cô-lô-se 2:19, Phao-lô nói chúng ta có "sự nối kết với đầu, là nơi cả thân thể, được nâng đỡ và kết hợp với nhau bởi các khớp và gân, tăng trưởng theo sự tăng trưởng Đức Chúa Trời ban cho." Nói cách khác, khi Phao-lô khai triển ẩn dụ đầu – thân của mình, Chúa Giê-xu là đầu cung cấp cách cụ thể sự tăng trưởng và sự nối kết, tình yêu và sự sống, sự nuôi dưỡng và sức mạnh cho thân thể Ngài là Hội Thánh. Người hiện đại chúng ta, với sự hiểu biết *của chúng ta* về chức năng điều hành của bộ não, mặc nhiên cho rằng Phao-lô cũng sẽ nhắc đến việc Chúa Giê-xu ban sự lãnh đạo và định hướng. Tuy nhiên, Phao-lô, với sự hiểu biết *của ông* về cái đầu, thì không làm vậy.

Grudem, dù thừa nhận ẩn dụ đầu – thân có thể ngụ ý ý tưởng "nguồn",[799] vẫn phản bác ý kiến rằng *kephalē* hiếm khi có nghĩa là thẩm quyền, và thu thập một danh sách ví dụ ấn tượng trong văn chương về các vị tướng và các vua là *kephalē* của quân đội hay của dân chúng. Nhưng để làm vậy, ông chủ yếu dựa vào văn chương có niên đại muộn hơn. Hơn nữa, có lẽ người Hy Lạp cổ

798. Philip Payne, Man and Woman, One in Christ, tr. 121. Ngoài ra, các từ điển tiếng Hy Lạp cổ điển thế tục từ thế kỷ 12 trở đi thường liệt kê nghĩa "nguồn" cho kephalē ("đầu"), nhưng không dẫn ví dụ nào trước Tân Ước với nghĩa "thẩm quyền".

799. "Một sự thật sơ đẳng của đời sống là chúng ta nhận sự nuôi dưỡng qua miệng, và như vậy theo một nghĩa nào đó là qua đầu mình, và ý tưởng này cũng hiển nhiên đối với thế giới cổ đại; vì vậy, ý tưởng rằng có một ẩn dụ trong đó 'đầu' có nghĩa là 'nguồn' không phải là không thể," Grudem viết trong Evangelical Feminism and Biblical Truth (tr. 567).

đại hiểu rằng người lãnh đạo của họ cũng là nguồn sự sống của họ. Chặt đầu một con thú hay một con người, chúng sẽ chết. Với một đạo quân hay một dân tộc cũng vậy: giết vị tướng hay nhà vua, dân chúng sẽ tiêu vong. Các vua và các tướng là đầu theo nghĩa vương quốc của họ được gắn kết lại với nhau dưới quyền họ. Đây là cách Phao-lô dường như dùng một từ có liên hệ với *kephalē* trong Ê-phê-sô 1:10 để nói về Chúa Giê-xu, khi ông nói rằng chương trình của Đức Chúa Trời là đem muôn vật (chẳng hạn như người Do Thái và dân ngoại) lại với nhau, *quy tụ chúng lại dưới một đầu*, là Chúa Giê-xu Christ. Dĩ nhiên Chúa Giê-xu là Chúa có thẩm quyền, nhưng ở đây Phao-lô dường như dùng ẩn dụ cái đầu để làm nổi bật không phải thẩm quyền của Ngài, mà là vai trò của Ngài như *nguồn sự sống hiệp nhất* dân sự Ngài.[800] Tương tự là khi Phao-lô trong Cô-lô-se 1:16-17 nói rằng Chúa Giê-xu "có trước muôn vật; muôn vật đứng vững trong Ngài; Ngài là đầu của thân thể, tức là Hội Thánh, và là khởi nguyên." Những mô tả này không nhắm vào quyền cai trị của Ngài, mà mô tả những phương diện trong chức vụ của Chúa Giê-xu khác với sự trị vì của Ngài – tuy nhiên, mỗi phương diện đều hậu thuẫn cho khả năng và sự xứng đáng của Ngài để nắm quyền, và đó là điểm Phao-lô muốn nói khi ông viết: "*hầu cho* trong mọi sự Ngài giữ quyền tối thượng." Dù ở đây Phao-lô *đặt cạnh nhau* các ý tưởng về Chúa Giê-xu là Đấng duy trì, nguồn sự sống và Đấng khởi nguyên với lời khẳng định về quyền tối thượng của Ngài, chúng ta không được chỉ đơn giản *đánh đồng* các ý nghĩa ấy. Chúa Giê-xu là *đầu* của Hội Thánh và của muôn vật đã khởi nguồn và đứng vững trong Ngài thì không hoàn toàn giống với Chúa Giê-xu là *Chúa* của dân sự Ngài và của muôn vật đã được dựng nên bởi Ngài và được Ngài duy trì.

Còn hai chỗ mà Phao-lô dường như đánh đồng các ý nghĩa – Ê-phê-sô 1:22 và Cô-lô-se 2:10 – thì sao? Ngay cả trong những phân đoạn này, Phao-lô có

800. Trong điều mà các nhà thần học gọi là sự dạy dỗ của Phao-lô về "vai trò làm đầu đại diện" (federal headship), có hai "đầu" khả dĩ của nhân loại: A-đam hoặc Chúa Giê-xu. Là người phạm tội đầu tiên, A-đam không phải là người lãnh đạo của chúng ta, nhưng tiếc thay ông là nguồn của chúng ta: chúng ta thừa hưởng địa vị bị tội lỗi nô lệ hóa và bản tính bại hoại của ông. Thật may thay, Chúa Giê-xu trở thành đầu mới của loài người được cứu chuộc: từ Ngài chúng ta thừa hưởng địa vị được nâng cao và sự giống như Ngài.

thể đặt sát cạnh nhau ý tưởng Chúa Giê-xu có thẩm quyền với ý tưởng Chúa Giê-xu là *kephalē*, nhưng ông không nhất thiết hòa trộn chúng làm một.[801]

Ê-phê-sô 1:22 có cụm từ "*kephalē* trên muôn vật". Từ Hy Lạp được dịch là "trên" (*hyper*) thường có nghĩa là *vì lợi ích của*, như trong câu: "Đấng Christ đã phó chính mình *vì (hyper)* chúng ta làm của dâng" (Ê-phê-sô 5:2). Tuy nhiên, trong Ê-phê-sô 1:22 nó có nghĩa là *ở trên hay bên trên* chứ không phải *của* – nó đưa ra một hình ảnh không gian về Chúa Giê-xu ngự trên ngai *bên trên* muôn vật. Điều bất ngờ, khi chúng ta đọc câu này trong ngữ cảnh 1:18-2:6, là không chỉ có Chúa-Giê-xu-là-đầu, mà là Chúa Giê-xu-*cùng-với-Hội-Thánh*, hay cái-đầu-*cùng-với-thân-thể*, ngự trên ngai. Phao-lô nói rằng Chúa Giê-xu, là *kephalē* trên muôn vật, là "vì Hội Thánh, *là thân thể của Ngài*". Muôn vật đều ở "dưới chân Ngài" – *nhưng chúng ta là chân của Ngài*. Tóm lại, việc Chúa Giê-xu là *kephalē* ở đây không đặc biệt có nghĩa là Ngài có thẩm quyền trên chúng ta, hay ngay cả trên muôn vật (dĩ nhiên là Ngài có) – mà đúng hơn nó giải thích việc Chúa Giê-xu, là Chúa chính đáng trên muôn vật, chia sẻ thẩm quyền ấy với chúng ta như thế nào; suy cho cùng, nắm quyền là toàn thân của nhà vua chứ không chỉ cái đầu của ông.

Cô-lô-se 2:10 nói Chúa Giê-xu là *kephalē* "của" (chứ không phải "trên", như một số bản dịch viết) mọi quyền cai trị và mọi thẩm quyền. Đây là một trong hai phân đoạn nói về Chúa Giê-xu là *kephalē* của một điều gì đó khác ngoài Hội Thánh. Trong 1 Cô-rinh-tô 11:3, Ngài được nói là *kephalē* của "mọi người nam" – nghĩa là Đức Chúa Trời qua Đấng Christ đã dựng nên A-đam (và, theo cách phái sinh, các con trai của ông). Tương tự, việc Chúa Giê-xu là đầu của mọi quyền cai trị và mọi thẩm quyền trong Cô-lô-se 2:10 tiếp nối câu 1:16, câu nói rằng chính những quyền cai trị và thẩm quyền này đã được dựng nên qua Đấng Christ và vì thế đứng vững trong Ngài. Là đầu của chúng, Chúa Giê-xu vì vậy là *Đấng Tạo Hóa – nguồn* của mọi quyền lực thuộc linh – đó là lý do Phao-lô nói người Cô-lô-se nên nhìn lên Chúa Giê-xu chứ không phải các thiên sứ để được trọn vẹn, vì Đấng Christ là Đấng Tạo Hóa có thể làm cho chúng ta điều mà ngay cả các loài thọ tạo là thiên sứ cũng không làm được.

801. Ở đây tôi được Cynthia Westfall giúp đỡ; bà đã trả lời câu hỏi của tôi về ý nghĩa của *kephalē* trong Ê-phê-sô 1:22 và Cô-lô-se 2:10 trong thư trao đổi với tôi, bằng cách trích một đoạn từ bài tiểu luận bà đã viết cho ấn bản thứ hai của "The IVP Dictionary of Paul and his Letters".

Mỗi phân đoạn riêng biệt thường làm nổi lên một sắc thái ý nghĩa riêng của từ *kephalē*, gắn với ngữ cảnh của nó. Chẳng hạn, Alan Johnson thực hiện một nghiên cứu tổng hợp từ 17 công trình nghiên cứu lớn, thuộc mọi phía, về từ *kephalē* và kết luận: "Dường như ngày càng có sự đồng thuận rằng *kephalē*, như một ẩn dụ, có thể mang sắc thái khác nhau trong ngữ cảnh khác nhau."[802] Điều này đưa chúng ta đến vấn đề với các ví dụ của Grudem về các vị tướng và các vua là *kephalē* của người khác: khi áp dụng *kephalē* cho các mối quan hệ giữa người với người, Phao-lô chỉ áp dụng nó cho mối quan hệ giữa người nam và người nữ, chứ không cho mối quan hệ giữa vua và thần dân, giữa tướng và quân đội của ông, giữa cha mẹ và con cái, hay giữa chủ và nô lệ. Đó là những bình diện hoàn toàn khác nhau, và mỗi bình diện sẽ làm nổi lên một sắc thái nghĩa khác nhau. Thật vậy, trong số tất cả các tác giả cổ đại cho đến thời ông, Phao-lô là người duy nhất chúng ta biết đã áp dụng ẩn dụ này cho người nam và người nữ – trong 1 Cô-rinh-tô 11:3, A-đam được nói là *kephalē* của Ê-va, và trong Ê-phê-sô 5:25, người chồng được nói là *kephalē* của vợ mình.

Nhưng ngay cả trong hai trường hợp này, Phao-lô cũng không dùng từ ấy theo cùng một cách. Trong 1 Cô-rinh-tô 11:3, ông nói đến việc Ê-va được dựng nên từ thân thể A-đam, và vì thế A-đam (cùng các con trai ông) nên tôn trọng hình ảnh của chính mình nơi Ê-va, trong khi Ê-va (cùng các con gái bà) nên tôn trọng A-đam như người mà bà được khởi nguồn từ đó. Vậy ở đây, dường như nó không có nghĩa là *thẩm quyền* mà là *nguồn sự sống đáng được tôn trọng*. (Xem thêm ở chương 6.)

Còn trong Ê-phê-sô 5:25, Phao-lô vẽ ra một sự song song giữa Chúa Giê-xu là đầu hay nguồn sự sống của thân thể Ngài với người chồng là nguồn sự sống của vợ mình, và vì thế người chồng nên yêu thương và chăm sóc vợ mình, người mà họ cùng là "một thịt", trọn vẹn như cách một cái đầu đúng mức cung cấp và chăm sóc cho chính thân thể mình. Ngay cả John Piper cũng (vô

802. Xem www.bit.ly/3GJ9Vnc

tình) thừa nhận rằng *kephalē* ở đây cũng có thể mang ý nghĩa này.[803] Vậy ở đây, dường như nó không có nghĩa là *thẩm quyền* mà là *nguồn của sự chăm sóc và phục vụ, gắn bó mật thiết và sống còn*. (Xem thêm ở chương 8.)

803. Trong một lúc thiếu nhất quán, ở chú thích 15 của chương một trong "Recovering Biblical Manhood and Womanhood", John Piper cố đưa ra một cơ sở Kinh Thánh cho lời khẳng định ngoài Kinh Thánh của ông rằng người nam chủ yếu phải là người chu cấp tài chính cho vợ. Ông trích cách Đức Chúa Trời gọi người nam là "đầu" trong Ê-phê-sô 5:25, và vì thế người nam phải chu cấp cho vợ giống như Chúa Giê-xu chu cấp cho Hội Thánh. Ông viết: "Hình ảnh cái đầu ngụ ý rằng Đấng Christ là Đấng chu cấp …" Điều trớ trêu ở đây là Piper, chắc chắn là vô tình, thừa nhận rằng *kephale*, trong số những nghĩa khác, rốt cuộc cũng có thể có nghĩa là nguồn hay người cung cấp – dù thuyết bổ sung mà ông đại diện kiên quyết phủ nhận điều này.

PHỤ LỤC 4: PHỤ NỮ CÓ ĐƯỢC DẠY DỖ KHÔNG?

Nếu áp dụng nghiêm ngặt cách đọc 1 Ti-mô-thê 2:12 theo thuyết bổ sung, thì phụ nữ không được phép dạy dỗ người nam trong Hội Thánh. Đáng buồn là The Gospel Coalition giữ quan điểm này.[804] Nhiều Hội Thánh không cho phụ nữ dạy dỗ trong các nhóm nhỏ hay trong các buổi nhóm cầu nguyện, và chắc chắn không cho dạy dỗ trong các buổi nhóm thờ phượng hằng tuần. Có nơi thậm chí không cho phụ nữ đọc Kinh Thánh trong buổi thờ phượng.[805] John Piper không ủng hộ việc phụ nữ giảng bài cho nam giới trong chương trình đào tạo mục vụ và thần học (dù ông vẫn tán thành việc các nữ thần học gia viết sách, vì điều này "đặt người phụ nữ, với tư cách tác giả, ra khỏi tầm mắt của người đọc, và theo một nghĩa nào đó, lấy đi chiều kích nhân vị nữ giới của bà."[806]).[807]

Dù vậy, một số học giả theo quan điểm bổ sung *ôn hòa* tìm cách cho phép phụ nữ dạy dỗ trong Hội Thánh. Họ làm điều đó theo ba cách. Thứ nhất, một số người cho phép phụ nữ dạy người nam bên ngoài các buổi nhóm thờ phượng. Trong các lớp học và khóa học đặc biệt, phụ nữ có thể dạy người nam, nhưng không được dạy trong buổi nhóm chính ngày Chúa Nhật. Họ biện minh cho điều này bằng lập luận rằng trong 1 Ti-mô-thê 2, Phao-lô nói cụ thể về buổi nhóm họp của Hội Thánh, nên lệnh cấm của ông chỉ giới hạn trong khung cảnh đó.

Thứ hai, một số người cho phép phụ nữ dạy dỗ dưới thẩm quyền của các trưởng lão hay mục sư, và trong khuôn khổ giáo lý mà những người này đặt ra. Xin dùng một hình ảnh so sánh: một nhạc trưởng và một người chơi vĩ

804. Một cây bút kỳ cựu của tổ chức này, Kevin De Young, liên tục nêu đích danh bất cứ sự thách thức nào trong giới Tin Lành Phúc Âm liên quan đến việc phụ nữ giảng đạo và tìm cách sửa lại chúng. Xem www.bit.ly/3BHFz0N.

805. Xem www.bit.ly/3ENSkc4.

806. Xem www.bit.ly/3wqsGXW.

807. Hãy thử nghĩ xem niềm xác tín được truyền bá rộng rãi của Piper gây tổn thương đến mức nào, bằng cách lắng nghe một nữ giáo sư tầm cỡ thế giới chia sẻ ảnh hưởng của nó trên bà: "Tôi cảm thấy còn hơn cả buồn bã và thất vọng. Lần nào thấy những ý kiến như vậy được in ra, tôi cũng lặng người đi trong giây lát. Tôi là một nhà giáo dục thần học và là hiệu trưởng một trường thần học (chuyên về sự đào tạo thuộc linh cho đời sống, sự lãnh đạo và chức vụ). Tôi đã có chức vụ dạy dỗ và giảng đạo trong Hội Thánh hơn hai mươi năm." www.bit.ly/31xWCWF

cầm đều "diễn giải" Beethoven. Người chơi vĩ cầm chỉ thể hiện cách diễn giải ấy, dưới sự giám sát và chỉ huy của một người khác. Cũng vậy, các mục sư lãnh đạo cấp cao xác định giáo lý, còn những người khác, kể cả phụ nữ, có thể truyền đạt giáo lý ấy.

Thứ ba, một số người cho phép phụ nữ "nói tiên tri" và "khuyên bảo" trong một bài giảng, nhưng không được "dạy dỗ". Họ định nghĩa "dạy dỗ" là "đặt nền các giáo lý cốt lõi của các sứ đồ". Họ nói rằng không phải bài giảng nào ngày nay cũng là "dạy dỗ" theo nghĩa này. Chính Phao-lô cũng phân biệt giữa "khuyên bảo", "nói tiên tri" và "dạy dỗ". Phao-lô mong đợi phụ nữ "nói tiên tri" khi Hội Thánh nhóm lại, và ông chưa bao giờ cấm phụ nữ "khuyên bảo" Hội Thánh.

Dù tôi trân trọng ba nỗ lực đầy thiện chí này nhằm biện minh cho việc phụ nữ dạy người nam, đó vẫn là những nỗ lực gượng ép để né tránh chính cách giải thích sai của họ về 1 Ti-mô-thê 2:12.[808] *Đó là lý do các học giả theo quan điểm bổ sung cứ tiếp tục bác bỏ chúng.*[809] Tuy nhiên, như tôi đã trình bày trong chương 7, một khi chúng ta từ bỏ cách đọc 1 Ti-mô-thê 2:12 theo thuyết bổ sung, chúng ta có thể giải quyết đề tài này theo một cách tốt hơn nhiều. Khi ấy chúng ta có thể hỏi: *Theo các thư mục vụ, ai không nên dạy dỗ?* và *Những phân đoạn Kinh Thánh rõ ràng nào nói về việc phụ nữ dạy dỗ có thể giúp chúng ta giải thích tốt hơn phân đoạn mù mờ 1 Ti-mô-thê 2:12?*

808. Lập trường thứ nhất sai vì 1 Ti-mô-thê 2 không chỉ nói về buổi nhóm thờ phượng, và Tân Ước không phân biệt rạch ròi giữa các loại buổi nhóm khác nhau mà một Hội Thánh có thể có trong một tuần. Lập trường thứ hai sai vì nếu (như họ tin) Đức Chúa Trời bảo các Hội Thánh rằng phụ nữ không được dạy dỗ, thì các trưởng lão không thể cho phép điều ngược lại. Khuyết điểm của lập trường thứ ba – do John Dickson khởi xướng trong cuốn sách "Hearing Her Voice", một cuốn sách ngoài điểm này ra thì thật tuyệt vời – là chữ "dạy dỗ", ngay cả trong các thư mục vụ, cũng chỉ về việc truyền đạt giáo lý của các sứ đồ, chứ không phải – như Dickson nói – "đặt nền [giáo lý]" với thẩm quyền; và trên thực tế, tôi không thể hình dung làm sao một người có thể giảng một bài giảng ba mươi phút, dù mang tính tiên tri hay khích lệ đến đâu, mà không truyền đạt giáo lý của các sứ đồ.

809. De Young phản bác quan điểm của John Dickson: www.bit.ly/3wqsXtW Tương tự, Schreiner tìm cách bác bỏ Andrew Wilson: www.bit.ly/2ZTCIoH

NHỮNG NGƯỜI KHÔNG NÊN DẠY DỖ

Về câu hỏi thứ nhất, có ba loại người *không* nên dạy dỗ. Thứ nhất, các giáo sư giả không nên dạy dỗ. Phao-lô bảo Tít rằng "phải bịt miệng những người đó, vì họ … dạy điều không nên dạy."[810] Thứ hai, những người không chịu học hỏi và không giống Đấng Christ không nên dạy dỗ. Như tôi đã lập luận trong chương 7, chúng ta nên hiểu 1 Ti-mô-thê 2:12 là lời cấm những nhóm người bị ảnh hưởng bởi sự dạy dỗ lệch lạc có thái độ kiêu ngạo, tự tung tự tác, tự đề cao mình hay áp đảo đối với người khác. Điều những người như vậy cần là một lần nữa khiêm nhường ngồi dưới Lời Đức Chúa Trời và được dạy dỗ.

Thứ ba, những người chưa được dạy dỗ không nên dạy dỗ. Phao-lô bảo Ti-mô-thê: "[N]hững điều con đã nghe nơi ta trước mặt nhiều người chứng, hãy giao phó cho những người trung thành, là những người cũng có tài dạy dỗ người khác."[811] Sau khi đã dạy Ti-mô-thê các giáo lý của các sứ đồ, Phao-lô bảo ông dạy lại cho những người khác, để đến lượt họ có thể dạy cho thêm nhiều người nữa. Hãy lưu ý rằng những người đang được đào tạo để dạy dỗ này là "những người", chứ không phải "những người nam" – Phao-lô dùng chữ chung *anthrōpois*, qua đó bao gồm cả nam lẫn nữ.[812] Dù Phao-lô hình dung rằng các trưởng lão sẽ đảm nhận phần lớn việc dạy dỗ, ông chưa bao

810. Tít 1:11

811. 2 Ti-mô-thê 2:2. Bản NIV dịch đúng khi gọi những người này là "people" (người ta), chứ không phải "men" (những người nam) như bản ESV, vì từ Hy Lạp "anthropos", dù có hình thức giống đực, vẫn được dùng để bao gồm cả phụ nữ. Chẳng hạn, khi Chúa Giê-xu bảo chúng ta tha thứ cho những người khác đã phạm tội với mình, Ngài dùng "anthropos" để chỉ những người khác ấy (Ma-thi-ơ 6:14).

812. Chẳng hạn, chữ này được dùng rõ ràng để chỉ phụ nữ trong 1 Phi-e-rơ 3:4.

giờ giới hạn chức vụ dạy dỗ chỉ cho riêng họ.[813] Cũng vậy, tác giả thư Hê-bơ-rơ mong muốn cả cộng đồng, nam *và* nữ, dựa trên giáo lý vững vàng và sự trưởng thành thuộc linh của mình, đều đủ sức đảm nhận chức vụ dạy dỗ, khi viết: "Đáng lẽ đến nay anh em đã phải làm thầy rồi, vậy mà anh em vẫn cần có người dạy lại từ đầu cho mình những điều sơ học …"[814] (Nhân tiện, điều này cho chúng ta hy vọng rằng ngay cả những phụ nữ ở Ê-phê-sô cũng có thể được phục hồi để trong tương lai có thể dạy dỗ.)

NHỮNG VÍ DỤ VỀ PHỤ NỮ DẠY DỖ

Những phân đoạn Kinh Thánh rõ ràng nào nói về việc phụ nữ dạy dỗ có thể giúp chúng ta giải thích tốt hơn phân đoạn mù mờ 1 Ti-mô-thê 2:12? Có rất nhiều: Phao-lô truyền cho cả người nam *lẫn người nữ* hãy sử dụng ân tứ dạy dỗ của mình;[815] hãy dạy dỗ và khuyên bảo nhau khi nhóm lại thờ phượng;[816] và hãy đem đến một lời dạy dỗ trong các buổi nhóm của Hội Thánh.[817] Tất cả những phân đoạn này đều dùng chữ Hy Lạp *didaskein*, cũng là chữ được dùng trong 1 Ti-mô-thê 2:12. Chẳng hạn, tất cả những điều này phù hợp với việc người đàn bà Sa-ma-ri truyền giảng cho những người nam,[818] với nhiều phân đoạn Kinh Thánh giàu giáo lý do phụ nữ soạn nên,[819] và với câu chuyện về Bê-rít-sin và A-qui-la, là những người, sau khi mời A-bô-lô về nhà mình,

813. Tôi đã đọc nhiều học giả theo quan điểm bổ sung lập luận rằng các thư tín nói chỉ có trưởng lão mới được dạy dỗ. Đó có thể là quy định trong một số hệ phái, nhưng không phải là quy định của Kinh Thánh. Các học giả này thường chất chồng những câu sau đây để hỗ trợ cho lời khẳng định của mình: 1 Ti-mô-thê 2:12; 3:2; 4:11-13; 5:17; 2:24-26; 4:1-5; Tít 1:5-6, 15 và Gia-cơ 3:1. Nhưng những câu này không hỗ trợ cho việc loại những người không phải trưởng lão ra khỏi việc dạy dỗ. Ngoài việc 2 Ti-mô-thê 2:2 gợi ý rằng bất cứ người nào đã được dạy dỗ đều có thể dạy dỗ, thì khi xem xét kỹ danh sách dài các câu "bằng chứng" ấy, ta thấy chỉ có ba câu nói cụ thể về việc trưởng lão dạy dỗ (1 Ti-mô-thê 3:2, 5:17 và Tít 1:5-6). Bốn câu nói về các đặc phái viên của sứ đồ, chứ không phải trưởng lão, như Ti-mô-thê và Tít, dạy dỗ (2 Ti-mô-thê 4:11-13, 2 Ti-mô-thê 2:2, 4:1-5, Tít 2:1-6, 15). Và chẳng lẽ một người nữ không thể là đặc phái viên của sứ đồ sao? Chẳng hạn, hãy nghĩ đến Phê-bê, người đích thân mang thư Rô-ma thay mặt Phao-lô (Rô-ma 16:1-2). Rõ hơn nữa, hãy nghĩ đến bà Giu-ni-a, người (cùng với chồng mình) là một sứ đồ (cao hơn đặc phái viên của sứ đồ một bậc). Cuối cùng, Gia-cơ 3:1 (trong đó "anh em" có nghĩa là "anh chị em") để ngỏ cánh cửa cho bất cứ ai, chứ không chỉ người nam hay trưởng lão, có thể trở thành người dạy dỗ.
814. Hê-bơ-rơ 5:14
815. Rô-ma 12:7, 1 Cô-rinh-tô 12:28-30
816. Cô-lô-se 3:16
817. 1 Cô-rinh-tô 14:26
818. Giăng 4:39
819. Chẳng hạn, xem Các Quan Xét 5:2-31; 1 Sa-mu-ên 2:1-10; 25:24-31; Lu-ca 1:25, 42-45, 46-55.

đã "giảng giải đạo Đức Chúa Trời cho người càng kỹ hơn nữa."[820]

Về chức vụ dạy dỗ của Bê-rít-sin, chữ "giảng giải" (tiếng Hy Lạp: *exethento*) đồng nghĩa với chữ "dạy dỗ"[821] và cũng được dùng để mô tả chức vụ của Phao-lô tại Rô-ma, nơi "từ buổi sáng đến chiều" ông "*giảng giải* về Nước Đức Chúa Trời."[822] Thế nhưng, các học giả theo quan điểm bổ sung làm lu mờ ý nghĩa hiển nhiên của việc Bê-rít-sin dạy A-bô-lô, để nó vừa với *chiếc giường Procrustes* của cách giải thích sai lầm của họ về 1 Ti-mô-thê 2:12 – câu mà họ tin là không cho phép người nữ dạy dỗ người nam với thẩm quyền trong Hội Thánh. Họ khẳng định rằng việc bà dạy dỗ là riêng tư và không chính thức, chứ không công khai và chính thức. Lời khẳng định này không nhận ra rằng các buổi nhóm của Hội Thánh Ê-phê-sô có lẽ diễn ra ngay trong chính ngôi nhà ấy, và (trừ khi chúng ta cố đem những tập tục của Hội Thánh ở thời kỳ muộn hơn nhiều áp ngược vào giữa thế kỷ 1) thì các buổi nhóm ấy vốn thân mật và không mang tính nghi thức.[823]

Còn về lập luận cho rằng kiểu dạy dỗ của bà chẳng liên quan gì đến kiểu dạy dỗ "chính thức" hay "có thẩm quyền" mà Phao-lô nhắc đến trong các thư mục vụ gửi Ti-mô-thê và Tít, thì trên thực tế, Bê-rít-sin là một ví dụ hoàn hảo về chức vụ dạy dỗ mà Phao-lô bảo Ti-mô-thê phải nhân rộng nơi "những người trung thành, [là những người] cũng có tài *dạy dỗ* người khác."[824] Bê-rít-sin không chỉ chia sẻ vài suy nghĩ tĩnh nguyện – vì đã được Phao-lô dạy dỗ, bà tham gia vào một hình thức dạy dỗ đầy sức mạnh: dạy A-bô-lô về giáo lý và sửa lại những ý tưởng sai sót và chưa đầy đủ của ông. Và hãy để ý đến kết quả từ sự dạy dỗ của bà: A-bô-lô, sau khi nhận được chức vụ dạy dỗ của bà, về sau đã được sai đi, được trang bị đầy đủ, để trở thành một trong những người dạy dỗ lớn của thời Hội Thánh ban đầu.[825]

820. Công Vụ Các Sứ Đồ 18:26
821. www.bit.ly/3q7sZpi
822. Công Vụ Các Sứ Đồ 28:23
823. Kevin Giles nhận xét trong "What the Bible Actually Teaches about Women" (chương 6) rằng các học giả theo quan điểm bổ sung có khuynh hướng bỏ qua sự kiện "các Cơ Đốc nhân đầu tiên nhóm họp tại nhà với số lượng nhỏ. Vì không thừa nhận những sự kiện này, họ đọc vào Tân Ước cách hiểu văn hóa hiện đại của chính họ về Hội Thánh và sự lãnh đạo Hội Thánh, rồi viện dẫn điều đó để hỗ trợ cho những kết luận của họ về những gì phải mang tính quy định cho đời sống Hội Thánh ngày nay."
824. 2 Ti-mô-thê 2:2
825. Xem www.rb.gy/ttr2do để có một nghiên cứu chi tiết về chức vụ của Bê-rít-sin tại Ê-phê-sô và chức vụ dạy dỗ của bà đối với A-bô-lô.

Tóm lại, theo cách giải thích dựa trên toàn bộ Kinh Thánh, ngày nay phụ nữ có nên được phép dạy dỗ và giảng đạo trong các Hội Thánh không? *Có, hoàn toàn được.* Nhưng với ba điều kiện, cũng áp dụng cho người nam: họ phải là những người trung thành, đã được dạy dỗ và nay có tài dạy dỗ người khác; họ phải có ân tứ dạy dỗ; và (chúng ta cảm ơn 1 Ti-mô-thê 2:12 vì sự hiểu biết được khai quật cẩn thận này) họ phải dạy dỗ theo cách không bộc lộ sự kiêu ngạo hay thái độ thù địch đầy tội lỗi đối với một số người trong Hội Thánh. Củng cố thêm cho kết luận rằng phụ nữ có thể giảng đạo cho người nam là sự kiện Tân Ước tôn vinh các nữ tiên tri trong Hội Thánh – một chức vụ công bố, có phần trùng với chức năng dạy dỗ, và thậm chí còn được xem là có tầm quan trọng chiến lược cao hơn cả việc dạy dỗ.[826] Vì vậy, thật vô lý khi ngày nay loại phụ nữ ra khỏi bục giảng.

826. Xem chương 12, mục "Các nữ tiên tri", để biết thêm về điều này.

PHỤ LỤC 5: THÊM HAI LẬP LUẬN TỪ 1 TI-MÔ-THÊ 3

Trong chương 12, tôi đã bàn về lập luận của thuyết bổ sung dựa trên việc Phao-lô, trong 1 Ti-mô-thê 3, mô tả một giám mục (người coi sóc) là người "chung thủy với vợ mình." Trong phụ lục này, tôi bàn thêm hai lập luận khác, cũng dựa trên 1 Ti-mô-thê 3, mà những người theo quan điểm bổ sung đưa ra để loại phụ nữ khỏi sự lãnh đạo Hội Thánh.

ĐIỀU BÍ ẨN VỀ "NHỮNG NGƯỜI NỮ" TRONG 1 TI-MÔ-THÊ 3:11

Sau khi liệt kê những tiêu chuẩn của trưởng lão, Phao-lô cũng làm điều tương tự cho các chấp sự. Hãy để ý chỗ nhắc đến "những người nữ":

Cũng vậy, các chấp sự phải đáng kính trọng, thành thật, không ham rượu, không tham lợi bất chính. Họ phải giữ lẽ mầu nhiệm sâu xa của đức tin với một lương tâm trong sạch. Trước hết, họ phải được thử nghiệm; rồi nếu không có gì đáng trách, thì hãy để họ phục vụ với tư cách chấp sự.

Cũng vậy, **những người nữ** phải đáng kính trọng, không nói xấu, nhưng tiết độ và trung tín trong mọi việc.

Chấp sự phải chung thủy với vợ mình, phải quản lý tốt con cái và gia đình mình. Những ai phục vụ tốt sẽ được địa vị tốt đẹp và lòng vững tin lớn lao trong đức tin nơi Đấng Christ Giê-xu.[827]

Sau 1 Ti-mô-thê 2:12-15, đây là phân đoạn gây tranh cãi nhiều thứ hai trong thư này. Sự bất đồng giữa các học giả xoay quanh câu hỏi "những người nữ" này là ai. Đó là vợ của các chấp sự hay là các nữ chấp sự? Vì lý do nào đó, Phao-lô không nói rõ. Sự thiếu rõ ràng này thể hiện trong công việc của các dịch giả – trong 28 bản dịch tiếng Anh, 18 bản chọn "vợ của các chấp sự"; 2 bản chọn "nữ chấp sự" (deaconesses); và 8 bản còn lại để nguyên là "những người nữ" (để người đọc tự quyết định). Riêng tôi, tôi nghĩ phần đông các dịch giả đúng khi dùng chữ "vợ", vì Phao-lô dùng đúng chữ *gunaikas* ấy với

827. 1 Ti-mô-thê 3:8-13

nghĩa "vợ" trong cụm từ "chung thủy với vợ mình", xuất hiện vài câu trước đó (câu 2), cũng như trong câu ngay sau đó (câu 12). Khi bị kẹp sát giữa những cách dùng khác như vậy, khó có khả năng chữ này lại mang một nghĩa khác ở đây.

Các học giả theo quan điểm bổ sung lập luận rằng dù hiểu đó là vợ của các chấp sự hay là các nữ chấp sự, thì phân đoạn này cũng cho thấy Phao-lô không cho phép có nữ trưởng lão. Họ nói, nếu đó là vợ của các chấp sự, thì điều này ngụ ý rằng Phao-lô hình dung hai nhóm: các trưởng lão nam, và các chấp sự nam cùng vợ của họ. Mặt khác, một số học giả theo quan điểm bổ sung nói rằng nếu đó là các nữ chấp sự, thì có nghĩa là Phao-lô hình dung ba nhóm: các trưởng lão nam, các chấp sự nam và các nữ chấp sự (nhưng không có nữ trưởng lão). Cách đọc nào cũng loại trừ khả năng có nữ trưởng lão.

Trước hết, ngay cả nếu chúng ta chấp nhận khả năng thứ hai, câu hỏi vẫn còn đó: phải chăng Phao-lô *quy định* rằng mỗi Hội Thánh địa phương, không trừ Hội Thánh nào, đều phải có ba chức vụ, tức là trưởng lão nam, chấp sự nam và nữ chấp sự? Hay ông *giả định hoặc biết* rằng đó là những chức vụ đang có trong Hội Thánh Ê-phê-sô vào thời điểm ông viết thư, và trong 1 Ti-mô-thê 3 ông chỉ quy định *những kiểu người* thích hợp nhất cho các chức vụ ấy? Tôi nghĩ đó là một sự giả định, chứ không phải một quy định. Hơn nữa, nếu Phao-lô nói đến các nữ chấp sự, thì có nghĩa là ngay ở câu kế tiếp, khi Phao-lô nói rằng các chấp sự (kể cả nữ chấp sự) phải "chung thủy với vợ mình" (câu 12), điều này chỉ xác nhận cách dùng thành ngữ ấy theo nghĩa bao gồm cả hai giới – cách dùng mà chúng ta cũng thấy chẳng hạn trong các tiêu chuẩn cho trưởng lão ở Tít 1, nơi Phao-lô chỉ hình dung chức trưởng lão, chứ không có chức chấp sự, là chức vụ được lập trong các Hội Thánh ở Cơ-rết.[828] Điều này có nghĩa là những tiêu chuẩn cho trưởng lão trong Tít 1, vốn không có bất cứ đại từ hay thành ngữ nào loại trừ một giới, sẽ cho phép lập nữ trưởng lão.

Tuy nhiên, quan điểm của số đông là Phao-lô muốn nói những người nữ này không phải là nữ chấp sự, mà là vợ của các chấp sự. Trong trường hợp đó, dường như ông chỉ hình dung các trưởng lão nam và các chấp sự nam. Nhưng điểm yếu của quan điểm này là khi ấy chúng ta lại có thêm bằng

828. John Chrysostom đã thấy điều này. Trong Bài giảng 11 về 1 Ti-mô-thê 3, ông viết: "Người nam của một người nữ . . . là điều thích hợp để nói cả về các nữ chấp sự."

chứng rằng không nên xem các danh sách trong 1 Ti-mô-thê 3 như một chuẩn mực mang tính luật lệ cho mọi Hội Thánh, vì Rô-ma 16:2, được viết vào khoảng cùng thời gian với thư này, nhắc đến một người phụ nữ tên là Phê-bê, người được Phao-lô giới thiệu như một nữ chấp sự của Hội Thánh Xen-cơ-rê.[829]

Nói cách khác, *dù hiểu những người nữ này theo cách nào, thì cũng đều làm lung lay niềm tin của thuyết bổ sung rằng phân đoạn của Phao-lô trong 1 Ti-mô-thê 3 loại trừ khả năng có nữ mục sư trong mọi Hội Thánh*.

Có cách nào khác để hiểu "những người nữ" trong câu 11 không? Tôi thấy thuyết phục hơn quan điểm cho rằng những người nữ này thật ra không chỉ bao gồm vợ của các chấp sự hay các nữ chấp sự (tùy bạn hiểu theo cách nào), mà còn bao gồm cả vợ của các trưởng lão hay các nữ trưởng lão. Xin để tôi giải thích. Như Michael Eaton giải thích trong sách giải nghĩa 1 Ti-mô-thê của ông, và như điều thường thấy trong văn chương cổ đại, Phao-lô lập hai danh sách tương tự nhau (một cho trưởng lão và một cho chấp sự), nhưng *để tránh lặp lại quá nhiều*, ông chia ra cho hai phần một số nội dung *vốn được dùng chung cho cả hai.*[830] Nhận xét của ông rất vững, đặc biệt là đối với phân đoạn này. Chẳng hạn, hãy để ý rằng trong phần nói về trưởng lão, câu 1 nói đến lòng ước muốn làm công việc ấy, và câu 7 nói đến sự cần có tiếng tốt đối với người ngoài. Rồi trong phần nói về chấp sự, câu 9 nói đến sự cần giữ lẽ mầu nhiệm sâu xa của đức tin, câu 10 nói đến sự cần được thử nghiệm trước khi được giao vai trò ấy, và câu 13 nói đến phần thưởng Đức Chúa Trời dành cho những ai phục vụ tốt. *Thế nhưng cả năm điểm này đều áp dụng cho cả trưởng lão lẫn chấp sự.* Độc giả thời cổ sẽ nhận ra điều này nhanh hơn chúng ta, những người hiện đại. Vì đã dùng phân đoạn này để đào tạo trưởng lão và chấp sự trong nhiều thập niên, tôi đã tự nhiên sắp xếp phần giải thích của mình theo cách ấy. Chẳng phải các chấp sự, chứ không chỉ các trưởng lão, cũng nên ước muốn phục vụ Đức Chúa Trời theo cách này và có tiếng tốt đối với người

829. Xem chú thích về Phê-bê dưới tiêu đề "Những người cùng làm việc trong Rô-ma 16" ở chương 12 để thấy bằng chứng rằng bà là một nữ chấp sự.
830. "Một số điều áp dụng cho trưởng lão cũng áp dụng cho chấp sự, và ngược lại. Lối viết của người Hê-bơ-rơ thường như sau: khi muốn nói những điều tương tự về hai đề tài, người ta chia vấn đề thành hai đoạn, nói điều này ở phần này và điều kia ở phần kia. Nhưng lối viết Hê-bơ-rơ muốn chúng ta áp dụng nó cho cả hai phần." (Michael Eaton, Preaching Through the Bible: Timothy)

ngoài sao? Và chẳng phải các trưởng lão, chứ không chỉ các chấp sự, cũng nên suy ngẫm sâu xa về Kinh Thánh, được thử nghiệm trước khi được lập, và trông đợi phần thưởng từ Đức Chúa Trời vì đã lãnh đạo tốt sao?[831]

Nhưng hãy xem, cách đọc cho rằng một số tiêu chuẩn áp dụng cho cả hai nhóm này có lẽ là lời giải thích duy nhất cho việc vì sao Phao-lô chỉ viết "vợ/những người nữ", chứ không viết "vợ *của các chấp sự*" hay "nữ *chấp sự*" – ông không muốn giới hạn sự áp dụng của nó chỉ cho các chấp sự.

Vì vậy, nếu trong câu 11 Phao-lô muốn nói đến những người vợ, thì ông đề cập đến những phẩm chất đạo đức đòi hỏi nơi vợ của cả chấp sự lẫn trưởng lão. Nếu chúng ta ghi nhớ sự hiện diện của nữ chấp sự Phê-bê, thì lẽ thật vượt thời gian cần rút ra từ phân đoạn này là: sự tin kính của người phối ngẫu (chứ không chỉ người vợ) của các trưởng lão và chấp sự là điều quan trọng.

Còn nếu trong câu 11 Phao-lô muốn nói đến phiên bản nữ của chức vụ ấy, thì ông đề cập đến những phẩm chất đạo đức đòi hỏi nơi cả nữ chấp sự lẫn nữ trưởng lão. Cách giải thích này càng hợp lý hơn bởi sự kiện Bê-rít-sin và chồng bà từng thành lập và lãnh đạo chính Hội Thánh này.

Dù hiểu theo cách nào, chúng ta càng suy ngẫm lâu về phân đoạn này thì càng kém chắc chắn về việc những người nữ bí ẩn này là ai, và càng chắc chắn hơn rằng câu 11 hoặc quá tối nghĩa, hoặc quá gắn với hoàn cảnh riêng, đến nỗi theo bất cứ phương pháp giải thích lành mạnh nào, nó cũng khó có thể là một nền tảng đủ để cấm việc lập phụ nữ vào chức vụ ở mọi lúc và mọi nơi.

TRƯỞNG LÃO CÓ PHẢI LÀ NHỮNG NGƯỜI CHA KHÔNG?

P. J. Smyth, một cựu lãnh đạo phong trào, gần đây đã công bố một lập luận *mới* ủng hộ việc chỉ người nam mới được làm trưởng lão – một lập luận mà tôi tin là đáng được phê bình. Tôi trích dẫn nó thành ba đoạn, và đánh giá lần lượt từng đoạn.

831. Chúng ta vẫn có thể hỏi vì sao Phao-lô lại sẵn lòng lặp lại nhiều nội dung cho cả hai nhóm. Câu trả lời là ông làm vậy đặc biệt đối với các phẩm chất đạo đức, vốn đáng được nhấn mạnh thêm.

Trong thế giới hiện đại được định hình bởi công nghệ của chúng ta, chúng ta dễ nghĩ về con người theo lối máy móc. Điều này có nghĩa là chúng ta có khuynh hướng hiểu từ "trưởng lão" giống như từ "lãnh đạo" trong kinh doanh, chính trị hay công nghiệp. Trong những lĩnh vực ấy, việc người có năng lực nhất – bất kể giới tính – được trao chức vụ giám đốc điều hành, chủ tịch hay quản lý là điều hợp lý. Nhưng khi Kinh Thánh mô tả vai trò của các trưởng lão, Kinh Thánh không thật sự nghĩ đến các mô hình lãnh đạo doanh nghiệp đương đại của chúng ta. Đúng hơn, bức tranh ấy nghiêng hẳn về Hội Thánh như một gia đình được những người cha coi sóc và bảo vệ.

Smyth lập luận rằng trong một gia đình, người cha luôn là người lãnh đạo. Vì Hội Thánh là một gia đình, nên một lần nữa giới tính phải được đặt trên ân tứ, để rồi một nhóm người nam phải lãnh đạo, bất kể có những người nữ cũng có ân tứ lãnh đạo không kém. Nhưng lập luận của Smyth dựa trên hai giả định sai lầm.

Thứ nhất, cả cha *lẫn* mẹ đều phải dẫn dắt con cái. Bất cứ chỗ nào trong Tân Ước nói đến việc người cha lãnh đạo gia đình đều chỉ *mô tả* thế giới Hy Lạp – La Mã, nơi mỗi gia đình đều do một paterfamilias lãnh đạo, trừ khi ông đã qua đời. *Tuy nhiên, khi chúng ta tìm xem Kinh Thánh quy định điều gì (chứ không chỉ mô tả) về việc ai dẫn dắt con cái, thì rõ ràng là mẹ và cha cùng nhau làm người lãnh đạo gia đình mình.* Trong nhiều giới Hội Thánh ngày nay, chúng ta đã nghe rằng "người cha phải là đầu của gia đình" và đã thực hành điều đó rộng rãi đến nỗi không nhận ra rằng thật ra điều này thiếu nền tảng Kinh Thánh.

Người chồng có thể là đầu của người vợ (dù như chúng ta đã thấy trong chương 8, dẫu sao điều này có lẽ cũng không nói về thẩm quyền), nhưng chỉ khi *cùng với vợ mình* thì ông mới lãnh đạo gia đình: "Hỡi người làm con, hãy vâng lời cha mẹ mình trong Chúa, vì điều đó là phải lắm. Hãy tôn kính cha *và mẹ* mình."[832] Tương tự, ở không dưới bốn chỗ, Kinh Thánh khẳng định sự lãnh đạo chung của mẹ và cha qua công thức: "Vì vậy người nam sẽ lìa mẹ và cha mà gắn bó với vợ mình."[833] Công thức này cho thấy một người con trai rời khỏi một gia đình do cả cha lẫn mẹ lãnh đạo để lập nên (có lẽ là vậy) một gia đình mới, một lần nữa cũng do cả hai người lãnh đạo.[834] Thay vì mô tả người

832. Ê-phê-sô 6:1
833. Xem Sáng Thế Ký 2, Mác 10, Ma-thi-ơ 19, Ê-phê-sô 5

mẹ như một người lãnh đạo hạng hai, đứng lưng chừng trong cơ cấu thẩm quyền giữa người cha và con cái, Kinh Thánh quy định rằng mẹ và cha cùng nhau như "một thịt" mà lãnh đạo gia đình. Kinh nghiệm cá nhân của tôi củng cố thêm hiểu biết này: có một điều còn tốt hơn việc một người cha dẫn dắt con cái mình – đó là một người cha *và mẹ* cùng nhau dẫn dắt con cái của họ.[835]

Dù nhiều người nhảy vọt một cách sai lầm từ ý tưởng người chồng là đầu của người vợ sang ý tưởng người chồng là đầu của gia đình, không một tác giả Tân Ước nào đã làm như vậy. Nơi đầu tiên được ghi lại mà chúng ta biết có sai lầm này là vào thế kỷ 2, trong quyển thứ ba của sách Hermas.[836]

Thứ hai, Smyth dùng một ẩn dụ về Hội Thánh (như một gia đình) theo cách làm triệt tiêu một ẩn dụ khác (Hội Thánh như một thân thể). Thế nhưng Tân Ước cho chúng ta hai ẩn dụ chính làm nền cho cách chúng ta tổ chức các Hội Thánh. Smyth hạ thấp hình ảnh Hội Thánh như một thân thể có nhiều chức năng bằng cách gắn chính ý tưởng về ân tứ với một công ty hay một quốc gia. Đúng là, như ông nói, Hội Thánh là một gia đình dựa trên sự thuộc về nhau, nhưng cũng đúng là Hội Thánh là một thân thể sống (chứ không chỉ là một tổ chức) dựa trên các ân tứ. Dù việc định hướng theo ân tứ này mang tính sống động và được Đức Thánh Linh dẫn dắt hơn nhiều so với những gì người ta thấy trong một doanh nghiệp hay tổ chức thế tục, thì ít nhất ở một điểm, Hội Thánh cũng giống một công ty hiện đại: ở cả hai nơi, việc nhìn nhận ân tứ không liên quan gì đến giới tính của một người.

Trong thư gửi Ti-mô-thê, bức tranh không phải, như Smyth sẽ gợi ý trong phần tiếp theo, là "nghiêng hẳn về Hội Thánh như một gia đình" – thật ra chỉ có một câu trong thư này trực tiếp đồng nhất Hội Thánh với một gia đình.[837]

834. Tương tự, trong sách Châm Ngôn, cả mẹ lẫn cha đều dạy bảo và hướng dẫn con cái mình: "Hỡi con, hãy nghe lời khuyên dạy của cha, chớ bỏ sự dạy dỗ của mẹ con" (Châm Ngôn 1:8). "Hãy nghe lời cha và mẹ con, là những người đã sinh ra con, và chớ khinh bỉ mẹ con." (Châm Ngôn 23:22). Trong rất nhiều câu khác nữa, mẹ và cha cùng nhau thực hiện sự lãnh đạo trong việc nuôi dưỡng, rèn luyện, sửa dạy và dạy dỗ con cái (Xuất Ê-díp-tô Ký 20:12; Lê-vi Ký 19:3; Phục Truyền Luật Lệ Ký 6:6-9, 21:18-21, 27:16; Ê-phê-sô 6:1-4; Cô-lô-se 3:20; 2 Ti-mô-thê 1:5; cũng xem Lu-ca 2:51).

835. Hơn nữa, ngay cả nếu ý muốn của Đức Chúa Trời là người cha làm "đầu của gia đình", thì việc dựa vào chỗ Phao-lô hình dung một tập thể nhiều người lãnh đạo để nói rằng nhiều người cha cùng nhau phải làm "đầu" của Hội Thánh vẫn là một bước nhảy kỳ lạ.

836. Trong Hermas, Similitudes 7.3, người đàn ông được bảo rằng "gia đình ngươi không thể bị trừng phạt cách nào khác ngoài việc chính ngươi, là đầu của nhà, phải chịu hoạn nạn."

Đúng hơn, thư của Phao-lô chủ yếu tập trung vào Hội Thánh Ê-phê-sô như *một tập hợp những gia hộ Hy Lạp – La Mã*. Ti-mô-thê được dặn phải khôn ngoan chăm sóc những người thuộc mọi địa vị khác nhau trong các gia hộ thời cổ ấy – già và trẻ, nô lệ và người tự do, giàu và nghèo, nam và nữ, góa bụa và có gia đình.

Smyth thêm một tầng nữa vào lập luận của mình:

[H]ội Thánh [là] một gia đình được những người cha coi sóc và bảo vệ, [những người mà] tiêu chuẩn hàng đầu là phẩm chất tin kính của họ với tư cách người cha. Điều này đặc biệt rõ trong thư thứ nhất của Phao-lô gửi Ti-mô-thê: một người nam chỉ nên được công nhận là trưởng lão nếu ông là một người cha tốt trong gia đình ruột thịt của mình. Đây là một điểm không bao giờ có thể nhấn mạnh cho đủ: trưởng lão phải là những người cha.[838]

Một lần nữa, khía cạnh này trong lập luận của ông dựa trên hai tiền đề sai lầm. Thứ nhất, Phao-lô không chỉ chú trọng đến trưởng lão như những người cha, mà như những người đứng đầu một gia hộ. Vì hiểu sai bối cảnh cổ xưa của những độc giả đầu tiên của thư này, Smyth hình dung gia đình của những người lãnh đạo ấy chỉ gồm một "gia đình ruột thịt" – có lẽ với hai ba đứa con. Nhưng trong 1 Ti-mô-thê 3, Phao-lô nói rằng một mục sư phải "khéo cai trị nhà riêng mình." Trong phân đoạn này, chữ Hy Lạp (*oikos*) nên được dịch không phải là "gia đình" mà là "gia hộ" (cả nhà) – tức là có thể bao gồm cả nô lệ, người thuê nhà và những bà con khác. Nhưng nếu chúng ta đồng ý với Smyth rằng, vì các mục sư làm cha của con cái mình nên họ phải làm cha của Hội Thánh, thì chúng ta cần nhất quán mà nói thêm rằng các mục sư cũng phải làm chồng của Hội Thánh, làm chủ nô của Hội Thánh và

837. 1 Ti-mô-thê 3:1

838. Alan Frow đưa ra cùng một lập luận vòng quanh này: "Trưởng lão giống như người cha, và vợ trưởng lão giống như người mẹ. Dù họ cùng nhau làm cha mẹ cho Hội Thánh, nhưng cũng như trong một gia đình theo Kinh Thánh, nơi người cha chứ không phải người mẹ lãnh đạo, Hội Thánh được các trưởng lão lãnh đạo. Tôi không mong đợi trưởng lão là nữ, cũng như tôi không mong đợi người mẹ là người cha." www.bit.ly/2ZPRZGH

làm chủ nhà cho thuê của Hội Thánh – vì những vai trò này cũng nằm trong việc quản lý một gia hộ.[839]

Thứ hai, như đã nói trước đây trong chương 12, một *materfamilias* (người mẹ đứng đầu gia hộ) cũng đủ tiêu chuẩn! Năng lực lãnh đạo cần có để quản lý một gia hộ, ngay cả trong thế giới cổ đại, không phải là việc riêng của người nam. Ở phần sau của thư này, Phao-lô nói đến một người phụ nữ đã lập gia đình quản lý nhà mình;[840] và chúng ta cũng biết rằng cộng đồng tín hữu đầu tiên mà Phao-lô thành lập ở châu Âu nằm trong ngôi nhà do Ly-đi quản lý.[841]

Rồi Smyth kết thúc lập luận của mình: "Điều đó hẳn có nghĩa là họ có thể làm cha của Hội Thánh. Phụ nữ không nên làm trưởng lão vì phụ nữ không thể làm cha."[842]

Sau khi đã thu hẹp việc quản lý gia hộ thành việc làm cha, Smyth lại dùng sự thu hẹp ấy để tạo ra một ẩn dụ hoàn toàn mới cho công tác mục vụ: làm cha. Thế nhưng ngay trong chính thư này, chúng ta thấy Phao-lô phá vỡ chuẩn mực văn hóa của hệ thống thứ bậc trong gia hộ thời cổ khi đặt một người trẻ hơn, là Ti-mô-thê, coi sóc những người lớn tuổi hơn – điều mà chính Chúa Giê-xu đã làm khi Ngài chọn những người trẻ làm sứ đồ. Trái với giả định của Smyth, Ti-mô-thê được dặn rõ ràng là phải lãnh đạo thuộc linh không phải như một người cha, mà như một người con đối với những người lớn tuổi hơn mình, và như một người anh em đối với những người ngang hàng.[843] Xét cho cùng, ẩn dụ chính của Kinh Thánh về việc làm mục sư không phải là làm cha mẹ, mà là chăn chiên. Chúa Giê-xu là Đấng làm đầu các người chăn, còn các mục sư là những "người chăn phụ."[844] Nhưng không có câu Kinh Thánh nào, ở bất cứ đâu, gợi ý rằng vì Đức Chúa Trời là Cha của Hội Thánh

839. Điều này giúp chúng ta hiểu hoàn cảnh gia đình thời cổ khác biệt thế nào với các gia đình hạt nhân hiện đại của chúng ta. Chắc chắn, một khía cạnh chính của việc "quản lý gia hộ" trong nền văn hóa ấy là lo sao cho "con cái vâng lời mình", nhưng việc đó cũng bao gồm việc lãnh đạo tốt vợ mình, cũng như những người khác có thể sống trong gia hộ của ông, như nô lệ, bà con và người thuê nhà. Đó là lý do trong câu 12, Phao-lô phân biệt rõ hai phạm trù: một mặt, các chấp sự phải quản lý tốt con cái mình, nhưng mặt khác, cũng phải quản lý tốt gia hộ mình. Hơn nữa, Phao-lô cũng nói điều tương tự về các chấp sự – vậy có phải các chấp sự cũng phải "làm cha của Hội Thánh" không?
840. 1 Ti-mô-thê 5:14
841. Công Vụ Các Sứ Đồ 16:14-15, 40
842. P.J. Smyth, Elders, chương 12.
843. 1 Ti-mô-thê 5:1-2
844. 1 Phi-e-rơ 5:1-4

nên các mục sư phải là những "người cha phụ."[845] Thật ra, chúng ta càng phải đặc biệt cẩn thận khi nhấn mạnh các trưởng lão nam như những người cha của Hội Thánh, trong khi Chúa Giê-xu truyền điều ngược lại như một nguyên tắc mặc định: "Đừng gọi người nào ở thế gian là cha mình, vì các ngươi có một Cha ở trên trời."[846] Về mặt thần học, ẩn dụ Kinh Thánh về Hội Thánh như một gia đình, nếu được áp dụng đúng, thì đặt Đức Chúa Trời, chứ không phải bất cứ mục sư nào trên đất, làm Cha thật duy nhất của chúng ta, và đặt những người lãnh đạo chúng ta làm những anh chị em (thường lớn tuổi hơn) trong Đấng Christ.

Hơn nữa, nếu chúng ta chấp nhận quan điểm của Smyth rằng Hội Thánh trước hết là một gia đình do những người cha lãnh đạo (và tôi xin trân trọng bày tỏ sự nghi ngờ rằng chúng ta có nên chấp nhận như vậy không), thì sẽ hợp lý hơn nếu chúng ta có một nhóm "cha mẹ" – *gồm cả nam mục sư lẫn nữ mục sư* – cùng nhau lãnh đạo, như bất cứ gia đình lành mạnh nào cũng có.

845. Chỉ trong những dịp hiếm hoi, Kinh Thánh mới gọi một người lãnh đạo thuộc linh là "cha" của những người khác: trong những trường hợp liên quan 1) đến những người kế tục công việc của sứ đồ (2 Ti-mô-thê 1:2), 2) đến một Hội Thánh mà họ đã gây dựng từ con số không (1 Cô-rinh-tô 4:14-15), hoặc 3) đến một Hội Thánh đang ở dưới sự chăm sóc của sứ đồ, nhất là khi vị sứ đồ ấy nay đã già (1 Giăng 2:1).
846. Ma-thi-ơ 23:9

PHỤ LỤC 6: VÌ SAO SỰ THẬT CÓ THỂ KHÔNG THAY ĐỔI ĐƯỢC SUY NGHĨ CỦA CHÚNG TA

"Phần lớn người ta không muốn thông tin chính xác, họ muốn thông tin xác nhận điều mình đã tin. Sự tăng trưởng đòi hỏi bạn phải cởi mở để gạt bỏ những ý tưởng từng có ích cho bạn trước đây." James Clear

Khi tôi trở thành Cơ Đốc nhân và tiếp nhận Tin Lành như – nói sao nhỉ – một chân lý không thể chối cãi, tôi nhớ mình đã nghĩ: "Cứ đợi đến khi mình kể cho những người bạn chưa tin Chúa nghe điều mình đã khám phá! Họ cũng sẽ tin hết cho mà xem." Thật tuyệt vời là có vài người đã tin. Nhưng tôi ngạc nhiên vì phần đông thì không.

Tôi phải thừa nhận rằng mình cũng đã ngây thơ tương tự trong cách tiếp cận ban đầu khi thay đổi suy nghĩ của chính mình (rồi sau đó cố gắng thay đổi suy nghĩ của người khác) về thứ bậc giới tính.

Trong trường hợp của tôi, sự thức tỉnh này thật đau đớn. Theo những gì tôi thấy, điều tôi đã tin suốt nhiều thập niên chẳng qua chỉ là bộ quần áo không hề có của hoàng đế. Vậy thì, tôi tự hỏi, tại sao những con người tuyệt vời vẫn thấy bộ quần áo vô hình ấy, dù nó đơn giản là không hề có ở đó? Điều này làm tôi bối rối rất nhiều, nhưng cuối cùng tôi tình cờ tìm ra một lời giải thích khả dĩ: *thiên kiến nhận thức*.

Hóa ra, kiểu trao đổi thần học mà nhiều Hội Thánh tham gia lại tạo điều kiện hoàn hảo cho đủ mọi loại thiên kiến hoạt động. Không ai trong chúng ta – kể cả tôi – khách quan như mình tưởng.

NGAY CẢ "LÝ TRÍ" CỦA CHÚNG TA CŨNG BỊ CẢM XÚC DẪN DẮT

Chúng ta có thể tự nhủ rằng mình đã quyết định chỉ dựa trên các sự kiện mà thôi, nhưng ngay cả những lựa chọn khách quan nhất của chúng ta thật ra cũng được cảm xúc nâng đỡ. Có thể chúng ta không nói ra, hay thậm chí không ý thức được tính chủ quan này, nhưng dù vậy nó vẫn có đó.

Trong *The Righteous Mind*, Jonathan Haidt gọi lối suy nghĩ cảm tính là "trực giác". Ông viết: "Vai trò tương đối của trực giác và lý trí nơi con người tốt nhất nên được hình dung giống như mối quan hệ giữa một con voi và người cưỡi nó. Trực giác là con voi đạo đức; lý trí là người cưỡi voi. Người cưỡi voi lầm tưởng rằng mình điều khiển con voi, trong khi thật ra cô ấy phục vụ nó, thường là bằng cách đưa ra những lời biện minh sau khi sự việc đã rồi cho các phán đoán trực giác của con người."[847]

Nói cách khác, mọi lý lẽ đều được thúc đẩy bởi cảm xúc. Một số ý tưởng và loại thông tin hấp dẫn chúng ta. Số khác làm chúng ta khiếp sợ. Đó là lý do chúng ta không nhất thiết tin điều gì là thật. Phần lớn, chúng ta tin điều mình thích tin. Thường thì không nhận ra, chúng ta cam kết trước với một niềm tin, rồi sau đó tạo ra hoặc bám lấy những "lời biện minh khéo léo." Stackhouse áp dụng nguyên tắc này cụ thể vào thần học về giới tính của chúng ta:

Chúng ta hãy thành thật với chính mình rằng không ai quyết định về một loạt vấn đề hệ trọng như thế chỉ đơn thuần dựa trên lập luận thần học. Chúng ta không dám tự tâng bốc rằng mình đang ngồi trên một đỉnh cao trí tuệ nào đó, bình thản cân nhắc từng điều trên cán cân của trí tuệ được tinh chỉnh kỹ lưỡng và linh hồn đã hoàn toàn được thánh hóa của mình. Tất cả chúng ta đều đã gắn bó một cách bất lực và trọn vẹn với một tập hợp giả định cụ thể nào đó về giới tính, dù đó là tập hợp nào đi nữa. Tất cả chúng ta đều bị cuốn vào những cấu trúc xã hội ban thưởng hay trừng phạt chúng ta vì quan điểm của mình. Chúng ta đơn giản là không thể vô tư khi quyết định về loạt vấn đề to lớn, và vô cùng quan trọng, này. Vậy thì … chúng ta hãy tự hỏi: Tôi thật sự muốn tin điều gì về giới tính?

THIÊN KIẾN XÁC NHẬN

Thiên kiến xác nhận là việc vô thức chọn lọc tìm kiếm những bằng chứng xác nhận niềm tin hiện có của chúng ta, thay vì tìm kiếm những thông tin thách thức niềm tin ấy. Ở tầng tiềm thức, chúng ta thổi phồng những bằng chứng xác nhận, và né tránh, gạt bỏ hay xem nhẹ những thông tin trái ngược.

847. Jonathan Haidt, The Righteous Mind, tr. 32.

Chúng ta hết lòng đón nhận những lập luận ủng hộ lập trường của mình ngay cả khi đó có thể là những lập luận yếu – thật ra chúng ta mù lòa trước khả năng chúng có thể yếu. Chúng ta "muốn" cho chúng mạnh, ngay cả khi chúng không mạnh.

Như nhà kinh tế học J.K. Galbraith nói: "Khi đứng trước lựa chọn giữa việc thay đổi suy nghĩ của mình và việc chứng minh rằng không cần phải làm vậy, hầu như ai cũng bận rộn với việc chứng minh."[848]

Thiên kiến xác nhận này là lý do chúng ta có khuynh hướng xây dựng những câu chuyện quá đơn giản từ những thông tin không đầy đủ. Rồi chúng ta tin vào câu chuyện ấy chừng nào nó còn mạch lạc trong đầu mình. Vấn đề nảy sinh khi chúng ta nối những điểm dữ liệu ít ỏi, và có lẽ chẳng liên quan gì với nhau, để tạo nên một bức tranh lớn hơn mà thật ra mấy điểm ít ỏi ấy không đủ để nâng đỡ. Dĩ nhiên, chúng ta cần làm việc với những thông tin mình có, nhưng chúng ta mắc sai lầm khi xem những thông tin ấy là tất cả những gì cần biết.

Đây chính là lý do thuyết bổ sung, với tư cách một câu chuyện, đã từng có vẻ hợp lý đối với tôi. Đi theo con đường của cuốn sách năm 1977 của George Knight, người sáng lập học thuyết thứ bậc giới tính dưới hình thức mới, tôi đã ghép lại một ít câu Kinh Thánh, hay nói chính xác hơn, những suy diễn mang tính phỏng đoán về các câu ấy, để tạo thành một câu chuyện. Nhưng khi tôi khảo sát những điểm dữ liệu ấy kỹ lưỡng hơn, điều làm tôi sửng sốt là chúng ít ỏi biết bao, và chúng chẳng liên quan gì với nhau biết bao. Thuyết bổ sung vận hành rất giống một chòm sao trên bầu trời: một người ngắm bầu trời đêm lấp lánh và nối một nhóm ngôi sao lại với nhau, tưởng tượng ra một mối liên kết giữa chúng (và điền thêm vài điểm còn thiếu dọc đường), rồi gọi đó là chòm Xử Nữ hay chòm Nhân Mã. Các chòm sao, cũng như thuyết bổ sung, tồn tại trong mắt người nhìn.

Một khi chúng ta đã nối các điểm theo một cách nào đó, thì gần như không thể "không thấy" chòm sao ấy nữa. Leo Tolstoy từng viết: "Những đề tài khó nhất vẫn có thể giải thích cho người chậm hiểu nhất, nếu người ấy chưa hình thành ý niệm nào về chúng; nhưng điều đơn giản nhất cũng không thể làm sáng tỏ cho người thông minh nhất, nếu người ấy đã tin chắc rằng mình đã

848. John Galbraith, Economics, Peace and Laughter

biết, không chút nghi ngờ, điều được đặt ra trước mặt mình." Thật vậy, thấy điều không có ở đó là một kiểu mù lòa lạ lùng. Chẳng hạn, một khi chúng ta "thấy" mô hình lãnh đạo–thuận phục nơi A-đam và Ê-va chưa sa ngã trong Sáng Thế Ký 2, chúng ta sẽ bị mù lòa trước vẻ đẹp thật sự của sự bình đẳng và tính tương hỗ giữa họ.

Một trong những lý do thiên kiến xác nhận phát triển mạnh không chỉ là vì chúng ta dùng nó để hỗ trợ điều mình vốn đã tin, mà còn vì chúng ta không thích tự hoài nghi chính mình. Tùy theo kiểu tính cách, nhiều người trong chúng ta có nhu cầu khép lại vấn đề lớn hơn – tức là đi đến một quyết định dứt khoát về một vấn đề. Được "lập trình" như thế, chúng ta không thích sự mơ hồ, cũng không thích hoài nghi những kết luận trước đây của mình. Chúng ta thiếu kiên nhẫn với những tiến trình trao đổi dài lâu về một vấn đề. Chúng ta có khuynh hướng suy nghĩ theo lối trắng đen rạch ròi, và vui lòng chỉ nghe một phía của vấn đề. Nếu phía ấy thuyết phục được chúng ta, thì chúng ta (do nhu cầu khép lại vấn đề) sẵn lòng gắn bó với phía ấy.

KHÔNG GÌ LÀM MÉO MÓ SUY NGHĨ CỦA CHÚNG TA BẰNG NỖI SỢ MẤT MÁT

Con voi bị cảm xúc chi phối mà Haidt nói đến về cơ bản thì né tránh các mối đe dọa và theo đuổi các cơ hội. Thế nhưng, trong hai động lực cảm xúc này, nỗi sợ bị đe dọa lớn hơn khả năng được ban thưởng. Chúng ta không sợ sự thay đổi bằng sợ sự mất mát. Trong một hiện tượng gọi là *thiên kiến tiêu cực* (hay *thiên kiến hiện trạng*), bộ não của chúng ta được "lập trình" để coi trọng điều mình có thể mất hơn điều mình có thể được.

Chẳng hạn, một Hội Thánh hay một cuộc hôn nhân có thể được rất nhiều khi thuyết tương hỗ nam–nữ thay thế cho thứ bậc nam–nữ. Nhưng người bình thường không tập trung vào điều có thể đạt được. Thay vào đó, họ cứ chăm chăm vào điều có thể mất. Khi tìm hiểu một lập trường thần học mới, họ không chủ yếu hỏi: "Điều này có đúng không?" mà trong tiềm thức lại hỏi: "Nếu tôi tin điều này, tôi có thể mất gì?" Dù việc thay đổi suy nghĩ có thể đem lại những thành quả vô cùng tích cực về lâu dài, những lợi ích ấy vẫn bị lấn át bởi khả năng mất mát trước mắt – điều càng nổi bật hơn vì phần đông người ta vốn có khuynh hướng tự nhiên muốn tránh những thay đổi lớn

lao.[849]

Có lẽ không có nỗi sợ mất mát nào lớn hơn nỗi sợ mất chỗ đứng của mình trong một bộ tộc. Như Stackhouse nhận xét: "Tất cả chúng ta đều bị cuốn vào những cấu trúc xã hội ban thưởng hay trừng phạt chúng ta vì … quan điểm của chúng ta về giới tính."[850] Phần lớn, chúng ta tin những gì bộ tộc của mình – vòng quan hệ chính của mình – tin là đúng và thật. Nỗi sợ làm thất vọng một người lãnh đạo mà chúng ta trân quý sự khẳng định của họ, hay nỗi kinh hoàng khi bị lạc nhịp với vòng đồng minh của mình, là một nỗi sợ chi phối, thấm vào mọi suy nghĩ của chúng ta. Chừng nào chưa thừa nhận điều này, chúng ta sẽ không bao giờ có thể tiến gần hơn đến lối suy nghĩ đúng đắn, và sự thật sẽ không bao giờ thay đổi được suy nghĩ của chúng ta.

Một nhà tâm lý học của Đại học Harvard đã diễn đạt như sau: "Con người được đón nhận hay bị lên án tùy theo niềm tin của họ, vì vậy một chức năng của tâm trí có thể là nắm giữ những niềm tin đem lại cho người nắm giữ chúng nhiều đồng minh, người bảo vệ hay môn đồ nhất, chứ không phải những niềm tin có khả năng đúng nhất."[851] Đó là lý do người ta rất nâng niu những niềm tin đánh dấu bản sắc – đây là những niềm tin cần có để chúng ta được thuộc về một vòng quan hệ. Đó cũng là lý do việc cố gắng thay đổi suy nghĩ của một người thật ra là tiến trình cố gắng thuyết phục họ đổi bộ tộc. Ngay từ khoảnh khắc đầu tiên khi suy nghĩ lại về những niềm tin hiện có, họ đã cân nhắc xem việc thay đổi niềm tin có khiến họ mất đi các mối ràng buộc xã hội hay không. Stackhouse cho rằng một động lực thú vị tương tự đang vận hành trong nhiều nhóm theo quan điểm bổ sung:

Đối với một số nhóm Cơ Đốc, các câu hỏi về giới tính đã trở thành những dấu mốc "ranh giới" và "bản sắc", gắn liền với những vấn đề còn căn bản hơn nữa như thẩm quyền tôn giáo, phương pháp thần học và sự chống lại tinh thần thế gian. Vì thế, các câu hỏi về giới tính trở nên quá lớn, gần như không thể đem ra xem xét lại một cách nghiêm túc – và vì vậy chúng không được xem xét lại.[852]

849. Một cách giúp tôi hiểu được cách mình và người khác được "lập trình" là qua "đường cong hình chuông của Roger" (Roger's Bell Curve) – trong khi tôi thuộc 16% số người có khuynh hướng là người đổi mới và người sớm tiếp nhận khi lý lẽ có vẻ vững vàng đối với tôi, thì phần đông người ta cần do dự và cân nhắc lâu hơn nhiều.
850. John Stackhouse, Finally Feminist, tr. 102.
851. Steven Pinker, Language, Cognition and Human Nature

Vì đã quyết định trước rằng niềm tin của nhóm mình là đúng, tất cả những gì họ cần làm là quay về với các văn kiện biện hộ của cộng đồng cho niềm tin ấy, hoặc nhờ các "học giả hàng đầu" trong phong trào hay hệ phái đáp lại mối đe dọa mới này – và các học giả ấy chắc chắn sẽ đáp lại. Vấn đề là không ai bám rễ sâu trong một nhóm hơn những "chuyên gia" làm nghề định nghĩa và bảo vệ niềm tin của nhóm ấy, và vì thế không ai có nhiều thứ để mất hơn họ nếu họ thừa nhận những khiếm khuyết trong suy nghĩ của mình. Trừ khi có phép lạ, tôi ngờ rằng rất ít học giả trong số này thậm chí có thể thay đổi suy nghĩ. Cái giá phải trả – mất sự kính trọng của giới mình, và rất có thể mất cả việc làm – là quá lớn.

Không chỉ các học giả trong các phong trào theo thuyết bổ sung hay những người trình bày giáo lý trong các Hội Thánh theo thuyết bổ sung sẽ đứng lên bảo vệ giáo lý này; nhiều phụ nữ – đặc biệt là vợ của các nhà lãnh đạo nam – cũng sẽ đứng lên bảo vệ nó. Dù một số người trong những phụ nữ này được thuyết phục chỉ bởi các sự kiện (theo cách họ nhìn thấy) – tôi ngờ rằng trong nhiều trường hợp, có một điều gì đó thuộc về tiềm thức hơn một chút đang diễn ra. Như Kevin Giles nói:

Trong bất cứ hệ tư tưởng thống trị nào, luôn có một tỷ lệ những người bị tước quyền lại ủng hộ hiện trạng. Chẳng hạn, trong chế độ đẳng cấp của Ấn Độ giáo và trong các xã hội quý tộc cổ điển, một số người ủng hộ mạnh mẽ nhất cho trật tự xã hội thứ bậc đang thịnh hành lại chính là những người ở tầng đáy. Điều xảy ra là họ tiếp thu trật tự ấy vào bên trong mình; họ tin rằng những người ở trên họ cai trị họ là chính đáng, và địa vị thấp kém hơn của họ là do Đức Chúa Trời ban.[853]

Nghĩ lại thì, có thể có một lý do rất dễ hiểu khiến họ bảo vệ hệ thống thứ bậc: là những người vợ theo quan điểm bổ sung, từ lâu họ đã cam kết hỗ trợ chức vụ (và quan điểm) của chồng mình. Thách thức điều đó sẽ đòi hỏi lòng can đảm rất lớn, và có lẽ còn đe dọa sự hòa thuận của cộng đồng chính của họ, tức là cuộc hôn nhân của chính họ.

852. John Stackhouse, Finally Feminist, tr. 103, chú thích 35.
853. Kevin Giles, What the Bible Actually Teaches on Women, tr. 225.

SUY NGHĨ NHƯ MỘT NGƯỜI LÍNH

Khi những niềm tin đánh dấu bản sắc của chúng ta bị chất vấn, chúng ta dễ dàng quay về chế độ người lính. Khi đối diện với một loạt sự kiện khó chịu, tất cả chúng ta đều có khuynh hướng càng bám chặt hơn vào lập trường hiện tại thay vì thừa nhận rằng mình có thể sai. Vì cuộc thảo luận về thần học giới tính này là mối đe dọa lớn đối với quá nhiều người (họ có thể mất việc nếu thay đổi suy nghĩ), nên việc nó bị bắn hạ nhanh chóng như vậy là điều dễ hiểu (nhưng vẫn là bi kịch).

Thật vậy, nhiều người cố gắng đem cuộc trao đổi này vào Hội Thánh của mình đã mang về những vết thương. Đó là vì thật vô cùng khó để tách người mang ý tưởng đáng sợ ra khỏi chính ý tưởng ấy. Trong những lúc tồi tệ nhất, chúng ta không chỉ bắn người đưa tin, mà còn thao túng tâm lý họ: chúng ta tự nhủ rằng nỗi đau của họ không thể là vì chúng ta đã sai. Nhiều khả năng hơn là vì họ đã làm sai với chúng ta. Hoặc đó là điều chúng ta nghĩ.

Thế nhưng, vì giáo lý của thuyết bổ sung gây tranh cãi đến thế, hầu hết các nhà lãnh đạo lâu năm theo quan điểm bổ sung giờ đây đều có một danh sách dài những người trong Hội Thánh mình đã thay đổi suy nghĩ về vấn đề này và vì thế đã rời bỏ họ. Với quá nhiều tổn thất như vậy, người ta tự hỏi tại sao các nhà lãnh đạo ấy không dừng lại thường xuyên hơn để cẩn thận xem xét lại thần học của mình. Câu trả lời một lần nữa lại đến dưới dạng một thiên kiến nhận thức, thấy rõ nhất trong chiến tranh: *cái giá chúng ta đã trả để bảo vệ một phòng tuyến càng lớn, thì chúng ta càng có khuynh hướng tiếp tục trả cùng cái giá ấy*. Trong Trận Verdun năm 1916, kéo dài suốt một năm, quân Pháp và quân Đức đã chọn một phòng tuyến mà tại đó gần một triệu người bị giết hoặc bị thương nặng. Dù lẽ ra tốt hơn là một hay cả hai bên chỉ việc bỏ chiến hào của mình, nhưng càng mất nhiều sinh mạng, họ lại càng sẵn lòng tiếp tục mất thêm sinh mạng.

Ngoài ra, khi chúng ta, với tư cách một nhóm, bị đe dọa bởi những người ngoài nhóm có thể giữ một quan điểm khác, chúng ta càng dễ sa vào *tư duy nhóm* – một thiên kiến tập thể khiến những điểm mù của chúng ta trở nên bất

khả xâm phạm. Khi chúng ta bảo vệ quan điểm tập thể của mình và vội gạt bỏ những quan điểm khác, chúng ta đưa ra những quyết định tồi. Có đủ những ví dụ công khai về điều này để làm lời cảnh báo: chẳng hạn quyết định của chính quyền Bush xâm lược I-rắc dựa trên một niềm tin sai lầm không bị ai chất vấn về vũ khí hủy diệt hàng loạt của nước này, hay những nhóm người chơi tài chính đã góp phần gây ra sự sụp đổ của thị trường các sản phẩm phái sinh dựa trên các khoản vay thế chấp. Cả hai trường hợp *tư duy nhóm* gây thảm họa ấy đều liên quan đến những nhóm người ra quyết định khép kín, đã phớt lờ "những dữ liệu phủ nhận trong một vòng xoáy đi xuống tự khẳng định mình."[854]

May thay, có một cách tốt hơn nhiều so với việc mặc nhiên chuyển sang chế độ người lính:

NGƯỜI CANH CỔNG VÀ NGƯỜI TRINH SÁT

Dĩ nhiên, chúng ta, những người lãnh đạo Hội Thánh, những người đứng tại cổng thành, cần bảo vệ giáo lý của Hội Thánh mình. Nhưng chúng ta không được kêu gọi để làm những người lính bắn bất cứ ai đến gần tường thành. Là những trưởng lão tốt ngồi tại cổng thành, chúng ta không cam kết trước rằng sẽ không cho gì vào: trái lại, chúng ta đánh giá từng người khách và hàng hóa của họ, xem có điều gì chúng ta có thể cần đến không. Chúng ta không phải là tường thành Giê-ri-cô, nhốt bên trong những gì mình đã tin và chặn bên ngoài những gì mình không tin. Đúng hơn, chúng ta nên bày tỏ cả tinh thần cởi mở trước khả năng mình sai ở một số điều, lẫn sự đánh giá có phê phán đối với vấn đề.

Lịch sử thần học Cơ Đốc là lịch sử của sự tương tác giữa thần học với một nền văn hóa không ngừng biến đổi. Ở một thái cực là những Hội Thánh tin rằng văn hóa luôn luôn sai. Ở thái cực kia, một số người dường như cho rằng văn hóa luôn luôn đúng. Phần đông chúng ta đứng đâu đó ở giữa, nghĩa là ít ra về mặt lý thuyết, chúng ta cởi mở với những ý tưởng mới. Đó là lý do, dù có thể có lúc phải làm người lính, chúng ta không nên lúc nào cũng sống trong chế độ phòng thủ. Trong một bài nói chuyện TED, Julia Galef lập luận

854. Daniel Goleman, Focus: The Hidden Driver of Excellence, chương 7.

rằng chúng ta cũng nên học cách sống và suy nghĩ theo chế độ người trinh sát: "Công việc của người trinh sát không phải là tấn công hay phòng thủ. Công việc của người trinh sát là hiểu. Người trinh sát muốn biết điều gì thật sự có ở đó, càng chính xác càng tốt. Và trong một đội quân thật sự, cả người lính lẫn người trinh sát đều thiết yếu."[855]

Galef nói rằng khi tâm trí chúng ta ở chế độ người lính, chúng ta bị dẫn dắt bởi tâm lý phòng thủ và tinh thần bộ tộc, trong khi đó,

Những người trinh sát thì tò mò. Họ dễ nói rằng mình cảm thấy thích thú khi học được thông tin mới, hay cảm thấy ngứa ngáy muốn giải một câu đố. Họ dễ cảm thấy bị cuốn hút khi gặp điều gì đó trái với mong đợi của mình, [và] dễ nói rằng họ nghĩ việc kiểm nghiệm niềm tin của chính mình là một đức tính tốt, và họ ít khi nói rằng một người thay đổi suy nghĩ là người có vẻ yếu đuối.

Nói cách khác, tinh thần trinh sát là một chiến lược chống lại thiên kiến. Cốt lõi của nó là niềm tin khiêm nhường rằng những kết luận trước đây của chúng ta có thể sai, và rằng chúng ta có thể đang bỏ sót điều gì đó – có lẽ đây là điều Phi-e-rơ gọi là có "tâm trí khiêm nhường."[856]

SỰ CHUYỂN ĐỔI HỆ HÌNH

Trong lịch sử khoa học, triết học và thần học, những bước đột phá then chốt và những cuộc chuyển đổi hệ hình đã đến nhờ kiểu cởi mở này. Suốt nhiều thế kỷ, một lĩnh vực có thể bị chi phối bởi một hệ hình đã được thiết lập vững chắc, thống trị mọi giả định của mọi người. Rồi một số người bắt đầu nhận ra một vài điều bất thường nghiêm trọng. Nhà truyền giáo học Alan Hirsch giải thích điều này rất hay:

Từ bên trong hệ hình nảy sinh một cảm nhận ngày càng tăng về sự bất thường, một cảm giác rằng có điều gì đó không ổn. Hoặc ít ra, lối tư duy đang thịnh hành không thể giải quyết mọi vấn đề mà chính hệ hình ấy phải đối diện. Nghịch lý thay, chính những người đã làm chủ hệ hình đang thịnh

855. www.bit.ly/3BKjApP
856. 1 Phi-e-rơ 3:8

hành lại thường là những người đầu tiên tách khỏi sự đồng thuận – chẳng hạn Einstein và Heisenberg trong khoa học, hay Calvin và Barth trong thần học. Những chuyên gia thật sự là những người có khả năng nhất và dễ nhận ra nhất khi có điều gì đó sai! Thế là bắt đầu điều mà Kuhn gọi là "sự lang thang của tâm trí", một cảm thức tự do mới để đối diện với những điều bất thường mà không cần viện đến những giả định và bộ giải pháp đã định sẵn.[857]

Đây chính là trường hợp của sự trỗi dậy của thuyết tương hỗ từ trong hệ hình của thuyết thứ bậc. Điều này cũng mô tả phần nào hành trình của chính tôi hướng đến một sự cộng tác trọn vẹn hơn giữa hai giới – khi tôi bắt tay vào chứng minh thuyết bổ sung bằng cách đào sâu hơn vào vô số lập luận ủng hộ nó, tôi cảm thấy phần nào giống như Neo, ngoài ý muốn của mình, gặp phải ngày càng nhiều trục trặc trong ma trận (matrix). Tôi càng giải thích được cặn kẽ vì sao mình, một người theo quan điểm bổ sung, lại tin như vậy, thì tôi càng ít có thể tin điều đó.

Một phần của tiến trình này là tôi học cách đọc Kinh Thánh như một người trinh sát chứ không phải như một người lính. Trong cuốn sách *Models for Interpretation of Scripture*, John Goldingay cảnh báo về việc xem Kinh Thánh như một văn kiện biện hộ để nâng đỡ những niềm tin hiện có của chúng ta: *"Một cách thử xem có phải như vậy không là tự hỏi lần cuối cùng mình thay đổi suy nghĩ (hay tốt hơn, thay đổi hành vi) vì một điều mình đọc trong Kinh Thánh là khi nào. Nói chung, tất cả chúng ta đều dùng Kinh Thánh để xác nhận chứ không phải để đối chất [niềm tin của mình], chỉ để 'nhân bản chính mình.'"*

Việc chúng ta thích cảm giác tự tin và chắc chắn hơn là cảm giác bất an và bẽ bàng khi nhận ra mình đã sai về một điều gì đó là chuyện tự nhiên. Thật ra, ngay cả khi đứng trước bằng chứng mạnh mẽ cho thấy cảm giác tự tin vào niềm tin của mình có thể là lầm lạc, chúng ta vẫn khó rũ bỏ cảm giác rằng niềm tin của mình vẫn đúng. Những người nghiên cứu về thiên kiến nhận thức gọi loại thiên kiến này là *ảo tưởng về tính xác thực*.

Hirsch giải thích hệ hình cũ, vốn từng được mọi người bảo vệ kiên quyết đến thế, bắt đầu tan rã như thế nào: "Dần dần, ngày càng nhiều người nhận ra

857. Alan Hirsch, On the Verge, chương 2.

rằng có điều gì đó sai trong quan niệm đang thịnh hành về mọi sự; cuối cùng, một điểm bùng phát được chạm tới."[858]

Tuy nhiên, thông thường khi hệ hình mới vừa ló dạng, thì hệ hình cũ lại tự khẳng định mình bằng sự chống đối mạnh mẽ. Chỉ đúng thôi thì chưa đủ để bảo đảm ý kiến sẽ thay đổi nhanh chóng. (Chẳng hạn, Galileo chỉ giữ được mạng sống nhờ chối bỏ "tà thuyết" về một thực tại lấy mặt trời làm trung tâm.) Hirsch giải thích rằng điều này là "vì một số người đã đặt ý thức về bản thân mình vào hệ hình ấy và vì vậy nhận được tính chính danh của mình từ nó."[859]

Dù vậy, nếu có đủ thời gian, cuối cùng hệ hình mới cũng sẽ thay thế hệ hình cũ. Như nhà triết học người Đức thế kỷ 19 Arthur Schopenhauer đã khẳng định: "Mọi chân lý đều trải qua ba giai đoạn: Thứ nhất, nó bị chế giễu. Thứ hai, nó bị chống đối. Thứ ba, nó được chấp nhận như điều hiển nhiên." Khi tôi lần đầu tiếp xúc với một cách giải thích Kinh Thánh theo quan điểm tương hỗ cách đây nhiều thập niên, cảm nhận của tôi lúc ấy là nó đang ở lằn ranh giữa bị chế giễu và bị chống đối. Khi nhìn quanh bây giờ, tôi thấy nó đang dao động giữa bị chống đối và được xem là hiển nhiên. Bất chấp nỗi sợ chủ nghĩa tự do của giới Tin Lành Phúc Âm ở Mỹ – nỗi sợ khiến họ luôn hướng về cách giải thích bảo thủ nhất đối với mọi việc – thì hiện đã có một phần tư trong số tất cả các Hội Thánh lớn nhất ở Mỹ cho phép có nữ mục sư và nữ giảng đạo.[860] Điểm bùng phát đã bị vượt qua, dòng nước nhỏ đã trở thành cơn lũ, và tôi ngờ rằng giờ đây không còn đường quay lại nữa.

Còn một điều nữa về thiên kiến, đặc biệt áp dụng cho những ai trong chúng ta đã chuyển từ thuyết thứ bậc sang thuyết tương hỗ: hãy coi chừng *thiên kiến nhận thức muộn*. Đó là cách mà, một khi đã thay đổi suy nghĩ, chúng ta nhanh chóng mất đi sự cảm thông với những người vẫn tin như chúng ta từng tin. Khi người ta thay đổi niềm tin của mình dưới ánh sáng của thông tin mới (một kỳ công hiếm có!), thì sau đó họ khó nhớ lại nội dung niềm tin cũ của mình, khiến họ nghĩ rằng từ trước đến nay mình vẫn luôn nghiêng về quan điểm đúng. Khi thiên kiến này hoạt động, ký ức về lịch sử niềm tin của chúng ta bị bóp méo. Thật ra, chẳng phải *thiên kiến nhận thức muộn* chính là

858. Alan Hirsch, On the Verge, chương 2.
859. Alan Hirsch, On the Verge, chương 2.
860. www.bit.ly/3COXZxW

lời giải thích cho thói phán xét quá thường thấy trong nhiều phong trào xã hội suốt nhiều năm qua sao? Chưa đầy một năm trước, một người có thể đã tin một điều khác; giờ đây họ đã thay đổi suy nghĩ, và sẵn sàng kịch liệt lên án những kẻ "cố chấp" vẫn còn tin điều mà chính họ đã tin năm ngoái! Đó là lý do việc giữ lòng khiêm nhường là điều rất quan trọng, ngay cả sau khi chính tinh thần khiêm nhường đã khiến bạn thay đổi suy nghĩ.

Với điều đó, tôi khép lại cuốn sách của mình và tóm tắt một niềm tin mà trong phần lớn cuộc đời chức vụ của mình tôi đã không có, nhưng giờ đây, sau khi đã dò xét Kinh Thánh hết sức mình, tôi đã có – một quan điểm mà tôi xin giới thiệu để bạn cân nhắc:

Thuyết tương hỗ nam–nữ giữ lập trường thần học, được soi sáng bởi Kinh Thánh, rằng nam và nữ khác biệt nhưng bình đẳng, được dựng nên để phục vụ và cộng tác bên nhau trong mọi lĩnh vực của đời sống. Thẩm quyền, ân tứ và chuyên môn mà Đức Chúa Trời ban cho mỗi người đều có thể và cần được công nhận và tôn vinh, bất kể giới tính của người ấy.

LỜI CẢM ƠN CHÂN THÀNH

Lời cảm ơn lớn nhất của tôi dành cho gia đình thân thiết nhất, cũng là đội ngũ của tôi – Julie, Eli, Fynn, Ivy, Charlie và Sam – em và các con đã chịu đựng một người chồng, người cha dành quá nhiều trí óc, tấm lòng và thời gian cho cuốn sách này. Dù cuốn sách đem lại ảnh hưởng tốt đẹp nào, thì đó là điều chúng ta đã cùng nhau làm nên.

Cảm ơn bố mẹ vợ của tôi, Joy và Keith, và gia đình thứ hai của tôi tại Nest Deli. Với ly cà phê ngon nhất trong tay, khung cảnh núi non tuyệt đẹp, và những con người tử tế quanh mình, nơi ấy đã cho tôi không gian an toàn và rộng mở mà tôi cần để viết cuốn sách này.

Gửi những người đã cầu nguyện cho tôi – đặc biệt là Shae Walton và Edwina Hanslo – cảm ơn, cảm ơn các chị. Tôi sẽ không bao giờ quên cái ngày tôi cảm thấy cô đơn tột cùng khi cặm cụi gõ phím, rồi tin nhắn thoại của các chị đến: "Chúa đã đặt anh vào lòng chúng tôi, Terran ạ. Dù anh đang làm việc gì, hãy cứ tiếp tục! Ngài ở cùng anh khi anh làm việc đó, và đang cổ vũ anh."

Gửi vô số học giả Kinh Thánh đã khai mở cho tôi một cách đọc Kinh Thánh tốt hơn – chẳng hạn các tiến sĩ Lucy Peppiatt, Jamin Hübner, William Witt, Alice Mathews, Derek Morphew, Katia Adams – tôi mãi mãi biết ơn. Theo ý kiến khiêm tốn của tôi, đặc biệt có bốn học giả Kinh Thánh xứng đáng nhận giải thưởng thành tựu trọn đời vì đã là những tiếng nói tiên tri đơn độc trong suốt một thời gian dài: các tiến sĩ Cynthia Westfall, Craig Keener, Philip Payne và Kevin Giles. Dù đôi khi bị đối xử như những kẻ dị giáo vì đứng về phía lẽ thật, các anh chị thật sự là những người hùng của Hội Thánh. Một ngày kia, sẽ có nhiều người hơn nữa cảm tạ Đức Chúa Trời vì tình yêu của các anh chị dành cho Hội Thánh, vì ân tứ trí tuệ và sự sáng suốt, vì lòng can đảm sâu xa, và vì mọi giọt nước mắt mà có lẽ các anh chị đã gieo. Công sức của các anh chị không hề uổng phí.

Ryan Botha, cảm ơn anh đã góp tài năng thiết kế đặc biệt mà Đức Chúa Trời ban cho anh để làm bìa và biểu tượng cho cuốn sách này. Gửi vợ tôi, Julie, cùng Christine Van Wyk và Craig McKellar, vì những kỹ năng biên tập và

đọc soát bản thảo của mọi người – tôi vô cùng biết ơn. Và sau cùng, gửi những người bạn đã khích lệ và cầu nguyện cho tôi – Paul Van Coller, Sarah và Steve Binos, David Child, Jen Pedersen, Gareth và Angela Marillier, Julian và Katia Adams, Kelly và Guy Chennells, Sue và Ant Ryan, Mike Day, Tom và Jess Basson, cùng anh chị em ruột của tôi là Mandy và Richard – nếu không có mọi người, tôi đã bỏ cuộc dự án này từ lâu rồi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO CHỌN LỌC

Barr, Beth Allison, 2021, "The Making of Biblical Womanhood: How the Subjugation of Women Became Gospel Truth." Brazos Press

Bartlett, Andrew, 2020: "Men and Women in Christ: Fresh Light from the Biblical Texts." Intervarsity Press.

Beck, James R. (ed), 2005: "Two Views on Women in Ministry (Counterpoints: Bible and Theology)." Zondervan

Bessey, Sarah, 2013: "Jesus Manifesto: An Invitation to Revisit the Bible's View of Women." Howard Books

Davidson, Richard, 2012, "Flame of Yahweh: Sexuality in the Old Testament." Baker Academic

Frymer-Kensky, Tikva, 1992, "In the Wake of the Goddesses: Women, Culture and the Biblical Transformation of Pagan Myth." Ballantine Books

Giles, Kevin, 2019: "What the Bible Actually Teaches on Women." Cascade Books

Gregoire, Sheila; Lindenbach, Rebecca; Sawatsky, Joanna, 2021: "The Great Sex Rescue." Baker Books

Grudem, Wayne, 2012: "Evangelical Feminism and Biblical Truth: An Analysis of More Than 100 Disputed Questions." Crossway

Hübner, Jamin, 2013: "A New Case For Female Elders: An Analytical Reformed-Evangelical Approach." PhD Thesis *www.bit.ly/3BNaSY8*

Hübner, Jamin, 2015: "Translating Authentein in 1 Timothy 2:12a." *www.bit.ly/3EKqWM8*

Keller, Kathy, 2012: "Jesus, Justice and Gender Roles: A Case for Gender Roles in Ministry." Zondervan

Keller, Timothy and Kathy, 2016: "The Meaning of Marriage." Penguin Group

Knight III, George, 1977: "The New Testament Teaching on the Role Relationship of Men and Women." Baker Books

Köstenberger, Andreas: Köstenberger, Margaret, 2014: "God's Design for Man and Woman: A Biblical-Theological Survey." Crossway

Köstenberger, Andreas; Schreiner, Thomas, 2016: "Women in the Church: An Analysis and Application of 1 Timothy 2:9-15." Baker Academic

Mathews, Alice, 2017: "Gender Roles and the People of God." Zondervan

Payne, Philip, 2015: "Man and Woman, One in Christ: An Exegetical and Theological Study of Paul's Letters." Zondervan Academic

Peppiatt, Lucy, 2019: "Rediscovering Scripture's Vision for Women." IVP Academic

Pierce, Ronald; Groothuis, Rebecca; Fee, Gordon (eds), 2005: "Discovering Biblical Equality: Complementarity without Hierarchy." IVP Academic

Piper, John; Grudem, Wayne (eds), 2021: "Recovering Biblical Manhood and Womanhood: A Response to Evangelical Feminism." Crossway

Stackhouse, John, 2005 "Finally Feminist: A Pragmatic Christian Understanding of Gender." Baker Academic

Storkey, Elaine, 2018: "Scars Against Humanity: Understanding and Overcoming Violence against Women." IVP Academic

Westfall, Cynthia, 2016: "Paul and Gender: Reclaiming the Apostle's Vision for Men and Women in Christ." Baker Publishing Group

Westfall, Cynthia, 2014: "The Meaning of Authentein in 1 Timothy 2:12." *www.bit.ly/3EL7OgM*

Witt, William, 2020: "Icons of Christ: A Biblical and Systematic Theology for Women's Ordination." Baylor University Press

Wojtyła, Karol, 2002: "Mulieris Dignitatem: On the Dignity and Vocation of Women." Catholic Truth Society

Những bước tiếp theo cho các Hội Thánh: Tài liệu được giới thiệu

Cole, Kadi, 2019: "Developing Female Leaders: Navigate the Minefields and Release the Potential of Women in Your Church." Thomas Nelson

Dixon, Rob, 2021: "Together in Ministry: Women and Men in Flourishing Partnerships." IVP Academic

Williams, Terran, 2022: "How God Sees Women: End of Patriarchy, 10 Session Group Study Guide." Hãy cùng với những người khác thực hiện một hành trình 10 buổi qua cuốn sách này; hãy tải miễn phí *Study Guide* (tài liệu hướng dẫn học nhóm) này tại *www.bit.ly/37FBBfQ*

Sách khác của Terran Williams

What's So Amazing About Scripture? How To Read It Right And Tap Into Its Power

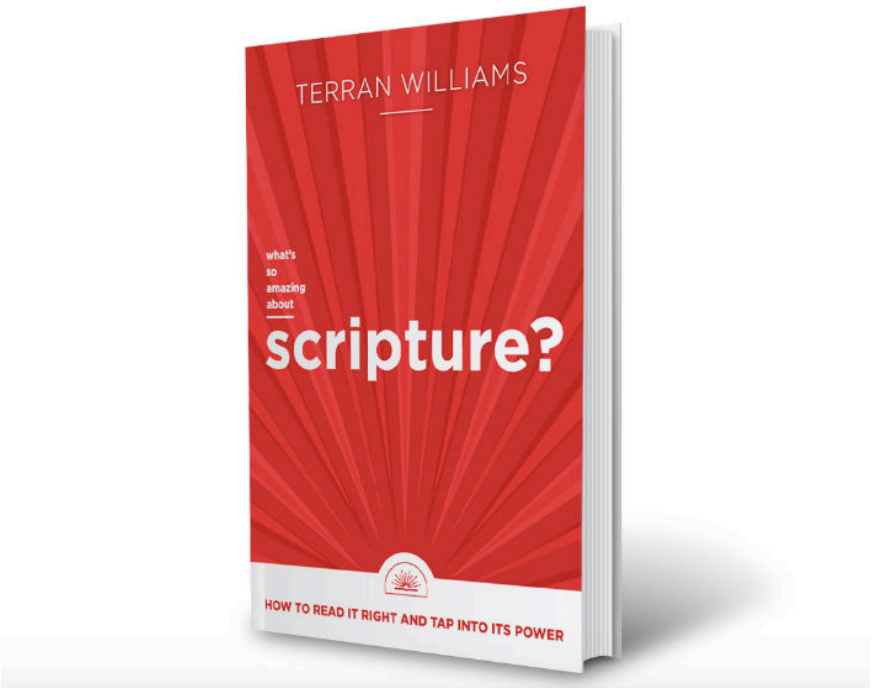

Terran Williams viết với chiều sâu ẩn dưới sự giản dị. Cuốn sách dễ đọc và dễ tiếp cận, nhưng đằng sau nó là sự am hiểu cập nhật về những tác phẩm thần học quan trọng nhất. Anh cũng viết với niềm đam mê. Trong từng chương, người ta có thể cảm nhận rằng anh đơn giản là yêu đề tài của mình. Anh yêu Kinh Thánh, anh yêu câu chuyện vĩ đại và anh yêu nhân vật trung tâm. Tôi cầu nguyện rằng khi đọc, bạn sẽ "bắt lửa" từ niềm đam mê của anh dành cho Kinh Thánh.

—Tiến sĩ Derek Morphew, tác giả của Breakthrough và The Kingdom Reformation, đồng thời là người sáng lập Vineyard Bible Institute quốc tế

Là một mục sư cố gắng giúp người ta gắn bó với Kinh Thánh, tôi đã tìm kiếm một cuốn sách đúc kết rõ ràng Kinh Thánh là gì và nói về điều gì, tại sao và bằng cách nào Kinh Thánh vẫn còn nói với chúng ta, Kinh Thánh đã hình thành ra sao, làm thế nào để đọc và áp dụng Kinh Thánh, và làm thế nào để đến gần Đức Chúa Trời hơn qua Kinh Thánh. Một cuốn sách viết cho những người đọc Kinh Thánh lâu năm và những mục sư như tôi, nhưng cũng cho cả những người mới bắt đầu và những người còn hoài nghi. Một yêu cầu thật khó, nhưng cuối cùng tôi đã tìm thấy!

—Grant Clark, mục sư Hội Thánh One Harbour

Terran Williams đã làm một công việc thiên tài khi tổng hợp một cách sống động và dễ hiểu những công trình phức tạp của các học giả Kinh Thánh. Hãy sẵn sàng cho chuyến đi đáng nhớ nhất đời bạn, khi bạn tìm thấy cảm hứng để đào sâu vào Kinh Thánh và được trang bị để tự mình khám phá Kinh Thánh.

—Minah Koela, mục sư và giám đốc điều hành của Beautiful Gates

Phần lớn sách về Kinh Thánh hoặc đơn giản và cuốn hút nhưng không đề cập được những chiều kích phức tạp hơn của Kinh Thánh, hoặc phức tạp và mang tính học thuật nhưng không giúp được người đọc bình thường. Cuốn sách hiếm có và đáng chú ý này làm được cả hai điều.

—Stephen Pohlman, tác giả của The Reason For Everything.

Tôi tin rằng nơi Terran, chúng ta đang chứng kiến sự xuất hiện của một nhà tư tưởng, diễn giả và tác giả rất đáng chú ý. Anh có một khả năng tuyệt vời trong việc truyền đạt chính xác lẽ thật của Đức Chúa Trời bằng một phong cách rất cuốn hút và mang tính tiên tri, điều rất cần thiết trong nền văn hóa "hậu sự thật" của chúng ta.

—Craig Botha, người đào tạo mục sư

"What's So Amazing About Scripture? How to Read it Right and Tap Into Its Power" hiện có dưới dạng sách bìa mềm trên Amazon và sách điện tử Kindle.

www.terranwilliams.com